

Huỳnh Đế Kỳ Bá Thần Nông

LỜI TỰA

Trong giới y gia thời nay thường bàn luận và cho rằng bộ sách *Hoàng đế Nội kinh* là kinh điển giá trị của nền y học Đông phương. Nhưng sự chứa đựng bên trong lại vô cùng bí hiểm như một kho tàng đã mất chìa khoá,

chưa ai bước được vào trong - chỉ có để chiêm ngắm mà thôi. Có người đã thẳng thắn nói với tôi như thế.

Khi nghe nói thầy trò chúng tôi mở công trình dịch thuật, bình giảng qui mô và làm giáo án cho lớp Văn Hiến Y Đạo khởi từ năm 1971 tại chùa Hội Tông quận 6, cũng có người cười nhạo chúng tôi. Mặc kệ những kẻ nhắm mắt bịt tai, chúng tôi vẫn dần phát triển qua các lớp kế thừa, cho đến ngày nay hãy còn tiếp diễn…

Thể theo nguyện vọng của người chủ trì sáng lập – sư phụ chúng tôi: cố Hoà thượng Thích Minh Thiền, bút danh Siêu Thiền, mong có ngày quyển sách Nội kinh sẽ được lưu hành rộng rãi trên đất nước Việt Nam rồi tung cánh đi khắp muôn phương. Gửi đến tất cả những ai có tâm thao thức về một nền y học trở lại với cội nguồn trật tự thiên nhiên, hầu mong cùng nhau đóng góp cho nhân loại một lối thoát sau này. Vì thế đại diện cho lớp môn sinh kế thừa, tôi mạo muội đứng ra kết tập lại. Sau thời gian dài tìm kiếm phần thất lạc, chỉnh sửa khó khăn, nhờ sự động viên hỗ trợ cả công sức, tài lực, vật lực quí báu từ các môn sinh, bạn bè thân quen, quyển sách mới được hoàn thành đưa ra xuất bản.

Nguyên bản sách *Nội kinh Tố vấn* gồm 81 thiên chia thành 9 quyển, chúng tôi xuất bản quyển 1 lần này. Mặc dù đã hết sức cố gắng, nhưng do kiến thức còn nông cạn, chắc chắn sẽ xảy ra nhiều sơ sót, kính mong các bậc Tri Thức Cao Minh rộng lòng góp ý cho việc chỉnh sửa lần sau, chúng tôi xin vô cùng biết ơn.

Ngoài ra chúng con xin chí thành tưởng niệm công đức sâu dày của Thầy và tất cả những người hằng tâm, hằng sản, các môn sinh trước sau đã tận tụy đóng góp. Xin kính chúc tất cả quý vị dù đang ở nơi đâu đều được bình an, vạn phúc.

TP. HCM, mùa đông năm 2015
Người đại diện kết tập,

CHƠN NGUYÊN
Kính bút

HUỲNH ĐẾ NỘI KINH TỐ VẤN LINH KHU HIỆP SÁNG LỜI MỞ ĐẦU HIỆP CHÚ

của Trương Ẩn Am và Mã Nguyên Đài.

TỐ VẤN nghĩa là một thứ sách do HUỲNH ĐẾ và KỲ BÁ, QUỶ DU KHU, BÁ CAO, THIẾU SƯ, THIẾU DU, LÔI CÔNG, vua tôi bình nhựt cùng nhau hỏi đáp mà lập thành, tức là ở trong sách Bổn Kỷ nói: Do hỏi Kỳ Bá mà làm NỘI KINH vậy. Sách này phần nhiều xuất phát từ ý kiến của Kỳ Bá, cho nên trong bổn kỷ không đề cập đến các vị bề tôi kia, nhưng 81 thiên TỐ VẤN đây lại còn có 81 thiên LINH KHU, đại để tất cả những lời dẫn chứng trong TỐ VẤN đều rút từ trong LINH KHU. Thế thì LINH KHU có trước, còn TỐ VẤN có sau; trong sách chỉ dùng danh từ Thiên Sư, Phu Tử để gọi tôn Kỳ Bá và Quỷ Du Khu, còn các vị khác chưa hề nghe gọi như thế. Đến Lôi Công thì Lôi Công tự xưng mình nào là tiểu tử, tế tử, và Huỳnh Đế cũng có để lời dạy dỗ, ý chừng như sức hiểu biết chưa bằng các vị kia, và tuổi cũng rất nhỏ chăng. Còn về xưng hô thì nào Công nào Bá nào Sư, hình như đều là gọi theo phẩm tước cả. Ngay như thiên Bảo Mạng Toàn Hình Luận có nói: nào là Thiên Tử, nào là Quân Vương; còn trong thiên Di Tinh Biến Khí Luận, Ngũ Thường Chánh Đại Luận, Linh Khu Quan Năng Thiên, đều gọi là Thánh Vương; thiên Trước Chí Giáo Luận, Sơ Ngũ Quá Luận thì lại có phong nào Quân, Hầu, Vương; còn thiên Căn Kết ở LINH KHU thì thỉnh thoảng có gọi Vương Công, Đại Nhân, v.v. Như thế tức là gọi theo phẩm tước không còn gì nghi ngờ nữa. Đến như Quỷ Du Khu, Thiếu Du, Bá Cao đều là những tên của các vị bề tôi cả. Đời sau Trình Tử cho rằng NỘI KINH xuất phát từ các tay công tử nước Hàn, hoặc có kẻ cho rằng là tác phẩm của các nhà Nho đời tiên Tần, như thế đều là sự cố chấp theo tước hiệu văn tự, chớ chưa thấu suốt được toàn thơ, cho nên có nhắm chừng phỏng

đoán như thế. Đến nay khảo rõ những Thiên Lục Tiết Tạng Tượng Luận, Thiên Nguyên Kỷ Đại Luận, Ngũ Vận Hành Đại Luận, Lục Vi Chỉ Đại Luận, Khí Giao Biến Đại Luận, Ngũ Thường Chánh Đại Luận, Lục Nguyên Chánh Kỷ Đại Luận, Chí Chơn Yếu Đại Luận thì thấy luận về đạo vận hành của trời đất, về phép làm lịch, về sum la vạn tượng, về thân người, kinh lạc mạch thể, nhơn sự, phép trị, lời xưa lý nhiệm thì lại không phải là các sách của Bá gia chư tử có thể với tới được. Quả thật chỉ có thiên thần chí thánh mới có thể làm nổi. Theo ý ngu của tôi thì lòng trời nhân ái, lấy quần sanh làm tâm, mà tổn hại sinh mạng chỉ có bệnh tật đau khổ, muốn chữa lại bệnh tật đau khổ chỉ có sách, nhưng bao la vốn im lìm có nói gì đâu, cho nên từ trong đó mà vọt sanh ra thần thánh để thay thế mà dạy bảo, cho nên mới có sách này để cứu sanh linh muôn đời vậy. Huống chi Lạc Thơ chế từ đời Phục Hy, Y Dược khởi từ đời Thần Nông, từ Phục Hy đến Huỳnh Đế có trên một ngàn năm, về văn tự sáng tác đã rõ ràng lắm rồi. Trong sách Ngoại kỷ Bổn kỷ đều chép Huỳnh Đế đắc quan, cử tướng, làm lịch, chế âm nhạc, y phục, áo mão, xe cộ thuyền bè, cắt đất phân châu, đào kinh vét giếng, nghiên cứu trồng các loại ngũ cốc, chế thành quách, tất cả tước hiệu văn tự hồi đó đều đã đủ cả. Rồi trải qua đến các họ Kim Thiên, Cao Dương, Cao Tân lại phải trải qua hơn 340 năm mới đến đời Đường, thì tất cả những chế tác người ta biết đời Đường Ngu là hưng thạnh, mà không biết sự bắt nguồn có tự Phục Hy, có đến ngày nay nguồn gốc vốn sâu xa, đâu riêng gì sự sáng tác NỘI KINH, mà lại cho LINH KHU TỐ VẤN là không có thật được. Đến đời Xuân Thu có Tần Việt Nhơn phát lạm Nạn Kinh, lầm lạc về Tam tiêu dinh vệ quan cách, làm mờ tối NỘI KINH cũng bắt đầu từ đó. Đến đời nhà Tấn có Hoàng Phủ Bật làm ra Giáp Ất Kinh, phần nhiều rút từ trong LINH KHU nhưng nghĩa lý vẫn chưa lột được rõ. Đến đời Đường, năm Bảo Ứng có Khải Huyền Tử, Vương Băng làm chú, cứ theo câu mà giải thích, gặp chỗ nghi lại im lìm, chương tiết không phân, trước sau lộn xộn. Đến đời nhà Nguyên có Hượt Bá Nhơn nhân đọc lời sao TỐ VẤN có chỗ chưa thông đều bởi lời chú của Vương Băng mà ra. Chỉ đến đời Tống năm Gia hậu, nhà vua giao cho nhóm Cao Bảo Hành hiệu chánh, thật là rất có giúp ích cho họ Vương, nhưng vẫn phân làm 24 quyển, thật là làm mất ý nghĩa của thần thánh. Xét ra sách Ban Cố Nghệ Văn Chí có nói: NỘI KINH của Huỳnh Đế 18 quyển, 9 quyển Tố Vấn, 9 quyển Linh Khu, đó mới là đúng số thật. Lại xét trong thiên Ly Hợp Chơn Tà Luận của TỐ VẤN Huỳnh Đế nói: Vả chăng 9 loại kim, 9 thiên Phu Tử bèn nhân lên làm thành 81 thiên để khởi con số luật Huỳnh chung vậy. Đại để kinh điển của thần thánh đã lấy 9 làm số, mà lại nhân chồng lên thành ra mỗi bộ đều có 81 thiên. Ngày nay tách ra làm 9 quyển, thâu vào một bổn

thiệt trái với ý của thần thánh vậy. Tôi trộm nghĩ – phàm thánh khác xa, xưa nay đời khác, nên không dám tự chuyên mà tiếm quyền giải thích, nhưng xót cho đời sau làm khuất lấp sách này; lấy ngao lường biển, nghĩ rằng may ra có lợi ích trong muôn một vậy. Người biết tôi hay kẻ lên án tôi, cả hai may ra tôi đều được tránh khỏi chăng.

Đời nhà Minh, viện Thái y Mã Nguyên Đài chú chứng.

BUỔI NÓI CHUYỆN ĐỂ DỌN ĐƯỜNG CHO CUỘC SAN ĐỊNH NỘI KINH

Thưa tất cả,

Trước khi đi vào chính kinh, tôi xin nói rõ những lý do khiến tôi chủ trương khai thác NỘI KINH.

Trước hết, nhìn thẳng vào cuộc sống ngày nay, dù chỉ đã sống có hơn nửa đời người, mà tôi tưởng chừng mình đã chứng kiến có hơn mấy trăm năm. Đất nước Việt Nam nhỏ bé này đã nhận lãnh ba nền văn minh: văn minh Trung Hoa, văn minh Ấn Độ và văn minh Tây phương, vậy mà ngày nay nó vẫn bị tàn phá các điều kiện môi sinh bởi con người thì thật là một điều hết sức chua xót. Nhưng còn đau lòng hơn khi biết rằng sự tàn hại của nó không chỉ xảy ra ở đất nước này, mà hầu như khắp cả thế giới đều cùng một thảm trạng.

Chứng kiến cái cảnh cực kỳ đau khổ đó của loài người, tôi tự hỏi vì sao mà có, và đó là lý do thứ nhất mà tôi lưu tâm đến NỘI KINH.

Thứ nữa, tôi nhận ra cái tâm lý mong cầu của người đời. Mong cầu là mong cầu cái lợi ích vật chất hiện tại cho mình. Chính vì vậy mà lòng ích kỷ càng ngày càng lan rộng, và không ai thấu triệt nguồn cội đau khổ. Đến khi đau khổ chán chê thì con người lại phủ nhận cái đã qua, hi sinh cái hiện tại, mong mỏi cái vị lai.

Nghĩa là tất cả đều coi hiện tại như một thời kỳ tranh đấu, giành

giựt để tiến tới một giai đoạn đẹp đẽ hơn mai sau; chính vì vậy hiện tại ngày nay bị biến thành một bãi chiến trường vĩ đại như ta đang thấy.

Điều thứ ba, tôi thấy rằng tinh thần thánh hiền để lại đã bị hiểu lầm hoàn toàn. Người ta nghĩ rằng di sản tinh thần của thánh hiền là nhằm đem lại những lợi ích cho cuộc sống. Nhưng đó chỉ là một khía cạnh rất nhỏ. Thật ra cốt ý thánh hiền muốn chỉ rõ cho chúng ta thấy thấu suốt được sự việc hầu lòng chúng ta có thể lắng dịu. Mà khi lòng lắng dịu hết sạo sục thì cuộc sống chung mới có thể yên lành.

Điều thứ tư, tôi biết chắc rằng tất cả những gì thánh hiền để lại – cả Đông lẫn Tây, cả Âu lẫn Á, dù trong Kinh Thánh hay Kinh Phật – đều cùng nhắm một mục đích ấy. Nghĩa là nhắm làm sao cho hậu thế thấy rõ rằng tất cả đều là hiện tượng, và kêu gọi con người đừng tin lầm ở những hiện tượng đó mà ôm cái mâu thuẫn vào lòng khiến cuộc sống phải tàn hại đau thương. Nói một cách khác, thiên nhiên có hiện tượng tương đối – nếu không có hiện tượng tương đối thì không có sinh vật cũng như vũ trụ - mà có hiện tượng tương đối thì loài người lại lầm lấy đó làm sự thực ôm vào để thành một thứ mâu thuẫn. Mọi người mang cái mâu thuẫn riêng mình ấy hợp lại thành xã hội, biến xã hội thành một khối mâu thuẫn khổng lồ khiến phát sinh ra cái thảm trạng ngày nay.

Mà tất cả như vậy cũng chỉ vì di sản tinh thần của thánh hiền đã bị hiểu lầm.

Điều thứ năm, tôi nhận ra cái tình trạng mê tin của nhân loại. Tình trạng mê tin này có thể phân ra làm hai loại:

1- Mê tin tầng thấp: những giống dân bán khai, gặp gì cũng có thể tin là thần quyền được cả. Ví dụ: thờ thần đá, đốt giấy tiền vàng bạc, v.v.

2- Mê tin tầng cao: một loại mê tin thứ hai là mê tin khoa học; mê tin thực nghiệm; cốt ý mô tả sự vật mà không cần biết đến lý do tối hậu của nó; áp dụng mù quáng luật nhân quả mà bảo rằng: nghe tiếng kêu "Chét! Chét!", không biết là con gì kêu nhưng quyết định phải có con kêu. Cũng vậy, thấy trật tự thiên nhiên không biết do ai sáng tạo, nhưng quyết định nếu không ai sáng tạo quyết không sao có trật tự.

Sự mê tin này đưa đến tình trạng trong đó con người tưởng mình là phát ngôn viên của chân lý. Cũng từ hai lối mê tin này nảy sanh một thứ mê tin mới: không tin gì cả.

Điều thứ sáu, từ thuở loài người sinh ra đến giờ, kiến thức càng ngày càng tích tụ, càng ngày càng to lớn. Nhà Phật diễn tả hiện tượng này bằng hòn núi Tu Di: Chân thì nhỏ mà ngọn thì lớn. Chân nhỏ vì cái kiến thức mê lầm buổi đầu của con người thật không có bao nhiêu, rồi từ đó càng ngày càng lên cao càng to rộng, càng ngày càng trở nên khổng lồ. Như thế càng ngày càng khó phá, mà tình trạng xã hội loài người ngày càng kém vững, càng gập ghềnh, càng dễ dàng đổ vỡ.

Nhưng cũng chính vì số lượng kiến thức to lớn đó mà con người ngày nay càng không dám dẹp bỏ nó mà nhìn thẳng vào sự thực. Họ lười biếng và sợ hãi khi nghĩ thâm sâu về chính mình. Họ quay ra mê tin, vì chính sự mê tin này giúp họ dung túng sự lười biếng, giúp họ khỏi phải nhìn thẳng để chạm mặt với sự thực, với chính mình.

Điều thứ bảy, sau hơn nửa đời người sống trong đau khổ, tôi tìm ra được một lối thoát. Lối thoát đó phát sinh từ nhận thức rằng người ta sở dĩ đau khổ là vì nhận lầm cái tương đối làm cái thực, ôm cái hiện tượng tương đối làm cái mâu thuẫn trong lòng. Từ đó kết thành một guồng máy tâm thức mâu thuẫn, tạo nên một xã hội xung chướng. Sự mê lầm đó làm cho cuộc sống trở nên trái chướng với thiên nhiên, với sự vận hành của thiên nhiên và không biết đâu là nguyên động lực của thiên nhiên, mà cũng không biết thiên nhiên có ai là chủ tể hay không. Do đó, xã hội càng ngày càng xung chướng, con người bị sa vào vòng đau khổ tạo nên tôn giáo như một chỗ tựa để mê tin, để cuối cùng đưa đến cuộc chiến giữa các tôn giáo, cũng như nảy sinh ra những căn bệnh quái ác mà y học hiện nay vẫn còn bó tay.

Cho nên nếu ta không biết gì hết về chính con người của mình thì theo bất cứ ai cũng là mê tin, theo bất cứ cái gì cũng là mê tin.

Điều thứ tám, tôi phát giác rằng NỘI KINH không phải là một bộ sách thuần túy y học như mọi người vẫn lầm tưởng (chính nhờ sự hiểu lầm này mà NỘI KINH may mắn còn tồn tại đến ngày nay. Vì ở đời Tần, tất cả sách thánh hiền đều bị thiêu hủy, trừ sách thuốc). Thật sự nó được

soạn theo quan niệm y học của người xưa, mà theo quan niệm này thì chữa bệnh không có nghĩa là sửa chữa những lệch lạc vật chất trong thân thể con người mà thôi, mà còn có nghĩa là phải bài trừ mọi đau khổ bằng cách chỉnh đốn đời sống và cách sinh hoạt của con người sao cho hợp với trật tự toàn thể của thiên nhiên.

Từ những nhận định trình bày trên, tôi nghĩ rằng mình phải phát động một phong trào hướng về với chí thiện. Và điểm bắt đầu của công trình này chính là việc đọc lại NỘI KINH.

Nhìn trong một khuôn khổ không gian và thời gian thì quả công trình này với một số quá ít người quan tâm đến như hiện nay, thật là vô ích. Nhưng nếu ta vượt ra ngoài khuôn khổ không gian, thời gian thì hành động của chúng ta hôm nay nhất định phải đem lại một cái gì, ở một nơi nào đó dù có thể là rất xa, ở một lúc nào đó dù có thể là rất lâu.

Những điều nói trên đây có thể tóm tắt qua nhận định rằng không thể có một lối thoát nào khác hơn cho chúng ta ngoại trừ sự hiểu biết, chạm mặt với chính chúng ta để khám phá ra sự thực. Không một thứ tôn giáo, khoa học nào có thể tạo sẵn cho ta lối thoát đó.

Thứ nữa, cái cực nhỏ luôn luôn là hội tụ của cái cực lớn. Khám phá ra cái cực nhỏ là khám phá ra cái cực lớn. Con người khi so sánh với vũ trụ muôn loài dù rất nhỏ, nhưng chính cái rất nhỏ là con người chứa đựng cái vô cùng lớn là vũ trụ. Do đó, muốn khám phá bất cứ điều chi về vũ trụ chung quanh ta, ta đều bị bắt buộc phải khám phá chính con người của ta trước.

Theo đó tôi chủ trương khám phá NỘI KINH để học về một thứ trật tự thiên nhiên, để chốc nữa quay lại tìm hiểu mình, hoặc là tìm hiểu mình để nương theo đó mà khám phá thiên nhiên. Nếu biết được trật tự thiên nhiên, sống hòa hợp với trật tự đó thì chẳng những cá nhân ta được an vui, mà xã hội cũng liền trở nên thanh bình.

Còn nếu chúng ta không biết gì hết về chính con người chúng ta, thì dù chúng ta có theo ai cũng là mê tin, học có hay đến đâu cũng là giả bộ, biết được tới đâu cũng chỉ là một phần nhỏ. Không thể phân biệt phải trái, giao dịch với kẻ khác thì hoặc là bị mê tin gạt mình, hoặc là mình gạt

mình, hoặc là bị kẻ khác gạt gẫm.

Tại sao tôi lại giảng NỘI KINH kèm với KINH DỊCH?

Trước hết tôi phải xin thưa trước về những điểm mà người ta thường hiểu lầm về KINH DỊCH:

- Thứ nhất, *Kinh Dịch* không phải là một quyển sách dạy bói toán. *Kinh Dịch* thật sự là để giảng dạy về nguyên lý sâu xa nhất của thiên nhiên.

- Thứ hai, chữ "Cách mạng" mà *Kinh Dịch* nói đến không phải là đập phá cái cũ để thay bằng cái mới. Vũ trụ này mới từng giờ, từng phút, từng giây. Vậy mà con người lại ôm cái đóng cứng mà đúc khuôn muôn thuở. Do đó, Dịch đưa ra một cái học về hiện tượng để cho thấy trọn từ cái cực lớn đến cái cực nhỏ, để lòng người đừng vướng víu cái mới mỗi ngày, mỗi giờ ("vô sở trụ" của nhà Phật) để thấy vậy mà có một cuộc sống yên lành, lòng không sạo sục.

- Thứ ba, về "tinh thần khoa học". Đáng lẽ tinh thần đó phải được hiểu là "như như bất động" (*Kinh Kim Cang*) tức là cái chưa biết thì tự mình để đó, cái đã biết thì hãy thận trọng trở lại con người mới thật biết nó.

Có người thắc mắc về xuất xứ của *Kinh Dịch*, tôi tự nghĩ: Cần gì biết xuất xứ? - Mình học là học cái tinh thần Dịch, cái nguyên lý Dịch thì bận tâm chi đến việc ai viết nó, hồi đời nào? Ta chỉ cần biết nguyên lý Dịch được trình bày bằng những dấu hiệu nhằm tránh sự trung gian của ngôn ngữ. Sử dụng ngôn ngữ càng nhiều, nguyên lý Dịch càng bị làm mờ tối.

Chúng ta học *Kinh Dịch* song song với NỘI KINH vì chính NỘI KINH đem cái nguyên lý được trình bày trong *Kinh Dịch* áp dụng vào y đạo, giáo dục, triết học, văn hóa, xã hội, v.v. thế cho nên một khi thấu triệt NỘI KINH là đã nắm trọn *Kinh Dịch*. Nhưng biết *Kinh Dịch* chưa hẳn là nắm được NỘI KINH.

Trong khi học NỘI KINH, chúng ta cần luôn luôn nhớ rằng học để khám phá, không mong cầu. Hơn nữa, chúng ta còn cần phải luôn luôn tự tra vấn.

- Tại sao mình học NỘI KINH?

- Mình đứng đâu, ở vị trí nào để học?

- Mình muốn cái gì đây?

- Mình học bằng cách nào?

Bởi vậy, khi học NỘI KINH chúng ta:

- Đừng quên trở vào mình hằng ngày.

- Không phải để tìm một nghề chuyên môn.

- Không chạy theo văn tự (không dựa sát vào văn tự NỘI KINH).

- Đừng nghĩ nó đem lại lợi ích gì cho mình.

- Khi thấy cái bao la của NỘI KINH, đừng cho là chỉ có thánh hiền mới nghĩ ra được những điều đó.

Để kết thúc buổi nói chuyện hôm nay, tôi xin nhắc thêm ba quan niệm then chốt mà tôi vẫn hằng chủ trương:

▪ DUY NHƯ

▪ DUY SINH và

▪ DUY Y

Duy Như là chỉ có sự thật tuyệt đối bình đẳng.

Duy Sinh là trên nền tảng ấy người và vật không phân biệt (chẳng phải là vật dưỡng nhơn); người và vật tất cả đều bình đẳng.

Duy Y là nếu tất cả mọi vật đều bình đẳng như vậy, thì chỉ có một việc làm duy nhất có ý nghĩa trên đời nầy là chỉnh đốn để cho nguồn tâm linh hiển hiện. Đạo Đại Học gọi đó là "Minh Minh Đức", nghĩa là cốt sao lật đổ những cái cũ muôn thuở để con người luôn luôn mới. Việc làm đó gọi là Y.

Dám mong rằng toàn nhóm tối thiểu của chúng ta hãy nên thâm sâu ý thức.

SIÊU THIỀN

LỜI MỞ ĐẦU

Bất cứ một sự vật gì cũng đều có chỗ tóm của nó. Thí dụ cây phải có cội, nước phải có nguồn, áo phải có bâu, quần phải có lưng, lưới đánh cá phải có giềng, nếu không có như thế thì không sử dụng được. Nếu biết được chỗ tóm thì mới không bị lạc lối. Học thuật cũng vậy, tất cả kinh sách của thánh hiền xưa để lại, cách chọn chữ để đặt tên cũng là một chỗ tóm, y như là một trái cây có cái cuống. Nếu ta được hướng dẫn cho đúng cách, thấu suốt được tên sách thì có thể chúng ta đi sâu vào toàn bộ mà không bị lạc hướng. Do đó mà sự giải thích cho đầu đề tên kinh rất là cần thiết vậy.

Định nghĩa Nội kinh Tố vấn

(Định nghĩa sau đây không theo tự điển, chỉ căn cứ vào sự khảo sát toàn bộ NỘI KINH)

NỘI KINH:

NỘI:

1- Có ý nghĩa về triều đình, thuộc về nhà vua. Thí dụ như đồ sứ của triều đình sản xuất thì gọi là đồ sứ nội phủ.

2- Để ám chỉ cho sự chú trọng vào thân tâm của mỗi con người.

3- Để chỉ cho Đạo. Chữ "Đạo" ở đây là nghĩa sự thật, là nghĩa

thiên nhiên, cũng như nói chân lý, chớ không phải ám chỉ cho tôn giáo tín ngưỡng.

KINH:

1- Là nghĩa lưu thông không ứ trệ.

2- Là nghĩa thấu suốt. Thí dụ đường vận tải lưu thông dưới nước, có những con kinh đào; hoặc như trong kỹ nghệ dệt tơ lụa có hệ thống chỉ xuôi mà người ta gọi trại ra là canh, thí dụ như nói canh tơ chỉ vải chẳng hạn.

NỘI KINH nghĩa là một tài liệu văn học, văn hóa, văn minh, xuất phát từ nhà vua. Trong đó bao gồm luận về thân tâm của con người với lý đạo và trật tự của thiên nhiên, tất cả đều có tương quan trật tự mà con người phải biết để cuộc sống được yên lành. Nó bắt nguồn từ *Kinh Dịch*, nó hùng dũng ở NỘI KINH và lần ra đến Khổng Mạnh, Lão Trang, Bách gia chư tử, địa lý, thiên văn, bói toán, y khoa, chánh trị, binh pháp đều là những sum sê cành lá.

TỐ VẤN:

TỐ:

1- Là nghĩa không có màu sắc, mà không màu sắc nghĩa là màu trắng.

2- Là nghĩa cái vốn có, cái không là gì.

3- Là nghĩa không bị hấp dẫn.

4- Là nghĩa bình thường giản dị.

VẤN: Là hỏi.

TỐ VẤN là một danh từ để chỉ cho một phần trong hai phần của

NỘI KINH, mà trong đó vua tôi trong cuộc sống bình nhựt gạn hỏi lẫn nhau kết lại thành sách, và bên trong hàm chứa ý nghĩa đưa đường cho hậu học có cái nhìn thấu suốt bao la sự vật cũng như thân tâm, để khỏi bị vướng víu vào bệnh tật đau khổ và sự hấp dẫn của ngoại cảnh, hầu cho con người được một cuộc sống yên vui nhịp nhàng cùng thiên nhiên trật tự, cho nên gọi là TỐ VẤN.

Xưa và nay

Ở Âu châu sách vở càng mới càng hay, ngược lại ở Á Đông sách vở càng xưa chừng nào càng quý chừng nấy. Thế mới biết: tiến hóa sử của nhân loại viết theo lối Âu châu vẫn là một thứ đo lường theo trí óc. Nếu tôi không lưu ý điều này, thì làm sao tôi đọc được NỘI KINH.

C.N.

Thiên thứ nhứt

THƯỢNG CỔ THIÊN CHƠN LUẬN

Định nghĩa tên thiên

Căn cứ vào ý nghĩa toàn thiên, ta thấy đây là một thiên mở đầu của NỘI KINH TỐ VẤN, mà trong đó luận giả bắt từ chỗ đứng của thế hệ mình ngược về thế hệ xa xưa, để đàm luận về tinh thần cuộc sống thiên nhiên chơn thật thuần phác của người xưa, hầu mở màn cho một nền tảng siêu văn hóa, siêu giáo dục. Cho nên gọi là "Thượng Cổ Thiên Chơn Luận"

Đoạn 1

PHIÊN ÂM:

Tích tại Huỳnh Đế, sanh nhi thần linh, nhược nhi năng ngôn, ấu nhi tuần tề, trưởng nhi đôn mẩn, thành nhi đăng thiên.

DỊCH:

Truyền rằng Vua Huỳnh Đế[1] xưa, khi mới sanh có nhiều điềm lạ, còn nhỏ sớm biết nói, tuổi còn thơ đã sớm thông minh chững chạc, lớn lên vô cùng sáng suốt, về già thì quy thiên[2].

CHÚ THÍCH:

(1) **Huỳnh Đế**: Nguyên Vua Huỳnh Đế là con nhà họ Cơ, lúc mới sanh bà mẹ sanh ở đồi Hiên Viên; khi sanh ra có những đặc tánh thuộc Thổ, do đó mà đặt tên là Hiên Viên. Bởi vậy lớn lên khi ông làm vua mới nương nơi đó mà lấy hiệu là Huỳnh Đế. Vì chữ Huỳnh là màu vàng, màu vàng theo tinh thần Trung Hoa lại là thuộc Thổ, là điều hòa, là sanh sôi. Vả lại tinh thần của ông lại thích về che chở và giáo dưỡng muôn dân, cũng như quả địa cầu che chở cho vạn vật sanh sôi. Nên lấy hiệu như thế.

(2) **Quy thiên**: Hai chữ quy thiên ở đây nghĩa là trở về với thiên nhiên.

BÌNH:

Không cần nương theo chú thích của người Trung Hoa sau, ta chỉ cần buông tâm hồn nhập vào với cổ nhơn mà đọc lên câu thứ nhất giới thiệu đại lược về cuộc sống của Huỳnh Đế, mang máng ta thấy trước mắt ta một khí tượng tinh thần của cổ Trung Hoa về thánh hiền như sau: Con người từ trật tự thiên nhiên mà xuất hiện, rồi tham gia vào cuộc vận hành của trật tự thiên nhiên, để vừa giúp cho trật tự thiên nhiên được sáng tỏ, rồi cuối cùng trở về gia nhập vào với trật tự thiên nhiên đồng nhất không chướng ngại; tựa hồ như một cái nhân gắm xuống đất nứt lên thành cây, rồi cây phát triển sum sê, rồi đơm hoa kết quả, trái chín mùi đúng theo trật tự thiên nhiên mà rơi trở về với lòng đất.

Một cuộc sống mà chính mình là trật tự thiên nhiên để hiển dương nguyên lý trật tự thiên nhiên, như thế không phải là Đạo chứ gì. Chỗ đó có gọi là quy thiên, hay thăng thiên, hay đồng nhất với thiên nhiên, hay chính người đó là thiên nhiên cũng chả sao.

Nội tinh thần của câu thứ nhất trên đây cũng đủ cho chúng ta suy

tư phản tỉnh…

Đoạn 2

PHIÊN ÂM:

Nải vấn vu thiên sư viết: dư văn thượng cổ chi nhơn, xuân thu giai độ bá tuế, nhi động tác bất suy; Kim thời chi nhơn, niên bán bá nhi động tác giai suy giả, thời thế dị da, nhơn tương thất chi da?

DỊCH:

Một hôm vua nhân hỏi Thiên Sư(1) rằng: Trẫm nghe người thời thượng cổ(2) đều sống quá trăm tuổi mà sinh hoạt vẫn còn mạnh mẽ như thường. Người nay tuổi mới 50 mà sức khỏe đều đã suy giảm; đó là lỗi ở thời thế hay ở người?

CHÚ THÍCH:

(1) **Thiên Sư**: Là danh từ tước hiệu của Huỳnh Đế gọi tôn Kỳ Bá cũng như danh Quốc sư sau nầy chẳng hạn. Trong đó có hàm chứa để ám chỉ cho một tinh thần sáng suốt có thể giúp cho việc tế thế an bang.

(2) **Thượng cổ**: Hai chữ thượng cổ ở đây là đứng ngay ở thế hệ của Huỳnh Đế mà ngược dòng trông về thời đại xa xưa.

BÌNH:

Ta cứ đứng ngay ở thế hệ của ta bây giờ, mà nhìn ngược dòng thời gian chỉ độ trong một thế kỷ thôi cũng đủ thấy rõ con người càng qua một giai đoạn lịch sử tuổi thọ càng giảm đi, điều nầy hiển nhiên ai cũng thấy. Vậy nên nhà vua đưa ra ý thắc mắc để hỏi Kỳ Bá là phải. Nhưng có một điều ta nên lưu ý, vậy nhà vua hỏi cho nhà vua, hay ông thay thế cho

chúng ta bây giờ mà hỏi. Điều này phải theo dõi đến sau cùng không nên sơ hở.

Thêm nữa hiện tượng lịch sử con người càng lâu, tuổi thọ càng mất. Như vậy là lỗi ở thiên nhiên hay ở chính con người? Điểm này cũng không kém quan trọng. Nếu có xê dịch được thì không thể đổ cho ai, hoặc một đấng chủ tể nào. Nếu có đấng chủ tể, có nơi để ta đổ thì không thể xê dịch. Vậy lí do từ đâu, ta hãy theo dõi.

Đoạn 3

PHIÊN ÂM:

Kỳ Bá đối viết: Thượng cổ chi nhơn, kỳ tri đạo giả, pháp vu âm dương, hòa vu thuật số, thực ẩm hữu tiết, khởi cư hữu thường, bất vọng tác lao, cố năng hình dữ thần câu nhi tận chung kỳ thiên niên, độ bá tuế nãi khứ.

DỊCH:

Kỳ Bá thưa: Ở thời thượng cổ, những người có biết đạo(1) đều căn cứ vào âm dương(2), hòa với thuật số(3), ăn uống điều độ, sinh hoạt có chừng mực, không phí sức vô cớ. Nên thân tâm đều đồng nhất điều hòa, do đó mà hưởng được hết tuổi trời, cho nên quá trăm tuổi mới già.

CHÚ THÍCH:

(1) **Đạo:** Với danh từ Đạo thật rất khó nói, vì sao thế? Vì không nói thì không ai biết, nhưng nói ra thì có thể người ta càng hiểu lầm ra một cái gì khác. Cho nên xưa nay danh từ này vẫn bị nằm tròn trong tình thế ậm ự. Có người cắt nghĩa: Đạo là cái mà ở đâu cũng có mặt nó hết, nó lớn không có cái gì lớn hơn, vật cực nhỏ cũng không có vật gì mà không phải nó. Thì rốt cuộc cũng chẳng qua là một thứ ra dấu. Vậy nên ta hãy

tạm cắt nghĩa như sau đây:

a. Đạo là thiên nhiên và trật tự thiên nhiên. Điều này ta cứ tuần tự mà đi tới, rồi ta sẽ rõ, và trên kia cũng có nói qua đại lược.

b. Là nghệ thuật để thực hiện một cuộc sống ứng hợp với trật tự thiên nhiên. Nhưng thiên nhiên là gì, nguyên động lực của thiên nhiên ở đâu, điều nầy sẽ có dịp nói rõ.

(2) **Âm dương:** Là một danh từ để chỉ cho hai hiện tượng hình như là trái ngược lẫn nhau trong trật tự thiên nhiên do cảm quan của con người thấy được mà đặt ra. Thí dụ như: sáng tối, động tĩnh, nóng lạnh, nam nữ, sống chết, v.v. Nhưng cái nào thuộc âm, cái nào thuộc dương ta đừng nên vội nóng mà muốn biết trước, cứ để tuần tự, rồi sau nầy sẽ thấy có cắt nghĩa rõ ràng. Chỗ nầy có người dùng danh từ hiện tượng tương đối mà nói.

(3) **Thuật số**: Là một danh từ để ám chỉ một môn học điều chỉnh cuộc sống cho được ứng hợp nhịp nhàng cùng trật tự thiên nhiên.

BÌNH:

Khi chưa có cái ta của mỗi người thì thiên nhiên hay trật tự thiên nhiên có hay không không thành vấn đề, đến khi cái ta của mỗi chúng ta có mặt thì tất cả vấn đề nó đều ùn ùn lũ lượt kéo đến, bởi vậy có người nói: "Ta sở dĩ có lo lớn là tại ta có thân ta. Nếu ta không có thân thì ta có lo gì". Nhưng cái thân ta chưa đến nỗi nguy hại bằng ta đã tự biết ta có thân ta thì lại càng nguy hại hơn.

Nói rằng những người biết đạo họ đều căn cứ vào âm dương, họ có cách sống để cùng với trật tự thiên nhiên đồng nhất, vậy tại sao người biết đạo lại phải làm như thế?

Trong trật tự thiên nhiên mà linh hoạt nhất là bò, bay, máy, cựa; trong bò bay máy cựa linh hoạt nhất là con người. Nhưng hết thảy khi vừa nứt con mắt ra, vừa có cảm quan đều cũng vừa nhận thấy có hai

hiện tượng hình như trái ngược lẫn nhau, ở đây gọi là hiện tượng âm dương hay gọi một cách khác là hiện tượng tương đối. Trong bất thần sảng sốt mê ly chỉ trong một cái thoáng tất cả đều lầm là hai tướng trái ngược lẫn nhau, thế rồi gom nhóm hai tướng ấy kết cùng với tâm lý lầm lạc để cấu tạo thành một guồng máy tâm thức mâu thuẫn. Cho nên trong hiện tượng thiên nhiên tuy có cái tướng tương đối, nhưng đã qua thì trôi qua, hiện tại vẫn không dừng, vị lai vẫn chưa đến, dù một cái thoáng cũng thế, cho nên thiên nhiên vẫn lưu thông, còn trong loài người cũng như tất cả bò bay máy cựa thì lại ngược lại để tạo thành một cái thế nhóm chứa. Cho đến lạ lùng nhất là có người vẫn biết rằng: tất cả đều nằm trong cái thế quá trình biến hóa lưu động, mà họ vẫn lũ lượt lôi ra từng đoàn để xung động cho đánh giết lẫn nhau để mà chiếm đoạt.

Nói riêng về con người, mỗi một con người đã là một cái thùng nhóm chứa mâu thuẫn, tất nhiên nó phản ánh ra cuộc sống mâu thuẫn. Nhiều cái mâu thuẫn va chạm lẫn nhau, thế là trần gian này biến thành địa phủ. Vậy mà vẫn có kẻ mệnh danh là khoa học, đứng trong cái thế mâu thuẫn ấy mà nghĩ để phát triển phương tiện vật chất, hầu mong chế tạo một thứ thiên đàng, thì thật là một kẻ muốn hết khát nước mà đi tìm rượu để uống vậy, hay là kẻ trộm lục lạc mà nhét lỗ bít tai mình cũng nên. Đó là lý do làm cho người biết đạo phải nghĩ đến cách điều hòa âm dương, và họ phải có một cuộc sống đúng với sự thật của cái nghĩa trật tự thiên nhiên là phải. Thế là họ đã sớm biết để tìm lấy lại một cuộc sống bình thường; còn ai không phải thế đều là những kẻ sống bằng cách què quặt, bò lết, méo mó, xung chướng, tàn hại, đổ vỡ, ứ trệ mà thôi. Quả thật chỉ là cái thoáng mê lầm mà muôn thu hệ lụy. Mãi đến chúng ta ngày nay, chúng ta có một sự nghiệp kiến thức khổng lồ, nào kiếng hiển vi, nào cơ cấu khám phá nguyên tử, nào đài quan sát thiên nhiên, nào phi thuyền thám hiểm không gian, nào bộ óc điện tử, v.v. đến nỗi chúng ta có thể dùng con mắt thịt, dụng cụ vật chất thôi, chúng ta cũng có thể thấy được tất cả đều không có cái thế tách rời, và tất cả đều nằm trong thế tổ hợp. Còn thấy xa hơn nữa là thấy được trong cái cực nhỏ vẫn bao la y như cái cực lớn. Vậy mà hằng ngày chúng ta vẫn lăn lộn trong một cuộc sống vật chất điên cuồng tàn hại giết chóc. Như thế là tại sao…? Quả thật chúng ta đã tự biến mình trở thành một thứ khỉ thông thái có nhiều khả năng lạ lùng, chớ không còn là con người đích thực nữa.

Nhà Phật nói: "Hòn núi Tu Di đột nhiên từ giữa biển nổi lên, rồi càng ngày càng cao và càng ngày càng trên lớn dưới nhỏ". Lại nói: "Có

hòn núi Lăng Già bỗng dưng từ dưới biển nổi lên, càng lâu càng cao ngất. Nếu không gặp lúc bão tố thì không sao thấy được đỉnh. Vả lại đá trên núi ấy đều bén ngót như hình gươm dao, trên đó toàn ma quỷ ở v.v.". Huệ Năng nói: "Mâu thuẫn là núi Tu Di, luống dối là quỷ thần", v.v.

Kitô giáo nói: "Bởi tổ tông loài người ăn vụng trái hiểu biết (trái cấm), cho nên bị Chúa đày xuống trần gian, để mãi đến chúng ta bây giờ càng ngày càng chịu thêm lao khổ, chỉ còn có cách đón chờ giờ phút ăn năn".

Nếu chúng ta là những người biết nghe, được ý quên lời, trầm ngâm ngẫm nghĩ sâu xa về sự thể của cái thoáng mê lầm nguồn cội, mãi đến sự nghiệp kiến thức khổng lồ như ngày nay, và chịu khó lưu tâm đến cuộc sống địa phủ hiện tiền của thế giới hiện tại, thì chúng ta sẽ thấy mỗi chúng ta là những hòn núi Tu Di, Lăng Già và trong đó chấp chứa không biết bao nhiêu là ma quỷ. Ôi! Một cuộc sống đau khổ như thế chưa đủ thấm thía sao hỡi người! Vậy mà chúng ta hễ mở miệng ra là cứ thấy mình đầy đủ văn minh, còn cổ nhơn đều là hàng cổ lỗ ngu muội. Tôi trộm nghĩ rằng: biết đâu chúng ta ngày nay dẫm chưa hết dấu chân bước đi của người quá cố?! Một bằng chứng cụ thể đáng phì cười nhất là có kẻ bảo: lịch sử loài người mới chỉ độ mấy ngàn năm. Còn có kẻ quan sát không gian, thăm dò vũ trụ thì lại nói rằng: quả địa cầu chúng ta ở đây có lẽ đã trên 5 triệu tuổi, một quá trình 5 triệu năm như vậy mà bảo rằng loài người chỉ mới có mặt độ mấy ngàn năm thì thật là mâu thuẫn. Trời ơi! Chúng ta nên đề phòng kẻo lâm vào tình trạng kẻ mù lớn dẫn kẻ mù bé cùng nhau đưa đường xuống vực thẳm vậy.

***

Phiền não đau khổ sanh bệnh tật, bệnh tật đau khổ sanh phiền não. Như vậy thân với tâm là hai hay một? Nếu thân với tâm tuy hai mà một, tuy một mà hai thì việc chỉ vì thức ăn uống mà hóa ra hung hãn, hoặc vì thức ăn thức uống mà hóa ra đần độn u mê, hoặc vì thức ăn uống mà hóa ra muôn vàn bệnh tật là chuyện có thể xảy ra hằng ngày như cơm bữa.

Ai có ngờ đâu chỉ vì ăn uống mà phải hóa ra ăn trộm, chỉ vì ăn uống mà hóa ra đẻ con câm?!

Ai có ngờ đâu chỉ vì ăn uống mà ông cha hiếp dâm một đứa con ruột của mình mới 14 tuổi đầu để rồi phải bị tù tội?!

Ai có ngờ đâu chỉ vì ăn uống mà một bà lão quá 60 lại thèm khát dục tình với đứa con rể đôi mươi mười tám?! Như thế việc ăn uống có thể bỏ qua không cần biết đến được sao?

Cuộc sống của con người tuy rất bộn bề, nhưng thu lại chỉ có thân và tâm, và từ thân tâm ánh ra không ngoài ăn uống, sinh hoạt và tâm tư. Ai có khả năng điều hành cho sự ăn uống, sinh hoạt và tâm tư được quân bình là người đó được hưởng hết tuổi trời là lẽ dĩ nhiên, chớ phải đâu là chuyện cố tình tham sống sợ chết cũng như những kẻ tham chết sợ sống. Bởi vậy đoạn này luận giả đưa ra người biết đạo ngoài vấn đề tinh thần ra, họ không bao giờ vô ý thức với ngoại cảnh trật tự thiên nhiên, cũng như đối với điều hành ăn uống sinh hoạt là việc phải có vậy.

Thâm sâu vào tinh thần đoạn trên đây, nỡ nào chúng ta lại không đấm ngực bưng tai mà khóc ngất cho được! Ôi! Tất cả chúng ta đều đã bằng lòng làm một thứ khỉ thông thái mất cả rồi. Cuộc sống hằng ngày của chúng ta đã để cho sợi dây chuyền kinh tế và chính trị nó mắc vào sinh hoạt của chúng ta. Thế rồi nó xoay đến đâu chúng ta cũng phải quay mòng mòng theo đến đó. Dẫu ai có lưu tâm muốn giúp đỡ, chúng ta cũng vẫn tiếc rẻ cái không khí ngu dân mà sợ hãi không dám nhìn, gần nhất là ăn uống sinh hoạt cá nhân hằng ngày còn chẳng có giờ phút lưu tâm thay, có đâu chú ý đến trật tự thiên nhiên, hay trong con người của mình còn bao cái gì gì nữa, mà chỉ còn là hiện hữu của dục vọng, tham lam, bỉ ổi, tàn hại, mê tin, v.v. mà thôi. Có biết bao kẻ áp dụng vô số phương tiện tân kỳ, mân mê mò mẫm trong cõi thiên nhiên để rồi càng lâm vào tình trạng bơ ngơ báo ngáo, và khi trở về với cuộc sống bình thường lại vẫn y như què quặt, sứt mẻ, tạp loạn, tàn hại, mê tin, đổ vỡ mà thôi. Trong tình trạng không còn một ai dám nhìn thẳng vào mặt thật của cuộc sống chính mình hằng ngày, thì dẫu cho có một người rất có thiện chí muốn tìm kiếm lại một cuộc sống thật sự bình thường cũng không phải dễ. Đó là chuyện quan trọng nhất của thế hệ chúng ta bây giờ. Chuyện chung của tất cả, chớ không còn là chuyện của riêng ai. Thế là có dịp để cho chúng ta khẩn cầu cổ nhơn sống lại.

Giá chi tự hồi nào đám con cháu của Huỳnh Đế không bị lầm lạc

mà đẩy NỘI KINH vào trong cái xó y khoa. Cũng như tín đồ Phật giáo đừng vội thấy chỉ có kinh Phật mới là điều đáng biết, thì ngày nay đâu ra nông nỗi! Quả thật là hột xoàn nằm sẵn trong túi mà lại mang vứt đi, để rồi gom nhóm cát sỏi ôm vào, thì thật là đáng tiếc.

Đoạn 4

PHIÊN ÂM:

Kim thời chi nhơn bất nhiên dã, dĩ tửu vi tương, dĩ vọng vi thường, túy dĩ nhập phòng, dĩ dục kiệt kỳ tinh, dĩ hao tán kỳ chơn, bất tri trì mãn, bất thời ngự thần, vụ khoái kỳ tâm, nghịch vu sanh lạc, khởi cư vô tiết, cố bán bá nhi suy dã.

DỊCH:

Người đời nay thì không phải thế, họ lấy rượu làm nước, lấy cuồng loạn làm thường, no say rồi dâm dục, vì dâm dục làm kiệt tinh, vì hao tổn mà làm mất chơn nguyên(1), chẳng biết gìn giữ khi sức khỏe đầy đủ, chẳng biết tùy thời tiết mà chế ngự tinh thần, họ cốt sao cho được cảm giác sướng khoái, trái với lẽ yên vui, ăn ở vô độ. Cho nên mới độ 50 tuổi mà đã suy rồi.

CHÚ THÍCH:

(1) **Chơn nguyên:**

"Chơn" nghĩa là thật, không thay đổi, vốn như vậy.

"Nguyên" là đầu mối, là bắt đầu.

"Chơn nguyên" tức là cái vốn có trong mỗi con người.

Nói về phần vật chất thì con người khi mới sanh ra, ai ai cũng đều thọ bẩm tinh khí của cha mẹ, mà tinh khí này thuộc về hệ tuần hoàn máu trắng do Thận điều động, mà thận thuộc về tạng Thủy.

Trong cõi thiên nhiên trên thượng tầng không khí, ra ngoài vòng khí quyện, nơi đó toàn là khí lạnh. Khi có mặt địa cầu, khí lạnh đó biến hóa ngưng đọng làm thành ra nước cho nên gọi là thiên nhất sanh Thủy. Tất cả chất nước do người ăn uống vào cộng vào hơi thở, khi vào cơ thể đều theo sự vận chuyển của Thận và tuần hoàn máu trắng mà biến hoá ra tinh khí. Do đó nên gọi là "Chơn nguyên".

Nói về phần tinh thần thì tất cả vũ trụ muôn loài đều nằm tròn trong bầu linh không vô cực. Thế là linh không vô cực là nguồn sinh lực cho tất cả muôn loài. Nhưng nguồn sinh lực ấy ra sao làm sao biết chắc có, nếu không phải một phen khám phá cho tận cùng nguồn cội tâm hồn, thì nhất định không làm sao mà biết được. Phương chi đã lấy cảm giác sướng khoái làm sở thích, lấy dâm dục làm vui thì lại càng đui mù thêm, chớ làm sao mà biết được. Cho nên gọi là "hao tổn mà tan mất chơn nguyên" là vậy.

BÌNH:

Đứng ở thời Huỳnh Đế mà bảo là: người đời nay thì không phải thế, v.v. Trời ơi! Thế rồi chúng ta bây giờ mới là thế nào? Ta thử nghĩ hồi đó mà còn lấy rượu làm nước, lấy cuồng loạn làm thường. Thế thì chúng ta bây giờ lấy đến cái gì nữa? Hèn gì bây giờ người ta đặt rượu mà cho thêm khí đá, thêm thuốc xịt sâu, hoặc thêm vôi Càn Long, hoặc có khi thêm dầu lửa nữa là phải. Cho đến con trai lại mặc đồ con gái, để tóc; còn con gái lại mặc đồ con trai và hớt tóc. Hoặc thầu thêm bao nhiêu thứ ma túy dị thường nữa cũng chẳng là phải lắm sao! Bởi vì đã trải qua 6-7 ngàn năm cơ mà!

Nói rằng: Người thời hồi đó no say rồi dâm dục. Vậy chẳng hay đến chúng ta bây giờ no say rồi họ sẽ làm gì?! Đến đây dẫu ta có đem hết sức tưởng tượng cũng không tưởng tượng hết được. Nhưng tại sao lại nêu lên vấn đề no say rồi dâm dục?

Tất cả cơ cấu trong con người nó đều có tác dụng riêng biệt. Trong

khi ta ăn uống no say là lúc mà khí huyết phải tụ về để tận lực làm việc cho bộ tiêu hóa. Trong lúc chúng ta dâm dục thì toàn cả khí huyết cũng đều phải vận chuyển về bộ phận sanh dục để mà ứng hợp với tác dụng của nó. Vậy mà có thể vừa no say rồi lại vừa dâm dục, mà không bị bệnh chết mất là chuyện không có bao giờ. Đây là động cơ để tạo nên một thứ bệnh ôm lấy suốt đời, mà người đời gọi là bệnh phòng tích.

Bảo rằng vì dâm dục (quá độ) làm cạn kiệt hết tinh khí, tức là để bảo cho cái nguyên nhân tự hủy hoại. Vậy mà chúng ta ngày nay còn có những bậc bác học đại phát minh rằng thủ dâm không những không có hại, mà còn giúp ích thăng bằng cho những người sống độc thân nữa là khác. Thậm chí người ta còn chế ra đàn bà giả, đàn ông giả để tiện việc cần dùng thì thật là hết bực nghĩ bàn rồi vậy.

Lời tục nói "đói cơm khát nước tèm hem, no cơm ấm áo lại thèm nọ kia" quả thật là một thứ sản xuất thặng dư giá trị rồi phải chở hàng hóa đi đổ sông đổ biển, hoặc mang súng ống chen lấn đi tìm thị trường chẳng có khác chút nào. Như thế làm sao biết được cái đạo lý "như cầm ngọc, như bưng đầy" cho được! Đã không biết như cầm ngọc như bưng đầy, thì làm gì biết được chuyện tùy thời tiết mà chế ngự tinh thần!! Thế thì ngoài việc xung động là làm bừa ra, còn ngồi lại mà nghiên cứu muôn vàn cách thức nữa là khác. Thế là bên ngoài chúng ta càng rất người bao nhiêu là trong lòng chúng ta càng rất thú bấy nhiêu. Bởi vậy cả bộ *Kinh Kim Cang* của nhà Phật, khởi đầu chỉ là việc làm sao để mà chế ngự tinh thần thì thật là chí lý.

Đừng nói dân hồi thời Huỳnh Đế họ sống bằng cảm giác điên cuồng, mà chính cả cái thế giới chúng ta ngày nay cũng đều chỉ là một cuộc săn đuổi theo cảm giác điên cuồng của một đám lao nhao mà thôi. Thậm chí đánh giết khổ đau cũng là một thứ sướng khoái, như thế bảo sao không sớm già suy cho được. Chính những kẻ viết những dòng này nghĩ đến cái tuổi trẻ đã qua mà cũng đến không xiết xấu hổ. Thật là "gót danh lợi bùn pha sắc xám, mặt phong trần nắng nám màu dâu"…!

Đoạn 5

PHIÊN ÂM:

Phù thượng cổ thánh nhơn chi giáo hạ giả, giai vị chi hư tà tặc phong, tỵ chi hữu thời, điềm đạm hư vô, chơn khí tùng chi, tinh thần nội thủ, bệnh an tùng lai. Thị dĩ chí nhàn nhi thiểu dục, tâm an nhi bất cụ, hình lao nhi bất quyện, khí tùng dĩ thuận, các tùng kỳ dục giai đắc sở nguyện. Cố mỹ kỳ thực, nhậm kỳ phục, lạc kỳ tục, cao hạ bất tương mộ, kỳ dân cố viết phác. Thị dĩ thị dục bất năng lao kỳ mục, dâm tà bất năng hoặc kỳ tâm. Ngu trí hiền bất tiếu, bất cụ ư vật, cố hợp ư Đạo. Sở dĩ năng niên giai độ bá tuế, nhi động tác bất suy giả, dĩ kỳ đức toàn bất nguy dã.

DỊCH:

Vả chăng, thánh xưa dạy dân đều phải biết tránh những nơi gió cuồng khí độc, trong lòng phải rỗng rang điềm đạm thì chơn khí(1) mới thuận, và tinh thần giữ vững ở trong thì bệnh làm sao mà sanh. Cho nên tinh thần nhàn nhã ít ham muốn, lòng yên không sợ hãi, thân tuy có cực nhọc nhưng tâm không bị mệt mỏi, chơn khí nhờ đó mà được thuận, nên ai nấy đều được sở thích. Nhờ thế mà thỏa mãn với ăn mặc, yên vui với phong tục, trên dưới thuận hòa, nên dân hồi đó gọi là thuần phác(2). Bởi vậy sắc không làm loạn được mắt, dâm tà không làm loạn được tâm. Toàn dân đều không bị lo sợ, cho nên cuộc sống hoàn toàn hợp với Đạo. Nhờ thế mà sức sống đều vượt trăm tuổi, sinh hoạt vẫn khỏe mạnh như thường, có như thế là nhờ giữ trọn được đức.

CHÚ THÍCH:

(1) **Chơn khí**: tức là khí chơn nguyên, mà hai chữ chơn nguyên trên kia đã có nói qua.

(2) **Thuần phác**: "thuần" là thuần hậu, "phác" nghĩa là chất phác. Nhưng thuần phác thì lại không phải chỉ là nghĩa chất phác, vì chất phác được cái mộc mạc mà thiếu sự hiểu biết. Nhưng hiểu biết không đến nơi đến chốn thì lại sinh ra thiếu thuần hậu, tức là dểu giả. Cho nên phải có sự hiểu biết đến nơi đến chốn, để rồi tinh thần không xa lìa với chơn

chất, thì mới được gọi là thuần phác.

BÌNH:

Bắt đầu đoạn này có hai chữ "Vả chăng" là ta biết ngay cả đoạn này đều để nối tiếp và chú thích cho đoạn 3 trên, và nối tiếp bằng: "thánh xưa dạy dân..."

Nhờ nhập tâm hồn vào trọn cả toàn bộ NỘI KINH, ta thấy được chữ "thánh" có những ý nghĩa như sau đây:

1- Là nhờ khám phá thấu suốt được chính con người của mình trước, để rồi cuộc sống hằng ngày không bị ứ trệ và cùng cái trật tự thiên nhiên đồng nhất.

2- Là nhờ ở khám phá thấu suốt chính con người của mình trước, nên sức minh mẫn đạt đến tuyệt đỉnh mức bình thường, để rồi đi đến thấu suốt trật tự thiên nhiên, và đem đạo lý ấy mà giúp đỡ giáo hóa muôn loài.

Gồm cả hai nghĩa nói trên, một người đạt được như thế tức gọi là thánh nhơn. Chỗ này Khổng Tử gọi là: "Học không nhàm, dạy người không mỏi" là vậy. Bởi tinh thần thánh nhơn lưu thông như thế, nên Lão Tử có nêu ra câu "Người học đạo tinh thần phải lỏng như nước. Nếu ngăn lại thì có thể ở trên núi, tung tóe thì có thể vọt qua đầu, cho vào thùng lập tức vuông, cho vào bầu lập tức tròn, v.v. cho nên thật mềm mà không phải yếu, thật mạnh mà không phải cứng; tương tự như tánh nước vậy". Sau đây cũng một câu chuyện tương tự, nói: "Ông Thuấn mới ngày hôm qua hãy còn cầm chuôi cày và nạt trâu thá, dí ngoài ruộng, đúng hệt như một người nông dân thuần túy. Thế mà hôm nay dân chúng tôn ông lên làm vua, khi lên ngai vàng, người ta nhìn thần khí của ông y hệt như một ông vua đã làm vua mấy đời. Rồi một hôm nào ông không muốn làm vua nữa, trở về với nghề nông, thì người ta lại thấy ông vẫn y hệt là một người nông dân không khác". Đây là để ám chỉ cho tinh thần lưu thông của thánh nhơn vậy. Nhưng thánh nhơn có bao giờ tự gọi mình là thánh đâu. Nếu tự cho mình là thánh, thì thiệt không có thánh chút nào. Vậy thì danh từ thánh nhơn đích thị là do người ngoài nhìn vào mà đặt

vậy thôi. Thế mà còn có bực thánh nhơn giả bộ, bởi thế nên đến Lão Tử mới đưa ra vấn đề dứt thánh bỏ trí, kẻo dân chúng chen nhau làm thánh rồi đến đánh giết lẫn nhau.

Luận nói dạy dân tránh nơi gió cuồng khí độc. Vậy thế nào là gió cuồng, thế nào là khí độc? Điều này rồi sau sẽ rõ.

Bảo rằng: Trong lòng phải rỗng rang điềm đạm thì chơn khí thuận. Vậy rỗng rang điềm đạm có phải là một thứ ráng bậm môi để chế tạo ra không? Chắc chắn là không. Vì sao thế? Vì đã ráng bậm môi chế tạo ra tức là một thứ khổ chớ đâu được gọi là rỗng rang điềm đạm. Nếu thế muốn được rỗng rang điềm đạm ít ra phải có một hiểu biết như thế nào, một cách thức như thế nào. Vậy thực tế của nghĩa rỗng rang điềm đạm là sao? Nếu rỗng rang điềm đạm là nghĩa trong lòng thảnh thơi, không chứa dựa việc đã qua, lại cũng không phải là một kiểu mê muội ngủ gà; như thế tức là người đó đã được rơi vào trung tâm của cuộc sống, họ là hiện thân của thiên nhiên, của linh không vô cực rồi vậy. Trong lãnh vực thiền học ngày nay có câu rằng: "Rỗng rang rời rảnh, động dụng đừng mê" cũng chính là nghĩa này. Nhưng làm sao để mà được rơi vào trong trung tâm của cuộc sống như thế. Việc này không phải là việc ta có thể tập lần lần.

Một mảy bụi trần rơi vào con mắt cũng đủ để che khuất cả một bầu trời. Một mảy sự nghiệp lòng trần cũng đủ để che khuất tánh linh muôn thuở. Dẫu cho chỉ mang một mảy bụi trần này với bao nhiêu là phương tiện tân kỳ đi thám hiểm bao la để tìm thấy sự thật đi nữa, rốt rồi cũng chỉ lạng quạng nhá nhem. Thế thì cái mảy bụi trần này là việc quan hệ nhất, không bao giờ có chuyện dồn ép hoặc gạt để qua một bên. Nếu mảy bụi trần này còn vướng víu, thì không những ta không biết gì hết về cái bụi trần ấy, mà cũng không biết gì hết về cái bao la vốn có nơi ta. Và nếu ta không biết gì hết về cái bao la vốn có nơi ta trước đã, thì tất cả những cuộc khám phá không những vứt đi, mà chúng ta cũng không làm sao mà biết được cái thực tánh của linh không vô cực là gì nữa. Như thế rồi làm sao mà có được khả năng để mở toang cái guồng máy của thằng mình, hầu cho cuộc sống hằng ngày khỏi bị rơi vào u mê xuẩn động cho được.

Thế là cổ nhơn quả có một phương pháp minh tâm kiến tánh, quyết

định không còn gì nghi ngờ nữa. Phải chăng đây cũng là một thứ mà nhà Phật gọi là giải thoát kiên cố?! Hèn nào từ tinh thần ấy xuôi dòng đến Lão Trang thì lại là một nhịp cầu vĩ đại để cho văn minh Ấn Độ cùng với văn minh Trung Hoa đồng nhất, để biến thành một cao trào thiền học hùng dũng ba đào mà Lục Tổ Huệ Năng là tinh hoa kết đúc, rồi từ đó tẻ ra bao nhiêu là chi phái cho đến ngày nay. Thế mà cả nhân loại ngày nay kể cả cái gọi là Phật giáo cũng vẫn lơ là như không hay biết.

Nay ta hãy thử băng mình sâu vào tinh thần siêu tuyệt của pháp môn đốn giáo kiến tánh của Lục Tổ Huệ Năng, để một phen cùng cổ nhơn tri âm thử.

Có người đến cầu mong Lục Tổ khai thị cho cái thấy cội nguồn. - Lục Tổ bảo: Nếu người muốn cầu pháp thì hãy nên dứt hết các duyên đừng sanh một móng niệm, rồi giây lát tôi sẽ nói cho nghe. Giây lâu Tổ bảo: Ngay khi chẳng nghĩ thiện, chẳng nghĩ ác, chính trong hồi ấy cái gì là tánh linh của người? Thế rồi người nghe chợt bừng tỉnh. Lại hỏi: Còn có chi bí mật nữa không? - Tổ đáp: Tôi đã chỉ cho ông thì không còn gì là bí mật; nếu ông tự quan sát soi trở vào bên trong con người của ông, thì bí mật nằm tròn bên phía của ông vậy. Điều này chúng ta cũng phải càng ngẫm nghĩ, ngẫm nghĩ! Đến đây tôi sực nhớ trong tài liệu của Tổ Đạt Mạ có chép: Có người đến mong cầu chỉ cho thấy được cội nguồn. Đạt Mạ bèn bảo: Ngồi quay mặt vào vách, ngừng dứt hết các duyên đừng khởi sanh một niệm để nghiệm thử. Giây lâu Đạt Mạ hỏi: Vậy trong khi không mảy may móng niệm, hồi đó trong con người của ông có dứt mất không? - Người ấy đáp: Không. Hỏi: Lấy gì làm bằng chứng? - Đáp: Điều này khó nói quá! Ai làm nấy biết, cũng như ai uống nước nấy hay. Đạt Mạ bảo: Đúng rồi, đúng rồi! Hãy căn cứ vào đấy mà khám phá tất cả, đừng để dứt mất.

Cũng trong hệ thống Lục Tổ, một thiền sư hiện ở Trung Hoa là Huệ Quang. Một hôm có người đến hỏi: Làm sao tôi thấy được tận cội nguồn tâm linh của tôi? - Thiền sư đáp: Xin mời người đừng nghĩ thiện cũng đừng nghĩ ác, và cũng đừng cố tình làm ra cái không nghĩ, rồi quan sát thử xem cái đó là cái gì. Người ấy im lìm giây lâu. Thiền sư lại bảo: Cái đó cái gì! Người đó vẫn trong im lìm. Thiền sư lại đôn thêm một câu nữa: Trong đó ra sao? Người ấy vẫn còn đang trong thế ngồi thừ im lặng, thiền sư bỗng hét một tiếng. Người ấy liền nhận ra được cội nguồn, y hệt như quả bong bóng bơm thẳng rồi đập một gậy vỡ toang. Quả thật là

đẩy một cái mạnh liền bị rơi vào trung tâm của cuộc sống. Hèn gì *Kinh Dịch* có nói: "Cơ mầu dấy động, họa phúc liền sanh. Chẳng động là to nhất" là phải lắm vậy.

Đến đây ta có thể ngược dòng thế hệ với tinh thần siêu tuyệt này mà nhìn về cổ nhơn, ta mang máng nhận ra được tinh thần thoát tục của hồi ấy ra sao rồi. Thế là nguồn thiền vốn có tự xa xưa. Thế mà không phải ai cũng có thể theo cách này để tiếp nhận. Cho nên lại có những vị đưa ra cho người học một nghi vấn nào đó, thí dụ: "Trước khi cha mẹ chưa sanh, mầy là cái gì?", để gây thành một cơn khủng hoảng trường lưu đi đến một biến cố vĩ đại trong con người ấy, rồi trở về với trời quang mây tạnh mà tất cả muôn triệu vấn đề đều được giải quyết ngay. Thế thì then máy của "rỗng rang điềm đạm" không phải là một cái huyệt tối yếu của NỘI KINH sao?! Hèn gì vừa mở quyển thiên thứ nhứt liền đề cập đến, là phải vậy.

Nếu không thấy được cái gì, thì Khổng Tử đứng bên bờ sông nhìn dòng nước chảy không buột miệng mà than rằng: "Cứ luân lưu và luân lưu mãi". Cũng vậy, nếu ta không thấy được cái gì thì Trang Tử không thốt ra câu: "Làm chim ta bay chơi, làm cá ta lội chơi", v.v.

Trong thiên nhiên có Thái dương hệ vận hành, có Xuân Hạ Thu Đông, có năm tháng ngày giờ, có sáng trưa chiều tối mà con người là cả một bầu bao la thu nhỏ lại. Và bộ máy ấy lại là trực thuộc với Thái dương hệ này, lẽ tất nhiên nó phải có cái cách thiên nhiên trật tự vận hành của nó.

Có con người tất có hiểu biết, có hiểu biết tất có cơ cấu trí não thần kinh. Cơ cấu trí não thần kinh là sản phẩm của tâm thức, mà tâm thức lại bắt nguồn tận cùng ở linh không vô cực, thể tánh bổn tâm. Thế thì thân tâm này phải có cách cùng với trật tự thiên nhiên đồng nhất. Chữ "chơn khí" ở đây là vậy. Nó vốn có nhịp điệu hòa thích thuận chiều, thế tất nó cũng có cách thế trái chướng đổ vỡ, chẳng khác nào một guồng máy có thế lưu thông và thế kẹt. Nay ta hãy nghiệm thử: trong lòng không rỗng rang điềm đạm, tức là chơn khí không thuận, tức là điện chạy nghịch chiều, mà không rỗng rang điềm đạm nghĩa là có. Tất cả những cái có không ngoài mừng, giận, thương, vui, yêu, ghét, muốn, lo, sợ, v.v. Khi ta giận quá làm cho ta có thể ói máu; khi ta lo quá lồng ngực ta như

dúm lại; khi ta buồn quá toàn thân ta như bị một sức lạnh đè nén bơ vơ, đó là những bằng cớ to nhất để cho ta thấy lòng không rỗng rang điềm đạm thì chơn khí vận chuyển trái chướng nghịch chiều, và cũng đồng thời để cho ta nhận ra cái giá trị của rỗng rang điềm đạm.

Một con người bên ngoài nhận ra được trật tự thiên nhiên, bên trong điềm đạm rỗng rang thảnh thơi sáng suốt thì việc tinh thần không bị rong ruổi, năng lực không bị hao tán là việc dĩ nhiên. Như thế khỏi cần nói cũng biết con người ấy bệnh tật khó xảy ra. Cho nên mới nói: Tâm yên nhà tranh cũng ổn, tánh định rau cỏ cũng ngon. Và lời tục thường nói: Lòng buồn ăn vàng cũng không thấy mập. Lại cũng có nói: "Giết nhau bằng cái u sầu độc chưa" là nghĩa như thế.

Quả thật! Quả thật! Nếu một con người không biết gì hết về chính mình, về tận cội nguồn của chính thân tâm mình, thì làm sao mà lòng thảnh thơi nhàn nhã ít ham muốn cho được?! Dẫu cho có làm ra nhàn nhã ít ham muốn chăng nữa, cũng chẳng qua là một thứ giả bộ mà thôi, thì làm sao mà lòng được yên không sợ hãi?! Nào sợ sanh, sợ già, sợ bệnh, sợ chết, sợ thương không được gần, sợ ghét không được xa, sợ muốn không được, sợ được rồi mất, sợ nghèo, sợ đói, sợ thiếu thốn, sợ đủ thứ, nhưng vẫn chưa biết sợ cái sợ là gì. Dẫu cho có làm vua hay làm tổng thống chăng nữa cũng chẳng qua là một thứ biến tướng của sợ hãi mà thôi. Hèn nào một tổng thống bước chân ra đường là phải bao nhiêu khí giới tối tân đi theo ủng hộ, cũng như muốn nói chuyện với muôn dân mà phải ở trong cái chuồng thủy tinh dầy cả tấc thì thiệt là mỉa mai hết chỗ nói. Như vậy dù cho bên ngoài hình hài có thấy sung sướng cao sang chăng nữa, thì bên trong chơn khí nó cũng đã chạy nghịch chiều, để chuẩn bị cho một cuộc chết yểu bằng những bệnh ghê gớm như bệnh ung thư nội tạng chẳng hạn, như thế cũng là việc dĩ nhiên. Quả thật là trời đất rất công bình, nếu không thế thì nhàn nhã ít ham muốn, lòng yên không sợ hãi, thân tuy có cực nhọc mà tinh thần không bị mệt mỏi đều trở nên vô lý cả sao? Và cuộc sống của chúng ta quyết định không đến nỗi trở nên địa phủ như ngày nay nữa.

Một xã hội mà những bậc lãnh đạo đều là hàng tiền giác, để rồi nghĩ ra cách thức giáo hóa cho muôn dân; trong thấu suốt được chính con người mình trước, ngoài rõ được trật tự thiên nhiên, tâm hồn được thênh thang điềm đạm, trên dưới đều thuận hòa, cùng nhau kiến thiết thuần phong mỹ tục để cùng yên vui. Trời ơi! Văn hóa như thế, giáo dục như

thế, triết học như thế, đạo học như thế chúng ta ngày nay có thể nào cắm đầu nhắm mắt mà chê bừa được sao! Như thế không dùng hai chữ thuần phác chớ gọi chi bây giờ!

Một xã hội mà sắc không làm loạn được mắt, dâm tà không loạn được tâm, lòng thảnh thơi không khiếp sợ mà không hợp với Đạo là vô lý. Và cuộc sống như thế mà có yểu ương cũng là vô lý.

Cuối cùng đoạn này bằng một câu: trọn được đức. Chúng ta phải nên thâm trầm suy tư ngẫm nghĩ.

Nhà Phật nói: Cuối cùng kiếp giảm của con người, chừng đó kiếp người chỉ còn 10 tuổi, v.v. Chuyện đó có hay không ta cứ ngẫm nghĩ về núi Tu Di, và nhìn vào thực tế hiện nay cũng đủ rõ.

Ai có ngờ đâu một cô gái 16 tuổi mà tuyên bố quyết định đi làm đĩ!?

Ai có ngờ đâu hai cậu trai 13 tuổi và 11 tuổi dắt nhau đi hiếp dâm một em bé 6 tuổi!?

Ai có ngờ đâu thí dụ một quả bom hạch tâm hay khinh khí chi đó rơi xuống vùng Bắc cực, thì có thể trong một thời gian rất ngắn tất cả mặt địa cầu đều biến thành bão, lửa và nước lụt!?

Ai có ngờ đâu một em bé 13 tuổi rưỡi mà phải mở miệng than rằng: cuộc đời này không chen lấn rồi làm sao mà sống!?

Những chuyện như thế có thể xảy ra hằng ngày như ăn cơm bữa. Thế thì chuyện kiếp người còn 10 tuổi lại là chuyện xa vời được sao?

Đọc sách thánh hiền lời ít ý nhiều vốn tự ngàn xưa, vậy mà hôm nay chúng ta phải bàn tràng giang đại hải thì thật cũng là vạn bất đắc dĩ thế thôi. Ôi! Cũng là việc tổn thọ đến thánh hiền vậy.

Đoạn 6

PHIÊN ÂM:

Đế viết: Nhơn niên lão nhi vô tử giả, tài lực tận da, tương thiên số nhiên dã?

DỊCH:

Huỳnh Đế hỏi: Con người khi tuổi già không có con nữa là tại sức mình hết hay là tại số trời?

Đoạn 7

PHIÊN ÂM:

Kỳ Bá viết: Nữ tử thất tuế thận khí thạnh, xỉ cánh phát trường. Nhị thất nhi Thiên quý chí, Nhiệm mạch thông, Thái xung mạch thạnh, nguyệt sự dĩ thời hạ, cố hữu tử. Tam thất Thận khí bình quân, cố chơn nha sanh nhi trưởng cực. Tứ thất cân cốt kiên, phát trường cực, thân thể thạnh tráng. Ngũ thất Dương minh mạch suy, diện thỉ tiêu, phát thỉ đọa. Lục thất tam dương mạch suy vu thượng, diện giai tiêu, phát thỉ bạch. Thất thất Nhiệm mạch hư, Thái xung mạch suy thiểu, Thiên quý kiệt, địa đạo bất thông, cố hình hoại nhi vô tử dã.

DỊCH:

Kỳ Bá thưa: Con gái khi đến 7 tuổi là khí(1) ở Thận(2) thạnh, lúc đó răng thay tóc dài. Đến 14 tuổi thì tuần hoàn máu trắng(3) sung túc, mạch Nhiệm(4) thông, mạch Thái xung(5) thạnh, kinh kỳ mỗi

tháng nhân nơi đó mà có cho nên có thể có con. Đến 21 tuổi khí của Thận quân bình, nên răng cấm mọc và sức lớn căng thẳng. Đến 28 tuổi gân xương cứng cáp, tóc dài hết mức, thân thể mập mạnh. Đến 35 tuổi mạch Dương minh(6) suy, da mặt bắt đầu khô, tóc bắt đầu rụng. Đến 42 tuổi ba mạch dương(7) ở trên đều suy, nên sắc mặt đều già, tóc bắt đầu bạc. Đến 49 tuổi mạch Nhiệm suy, mạch Thái xung kém ít, phần tuần hoàn máu trắng cạn kiệt, vùng hạ bộ không thông, cho nên cơ thể già mà không có con vậy.

CHÚ THÍCH:

(1) **Khí**: Chữ khí ở đây có nghĩa là tác dụng thần kinh hệ.

(2) **Thận**: Chữ Thận phần đông đều hiểu theo kiểu trái cật heo bán ngoài chợ, điều nầy hết sức sai lầm. Chữ Thận ở đây lại không phải thế, đây là để chỉ chung cho cả Thận dương và Thận âm. Chữ Thận dương tôi nói ở đây tức là ngày nay gọi là mũ Thận (sẽ có hình vẽ và chỉ dẫn riêng).

(3) **Tuần hoàn máu trắng**: tức là ngày nay theo tiếng Pháp gọi là Système Lymphatique mà người Tàu dịch là Lâm ba tuyến. Tuần hoàn này Hoa Nhật y khoa gọi là tuần hoàn Thận. Nó bắt đầu từ chỗ giao với nhau giữa hai đầu mối thần kinh âm và thần kinh dương, chỗ giao nhau ấy nó hiện lên chạy ngược chiều trở về trong thân, bắt đầu từ nhỏ rồi lần lớn, bên trong nối nhau bằng cái hom (Valvule) và thỉnh thoảng mỗi chặng có một cái hạch tùy theo mạch nhỏ lớn, cho nên gọi là Kết tiết. Nó có mặt ở khắp mặt da bất cứ là da bên trong tạng phủ hay da ngoài. Tác dụng của nó rất là bao la rộng lớn. Nơi mặt da nó nương nơi sự hút vào của mặt da để tạo thành một cơ cấu thâu hút sự dinh dưỡng, cùng là bảo vệ cho tất cả mọi cuộc xâm lăng của các chất độc bên ngoài. Bên trong nó chạy ngược chiều trở về đến vùng Ruột non, nó tiếp giáp nối liền với cái Xây, bộ phận này có người gọi là họng xôi, mà tiếng Pháp gọi là bể Pecquet, đến đây thuộc về lãnh vực của mạch Thái xung. Trong tuần hoàn máu trắng hàm chứa chất máu trắng (hột máu trắng) và chất nhờn pha loãng với chất nước. Mạch của nó vận hành theo thể tĩnh, nó không tuyệt đối đi theo ống mạch, trong khi biến cố nó có thể có mặt ở bất cứ chỗ nào. Chính nó là mầm non nhựa sống trong sinh lực của con người. Về mặt tánh tình, nó đi theo sự rung cảm của tâm hồn (sẽ có hình vẽ cắt

nghĩa rõ sau). Trong chánh văn sở dĩ gọi là "Thiên quý" là vì khi tuổi sinh lực còn thì các chất trong tuần hoàn này lên xuống theo chất nước của ngoại cảnh thiên nhiên. Chữ "quý" là nước, cho nên người xưa gọi là Thiên quý. Sở dĩ gọi là tuần hoàn Thận và người xưa đều quan niệm rằng: tuần hoàn này là thuộc về Thận, là vì nó có liên quan mật thiết với tác dụng của Thận, mà nhất là mũ Thận. Và người xưa quy tất cả chất nước đều về với Thận, cho nên gọi là Thận thuộc Thủy.

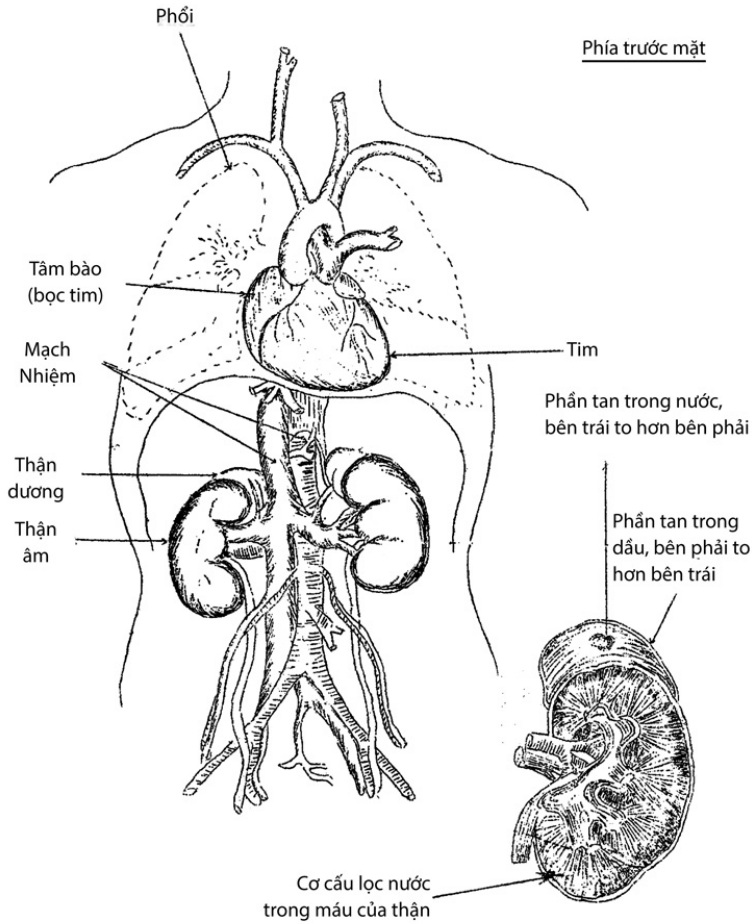
(4) **Mạch Nhiệm**: là một danh từ để chỉ cho đại động mạch và đại tĩnh mạch ngay chính giữa thân, phía trước xương sống, trực thuộc với Tim, thuộc về cốt cán của tuần hoàn máu đỏ.

(5) **Mạch Thái xung**: Chữ "thái" nghĩa là quá lớn, chữ "xung" nghĩa là ngược chiều đi lên mà trong đó có hàm ý nghĩa là khí. Mạch này bắt nguồn từ cái Xây nối tiếp với tuần hoàn máu trắng, để gom nhóm phần khí của khắp mặt da về đến cái Xây đặng làm động cơ thâu hút chất bổ, đem lên để vào tĩnh mạch máu đen của xương gánh đặng bồi bổ cho sự tiêu hao trong lượng huyết, và đào thải cho máu trở nên tươi nhuận để rồi lại đi nuôi khắp châu thân. Nó có chia ra hai mạch nổi để đi ngang qua nền vú, hầu giúp ích cho việc cho con bú trong lúc mới sanh. Vì nó quan hệ đến tất cả phần khí, cho nên tiên gia gọi là "khí mạch".

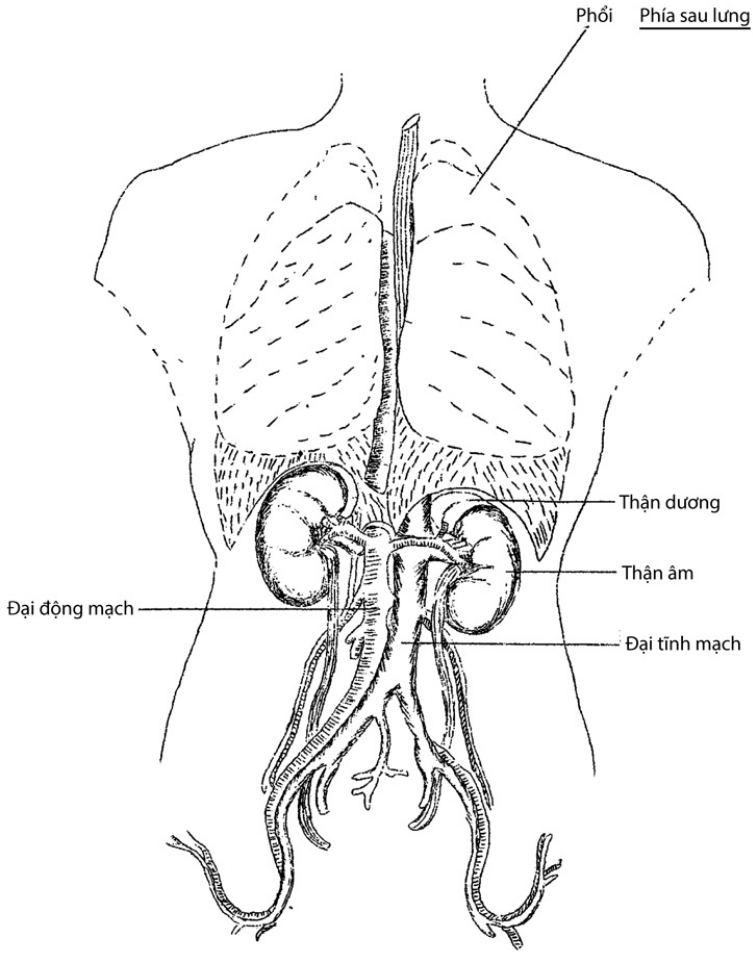
(6) **Mạch Dương minh**: Theo sự hiểu biết của NỘI KINH thì mạch Dương minh là một trong ba kinh dương, điều này rồi sau chánh văn sẽ có dịp nói thật rõ. Đây ta chỉ cần biết đại khái: mạch này thuộc về tác dụng của Bao tử và Ruột già tức là Vị với Đại trường, khi đi lên đến đầu nó chiếm ở phần trước mặt.

(7) **Ba mạch dương**: tức là Thái dương, Thiếu dương và Dương minh. Ba mạch này đi lên đầu chiếm phần ngoài của cái đầu, phía trước là Dương minh, hai bên là Thiếu dương, phía sau và trên đỉnh đầu là Thái dương. Sau này sẽ biết thật rõ.

HÌNH 1.1: PHỔI TIM, TẠNG THẬN VÀ MẠCH NHIỆM



HÌNH 1.2 : PHỔI, TẠNG THẬN VÀ MẠCH NHIỆM



BÌNH:

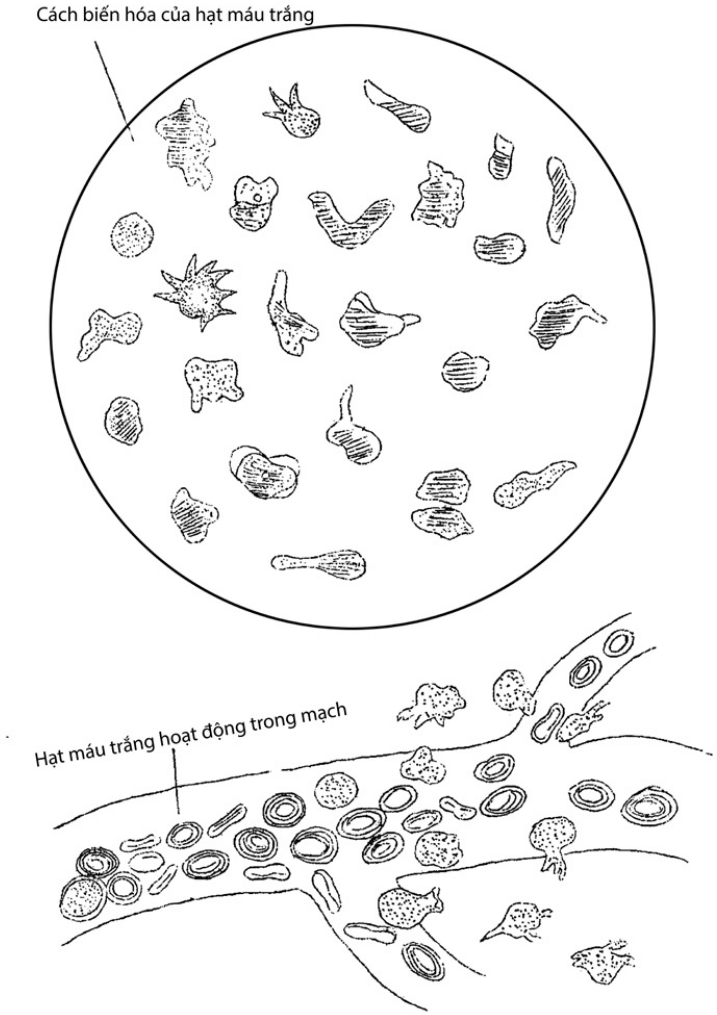
Bắt đầu đoạn này ta thấy tinh thần nhà vua lần đi vào sâu tận nguồn sinh lý của con người. Ta nhìn chung ý của Kỳ Bá đáp ta thấy khởi đầu bằng trình bày một sự kiện vốn hiển nhiên như thế, để rồi sẽ đi đến cái tại làm sao có ra như thế. Muốn giải thích điều này ta hãy chờ đến đoạn nói hết về người con trai, chừng đó ta sẽ có dịp mà nhận thấy toàn bộ NỘI KINH đều bắt nguồn từ Dịch lý. Như ta đã biết tuần hoàn máu trắng mà gọi là Thiên quý, là vì nó thuộc về chất nước và bắt nguồn hẳn vào mạng mạch thiên nhiên bên ngoài nó ra tận đến mặt da ngoài để cùng với chót vót hai thứ thần kinh và chót vót của động mạch và tĩnh mạch để

mà gặp nhau, bên trong nó vào tận đến mặt da trong của tạng phủ và cùng với động mạch tĩnh mạch và hai thứ thần kinh hệ gặp nhau cũng y hệt như bên ngoài. Nhưng tại sao lại phải đợi đến 14 tuổi, điều nầy ta hãy đợi Dịch lý giải thích luôn. Có điều hiển nhiên là đến tuổi này sự rung cảm trên tâm lý bắt đầu biến thái, nhựa sống bắt đầu căng đầy, lồng ngực bắt đầu căng thẳng, tim thỉnh thoảng có hồi đập nhanh, có hồi đập chậm, có hồi ăn uống liền miệng, có hồi đi đứng nhảy nhót, có hồi cau có bực dọc, có lúc ngủ nghỉ bất thường, bắp thịt mông đít bắt đầu đầy đặn, lông nơi âm hộ bắt đầu khởi mọc. Như vậy ta thấy được động cơ triển nở nó đòi hỏi sự tiếp tế tăng cường để trưởng thành cơ năng sanh dục. Động cơ ấy bắt nguồn từ đâu ta cứ để Dịch lý lát nữa trả lời luôn. Có điều này ta cần nên biết sự thật trên cơ thể học, tất cả những nguồn cội cơ cấu xuất phát từ trên như tim óc đều xuống đến bộ phận sanh dục, phần tủa ra tận cùng vi ti quản đều chầu về gặp nhau tại đó. Bởi vậy da trong của tử cung nó cũng phải có đủ năm điều kiện như da ngoài (điều nầy sẽ có hình chỉ dẫn). Và trên tim óc có gì về mặt tâm lý tinh thần, thì ở dưới tử cung cũng có đủ hết, y hệt như cơ cấu thu vào của vô tuyến truyền hình mà lại là thu tất cả. Nơi đây là một môi trường kì diệu cho cả cơ cấu thần kinh âm, thần kinh dương, tuần hoàn máu đỏ, tuần hoàn máu trắng, tuần hoàn máu đen đều chầu về tại đây nhiều nhất, mà nhiều nhất là cơ cấu của máu trắng. Cho nên chất độc bên ngoài muốn xâm chiếm vào quyết định cũng không phải dễ.

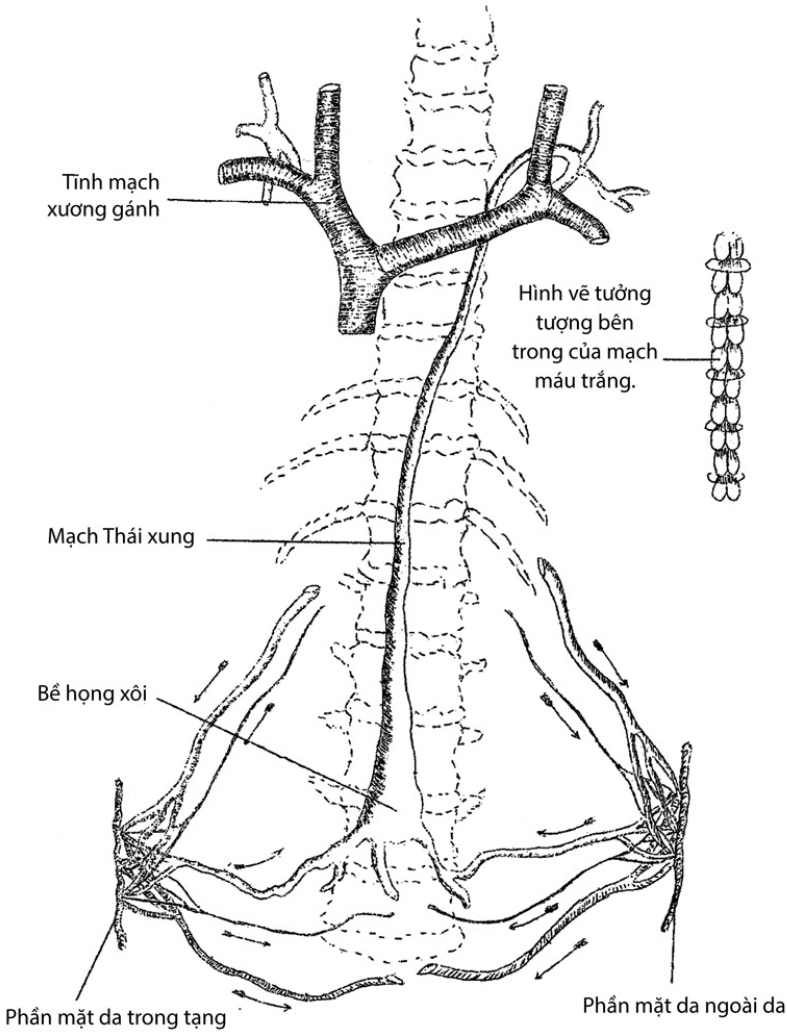
Giờ đây ta hãy tiến sâu vào câu "Kinh kỳ nhơn nơi đó mà có, cho nên có thể có con" (bộ phận tử cung của người đàn bà ra sao, sau này sẽ có hình chỉ dẫn). Chỉ có một điều là tại sao người đàn bà mỗi tháng lại phải có một kỳ kinh và chính văn lại gọi là "nguyệt sự" và bắt đầu mỗi kỳ chẳng có ai giống ai.

Trong Thái dương hệ ta thấy được trăng với nước có trực tiếp tương quan. Dòng tuần hoàn của mặt trăng mỗi tháng một chu kì, cho nên mỗi tháng có một đợt nước to mà người quê gọi là con nước ròng.

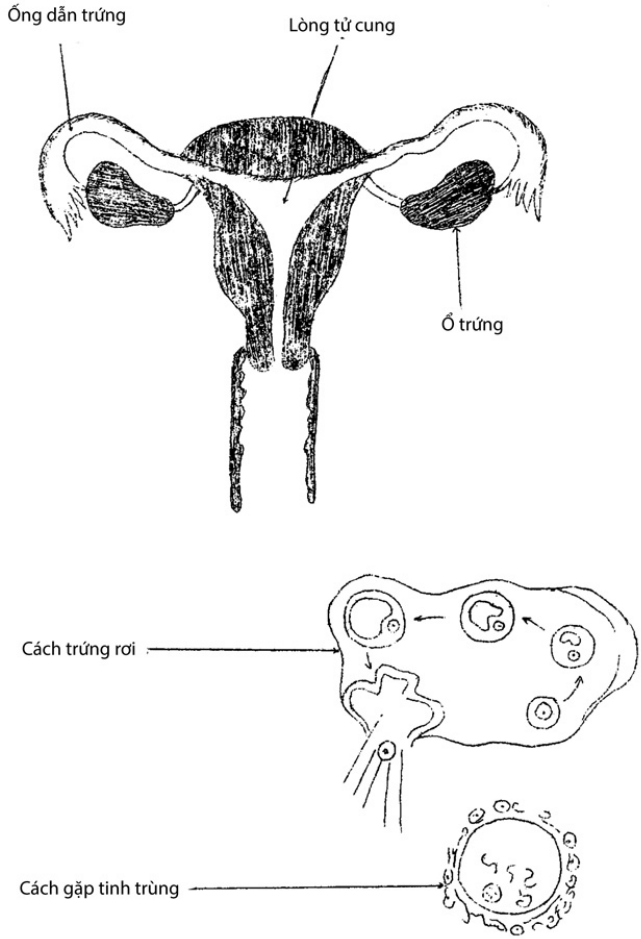
HÌNH 1.3: CÁCH HOẠT ĐỘNG CÁC HẠT MÁU TRẮNG



HÌNH 1.4: MẠCH THÁI XUNG VÀ MẠCH MÁU TRẮNG Ở MẶT DA NGOÀI VÀ MẶT DA TRONG NỘI TẠNG (vẽ theo lối tưởng tượng)



HÌNH 1.5: TỬ CUNG VÀ BUỒNG TRỨNG



Người đàn bà thọ bẩm lệch về thể tĩnh, về quả đất, về Thái âm, về hướng tâm của quả đất, về tình cảm. Cho nên máu đỏ theo chiều máu trắng biến hóa theo thể hướng tâm mà chuyển nặng về bên dưới, vì thế mà tác dụng của kinh kỳ theo chu kỳ của mặt trăng và theo ảnh hưởng của nước bên ngoài, cho nên trong vô tình khi nước lên xuống mà tình cảm của người đàn bà có những đợt biến thay.

Trong *Kinh Lăng Nghiêm*, Phật có nói: Mỗi một chúng sinh bên trong có một thứ nước gọi là nước ái, hễ khóc thì ứa ra mắt gọi là nước mắt; khi tủi thì ứa ra mũi gọi là nước mũi; khi thèm ứa ra miệng gọi là nước miếng; khi dục ứa ra bộ sinh dục gọi là nước dâm. Lại nói: trong

lòng nhiều tình cảm thì nước hướng về bên dưới nhiều, nhiều suy tư lại hướng về bên trên nhiều. Bởi vậy đồng là chịu chung ảnh hưởng của chu kỳ mặt trăng thế mà không một ai giống ai cả. Quả thật tâm thức là một nguồn quan trọng. Ôi! Then máy như thế trước đây 6-7 ngàn năm người xưa đã thấu rõ rồi, tôi không biết các bậc bác học bây giờ lại nghĩ sao.

Tiến tới một bước nữa mà bàn, nghệ thuật ghép cây, người ta phải chọn cây còn đầy đủ nhựa sống và phải trích lấy chồi non với một nghệ thuật đúng kì ăn khớp thì mới thành tựu. Cách thọ thai của người đàn bà cũng vậy, trước khi kinh kỳ đến là tất cả mạch máu trắng ở lòng tử cung đều trương nở, đến mức ứa ra một loại huyết trắng để rửa sạch các chất dơ bẩn trong lòng tử cung, và làm bong ra một lớp da hết sức mỏng để dọn đường cho máu đỏ đều ứa tung ra, khi máu đỏ bài tiết ra rồi thì lại đến một loạt bài tiết của máu trắng nữa, làm cho da trong tử cung có đủ khả năng tiếp nhận khối dương tinh với cái trứng dính vào. Trong khi đó tử cung đã hết bực buông lơi nên trứng trong ổ trứng theo ống dẫn trứng nhịp nhàng với luật hướng tâm của quả đất mà rơi vào lòng tử cung. Hồi đó tinh thần người nữ rung chuyển với nhịp điệu khác thường để đón chờ một cuộc gặp gỡ của tinh trùng với cái trứng.

Nam nữ trước khi gần gũi đều bị luật xung động của dục tình nó hâm nóng để tăng cường sinh lực cho con tinh trùng và cái trứng. Khi vào tử cung, theo luật âm dương hấp dẫn, ngoài sự tàn hại lẫn nhau của tinh trùng, con nào còn lại độc nhất sẽ theo luật hấp dẫn mà chui rúc vào quả trứng và tử cung bắt đầu hơi co lại để cho con tinh trùng với cái trứng ghép vào lòng tử cung.

Thế là cái thai bắt đầu kết thành. Nếu ai thấu hiểu được cơ cấu nầy một cách tường tận thì việc giải quyết cho một cuộc có thai ngoài tử cung (có thai trong ống dẫn trứng) trong vòng ba tháng trở lại một cách dễ dàng mà khỏi phải cần mổ xẻ. Không những thế thôi, mà cho đến những trường hợp kinh trồi, kinh sụt, có kinh đau bụng, tử cung nghiêng lệch, hoặc có bướu, có bệnh ung thư, hoặc sanh dễ, sanh khó, sanh con trai, sanh con gái, sanh con dễ dạy dễ nuôi, khó dạy khó nuôi, nhiều bệnh tật hay khỏe mạnh, hay muốn tiết chế sự sinh dục đi nữa cũng đều nhứt nhứt có cách giải quyết thuận theo trật tự thiên nhiên một cách đơn giản mà khỏi phải cần rườm rà máy móc, và cũng khỏi phải đổ cho vận số hay Phật Trời. Chỉ cốt sao cho thật biết mà thôi.

Luận nói: Đến đợt 7 tuổi thứ ba thì khí của Thận được quân bình, thế là sức nẩy nở đã đến mặt bằng. Tiếp đến đợt 7 tuổi thứ tư vẫn còn tiến triển theo đà mặt bằng ấy. Đến đợt 7 tuổi thứ năm thì mạch Dương minh suy, da mặt bắt đầu khô, tóc bắt đầu rụng. Thế là đã qua một quá trình mặt bằng và giờ đây bắt đầu xuống dốc.

Cả trong vũ trụ từ vật lớn đến vật nhỏ, không vật nào mà không thịnh cực rồi suy, hễ thịnh chóng thì suy chóng. Con người cũng thế, trong người đàn bà khi mạch Dương minh suy thì thường hay có hiện tượng tóc trước trán bắt đầu rụng, da mặt bắt đầu khô. Vì sao thế? Vì mặt là khu vực của Dương minh. Bây giờ thế vận chuyển lên trên đã yếu thì trên ngọn phải héo trước. Đợt 7 tuổi thứ sáu, ba mạch dương trên đầu đều suy, mặt bắt đầu già, tóc bắt đầu bạc tức là trọn hết phần ngọn, phần ngoài đều bắt đầu sạm cháy. Rồi đến đợt 7 tuổi thứ 7, mạch Nhiệm mạch Thái xung đều suy kém, phần Thiên quý kiệt, bộ phận bên dưới không thông nữa nên cơ thể già mà không có con. Thế là bắt đầu từ 35 tuổi đến 49 tuổi là mức sanh nguyên xuống dốc. Trong đây có một điều mà chúng ta nên chú ý là phần Thiên quý kiệt, các mạch ở hạ bộ không thông. Vậy tại sao phần Thiên quý kiệt?

Đành rằng có thịnh thì phải có suy, nhưng nó suy bằng cách nào? Có người nói: Nếu toàn cả cơ cấu thay cũ đổi mới được làm việc đều đều thì con người sẽ không già chết. Cái then máy thay cũ đổi mới ấy, bên trong và bên dưới thì bộ tiêu hóa và tạng Thận là nơi trọng yếu, bên trên và bên ngoài thì tạng Phổi và mặt da là nơi trọng yếu. Bây giờ sức co dãn cũng như sức tiêu hóa bên trong đã giảm đi, lẽ tất nhiên toàn cả mặt da đều bị chi phối. Khi mặt da đã bắt đầu chùng thì toàn cả cơ cấu của tuần hoàn máu trắng đều bị giảm suy và vít lại. Thế là nguồn sinh hóa chấm dứt. Đấy là một hiện tượng hiển nhiên.

Đoạn 8

PHIÊN ÂM:

Trượng phu bát tuế Thận khí thiệt, phát trường xỉ cánh. Nhị bát Thận khí thạnh, Thiên quý chí, tinh khí dật tả, âm dương hòa, cố

năng hữu tử. Tam bát Thận khí bình quân, cân cốt kỉnh cường, cố chơn nha sanh nhi trưởng cực. Tứ bát cân cốt long thạnh, cơ nhục mãn tráng. Ngũ bát Thận khí suy, phát đọa, xỉ sao. Lục bát dương khí suy kiệt vu thượng, diện tiêu, phát tân ban bạch. Thất bát can khí suy, cân bất năng động, Thiên quý kiệt, tinh thiểu, Thận tạng suy, hình thể giai cực. Bát bát tắc xỉ phát khứ.

Thận giả chủ Thủy, thọ ngũ tạng lục phủ chi tinh nhi tàng chi. Cố ngũ tạng thạnh nãi năng tả, kim ngũ tạng giai suy, cân cốt giải đọa, Thiên quý tận hỉ. Cố phát cái bạch, thân thể trọng, hành bộ bất chánh nhi vô tử nhỉ.

DỊCH:

Con trai 8 tuổi khí của Thận sung túc, tóc dài, răng thay. Đến 16 tuổi khí của Thận phát triển mạnh, Thiên quý đầy đủ, tinh khí(1) tràn đầy, âm dương hòa, nên có thể có con. Đến 24 tuổi khí của Thận đến mức quân bình, gân xương cứng cáp nên răng cấm mọc và sức lớn căng đầy. Đến 32 tuổi gân cốt sung túc, da thịt mạnh mẽ. Đến 40 tuổi, khí của Thận bắt đầu suy, tóc rụng răng se. Đến 48 tuổi khí dương suy kiệt bên trên trước nên mặt nhăn, tóc tai đều hoa râm. Đến 56 tuổi khí lá gan suy, gân không thể hoạt động, Thiên quý khô kiệt, tinh ít đi, tạng Thận suy, và hình thể đều mỏi mệt. Đến 64 tuổi thì răng tóc đều rụng.

Thận là tạng thuộc về Thủy, chủ về thọ lãnh tinh hoa của năm tạng sáu phủ để mà chứa giữ. Khi năm tạng còn thạnh thì mới có thể bài tiết. Bây giờ năm tạng đều suy, gân cốt rời rã, Thiên quý cạn hết nên tóc bạc trắng, cơ thể nặng nề, bước đi lảo đảo nên không thể có con.

CHÚ THÍCH:

(1) **Tinh khí:** Chữ "tinh khí" ở đây là để chỉ cho chất bài tiết trong khi giao dục của người đàn ông. Nhưng trong đây có hai phần: một phần tinh và một phần khí. Phần "tinh" tức là do tinh hoa của huyết với tâm thức nó tạo ra thành khối tinh trùng, chất nó rất đậm đặc, keo dẻo và hơi

có màu vàng, có mùi rất hăng nồng, khi tính dục càng động thì mùi hăng nồng càng tăng. Chính cái tính chất đặc biệt này khi vào lòng tử cung chạm với lớp da mỏng mới bị lột, nó chiếm một phần quan trọng trong cảm giác. Theo quan niệm của cổ nhơn Đông phương thì phải mỗi một tuần lễ qua tinh trùng mới có đủ sức trưởng thành, và số tinh trùng phải tùy theo tầm tuổi mà sinh hóa khác nhau. Chất này đựng trong một bộ phận gọi là túi tinh. Nó chế tạo từ hòn dái rồi đem lên giữ ở túi tinh. Chữ "khí" ở đây là để chỉ cho một chất nước nhờn trong, không có màu sắc, thuộc về hệ thống tuần hoàn máu trắng. Theo ống dương vật vào đến gần bọng đái giáp ranh với bìa trên của ruột cùng, hai bên có hai cái hạch. Khi bị kích động hạch ấy trương nở, tức thì chất nước nhờn tụ sẵn về để cùng với chất tinh pha loãng ra giúp cho việc giao dục.

Túi tinh cũng hai bên nhưng ở trong sâu một chút. Khi tinh khí thoát ra, nếu người sức khỏe khí huyết trung bình thì cả tinh lẫn khí cùng pha loãng ra mà bài tiết một lượt. Tác dụng này có liên quan mật thiết đến tuần hoàn của hô hấp. Sau này sẽ rõ.

BÌNH:

Đợt thứ nhứt của con gái là 7 mà con trai là 8, đây là chuyện hiển nhiên chớ không phải bày đặt. Nhưng do đâu mà có thế? Nhận xét của cổ nhơn trả lời như sau đây:

Con gái được thọ bẩm nặng về phần âm thịnh, mà âm thuộc Thủy. Con trai thọ bẩm nặng về dương thịnh, mà dương thuộc Hỏa.

Trong vũ trụ này bản chất của thái không nó vốn là thứ khí lạnh (không phải cái lạnh ngược với cái nóng). Sau khi có mặt địa cầu trải qua bao nhiêu lần biến hóa, thể khí đó biến thành chất tức là nước. Cho nên Hà Đồ mới sắp số 1 là số sanh của nước, đến số 6 là số thành.

Hỏa là lửa, mà lửa không có một vật gì để nương thì nó không thể hiện hình; cho nên nó thuộc về chất. Do đó mà Hà Đồ sắp số 2 là số sanh của lửa. Có lửa rồi mới có khí nóng, cho nên đến số 7 mới là số thành của lửa. Có điều ta nên nhớ nơi đây nói nước, nói lửa, nói nóng, nói lạnh chẳng qua là tạm dựa trên hiện tượng tương đối để thuyết minh thôi. Chớ thực ra trong bao la này không bao giờ có cái nóng, lạnh cực đoan.

Bao la vô cực vốn không có tròn khuyết sáng tối, không có trong ngoài. Vậy nên đến khi có trời có đất, nghĩa là có khí quyện có địa cầu thì hình tròn xuất hiện. Ta đứng trong bầu tròn ấy ánh với cảm giác ta thấy: hướng Đông chiếu vào hướng Tây, hướng Tây chiếu vào hướng Đông, rồi Đông phản chiếu lại Tây, Tây phản chiếu lại Đông, mười phương tám hướng cũng đều như thế. Hiện tượng đó đi vào trong người, cũng như ở ngoài vũ trụ nó là động cơ để xảy ra cái cực âm sanh dương, và cực dương sanh âm vậy. Bởi lẽ nhiệm mầu ấy mà cổ nhơn sau khi chứng thực tận nguồn tâm linh mới lập ra *Kinh Dịch* để giáo hóa cho người sau, mà Hà Đồ là giải thích chuyện này (rồi sẽ có bản đồ chỉ rõ). Do đó mà con gái đến cùng cực con số âm là khí dương bắt đầu động, cho nên mới có đợt 7 tuổi. Còn con trai cùng cực số dương là 7 nên đến 8 tuổi là khí âm bắt đầu chuyển động, nên mới có đợt số 8. Cái thế cùng cực rồi trở lại do sự phản chiếu của vòm bao la này chúng ta hãy ý thức sâu sắc để ta sẽ thấy trong mọi phương diện của cuộc sống. Bởi vậy khi Thiên quý xuất hiện đồng là số âm, nhưng con gái phải 14, con trai phải 16.

Như trên kia đã nói: Khí của Thận phát triển mạnh, tức là tác dụng rung chuyển của thần kinh hệ gia tăng. Nhưng ta nên nhớ chữ mạnh, chữ gia tăng ở đây cũng như nói tăng thêm điểm trừ, vì Thận thuộc thủy. Bởi vậy khi khí của Thận phát triển mạnh là lúc mà tuổi đến thì dễ xảy ra cái cảm giác cô đơn, quạnh quẽ, lạnh lẽo, bơ vơ. Đến lúc này trong người con trai nơi bộ phận tinh khí được căng đầy, và tinh với khí có thể nhịp nhàng bài tiết. Cho nên gọi là âm dương hòa nên có thể có con.

Thêm một đợt 8 tuổi nữa là tiến lên đến mặt bằng cũng như nơi con gái bước vào khoảng 21 tuổi. Đến đây xin nhắc lại chữ "thận" không phải chỉ nói ở phần lọc nước tiểu bên dưới, mà là trọn cả Thận dương (mũ Thận) và Thận âm. Nơi đây chất tan trong nước (Adrénaline) và chất tan trong dầu (Cortine) của Thận dương chiếm một phần vô cùng quan trọng.

Đến đây sức phát triển về xương đến hồi tột bực, nên răng cấm bắt đầu mọc.

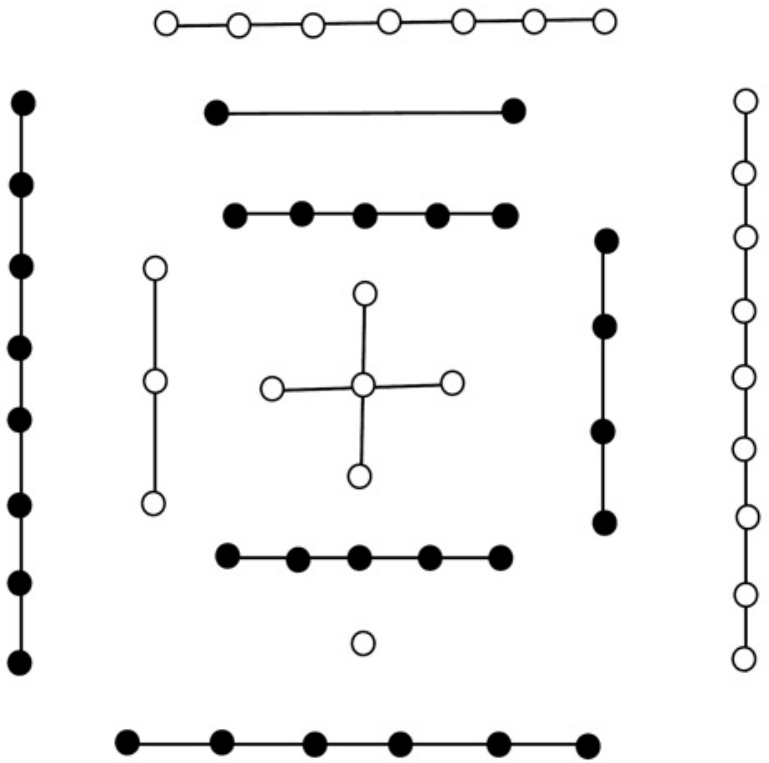
Diễn tiến theo mặt bằng thêm một đợt 8 tuổi thứ tư là đã trải qua gần hết quá trình của mặt bằng.

Việc đời cực thịnh phải suy từ xưa vốn thế, nên đến đợt 8 tuổi thứ năm là khí của Thận bắt đầu suy, tóc bắt đầu rụng, răng se lại để mà xuống dốc.

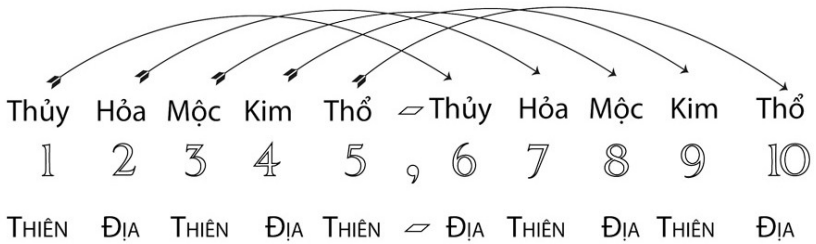
Đến đợt 8 tuổi thứ sáu khí dương bên trên đã suy kiệt, sự nuôi dưỡng lên không tới nên mặt nhăn và tóc tai đều hoa râm.

Như trên kia đã nói người nam thọ bẩm lệch về khí dương, về động. Trên vật lý hễ lửa động là sanh gió. Trong tạng phủ sự hoạt động của gân thuộc về Gan, mà Gan lại theo nhiệt lực. Bởi vậy đàn ông khi đến đợt 8 tuổi thứ bảy nhiệt lực giảm, khí lá gan đã suy yếu, nên gân không thể hoạt động, đồng thời Thiên quý cũng kiệt, tinh khô khan, sự sản xuất tinh trùng trở nên yếu ớt, sự hoạt động của tạng Thận suy, nên hình thể đều mỏi mệt.

HÌNH 1.6: HÀ ĐỒ (VẼ THEO KINH DỊCH)



HÌNH 1.7: NGŨ HÀNH SANH THÀNH THEO TƯỢNG HÀ ĐỒ
Vẽ theo chiều dài



Đến đợt 8 tuổi thứ tám thì răng tóc đều rụng. Thế là sinh nguyên xuống dốc tột bực.

Đến cuối đoạn này luận giả dẫn giải thêm rằng: Thận là tạng thuộc về Thủy, công việc của nó là thọ lãnh tinh hoa của năm tạng sáu phủ để mà chứa giữ v.v. Đến đây tôi sực nhớ lại tự bao ngàn xưa cổ nhơn có chế ra một phương thuốc, mà đến mãi ngày nay trong giới Trung y vẫn hãy còn xài, tức là phương hoàn "Bát Vị Thận Khí". Công dụng của nó là để tăng cường cho khí của tạng Thận, hầu giúp cho các cơ năng sản xuất tinh khí được dồi dào. Phương thuốc này thông dụng nhất ở tầm tuổi 40 trở đi. Chỗ chú trọng của nó hoàn toàn ở tạng Thận nên đặt tên là "Thận Khí Hoàn". Thế mà tôi còn nhớ lại một dạo trong một hội nghị y khoa của một nhóm bác sĩ Tây y, có người lên giọng đàn anh rằng: Á Đông tự hồi nào chưa biết rõ tạng Thận là một tạng chỉ để dùng lọc nước tiểu, rồi họ nhắm chừng bày đặt ra thứ thuốc gọi là bổ thận để lừa bịp thiên hạ, chứ chính thứ thuốc Urotropine của Tân y học của chúng ta mới thật là thuốc bổ thận, vì nó giúp cho sự lọc nước tiểu được tăng cường. Rồi trải qua một thời gian khá lâu mấy năm sau, cũng một bầu không khí tương tự như vậy, một bậc bác học đàn anh nói: Bọn Đông y họ có biết gì về nội tạng! Tân y học của chúng ta mới phát minh được cái giá trị quý báu của mũ Thận, nên mới chế ra được một thứ thuốc hồi sinh cho mũ Thận gọi là Syncortine, để cứu cấp cho trường hợp khi mũ Thận bị cạn kiệt. Vậy mà bọn Đông y họ dám lớn lối bảo rằng có chế ra được những thứ thuốc bổ thận, thật là chủ quan hết bực v.v.

Rồi lại trải qua một thời gian khá lâu mấy năm, tôi có tiếp xúc với một vị y tá trưởng, vì ham muốn cho mũ Thận được tăng cường thêm, nên dùng nhiều chất Syncortine quá, nhiều ngày bỗng dưng nhịp đập của Tim của vị y tá trưởng ấy càng ngày càng xuống thấp, thỉnh thoảng mệt từng cơn và sắc mặt vàng ẻo, cho đến hiện nay vẫn hãy còn trong tình trạng ấy. Và trong địa hạt Tân y học lại xuất hiện thêm một thứ thuốc gọi là Cortine Naturelle tân kỳ nữa. Ôi! Viết đến đây tôi bỗng dưng muốn trào nước mắt với bộ óc học hỏi của con người ngày nay. Thế mà hiện nay vẫn có nhiều nhà bác học cho rằng tạng Thận không quan hệ gì đến vấn đề dâm dục. Trời ơi, hỡi trời! Vậy mà vẫn chưa hết, thậm chí đến tất cả những trường hợp bệnh thoát tinh họ đều cho rằng tại nó dư nên lại chỉ dẫn cho, bảo về dâm dục thêm, và hơn nữa bắt người bệnh chổng khu rồi dùng thuốc tê tiêm vào mấy lỗ xương khu mà gọi là làm cho dịu bớt. Đến non nước này dẫu có hàng thức giả cũng đến không thể nghĩ bàn (điều này đến phần hình vẽ sẽ có chỉ dẫn).

Đến ngày nay đã sắp đến hồi phải trở về với lòng đất, tôi mới

mạnh miệng quả quyết rằng: "Khi chưa biết gì hết về tinh thần của chính con người của mình trước, thì dẫu cho có tin theo khoa học, hay cho đến không tin gì cả cũng vẫn là một thứ mê tin kì dị, hoặc là thở theo lỗ mũi người khác mà thôi". Thế thì họ có đàm luận phải quấy chăng nữa cũng chẳng qua phải theo cái mình thấy phải, quấy theo cái mình thấy quấy. Trong tình trạng ấy dẫu cho có khám phá điều gì cũng chẳng qua là đổi cái lạng quạng này để lấy cái lạng quạng khác mà thôi. Nếu chúng ta ở trong tình trạng ấy mà nghĩ để làm lợi ích cho ai thì quả thật là chúng ta đã bằng lòng cái tự gạt và gạt người mà thôi vậy. Điều này chúng ta há dễ xem thường được sao? Thật là "một mảy bụi trần trong con mắt cũng đủ để che khuất cả một bầu trời, một mảy mê lầm trong quy định cũng đủ để che khuất một bầu linh năng muôn thuở".

Đoạn 9

PHIÊN ÂM:

Đế viết: Hữu kỳ niên dĩ lão nhi hữu tử giả, hà dã?

Kỳ Bá viết: Thử kỳ thiên thọ quá độ, khí mạch thường thông nhi Thận khí hữu dư dã. Thử tuy hữu tử, nam bất quá tận bát bát, nữ bất quá tận thất thất nhi thiên địa chi tinh khí giai kiệt hỷ.

DỊCH:

Huỳnh Đế hỏi: Có người tuổi đã già rồi mà còn có con là tại sao?

Kỳ Bá thưa: Đó là trường hợp ngoại lệ, sức khỏe thọ bẩm quá mức bình thường, nhờ tuần hoàn máu trắng thường thông nên khí của Thận có thừa. Chứ kì thực trung bình phần đông đàn ông không qua khỏi 64 tuổi, đàn bà không qua khỏi 49 tuổi là tinh khí của trời đất(1) đều đã cạn hết.

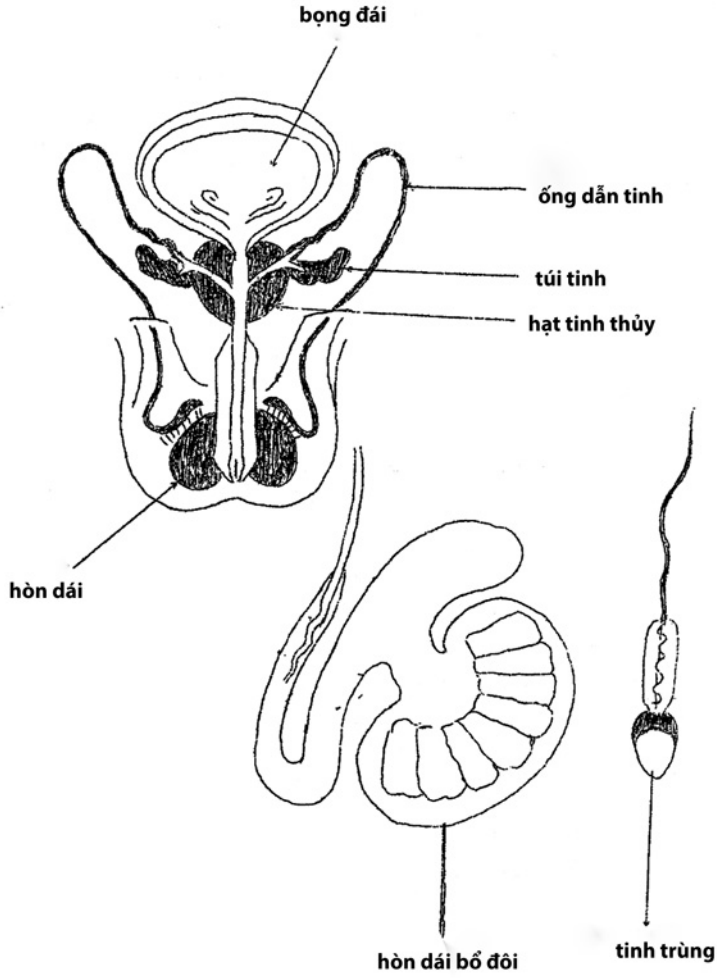
CHÚ THÍCH:

(1) **Tinh khí của trời đất**: Chữ "trời đất" trong câu này là để ám chỉ cho nghĩa trời đất trong thân. "Trời" tức là thuộc về phần khí, phần nước, phần thuộc Thận, phần thọ bẩm ở nơi cha mẹ đầu tiên, phần quan hệ đến hô hấp. Còn chữ "đất" ở đây là để chỉ cho phần chất, phần thức ăn, phần thuộc về bộ tiêu hóa, phần sanh ra mới có. Vậy nên hai chữ "tinh khí" ở đây tức là khí tinh hoa của phần tiên thiên thuộc Thận và khí tinh hoa của phần hậu thiên thuộc Vị hợp lại mà nói vậy.

BÌNH:

Nhìn vào hiện tượng cực âm rồi dương sanh với đợt 7 tuổi đầu tiên của người nữ, với cuối cùng bằng 7 lần 7; cũng như dương cực rồi âm bắt đầu sanh kết thành con số 8 của người nam và đến cùng cực là 8 lần 8. Đây là việc hiển nhiên chớ không phải ai bịa đặt. Nó là một định luật số học của Dịch lý trong trời đất, là nguyên lý biến thiên của sự vật, để rồi sau này sẽ có nói rõ hơn. Bởi vậy con người sau khi chết, mức trung bình biến hóa của thần thức cũng theo thông lệ này.

HÌNH 1.8: TÚI TINH VÀ HẠCH TINH THUỶ



Đoạn 10

PHIÊN ÂM:

Đế viết: Phù, đạo giả niên giai bá số năng hữu tử hồ?

Kỳ Bá viết: Phù, đạo giả năng khước lão nhi toàn hình thân, niên

tuy thọ năng hữu tử dã.

DỊCH:

Huỳnh Đế hỏi: Còn như những đạo gia(1) tuổi họ đều ngoài trăm, như thế có thể có con không?

Kỳ Bá thưa: Những đạo gia họ có cách giữ cho chậm già, và sức khỏe được trọn vẹn, vậy nên tuổi tuy cao nhưng vẫn có thể có con được.

CHÚ THÍCH:

(1) **Đạo gia:** là danh từ để chỉ cho những nhà tu luyện theo thuật trường sanh.

BÌNH:

Nếu tuổi thọ cũng như tuổi sanh con mà có thể nhích lên được, thế là cái tụt xuống tức là cuộc sống vô ý thức. Mà cuộc sống vô ý thức tức là cuộc sống thả trôi theo vật dục. Thế là chúng ta sống với một cuộc sống yểu ương càng ngày càng tuột thang thêm nữa. Bởi vậy:

"Gót danh lợi bùn pha sắc xám,

Mặt phong trần nắng nám màu dâu!" là phải.

Đoạn 11

PHIÊN ÂM:

Huỳnh Đế viết: Dư văn thượng cổ hữu chơn nhơn giả, đề xiết

thiên địa, bả ốc âm dương, hô hấp tinh khí, độc lập thủ thần, cơ phu nhược nhứt. Cố năng thọ tệ thiên địa, vô hữu chung thời, thử kỳ Đạo sanh.

DỊCH:

Huỳnh Đế nói: Trẫm nghe thời thượng cổ có bậc chơn nhơn(1). Họ vận chuyển trời đất sửa đổi âm dương, hô hấp khí tinh hoa, tinh thần không bị chi phối, da thịt như trẻ thơ. Nên có thể sống sánh cùng trời đất, đó là nhờ ở Đạo mà có như thế.

CHÚ THÍCH:

(1) **Chơn nhơn**: Là bực hiện thân của Đạo, cả tinh thần lẫn xác thân của họ vốn cùng với bao la đồng nhất.

Đoạn 12

PHIÊN ÂM:

Trung cổ chi thời, hữu chí nhơn giả, thuần đức toàn Đạo, hòa ư âm dương, điều ư tứ thời, khử thế ly tục, tích tinh toàn thần, du hành thiên địa chi gian, thị thính bát đạt chi ngoại, thử cái ích kỳ thọ mạng nhi cường giả dã, diệc qui vu chơn nhơn.

DỊCH:

Ở thời Trung cổ(1) có bậc chí nhơn(2), thuần đức(3) trọn đạo, điều chỉnh âm dương, hòa nhịp với bốn mùa, lìa đời lánh tục, chứa tinh giữ thần, dạo chơi trong trời đất, nghe thấy vượt không gian. Nhờ thế mà thêm được thọ mạng và mạnh khỏe, rồi cũng quy về với chơn nhơn.

CHÚ THÍCH:

(1) **Trung cổ**: Thế thường người ta phân thời đại hay dùng ba giai đoạn, nếu đếm theo ngược dòng thì có hiện kim, trung cổ và thượng cổ. Mà đây là tính từ thời đại Huỳnh Đế trở về trước.

(2) **Chí nhơn**: Từ chơn nhơn đến hiền nhơn chia làm bốn bực, mà chí nhơn là bực thứ hai. Đến đây muốn có cuộc sống yên vui phải bắt đầu hơi dụng lực.

(3) **Thuần đức**: Lão tử nói: "Vì đạo mất nên mới lập đức …", vậy đức là một cách sống có ý thức cho hợp với Đạo, mà "thuần đức" tức là đức được thuần hậu.

Đoạn 13

PHIÊN ÂM:

Kỳ thứ hữu thánh nhơn giả, xử thiên địa chi hòa, tùng bát phong chi lý, thích thị dục vu thế tục chi gian, vô nhuế sân chi tâm, hạnh bất dục ly vu thế, bị phục chương cử, bất dục quan ư tục, ngoại bất lao hình ư sự, nội vô tư tưởng ư hoạn, dĩ điềm du vi vụ, dĩ tự đắc vi công, hình thể bất tệ, tinh thần bất tán, diệc khả dĩ bá số.

DỊCH:

Kế đó có bậc thánh nhơn(1), ăn ở hòa với trời đất, thuận với gió tám hướng(2), tùy thuận với thế tục lòng không oán hận, tuy ăn mặc theo hạnh đời nhưng không muốn bận với thế. Bên ngoài không để chật vật hình hài, trong không vọng tưởng lo âu, lấy điềm đạm thảnh thơi làm sở thích, lấy sở đắc(3) làm công, không hủy hoại hình thể, không hao tán tinh thần, cũng có thể sống đến trăm tuổi.

CHÚ THÍCH:

(1) **Thánh nhơn**: Chữ "thánh nhơn" nơi đây đối với chữ thánh nhơn trên kia có hơi khác. Ở đây để chỉ cho từ chơn nhơn đến hiền nhơn chia làm bốn bực, mà thánh nhơn là bực thứ ba.

(2) **Tám hướng**: Đông, Tây, Nam, Bắc, Đông Nam, Tây Nam, Đông Bắc và Tây Bắc.

(3) **Sở đắc**: Là để chỉ cho cái có được, nhưng câu trước có nói "lấy điềm đạm thảnh thơi làm sở thích", thế là chữ "có được" ở đây là được cái không được, nghĩa là được thảnh thơi điềm đạm.

Đoạn 14

PHIÊN ÂM:

Kỳ thứ hữu hiền nhơn giả, pháp tắc thiên địa, tượng tợ nhật nguyệt, biện liệt tinh thần, nghịch tùng âm dương, phân biệt tứ thời, tương tùng thượng cổ, hợp đồng vu đạo, diệc khả sử ích thọ nhi hữu cực thời.

DỊCH:

Chót hết có bực hiền nhơn(1), phép tắc theo trời đất, nghiên cứu mặt trời mặt trăng, phân ngôi tinh tú, suy nghiệm sự vận hành nghịch thuận của âm dương, phân biệt bốn mùa, để trở về thuận theo thời thượng cổ, tìm hợp đồng với đạo, thì cũng có thể cùng cực thọ mạng được.

CHÚ THÍCH:

(1) **Hiền nhơn**: Chữ "hiền nhơn" nơi đây tức là để chỉ cho bực

người đã phải sống trong một cuộc đời thác loạn, mà nghĩ để nghiên cứu học hỏi, cố tìm ra một lẽ sống cho ứng hợp với trật tự thiên nhiên. Họ có tính chất bác học, nhưng họ có thiện chí để trở về nguồn cội, cho nên gọi là hiền nhơn.

BÌNH:

Đọc suốt hết bốn đoạn này ta thấy chỉ một mạch văn thuận chiều trôi chảy của một đoạn. Và theo đây ta thấy tổng quát những ý tứ:

1. Cuộc sống của loài người trong hoàn cảnh chung đụng của một thế giới hay một xã hội, nó có từng đợt thăng trầm. Quả thật là hết thạnh rồi suy, rồi chồng bao nhiêu đợt nữa để rồi quả địa cầu này trở về với tan hoại; đó là lẽ tất nhiên. Nhưng có như thế không ngoài bởi từng khối mâu thuẫn của bên trong từng người nó ánh ra để trở thành một cuộc đời xung chướng đau khổ.

2. Đã là cùng sống trên mặt địa cầu này cùng chung trong khối Thái dương hệ, mà khối Thái dương hệ chỉ mới là một phần bé bỏng của bao la. Từ tất cả bao la cho đến con người chỉ là một dàn máy đồng nhất. Vậy nên cái lý trật tự nhịp nhàng không thể không tìm biết. Phương chi mỗi một phần tử là một hội tụ của bao la, cho nên không thể bỏ qua được vậy.

Đó là hai nét đậm tổng quát của bốn đoạn này. Nhưng ta hãy chậm rãi tế nhị để đi sâu vào chi tiết từng đoạn.

Luận nêu lên nào "thời thượng cổ", nào "bực chơn nhơn" tức là muốn nói: một cuộc sống còn chất phác thanh bình, loài người còn lơ thơ rải rác chưa đến nỗi đổ máu vì miếng ăn, thức uống, chỗ ở, chỗ nằm. Nói "vận chuyển trời đất, sửa đổi âm dương" ở đây cũng như nói "có cách sống cho thuận với âm dương, hòa cùng trời đất". Trong *Kinh Lăng Nghiêm* Phật có nói: "Nếu có thể chuyển được vật tức đồng với Như Lai". Câu "chuyển được vật" ở đây tức là nghĩa không bị vật nó chuyển, nghĩa này cũng tương tự như thế.

Con người nhịn ăn lâu chết hơn nhịn uống, nhịn uống lâu chết hơn nhịn thở. Thế là hô hấp là điều tối cần thiết cho mạch sống. Cho nên người xưa họ biết tìm cách để lấy lại sự hô hấp quân bình. Ngược lại chúng ta ngày nay suốt từ thành thị đến thôn quê đều đổi cái mũi mà chạy theo cái miệng. Cho nên hơi thở thì hổn hển, còn miệng thì chành chạch đuổi theo những cái gọi là chất bổ tân kỳ. Nên cuộc sống ngày nay chẳng biết gọi bằng gì nữa. Thế mà có kẻ tự cho mình là hàng thông đạt ý tứ của cổ nhơn, thấy tình cảnh tạp loạn của đời nay rồi đưa ra những thuyết: nào uống nước nhịn ăn, nào chỉ ăn nhịn uống, ăn cơm gạo lức với muối mè và coi những thức ăn khác như rắn rít thì quả thật là một cách uốn quá hóa không ngay.

Một con người tinh thần hồn nhiên không đóng khung, không bị chi phối, không ám độn ngu đần, sanh hoạt đúng cách, hô hấp đúng phép thì khí tượng hiện ra như trẻ thơ; đó là điều chẳng có gì lạ.

Vũ trụ tuy bao la nhưng cái **không** bao giờ cũng bao gồm cái **có**. Cho nên khi trong lòng rỗng rang điềm đạm, không vướng chút bụi trần thì hồi đó còn có cái gì ở đâu mà không phải là mình nữa chứ! Cuộc sống như thế dẫu trời đất cũng khó sánh tày, chớ đừng nói sánh cùng trời đất. Cho nên có thiền giả nói: Có cái tôi thì cái tôi bị ở trong trời đất, không có cái tôi thì trời đất ở trong tôi. Lại nói: Nếu một mảy may đừng lập thì sẽ có một sức mạnh không thể nghĩ bàn. Quả thật là nhờ mạng mạch ở Đạo vậy. Nhưng ta hãy đề phòng! Khi ta sống bằng một cuộc sống phá hoại yểu ương đã là không phải Đạo đành rồi; nhưng nếu tham sống sợ chết, mà phải cắm đầu khổ sở với mong được sống lâu bằng cách này hay cách khác, đó cũng là một thứ chết sống. Cho nên gọi là con quỷ giữ thây ma là vậy. Đó là điểm lầm lạc của những kẻ trường sanh cửu thị.

Một con người khi thấu suốt đến cội nguồn hằng ngày không lìa chơn tâm bổn tánh, rỗng rang rời rảnh, động dụng phân minh thì trật tự thiên nhiên kia có hay không không thành vấn đề. Vì chính họ là trật tự thiên nhiên rồi. Cho nên họ đi là thiên nhiên đi, họ ở là thiên nhiên ở, họ ăn uống nằm ngồi đều là thiên nhiên ăn uống nằm ngồi, y nhiên như nhiên chẳng tăng mà cũng chẳng giảm, ăn mà vẫn không ăn, không ăn mà vẫn ăn, đi đứng nói năng cũng vậy, khỏi ai phải xen vào đo lường thước tấc dùm cho họ, thế mà họ vẫn hợp Đạo. Nếu chưa được như thế tức là ít nhất cũng phải rơi vào hạng chí nhơn, để rồi phải giữ nào là "thuần đức trọn Đạo, thuận âm dương, hòa bốn mùa, lìa đời lánh tục, chứa tinh

giữ thần, v.v." Quả thật là bắt đầu một cuộc lỗ lã. Thế nhưng nhờ căn cứ nơi Đạo mà lòng được dạo chơi trong trời đất, tai mắt không vướng bận không gian để rồi trở về với thọ mạng. Thế nên sắp dưới chơn nhơn một bực là phải.

Đã không thể dễ dàng mà thực hiện một cuộc sống thảnh thơi điềm đạm, thế tất nhiên phải cố gắng mà ăn ở sao cho hòa với trời đất, thuận với gió mùa, ngoài phải đề phòng sự xâm lăng của thế tục, trong phải dòm chừng đám lục tặc nó buông lung, không muốn bận với thế tục mà phải ăn mặc theo hạnh đời là việc cực chẳng đã, bên ngoài không để cho hình hài bị chật vật, bên trong không để cho vọng tưởng lo âu, nhắm hướng điềm đạm thảnh thơi mà tiến tới, lấy sở đắc trong việc làm ấy làm công, không vô tình để hủy hoại hình thể, không phá tán năng lực để tiến tới kết quả tròm trèm với chí nhơn. Quả thật là một cuộc lội ngược ghê gớm, giống hệt như chiếc xe hơi vừa chạy vừa bật đèn vừa nhấn kèn, để thành một cái thế vừa gom nhóm vừa tán hao. Vậy mà lại đi săn đuổi để tìm cái không mất mát, rõ thật là mâu thuẫn. Thêm một điều khốn đốn nữa là mang mâu thuẫn để đi tìm lấy năng lực, mà thế mâu thuẫn lại là thế giết chết năng lực, đàng nào cũng phải vướng một cái vừa cộng lại vừa trừ. Quả thật ở trong cái thế chẳng được đừng vậy.

Trong đây có chữ "sở đắc" mà mục đích của sở đắc lại là cái không là gì. Nói đến đây tôi lại nhớ lại ông Di Lặc có bài kệ rằng:

"Trụ tâm vô sở trụ,

vọng trần hà phát sanh.

Đắc pháp vô sở đắc,

chơn như tự hiện hình.

Pháp không tướng bình đẳng,

Ta bà Cực lạc thành."

Tạm dịch:

Buông lòng không u tối,

rắc rối làm gì sanh.

Nhờ được cái không được,

mặt thật hiện nguyên hình.

Rỗng rang bình đẳng suốt,

tục lụy biến thanh bình.

Rõ là yếu chỉ của toàn NỘI KINH. Bởi vậy kinh nói: Di Lặc sau này sẽ giáng sanh, cái nghĩa Di Lặc ở đây thật là thâm thuý!

Đã lỗ lã như trên, nhưng cuộc đời vẫn còn tuột dốc thêm nữa, để đến phải có một sự nghiệp bác học nào thiên văn, nào địa lý, nào nhân sự v.v. mới có đủ khả năng để lội ngược về thời thượng cổ, hầu mong hợp đồng với Đạo. Như thế Hiền nhơn sắp sau bực Thánh nhơn là phải. Tuy thuộc về hạng bét, nhưng nếu chúng ta thử ngược dòng nhìn về họ, đem ta mà so sánh, thì ta sẽ thấy họ còn may mắn hơn ta triệu triệu lần gấp bội. Vì họ tuy phải mang kềnh càng một sự nghiệp bác học, nhưng họ còn nắm vững được chuôi đạo. Còn chúng ta bây giờ than ôi! Chỉ là một hòn núi Tu Di, một bệnh thực tích, nó chạy nọc đến mắt mờ lạng quạng không biết đâu là lối thoát. Hèn nào có người bảo: Học nhiều là tên gọi khác của ngu. Lại còn bảo: Càng khôn ngoan chừng nào càng mê muội chừng nấy. Bởi vậy có thức giả than rằng: Đã quá nửa đời tôi luống bị cái thông minh nó gạt gẫm. Ôi! Một cuộc sống như thế chẳng đáng là tủi nhục lắm sao!?

Suốt hết tinh thần từ đầu đến cuối thiên này ta thấy còn ba điểm nữa cần phải để tâm đến.

1- Trong khung cảnh xã hội loài người chưa đến nỗi khắt khe tàn hại quá lắm, cổ nhơn đã sớm biết được cả thân lẫn tâm đều đồng một nguồn cội, đều vốn là cái không hai. Thân khỏe mạnh thì tinh thần vui tươi, tâm thoát tục thì xác thân không bị trái chướng. Ngược lại tâm phiền não, xác thân bệnh hoạn; thân đau ốm tinh thần khổ đau. Bởi lẽ ấy nên khi vừa mở quyển là đã nêu lên vấn đề tuổi thọ rồi mới bàn bạc đến vấn đề trật tự thiên nhiên, ăn uống, sinh hoạt, tâm tư. Cái học như thế đâu phải là thứ nê trệ thiếu lưu thông, vậy mà lại có thể lai sanh ra một thứ tinh thần cố tình đặt một cái nhân chỉ biết tham sống mà gọi là trường sanh cửu thị rồi bỏ quên chiều thâm sâu của tinh thần để mà bóp méo cái học cổ nhơn. Như thế cho nên bị gọi là con quỷ giữ thây ma là phải lắm. Trái lại có những người học Phật lại cũng dựa vào đó để mà chỉ trích ông cha, rồi vội cho rằng văn minh Trung Hoa không bằng văn minh Ấn Độ, chớ họ có biết đâu rằng thầy thuốc chỉ là con đẻ của bệnh nhơn, và chân lý cũng là một thứ tùy thời mà thị hiện. Phương chi khi loài người đã xa dần nguồn cội, đến lúc cuộc sống xung chướng ngập tràn; thân tâm cả hai không thể giữ vẹn. Thế thì đặc điểm chú trọng thiên hẳn về tâm linh đâu phải là chuyện vô cớ. Thực ra tất cả cái học thánh hiền thực tế nơi cá nhân dù cho nhà Phật tóm lại cũng không ngoài việc điều ngự thân tâm mà thôi. Như thế tại sao ta lại bỏ quên hẳn cái địa phương tính và thời gian tính để mà phê phán thánh hiền, quả thật là một lý do phiến diện. Bởi vậy giờ đây đến hồi thế vật chất đã tiến triển đến mức năm châu họp chợ, thì phần đông được mệnh danh là thay mặt cho Phật giáo để tuyên dương chân lý. Cũng không làm sao giải nổi sự xâm nhập của danh vọng, vật chất, tiền tài. Rõ thật là: lưỡi câu danh lợi móc vành môi, dĩ hoạn, bả vinh hoa vật ngã chí quật cường vậy.

2- Bắt từ ngay từ chỗ thế hệ ta đứng bây giờ mà ngược dòng nhìn suốt tận đến xa xưa, ta thấy thật chẳng khác nào một người đứng ở biển khơi mà ngược dòng ngóng tận nguồn suối trên đỉnh Hy Mã Lạp Sơn. Nay nếu chúng ta quả thật muốn trở về nguồn, ít nhất cũng phải có một thiện chí chuyển mình mọc cánh tung tận trời xanh, tương tự như các loài cá hóa rồng vượt vũ môn tam cấp may ra mới không uổng trọn kiếp làm người. Như thế thật cuộc đời này chẳng biết có được mấy ai. Vậy từ đây về sau đến kết thúc bộ NỘI KINH, càng lần ra càng thâm sâu vào trật tự thiên nhiên, vào sinh hoạt ăn uống, vào tất cả những phương pháp cứu chữa bệnh tật, v.v. Như thế cũng chẳng qua là lòng từ của cổ nhơn đến chỗ không nỡ mà thôi.

Sống trong một thế hệ mà vật chất cơ giới phát triển một cách điên cuồng như ngày nay, dẫu cho cái gọi là tổ chức Phật giáo cũng vẫn phải nằm tròn trong cái thế kẹt. Chẳng được mấy ai đủ khả năng kiểm tra lại tất cả những ảnh hưởng vào cuộc sống hằng ngày. Thế mà một việc hiển nhiên như thế này mà người ta vẫn lơ là hời hợt thì thật cũng là lạ lắm!

3- Nếu là hàng thức giả tinh đời thì ai cũng thấy rằng: Việc tột bực thành thật với mình, khám phá chính con người của mình trước để mà điều ngự cuộc sống chính mình cho được y như người, là việc làm khó nhất trên đời.

Từ xưa tất cả kinh sách của thánh hiền những yếu điểm bao giờ cũng hình như ẩn khuất, còn phần phụ thuộc thì lại tùy phương tiện mà diễn giải rộng ra. Y hệt như trong nội tạng của con người, những tạng bí hiểm hoàn toàn chìm sâu trong kẹt hóc. Điều đó có phải là cổ nhơn đối với ta vì tiếc rẻ mà không chịu nói hết chăng? Xin thưa rằng: không vậy. Vì sao thế? Vì đây không phải là cái có thể truyền bảo nhau hết bằng cách thức của lý trí và ngôn từ. Nhưng than ôi! Cách học của người đời thì lại ngược lại, không những Trung Hoa là thế mà Ấn Độ với Việt Nam cũng chẳng khác nào. Ta hãy cứ nhìn tín đồ nhà Phật học Phật. Thí dụ như *Kinh Lăng Nghiêm* chẳng hạn thì ta cũng đủ rõ. Cho nên NỘI KINH với dân Trung Hoa hay đến chúng ta bây giờ cũng thế.

Trong cảnh đời tạp loạn đảo điên, đối với những kẻ cố tình chui rúc vào vòng danh lợi, hạng đó tất nhiên hết đầu cơ phương tiện này đến đầu cơ phương tiện khác. Cho đến dẫu cho biến hóa tinh thần tôn giáo tín ngưỡng trở thành môi trường đầu cơ chợ búa, thôi ta khỏi phải bàn. Nhưng đàng này lại có những hạng tuy được va chạm với mặt thật của đời, vẫn chưa giáp mặt được với chính mình, rồi trong băn khoăn tráo trở sảng sốt mê ly để rồi lòng trần của họ nó có thể biến thái thành ra hai mặt: một là hoặc họ nô nức để ôm chặt vào cái gọi là giải thoát mà quên hẳn những cái họ va chạm thực tế hằng ngày. Hai là hoặc lòng ích kỷ nó biến tướng để tìm lấy một cái hốc ngồi lại mà tu luyện cho được trường sanh. Bởi hai biến tướng lòng tham của tâm lý nói trên mà NỘI KINH cũng đã từng bị họ bóp méo để mà chế ra một chi phái tham sống gọi là luyện đan. Họ rất sành về phần ăn uống, sinh hoạt và trật tự thiên nhiên, mà họ quên lửng đi chính cái tâm họ, rồi họ chỉ trích những nhà tu hành khác, thí dụ như tu Phật rằng: biết tu tánh mà không biết tu mạng. Cũng như tín đồ nhà Phật nghe Phật nói: Tất cả đều từ tâm, thế rồi dựa vào đó

mà nói tâm tâm, rồi họ cho rằng cơ cấu NỘI KINH chỉ là một tài liệu để luyện tập cho xác thân được sống lâu chớ không phải đạo. Một đàng nhận lầm tinh thần của ông cha một cách lệch lạc để mà chỉ trích kẻ khác khác hơn mình, còn một đàng cũng vì nhận lầm tinh thần của ông cha mà hiểu sai đi cái tinh thần của ông cha kẻ khác. Quả thật là một đám lạng quạng mê mờ. Một tinh thần thấy biết như thế làm sao để mà vượt thoát khỏi nổi trùng vây của ba đào vật chất! Thực ra dẫu toàn bộ NỘI KINH ý chỉ không ngoài cái nghĩa làm sao cho con người đừng tạo thêm cái nhân để sinh ra đau khổ bệnh tật, tức là người đó sống đúng với tuổi trời, chớ phải đâu bày ra cái nhân tham sống sợ chết để mà tách rẽ thân tâm ra làm hai thứ!? Điều này chúng ta phải dồn hết tinh thần để mà lưu tâm, hầu mong sau này khi thấu suốt được toàn kinh ta sẽ có một cái nhân không lệch lạc. Như thế mới đủ khả năng mọc cánh tung tận trời xanh, để mà cùng với thiên nhiên đồng nhất.

THIÊN THỨ NHỨT

- HẾT -

Ly tâm hướng tâm
Thăng trầm tiêu trưởng

Đối với thiên nhiên tuyệt nhiên không chứa giữ, cái đã qua qua rồi, hiện tại vẫn không dừng, vị lai vẫn chưa đến. Cho nên thiên nhiên luôn luôn mới mẻ thường hằng, chẳng bớt chẳng thêm. Còn tôi, tôi lại luôn luôn chứa giữ, nên tất cả sự mất mát thăng trầm đều bâu rức vào tôi. Nếu tôi không dám chấp nhận điều này, thì tôi làm sao đọc được NỘI KINH.

C.N.

Thiên thứ hai

TỨ KHÍ ĐIỀU THẦN ĐẠI LUẬN

Định nghĩa tên thiên

Tứ khí: khí của bốn mùa.

Điều: điều ngự, điều phục, điều chỉnh. Thần: tinh thần.

Đại: lớn, tức là ám chỉ cho việc rất quan hệ.

Tứ khí điều thần đại luận: là thiên luận có tính chất quan trọng, mà trong đó nói về tùy thuận với trật tự, khí hậu của bốn mùa để điều ngự tinh thần.

BÌNH:

Đọc lên tên thiên ta liền cảm thấy trong đó hàm chứa một tinh thần bác học mà đã nắm được cái chuôi thực hành, chứ không phải là thứ kiến thức núi Tu Di để mà đổi cái lạng quạng này lấy cái lạng quạng khác, vì họ đã rõ biết minh bạch về trật tự thiên nhiên, và nếu vô ý thức hoặc trái chướng với trật tự thiên nhiên, thì sẽ xảy ra những gì không hay cho

cuộc sống. Như vậy tức là luận giả muốn đem cái thấy biết của mình để mà hướng dẫn đời sau, hầu mong y cứ vào cái biết ấy để thực hiện một cuộc sống yên lành. Quả thật là một tinh thần sống có ý nghĩa đang chuyển mình đứng dậy. Nhưng thiên này không thấy có câu hỏi, như thế tức là nối tiếp với thiên trên mở rộng để thuyết minh thêm nữa.

Cuộc đời như một dòng trường giang đều đều sóng gió. Cảnh thiên nhiên là một quá trình biến hóa ngày ngày mới, giờ giờ mới, phút phút mới, giây giây mới trôi chảy không ngừng, đã qua qua rồi, hiện tại không dừng, vị lai vừa thoáng đã hóa thành hiện tại, hiện tại vừa thoáng đã hóa thành trôi qua. Thân con người như chiếc thuyền nan đang thả bềnh bồng trên trường giang sóng gió, chỉ một cái thoáng sống sượng cũng đủ để đánh đắm tận đáy muôn trùng. Con người trở về nguồn cội cũng như những tay nhà nghề mặt nước, cỡi thuyền nan mà rong chơi nơi sông dài biển cả; họ có lèo lái, khi thì vô cùng thận trọng như cầm ngọc như bưng đầy, khi thì buông lơi ẻo lả như một tinh thần tài tử, giống hệt như hai câu ca dao của Việt Nam:

Lênh đênh qua cửa thần phù

Khéo tu thì nổi, vụng tu thì chìm.

Thế thì chỉ có cách là thuận với sóng gió ba đào, tùy theo dòng sông trôi chảy để mà tự tại ngao du. Phải chăng đây là trung tâm ý nghĩa của cuộc sống? Mà cái việc tùy thuận theo bốn mùa để chế ngự tinh thần nơi thiên này chẳng qua cũng chỉ thế thôi. Và dù cho tất cả cuộc sống của thánh hiền bao đời cũng chỉ thế thôi.

Trong Kinh Thánh của Kitô giáo có nói: Phải khôn ngoan như rắn rít, phải đơn sơ như chim bồ câu.

Còn nhà Phật thì nào như: Diệu pháp cỡi kình dạo chơi bể khổ của Quan Thế Âm. Buông lòng không u tối của Di Lặc. Ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm của *Kinh Kim Cang,* v.v.

Lão Tử nói: Người học đạo tâm phải lỏng như nước. Trang Tử nói: Làm chim ta bay chơi, làm cá ta lội chơi.

Tất cả những tinh thần ấy đều là một thứ tinh thần siêu tuyệt của nghệ thuật vượt biển cả cõi thuyền nan mà thôi vậy.

Đoạn 1

PHIÊN ÂM:

Xuân tam ngoạt thử vị phát trần, thiên địa câu sanh, vạn vật dĩ vinh, dạ ngọa tảo khởi, quảng bộ vu đình, bị phát hưỡn hình, dĩ sử chí sanh, sanh nhi vật sát, dữ nhi vật đoạt, thưởng nhi vật phạt. Thử xuân khí chi ứng, dưỡng sanh chi đạo dã. Nghịch chi tắc thương can, Hạ vi hàn biến, phụng trưởng giả thiểu.

DỊCH:

Ba tháng mùa Xuân gọi là thay cũ(1), khí trong trời đất đều sanh(2), vạn vật đã nảy mầm. Đêm phải ngủ sớm, sáng phải dậy sớm, đi bách bộ trong vườn, tóc buông xõa, thân ung dung để cho tinh thần phát triển. Nên sanh chớ không nên giết, nên cho chớ không nên cướp, nên thưởng chớ không nên phạt. Đó là ứng hợp với khí mùa Xuân, cái đạo dưỡng sanh(3) phải như thế. Nếu trái lại thì hại Gan, sang mùa Hạ sẽ biến làm bệnh lạnh, và sự giúp cho khí trưởng dưỡng của mùa Hạ sẽ rất yếu ớt.

CHÚ THÍCH:

(1) **Thay cũ**: chỉ cho cái mới đun lên và cái cũ phải rời đi.

(2) **Khí trong trời đất đều sanh**: Trong đoạn này có hai chữ "sanh". Nhưng chữ sanh nầy để chỉ cho cái nghĩa của sức thu vào của lòng đất cũng như sức hướng tâm của khí trời khi bước sang Xuân nó bắt đầu trỗi dậy và tung ra, mà tất cả vạn vật cũng như con người nhựa sống mầm non bắt đầu chuyển mình trỗi dậy theo thế ly tâm, cho nên gọi là sanh. Còn chữ "sanh" dưới có hàm ý nghĩa phóng sanh và tình thương.

(3) **Dưỡng sanh**: Chữ dưỡng sanh ở đây cũng như nói cái phép nuôi dưỡng khí sanh (mới trỗi dậy).

BÌNH:

Mỗi năm bốn mùa, mỗi mùa đều có khởi đầu và kết thúc để sang mùa khác. Khởi đầu mùa Xuân tức là sự chìm lỉm đến cực độ rồi bắt đầu trỗi dậy để tung ra. Thế là trong khung cảnh sống, dưới từng đáy tức là bắt đầu mùa Xuân mà phần trên, phần ngoài vẫn còn dày đặc khí lạnh của mùa Đông chìm lỉm. Trong khi dẫn co, sức đè nén hướng tâm của quả đất mới vừa bắt đầu buông lơi, với sức rung chuyển trỗi dậy của muôn vàn sự sống, hai thế giằng co để cho mầm non phải trỗi vượt. Vì thế nên càng được cởi mở càng hay, do đó mới có "đêm phải ngủ sớm, sáng phải dậy sớm" v.v.

Nói "nên thả chớ không nên giết, nên cho chớ không nên cướp, nên thưởng chớ không nên phạt". Mới nghe qua hình như là một cuộc gia ơn chớ thật ra đây chỉ là muốn nói lên một tinh thần cởi mở. Cũng như nhà Phật nói: dùng từ bi để chế ngự hận thù. Phải chăng cái phong tục lì xì ba ngày tết của người Trung Hoa cũng do đây vậy! Nhưng vì càng đi xa càng mất ý nghĩa, càng lâm vào tình trạng mê tin. Cho nên lần đi đến cho mai, cho mãng cầu, cho quả sung, cho đu đủ thì người ta mừng ghê gớm; còn cho dao, cho kim, cho khăn có lẽ rồi cũng gặp người chửi cho một mẻ cũng nên.

Nói rằng: "Vì khí mùa Xuân mà phải làm như thế, nếu trái lại thì hại Gan". Đến đây ta càng thấy rõ hơn nữa về nghĩa dùng từ bi để chế hận thù, vì hận thù thuộc về biến động của lá gan, mà mùa Xuân là mùa tạng Gan dễ uất phát sanh sân hận nhất.

Tiếp theo rằng: "Nếu không làm như thế sang mùa Hạ sẽ biến thành bệnh lạnh, và sự giúp ích cho khí trưởng dưỡng của mùa Hạ càng thêm yếu ớt", thế là muốn nói gì? - Theo Dịch lý thì Thủy sanh Mộc, Mộc sanh Hỏa, Hỏa sanh Thổ, Thổ sanh Kim, Kim sanh Thủy. Chữ "sanh" ở đây nghĩa là nuôi dưỡng giúp đỡ. Và Thủy khắc Hỏa, Hỏa khắc Kim, Kim khắc Mộc, Mộc khắc Thổ, Thổ khắc Thủy. Mùa Xuân thuộc Mộc, mùa Hạ thuộc Hỏa, cứ cuối mỗi mùa 18 ngày thuộc Thổ mà cuối mùa Hạ là chính yếu, mùa Thu thuộc Kim, mùa Đông thuộc Thủy. Còn về khí thì

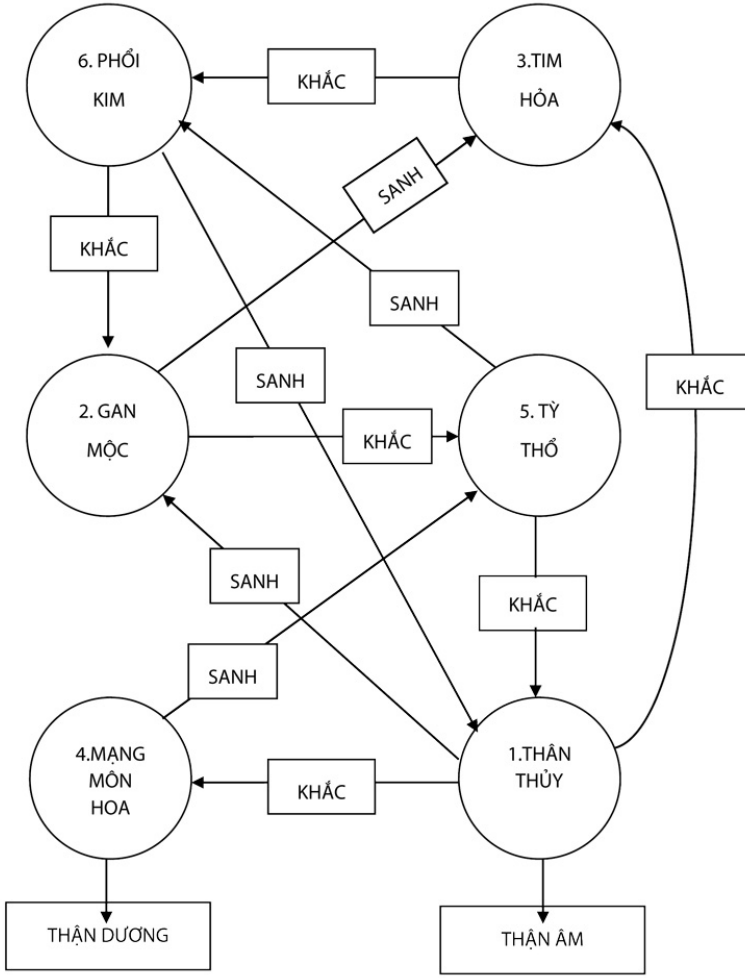
khí gió thuộc Mộc, khí lửa nóng thuộc Hỏa, khí ẩm thấp thuộc Thổ, khí ráo se thuộc Kim, khí lạnh buốt thuộc Thủy. Về nội tạng thì Thận thuộc Thủy, Gan thuộc Mộc, Tim thuộc Hỏa, Tỳ thuộc Thổ, Phổi thuộc Kim. Luật sanh khắc này phát minh từ Dịch lý (rồi sau sẽ có hình chỉ dẫn). Giờ đây ta chỉ nói đến luật tương sanh tương khắc của ba tạng Gan, Tim và Tỳ.

Mùa Xuân, sinh khí của lá gan phải trỗi dậy theo chiều dọc lên đến tận đỉnh đầu. Bởi vậy trên kia mới nói "tóc phải buông xoã" để tránh sự thiếu lưu thông trên đỉnh đầu, biến thành khủng hoảng làm ra bệnh nhức đầu.

Trong vòm tròn, khí sắc hướng Đông chiếu thẳng về hướng Tây, hướng Tây chiếu thẳng về hướng Đông; trong thân con người cũng vậy, tạng Gan bên hông phải, tạng Tỳ bên hông trái, nó phải giao nhau mà đối chiếu. Cách thế của Gan giao với tạng Tỳ cũng như loài cây giao với mặt đất để ăn mầu mỡ, mà ở đây gọi là tương khắc.

Trong lúc khí lá gan nặng về chiều phải vượt lên, nếu rủi có bị đè nén sanh uất, tự nhiên nó phải phát triển đâm sang tạng Tỳ, cũng như phần trên của cây bị đè nén nó phải dọn đường sinh lực mạnh mẽ về hướng lòng đất; đây là một định luật (mà người bệnh nước tiểu đường nặng được chọc tức thì bệnh sẽ đỡ đi). Bởi vậy nếu Gan bị uất quá thì tạng Tỳ ngay lúc đó bị mệt, đến sang Hạ thì sức phát triển của lá gan đến cùng cực, nó phải giao dịch với Tim một cách bình thường. Nhưng vì khí của nó đã bị hao tán làm cho sự quan hệ bình thường giữa Gan với Tim thiếu liên tục. Trong hồi ấy tạng Tim lại phải giữ mức quan hệ bình thường trung bình với tạng Tỳ, mà tạng Tỳ lại đã trải qua một lúc đảo điên vì tạng Gan, nên biến sanh yếu ớt. Bây giờ nó phải thâu hút sinh lực để bù vào, do hai thế ấy mà khí trưởng dưỡng cho Tim hao hụt, làm cho Tim yếu ớt. Vì Tim yếu lửa thiếu nên dễ sanh bệnh lạnh.

HÌNH 2.1: NGŨ HÀNH SANH KHẮC RÁP VÀO THÂN



Đoạn 2

PHIÊN ÂM:

Hạ tam ngoạt, thử vị phồn tú, thiên địa khí giao, vạn vật hoa thiệt, dạ ngọa tảo khởi, vô yểm vu nhựt, sử chí vô nộ, sử hoa anh thành tú, sử khí đắc tiết, nhược sở ái tại ngoại. Thử Hạ khí chi ứng,

dưỡng trưởng chi đạo dã. Nghịch chi tắc thương tâm, thu vi hải ngược, phụng thâu giả thiểu, Đông chí trọng bệnh.

DỊCH:

Ba tháng mùa Hạ gọi là rậm rạp(1), khí của trời đất giao nhau(2), vạn vật đua chen hoa quả. Tối ngủ sáng thức dậy sớm, đừng ngại ngày dài, để cho tinh thần không bị bực dọc, cho mầm non được nảy nở, cho khí được bài tiết, làm như có điều gì ái mộ bên ngoài. Đó là ứng với khí của mùa Hạ phải làm như thế, là cái đạo dưỡng trưởng(3). Nếu trái lại thì hại Tim, sang Thu sanh bệnh sốt rét và sự giúp ích cho Phổi thu liễm càng thêm yếu ớt, đến sang Đông sẽ sanh bệnh nặng.

CHÚ THÍCH:

(1) **Rậm rạp**: chỉ cho các loài cây cỏ đến lúc đó đều được phồn thịnh.

(2) **Giao nhau**: Ở đây nói khí của trời đất giao nhau, tức là vòng khí quyện ly tâm hướng tâm của quả đất giao nhau cân phân ở mùa Hạ, nghĩa là dưới lên trên xuống gặp mặt nhau ở khoảng không khí mặt đất, tức là lúc sấm sét mưa rào.

(3) **Dưỡng trưởng**: Mùa Xuân thì phát sanh, cho nên nói "dưỡng sanh". Mùa Hạ vạn vật cây cối trưởng thành, khí trong con người cũng thế, cho nên gọi là "dưỡng trưởng".

BÌNH:

Trong chánh văn mỗi mùa dùng hai chữ, mà mùa Hạ dùng hai chữ "phồn tú" thì thật tài tình. Không hiểu sao đã trải qua mấy ngàn năm mà sự dùng chữ đến ngày nay chúng ta thấy vẫn còn khít khao thế này, thật cũng là lạ lắm!

Nói rằng: "Khí của trời đất giao nhau", chữ "trời đất" ở đây chỉ

cho vòng khí quyện và quả địa cầu. Chỗ này nếu ta bỏ hẳn cái ý ly tâm hướng tâm của quả đất, thì ta sẽ thấy quả đất ta ở đây vạn vật đang sanh sôi, mà bên ngoài được ấp ủ bằng một cái mền vô tướng. Cho nên người xưa gọi là "trời che đất chở" ngẫm nghĩ thấy cũng hay.

Bảo rằng: "Đêm ngủ sáng dậy sớm đừng ngại ngày dài, cho tinh thần khỏi bực dọc, mầm non được nảy nở, khí được bài tiết" là tại sao? Thì có gì đâu khi sang Hạ khí dương của mặt trời tỏa xuống địa cầu nhiều hơn lúc khác làm cho ngày dài đêm ngắn.

Ban ngày trong con người vì khí dương phải tung ra ngoài để ứng hợp với khí dương bên ngoài. Cho nên cả khí huyết đều đổ xô ra bên ngoài, lúc đó khí dương bên trong bị thiếu, khí dương thiếu thì nhiệt lực bên trong cũng thiếu. Bởi vậy đến lúc này sự ăn uống sơ sẩy, nếu ở xứ nóng hay xứ ấm thì lại càng dễ xảy ra bệnh dịch tả. Vậy nên nếu ta miễn cưỡng ngủ trưa, trong khi ngủ ý thức bắt buộc khí huyết phải giữ tụ vào trong và bên dưới, mà trong lúc đó lại là lúc khí huyết phải theo cho kịp với khí dương bên ngoài, lẽ tất nhiên sự dằn co đó sẽ gây thành tai hại, cơ thể sẽ bị phản ứng, tinh thần sẽ bị bực dọc, mầm non trong người sẽ phải đình đốn, khí trong con người không được nhịp nhàng với khí của quả địa cầu mà bài tiết. Do đó nên luận dạy rằng: đối với bên ngoài phải tận cùng cởi mở, nên nói là "làm như có điều gì ái mộ bên ngoài".

Trời đất với con người cùng vạn vật vốn là nhất quán, cho nên mùa Hạ như thế phải sinh hoạt như thế, tức là phép nuôi dưỡng cho sự trưởng thành phải như thế.

Tim là tạng thuộc Hỏa, màu đỏ. Mùa Hạ là mùa nhiệt lực tung ra bên ngoài. Nếu không làm như thế Tim sẽ bị hại là lẽ tất nhiên. Nhưng tại sao sang Thu phải sanh bệnh sốt rét? Bệnh sốt rét là gì? Hành tướng của nó ra sao? Tại sao phát ra ở mùa Thu? Sau này còn có dịp nói rõ. Chỉ có điều là tại sao sự giúp ích cho Phổi thu liễm càng thêm yếu ớt? Và đến sang Đông sẽ sanh bệnh nặng?

Như trên kia đã nói về hệ thống tương sanh thì Hỏa sanh Thổ, Thổ sanh Kim, Kim sanh Thủy. Bây giờ tạng Hỏa đã bị kiều nhược tất nhiên nó không sanh Thổ được, mà Thổ thuộc về tạng Tỳ, thuộc về cuối mùa Hạ, cũng như cuối mỗi mùa, nhưng cuối mùa Hạ là chính của nó. Rồi

Thổ phải sanh Kim, mà Kim thuộc về tạng Phổi, thuộc về mùa Thu, do đó mà sang Thu sự giúp đỡ cho sức thâu liễm của Phổi không được đầy đủ. Rồi Kim phải sanh Thủy mà Thủy lại thuộc về tạng Thận, mùa Đông. Vì hệ thống tương trợ gián đoạn nên đến sang Đông sẽ sanh bệnh nặng là vậy.

Đoạn 3

PHIÊN ÂM:

Thu tam ngoạt thử vi dung bình, thiên khí dĩ cấp, địa khí dĩ minh, tảo ngọa tảo khởi, dữ kê câu hưng, sử chí an ninh, dĩ hướn Thu hình, thâu liễm thần khí, sử Thu khí bình, vô ngoại kỳ chí, sử Phế khí thanh, thử Thu khí chi ứng, dưỡng thâu chi đạo dã. Nghịch chi tắc thương Phế, Đông vi xan tiết. Phụng tàn giả thiểu.

DỊCH:

Ba tháng mùa Thu gọi là chùng lại (hết sức lớn) khí trời đã đến hồi co lại, khí ở mặt đất đã đến hồi tỏ sáng. Đêm phải ngủ sớm, sáng phải dậy sớm, phải thức một lượt với gà, để cho tinh thần được yên ổn, hầu chế bớt sự sát phạt của mùa Thu, nên thu liễm thần khí cho được cùng khí mùa Thu nhịp nhàng, đừng để tinh thần buông lung theo ngoại cảnh, làm như thế cho khí ở Phổi được thanh khiết mát mẻ. Đó là ứng với khí mùa Thu phải làm như thế, là cái phép dưỡng thâu(1) vốn phải vậy. Nếu không làm như thế thì Phổi sẽ bị hại, đến sang Đông sẽ làm ra bệnh tháo dạ rồi sự giúp ích cho tạng Thận chứa giữ bị yếu ớt đi.

CHÚ THÍCH:

(1) **Dưỡng thâu**: Mùa Thu là mùa mà lớp khí quyển của quả địa cầu bắt đầu co lại, cho nên sinh lực trong vạn vật cũng bắt đầu thu lại, vì thế mà sự sanh hoạt của con người cũng phải ý thức cho hợp với khí

thâu liễm, cho nên gọi là dưỡng thâu.

BÌNH:

Ba tháng mùa Thu mà gọi là chùng lại, tức là một hiện tượng sinh lực thay biến theo vòng khí quyện co vào giãn ra của quả địa cầu đi từ sức vọt lên phồng ra hết mức rồi bắt đầu khô khan co vào, tựa hồ như trạng thái chín của một trái cây. Cho nên gọi là chùng lại.

Nói rằng: "Khí trời đã đến hồi co lại", trên hiện tượng dễ thấy nhất là loài thảo mộc, lúc đó nhựa sống trong thân cây đã không lên đến tận chót lá nữa và chót cành lá đã bắt đầu khô héo. Khí ẩm thấp ở mặt đất đã bắt đầu ráo đi, làm cho "mặt đất trở nên tỏ sáng".

Bảo rằng: "Đêm ngủ sớm, sáng dậy sớm, phải thức một lượt với gà", tức là gà thức mình mới thức, chớ không phải gà gáy là mình thức. Thế là chậm hơn mùa Hạ một tí. Nhưng tại sao cổ nhơn lại phải chọn con gà? Thế tất con gà đối với trật tự thiên nhiên rất có điều gì trung thực? - Thật ra vì chúng ta quá người nên không hiểu rõ con gà mấy, chứ sinh hoạt của loài gà rất quan hệ trực tiếp với bầu khí quyện, khi trương khi bóp, khi loãng khi đặc mà cách gáy, giọng gáy, trình độ gáy và giờ giấc thức ngủ của nó khác nhau. Thí dụ vào giữa buổi trưa hè, gặp lưng trời trong suốt, những con gà đứng tuổi cất tiếng gáy: ò.ó.o…o…o…o…! Y hệt như câu thơ của nhà văn Nhượng Tống dịch Mái Tây rằng: "Bầu trời thăm thẳm xanh lơ". Bởi vậy trong vô tình mà Ngạc Am tiên sinh - tác giả bộ tiểu thuyết Cô Lâu Mộng V.N - có câu hát rằng: "Nghe gà cuốn màn kêu trời hỏi". Do đó nếu ta biết lưu ý ta còn nhận ra được những điểm loạn ly đảo lộn trong xã hội chúng ta thông qua hiện tượng sinh hoạt của loài gà nữa là khác. Quả thật con gà đối với trật tự thiên nhiên rất đáng để cho cổ nhơn lưu ý! Lại nói rằng: "Làm như thế để cho tinh thần được yên ổn, hầu chế bớt sự sát phạt của mùa Thu", là như thế nào? - Sinh lực vận hành trong sinh vật cũng như trong con người đều phải thuận với luật vận hành của quả đất với Thái dương hệ. Hễ khí dương tung ra đến tột bực rồi thì khí âm phải bắt đầu sanh. Nói sanh ở đây, tức là khí dương bắt đầu thu trở vào mà khí âm bắt đầu lộn trở ra. Bởi vậy cái trớn đun ra vẫn còn mà sức chùng lại ở ngoài đã khởi. Trong con người trực tiếp quan hệ với khí quyện với mùa Thu là mặt da và tạng Phổi. Nên trong khi đó sức tung ra vẫn còn trớn, sức chùng lại của mặt

da cũng như của Phổi đã bắt đầu, tạo thành cái thế dễ sanh tụ uất ở Phổi, mà Phổi là nón của quả Tim. Khi bị ảnh hưởng thế dẫn co của tung ra và co vào, tạng Phổi dễ bị xúc phạm. Nên mới nói rằng: "Để chế bớt sự sát phạt của khí mùa Thu".

Bảo rằng: "Nên thu liễm thần khí để cho thuận với mùa Thu", tức là muốn nói lên cả tinh thần lẫn xác thân con người đều hoàn toàn phải chịu chung trong định luật trật tự của thiên nhiên. Vì thế nên mới tiếp rằng: "Không nên để cho tinh thần buông lung theo ngoại cảnh". Vậy mà còn thêm rằng: "làm như thế cho khí ở Phổi được thanh khiết mát mẻ" là nghĩa thế nào? - Trên sinh lý học, tạng Phổi đối với cổ nhơn là bộ phận chứa cái lạnh, chỗ hơi rượu bốc lên đến tuyệt đỉnh trong cơ cấu đặt rượu. Nhờ thế mà tất cả những hơi nước từ bên dưới lên đến Phổi, nếu Phổi được thanh khiết mát mẻ thì hơi nước lên đến đó sẽ được rơi xuống làm tân dịch để thấm nhuần cho cả tạng phủ bên dưới, y hệt như đến mùa Thu hơi nước dưới mặt đất bốc lên gặp hồi khí quyện co lại mà mưa Thu thanh khiết dồi dào. Bởi vậy để cho "khí ở Phổi được thanh khiết mát mẻ" đối với mùa Thu là việc rất cần. Vì thuận với hồi khí quyện của quả địa cầu thu lại, mà sự điều dưỡng sinh hoạt trong thân cũng phải có cách thức.

Nên nhớ rằng đến mùa Thu phần ngoài của khí quyện bắt đầu co lại, nghĩa là khí dương bắt đầu trở vào trong nhưng cái đuôi của nó vẫn còn tiến ra, và phần khí âm vẫn phải lộn trở ra mà phần đuôi của nó đã bắt đầu đình đốn. Lúc ấy trong thân con người cũng thế, nên tạng quan hệ nhiều nhất phải là tạng Phổi, và phần quan hệ nhiều nhất phải là mặt da kể cả da trong. Bởi vậy nếu sinh hoạt trái mùa, tinh thần trái khí thì Phổi bị tổn hại, vì mất sự thâu liễm để đến nỗi sang Đông khí dương bên trong không đủ mà sinh ra bệnh tháo dạ là lẽ dĩ nhiên.

Mùa Đông thuộc về Thận, khi khí dương thu liễm tận vào trong phải nhờ có phần Thận dương chứa giữ. Nhưng đây vì lẽ mất sự thu liễm nên không giúp ích được cho Thận dương chứa giữ. Thế là Thận dương bị kiều nhược là phải.

Đoạn 4

PHIÊN ÂM:

Đông tam ngoạt thử vi bế tàng, thủy băng địa sách, vô nhiễu hồ dương, tảo ngọa vãn khởi, tất đãi nhựt quang, sử chí nhược phục nhược nặc, nhược hữu tư ý, nhược dĩ hữu đắc, khử hàn tựu ôn, vô tiết bì phu, sử khí cực đoạt. Thử Đông khí chi ứng, dưỡng tàng chi đạo dã. Nghịch chi tắc thương Thận, Xuân vi nuy khuyết, phụng sanh giả thiểu.

DỊCH:

Ba tháng mùa Đông nghĩa của nó là chứa giấu thu trữ, nước đông đặc, đất nứt nẻ, do đó chớ nên nhiễu động đến khí dương. Nên ngủ sớm và dậy trễ, phải đợi ánh mặt trời, làm như thế để cho tinh thần như ẩn như núp, như có ý riêng, như đã có điều sở đắc, lúc đó phải nên tránh lạnh gần ấm, đừng để mặt da bị thưa hở mà phải tổn thương đến phần khí. Đó là ứng với khí mùa Đông phải làm như thế, là cái đạo dưỡng tàng(1) phải vậy. Nếu trái lại thì sẽ tổn hại đến Thận, sang Xuân sẽ làm ra bệnh teo, bệnh khuyết(2), và sự nuôi dưỡng cho Gan sẽ bị yếu ớt.

CHÚ THÍCH:

(1) **Dưỡng tàng**: Chữ tàng là chứa giữ. Dưỡng tàng là phép sinh hoạt cho ứng hợp với lúc trong thân cũng như vạn vật đến hồi thu chứa.

(2) **Khuyết**: Có nghĩa là vít lại, thí dụ như ống nước bằng cao su khi bít hai đầu rút hết nước và hơi ra nó sẽ vít và dẹp lại, trạng thái đó kêu là khuyết. Nhưng trạng thái đó ở trong thân con người khi ấy những phần vi ti quản ở tận bên ngoài tay chân nó vít lại trước. Vì không giao nhau được nên xảy ra triệu chứng lạnh buốt và tê dại. Triệu chứng này bắt ngoài đầu ngón lần vào, nên có khi gọi là khuyết nghịch.

GIẢI:

Mùa Đông là mùa quả đất xa mặt trời, khí quyện co lại, vạn vật đều thu

hình, sự sinh trưởng đều đình đốn, nghĩa "chứa giấu thu trữ" là vậy. "Mặt đất nứt nẻ" tức là nói sức bốc lên đã hết, khí dương phải thu hẳn vào trong, khí âm phải ra ngoài. Tức là khí dương trong người cũng phải được thu lại chứa giấu cho hợp với mùa màng, cho nên nói "chớ nên nhiễu động khí dương". Nói "ngủ sớm dậy trễ v.v." tức là đêm dài ngày ngắn, do đó mà phải để cho "tinh thần như ẩn như núp v.v.". Nếu ta chịu khó nhìn qua các loại thảo mộc ta cũng thấy rõ. Đến mùa Đông sức phát triển phần trên mặt đất đều thu lại hết mà sức phát triển phần dưới mặt đất hồi đó được tăng cường, sinh lực tồn trữ vào trong phần gốc phần củ.

Nói rằng: "Phải tránh lạnh đến chỗ ấm" tức là ngoài mặt da bị lạnh vì nhiệt lực phải thu vào trong. Hiện tượng này cả mặt đất, dưới nước cho đến trong cây cối vô tình cũng thế. Bởi vậy "mặt da phải giữ cho khít khao không nên để hở mà phần khí phải bị bài tiết tổn thương". Đó là cách thế đối với mùa Đông vạn vật đều phải như thế cả không riêng gì con người, cho nên gọi là cái "đạo dưỡng tàng".

Đến đây tôi sực nhớ một việc đến phải phì cười không nín được, buột miệng phải nói một chút sang đàng: có lần tôi nghe thấy các ông giáo sư trung học trong các trường dạy về môn Vật lý họ bảo rằng: Mùa Đông mà sở dĩ đất và nước ấm là tại cái nắng của mùa Hè còn lại… Trời ơi! Giáo dục như thế bảo sao đừng ngu thêm!

Mùa Đông thuộc về lạnh, lạnh thuộc về nước, tạng Thận là tạng thuộc Thủy quan hệ đến tất cả nước trong con người. Cho nên nếu sinh hoạt ăn uống và tâm tư trái ngược với mùa màng trật tự thiên nhiên, lẽ tất nhiên Thận phải bị tổn thương. Thận đã tổn thương thì khí dương trong phần Thận dương cũng phải tổn thương. Đến sang Xuân tất nhiên sức trỗi dậy để nối tiếp với khí mùa Xuân phải bị đứt đoạn, cho nên sanh ra bệnh teo bệnh khuyết, vì thiếu sức sanh phát là lẽ tất nhiên. Do đó nên mới nói là "Gan thiếu hẳn sự nuôi dưỡng" vậy.

Có người hỏi: Tại sao có chuyện tạng nào ấy lại thuộc về mùa nào hành nào? Và hệ thống tương sanh tương khắc trong nội tạng có ăn khớp với hệ thần kinh hệ học bây giờ hay không?

Xin thưa rằng: Về sự ghép bốn mùa với năm hành vào trong nội

tạng, không phải là do tưởng tượng mà ghép một cách bướng bỉnh đâu, mà là một sự kết tinh của sức thấy biết suốt sự vật mà lập ra. Nếu ta cứ buông lòng thư thả đi sâu vào rồi ta cũng sẽ thấy. Đây, ta thử nhìn qua bằng màu sắc xem sao – đã nói rằng: mùa Xuân thuộc Mộc, màu xanh, tạng Gan; mùa hạ thuộc Hỏa, màu đỏ, tạng Tim; mùa Thu thuộc Kim, màu trắng, tạng Phổi; mùa Đông thuộc Thủy, màu đen, tạng Thận; cuối mỗi mùa 18 ngày thuộc Thổ, màu vàng, tạng Tỳ. Vậy theo đây ta nhìn lại màu sắc của năm tạng, tất nhiên ta sẽ thấy một cách rõ ràng trước mắt khỏi cần phải nói gì thêm.

Còn về hệ thống tương sanh tương khắc của nội tạng, nhìn vào hình vẽ ta thấy đi theo hệ thống tréo. Rất tiếc vì tôi không phải nhà thần kinh hệ học hay nhà giải phẫu học, nhưng có điều dễ thấy nhất là sau đây sẽ có những thiên mượn cái học châm cứu để chứng minh việc này, bằng cách có những lúc bệnh tật ở bên kia mà lại chích mé bên này, bệnh tật bên này lại dùng huyệt mé bên kia. Phương chi cái thế đánh tréo lại là một hình thức thường thấy trong tổ chức thần kinh hệ. Mong rằng ai là nhà thần kinh hệ học hãy nương theo đây khám phá thử xem. Tôi tin chắc rằng sẽ có lợi ích cho người sau không phải nhỏ.

BÌNH:

Khi chưa có MÌNH, trật tự thiên nhiên có hay không, từ đâu có, tại sao có vốn không thành vấn đề. Thế là MÌNH là đầu mối của mọi việc. Không nhận ra như thế thì tìm học cái gì cũng vô ích cả, không lựa là NỘI KINH.

Khi có cái MÌNH là muôn vấn đề đều có. Cho nên ngoài cái phải biết chính con người của mình trước, rồi đến tất cả vấn đề của trật tự thiên nhiên cũng đều phải biết. Biết tận cội nguồn, biết bằng chứng thực tức thì muôn triệu vấn đề thắc mắc trong cuộc sống đều được giải quyết xong. Đó là sự thể quyết định mà loài người phải đến.

Vừa mở quyển NỘI KINH TỐ VẤN là đã đề cập ngay vấn đề yểu ương bởi ăn uống, sinh hoạt, tâm tư làm trái chướng với trật tự thiên nhiên. Rồi kế đó giới thiệu một cuộc sống yên lành và đến đây là nối tiếp. Thế là tác giả đã nhìn thấy sự thật của loài người xuẩn động thì nhiều mà hiểu biết thì ít; xuẩn động thì cuồng loạn, hiểu biết thì yên vui, và

theo đây để nói lên từng lý do trong từng đoạn của cuộc sống hằng ngày. Bởi vậy có người phê phán cho rằng: đây là một tài liệu dưỡng sinh dành cho những cá nhân ích kỉ, thật cũng có lý. Nhưng ta hãy nghĩ và càng thêm nghĩ, rồi ta mới thấy tất cả việc làm của con người dù trong lĩnh vực nào, giai tầng nào chăng nữa há lại vượt ra ngoài việc đi tìm cái đạo dưỡng sinh được sao? Kìa ta hãy xem vì lẽ gì mà con người lại phải lao nhao lên những phong trào gọi là tranh đấu cách mạng, tranh đấu kinh tế, tranh đấu xã hội, tranh đấu hòa bình v.v. ?! Kết lại cũng chẳng qua là mong tìm kiếm một cuộc sống yên lành. Mà dù cho cả khoa học, triết học, văn hóa, giáo dục, y học, tôn giáo, chính trị, quân sự v.v. há lại vượt được ra ngoài phạm vi săn tìm một cuộc sống yên lành sao? Dẫu cho đến nhà Nho hay nhà Phật cũng chỉ thế thôi. Chỉ có một điều đã biết đích thực rồi hay là còn phải bâng quơ sờ soạng để đến nỗi tàn hại lẫn nhau mà thôi. Phương chi cuộc sống đảo điên bắt nguồn tận trong từng cái mê muội của mỗi con người. Như thế mà ta lại gạt qua chuyện của từng người để đàm luận mưu kế tìm kiếm một cuộc sống thanh bình, lại là việc làm khôn ngoan ngay thật được sao? Nếu cái đạo dưỡng sinh là cái không quan hệ thì sao Nam Hoa Kinh của Trang Tử lại có thiên Dưỡng sinh chủ. Ồ! Té ra cả một cuộc đời ý nghĩa của nó cũng không ngoài hai chữ "dưỡng sinh" vậy. Nhờ biết dưỡng sinh mà ta khỏi luân hồi sanh tử; nhờ biết dưỡng sinh mà cuộc đời có thể khỏi loạn lạc đau thương; nhờ biết dưỡng sinh mà ta có thể khỏi mong cầu lánh mình về thiên đàng hay cực lạc; nhờ biết được đạo dưỡng sinh mà cuộc sống mới có ý nghĩa, xã hội mới có tình thương, gia đình mới có thật tình sum họp, con người mới đỡ bệnh tật đau thương; nhờ biết được đạo dưỡng sinh mà con người khỏi phải bị rơi vào tình trạng đầu cơ mê tin lẫn nhau một cách hấp dẫn v.v. Như thế cái đạo dưỡng sinh ta há lại không nên cùng nhau làm cho sáng tỏ được sao?

Bao la vốn không phân ranh giới, vốn sẵn một khối tròn sáng sắc không phải sắc, không có trong ngoài, trong đó xuất hiện vô số tinh cầu tròn tròn, sáng sáng, tối tối, to bé xen nhau, lều bều, bồng bềnh, dào dạt tựa hồ như những bọt nước biển đang nhấp nhô giữa cõi muôn trùng, phiêu phiêu phưởng phưởng, ảo ảo huyền huyền, hoặc lơ thơ rải rác, hoặc kết khối lại từng đoàn lô nhô dài dằng dặc, mà chúng ta tạm đặt là những dải ngân hà, và vô số cái ngân hà đó có liên hệ lẫn nhau hay không đố ai biết hết. Mỗi một ngân hà được kết thành bởi vô số Thái dương hệ. Mỗi Thái dương hệ kết cấu mỗi cách khác nhau, có thể mỗi Thái dương hệ có một mặt trời hoặc hai mặt trời hoặc ba mặt trời, điều đó không quan hệ. Chỉ có điều cần biết là trong dãy ngân hà mà hằng đêm chúng ta

trông thấy trên vòm trời có một Thái dương hệ gần với chúng ta nhất. Thái dương hệ này có một mặt trời, một mặt trăng, một quả địa cầu và một số tinh tú. Thái dương hệ ấy, địa cầu ấy là nơi chúng ta đang trú ngụ.

Giác quan của con người có thể thấy thuyền đi là bờ chạy, mây kéo thấy mặt trăng chun, hột mưa rơi thấy sợi dây buông, đóm nhang quậy quậy thấy là vòng lửa; lại thêm cái gì ở gần, gần sát cái đó to lớn; cái gì xa, xa tít có to lớn ta cũng vẫn thấy bé; cái gì mắt trông thấy, thân cảm biết đều có ảnh hưởng đến ta; lại thêm cái gì gần chúng ta lâu ngày ít nhiều gì cũng sanh ra đắm nhiễm, tục ngữ có câu: láng giềng gần không thân cũng nhiễm. Tất cả những yếu tố ấy làm cho ta thấy việc khám phá để biết được trật tự thiên nhiên ảnh hưởng quan hệ đến thân tâm của con người như thế nào là việc hết sức cần thiết vậy. Nhưng vì cái gần nhất là cái ảnh hưởng trực tiếp nhất, do đó mà cái trật tự thiên nhiên nói đây chỉ là cái trật tự thiên nhiên của trên mặt đất này, trong Thái dương hệ này, và không những thế thôi mà còn phải là của những nơi nào ngày đêm chỉ trên phạm vi 24 tiếng đồng hồ mới dùng được vậy. Rồi từ nguyên lý này mà nhận thức ra cách thế áp dụng với những nơi khác cũng chẳng khó khăn gì.

Thiên này vẫn còn nằm trong phạm vi mà luận giả đưa ra vấn đề trật tự thiên nhiên vốn dĩ nhiên như vậy, chứ chưa đề cập đến trật tự thiên nhiên vì sao mà có ra như vậy; đó là điều mà độc giả đến đây không khỏi thắc mắc. Vậy ta hãy thử tạm bước tránh ra ngoài vòng thế giới ngoảnh lại mà xem, tại sao một năm phải có bốn mùa? Tại sao mỗi cuối mùa lại giống nhau? Tại sao phải ghép bốn mùa với năm hành (Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ)? Tại sao quả đất này lại có luật ly tâm hướng tâm? v.v. Để tạm thời bớt phần thắc mắc ta hãy đi sâu vào:

Mặt trời hiển nhiên là một tinh cầu trong vô số tinh cầu của khối ngân hà lại ở tận ngoài bìa, thế là mặt trời phải lệ thuộc vào khối ngân hà, phải chịu chung luật hấp dẫn lẫn nhau.

Khối ngân hà xoay vần với tốc độ nào chưa ai biết rõ. Mặt trời vì đó mà phải vừa quay tít vừa chạy theo, như thế mặt trời không khỏi khi thì chỗ này phình ra chỗ kia thóp vào, khi thì chỗ kia phình ra chỗ này thóp vào, tựa hồ như một điệu thở, và chắc chi thỉnh thoảng lại không

tung toé ra những làn lửa. Với cái thế vừa quay tít, vừa đuổi theo vòng ngân hà, chắc chi tướng vận hành đó lại không như hình lò xo, hoặc không như hình viên đạn vừa thoát khỏi nòng súng? Tiếc vì kẻ bình này không phải là nhà khoa học, cũng không phải là nhà thiên văn học, nên chỉ mô tả bằng cách mượn sức tưởng tượng thế thôi, mong độc giả lưu ý. Ta hãy tiến thêm chút nữa, mặt trời vừa thở, vừa chạy, vừa quay tít theo chiều lò xo, làm cho quả đất chúng ta ở đây chắc chi lại không theo luật hấp dẫn, rồi cũng vừa thở thoi thóp khi thì chỗ phình ra khi thì chỗ thu vào như kiểu thở của mặt trời? Và chắc chi không vừa chạy vừa quay tít theo xung quanh mặt trời với cái thế lò xo mà bầu dục? Do đó mới phát sinh ra bốn mùa, năm hành, ly tâm, hướng tâm vậy. Đến đây kẻ bình này vẫn không có khả năng vẽ một bức hình cho rõ rệt đúng nghĩa của nó để cống hiến độc giả, mà chỉ vẽ một cách tưởng tượng tạm thế thôi.

Có người hỏi: Đồng là bởi vòng tuần hoàn của quả đất quay chung quanh mặt trời theo hình bầu dục mà có Xuân Hạ Thu Đông; nhưng tại sao đồng là Xuân Hạ Thu Đông mà thời gian mỗi xứ mỗi khác không ăn khớp? Xin thưa rằng biết đâu không phải bởi sự thoi thóp của mặt trời, của quả đất, và bởi viễn hành theo chiều lò xo, lại thêm xoay vần theo kiểu con quay, cộng với cái thế khi lên khi xuống, và trong khi đó biết đâu còn bao cái ảnh hưởng bên ngoài?! Như thế ta có thể tóm lại rằng: cái Xuân, Hạ, Thu, Đông mỗi nơi mỗi khác ấy thuộc về sự quay tít của bổn thân quả đất mà ra. Trong lúc đó còn tùy thuộc vào vị trí địa dư của mỗi nơi, do đó mà chúng ta mới thấy ra có khác.

Sức quay tít của quả đất đuổi theo sức quay tít của mặt trời, lại kèm theo một vòng đai ảnh hưởng của mặt trăng. Mặt trời phải chạy theo sự vận chuyển của ngân hà, như thế tốc độ của quả đất chúng ta hãy thử tưởng tượng xem sao, biết đâu không đến cả mấy chục triệu cây số một giờ? Trong cái thế tốc độ mấy chục triệu cây số một giờ ấy, lại còn phải quay tít con quay, thế mà chúng ta lại vẫn dửng dưng như không hay biết.

Một cô chiêu đãi hàng không hoạt động trên chiếc phi cơ đang bay, cũng như anh bán vé xe buýt trong khi xe đang chạy tất nhiên phải có cách uyển chuyển lả lướt ăn nhịp với tốc độ vận hành. Nay ta ở trên một chiếc tàu địa cầu với kiểu vận hành, với tốc độ khủng khiếp như thế, ta há ăn uống, sinh hoạt, suy tư một cách cứng đờ hoặc hồ đồ được sao? Nguyên lý này nếu ai không biết thì kể như người đó đã bằng lòng trót

kiếp làm tôi đòi, dù là không tin gì cả. Bởi vậy chỉ một câu: "Ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm" của *Kinh Kim Cang* mà Lục tổ Huệ Năng đại ngộ.

Đoạn 5

PHIÊN ÂM:

Thiên khí thanh tịnh quang minh giả dã, tàng đức bất chỉ, cố bất hạ dã. Thiên minh tắc nhựt nguyệt bất minh, tà hại không khiếu. Dương khí giả bế tắc, địa khí giả mạo minh. Vân vụ bất tinh, tắc thượng ứng bạch lộ bất hạ. Giao thông bất biểu, vạn vật mạng cố bất thi, bất thi tắc danh mộc đa tử. Ác khí bất phát, phong vũ bất tiết, bạch lộ bất hạ, tắc uyển cảo bất vinh. Tặc phong số chí, bạo vũ số khởi, thiên địa tứ thời bất tương bảo, dữ đạo tương thất, tắc vị ương tuyệt diệt. Duy thánh nhơn tùng chi, cố thân vô kì bệnh, vạn vật bất thất, sanh khí bất kiệt.

DỊCH:

Bao la vốn sẵn thanh tịnh quang minh, chứa đức(1) không ngừng, vốn không có, vốn đi lên đi xuống. Nhưng khi có mặt địa cầu tất có khí quyện(2), nay vì một lẽ gì làm cho lớp khí quyện quá loãng đi, tất nhiên mặt trời, mặt trăng không sáng tỏ được, do đó tà khí phạm vào các khiếu trống(3).

Khí dương ở trên bế tắc không xuống, khí âm ở dưới không chịu bốc lên, làm cho mây mù không ngưng đọng, thì đến lúc bạch lộ (mốc trắng)(4) đáng lẽ phải xuống mà không xuống, sự giao thông(5) không hiển hiện được, vạn vật cũng theo đó mà không sanh sôi, không sanh sôi thì loài danh mộc chết nhiều. Khí nặng(6) không phát lên được, gió mưa không chừng, mốc trắng không rơi xuống thì cỏ cây tiêu điều, thường có gió giật, mưa bạo, khí trời bốn mùa không nương nhau, thế là trái với đạo trật tự, làm cho sinh khí chưa chi mà đã héo tàn. Chỉ có thánh nhân mới biết thuận với trật tự thiên nhiên, nên không bị xảy ra bệnh lạ, cùng với vạn

vật nhịp nhàng nên sanh khí không bị cạn kiệt.

CHÚ THÍCH:

(1) **Đức:** Chữ "đức" ở đây muốn cho dễ hiểu ta cứ hiểu thẳng vào cái nghĩa của năng lực là đúng nhất.

(2) **Khí quyện**: Chữ "khí quyện" dịch để thay cho chữ thiên, ở đoạn này có hai lần nhắc đến chữ thiên. Nhưng chữ thiên trước chỉ cho bao la vô cực, chữ thiên sau ngược với chữ địa, tức chỉ cho vòng khí quyện.

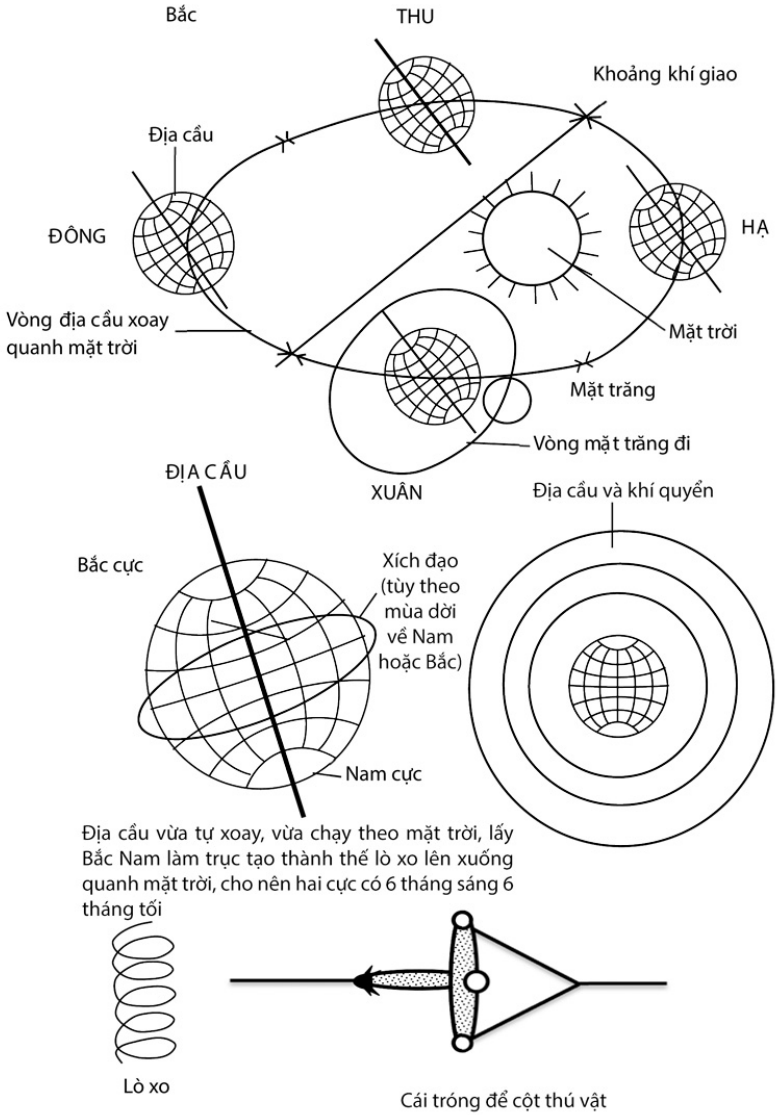
(3) **Các khiếu trống**: Tai, mắt, mũi, miệng.

(4) **Bạch lộ** (mốc trắng): là một loại sương thật nhuyễn ngưng đọng vừa tầm của ngọn cây cỏ, có màu trắng phau.

(5) **Giao thông**: chỉ cho sức bốc lên của mặt đất và sức rút xuống của khí trời cũng như sức tung ra, rút vào, tức là ly tâm hướng tâm vậy.

(6) **Khí nặng**: khí âm từ đất bốc lên

HÌNH 2.2: THÁI DƯƠNG HỆ


Bắc
THU
Khoảng khí giao
Địa cầu
ĐÔNG
HẠ
Vòng địa cầu xoay quanh mặt trời
Mặt trời
Mặt trăng
Vòng mặt trăng đi
XUÂN
ĐỊA CẦU
Địa cầu và khí quyển
Bắc cực
Xích đạo (tùy theo mùa dời về Nam hoặc Bắc)
Nam cực
Địa cầu vừa tự xoay, vừa chạy theo mặt trời, lấy Bắc Nam làm trục tạo thành thế lò xo lên xuống quanh mặt trời, cho nên hai cực có 6 tháng sáng 6 tháng tối
Lò xo
Cái tróng để cột thú vật

GIẢI:

Đoạn trên đây mạch văn rất mờ, nhưng nhờ có những câu sau chót và toàn ý NỘI KINH nên nhận được ý của luận giả ngoài lời, nếu không thuật lại người đọc dễ hiểu sai. Do đó buộc lòng thuật lại cho rõ:

Nơi đây muốn áp dụng luật so sánh, mượn khách định chủ, mượn chủ định khách. Vì con người là hồi tụ của bao la. Nhưng lại phải chịu ảnh hưởng trực tiếp với Thái dương hệ. Trong Thái dương hệ sự vận hành vẫn phải có trật tự, nếu vì một lẽ gì làm cho trật tự mất quân bình sức ly tâm hướng tâm của quả đất với mặt trời, âm dương không giao nhau được thì vạn vật trên mặt đất cũng đồng phải chịu chung ảnh hưởng. Trong con người cũng vậy, mặc dù bao la vô cực vốn là thanh tịnh quang minh đầy đủ năng lực nhưng con người vẫn phải thuận với trật tự vận hành của Thái dương hệ mình ở. Nay nếu không biết cái đạo tùy thuận với bốn mùa mà chế ngự tinh thần thì sức giao nhau của khí âm dương trong người cũng bị bế tắc để rồi tế bào toàn thân cũng phải chịu chung một ảnh hưởng y như trật tự thiên nhiên trong Thái dương hệ bị lỗi nhịp mà vạn vật phải chịu ảnh hưởng chung vậy.

Có người hỏi: Tại sao trong đoạn này lại đưa ra vấn đề các loài danh mộc chết nhiều. Thưa đây là luật ngũ hành tương sanh tương khắc, âm dương không giao nhau tức là âm dương phân ly, âm dương phân ly tức là khí ráo thuộc Kim. Danh mộc nghĩa là đích thực là Mộc, thế là muốn nói khí Thu tàn bao trùm mà sinh lực phải bị tiêu diệt.

BÌNH:

Đọc đoạn văn dịch này tôi biết sẽ có những người học Nho theo kiểu nhai lại bã người xưa, họ sẽ kêu rêu phân bua rằng mình bóp méo chính văn theo kiến thức của mình, nhưng mặc kệ chả sao! Cứ để tha hồ ai muốn đi đêm tùy ý. Có điều thích thú nhất là thấy được cổ nhơn thật là văn minh, không những luôn luôn không lìa linh không vô cực mà lúc nào cũng muốn hiểu rõ cái nghĩa phải linh động nhiệm mầu như "Ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm" là trụ cốt cho *Kinh Kim Cang* vậy.

Đoạn 6

PHIÊN ÂM:

Nghịch Xuân khí, tắc Thiếu dương bất sanh, Can khí nội biến.

Nghịch Hạ khí, tắc Thái dương bất trưởng, Tâm khí nội đỗng. Nghịch Thu khí, tắc Thái âm bất thâu, Phế khí tiêu mãn. Nghịch Đông khí, tắc Thiếu âm bất tàng, Thận khí độc trầm.

DỊCH:

Nếu ăn ở trái với khí(1) mùa Xuân, thì khí Thiếu dương(2) không sanh, làm cho khí trong Gan sanh biến. Trái với khí mùa Hạ thì khí Thái dương(3) không trưởng, khí của Tim bị uất trở vào. Trái với khí mùa Thu thì khí Thái âm(4) không thu liễm, khí của Phổi bị héo uất. Trái với khí mùa Đông thì khí Thiếu âm(5) không bế tàng, làm cho khí của Thận bị chìm lỉm.

CHÚ THÍCH:

(1) **Khí**: Chữ "khí" trong đoạn này có hai nghĩa: khí của mùa màng và sinh khí trong nội tạng.

(2) **Thiếu dương**: Khí dương còn nhỏ, mới trỗi dậy như mầm non.

(3) **Thái dương**: Khí dương trương nở tột cùng.

(4) **Thái âm**: Khí âm rất lớn bao trùm.

(5) **Thiếu âm**: Khí âm còn nhỏ cũng như nghĩa Thiếu dương.

GIẢI:

Luận nói: "Nếu trái với khí mùa Xuân thì khí Thiếu dương không sanh, làm cho khí trong Gan sanh biến". Vì khí Thiếu dương là khí dương còn nhỏ mới trỗi dậy, lại thuộc về Gan. Khi bị nghịch lại tức là sinh khí của lá gan không vượt lên và ra ngoài được, mà loạn ngược trở vào trong.

Còn nói: "Trái với khí mùa Hạ thì khí Thái dương không trưởng, làm cho khí của Tim phải uất trở vào". Khí Thái dương thuộc về mùa

Hạ, thuộc về trương nở, thuộc về Tim. Giờ đây sinh lực của nó đã bạc nhược, nên mất sức trưởng thành. Lẽ tất nhiên khí co dãn của Tim phải bị gián đoạn mà uất trở vào.

Nói: "Trái với khí mùa Thu thì khí Thái âm không thâu, làm cho khí của Phổi bị héo uất". Tức là nói khí mùa Thu là khí thâu liễm, là khí Thái âm, thuộc Phổi. Giờ đây bị ăn ở trái chướng với khí mùa Thu làm phạm đến sinh lực của Phổi, nên Phổi phải bị héo vít lại.

Nói: "Trái với khí mùa đông thì khí Thiếu âm không ẩn tàng làm cho khí của Thận bị chìm lỉm". Vì Thiếu âm thuộc về tạng Thận, thuộc về mùa Đông, nên khi sanh hoạt trái chướng với mùa Đông tức là đã xâm phạm vào luật bế tàng của Thận, nên khí của Thận mới bị chìm lỉm.

Đọc hết đoạn này ta thấy ý luận giả muốn nói cái đạo dưỡng sanh không được phép trái chướng với bốn mùa trật tự thiên nhiên. Khi có trái chướng không những bệnh lây qua tạng khác và mùa khác, mà ngay ở mùa ấy tạng ấy cũng phải sanh bệnh. Như thế tức là chú giải thêm cho mấy đoạn nói về bốn mùa của trên kia vậy.

Thêm một điểm nữa, ngoài sự dùng luật ngũ hành tương sinh tương khắc mà hợp với tạng phủ cơ năng ra, luận giả còn áp dụng bản đồ Thái cực, Lưỡng nghi, Tứ tượng của Dịch lý để làm khuôn thước cho cơ năng tạng phủ cũng như trật tự thiên nhiên. Theo đây chúng ta nếu nhìn sâu vào ý tứ của lời văn thì ta sẽ thấy âm dương không phải là hai cái riêng biệt mà còn có nghĩa lên xuống, thay nhau đầy vơi nữa.

Đoạn 7

PHIÊN ÂM:

Phù! Tứ thời âm dương giả, vạn vật chi căn bổn giả. Sở dĩ thánh nhơn Xuân Hạ dưỡng dương, Thu Đông dưỡng âm, dĩ tùng kỳ căn. Cố dữ vạn vật phù trầm vu sanh trưởng chi môn. Nghịch kỳ căn tắc phạt kỳ bổn, hoại kỳ chơn hỉ. Cố âm dương tứ thời giả,

vạn vật chi chung thỉ dã, tử sanh chi bổn dã. Nghịch chi tắc tai hại sanh, tùng chi tắc kha tật bất khởi, thị vị đắc đạo. Đạo giả thánh nhơn hành chi, ngu giả bội chi. Tùng âm dương tắc sanh, nghịch chi tắc tử; tùng chi tắc trị, nghịch chi tắc loạn. Phản thuận vi nghịch, thị vị nội cách.

DỊCH:

Vả chăng! Bốn mùa âm dương là nguồn cội của vạn vật. Cho nên thánh nhơn mùa Xuân mùa Hạ nuôi dưỡng phần dương, mùa Thu mùa Đông nuôi dưỡng phần âm là để thuận với nguồn cội vậy. Cho nên thánh nhơn mới cùng với vạn vật đồng nhất, mà lên lên xuống xuống thuận với cái nẻo sanh trưởng. Nếu trái với nguồn cội thì căn bản(1) sẽ bị sát phạt, chơn khí sẽ bị tán hoại vậy. Cho nên âm dương bốn mùa là giềng mối của vạn vật, là nguồn cội của sanh tử. Nếu trái với nó thì tai hại phát sanh, thuận với nó thì bệnh tật không khởi, thế gọi là đắc đạo. Đạo là cái mà thánh nhơn thực hành, còn người ngu thì làm trái lại mà phải bị mang theo.

Nếu thuận với âm dương thì sống, thì trị(2); trái lại thì chết thì loạn. Trái với luật tương sanh là đi ngược cho nên gọi là nội cách(3).

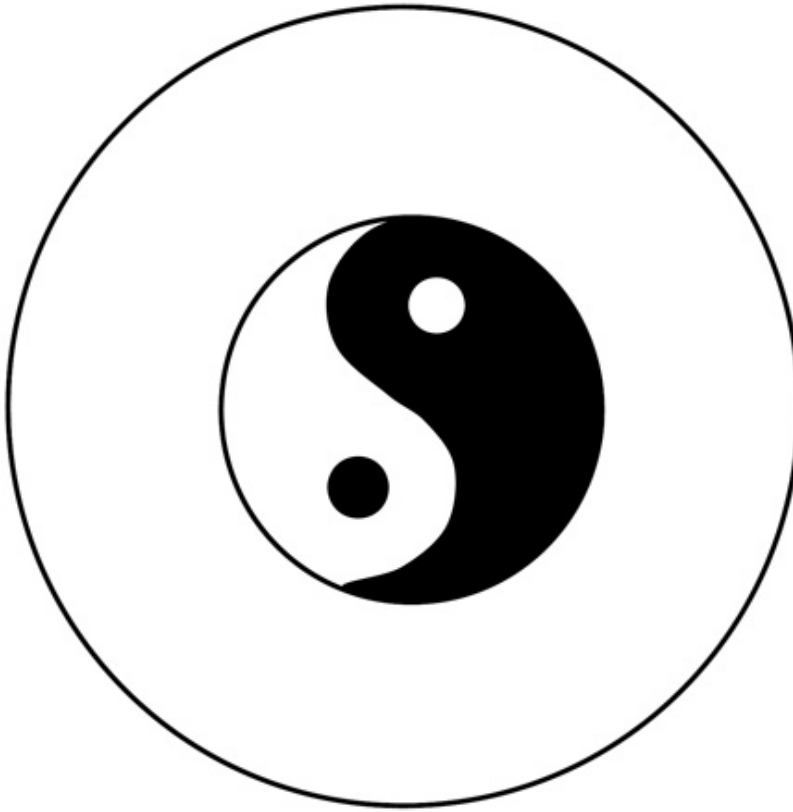
CHÚ THÍCH:

(1) **Căn bản**: Chữ "căn bản" ở đây cũng như chữ nguồn cội, chữ chơn khí đều là chỉ cho nguồn sinh lực của cả xác thân và tâm linh.

(2) **Trị**: Chữ "trị" ở đây có nghĩa là trật tự.

(3) **Nội cách**: Bên trong bị ngăn lấp làm cho trong ngoài không giao nhau

HÌNH 2.3: VIÊN CHIẾU



GIẢI:

Bước vào đoạn này liền có hai chữ "vả chăng…" tức là luận giả còn đang tiếp tục diễn rộng về nghĩa trật tự âm dương bốn mùa. Lại tiếp rằng: "Đó là nguồn cội của vạn vật", thế tức là không có âm dương bốn mùa là không thể có sinh vật, mà âm dương bốn mùa lại là hiện tượng tương đối. Như thế nghĩa là hễ có vật tượng là phải mang theo hiện tượng tương đối, mà hiện tượng đó cổ nhơn dùng hai chữ "âm dương" để mà xỏ xâu suốt hết. Nhưng tại sao thánh nhơn lại phải mùa Xuân, mùa Hạ nuôi dưỡng phần dương, mùa Thu, mùa Đông nuôi dưỡng phần âm? - Ở đây điểm quan hệ là luật ly tâm hướng tâm của quả đất với bầu khí quyện khi dãn khi co, mà ly tâm dãn ra là dương, hướng tâm co vào là âm, phần khí là dương, phần chất là âm. Nơi thân của con người cũng vậy. Chỗ này mời độc giả chịu khó dùng chút suy tư.

Luận tiếp: "Cho nên thánh nhơn mới cùng với vạn vật đồng nhất mà lên lên xuống xuống thuận với cái nẻo sanh trưởng". Đọc lên câu này, nếu chúng ta chịu khó buông tâm hồn nhập vào bao la, rồi ta mới thấy hình như cổ nhơn đang ngồi trước mặt ta vậy. Quả thật trong vũ trụ này, khắp hết sự đời, lớn cùng khắp vũ trụ, nhỏ tận đến mún mín đơn vị, không những nó thay biến đổi dời linh lung huyền ảo từng phút từng giây mà cũng không có mặt bằng nữa. Mỗi một cá thể không những chỉ là một khối tổ hợp chẳng có cái gì thật là riêng mình, mà còn đối với những cá thể khác cũng chỉ là không thể phân, không thể hợp mà thôi. Do đó mà con người nếu không áp dụng nghệ thuật cỡi lá thuyền nan rong chơi nơi sông dài bể cả, thuận với sóng gió ba đào, để mà đùa cợt ngao du. Thử hỏi vậy còn làm gì nữa chứ?! Quả thật! Quả thật! Cái mâu thuẫn là cái bày đặt của thằng người. Nếu tận cùng nguồn cội của trật tự thiên nhiên ta sẽ thấy vấn đề mâu thuẫn hay không chỉ là chuyện trẻ con. Và ai là người phủ nhận việc cỡi thuyền nan ngao du trên sông dài bể cả, thì cứ để mặc cho họ lặn hụp trong vũng bùn lầy, rồi lần hồi họ sẽ tự biết.

Hoan nghinh ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm!

Hoan nghinh Lục Tổ đại sư!

Ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm muôn thuở!

Luận nói: "Nếu trái với nguồn cội thì căn bản sẽ bị sát phạt, chơn khí sẽ bị tán hoại". Điều này quả có thật hay không, đây là một hùng biện:

Ai có ngờ đâu sức tiến triển của khoa học kĩ nghệ vật chất ngày nay dưới tận cùng đáy biển, trên dùng phi thuyền vượt không gian, giữa có bom nguyên tử, hỏa tiễn liên lục địa, bộ óc điện tử, vô tuyến truyền hình, làm mưa làm gió v.v. Thế mà mãi đến ngày nay con người càng ngày càng yểu ương, xã hội càng ngày càng loạn ly, bệnh tật càng ngày càng quái gở. Cho đến cuộc sống của họ chẳng có tí gì là mềm dẻo, uyển chuyển để xứng đáng gọi là có biết được chút ít trật tự thiên nhiên, đừng nói chi đến giữ được kích thước của con người. Như thế thì làm sao mà biết được nguyên động lực của vũ trụ là gì? Chính con người của mình là gì? Bảo sao các thánh hiền không thường nói: cổ nhơn hình giống thú mà trong tâm vẫn đầy đủ đức sáng của bực thánh nhân, còn người nay bề

ngoài thật là người nhưng bên trong lòng dạ tánh thú không thể lường được. Quả thật là một câu nói của người có mắt tinh đời vậy.

Không có âm dương bốn mùa thì vạn vật hẳn nhiên là không thể sanh sôi được, điều này khỏi phải nói. Nhưng nói: "Đây là nguồn cội của sự sống chết", chữ "sống" chữ "chết" ở đây nếu ta hiểu theo chữ "sanh" chữ "tử" của nhà Phật, cũng như chữ "sống" chữ "chết" của người đời thì thật không làm sao mà hiểu được ý của cổ nhơn. Chúng ta đừng nên lười biếng suy tư.

Lại bảo rằng: "Nếu trái với trật tự ấy thì tai hại sanh, thuận với nó thì bệnh tật không khởi, thế gọi là đắc Đạo". Đọc lên mấy câu này trong thấp thố thấp thưởi trước nhất ta sẽ hiểu bệnh tật với đau khổ là hai thứ khác nhau, thứ nữa ta sẽ hiểu cổ nhơn là những người dốt nát nhu nhược không bao giờ dám nghĩ để chinh phục trật tự thiên nhiên, vậy mà dám bảo là đắc Đạo.

Lão Tử nói: "Trên vật lý, vạn vật khi còn sống thì mềm dẻo, khi chết thì cứng đơ. Cho nên biết những bọn cứng đơ là những bọn chết". Thế thì câu này chắc là Lão Tử để dành chỉ cho hạng người nói trên.

Có người bảo: Đây là giọng nói của các ông gọi là tiên gia, họ chỉ biết tìm cách tập luyện cho thân này được sống lâu một cách ích kỷ mà thôi, chứ không như cái học nhà Phật biết chú trọng hẳn về cái tâm. Trời Phật ơi! Chính những người đó mới là những người chối Phật chối Chúa. Vậy chứ trong kinh điển nhà Phật có hồi gọi Phật là vị Đại Tiên, thế là nói cái gì đó? Khổng Tử nói: "Có xác thân lực lưỡng mạnh khỏe mà thiếu sự hiểu biết là rừng rú, có hiểu biết mà xác thân tàn hại bệnh hoạn lê thê là một thứ chết mất. Vậy nên phải thân tâm quân bình mới được gọi là người học Đạo".

Kinh Phật có nói: "Một hôm Phật bảo các đệ tử rằng: Này các ông! Có hai con đường chết mà con người muốn tìm sự thật chớ nên theo. Một là buông lung theo dục vọng, mong cầu cảm giác khoái lạc nơi xác thân. Hai là đày ải bóp méo cho xác thân què quặt tàn hại. Ai làm như thế không phải là người hiểu biết".

Kinh Kim Cang chép: "Ông Tu Bồ Đề hỏi Phật: người phát tâm học

đạo phải hàng phục tâm mình như thế nào? Sau một loạt giải thích Phật kết bằng một câu rằng: Ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm".

Bao nhiêu đó không đủ để cho ta nhận ra nghĩa hai chữ "đắc đạo" ở đây của cổ nhơn sao?

Thế mà luận còn tiếp: "Đạo là cái mà thánh nhơn thực hành, còn người ngu thì làm trái lại mà phải bị mang theo". Đọc hai câu này tôi cảm thấy thú vị vô cùng. Tôi từng thấy có những hạng người rất khôn ngoan thông thái, họ nói họ chinh phục thiên nhiên, họ thám hiểm không gian mà họ vẫn phải mang theo không khí của mặt đất này lên thượng tầng để thở. Cũng có kẻ ra đường thì ngồi xe hơi có máy lạnh, vào phòng làm việc vẫn có phòng lạnh, khi trở về nhà lập tức chui vào phòng lạnh, đến bữa ăn phải có nước đá lạnh, khi tắm thì ngược lại phải đi tìm nước nóng, đến lúc bị xung động thì họ lại hì hục làm bừa, hoặc ngồi lại tính toán để tìm cách tránh việc có thai. Thế thì những hạng người này lại không phải là những hạng "làm trái lại mà phải bị mang theo" đó sao?! Hèn gì thi sĩ Ôn Như Hầu Việt Nam có viết:

"Cái quay búng sẵn trên trời,

Mờ mờ nhân ảnh như người đi đêm."

Khi tôi mới đọc hai câu thơ này của thi sĩ làm tôi bắt nhớ lại cái dụng cụ để cột súc vật như heo gà của người thôn quê, mà cảm thấy rất tủi hổ cho kiếp con người khi phải bị đi đêm. Dụng cụ ấy người quê miền Nam gọi là cái tróng: người ta đẽo một thanh tre bề gáy độ 5 ly, bề rộng độ 2 phân, chiều dài độ 2 tấc, quãng giữa để nguyên, hai đầu chuốt nhỏ lại và làm thành hai cái gù ngoài đầu có chỗ thắt để cột dây, chính giữa thanh tre ấy đục một cái lỗ; xong rồi lại dùng một thanh tre khác dài độ 2 tấc rưỡi, một đầu làm một gù to, còn thân thanh tre chuốt tròn cho vừa lỏng thông được qua cái lỗ của thanh kia, sau đuôi lại có một cái gù nhỏ để thắt dây. Khi cho cái que này vào lỗ kia trông tương tự như chiếc phi cơ. Bấy giờ sau đuôi chiếc phi cơ thắt một đầu dây, sợi dây sẽ được buộc vào trong một cái cọc nào đó. Còn hai cánh phi cơ cũng thắt hai mối độ hơn hai tấc thì lại thắt vào nhau làm thành một sợi để buộc vào con thú. Tác dụng này ở chỗ làm cho con thú cảm thấy tự do không đến nỗi bực dọc, mà sợi dây cũng không bị cắt đứt (xem hình vẽ ở đoạn 5).

Cái quay búng sẵn trên trời của Ôn Như Hầu có lẽ cũng tương tự như vậy. Quả thật! Quả thật! Hết thảy thế gian đều đi đêm.

Kinh Phật nói: "Thế gian là đêm dài, người giác ngộ là mặt trời soi sáng, là làm con mắt cho cả thế gian". Như thế há là chẳng đúng lắm sao?

Những ai đã từng ôm lòng tự tôn mặc cảm, thấy mình to quá đến đỗi chẳng còn biết được cái thật lớn là gì. Ngược lại những ai đã từng tự ti mặc cảm, thấy mình đối với bao la nó bé bỏng làm sao, đến nỗi chẳng biết được cái thật nhỏ là gì. Hãy nên đọc kỹ đoạn luận trên kia để mà trầm tư phản tỉnh.

Có người bảo: Nếu tinh thần của cổ nhơn quả đã vượt đến mức cao siêu dường ấy, thế nhưng sao người xưa lại không biết đến những nào là vi trùng, tế bào, tinh trùng, nguyên tử v.v.? - Xin thưa: Kẻ bình này khi mới nghe lỏm nhá nhem được ít điều của cái gọi là khoa học, rồi cũng đã từng phê phán cổ nhơn bằng cách đó. Đến nay nhìn lại mới thấy mình quá ư dại khờ, rồi từ đó chẳng dám mở miệng hồ đồ tạp nhạp nữa. Không biết rằng cổ nhơn đã chưa biết những thứ ấy, hay là mình chưa biết cổ nhơn, điều này tôi rất ngờ vực.

Ai có ngờ đâu chính loài người chúng ta chẳng đã từng thấy rằng chỉ có loài người mới có biết thiên văn?! Thế mà đài khí tượng của loài người ngày nay đoán điềm trời không quá trước ba ngày, còn loài mối ở rừng chúng nó đã có những đài thiên văn để biết trước thời tiết của năm ấy hằng hai, ba tháng?!

Một hôm Liệt Tử đến chơi nhà Trang Tử gặp Trang Tử đang ngồi nhìn cá dưới ao tung tăng bơi lội. Trang Tử nói: Hôm nay cá vui quá nhỉ. - Liệt Tử bảo: Trang không phải cá sao Trang biết cá vui? - Trang đáp: Liệt không phải Trang sao Liệt biết Trang không biết được cá vui?

Bao giờ chúng ta trả lời được dứt khoát những câu hỏi sau đây rồi hẵn phê phán cổ nhơn chẳng muộn.

▪ Vũ trụ này lấy nguyên động lực ở đâu mà động?

▪ Tim ta lấy nguyên động lực ở đâu mà đập?

▪ Tại sao tất cả đều là tổ hợp? Và chính mình là cái gì? v.v.

Luận lại tiếp: "Thuận với trật tự thiên nhiên thì sống, thì trị, nếu trái lại thì chết, thì loạn. Trái lại tức là đi ngược chiều với tương sanh nên gọi là nội cách". Chữ "sống" chữ "trị" chữ "chết" chữ "loạn" ở đây, nếu chỉ hiểu bằng cách ở trong thân thì thật là giết chết cổ nhơn, và cũng chẳng biết tí gì về cuộc đời này, và cũng không thể biết được mỗi con người đều có sẵn một dòng điện ứng hợp với trật tự thiên nhiên nữa. Còn cái chuyện đi ngược chiều xảy ra nội cách, điều đó hẳn nhiên càng đi sâu vào sẽ càng rõ.

Đoạn 8

PHIÊN ÂM:

Thị cố thánh nhơn bất trị dĩ bệnh trị vị bệnh; bất trị dĩ loạn trị vị loạn; thử chi vị dã. Phù bệnh dĩ thành nhi hậu dược chi, loạn dĩ thành nhi hậu trị chi. Thí du khát nhi xuyên tỉnh, đấu nhi chú binh, bất diệc vãn hồ?

DỊCH:

Cho nên thánh nhơn chẳng đợi đã bệnh rồi trị mà phải trị ngay khi bệnh chưa phát, chẳng đợi đã loạn rồi mới trị, mà phải trị ngay khi chưa loạn là nghĩa như thế.

Vả chăng để cho bệnh đã thành hình rồi sau mới chạy thuốc, cũng như loạn đã nổi lên rồi mới nghĩ cách trị. Như thế nào có khác chi đợi đến lúc khát nước rồi mới đào giếng, giặc đã đánh đến nơi rồi mới tạo vũ khí, như thế chẳng hóa ra muộn màng lắm sao?

BÌNH:

Đoạn này chẳng qua là để kết luận về tinh thần của thánh nhơn. Tuy nhiên còn những điểm mà chúng ta phải cần biết.

Đọc qua lời văn ta thấy hình như cổ nhơn muốn mượn chuyện trị loạn ở ngoài xã hội để giải thích chuyện trong thân người. Nếu bộ óc học hỏi như thế dù có đọc hết bộ NỘI KINH cũng chẳng được gì.

Hết thảy những kẻ bệnh tật đau thương, phiền não khổ lụy, điên cuồng tác quái, phá hoại, loạn ly phải chăng đều là những kẻ chỉ vì không hiểu gì hết về chính con người của mình, mà cũng chẳng hiểu tí gì về trật tự thiên nhiên?! Thế thì cả cái thế giới loài người ngày nay mà chúng ta tự gọi là văn minh cực thịnh đây chẳng là một thứ võ muội, què quặt, đau khổ, loạn ly cực kỳ lạc hậu đó sao?!

Ai có ngờ đâu cái lão già Khổng Khâu cục mịch cổ lỗ dường ấy mà lại cũng đã sớm biết điều này, để đưa ra cái học "chính danh" và cái đạo "tu, tề, trị, bình" (tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ). Chữ "tu" ở đây xin đừng ai hiểu một cách hời hợt như chữ "tu" kim thời. Nếu hiểu chữ tu như thế thì chữ tề, chữ trị, chữ bình cũng mù quáng luôn.

Ai có ngờ đâu, nếu mỗi người chỉ biết lo săn đuổi ra bên ngoài để tìm một kết quả như thế nào ấy thì dù cho anh em ruột thịt, cha mẹ với con cái cũng đều biến thành một trường tranh đoạt, chớ đừng mong hiểu nhau tí gì. Trái lại nếu mỗi người biết tự soi trở vào trong để khám phá chính con người của mình trước đã, thì dù cho tuổi tác có sai biệt nhau một trời một vực như cha mẹ, ông bà đối với con cháu đi nữa cũng đều tức thì trở thành tri âm. Như thế cái nghĩa tu tề trị bình của ông già ấy chúng ta ngày nay có thể xem thường được sao?!

Kinh Dịch nói: "Cơ mầu dấy động hoạ phúc liền sanh". Thế thì cơ mầu là cái gì? Ở đâu? Tại sao dấy động? Và những chuyện cha lấy con, anh giết em, con giết cha, 12-13 tuổi đi hiếp dâm một em bé 5-6 tuổi, hoặc rủ rê nhau đi tự tử tập thể, hoặc tàn hại giết chóc loạn ly của cõi đời này há lại vượt ra khỏi cơ mầu được sao?! Và có phải chỉ xảy ra trong một sớm một tối không? Vậy thì chỉ một đoạn kết trên đây cũng đủ chứng minh cho ta thấy cổ nhơn đã nắm tròn cái cơ trị loạn trong tay tít

tận hồi nào, mà chúng ta đến ngày nay vẫn hãy còn đui mù lạng quạng.

Có người nói: Bởi tổ tiên Âu Tây vì ăn vụng trái cấm chạy nọc nên đi cái đầu trở xuống hai chân trở lên, còn con cháu Á Đông bị lậm thuốc mê nên ngồi trên sự nghiệp của ông cha mà ngủ gục. Quả là một sự nhận xét có con mắt.

Bổ khuyết:

Có người hỏi: Tại sao phải nói "Xuân Hạ dưỡng dương, Thu Đông dưỡng âm" mà không nói "Xuân Hạ dưỡng âm, Thu Đông dưỡng dương"? - Đáp: Chữ "dương" chữ "âm" ở đây ngoài ý chỉ để cho phần ngoài, phần trong; phần trên, phần dưới; phần khí, phần chất ra còn muốn nói người sau biết mùa Xuân mùa Hạ chỗ nhược điểm của trong con người nằm ở phần dương, phần trên, phần ngoài; mùa Thu mùa Đông ở phần âm, phần dưới, phần trong. Chớ không phải bảo rằng: Xuân Hạ chỉ dưỡng phần dương, mà Thu Đông chỉ dưỡng phần âm. Ta nên nhớ: đọc sách phải được ý quên lời, nếu chỉ theo chữ mà cắt nghĩa tức là giết chết cổ nhơn đó vậy.

THIÊN THỨ HAI

- HẾT -

Mạch sống và hình hài

Năng lực và vật chất

Bao la với tôi vốn không phải là hai, nếu tôi có cái "Tôi" thì tôi bị ở trong bao la. Tôi không có cái "Tôi" thì bao la là tôi, tôi là bao la. Nếu tôi không để ý điều này thì tôi làm sao đọc được NỘI KINH.

C.N.

Thiên thứ ba

SANH KHÍ THÔNG THIÊN LUẬN

Định nghĩa tên thiên

Thiên: *Nơi đây có nghĩa chỉ chung cho cả bầu khí quyện và bao la vô cực.*

Sanh khí thông thiên luận*: là thiên luận về sanh khí của loài người cùng với vạn vật và trật tự thiên nhiên vốn đồng nhất.*

BÌNH:

Con người cùng với vạn vật kể cả Thái dương hệ và bao la vô cực, nhìn ở một mặt ta sẽ thấy là một cái hộp tròn như quả bóng không có khe hở. Ngược lại một mặt khác ta sẽ thấy vốn là không thể phân cũng không thể hợp, y như bốn câu kệ của nhà Phật mà Nhượng Tống dịch trong Mái Tây:

"Thường tự hòa hợp

Không phép gặp mặt.

Thường tự vắng lặng

Không phép biệt ly.”

Điều này nếu ai chứng thực ngay trong tâm tánh mình đều thấy như thế cả. Chuyện này đối với chúng ta ngày nay hình như là xa lạ lắm, thực ra với cổ nhơn vẫn là chuyện hằng ngày. Cho nên mới có tên thiên như thế.

Đoạn 1

PHIÊN ÂM:

Huỳnh Đế viết: Phù! Tự cổ thông thiên giả, sanh chi bổn, bổn vu âm dương. Thiên địa chi gian, lục hợp chi nội. Kỳ khí cửu châu cửu khiếu, ngũ tạng thập nhị tiết giai thông hồ thiên khí.

Kỳ sanh ngũ, kỳ khí tam. Sổ phạm thử giả, tắc tà khí thương nhơn, thử thọ mạng chi bổn dã.

Thương thiên chi khí thanh tịnh, tắc chí ý trị, thuận chi tắc dương khí cố, tuy hữu tặc tà, phất năng hại dã, thử nhân thời chi tự. Cố thánh nhơn truyền tinh thần, phục thiên khí, nhi thông thần minh.

Thất chi tắc nội bế cửu khiếu, ngoại ủng cơ nhục, vệ khí tán giải, thử vị tự thương khí chi tước dã.

DỊCH:

Huỳnh Đế nói: Vả chăng! Từ xưa những bậc mà cuộc sống cùng với bao la đồng nhất, sự sống của họ đều căn cứ nơi âm dương. Giữa quãng trời đất trong vòng không gian, về khí có phân chín châu[1], chín khiếu[2], năm tạng[3], mười hai kinh[4] tất cả đều mắc liền với khí của trật tự thiên nhiên. Rồi sanh ra năm hành[5], phần khí chia ra ba âm ba dương[6]. Nếu cuộc sống sai lầm xâm

phạm vào trật tự ấy thì tà khí hại người, đó là nguồn cội của thọ mạng.

Nếu bao la vốn trong sạch thì chí ý phải trị, thuận theo đó thì khí dương được bền chắc, dù có tà độc cũng không thể làm hại được, đó là nhờ ở thuận với trật tự thiên nhiên. Cho nên thánh nhơn thường soi lại lòng mình, chỉnh đốn tinh thần, thu hút lấy khí thiên nhiên của trời để cho thiên nhiên cùng con người đồng nhất mà thần minh được thông suốt.

Nếu ngược lại thì bên trong bế tắc chín khiếu, bên ngoài da thịt bị ngăn lấp, phần khí vệ(7) tan mất, đó gọi là tự hại phần khí vậy.

CHÚ THÍCH:

(1) **Chín châu**: Theo hai nhà chú thích Trung Hoa là Trương Ẩn Am và Mã Nguyên Đài thì chín châu là: châu Ký, châu Duyện, châu Thanh, châu Từ, châu Kinh, châu Dương, châu Dự, châu Lương và châu Ung.

(2) **Chín khiếu**: khiếu dương ở trên đầu có bảy là: hai tai, hai mắt, hai mũi, một miệng, cộng với khiếu âm ở dưới là tiền âm và hậu âm.

(3) **Năm tạng**: Tim, Gan, Tỳ (Tỳ dương và Tỳ âm), Phổi và Thận.

(4) **Mười hai kinh**: Kinh Thái dương, Dương minh, Thiếu dương; Thái âm, Thiếu âm và Khuyết âm chia ra phần thủ và phần túc. Điều này rồi sau sẽ có nơi cắt nghĩa thật rõ.

(5) **Năm hành**: Kim, Mộc, Thủy, Hỏa và Thổ. Sau này cũng sẽ có nhắc đến thật rõ.

(6) **Ba âm ba dương**: Thái dương, Dương minh, Thiếu dương. Thái âm, Thiếu âm và Khuyết âm.

(7) **Khí vệ**: Một thứ thể khí để bảo vệ cho bên ngoài châu thân. Khí này nó phải luôn luôn nhịp nhàng theo sự co dãn của bầu khí quyện.

BÌNH:

Trong tất cả thế giới chúng sanh kể cả loài người, hết thảy đều có thể phân làm hai hạng: Một là biết đúng, biết khắp, hai là biết lộn ngược, biết sai lầm. Vậy thế nào và căn cứ nơi đâu mà biết khắp, biết đúng, biết không sai lầm? - Xin thưa: Bao la vô cực vốn là một thể tròn sáng, sắc không phải sắc, không có trong ngoài. Nhưng khi có mặt quả đất này, rồi đến có ta, từ khi có cái Ta, không biết chỗ ta đứng đây có phải là trung tâm không, nhưng giác quan Ta vẫn thấy là thế. Và quả đất này có phải ở ngay trung tâm của bao la vô cực hay không? Có ai biết đâu! Thế mà trên nhãn quan của chúng ta vẫn thấy là ở ngay chính giữa.

Bao la vô cực vốn đã không có trong ngoài, thế mà đứng trên mặt địa cầu này, nếu bằng mắt thịt ta sẽ thấy ta đứng trên mặt bằng mà trên đầu chúng ta là lòng chảo úp. Nếu dùng con mắt trí cao hơn một chút pha lẫn với một chút trực giác sai lầm thì ta sẽ thấy ta đang đứng trên một khối tròn bóng sáng, khối tròn ấy lại bị treo lơ lửng ở giữa ruột quả bóng thủy tinh vĩ đại mà bên ngoài quả bóng ấy lại có tráng thủy, trong quả bóng ấy trên đầu chúng ta lại có hai khối tròn sáng luân lưu xoay vần (có hình vẽ chánh điên đảo, chánh biến tri). Bởi thế ấy nên tất cả chúng sanh trong đó khi vừa nhận ra có mình và có ngoại cảnh, tức thì đều bị chịu chung luật phản chiếu mà thấy ra một cách lộn ngược sai lầm, làm cho cả một bầu vũ trụ bao la đều trở thành manh mún, phân hóa, chia rẽ, sợ hãi, chiếm đoạt, tàn hại, mâu thuẫn, xung chướng, càng ngày càng to lớn chồng chất cao ngất mà thôi. Chỉ trừ một số tối thiểu ý thức được điều này mà quay trở vào chính con người của mình trước để khám phá. Do đó mà guồng máy của chính mình cũng như của bao là đều được tháo banh, và bí mật của bao la cũng đều được thấu suốt. Và từ đó con người của họ tựa hồ như cái cân hai giá được để tự nhiên không chứa vật gì, nó tự quân bình lấy. Bởi vậy trật tự thiên nhiên, Thái dương hệ vận hành cùng với họ vốn không hai. Thế là trong tự nhiên như nhiên họ hoàn toàn mắc thẳng vào âm dương trật tự của thiên nhiên, họ là thiên nhiên. Cho nên chánh văn mới nói: "Cuộc sống của cổ nhơn cùng với bao la đồng nhất, sự sống của họ đều căn cứ nơi âm dương" là vậy.

Bởi lẽ hiểu biết của chúng sanh sai lầm như thế, nên người xưa mới nương theo đó tùy trường hợp mà giải thích và nói rằng: trời tròn đất vuông để phương tiện chỉ cho một điều gì. Và biết đâu không phải bắt nguồn từ đây đã đẻ ra một chủ thuyết "trời tròn đất vuông và Đức

Chúa trời treo quả đất vuông này lơ lửng giữa hư không bằng hai sợi dây thiêng liêng?!" Để rồi ông Galillée phải chịu án tử hình. Và đáng buồn cười nhất là chúng ta ngày nay hùa nhau bảo rằng: cổ nhơn không biết quả đất tròn và ở giữa hư không. Điều này để lần lượt rồi ta sẽ có dịp cùng nhau mà sám hối lại kỹ chút nữa.

Nếu ta thử hỏi nhà khoa học rằng: tại sao trở bề lõm của cặp kính râm mà nhìn thì thấy đầu ta trở xuống, nếu trở mặt lồi mà nhìn thì thấy đầu ta trở lên? - Thì nhà khoa học sẽ đáp rằng: đó là tại thế lõm, thế lồi của mặt kiếng làm cho ánh sáng hoặc hội tụ hoặc phân kỳ, nên chúng ta thấy ra như thế. Nhưng hỏi thêm một câu nữa là: nhưng do đâu mà có luật ánh sáng hội tụ phân kỳ? Thì nhà khoa học không trả lời. Đó là chỗ cùng đường của khoa học lý trí và cũng là một chỗ yếu của bệnh nhìn ra.

Từ luật thuận nghịch đã nói trên nó diễn ra nào là: Luật tổ hợp, luật tâm vật, luật một là tất cả, tất cả là một, làm cho khoa học vật chất đến chói mắt không sao tìm thấy lối thoát. Mà cao độ của khoa học vật chất lại là thần quyền mới thật là đáng buồn cười vậy. Và cũng chính vì chỗ này mà cái gọi là Phật giáo ngày nay cũng bị biến ra thành một thứ đa thần giáo, hay một thứ triết học khô khan một cách rất đáng tội.

Thậm chí những nhà được mệnh danh là Dịch Học, hiện họ cũng đang mưu đồ để biến cái học Dịch ra thành một thứ độc thần giáo, hoặc biến *Kinh Dịch* ra thành một thứ tài liệu đồ danh trục lợi chẳng hạn.

Luận nói: "Giữa quãng trời đất, trong vòng không gian" tức là muốn nói tầng lớp không khí sát mặt đất là nơi mà chúng ta đang ở đây (sẽ có những nơi gọi là "giữa quãng khí giao" nghĩa cũng như vậy). Đứng trên mặt đất này lẽ cố nhiên có phân Đông, Tây, Nam, Bắc và trên dưới, mà dù cho có phân Đông, Tây, Nam, Bắc, trên, dưới chăng nữa cũng vẫn là thuộc trong vòng bầu khí quyện, cho nên gọi là "trong vòng không gian". Tuỳ theo chỗ đứng của con người nó ánh với bầu khí quyện của bên trên, nó chiếu xuống mặt đất bên dưới, nó hồi tụ ở con người, hễ cái gì gần nhất cái đó ảnh hưởng trực tiếp, do đó mà cổ nhơn bên ngoài phân ra có 9 châu. Nhưng tại sao lại có 9 mà không 10 hay 4 hay 7? Đây là một dịp để cho ta thấy NỘI KINH là hiện thân của Dịch lý (có bản đồ Dịch lý 9 châu thuộc về Lạc Thơ). Bên trong con người cũng lại có 9 khiếu ứng hợp, điều này ta nên để thư thả trầm ngâm mà suy tư chớ vội giải quyết bằng cách nhìn ra. Vì sao thế? Vì tất cả thân tâm của con

người khởi thủy chỉ có một nguồn mà biến hiện ra ta thấy hình như tâm và vật là hai. Thực ra mỗi một giác quan, một khiếu của chúng ta, cái cách cấu tạo đều phải luôn luôn có mặt của động cơ tâm thức. Nếu ta muốn đi sâu vào ít ra ta phải có những câu hỏi: Mũi ta tại sao úp xuống? Mắt ta tại sao tròn tròn? Tai ta tại sao giống tai nấm mèo? Miệng ta lại giống cái bộng? Tóc ta hình như một cái mũ v.v. Tất cả nhất định đều có lý do mà mỗi người phải tự khám phá lấy.

Nói rằng: "Tất cả đều mắc liền với khí của trật tự thiên nhiên" đã là mắc liền mà lại phải trật tự, bởi thế nên dù rằng năng lực của bao la vô cực vốn là năng lực của mình chăng nữa, cũng phải thông qua bao lớp đào thải rồi mới vào tận chúng ta một cách rất tương ưng, y hệt như chất bổ của người mẹ đi vào đứa con trong bụng phải có cơ cấu chuyển tiếp là lá nhau. Do cách thế này nên khi thân tâm của chúng ta hướng ngoại tức thì ngay trong thân ta đã mở dòng điện nghịch chiều, và nguồn năng lực liền bị gián đoạn từng chập từng chập. Ngược lại một phút soi trở vào mình tức thì nguồn năng lượng trật tự thiên nhiên với ta đồng nhất; đó là nghĩa "tất cả đều mắc liền với khí của trật tự thiên nhiên", cũng là "nguồn thọ mạng", và rất có quan hệ đến tinh thần "chư Phật luôn luôn lúc nào cũng thương tưởng chúng sanh" trong Phật giáo.

Có một điều vừa hết sức kì bí lạ lùng cũng vừa hiển nhiên thực tế. Như tôi đã thường nói: mắc kẹt trên quả địa cầu này, dù có ráng hết sức để mà nhìn không gian thử xem thế nào, bất quá cũng chỉ thấy được từ mặt trăng lên lòng chảo úp là cùng. Vậy nên muốn nhận ra mọi chiều không gian ít nhất nhà khoa học phải vượt ra ngoài tầm che khuất của quả địa cầu. Cũng tương tự như vậy, khi vướng víu vào phạm vi của cái mình mà nhìn sự vật, bất quá cũng chỉ thấy chừng một lỏm. Vậy nên muốn thấy suốt mọi chiều của sự vật cũng phải vượt khỏi tầm ảnh hưởng của cái Tôi.

Đã là một là tất cả, tất cả là một, cái cực nhỏ với cái cực lớn như nhau. Lại thêm hễ vừa nhìn ra là vừa bị cái thế lộn ngược và chỉ thấy có một lỏm mà thôi. Cho đến như các nhà khoa học vượt không gian cỡi phi thuyền mang theo cái tôi để săn tìm mặt thật của bao la vô cực, chẳng qua cũng chỉ đến mê tin là cùng.

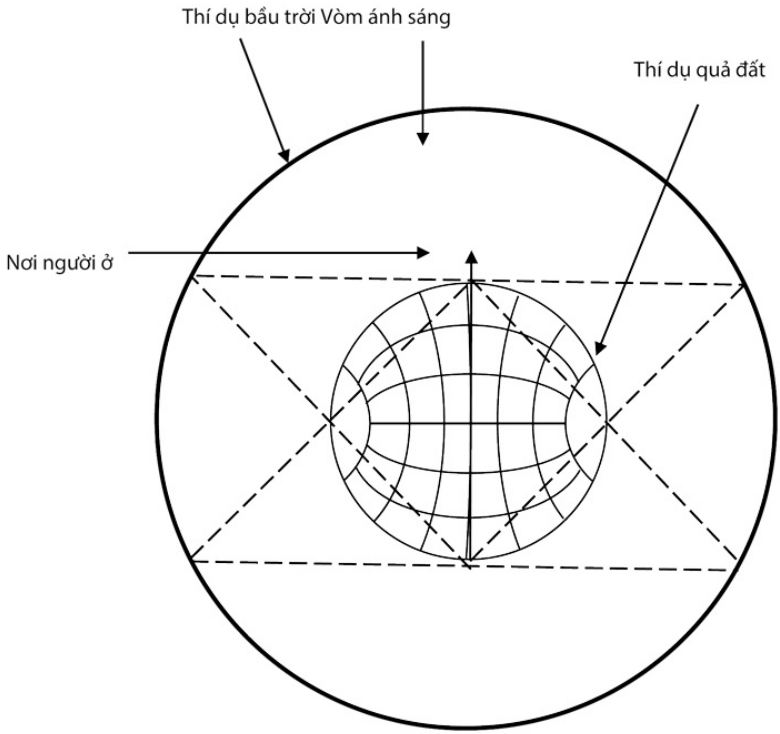
Lạ lùng nhất sao cổ nhơn đã sớm biết điều này để chỉ có quay vào nơi chính con người của mình mà khám phá?

Ai có ngờ đâu nếu không giáp mặt được với bầu linh không vô cực của chính lòng mình thì đừng hòng gặp mặt thật của vô cực là gì? Cũng như chưa bắt gặp được động cơ nhiệm màu của chính lòng mình thì cũng đừng hòng mong bắt gặp được động cơ của linh không vô cực?! Cũng như chưa một phen chết đi cái Tôi thì không sao biết được buổi đầu cái Tôi có mặt bằng cách nào?! Đây là cả một tràng chứng nghiệm mà tôi đã có dịp hớ hênh. Nếu độc giả đủ lòng thành mà chưa nhận ra thì hãy xin mời đọc lại bắt đầu từ thiên trước.

Phi thuyền vượt không gian của nhà khoa học tối tân là cả một tòa nhà chọc trời, và khi băng mình vào không gian lại cũng phải bị quay quay không biết bao nhiêu vòng theo bầu khí quyện.

Còn phi thuyền vượt phạm vi cái Tôi của các ông thiền sư lại vỏn vẹn có một câu hỏi: Trước khi chưa có mày, mày là cái gì? Thế mà khi vọt được là tức thì rơi thẳng vào trung tâm của linh không vô cực. Thực là kỳ lạ!

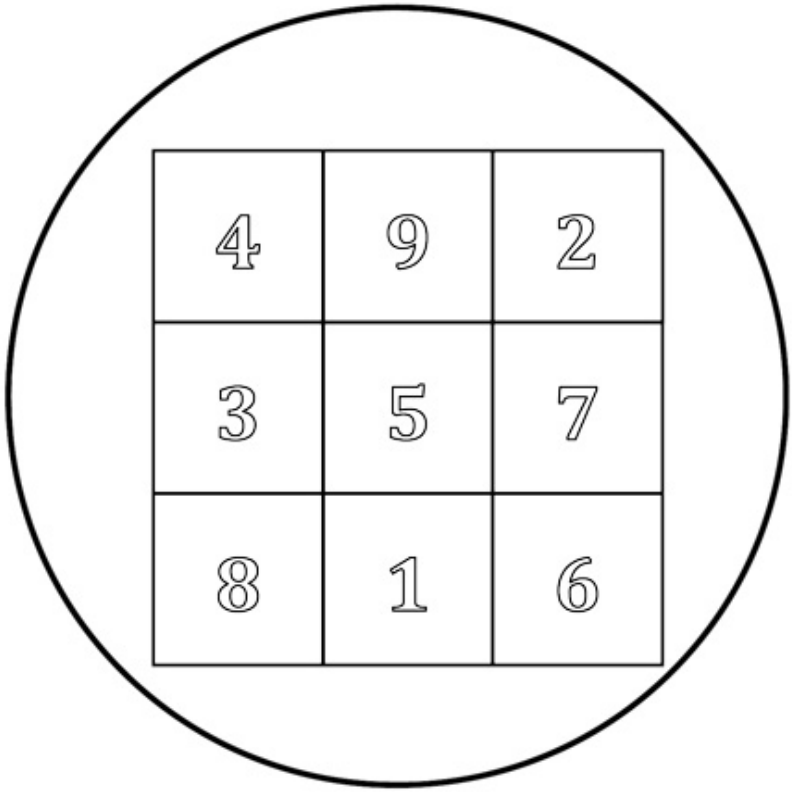
HÌNH 3.1: CHÁNH ĐIÊN ĐẢO, CHÁNH BIẾN TRI



Đứng tên mặt đất hiểu biết theo thế nhìn ra, con người trở nên mâu thuẫn, phân hóa, chia rẽ, đổ vỡ, lật ngược, cho nên gọi là "chánh điên đảo".

Quay trở vào con người của mình mà khám phá, là bắt gặp ngay cái đồng nhất, cái tương quan, cái trật và yên vui. Thế gọi là "chánh biến tri".

HÌNH 3.2: BẢN ĐỒ DỊCH LÝ 9 CHÂU THUỘC VỀ LẠC THƠ



Đây là tượng của Lạc Thơ trong Kinh Dịch, căn cứ từ con số 3 của nghĩa "Tam tài", và theo nguyên tắc nhân chồng lên, hoặc sắp theo chiều ngang dọc. Kết quả biến thành 9 ô. Còn trong mỗi ô có số riêng, đó là một nghĩa khác của Lạc Thơ. Từ Lạc Thơ rút ra phép Cửu Trù, Cửu Cung, Cửu Châu, Cửu Dã, Tỉnh Điền v.v.

Đoạn 2

PHIÊN ÂM:

Dương khí giả, nhược thiên dữ nhựt, thất kỳ sở tắc chiết thọ nhi

bất chương. Cố thiên vận đương dĩ nhựt quang minh. Thị cố dương nhân nhi thượng vệ ngoại giả dã.

Nhân ư hàn dục như vận khu, khởi cư như kinh, thần khí nãi phù. Nhân ư thử hạn, phiền tắc suyễn khát, tỉnh tắc đa ngôn, thể nhược phiên thán, hạn xuất nhi tán. Nhân vu thấp, thủ như khỏa, thấp nhiệt bất nhưởng đại cân nhuyến đoản, tiểu cân thi trường, nhuyến đoản vi câu, thi trường vi nuy. Nhân ư khí vi thũng, tứ duy tương đại, dương khí nãi kiệt.

DỊCH:

Khí dương trong con người cũng như mặt trời với bầu khí quyện. Nếu sự vận hành lỗi độ thì tai hại như nhau. Cho nên trật tự thiên nhiên trong Thái dương hệ phải căn cứ vào ánh sáng mặt trời và khí dương trong con người cũng nhờ đó mà đi lên đi ra ngoài để bảo vệ phần trên, phần ngoài vậy.

Nếu khi bị nhiễm khí lạnh thì sinh ra ngột ngạt, mặt da như then cửa bị lật ngược, đi đứng như hoảng hốt, thần khí bèn bốc nổi.

Nếu bị nhiễm khí thử hạn(1), khi làm bứt rứt thì suyễn ho khát nước. Khi yên lặng thì nói nhiều, mình nóng như hơ lửa, hễ mồ hôi ra được thì giải tán.

Nếu nhiễm khí thấp(2) thì đầu như đội nặng, khí thấp nhiệt không lui làm cho những gân to mềm ra và thun ngắn, gân nhỏ thì dãn và kéo dài. Mềm thun ngắn thì làm ra co quắp, dãn kéo dài thì làm ra bệnh teo.

Nếu phạm vào phần khí thì làm ra thũng(3), bốn hướng thay nhau, khí dương bèn kiệt.

CHÚ THÍCH:

(1) **Khí thử hạn**: Về mùa Hè ánh nắng mặt trời nóng nồng, khí

trong con người nóng bức đẩy ra tận mặt da để bài tiết. Trái lại lúc đó con người trốn vào nơi âm mát làm cho mồ hôi đáng lẽ bài tiết mà không bài tiết được lại ảnh hưởng ngược trở vào làm bệnh. Như thế gọi là trúng thử hạn.

(2) **Khí thấp**: Khí ẩm ướt nhiều hơi nước không lựa là nóng hay lạnh.

(3) **Thũng**: Là một triệu chứng đường nước ở dưới da không lưu thông, làm tay chân hoặc toàn thân sưng to trong bóng.

GIẢI:

Đoạn này luận giả tiếp tục theo ý của đoạn trên mà bảo rằng: một cuộc sống trái chướng với luật co dãn của bầu khí quyện của trật tự thiên nhiên làm cho 9 khiếu bên trong bị bế tắc, da thịt bên ngoài bị vít lấp, phần khí vệ ngoài thân bị hao tán đi. Và tiếp tục cắt nghĩa rằng: phần khí dương ở trong con người cũng như bầu khí quyện với mặt trời của Thái dương hệ rất quan hệ với nhau, vì nó là phần bảo vệ cho bên trên và bên ngoài của con người.

Khi ăn ở trái chướng khí vệ không đủ sức chống chọi với khí lạnh bên ngoài, khí lạnh nhiễm vào làm cho tác dụng mặt da bị lộn ngược xảy ra sợ lạnh và làm cho tinh thần bốc nổi. Nếu gặp mùa Hè bị nhiễm phải thử hạn, khi bứt rứt thì ho hen khát nước, khi yên tĩnh thì lại nói nhiều; vì nhiễm phải khí thử hạn mà cơ thể nóng như hơ lửa. Bởi vậy mới nói hễ mồ hôi ra được thì khỏi. - Theo Mã Nguyên Đài thì chữ trúng yết của Thương hàn luận Trọng Cảnh tức là chữ trúng thử hạn ở đây.

Thấp nghĩa là ẩm, ẩm nghĩa là ướt. Khi nhiễm phải khí thấp sự ẩm ướt không lưu thông làm cho đầu nặng như đội. Như thế khi bị ngoại cảm mà có chứng đầu nặng tức là nhiễm khí thấp. Nếu thấp mà cộng với nhiệt không rút đi được, vì tính nhiệt xen vào làm cho những gân to trở nên mềm và thu ngắn, những gân nhỏ bị dãn dài ra. Những gân to thuộc về bên trong, nếu mềm thun ngắn thì làm ra co quắp; nếu những gân nhỏ dãn dài ra thì bắp thịt tiêu hao mà làm teo. Tất cả những triệu chứng vừa nói trên là do khí thấp phạm phải vào phần dương của con người mà hiện ra.

Câu chót của đoạn này nói: "Nếu phạm vào phần khí thì làm ra thũng, bốn hướng thay nhau, khí dương bèn kiệt", theo tôi là câu nói kết của ba câu kể trên, để chỉ cho thấy khi khí dương bảo vệ phần ngoài của con người bị hao tán làm cho hoặc nhiễm lạnh, hoặc nhiễm thử hạn, hoặc nhiễm thấp càng đi sâu vào phạm đến phần khí, thì sự bài tiết da cũng như bài tiết đường nước trong cơ thể sẽ bị đình đốn mà gây thành bệnh thũng đến nỗi khí dương bèn kiệt.

Trong đoạn này có hai điều thắc mắc:

1- Khí trong trời đất chia ra làm sáu thể là: phong, hàn, thấp, táo, hỏa, thử (nhiệt). Tại sao ở đây chỉ đề cập đến hàn, thử và thấp mà ba khí kia không có? Trên suy luận ta có thể nghi rằng: hàn và thấp thuộc phần âm, thử nhiệt thuộc phần dương, bao nhiêu ấy vừa đủ để kết lý do biến sanh bệnh thũng, mà ba khí kia thuộc về ý ở ngoài lời vậy.

2- Tại sao dùng chữ bốn hướng? Chữ "hướng" dịch từ chữ duy, mà chữ "duy" lại chỉ cho hướng cạnh. Thế thì tứ duy là bốn hướng cạnh tức là: Đông Nam, Tây Nam, Đông Bắc, Tây Bắc là bốn hướng thuộc bốn cái cuối mùa, mà bốn cuối mùa đều thuộc Thổ. Còn về phần trong thân thì tay chân cũng quy về Thổ, cũng gọi bốn hướng. Vả lại tay chân là những bộ phận hoạt động để vừa tiêu thụ các chất ở bộ tiêu hóa, lại cũng vừa cung cấp nhiệt lực cho bộ tiêu hóa do khí Dương minh trong thân điều động. Thế thì câu: "bốn hướng thay nhau…" tức là nói khi khí dương bị xâm phạm đến một giai đoạn tay chân phù thũng, nếu gặp mỗi cái cuối mùa lại càng nặng thêm. - Chỗ này theo nhà chú thích Mã Nguyên Đài cho rằng chữ khí của câu chót ở đây là để ám chỉ cho sự biến động của tánh tình như là giận chẳng hạn. Xét ra cũng có thể lắm, nhưng theo tôi còn phải có điều nghi ngờ là như thế thì sao đến đoạn 4 lại nói rõ ra: "nếu gặp khi giận dữ thì khí dương thế nào đó v.v." Chỗ này mỗi người đều có khả năng suy tư, hãy nên nghiền ngẫm.

Đoạn 3

PHIÊN ÂM:

Dương khí giả, phiền lao tắc trương, tinh tuyệt tịch tích vu Hạ, sử nhơn tiển khuyết, mục manh bất khả dĩ thị, nhỉ bế bất khả dĩ thính hội hội hồ, nhược bại đô, kỵ kỵ hồ, bất khả chỉ.

DỊCH:

Đối với khí dương hễ khi nhọc mệt(1) thì nó trương nở tung ra, đến mùa Hạ vì mệt nhọc quá, mồ hôi ra nhiều làm cho tinh kiệt(2) không giữ được, con người bị nung đốt mà sanh khuyết nghịch, mắt mờ, tai ù, Bàng quang không hóa khí đúng phép làm cho tiểu tiện không dứt khoát cứ rịn rịn mãi như bầu bị lủng.

CHÚ THÍCH:

(1) **Nhọc mệt**: Chữ nhọc mệt ở đây từ chữ phiền lao mà ra có nghĩa sinh hoạt thô tháo bạo tợn.

(2) **Tinh kiệt**: Tinh hoa bị cạn kiệt, nhưng chữ tinh hoa ở đây có một quan niệm riêng biệt như sau: con người đổ mồ hôi nhiều quá tinh hoa cũng bị cạn kiệt, khí dương bị hao tán, tác dụng khí dương ở Bàng quang không giữ được làm cho sinh ra triệu chứng tiểu tiện không dứt khoát. Điều này rất quan hệ, sau này trong chánh văn sẽ nhắc lại thật rõ.

GIẢI:

Đoạn này muốn nói phần khí dương đã mất mà phần âm chất cũng bị tiêu hao, muốn rõ đại lược của đoạn này và đoạn trên phải hiểu qua về khí vệ.

Con người ăn uống vào miệng, ngay từ miệng xuống đến cuống bao tử quãng đường này vẫn có vô số vi ti quản để thâu hút phần nhẹ của thức ăn uống, cũng như ngoài mặt da có sự thở hút. Cơ cấu này suốt từ trên miệng xuống đến ruột cùn đều có mặt.

Thức ăn uống vào cơ thể chia làm hai phần: phần nhẹ và phần nặng. Phần chất bổ nặng sẽ được rút đi chuyển vận cho vào phần huyết,

mà chỗ thâu hút mạnh nhất là vùng Ruột non. Còn phần nhẹ thì lại được thâu hút đưa vào phần khí thuộc về Tam tiêu (tức là màng nội tạng).

Màng nội tạng bên trên dính liền với Tim Phổi thông qua chẽn vừng mắc liền với Gan và Tỳ, Vị, Thận dương, xuống dưới mắc liền với Ruột già, Ruột non và Bàng quang, chung quanh mắc liền với lồng ngực, hông sườn lồng bụng.

Phổi là một cái máy bơm, một tạng bằng tế bào da, bên trong cũng có cơ cấu như mặt da ngoài để thâu hút dưỡng khí. Phần này rồi sau sẽ rõ tỉ mỉ.

Chẽn vừng là bộ phận có tác dụng áp lực lên xuống theo hơi thở.

Thức ăn uống của chúng ta trong tự nhiên phải có đủ mặn, lạt, chua, cay, ngọt, đắng.

Khi ăn vào, phần khí nồng nhiệt mà Á Đông gọi là hãn khí, thuộc về phần nhẹ chạy theo đà hơi thở chẽn vừng lên xuống, khí này được đưa ra ngoài lên trên một cách tự nhiên, nó luôn luôn có mặt ở các khiếu trống.

Tất cả phần nước trong thức ăn uống được đi vào Bàng quang bằng hai đường:

1- Theo mạch Nhiệm xuống đến Thận âm rồi rẽ vào Thận để được lọc đưa xuống Bàng quang bằng hai ống dẫn nước, đó là phần đi trong máu. Thận phải làm việc ngày đêm đều đều để ăn khớp với 50 độ toàn thân, thì máu toàn thân mới được lọc đều đặn.

2- Là phần đi theo Tam tiêu mà xuống đến vách Bàng quang, chung quanh Bàng quang cũng có những ống rất nhỏ để hút vào và nhả ra. Nước đến đấy thấm vào lòng Bàng quang bằng những ống rất nhỏ. Khi nước xuống đến Bàng quang có một mùi rất nồng và một vị rất mặn.

Cơ cấu của Thận dương có quan hệ trực tiếp đến sức co vào và dãn ra của Bàng quang bằng tác dụng thần kinh hệ.

Khi nước vào Bàng quang rồi được tác dụng thần kinh hệ vùng đuôi ngựa (tức là vùng mông đít) với nhiệt lực của mạch Nhiệm đưa tận xuống đến Ruột non. Trong khi đó nếu Thận dương không bị thiếu thốn, hơi thở vẫn đều đều, Phổi vẫn dãn ra co vào một cách bình thường, chẽn vừng vẫn đều đều lên lên xuống xuống làm cho nhiệt lực chầu về Bàng quang. Nước trong Bàng quang được bốc lên theo những ống li ti chung quanh mà đi ra đi lên bằng đường Tam tiêu, rồi ra đến bầy nhầy sớ thịt khắp châu thân. Đến lớp mỡ dưới da là gặp nhau với khí nồng nhiệt đã nói trên, để ra tận đến mặt da nơi động mạch, tĩnh mạch, thần kinh âm, thần kinh dương với mạch máu trắng gặp nhau nhiều nhất kết thành tác dụng bảo vệ cho toàn thân.

Còn phần bên trong bốc lên để thấm nhuần cho giác quan, các cơ cấu mà thường gọi chung là tân dịch.

Đến khi hết sức bốc lên còn lại toàn là nước nặng có nhiều chất dơ mới bài tiết ra gọi là nước tiểu.

Do đó nên mồ hôi phải có vị mặn mùi nồng, tựa hồ phân nửa nước tiểu mà trong đó còn có ít dầu cùng các chất khác nữa. Đó là giải thích đại lược về khí vệ.

Bởi vậy nếu sinh hoạt, ăn uống, tâm tư trái chướng với trật tự thiên nhiên thì hệ thống điện lực trong thân sẽ vận chuyển nghịch chiều.

Mặt da hở hoặc vít lại thì khí vệ sẽ hoặc hao tán, hoặc bế tắc.

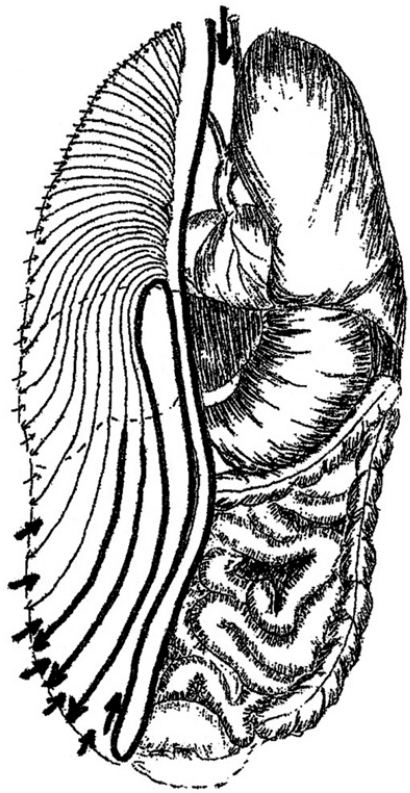
Nếu Thận dương không thu trữ được thì khí hóa ở Bàng quang mất đi làm cho Bàng quang mất sự co dãn, thế là giống hệt cái bầu lủng. Ý nghĩa mấy đoạn trên của thiên này là như thế.

Khí vệ tuy bao la như vậy, nhưng chỗ quan yếu xuất phát là Tim. Vậy nên trong chánh văn mới có ẩn ý đem Tim mà sánh với mặt trời, và khí vệ là bầu khí quyện của xác thân.

Nói một cách nghịch lại – ngoài kia có mặt trời, trong người phải có Tim; quả địa cầu có bầu khí quyện, con người phải có khí vệ.

HÌNH 3.3: KHÍ VỆ

Vẽ theo tưởng tượng hơi thở của con người, khi hít vào thì toàn lỗ chơn lông mạch da thở ra; khi thở ra toàn cả lỗ chơn lông mặt da hít vào. Do đó mà hơi thở ra quan hệ với bao tử, và sự vận hành mặt da đều phải thông qua chẽn vừng. Vì thế mà chẽn vừng trở nên vô cùng quan trọng



BÌNH:

Qua những đoạn trên của thiên này, xem phần đại lược về khí vệ, nghĩ đến những bộ óc đã bị nhiễm độc trái cấm ngày nay hỏi ai mà chẳng thở dài?!

Ai có ngờ đâu sự thể quá rõ rệt như thế này, vậy mà không biết bao nhiêu nhà thông thái của chúng ta ngày nay lại nỡ tự chọc thủng con mắt mình, để rồi đua nhau bảo rằng cổ nhơn không biết gì hết về nội tạng, và cho rằng chính mình mới là văn minh?! Thấy biết như thế thiệt là đáng thương xót! Hèn gì người ta mới dám bảo nước xuống đến Bàng quang tức là nước tiểu.

Ai có ngờ đâu một người đàn bà bị bệnh tử cung lây sang Bàng quang làm trở ngại cho đường tiểu tiện. Thế rồi các ông bác sĩ chỉ có cách giải quyết là cắt đứt hai ống dẫn nước từ Thận xuống Bàng quang, rồi khoét hai lỗ trước bụng cho hai ống dẫn nước chui ra, để rồi phải đeo hai túi nilon mà hứng, lần lựa ít ngày bà ấy quy thiên! Trời ơi là y khoa!

Ai có ngờ đâu một ông công chức trung đẳng, vướng phải bệnh đau Tim và nhiều mồ hôi chỉ vì một động cơ nhỏ xíu mà bao nhiêu bác sĩ không biết. Đến khi gặp một lương y của Trung y khám phá ra bởi tập quán uống sô-đa liên tục hằng ngày, làm cho khí vệ mất trật tự mà sinh bệnh. Và chỉ có ngừng tập quán uống sô đa trong một tuần, rồi cho uống vài chén thuốc là khỏi hẳn?! Trời ơi là trí thức! Trời ơi là ăn uống!

Đoạn 4

PHIÊN ÂM:

Dương khí giả, đại nộ tắc hình khí tuyệt, nhi huyết uyển vu thượng, sử nhơn bạc khuyết, hữu thương vu cân, túng kỳ nhược bất dung.

Hạn xuất thiên trở, sử nhơn thiên khô. Hạn xuất kiến thấp, nải sanh tỏa phất. Cao lương chi biến, túc sanh đại đinh. Thọ như trì hư, lao hạn dương phong, hàn bạc vi tra, uất nải tỏa.

DỊCH:

Phần khí dương nếu gặp cơn giận dữ thì hình khí đều bế tắc, huyết uất đưa nghịch trở lên làm cho con người bị bức bách sanh ra khuyết nghịch, có hại đến gân làm cho gân dãn mất tác dụng bình thường.

Nếu chỉ đổ mồ hôi nửa bên người sẽ làm cho mắc phải chứng thiên khô (teo một bên). Nếu khi đổ mồ hôi mà nhiễm phải khí ẩm

thấp bèn biến sanh ra bướu(1), ra nhọt(2). Nếu lại thêm gặp nhiều chất cao lương thì đủ điều kiện để biến sanh ra những đinh độc(2) to. Thân như vật bộng rỗng nên cái gì cũng có thể chui vào được, bởi vậy nếu khi lao nhọc nhiều mồ hôi mà hóng gió thì khí lạnh sẽ bức bách mặt da làm ra tàn nhang thâm kim. Nếu uất kết nữa thì biến sanh mụn đỏ.

CHÚ THÍCH:

(1) **Bướu**: có tướng lồi ra khỏi mặt da thành hình tròn mềm nhũn, càng ngày càng lớn bóp không đau.

(2) **Nhọt, đinh độc**: cả hai vốn là một loại, nhưng nếu mọc ở bàn đít, ở đùi người ta gọi là nhọt; còn phần trên thân thì thường gọi là đinh.

Nguyên bịnh nhọt hoặc đinh độc đều phát từ hạch dầu của dưới gốc chân lông, chỗ dễ thấy nhất là khi mọc trên mặt. Do đó nên người ta gọi là đinh.

GIẢI:

Đại khái đoạn này nhắc lại khí dương khi không bền chặt thì sẽ làm ra khuyết, ra trướng, ra teo một bên, ra bướu, ra nhọt, ra đinh độc, tàn nhang v.v.

Trời đất có những lúc sấm sét, bão tố bất thường. Trong con người có khủng hoảng, đột ngột giận dữ. Một cơn giận nổi lên lập tức lá gan bị trương nở, Bọc tim dãn to, tuần hoàn đình đốn, tay chân lạnh buốt, tất cả khí huyết đều chạy nghịch chiều dội ngược lên, các gân đều bị căng dãn tung ra theo chiều ngang. Do đó mà phần khí dương bị đình đốn lộn ngược để từ đó có thể biến sanh ra các chứng nói trên.

Chữ "bộng rỗng" trên đây không phải như cái bầu bộng rỗng mà là bên trong mất sự chống đỡ, tất cả áp lực bên ngoài đều có thể lấn vào xâm chiếm, tựa hồ quả bóng bị xả hơi bóp bẹp lại.

BÌNH:

Tất cả bệnh tật đau khổ của con người dù phân dù hợp tóm lại cũng không ngoài năm động cơ chánh yếu: 1-Ăn uống; 2-Sinh hoạt, hoàn cảnh, thời tiết; 3-Tâm tư; 4-Thọ bẩm; 5-Ý thức hệ lũy kiếp.

Thân với tâm tuy hai mà một, tâm với thân tuy một mà hai. Nay ta muốn cứu chữa cho con người khỏi bệnh tật đau khổ có lẽ nào ta chỉ chú trọng ở phần ngọn, phần quả, phần xác thân không, mà bỏ quên đi phần nhân, phần gốc, phần tinh thần được sao? Thế mới biết văn hóa, giáo dục, triết học, y khoa, hành chánh, tôn giáo v.v. nếu không từ một gốc này mà đi ra thì cuộc đời đừng mong có hạnh phúc chân thật.

Đoạn 5

PHIÊN ÂM:

Dương khí giả, tinh tắc dưỡng thần, nhu tắc dưỡng cân. Khai hạp bất đắc, hàn khí tùng chi, nải sanh đại lũ, hảm mạch vi lũ, lưu liên nhục tấu, du khí hóa bạt, truyền vi thiện úy, cập vi kinh hãi, dinh khí bất tùng, nghịch vu nhục lý, nải sanh ung thủng. Phách hạn vị tận, hình nhược nhi khí thước, huyệt du dĩ bế, phát vi phong ngược. Cố phong giả, bá bịnh chi thỉ dã, thanh tịnh tắc nhục tấu bế cự, tuy hữu đại phong kha độc phất chi năng hại, thử nhân thời chi tự dã. Cố bịnh cửu tắc truyền hóa, thượng hạ bất tịnh, lương y vật vi. Cố dương khí súc tích nhi vi cách tắc bệnh tử, cách giả đương tả, bất cực chánh trị, thô nãi bại chi.

DỊCH:

Vả chăng về khí dương, tinh hoa của nó để dưỡng thần, tính chất nhu nhuận thì dưỡng gân. Khi bị mở đóng không thông, khí lạnh lọt được vào trong bèn sanh ra gù to(1), nếu kẹt ở mạch thì làm ra hạch lưu lai(2) trong bầy nhầy bắp thịt, nếu khí ở các huyệt bạc nhược thì truyền làm ra hay sợ hãi, nếu khí ở phần dinh không

thuận, nghịch trở vào trong bắp thịt bèn sanh ra ung nhọt sưng thũng. Sự bài tiết chất thừa ở mồ hôi chưa hết mà hình đã suy, khí đã hao, các huyệt đã bế tắc mà làm ra chứng sốt rét phong(3). Cho nên phong là đầu mối của trăm bệnh, nếu con người sinh hoạt, ăn uống, tinh thần được thanh tịnh thì khí dương được thanh tịnh, khí dương được thanh tịnh thì bầy nhầy bắp thịt được khít khao bền chắc, dẫu có gió to độc dữ cũng không thể làm hại, đó là nhờ ở phù hợp với trật tự thiên nhiên. Bởi vậy nếu trường hợp bệnh kéo dài lâu ngày thì phải truyền kinh(4) biến hóa, làm cho trên dưới không giao nhau, lương y cũng không biết làm sao. Cho nên khi khí dương bị bế tắc súc tích làm ngăn cách thì bệnh phải chết. Bởi vậy hễ ngăn cách là phải tả(5), nếu chẳng gấp trị đúng phép, thô công vụng về là nguy.

CHÚ THÍCH:

(1) **Gù to**: là một bệnh do khí lạnh nhập vào mạch Đốc tủy xương sống làm cho xương sống đổ cúp xuống không đứng thẳng được.

(2) **Hạch lưu lai**: bây giờ gọi là hạch lao, nhưng hạch lao có hai thứ: một thứ mọc vòng theo cổ người xưa gọi là loa lịch; một thứ nữa không dính liền thành vòng mà chỉ mọc từng khối sai biệt người xưa gọi là Thử Lũ. Nơi đây gọi hạch lưu lai vì nó có tính chất kinh niên.

(3) **Sốt rét phong**: mỗi khi lên cơn chỉ nóng táo bạo cuồng sảng mà không lạnh. Chứng này có lẽ ngày nay người ta gọi là sốt rét độc (acces pernicieux).

(4) **Truyền kinh**: trong con người từ ngoài mặt da vào trong tạng phủ vẫn có chia thành từng thứ lớp, ngoài ra còn có những đường kinh vận hành ăn khớp theo ngày đêm, tháng, năm, bốn mùa (điều này sau sẽ rõ). Khi bệnh nhiễm từ ngoài vào theo từng lớp, từng giai đoạn mà lấn lần vào trong thì gọi là truyền kinh. Đây là bắt đầu hé chút bức màn định luật ngoại cảm (thương hàn).

(5) **Tả**: có nghĩa bài tiết, có nghĩa tiêu hao. Vì cơ năng bài tiết bị bế tắc đình đốn nên phải dùng phép mở xả nên gọi là tả.

GIẢI:

Đây luận giả hãy còn nói tiếp về khí dương không được bền chắc, sự xâm chiếm ở bên ngoài vào nào gây thành các huyệt bị bế tắc sanh ra kinh hãi, hoặc lấn vào trong làm ra hạch lưu lai, làm gù to, làm ung nhọt, làm sốt rét phong, làm ngăn cách v.v.

Vì khí dương bên trong hợp với Tim và Thận, nên nói "tinh hoa của nó là để dưỡng thần". Vì khi thiếu khí dương thì gân mất tính chất nhu nhuận, nên nói "tính chất nhu nhuận của nó là để dưỡng gân".

Trong câu này hàm chứa cả một tinh thần âm dương ký tế của Dịch lý ráp vào trong thân, tức là nghĩa âm dương giúp nhau mới thành diệu dụng, dù phần nội tạng hay phần ngoài thân cũng thế. Hãy cử lên một ví dụ: khí Thái dương là phần khí vận hành ra vào suốt châu thân theo sự vận hành của Thái dương hệ, phần tận bên ngoài là nhiệt lực của mặt da, kế đó là phần kinh lạc thông đồng với phần tạng phủ bên trong, phần bên trong của nó là Bàng quang và Ruột non. Bàng quang dính liền với Thận, đồng thuộc thủy; Ruột non là phủ của Tim đồng thuộc hỏa. Thế là từ tạng đến phủ, đến kinh lạc, đến phần khí ở mặt da cũng đều đi theo định luật một âm một dương giúp nhau mà thành diệu dụng. Nếu thiếu nước thì nóng không bền, nếu thiếu lửa thì nước không nóng. Bởi vậy những người ốm, khô, da nóng như hơ lửa mà lại sợ nước. Vì tác dụng một âm một dương kèm nhau như thế, nên mới có câu "Thái dương gốc là lạnh mà ngọn là dương" và có câu "gốc của Thái dương, Bàng quang làm chủ mà bên trong dính liền với Tim và Thận" (Thái dương chi thượng, hàn khí chủ chi, trung kiến Thiếu âm). Điều này sau sẽ có nói đến một cách tỉ mỉ trọn vẹn. Nhưng điểm quan hệ muốn nói đến ở đây chỉ là nghĩa âm dương giúp nhau mà thôi.

Trong *Kinh Dịch* tám quẻ tiên thiên có quẻ Càn là dương, là trời, là ba vạch liền (dương) khi biến thành quẻ Ly là lửa thì vạch ở giữa đứt (âm). Vào trong thân quẻ Ly thuộc Tim, nghĩa là trong lửa có nước.

Quẻ Khôn là âm, là đất, là ba vạch đứt (âm), khi biến thành quẻ Khảm thì vạch giữa nối liền (dương). Vào trong thân quẻ Khảm thuộc Thận, thế là muốn nói trong nước có lửa.

Vì tác dụng âm dương nương nhau như đã nói trên, nên nếu thiếu phần âm thì tinh thần bị bốc nổi, thiếu phần dương thì tinh thần bị khiếp nhược. Do đó mới có nghĩa "tinh hoa thì để dưỡng thần, tính chất nhu nhuận mềm dẻo thì để dưỡng gân" là vậy.

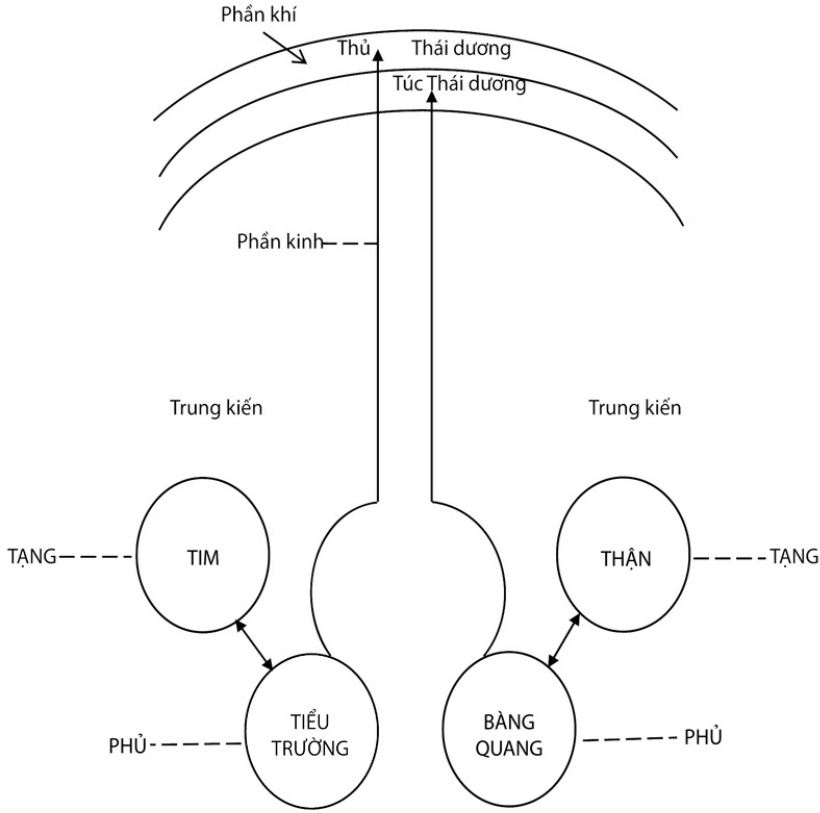
Chúng ta đừng nên vội nói cách ghép tạng phủ và kinh lạc của cổ nhơn sao mà vô lý đến thế? Thái dương lại ghép với Bàng quang, còn Ruột non lại ghép với Tim? - Chúng ta hãy nên để lòng thanh quang lần lần đi tới rồi sẽ được thấu suốt duyên do.

Khắp mặt da toàn thân con người đều là cơ cấu thở hút, nên tiếp theo đây luận giả muốn nói: từ mặt da bị vít lại đến giai đoạn lật ngược, phần mở ra lại mở vào để sanh biến hóa vô cùng, rồi kết bằng bệnh sốt rét phong. Lại tiếp tục trình bày về sự ích lợi của thuận với trật tự thiên nhiên, và sự tai hại của lang băm lạng quạng. Trong đó còn có ẩn ý đợi đến bệnh truyền hóa rồi trên dưới không liên lạc nhau, dù có lương y cũng nguy mất.

Trong đây có câu: "nếu kẹt ở mạch làm hạch lưu lai…". Chìm sâu vào thực tế, theo tôi chữ "mạch" này quả là để ám chỉ cho hệ thống mạch máu trắng. Vì sao thế? Vì đụng đến mạch máu trắng mới có phản ứng sanh hạch. Phương chi cuối đoạn còn nói đến "nếu bị nghịch trở vào trong bắp thịt bèn sanh ra ung nhọt". Chỗ này mong độc giả lưu tâm nhận xét thêm.

Còn về câu gần chót của đoạn này nói "cho nên phong là đầu dọc của trăm bệnh", đúng lý ra câu này ta phải hiểu trong đây có ẩn ý rằng: Tất cả những bệnh tật do thời tiết bên ngoài xâm chiếm vào thân là phải đụng đến mặt da trước. Bởi vậy tôi mới nói: đây là sắp hé mở một kho tàng cho định luật Thương Hàn luận của Trọng Cảnh. Độc giả hãy nên chú ý.

HÌNH 3.4: HỆ THỐNG TẠNG PHỦ, KINH MẠCH VÀ PHẦN KHÍ CỦA THÁI DƯƠNG



Quẻ CÀN biến thành quẻ LY

☰ CÀN ☲ LY

☷ KHÔN ☶ KHẢM

Quẻ KHÔN biến thành quẻ KHẢM

BÌNH:

Những cửa rước bệnh tật của con người không ngoài ăn uống, sanh hoạt, thở hút và tâm tư.

Mỗi một con người là một cái máy bơm kì diệu mắc liền với trật

tự thiên nhiên, nó biến hóa theo trật tự thiên nhiên từng năm, từng tháng, từng mùa, từng ngày, từng giờ, từng phút, từng giây.

Toàn mặt da của mỗi con người bất cứ là da trong tạng phủ hay da ngoài mặt da cũng đều có cả hai cơ cấu: vừa nhả ra vừa hút vào cùng một lúc. Mỗi khi mũi hít vào là toàn mặt da đều nhả ra, mỗi khi thở ra là toàn mặt da đều hút vào. Phần da bên trong tạng phủ thì hút chất bổ, phần da bên ngoài hút dưỡng khí để nuôi dưỡng cho toàn thân. Thế là chúng ta đã có vô số miệng mũi khắp châu thân, chúng nó làm việc rất là trật tự ngăn nắp. Nếu một phen đột ngột bị lộn ngược vào thì chẳng khác nào chúng ta bị bắt buộc phải ăn bằng mũi thở bằng miệng. Thế thì sự rối loạn sẽ ra sao chúng ta cứ tưởng tượng cũng đủ biết. Bởi vậy trên mặt da chúng ta nếu chỉ có một vùng độ bằng bàn tay xòe bị bít lại, chắc chắn là trải qua một thời gian lâu sẽ phát sanh một thứ bệnh lạ. Điều này rất hiển nhiên, thế sao tất cả thầy thuốc cũng như người thường chẳng mấy ai để ý. Việc này mong người học hãy lưu tâm sâu sắc rồi sau sẽ đi đến phần tỉ mỉ.

Tinh, khí và thần là ba chữ rất thường thấy trong toàn bộ NỘI KINH. Nhưng thực ra toàn bộ NỘI KINH có bao giờ đưa ra ý kiến bảo cho chúng ta phải chấp chặt lấy cái thân này để mà ngồi lại luyện tinh hóa khí, luyện khí hóa thần, luyện thần hườn hư một cách lệch lạc, lục đục, kỳ quái bao giờ đâu! Vậy mà những người bày đặt ra thuyết ấy lại cũng được nhiều kẻ tôn thờ, thì thật cũng là lạ lắm.

Trong đoạn này có ba chữ "hạch lưu lai" đối với quan niệm nhất quán của toàn bộ NỘI KINH ta khỏi phải bàn. Nhưng đối với bệnh này, ngày nay vẫn là một bản án treo ngược chưa được phán quyết, mà sau đây là chuyện hiện tiền sự thật trước mắt tôi:

Tất cả những em bé từ năm tuổi trở xuống, mỗi khi gặp ngoại cảm sốt mùa hoặc bệnh ôn sắp phát, ở quãng giữa mùa Xuân mùa Hạ, khi cơn sốt lên để đòi hỏi thông giải bằng đường mặt da, thì thường xảy ra triệu chứng trở ngại nơi bộ hô hấp mà ngày nay Tây y Việt Nam gọi là sưng phổi.

Lúc này nếu đến các bác sĩ Tây y thì các ngài liền căn cứ vào triệu chứng mà đàn áp thẳng tay bằng thuốc trụ sinh loại Pénicilline. Tức thì

cơn sốt được đè bẹp, độc bệnh liền tháo lui rơi vào hệ thống tuần hoàn máu trắng từ cổ lên đầu, rồi độ vài hôm tức thì hiện ra triệu chứng nổi hạch. Thế rồi từ đó được các bác sĩ Tây y nhìn bằng con mắt xem là một bệnh lao hạch riêng biệt, và từ đó về sau sẽ được chữa lung tung bằng nhiều thứ thuốc trị lao, để đến nỗi đứa bé phải mang bệnh ấy cho tới lớn biến thành bệnh Phổi chánh thức. Trường hợp này đã qua trước mắt tôi không biết bao nhiêu lần. Mặc dù đến giai đoạn thành bệnh hạch việc có mặt vi trùng lao quả là sự thực chăng nữa, tôi cũng mong rằng các vị bác sĩ Tây y hãy nên nghiên cứu lại. Vì sao thế? Vì khi đứa bé bị bệnh hạch, nếu còn trong vòng 5 tuổi trở lại ta có thể dùng thuốc cho nổi ghẻ ở đầu, thì cứ mỗi một hạch sẽ lên đầu làm một mụt ghẻ. Khi vỡ miệng một mụt ghẻ là khỏi một mụt hạch, đến bao giờ hết thì thôi. Việc làm này rất dễ dàng, chỉ trừ quá 5 tuổi trở đi có thể không làm được.

Sự lầm lạc của trường hợp tôi vừa kể trên có thể là cả một thể giới Tây y đều phạm phải. Vậy ta hãy thử nhắm mắt tưởng tượng xem chỉ một bệnh này, loài người mỗi ngày sẽ có biết bao nhiêu trẻ con vô cớ phải bị rơi vào cảnh yểu ương bạc nhược?! Như thế chưa đủ để cho ta động lòng thương xót và phản tỉnh sao?

Đoạn 6

PHIÊN ÂM:

Cố dương khí giả, nhứt nhựt nhi chủ ngoại, bình đán dương khí sanh, nhựt trung nhi dương khí long, nhựt dậu nhi dương khí dĩ hư, khí môn nãi bế. Thị cố mộ nhi thâu cự, vô nhiễu cân cốt, vô kiến vụ lộ, phản thử tam thời, hình nãi khốn bạc.

DỊCH:

Cho nên khí dương trong con người ban ngày chủ về bên ngoài. Lúc sáng sớm khí dương mới bắt đầu, đến giữa trưa khí dương lên đến tột bực, đến chạng vạng tối thì khí dương đã thu vào trong, tất cả các cửa thở ra đều đóng dần lại. Cho nên về đêm thì

đóng bít lại, vì thế đừng nên nhiễu động đến gân cốt, cũng đừng nên dầm sương, dãi gió. Nếu trái với ba quãng trật tự ấy thì hình hài sẽ bị suy nhược.

GIẢI:

Mũi hít vào miệng thở ra thì mặt da cũng một mở một đóng. Ban ngày mặt da thở ra nhiều, hít vào ít; ban đêm thở ra ít, hít vào nhiều cho nên ngày đêm cũng có một mở một đóng. Đoạn này luận giả muốn nói khí dương trong con người phải được mở đóng thuận với trật tự thiên nhiên: sự vận hành của khí vệ (khí dương) trong con người ngày đêm chia làm 50 chu kỳ, lệch về phần dương 25 chu kỳ, lệch về phần âm cũng 25 chu kỳ. Tất cả cơ cấu trong châu thân cũng đều theo động cơ này mà gạn lọc và tiến triển. Sau này càng đi sâu vào sẽ thấy rõ hơn.

BÌNH:

Nếu con người với vạn vật cùng trật tự thiên nhiên vốn đồng nhất vốn là sự thật, thì ngày nay chúng ta cho rằng cổ Trung y chỉ là một thứ triết học tưởng tượng không thực tế thì chúng ta là những bọn lầm lạc hết bực.

Nhưng nếu quả đúng là một thứ tưởng tượng không thực tế, chúng ta cũng nên xúm nhau góp hết sách cổ nhơn lại mà đốt quách cho rồi, kẻo cổ nhơn khi dễ ta sao?

Đoạn 7

PHIÊN ÂM:

Kỳ Bá viết: Âm giả tàng tinh nhi cực khởi dã. Dương giả vệ ngoại nhi vi cố dã. Âm bất thắng kỳ dương tắc mạch lưu bạc tật, tịnh nãi cuồng. Dương bất thắng kỳ âm tắc ngũ tạng khí tranh, cửu khiếu bất thông. Thị dĩ thánh nhơn trần âm dương, cân mạch

hòa đồng, cốt tủy kiên cố, khí huyết giai tùng. Như thị tắc nội ngoại điều hòa, tà bất năng hại, nhỉ mục thông minh, khí lập như cố.

DỊCH:

Kỳ Bá tiếp: Nhiệm vụ của phần âm là chủ về thu chứa tinh hoa để làm động cơ phát khởi vượt lên tận bên trên và ra tận bên ngoài, còn phần dương là để bảo vệ bên ngoài cho được bền vững.

Nếu âm suy dương thịnh quá thì nhịp mạch sẽ tăng gia, và xông lên làm ra chứng cuồng(1). Nếu dương suy âm thịnh quá thì khí của năm tạng sẽ tranh nhau làm cho chín khiếu không thông.

Cho nên thánh nhơn minh định âm dương, điều hòa gân mạch, cốt tủy bền vững, khí huyết đều thuận. Như thế thì trong ngoài điều hòa, tà khí(2) không thể hại được, tai mắt thông minh, thần khí được bình thường.

CHÚ THÍCH:

(1) **Cuồng**: vì nóng hoặc sốt xâm nhập vào bộ thần kinh, vào Tim làm cho tinh thần rối loạn gọi là cuồng.

(2) **Tà khí:**

1. Nghĩa chung để chỉ cho sự rối loạn trật tự thiên nhiên trong cơ thể con người. Đây thuộc về phần quả.

2. Nghĩa riêng tức chỉ phần nhân, chia ra làm ba:

2.1 Hư tà: tức là gặp năm vận khí mất trật tự tạo thành khí độc xâm lấn vào người.

2.2 Chánh tà: vận khí của trật tự thiên nhiên vốn bình thường, nhưng vì sinh hoạt của con người không thuận với trật tự thiên nhiên mà phát sanh bệnh tật.

2.3 Nội tà: tức là ăn uống tâm tư sai lệch làm cho sự vận hành trong cơ thể chạy trái chiều mà sanh bệnh tật.

Cả ba đều được chia ra làm hai phần: ngoại cảm và nội thương, nhưng cũng gọi chung là tà khí.

GIẢI:

Đây là Kỳ Bá tiếp lời của Huỳnh Đế trên kia về nghĩa khí dương chủ ở bên ngoài, và nói thêm về dinh vệ huyết khí âm dương nương nhau mà thành tác dụng. Nếu một khi bị lệch lạc là biến cố xảy ra.

Chữ âm dương ở đây nghĩa là tạng phủ nữa. Vì sao mà biết? Vì còn có câu "nếu dương suy âm thịnh quá thì khí của năm tạng tranh nhau mà chín khiếu không thông". Chữ tranh nhau tức là khắc nhau, thuộc về dòng điện nghịch chiều, trái với tương sanh. Dễ thấy nhất là trong những trường hợp bệnh ung thư (nham, cancer) nội tạng.

Bốn mươi năm về trước có một loại đèn ngọn treo trên trần nhà, ống dẫn dầu, dẫn hơi chuyền theo vách xuống góc phòng, bên dưới là bình dầu có đặt vòi bơm. Khi cho dầu vào bình, bơm hơi vào, thì dầu và hơi sẽ theo ống dẫn lên đến ngọn đèn, bấy giờ đốt tức khắc cháy. Bởi thế nên khi đèn cháy tỏ ta nghe tiếng kho! kho! như người ngủ ngáy. Nếu rủi béc bị nghẹt hoặc không bơm hơi nữa thì đèn lu dần và lịm đi. Nếu hơi nhiều quá đèn cũng không cháy bền được.

Cách thế âm dương dinh vệ huyết khí trong tạng phủ con người nương nhau mà tồn tại cũng giống như vậy.

BÌNH:

Có người hỏi thiền sư Huệ Hải: Thế nào là Đạo? - Thiền sư đáp: Bình

thường là Đạo. Hỏi: Ngài tu mà ngài có công phu không? - Đáp: Có chứ. Hỏi: Xin ngài cho biết. - Đáp: Đói thì ăn cơm, buồn ngủ thì đi ngủ. Hỏi: Nếu tôi làm như ngài có được không? - Đáp: Không được. Hỏi: Tại sao? - Đáp: Vì lẽ trong khi ăn mọi người tuy miệng ăn nhưng tâm không ăn, khi ngủ thì mắt ngủ nhưng tâm không có ngủ cho nên không được. Thế là thiền sư Huệ Hải đã bình giúp chúng ta đoạn này rồi đấy.

Đoạn 8

PHIÊN ÂM:

Phong khách dâm dương khí, tinh nãi vong, vi phong tà thương can dã. Nhân nhi bảo thực, cân mạch hoành giải, trường tịch vi trỉ. Nhân nhi đại ẩm tắc khí nghịch. Nhân nhi cưỡng lực Thận khí nãi thương, cao cốt nãi hoại.

Phàm âm dương chi yếu, dương mật nãi cố. Lưỡng giả bất hòa, nhược Xuân vô Thu, nhược Đông vô Hạ, nhân nhi hòa chi, thị vi thánh độ. Cố dương cường bất năng mật, âm khí nãi tuyệt. Âm bình dương bí, tinh thần nãi trị. Âm dương li quyết, tinh khí nãi tuyệt.

DỊCH:

Khí gió xâm phạm vào khí dương thì tinh hoa(1) trong con người hao mất, đó là vì gió độc phạm vào Gan. Nhân đó nếu gặp phải lúc ăn quá no, gân mạch dãn chiều ngang, khí độc dồn xuống Ruột già sanh ra chứng trĩ(2). Nếu gặp phải uống quá nhiều thì sanh ra khí nghịch. Nếu ráng quá sức thì khí của Thận bị tổn thương, làm cho quãng xương sống cao nhất ngang Thận bị hoại.

Phàm lẽ bí yếu của âm dương, nếu khí dương được khít khao thì mới bền vững. Nếu âm dương không hòa cũng như có mùa Xuân mà không có mùa Thu, có mùa Đông mà không có mùa Hạ. Sống điều hòa thuận với trật tự âm dương đó là sự thông đạt của thánh

nhơn. Cho nên nếu khí dương thạnh quá không thể khít khao thì khí âm bèn tuyệt. Bởi vậy nên khi khí âm được bình thường, khí dương được khít khao thì tinh thần không loạn. Nếu âm dương tách rời thì tinh khí(3) phải tuyệt.

CHÚ THÍCH:

(1) **Tinh hoa**: chỉ chung cho tinh hoa của khí huyết.

(2) **Trĩ**: là một bệnh dãn tĩnh mạch ở ruột cùn và hậu môn. Ruột cùn và hậu môn tuy thuộc thành phần bộ tiêu hóa, nhưng tĩnh mạch lại thuộc về Gan. Cho nên bệnh trĩ là bệnh của hệ thống Gan.

(3) **Tinh khí**: nơi đây phải hiểu vừa là khí tinh hoa trong con người, vừa là tinh khí.

GIẢI:

Đoạn này muốn nói có những trường hợp gió độc phạm vào làm hại đến Gan. Nếu không cẩn thận thì sẽ làm đến bệnh Ruột, bệnh Thận, bệnh Phổi, rồi nhân nơi nghĩa Thận bị tổn thương mà chỉ cho chỗ quan hệ của âm dương giao hội.

Tại sao gió độc lại phạm vào khí dương mà là phạm vào Gan, sao không phạm vào Tỳ vào Thận? - Đáp: Gió là Phong, phong thuộc Mộc; tạng Gan là tạng thuộc Mộc, thế là trong Ngũ hành đồng loại vẫn có sức đồng loại tụ về, chỗ này người xưa hay dùng câu "đồng thinh tương ứng, đồng khí tương cầu" để mà nói. Cho nên hễ phạm phải gió là ảnh hưởng thẳng vào cơ cấu của Gan trước, rồi từ đấy Gan phải yếu.

Nói về khi gió độc phạm vào phần khí dương làm cho tinh trong người bị mất. Chữ "tinh" ở đây muốn nhận cho rõ được chỉ có cách hãy theo dõi hai trường hợp sau đây nói về một chứng bệnh mà ở miền quê Nam phần Việt Nam gọi là bệnh sải càn. Triệu chứng của nó là khắp người nổi lên những mụt to bằng đầu ngón tay út hoặc lớn hơn một chút có mủ và nghe nhức, hơi ngứa. Nguyên do gần của nó là bởi mất nhiều

mồ hôi quá, nước trong máu bị khô, máu bị đông đặc mà nhiệt lực bên trong cũng tổn giảm đi, nên bài tiết ra ngoài thành những mụt có mủ.

1) Trường hợp đàn bà mới sanh lần đầu ở miền quê, vì quá sợ phạm phải gió lạnh bên ngoài, nên vừa mới sanh trong quãng một tháng thường dùng một phép gọi là lăn lửa, nghĩa là chung quanh phòng sản phụ nằm người ta đốt thành nhiều lửa để đề phòng. Vì lửa nhiều quá, sản phụ bị ra mồ hôi nhiều, máu bị mất nước, bộ tiêu hóa ráo khô, đại tiện trở nên vô cùng táo bón rồi mới phát sanh chứng sải càn.

2) Một chính trị phạm nguyên có tài luyện nội công nín thở, rủi bị bên địch bắt được (thời Pháp thuộc), trói để nằm ngửa, rót nước xà phòng vào mũi liên tiếp với thời gian kéo dài. Ông ta nín thở cho nước đừng vào, vì thời gian quá sức chịu đựng nên toát mồ hôi như tắm. Sau khi được thả về rồi phát lên chứng sải càn.

Đây là hai trường hợp tinh hoa trong người bị mất, cũng tương tự như trúng phải gió ra mồ hôi mà tinh hoa bị mất. Nhưng vì nguyên nhân có khác nên triệu chứng và phát bệnh cũng khác.

Nhờ hai câu chuyện này chúng ta lại càng dễ thấy rõ nghĩa câu "nếu khí dương thạnh quá không thể khít khao thì khí âm bèn tuyệt" của cuối đoạn này hơn.

Thành phần của Gan trong toàn thân là gân, tổ chức vách ống tĩnh mạch thuộc về hệ thống cơ cấu của Gan (cũng như nói tổ chức tế bào gân). Khi Gan đã yếu gặp phải ăn quá no, lẽ tất nhiên chiều ngang của bụng phải bị căng thẳng; do đó mà tuần hoàn máu đen cũng theo thế dãn mà dãn chiều ngang, làm cho ống máu trở về ở tận bên dưới ruột bị đình đốn, nên dãn phồng ra ở vùng ruột cùng và hậu môn để làm thành chứng trĩ.

Nói: Gặp phải uống quá nhiều thì sanh ra chứng hơi đưa xốc lên gọi là khí nghịch. Vậy tại sao không chìm xuống mà lại là đưa xốc lên? - Đáp: Vì ăn thuộc về phần huyết, uống có quan hệ đến phần khí. Gan yếu, uống quá nhiều, âm dương mất quân bình làm cho phần khí không lưu thông.

Nói rằng: Nếu gặp phải ráng quá sức thì khí của Thận bị tổn thương làm cho quãng xương sống nổi cao nhất bị hoại. Chữ "ráng quá sức" ở đây hàm chứa nhiều ý nghĩa sâu sắc. Ngoài việc ráng sức cất nặng ra, sau này thấy còn có câu "ráng sức nhập phòng" làm cho ta phải lưu tâm tế nhị. - Quãng xương sống nổi cao nhất với con mắt của cổ nhơn có quan hệ trực tiếp đến Thận, nên mới nói: khí của Thận bị tổn thương mà quãng xương ấy bị hoại (sẽ có hình vẽ). Chỗ này tức là muốn nói hai đầu xương giao nhau phải nhờ có gân câu lại. Nếu gân được mịn dẻo thì đi đứng được phân minh. Quãng xương sống nổi to nhất là nơi quan hệ trực tiếp với Thận, nay vì Gan yếu, gân mất sức mạnh bình thường, lại thêm cố ráng quá sức, làm cho quãng xương sống ấy không đủ chịu đựng mà sụp đổ. Chứng này tiếng phổ thông miền quê Việt Nam thường gọi là cụp xương sống.

Đến đây luận giả muốn dụng ý để diễn tả tiếp sự quan hệ của âm dương mà trước nhất đặt nặng phần dương; cho nên nói: khí dương phải được khít khao bền chặt, và âm dương phải giao hòa với nhau cũng như có mùa Xuân, mùa Hạ để rồi có mùa Thu, mùa Đông. Nếu âm dương không giao nhau thì chẳng khác nào có Xuân, Hạ mà không có Thu, Đông. Nói một cách khác hơn theo kiểu ly tâm hướng tâm thì khi dương đi ra ngoài là âm phải vào trong, khi dương vào trong là âm phải ra ngoài theo thế răng lược, khí âm và khí dương phải giao nhau mới thành sự sống. Bởi vậy chánh văn mới tiếp "sống điều hòa thuận theo trật tự âm dương đó là sự thông đạt của thánh nhơn" là nghĩa như thế. Nếu phải khi chênh lệch thái quá, như khí dương thái quá thì sẽ không giữ được sự khít khao làm cho khí âm phải tuyệt diệt. Bởi vậy chánh văn mới tiếp "nếu phần âm được bình thường, phần dương được khít khao thì tinh thần mới được bình thường. Nếu âm dương không giao nhau thì tinh khí bèn tuyệt". (Nên chú ý hình quẻ của đoạn thứ 6 có nói rõ).

BÌNH:

Cuộc sống mà người ta gọi là văn minh vật chất ngày nay, hễ nóng thì dùng quạt máy hoặc phòng lạnh cốt sao để giải quyết ngay cho thỏa ý muốn. Nhưng thực ra chúng ta nào có hiểu gì đâu về nghĩa gió và lạnh?! Khắp miền đô thị hằng ngày có biết bao là sinh viên, học sinh, nhân viên văn công tư sở hoặc những nhà giàu có bị trúng gió theo kiểu quạt máy mà chết. Thế mà tất cả các thầy thuốc kể cả Đông lẫn Tây có được mấy ai lưu tâm! Khi việc xảy ra cũng chỉ có cách là giải quyết tạm thời mà

thôi. Thử hỏi hiện giờ trong giới Đông, Tây y được mấy người nhận ra gió là mũi nhọn, mà gió của quạt máy hay gió trốt lại là lưỡi khoang?! Ta hãy thử tưởng tượng một mũi tên hay một viên đạn súng nó đi vào người chúng ta bằng cách nào thì cũng đủ rõ.

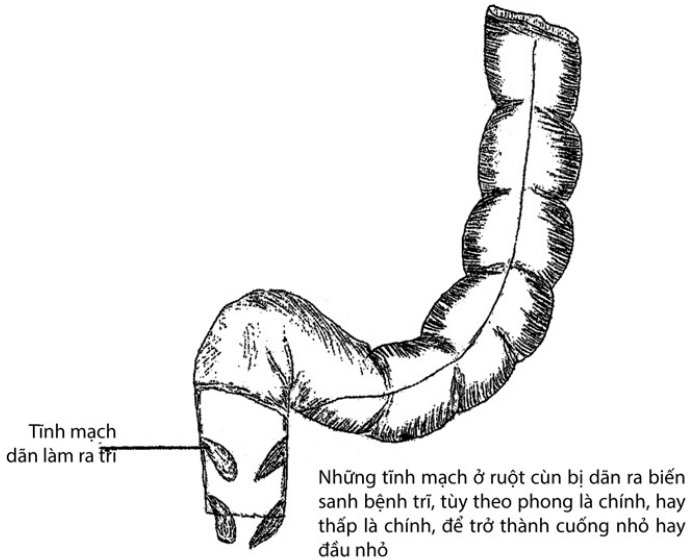
Có ai ngờ một người bị trúng gió mồ hôi ra như tắm, trong mồ hôi có mỡ và liền theo sau đó con người trở nên mất sắc và ốm hẳn đi?! Đó là nghĩa "khi gió độc phạm vào khí dương thì tinh hoa bèn mất". Và nếu may ra thoát chết, đến 5-7 ngày sau gân cốt vẫn còn bải hoải. Đây là chưa kể đến vấn đề môi trường nào thuận tiện cho gió độc nhất. Quả thật người xưa rất có con mắt sâu sắc vậy.

Đọc đoạn chính văn ta cảm thấy nếu không có một sự chứng nghiệm suốt bản thân thì không sao nói lên được rõ ràng như thế. Và có đọc đoạn văn này, có nhìn kỹ trong giới y gia mới thấy được những người gọi là chuyên môn bệnh trĩ hiện nay (bất cứ Đông hay Tây) chẳng qua chỉ là những người căn cứ vào tại chỗ của ruột cùn và hậu môn để làm nghề sinh nhai vậy thôi, chớ chẳng được mấy ai lưu tâm đến nguồn cội. Chuyện này dù con bệnh cũng phải lãnh lấy một phần trách nhiệm. Vì sao thế? Vì thầy thuốc ngày nay là một thứ ứng theo nhu cầu của bệnh nhơn, mà bệnh nhơn cũng là một thứ ứng theo nhu cầu của thầy thuốc. Tất cả chẳng qua chỉ là một thứ thị trường đổi chác mà thôi. Vậy mà trong chúng ta ngày nay có những người dám bảo rằng: cổ nhơn ngày xưa không biết gì về nội tạng, thì thật là một việc đáng phì cười.

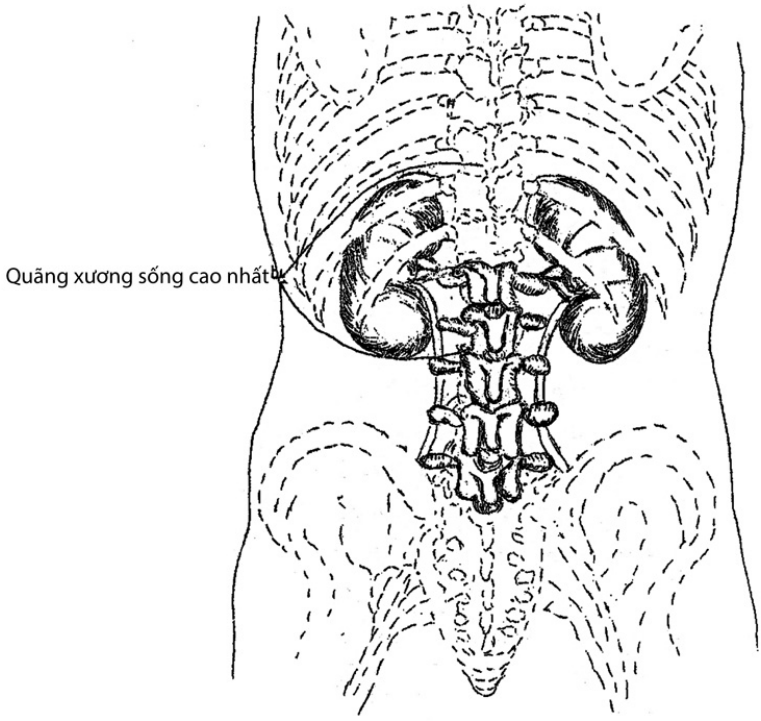
Riêng vấn đề bệnh trĩ, độc giả nên cẩn thận đừng tưởng đây là cổ nhơn đã nói hết. Sau này sẽ có dịp thấy được cả một chân trời bao la của bệnh này.

Chánh văn nói "âm dương không giao nhau thì tinh khí bèn tuyệt", nơi câu này cũng như toàn mạch văn, nếu chúng ta không có khả năng theo dõi dấu chân chứng nghiệm của người xưa, thì dù có nghe cắt nghĩa đến bao nhiêu cũng chẳng qua là thở theo lỗ mũi của người khác. Nếu độc giả chiêm nghiệm về tỉ dụ cái đèn măng-sông lúc trước rồi lần lượt sẽ thấy ngay.

HÌNH 3.5: BỆNH TRĨ


Tĩnh mạch
dãn làm ra trĩ
Những tĩnh mạch ở ruột cùn bị dãn ra biến
sanh bệnh trĩ, tùy theo phong là chính, hay
thấp là chính, để trở thành cuống nhỏ hay
đầu nhỏ

HÌNH 3.6: QUÃNG XƯƠNG SỐNG NƠI THẬN MẮC VÀO



Đoạn 9

PHIÊN ÂM:

Nhân vu lộ phong nãi sanh hàn nhiệt. Thị dĩ Xuân thương vu phong, tà khí lưu liên, nãi vi đỗng tiết. Hạ thương vu thử, Thu vi hải ngược. Thu thương vu thấp, thượng nghịch nhi khái, phát vi nuy khuyết. Đông thương vu hàn, Xuân tất bịnh ôn. Tứ thời chi khí, cánh thương ngũ tạng.

DỊCH:

Nếu thêm phạm phải sương gió bèn sanh ra chứng lạnh nóng. Cho nên mùa Xuân bị cảm gió, tà khí lưu lai bèn làm ra chứng đi tiêu chảy. Nếu mùa Hạ bị cảm nhiễm khí thử(1) sang Thu sẽ làm ra bệnh sốt rét. Mùa Thu cảm nhiễm khí thấp thì đưa xốc lên mà làm ho, phát ra làm bệnh teo, bệnh khuyết nghịch. Mùa Đông cảm nhiễm khí lạnh sang Xuân tất sanh bệnh ôn(2). Khí của bốn mùa thay nhau mà xâm phạm năm tạng.

CHÚ THÍCH:

1) **Khí thử**: ở đây chỉ cho khí nồng nhiệt của mùa hè không giống nghĩa chữ "thử hạn" của đoạn 2.

2) **Bệnh ôn**: là một danh từ bệnh để chỉ cho một thứ bệnh khi phát lên mỗi ngày về xế chiều nhiệt độ càng lên, người càng đừ không có triệu chứng sợ lạnh, chỉ sợ nóng mà bên trong còn bao nhiêu chi tiết khác phức tạp sâu xa thuộc về phần chuyên môn mới rõ hết. Người nay thường gọi bệnh này bằng ban cua, bằng con cua lưỡi trắng, bằng ban rắn, ban lươn, bằng thương hàn, bằng danh từ sốt đừ người, đau ban, ban trắng, v.v. Hết thảy những cách đặt tên ấy với tất cả những sự cắt nghĩa và chữa trị của người nay đều bởi sự thấy biết phiến diện mà ra, chớ chưa mấy ai được thấu suốt. Sau này sẽ có dịp biết rõ, ở đây chỉ nói đại lược.

GIẢI:

Đoạn này vẫn nối tiếp theo đoạn trên để nói lên từ khí dương không được bền chặt, gió độc phạm vào làm tổn thương cho Gan, rồi từ đó bao nhiêu điều kiện ăn uống, sanh hoạt giúp thêm cho bệnh biến hóa. Đến đây lại nói tiếp thêm điều kiện cảm nhiễm khí của bốn mùa mà xảy ra bao nhiêu là triệu chứng khác nhau.

Câu đầu của đoạn này có hai chữ "lộ phong" mà dịch ra là "sương gió", thật ra chữ "lộ" không dịch là "sương" cũng không biết phải dùng chữ gì. Vì tiếng Việt về hiện tượng sương mù không đủ chữ để dùng. Chữ "lộ" ở đây là để chỉ cho thứ sương trắng hột mịn rơi xuống gần sát mặt đất phủ trên đầu ngọn cỏ trông thấy trắng xóa, khác hơn thứ sương

hột to, trong, chỉ đóng ở cành lá trên cao.

Câu nói "nếu thêm phạm phải sương gió" ở đây tức là chỗ trên kia nói "đến đêm không chịu yên nghỉ, dầm sương dãi gió".

Chứng lạnh nóng trên đây có nghĩa bệnh nhiễm vào phần ngoài của Thiếu dương, tức là lớp bầy nhầy của ngoài thân, chứng này người nay thường gọi là nóng nóng lạnh lạnh tựa hồ chứng sốt rét. Điều này rồi sau sẽ tường tận, đừng nên thắc mắc.

Lại tiếp: "Mùa Xuân bị nhiễm gió, tà khí lưu lai mà làm ra đi tiêu chảy". Đây là một triệu chứng của Gan khi bị bệnh, làm cho tác dụng của tạng Gan ở bên tạng Tỳ mất bình thường, bộ tiêu hóa ứa ra nhiều nước chua nên xảy ra đi tiêu chảy. Đây là một hiện tượng Mộc khắc Thổ trong nội tạng, mà sau này sẽ có nơi nhắc đến bằng câu "mùa Xuân cảm phải gió sang Hạ sẽ làm đi tiêu chảy". Thế là chữ "lưu lai" ở đây tức là chữ "sang Hạ" của sau này.

Lại tiếp "Mùa Hạ cảm phải khí thử, sang Thu sẽ làm ra sốt rét". Nói như vậy không phải là nói hết thảy bệnh sốt rét đều chỉ bởi cảm nhiễm khí thử mùa Hạ, mà đây chỉ là mới nêu lên một nguyên nhân trong bệnh sốt rét mà thôi. Đến phần thuyết minh tế nhị về trọn hết bệnh sốt rét rồi ta sẽ rõ.

Rồi lại tiếp "mùa Thu thêm cảm nhiễm khí thấp đưa xốc lên làm ho, phát ra bệnh teo, bệnh khuyết nghịch" tức cũng là bệnh sang Đông. Nhưng có điều là làm sao để đi từ nhiễm thấp đến ho, đến teo, đến khuyết nghịch ở mùa Đông; đó là cả một quá trình rắc rối.

Đoạn này ta phải nên nhớ mùa Thu là lúc khí ẩm ướt dồi dào, bầu khí quyện bắt đầu co lại, tác dụng của mặt da cũng như ở Phổi bắt đầu chùng lại thu vào. Nhưng sức tung ra đẩy lên hãy còn trớn. Bởi lẽ đó nên khí ẩm ướt cộng với khí nóng còn thừa trong thân không bài tiết ra được cứ tiếp tục đổ dồn lên Phổi, để đúng lúc tột bực sẽ phát sanh ra ho; đó là lý do đưa xốc lên làm ho.

Phổi bị vít lại, bao nhiêu nóng đều phải bốc lên, nếu không có cách

để bài tiết thì trên dưới âm dương mất quân bình, lẽ tất nhiên phải xảy ra bệnh teo, hoặc teo ở Phổi thì gọi là chứng Phế nuy, hoặc bởi Phổi co lại chẽn vừng rút lên, dây thần kinh từ trên Phổi suốt xuống đến chân mất lưu thông bình thường, thế tất chân mất nuôi dưỡng mà xảy ra teo ở chân, đến khi thuần nói về bệnh teo ta sẽ đi sâu vào chi tiết.

Hơi và nóng bị dồn lên, sự giao nhau ở chót mạch và chót thần kinh ở tay chân không giao nhau được, gặp phải mùa Đông là tức khắc xảy ra chứng khuyết nghịch. Đó là lịch trình của mùa Thu cảm nhiễm khí thấp sang Đông sanh bệnh.

Tiếp rằng: "Mùa Đông cảm nhiễm khí lạnh, mùa Xuân sẽ phát bệnh ôn" tức là ý nói: "Nếu mùa Đông cảm nhiễm khí lạnh mà không phát bệnh ngay, cứ tiềm phục đến mùa Xuân mới phát". Nguyên nhân như vậy, cách phát như vậy gọi là bệnh ôn. Chỗ này chúng ta cũng đừng lầm tưởng bệnh ôn chỉ có bấy nhiêu. Nhưng có điều từ khi nhiễm khí lạnh đến khi phát sanh bệnh ôn nó phải có cách làm sao ấy.

Mùa Đông là mùa bầu khí quyện co lại hết mức, ngoài trời lạnh lẽo, khí dương trong con người thu lại vào trong tận cùng để chuẩn bị một cuộc vượt lên đi ra đón tiếp mùa Xuân. Bây giờ mùa Đông lại bị nhiễm khí lạnh, thế là khí lạnh trong người bị gia tăng. Nếu tưởng tượng ta thấy như là khí lạnh trong người bị gia tăng gấp đôi. Lạnh là khí co lại, do bị lạnh mà bầu khí quyện của ngoài da bị khí lạnh đẩy lui vào sâu trong thân quá mức bình thường, trong khi đó khí dương trong thân không đủ sức phản ứng ngay, thế là một cuộc nhiễm lạnh tiềm phục. Trong khi khí lạnh liên tục co vào, lẽ tất nhiên sự thở hút của mặt da bị đình đốn, chất bài tiết ở da càng ngày càng giữ lại. Đến sang Xuân khí dương từ tận cùng trong sâu được trỗi dậy, phần dưới da lại có sẵn sự bài tiết đang đình đốn, khí ngoài trời càng ngày càng ấm áp, bầu khí quyện càng ngày càng trương nở, thế là trong thân phát bốc nóng mà không sợ lạnh, chỉ sợ nóng. Thế là hồi nhiễm khí lạnh vào, khí lạnh mắc liền với Thận theo thế đồng tánh thâu hút, khi phát ra lại là phản ứng của toàn thân bên trong, chớ không phải chỉ một lớp da ngoài như bị thương hàn, do đó nên gọi là bệnh ôn.

Bởi lẽ phần hút vào của mặt da bị lấn vào quá độ thường, nên khí độc trong thân phải bị đánh lui vào bộ tiêu hóa. Còn phần nhả ra lại cũng bị bít, làm cho mũi hít vào da không bài tiết được, rồi cũng bị đánh lui lại

làm cho Phổi bị mệt, và miệng cũng không đủ để bài tiết hết hơi độc của bộ tiêu hóa. Do đó mới xông ngược lên, đầu tiên làm lưỡi đóng bợn trắng, và khí nóng xông lên mặt làm đỏ người. Lý do lưỡi đóng bợn trắng là vậy.

Và theo đây đại khái có những triệu chứng đặc biệt để khỏi lầm lẫn:

1. Nhức đầu.

2. Không ngủ.

3. Buồn mửa.

4. Chảy máu cam.

5. Lưỡi đóng bợn trắng và khi thè ra thấy lưỡi run.

6. Vành tai lạnh.

7. Khác phái nuôi bệnh càng nặng.

8. Con người hiện vẻ đỏ.

Trong tám triệu chứng này, triệu chứng thứ bảy và triệu chứng thứ tám là đặc biệt nhất còn sáu triệu chứng kia có thể có đủ hoặc chỉ vài ba triệu chứng thôi.

Như chúng ta đã biết và sẽ biết thêm bộ tuần hoàn máu trắng là thuộc về Thận, có quan hệ trực tiếp với bộ thần kinh và tính hình.

Tất cả chất nước trong châu thân đều qui về Thận và tuần hoàn máu trắng. Nước là một thứ rất quan hệ với điện lực trong thân.

Bệnh ôn đã là bệnh nhiễm khí lạnh từ mùa Đông trước bằng cách

Thận dương bị hao tán tinh hoa. Theo thế đồng tính khí lạnh nhiễm vào, vì cơ thể không đủ sức đẩy ra, khí lạnh phải qui về Thận. Thế là bệnh đã đeo sát vào Thận và tuần hoàn máu trắng liên hệ đến thần kinh hệ và tính tình.

Kinh Lăng Nghiêm nhà Phật có nói: trong mỗi chúng sanh có một thứ nước gọi là nước ái, khóc chảy ra mắt gọi là nước mắt, tủi chảy ra mũi gọi là nước mũi, thèm chảy ra miệng gọi là nước miếng, lòng dục dấy động chảy xuống bên dưới gọi là nước dâm v.v.

Lại nói: trong mỗi chúng sanh có hai phần là tình và tưởng. Phần tưởng làm cho bốc lên, phần tình thì làm cho chìm xuống. Muốn thoát ly sức hấp dẫn lên xuống là phải đừng vướng kẹt vào tình tưởng.

Hai đoạn kinh vừa nhắc, tuy là một thứ ngôn ngữ không phải để nói cho người chuyên môn y khoa nghe, nhưng chúng ta phải biết là muốn nói cái gì ấy.

Tất cả những bệnh đi từ mặt da vào, theo luật trật tự thiên nhiên mặc dù đã trót dính liền với Thận và tuần hoàn máu trắng chăng nữa, khi giải cũng phải theo đường vào mà cho đi ra, trừ một hai giai đoạn đặc biệt phải dùng tạm, đó là một việc khác. Bởi vậy khi có bệnh này người khác phái nuôi, bệnh nhơn sẽ xảy ra đắm nhiễm tình ái (mặc dù trẻ con với cha mẹ) làm cho bệnh phải chìm xuống và thu vào trong không giải ra được, đó là lý cớ bệnh ôn khác phái nuôi càng thêm nặng.

Thế là ban đầu chỉ bởi gió độc phạm vào khí dương, từ đó thêm vào dầm sương dãi gió, rồi khí hậu của bốn mùa thay nhau mà làm tổn thương năm tạng. Nhưng có một điều hết sức đặc biệt là nơi đây rất chú trọng đến khía cạnh bệnh tiềm phục. Nghĩa là nhiễm bệnh từ mùa trước đến mùa sau mới phát, khác hơn là nhiễm bệnh hồi nào liền phát hồi ấy. Đây là một nguyên lý, rồi càng đi sâu vào càng sẽ thấy bao la.

BÌNH

Bất cứ là ai ở giai tầng nào, nếu thiếu con mắt nhìn thấu suốt sự đời thì cuộc sống người ấy không những vô ý nghĩa mà còn chẳng qua chỉ là

những khối chi li.

Trương Trọng Cảnh nhờ hấp thụ được tinh thần thấu suốt ở khía cạnh bệnh ngoại cảm của NỘI KINH mà lập ra luật Thương Hàn, mãi đến ngày nay vẫn có rất nhiều người học chưa hết. Phương chi nếu chúng ta mang cặp kính vướng phải vi trùng, tế bào, vật chất, dụng cụ mà tự phụ, điên cuồng bằng cách không hiểu gì về mình thì làm sao mà biết được cổ nhơn? Có chăng chỉ là kẻ rơi xuống giếng thấy trời một lỏm mà người xưa gọi là "lấy ống nhìn trời". Hèn gì mới có những người ngày nay dám ngang nhiên viết sách bảo rằng: loài người chỉ mới biết chú trọng đến thiên văn độ non vài ngàn năm nay. Thật là một cách học nói của trẻ con.

Đoạn 10

PHIÊN ÂM:

Âm chi sở sanh, bổn tại ngũ vị. Âm chi ngũ cung, thương tại ngũ vị. Thị cố vị quá vu toan, Can khí dĩ tân, Tỳ khí nãi tuyệt. Vị quá ư hàm, đại cốt khí lao, đoản cơ, Tâm khí ức. Vị quá vu cam, Tâm khí suyễn mãn, sắc hắc, Thận khí bất hoành. Vị quá vu khổ, Tỳ khí bất nhụ, Vị khí nãi hậu. Vị quá vu tân, cân mạch trở thỉ, tinh thần nãi ương. Thị cố cẩn hòa ngũ vị, cốt chánh cân nhu, khí huyết dĩ lưu, tấu lý dĩ mật, như thị tắc cốt khí dĩ tinh, cẩn đạo như pháp, trường hữu thiên mạng.

DỊCH:

Phần âm(1) sanh ra đều nhờ năm vị(2). Nhưng năm vị cũng có thể làm tổn hại đến thần khí của năm tạng(3). Cho nên nếu ăn nhiều của chua làm cho khí(4) lá gan phải tiết ra quá nhiều chất nước, khí của tạng Tỳ mất quân bình, do đó mà khí của tạng Tỳ bị tuyệt. Nếu ăn quá nhiều vị mặn thì khí ở quãng cao nhất của xương sống bị mệt, bắp thịt âm bị thun ngắn, khí của Tim bị đè nén ngưng trệ. Nếu ăn quá nhiều vị ngọt thì khí của Tim sinh ra suyễn

đầy, sắc mặt biến đen, khí của Thận mất quân bình. Nếu ăn nhiều vị đắng quá thì khí của Tỳ không thấm nhuần, khí ráo của Vị bèn tăng gia. Nếu ăn nhiều vị cay quá thì gân mạch bị bách dãn, tinh thần bèn nguy. Cho nên chỉ điều hòa năm vị, xương thẳng gân mịn, khí huyết lưu thông, tấu lý(5) được khít khao, như thế thì xương cốt được cứng cáp. Nếu cẩn thận giữ gìn đúng phép thì tuổi thọ sẽ được bình thường vậy.

CHÚ THÍCH

(1) **Phần âm**: để chỉ cho phần chất, phần nặng, phần huyết, ngược lại với phần nhẹ, phần khí, phần dương.

(2) **Năm vị**: tức là mặn, ngọt, chua, cay, đắng. Nhưng cũng còn có nghĩa để chỉ cho tất cả các thức ăn uống. Vì sao thế? Vì tất cả thức ăn uống dù có vô số vị khác nhau, nhưng kiểm nhận thật kỹ ta sẽ thấy không ngoài năm vị. Cho nên gọi chung là năm vị. Tóm lại tức là theo sự nhận định của vị giác mà ra.

(3) **Thần khí của năm tạng**: tức là ám chỉ cho phần thần khí của từng tạng phủ. Thí dụ khi uống nhiều thức lạnh quá phạm đến tác dụng quân bình thần kinh ở Thận, làm cho Thận mất bình thường, con người sẽ biến sanh ra dễ buồn dễ rầu; đó là nghĩa thần khí của tạng Thận bị biến.

(4) **Khí**: Đoạn này nhại lại không biết bao nhiêu lần chữ "khí", nhưng thực nghĩa của nó không ngoài cổ nhơn muốn ám chỉ cho tác dụng của thần kinh hệ của nội tạng cũng như của trong thân. Vì sao mà biết được? Vì người xưa gọi tác dụng thần kinh hệ các nơi trong châu thân là "kinh khí", và hơn nữa bộ thần kinh là sản phẩm của tâm thức, nếu có một nơi nào trong thân mà tác dụng thần kinh hệ không đến được, là phần tâm thức của người ấy sẽ bị méo mó. Thí dụ tâm thức của những người bị cột chùm trứng chẳng hạn. Chữ "khí" ở đây là vậy.

(5) **Tấu lý**: Tấu là sớ, là chất dai trong thịt; lý là bầy nhầy trong lớp thịt. Cả hai phần này hợp lại gọi là tấu lý, nó bắt liền hệ thống với gân, bên trong nó liên hệ với Tam tiêu, vào tạng quan hệ đến tạng Gan.

GIẢI:

Tánh tình có thể biến đổi sự ăn uống, sự ăn uống cũng có thể biến đổi tánh tình. Mà nơi đây luận giả muốn đề cập đến thức ăn uống tuy là để nuôi người, nhưng nếu không biết sử dụng, trong thái quá bất cập cũng đủ để tổn hại cho cả xác thịt lẫn tinh thần.

Hơn thế nữa trong mỗi một con người đều có sẵn một một cái cân năm cánh mỗi cánh nương nhau để mà quân bình. Vậy nên sự thâu nhận năm vị trong vô tình rất dễ xảy ra làm mất quân bình lẫn nhau trong năm tạng, mà thế quân bình bên trong phải bị đổ vỡ. Và sự làm mất quân bình lẫn nhau trong năm tạng tuy có thái quá bất cập rất là lăng nhăng, nhưng vẫn không ngoài định luật ngũ hành tương sanh tương khắc của Dịch lý mà thôi. Nếu thế quân bình này được bình thường thì xác thân cũng như phần tâm lý sẽ được bình thường.

Tạng Gan màu tím, thuộc Mộc, vị chua. Khi vị chua vào cơ thể nhiều quá, lá gan bị kích thích co lại, các mạch nước miếng ứa ra nhiều – thứ nước miếng lạt thuộc hệ thống của Gan - làm cho Gan càng ngày càng se thắt lại. Vị chua cộng với thứ nước miếng ấy rơi xuống Vị càng ngày càng nhiều. Vị và Tỳ đồng là thuộc Thổ, vị ngọt. Khi vị chua gặp phải vị ngọt pha trộn nhau liền sanh dậy men biến ra cường toan (acide). Bởi cớ ấy mà Vị càng ngày càng bị dãn, Tỳ (kể cả Tỳ âm lẫn Tỳ dương) càng ngày càng mệt; cho nên nói "Tỳ càng ngày càng tuyệt", tức là hiện tượng Mộc khắc Thổ.

Lá gan bị co vào, chua và ngọt ảnh hưởng ra khắp bắp thịt và gân toàn thân, làm cho các bắp thịt thắt các khiếu như bắp thịt thắt ở Bàng quang chẳng hạn bị dãn lơi, nên tiểu tiện không dứt khoát. Còn gân ở các khớp cũng bị ảnh hưởng này mà dãn lơi, nên trong võ thuật kỵ ăn của chua là vậy.

Khi vị quá mặn vào cơ thể, tất cả mặt da trong của bộ tiêu hóa đều bị kích động xót xa, nó phải đòi hỏi sự pha loãng, nên bắt uống nhiều nước. Mặn là vị đồng tánh với máu và nước tiểu, nên phải rút về đường máu, hột máu bị mặn kích thích phải co lại. Sự vận hành của máu càng rít, rồi cũng phải đòi hỏi sự pha loãng, nên có trạng thái khát nước dằng dai.

Nước và muối vào máu nhiều quá, lẽ tất nhiên Thận phải làm việc nhiều hơn bình thường, mới kịp thì bài tiết sự thừa thải xuống Bàng quang.

Thận là cơ cấu mắc liền vào quãng xương sống cao nhất. Bổn phận của nó là thâu hút tinh hoa chứa giữ ở phần Thận dương để chuyển sanh tủy xương và óc. Phần Thận dương là nơi phát tích của Tam tiêu mà cũng là nơi mắc liền vào hệ thống tuần hoàn máu trắng và tủy xương sống. Khi gặp mặn quá Thận bị mệt thì quãng xương sống cao nhất cũng phải mệt theo.

Vị mặn là vị của Thủy, tánh nó chìm đi xuống. Thận là tạng thuộc Thủy, màu đen. Tim là tạng thuộc Hỏa, thuộc về vị đắng, tánh nó bốc nổi. Khi gặp mặn quá, tánh khí bốc nổi trong máu đều bị trì đè nặng xuống dưới, cho nên nói rằng "khí của Tim bị đè nén ngưng trệ".

Bắp thịt khi gặp mặn thì co lại, gặp ngọt thì nở ra. Vì mặn thái quá nên "các bắp thịt đều bị thun ngắn" là lẽ tự nhiên. Phương chi khí của Tim bị đè nén không giữ được mức quan hệ bình thường với tạng Tỳ, thì làm sao mà bắp thịt không bị thun ngắn cho được?! Đây là hiện tượng Thủy khắc Hỏa trong thân vậy.

Tạng Tim màu đỏ, vị đắng, thuộc Hỏa vốn nó là để sanh Thổ, khí của nó vốn bốc lên. Tạng Tỳ màu vàng, thuộc Thổ, vị ngọt, tánh khí của nó vốn là trương nở. Bởi vị ngọt, trương nở, nên phải cần có vị đắng để làm se ráo, chế ngự. Nay thâu nhận vị ngọt nhiều quá, một mặt đòi hỏi phải có sự pha loãng, một mặt tánh nó vốn trương nở, một mặt khác làm cho sức bài tiết của Thận bị đình đốn.

Vị ngọt khi ở độ lượng thấp dễ biến sanh chua (acide), khi ở độ lượng thật cao lại là một thứ nóng cháy cho nên đồng nghĩa với chất than (Carbone). Bởi vậy ngọt vào cơ thể nhiều quá làm cho khí của Tim bị ngăn đầy, và sắc mặt biến đen, khí của Thận mất quân bình tức là nghĩa của hiện tượng Thổ khắc Thủy trong thân đó.

Vị đắng luôn luôn có tác dụng ráo, cho nên vật gì quá đắng khó hư. Mà vị đắng lại là vị của Tim, đắng vào cơ thể phải ảnh hưởng vào Tim trước. Hỏa vốn là để sanh Thổ, nếu thâu nhận nhiều vị đắng quá, Tim

ảnh hưởng sang tạng Tỳ làm cho tạng Tỳ càng ngày càng mất sự mềm nhuận.

Vị với Tỳ đồng thuộc Thổ, nhưng Tỳ là Thổ mà nhuận, còn Vị cũng là thổ mà ráo.

Đã nhận nhiều vị ráo quá tức là làm tổn tánh nhuận của Tỳ mà tăng tánh ráo của Vị. Nên mới nói "khí của Vị bèn tăng".

Như ta đã biết chua là vị của Mộc lại có tánh thu liễm của Kim. Ngược lại vị cay là vị của Kim mà lại có tánh nồng nóng tung ra của Mộc. Bởi lẽ đó nên khi thâu nhận nhiều vị cay quá làm cho các gân mạch bị sát phạt nên dãn ra. Và tánh nóng của vị cay cũng theo đó mà xâm phạm đến phần tinh thần, cho nên mới nói "tinh thần bèn bị hại". Và đây cũng là một hiện tượng Kim khắc Mộc của nội thân.

Khi ta có biết được thế hỗ tương quân bình trong nội tạng của chúng ta như đã nói trên, thì sự ăn uống của chúng ta là một phương diện trong những phương diện để bảo vệ cho cuộc sống của chúng ta được quân bình. Nếu ai có thiện chí muốn tiến sâu vào trung tâm của cuộc sống, thí dụ như những vị có thiện chí muốn học thiền lại càng cần phải biết hơn.

BÌNH:

Mở đầu quyển TỐ VẤN ta chỉ thấy bàn từ khái quát rồi lần lần đến tế nhị, cũng như bàn đến sự thực là như vậy rồi lần lần về sau mới nói đến vì sao mà có ra như vậy. Thế là đi theo thể tài "Dùng kinh để chứng kinh", điều này ta không thể nên quên, để cho tinh thần đỡ bị căng thẳng.

Cuộc sống của con người an nguy vui khổ không ngoài động cơ ăn uống, sinh hoạt, hoàn cảnh, thời tiết và tâm tư. Dù cho xã hội, quốc gia, hay thế giới cũng chỉ thế thôi.

Con người có thể vì mất yên vui mà sanh bệnh tật, cũng có thể vì bệnh tật mà sanh ra mất yên vui. Cũng như:

“Lòng quanh quéo sông càng quanh quéo,

Cảnh đìu hiu dạ lại đìu hiu.”

Quả thật là một bằng chứng hùng biện cho ta thấy nói “tâm với vật là hai” cũng không ổn, mà nói “tâm với vật là một” cũng không ổn chút nào.

Sự đời tuy rất bộn bề, nhưng hết thảy đều có cái lý suốt của nó. Lý tuy suốt nhưng sự thì loại nào phải theo trật tự của loại ấy. Đây là một việc hiển nhiên.

Một là tất cả – tất cả là một – con người là bao la.

Sự hiểu biết của con người đến có thể lên cung trăng, đo mặt trời một cách dễ dàng; Nhưng rất dễ quên lửng về chính con người của mình, cũng như có thể thấy hết nhưng rất khó thấy suốt, lại thêm rất sợ nhìn thẳng vào chính con người của mình; đó là nhược điểm của con người, mà cũng là lý do để đẻ ra chuyện “ăn trái cấm chạy nọc, mắc tội tổ tông”, và chuyện “Chúa Jésus bị đóng đinh trên thập tự giá” mãi đến ngày nay biến thành một môi trường đầu cơ lẫn nhau một cách tàn hại, cho đến “nước Cực Lạc” cũng không ngoài. Thế thì không hiểu gì hết về chính con người của mình là một môi trường để được lợi dụng lẫn nhau, và dù không tin gì cả vẫn cũng là một thứ mê tin. Quả thật! Đây là nguồn đau khổ.

Giá con người đừng mắc bệnh đoản trí, chỉ theo dõi để thấu suốt được tận cùng cái nghĩa của thở hút là gì, thì tức khắc cuộc sống của con người cũng trở nên hết còn sạo sục. Và rồi con người sẽ nhìn thấy cuộc đời này chỉ là cảnh đêm dài dằng dặc mà mỗi chúng sanh là một kẻ mù. Và cái gọi là Y học, Y khoa của chúng ta ngày nay chẳng qua cũng chỉ là một thứ trò chơi điên đảo của kẻ mù bằng cách mượn xác lẫn nhau. Còn những danh từ chức tước, như kỹ sư, bác sĩ, bác vật, bác học, lương y, tổng thống, bộ trưởng, triết gia, giáo sư, khoa học gia, v.v. cũng chẳng qua là những huy chương mù trong làng mù mà thôi.

Nhìn suốt cả ba thiên qua ta thấy có một ẩn ý sâu xa là để nói lên

cái lẽ đồng nhất và tương quan trong thiên nhiên trật tự. Quả thật là nếu không có một cuộc chứng nghiệm, nhất định không sao có được cái nhìn nhất quán như thế!

Ngôn ngữ, văn tự chỉ là một thứ dụng cụ bất toàn, nếu ai có tinh thần thực học tất phải tận lực đào sâu trong được ý quên lời, thì mới mong khỏi bị thở theo lỗ mũi cổ nhơn.

Đại lược thiên này không ngoài âm dương, thở hút, thời tiết, sanh hoạt, ăn uống và tâm tư phải có cái lẽ nhất quán. Nhưng quan trọng nhất là mấy chữ âm dương và thở hút. Điều này đến sau còn có dịp đề cập đến một cách vô cùng tế nhị. Chỉ có điều trong thiên này có những chứng bệnh đã nêu lên, mà chỉ căn cứ vào sự biến động của âm dương khí hóa. Như bệnh sốt rét, bệnh ôn chẳng hạn là những chứng bệnh mà ngày nay hầu khắp thế giới người ta đều đóng đinh vào vi trùng. Như thế chúng ta phải nghĩ sao đây.

Về thuyết vi trùng thì quả thật chúng ta đều có thể trông thấy bằng dụng cụ máy móc, nhưng vấn đề âm dương khí hóa cũng lại là vấn để hiển nhiên. Vậy chân lý nằm đâu?

Khoa học vật chất càng thịnh hành thì con người lại càng vướng sâu vào mắt thấy được, tay sờ đụng. Thế nghĩa là vướng hẳn vào cái tôi và giác quan…

Bất cứ một sự vật gì khi chưa thành hình trong đó bao nhiêu là biến động mà có được mấy người lưu tâm?! Đến lúc có hình thì ai ai cũng có thể dựa vào đó mà căn cứ. Căn cứ vào hình tướng vật chất mà nói chuyện thì sự lập thuyết dễ chắc ăn, và người nghe cũng dễ bỏ lãng đi quãng đường từ "không" đến xảy ra "có". Thế là âm dương khí hóa với thuyết vi trùng đã trở thành đối địch.

Câu chuyện bệnh sốt rét, bệnh ôn cũng nằm trong công lệ này.

Vũ trụ này vốn từ không mà đi đến có, vạn vật cũng thế. Một bức tường rào mới xây có nắng soi ấm áp, thỉnh thoảng có gió rao rao. Nếu bên trên có giọt nước nhiễu đều đều, thì ít lâu sau sẽ theo lằn nước nhiễu

mà xảy ra xám, đen, rồi xanh, rồi lên cây, rồi kết giống, và từ đó giống nào phát triển theo giống nấy.

Về mùa Hè ở miền quê người ta muốn gầy dấm, chỉ có biết cách hòa hợp bằng nước nấu sôi để ấm cho chung với rượu trắng và nước dừa tươi đúng với công thức của nó, đậy lại. Ít lâu dậy men rồi hạ xuống, rồi trong nước ấy có vô số con vật li ti, đuôi ngọ nguậy như con tinh trùng. Ít ngày sau vô số con vật ấy, lớp già thì đầu hơi vàng và kết dính liền lại thành một miếng nổi trên mặt nước vừa theo dụng cụ đựng, tựa hồ như miếng ruột dừa nạo, và bên dưới lại vô số con mới sanh ra. Chừng đó nước trở nên chua, thế là dấm đã thành. Và từ đó người ta dùng con dấm để tạo ra dấm. Chuyện này nếu ai tinh mắt và có đủ ánh sáng đều thấy được cả. Đó là chỗ nhà Phật gọi "duyên khởi, khởi duyên sanh". Như thế đủ biết phủ nhận âm dương khí hóa là tự làm che mất nguồn gốc. Phủ nhận vi trùng là không thông đến ngành ngọn biến hóa. Cả hai đều mắc phải bệnh đoản trí.

Đừng ai vội bảo rằng: câu chuyện nuôi dấm trên kia là tại không khí lọt vào, mà giống dấm trong hư không rơi vào. Kẻ nói như thế thuộc về thứ mê tin hạng nặng. Vì sao mà biết được thế? – Một gia đình miền quê cho con đi học Tây y, đậu bằng bác sĩ, vinh hạnh về quê. Một hôm ông bác sĩ với bà cụ thân sinh tranh luận nhau về vấn đề cơm thiu. Ông bác sĩ bảo: Đó là tại vi trùng nó phá cho hư. – Bà cụ cãi: Bọn bây cho ăn học được một hai điều lạ, về nhà cãi bướng với tao, chứ vi trùng gì mà phá. Này một bằng chứng: bất cứ ai nấu cơm chiều rồi, nếu gặp mùa nóng cứ để luôn trên bếp, đừng dở nắp tới sáng thử coi có thiêu nhớt hay không? Còn tao thì cơm chín xong liền xới vỡ ra hết, cho vào rổ rá, treo ở giữa trống khoảng khoát, trên có nón che, đừng cho chuột bọ mò vào, đến trưa hôm sau vẫn còn nguyên vẹn; đó như thế là tại vi trùng nó bu mà cơm thiu, hay tại cơm thiu mà sanh vi trùng? Nên biết tụi bây hay nói tầm bậy tầm bạ…

Đừng ai vội nói phải thấy được con vi trùng của bệnh ôn và bệnh sốt rét thì mới biết được đó là bệnh ôn hay bệnh sốt rét. Cũng đừng ai vội nói phải thấy được vi trùng bệnh ôn và bệnh sốt rét thì mới trị được bệnh ôn hay bệnh sốt rét.

Đã biết bao trường hợp người ta thấy được vi trùng, quyết định được chứng bệnh mà sự chữa trị mãi đến ngày nay vẫn hãy còn lạng

quạng. Như thế thì sao? Điều này càng đi sâu ta sẽ càng thấy rõ. Nơi đây không phải là trường hợp trình bày y án, xin hãy tạm gác qua.

Thế giới ngày nay đang lâm trong tình trạng đảo điên vì tranh hơn thua phải quấy, mà tranh hơn thua phải quấy là ngăn lấp sự hiểu biết. Nếu muốn khám phá ta phải thận trọng lưu tâm.

THIÊN THỨ BA

- HẾT -

Thời gian và không gian

Nếu tôi muốn leo núi, tôi phải cố mà leo không lựa là núi cao hay thấp. Tôi không thể bảo: "Ê! Núi hãy lùn xuống cho ta dễ leo". Nếu tôi không hiểu như thế, làm sao tôi đọc được NỘI KINH?

C.N.

Thiên thứ tư

KIM QUỸ CHƠN NGÔN LUẬN

Định nghĩa tên thiên

Kim Quỹ: "Kim" là Vàng, là vật ai ai cũng biết quý. "Quỹ" có nghĩa là hòm, rương, tủ, kho. "Kim Quỹ" là một danh từ để chỉ cho một thứ dụng cụ tàng trữ quý giá hoặc có khảm vàng, chạm trổ. Nhưng nơi đây còn có nghĩa xa xôi bóng bẩy là để chỉ cho cái tâm con người.

Chơn ngôn: "chơn" là chơn thật, không dối không sai lạc, đúng lý. "Ngôn" là ngôn từ lời lẽ.

***Kim Quỹ Chơn Ngôn Luận**: tức là một thiên nghị luận toàn những yếu lý chơn thật quý giá xuất phát từ tâm người nói, mà người nghe đáng phải ghi khắc vào tâm.*

BÌNH:

Đọc lên tên thiên ta cảm thấy như cổ nhơn muốn khuyên nhủ ta hãy đặt hết lòng thành để học hỏi suy tư, nếu có xen chút khinh lờn là tinh thần sẽ bị mờ tối. Có lẽ đây là chỗ Khổng Tử gọi "phải mở lòng cho rộng, phải gạn hỏi kỹ càng, phải biện bạch phân minh, phải suy tư thận trọng, phải thực hành tinh tiến..." chăng?

Đoạn 1

PHIÊN ÂM:

Huỳnh Đế vấn viết: Thiên hữu bát phong, kinh hữu ngũ phong hà vị?

Kỳ Bá đối viết: Bát phong phát tà, dĩ vi kinh phong, xúc ngũ tạng, tà khí phát bệnh.

Sở vị đắc tứ thời chi thắng giả, Xuân thắng Trường hạ, Trường hạ thắng Đông, Đông thắng Hạ, Hạ thắng Thu, Thu thắng Xuân, sở vị tứ thời chi thắng dã.

DỊCH:

Huỳnh Đế hỏi: Gió trời có tám hướng, nhưng bệnh phong(1) ở kinh mạch chỉ có năm thứ là nghĩa thế nào?

Kỳ Bá thưa: Khí gió tám hướng trái thường làm cho kinh mạch trong con người sanh ra phong, kinh mạch theo hệ thống của năm tạng, do đó khi chạm phải khí tà(2) sanh bệnh, tóm thành năm loại.

Đây là ý nói phạm phải luật khắc chế của năm hành, năm tạng, bốn mùa. Vì sao thế? Vì mùa Xuân thuộc Mộc, thuộc Gan; mùa Hạ thuộc Hỏa, thuộc Tim; cuối mùa Hạ thuộc Thổ, thuộc Tỳ; mùa Thu thuộc Kim, thuộc Phổi; mùa Đông thuộc Thủy, thuộc Thận. Mà Mộc lại khắc Thổ, Thổ lại khắc Thủy, Thủy lại khắc Hỏa, Hỏa lại khắc Kim, Kim lại khắc Mộc.

CHÚ THÍCH:

(1) **Bệnh Phong**: là một danh từ tổng quát để chỉ cho những loại bệnh hoặc bởi trúng gió độc, hoặc bởi do tánh tình, ăn uống sanh ra bệnh,

do đó mới phân ra ngoại phong và nội phong. Bên trong phạm đến Gan, bên ngoài phạm đến các gân các khớp và các hệ thống thần kinh động tác. Về phần triệu chứng có những tánh cách đặc biệt như: hoặc sợ gió, hoặc co giựt, hoặc rút gân, hoặc chạy từ chỗ này sang chỗ khác, v.v. Nói tóm lại có đặc tánh dời chỗ, hấp dẫn đau nhức, sợ gió.

(2) **Khí tà**: muốn nói về gió trái mùa, trái hướng. Thí dụ: mùa Xuân mà lại gió Tây, cuối mùa Hạ mà lại gió Đông; thế là ngoài trời có hiện tượng Kim lấn Mộc, Mộc lấn Thổ, do đó con người dễ nhiễm bệnh nên gọi là khí tà (gió trái thường).

GIẢI

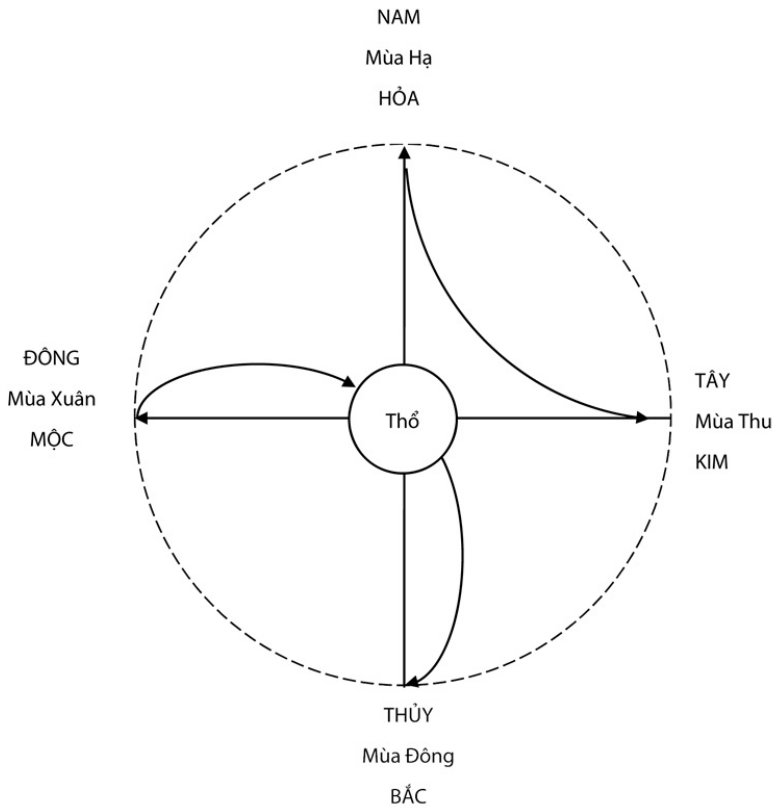
Đại ý thiên này muốn diễn rõ luật ngũ hành tương khắc trong bốn mùa, năm hướng với năm tạng con người. Nếu ta nhìn kỹ bản đồ tương khắc dưới đây thì ta sẽ thấy rõ.

Cử lên một thí dụ như mùa Xuân thuộc Mộc, hướng Đông, tạng Gan, gió Đông. Bây giờ nếu gặp gió Tây tức là có hiện tượng Kim khắc Mộc. Các hướng khác cũng vậy, sau này sẽ có đề cập đến một cách tỉ mỉ.

BÌNH:

Thú vị thay trước đây sáu, bảy ngàn năm mà cổ nhơn đã có con mắt nhìn suốt sự vật. Mãi đến ngày nay xã hội loài người chúng ta đã tự gọi là văn minh cực thịnh, nhưng sự thấy biết cũng chẳng được xa hơn chút nào, thật là kỳ lạ!

HÌNH 4.1: BẢN ĐỒ NGŨ HÀNH TƯƠNG KHẮC THEO PHƯƠNG HƯỚNG



Nhìn vào bản đồ tương khắc này ta sẽ thấy góc Tây Bắc thiếu ánh nắng mặt trời và góc Đông Nam đất ít. Cho nên ta hãy ghi nhớ kỹ để sau này sẽ có đoạn chính văn nói "Trời không đủ ở Tây Bắc, đất không đủ ở Đông Nam", để ta nhớ lại thêm sự vận hành của Thái dương hệ như trong hình vẽ ở thiên thứ hai thì ta được sáng tỏ thêm về một phương diện khác. Và theo đây nếu ta đứng gióng hướng quay mặt về Nam (tay trái Đông, tay phải Tây) ta sẽ nhận ra lý do nào Phổi bên phải to hơn bên trái và đóng sát bên trên phía sau lưng.

Đoạn 2

PHIÊN ÂM:

Đông phong sanh vu Xuân, bệnh tại Can du, tại cảnh hạng. Nam phong sanh vu Hạ, bệnh tại Tâm Du, tại hung hiếp. Tây phong sanh vu Thu, bệnh tại Phế Du, tại kiên bối. Bắc phong sanh vu Đông, bệnh tại Thận Du, tại yêu cổ. Trung ương vi Thổ, bệnh tại Tỳ du, tại tích.

Cố Xuân khí giả bệnh tại đầu, Hạ khí giả bệnh tại tạng, Thu khí giả bệnh tại kiên bối, Đông khí giả bệnh tại tứ chi.

Cố Xuân thiện bệnh cưu nục, Trọng Hạ thiện bệnh hung hiếp, Trường hạ thiện bệnh đổng tiết hàn trung, Thu thiện bệnh phong ngược, Đông thiện bệnh tê khuyết.

Cố Đông bất án kiểu, Xuân bất cưu nục. Xuân bất bệnh cảnh hạng, Trọng Hạ bất bệnh hung hiếp. Trường hạ bất bệnh đổng tiết hàn trung, Thu bất bệnh phong ngược. Thu bất bệnh kiên bối, Đông bất bệnh tê khuyết, xan tiết nhi hạn xuất dã.

Phù tinh giả, thân chi bổn dã. Cố tàng vu tinh giả, Xuân bất bệnh ôn. Hạ thử hạn bất xuất giả, Thu thành Phong ngược. Thử bình nhơn mạch pháp dã.

DỊCH:

Gió từ hướng Đông thổi đến phát sanh ở mùa Xuân, con người cảm nhiễm khí gió ấy thì sanh bệnh ở các huyệt thuộc về Gan và ở vùng cần cổ, gáy. Gió từ hướng Nam thổi đến phát sanh ở mùa Hạ, con người cảm nhiễm sanh bệnh ở các huyệt thuộc về Tim và ở vùng lồng ngực, hông, nách. Gió từ phương Tây thổi đến phát sanh ở mùa Thu, con người bị cảm nhiễm sanh bệnh ở các huyệt thuộc về Phổi và ở vùng vai, lưng trên. Gió từ phương Bắc thổi đến phát sanh ở mùa Đông, con người cảm nhiễm sanh bệnh ở các huyệt thuộc về Thận và ở vùng thắt lưng, đùi háng. Trung ương là thuộc Thổ, con người cảm nhiễm khí thấp sanh bệnh ở các huyệt thuộc tạng Tỳ và xương sống.

Cho nên khí mùa Xuân bệnh chạy lên đầu, khí mùa Hạ bệnh ở

trong tạng, khí mùa Thu bệnh ở vai và lưng trên, khí mùa Đông bệnh ở tay chân.

Bởi vậy mùa Xuân bệnh hay có triệu chứng sổ mũi chảy máu cam. Giữa mùa Hạ bệnh hay có triệu chứng ở lồng ngực, hông nách. Cuối mùa Hạ bệnh hay có triệu chứng đi tiêu chảy rót trong bụng lạnh. Mùa thu có bệnh hay sanh chứng sốt rét phong. Mùa Đông có bệnh hay có triệu chứng tê và khuyết nghịch.

Cho nên nếu mùa Đông đừng làm cho khí dương chạy ngược ra ngoài (đừng nắn bóp hay dùng những cách thế hoạt động ở tay chân quá sức) thì mùa Xuân không bị sổ mũi chảy máu cam. Mùa Xuân không bệnh ở cần cổ, gáy thì đến giữa mùa Hạ không sanh bệnh ở lồng ngực, hông nách. Cuối mùa Hạ không bị bệnh đi tiêu chảy rót trong bụng lạnh thì sang Thu không bệnh sốt rét phong. Mùa Thu không bị bệnh ở vai và lưng trên thì mùa Đông không bị bệnh tê(1), khuyết nghịch, đi tiêu phẩn sống và đổ mồ hôi.

Vả chăng tinh(2) là nguồn cội của thân, cho nên nếu tinh được chứa giữ thì mùa Xuân không bị bệnh ôn. Mùa Hạ thử hạn không phát ra được đến sang Thu mới sanh ra sốt rét phong. Đây là phương pháp căn bản để khám phá bệnh tật vậy.

CHÚ THÍCH:

(1) **Tê**: chứng tê ở đây, tiếng Việt Nam người miền Bắc thường gọi là dại. Thí dụ như trong lúc ngủ vừa thức giấc dậy bỗng dưng nghe một cánh tay hoặc một chân mất hẳn cảm giác bình thường và sức cử động, phải nắn bóp hồi lâu mới nhúc nhích được. Chứ không phải tiếng tê của miền Nam tức là có một vùng mặt da nào đó sờ vào nghe mất cảm giác, là thuộc về bệnh ở phần mặt da, không như chứng dại.

(2) **Tinh**: Ở đây mới đọc qua tựa hồ luận giả muốn ám chỉ cho chất tinh khí trong sự giao dục. Nhưng nhìn sâu vào ta thấy không phải chỉ như thế thôi, mà là luận giả muốn nói chất tinh hoa ở Thận dương. Vì sao thế? Vì không những chỉ do động cơ giao dục, dù cho bất cứ một nguyên nhân nào gây thành sự hao tổn cho Thận dương cũng đều bị liệt

vào sự không chứa giữ được tinh, mà vấn đề giao dục là quan trọng nhất.

GIẢI:

Trọn hết đoạn này muốn nói châu thân cơ thể con người cùng với năm tạng, nếu mùa Đông Thận không chứa giữ được tinh hoa, bị khí lạnh lẻn vào tiềm phục trong cơ thể, sang năm sau sẽ tùy mỗi mùa theo luật hấp dẫn mà làm ra bệnh tật khác nhau, mặc dù thời thiết thiên nhiên không lệch lạc. Đó là chỗ khác với đoạn trên.

Gió từ hướng Đông thổi đến, tiếng Việt Nam thường gọi là gió Chướng hoặc gió Xuân. Vì gió này phát sanh từ mùa Xuân là mùa chính của nó.

Toàn thân con người có những điểm quan trọng để cho điện trong người thở ra giao tiếp với bao la, mà cổ nhơn thường gọi là huyệt. Chúng nó được phân theo hệ thống sáu khí, năm hành. Và năm hành mắc liền vào năm tạng. Cho nên mới nói: "Mùa Xuân bệnh ở các huyệt thuộc về Gan". Điều này càng đi sâu càng thấy rõ.

Cổ và gáy lại là vùng thắt lại của phần trên thân người.

Khí mùa Xuân là khí bốc vượt hẳn lên để mùa Hạ tung ra, đến chỗ thắt, chật hẹp, ở trên, mới sanh phản ứng. Cho nên mới nói "mùa Xuân bệnh ở vùng cổ, gáy". Và xuống mấy câu sau có nói "khí mùa Xuân bệnh chạy lên đầu", "bệnh chảy máu cam" là vậy.

Gió Nam theo người Việt miền Nam ở quê thường gọi là gió Nồm ngang mà mùa Hè là mùa chính của nó, thuộc hệ thống của Tim, và Tim nằm trong lồng ngực, lồng ngực và hông nách là những nơi gần nhất của Tim. Cho nên mới nói "gió Nam sanh ở mùa Hạ, bệnh ở các huyệt thuộc hệ thống của Tim, mà châu thân là vùng lồng ngực, hông nách". Và mấy câu sắp tới có nhắc đến "mùa Hạ bị bệnh ở tạng", và "hay có triệu chứng ở lồng ngực, hông nách".

Gió Tây là gió từ phương Tây thổi đến, mà trái lại người quê miền

Nam Việt Nam hay gọi là gió Nam. Gió này phải phát sanh từ mùa Thu mới là mùa chính của nó. Mùa Thu thuộc Kim, đồng hệ thống với Phổi. Tạng Phổi tương tự như một cái nón úp lên trên quả Tim, phía sau dính sát xương sống, xương sườn mà vai và lưng trên là cái nóc che bên ngoài của nó. Do vậy mới nói "gió Thu làm bệnh ở các huyệt thuộc về Phổi, và trong cơ thể là vùng vai, lưng".

Gió từ phương Bắc thổi đến, người Nam miền quê thường gọi là gió Bấc, còn người miền Bắc gọi là gió heo. Gió này phải phát sanh từ mùa Đông mới là chính của nó.

Mùa Đông thuộc Thủy cùng với tạng Thận đồng một hệ thống của năm hành. Tạng Thận chia làm hai quả bên trái và bên phải, như hai hột đậu nhìn nhau, mà bên trên có phần Thận dương như trong hình đã vẽ. Hai quả đối nhau, nằm sát hai bên phía trước xương sống, sát phía bên dưới của chẽn vừng, phía sau bộ tiêu hóa. Mỗi quả đều có ống dẫn nước xuống đến Bàng quang thuộc vùng xương mu.

Vùng đùi háng là vùng cơ cấu tuần hoàn máu trắng nhiều nhất.

Phần tan trong nước của Thận dương bên trái là chính, bên phải là phụ. Nó đóng một vai trò quan hệ trực tiếp với tuần hoàn máu đỏ và thế đập nhanh của Tim một cách bí mật. Nó xuyên suốt qua Gan mà lên Tim, và nó chỉ huy cả nửa thân bên trái. Bởi vậy luật năm hành sanh nhau trong thân có nói: Thận thủy sanh Can mộc, Can mộc sanh Tâm hỏa là vậy.

Cũng như phần tan trong dầu của Thận dương bên phải là chính, bên trái là phụ. Ngược lại nó cũng đóng một vai trò bí mật ảnh hưởng trực tiếp tất cả bộ tuần hoàn máu trắng (système lymphatique), và sức đập chậm của Tim để cho Tim được quân bình. Nó cũng xuyên suốt từ Thận lên tạng Tỳ mà đến Tim lên Phổi, và nó chỉ huy trọn nửa thân bên phải. Bởi vậy luật năm hành sanh nhau trong thân có nói: Mạng môn hỏa sanh Tỳ thổ, Tỳ thổ sanh Phế kim là vậy.

Bộ tuần hoàn máu trắng là cơ cấu nối liền giữa cơ cấu hô hấp và cơ cấu tiêu hóa, mà chỗ phát tích rất kín đáo của nó lại là ở Thận dương. Nói một cách khác tức là nối liền với khí trời và lòng đất.

Nếu nhìn bằng tưởng tượng bay lên thượng tầng không gian mà trông xuống, thì ta thấy bộ tuần hoàn máu trắng tựa hồ như thuộc về hiện tượng mây mù sương móc trong bầu khí quyện nối liền từ thượng từng hư không của bao la vào tận lòng đất.

Nếu nhìn bằng luật ly tâm hướng tâm của quả đất theo chiều xoáy ốc tận trung tâm bốc lên thượng từng bao la, rồi lại vòng trở xuống mà thu vào, thì ta thấy bộ tuần hoàn máu trắng cũng tương tự như vậy. Cho nên người xưa gọi là "nối liền giữa tiên thiên và hậu thiên". Và có chỗ còn gọi "Thận là cửa ải của Vị" cũng bởi lẽ đó.

Nếu nhìn một cách sâu sắc toàn diện ta mới thấy tạng Thận là một tạng vô cùng quan trọng, mà phần Thận dương lại là quan trọng ở trong quan trọng và nó là kho tàng chứa giữ phần tinh hoa cho toàn thân. Mà bộ tuần hoàn máu trắng là tuần hoàn Thận, là nguồn sống cho muôn loài thì thật là chí lý vậy.

Thắt lưng là quãng giữa của thân. Bên trong thân người sát hai bên phía trước xương sống là hệ thống các hạch thuộc tuần hoàn máu trắng và những bắp thịt trắng. Khi tay chân hoạt động là tất cả các bắp thịt phía sau thắt lưng cũng như phía trước bụng đều phải vận động. Tư thế vận động ấy phía trước thì bộ tiêu hóa phải lo cung cấp sự nuôi dưỡng cho tay chân, và ngược lại cũng được tay chân cung cấp cho nhiệt lực; phía sau nhờ tư thế ấy mà Thận được lọc nước đều đều và tuần hoàn máu trắng cũng được nhờ đó mà chạy về một cách lưu thông để lấy chất bổ viện trợ cho tuần hoàn máu đỏ một cách đầy đủ, và đồng thời tuần hoàn máu trắng còn cung cấp chất nhờn cho tất cả cơ quan hoạt động như khớp xương chẳng hạn.

Bởi vậy chánh văn mới nói "gió Bắc sanh ở mùa Đông, bệnh ở các huyệt thuộc hệ thống của Thận, và trong châu thân là vùng thắt lưng, đùi háng" là thế. Sở dĩ mấy câu tới có nói "khí mùa Đông hay bệnh ở tay chân", "hay có triệu chứng tê và khuyết nghịch" là vì sự súc tích của Thận dương bị thiếu kém.

(Về hệ thống tuần hoàn máu trắng là Thận, cũng như luật ngũ hành tương sanh trong thân, độc giả phải chiêm nghiệm vào những bức hình đã vẽ trình bày khi trước một cách tỉ mỉ sâu sắc mới rõ được).

Chữ "trung ương" ở đây tức là lạnh, nóng, ấm, mát giao nhau, mà cũng là âm dương giao nhau để phát sanh khí.

Chữ "Thổ" ở đây là chỉ cho sanh khí cho phần đất màu mỡ mà ta thường gọi là khí phì nhiêu. Cho nên nói "trung ương là Thổ". Thổ thuộc về thấp nhuận, khí nó vượng ở cuối mùa Hạ, về tạng thuộc về tạng Tỳ (sẽ có hình).

Khí Thổ tuy vượng ở cuối mùa Hạ nhưng đó chỉ mới là mùa chính của nó, thật ra mỗi cuối mùa khí Thổ đều có vượng 18 ngày (chỗ này hãy xem bản đồ bốn mùa, năm hành trong chu kỳ vận hành của quả đất có chỉ rõ).

Với khí Thổ khi phân ra thì thấy như thế, nhưng nếu ta nhìn tổng quát ta sẽ thấy trên mặt đất này chỗ nào có sanh vật sanh sôi thì chỗ đó khí Thổ là quan trọng nhất. Cho nên trong bản Hà Đồ của *Kinh Dịch*, Thổ được con số 15 là số to nhất ở giữa trung ương. Do đó chánh văn mới nói "bệnh của Thổ ở các huyệt thuộc hệ thống của Tỳ và ở châu thân là vùng xương sống", mà "triệu chứng bệnh của cuối mùa Hạ thường xảy ra là đi tiêu chảy rót và trong bụng lạnh".

Nói ở vùng xương sống ta nghe như chướng tai lắm! Nhưng thực ra nếu ai có bệnh thấp rồi tức khắc biết.

Như ta đã biết từ thiên thứ hai có nói: Khí mùa Xuân bắt đầu từ bên dưới, bên trong vượt thẳng lên, đến sang Hạ thì tung ra tận khắp bên ngoài, sang Thu thì chùn lại, đến Đông thì chìm xuống thu vào. Do đó mà khi có bệnh mới có những vùng bệnh cùng những triệu chứng như trong chánh văn vừa kể.

Vì ý chánh của đoạn này ở chỗ mùa Đông không chứa giữ được tinh hoa để bị nhiễm khí lạnh vào đến trong Thận, làm cho phần chủ bên trong suy nhược, đến sang năm sau dù thời tiết có trật tự cũng vẫn là một môi trường bệnh tật. Nên tiếp theo đây lại nhại lại rằng: "Nếu mùa Đông đừng làm cho khí Dương chạy ngược ra ngoài tay chân thì sang Xuân sẽ không bị bệnh sổ mũi chảy máu cam". Đây là một câu nói cách khác của nghĩa "nếu mùa Đông không chứa giữ được tinh bị nhiễm khí lạnh vào tới trong Thận, thì sang Xuân sẽ mắc phải bệnh ôn".

Lại nói: "Nếu mùa Xuân không bị bệnh ở cổ gáy thì đến mùa Hạ không bị bệnh ở lồng ngực, hông nách v.v.". Tất cả đều là kể tiếp một sợi dây xích mà đầu mối là mùa Đông không chứa giữ được tinh hoa của cơ thể. Cho nên câu kết của đoạn này nói: "Tinh là nguồn cội của cơ thể, nếu mùa Đông chứa giữ được thì có đâu sang Xuân mắc bệnh ôn". Nhưng đến câu "mùa Hạ thử hạn không bài tiết được, sang Thu mới thành ra bệnh sốt rét phong" lại dùng theo lối nghịch luận, làm cho người đọc xảy ra bỡ ngỡ. Kỳ thực vẫn nằm trong nghĩa mùa Đông chẳng chứa giữ được tinh cả. Và muốn khám phá bệnh tật phải căn cứ vào đây làm khuôn thước.

Theo hình thức vị trí tạng phủ thì lá gan nằm bên hông phải, tạng Tỳ lệch bên hông trái.

Nếu theo cuống đóng vào xương sống mà nói thì cuống gan lại nằm bên trái, cuống của tạng Tỳ lại nằm bên phải. Bởi vậy huyệt du của Gan và của Tỳ cũng theo cuống của nó mà chiếm phần quan trọng đúng theo vị trí phía sau lưng; điều này đến phần huyệt sẽ rõ.

Theo đây nếu nhìn bằng hệ thống sở chủ thì tạng Tỳ chủ cả nửa thân bên phải, và tạng Gan chủ cả nửa thân bên trái.

Nếu nhìn bằng hình thức vị trí tạng phủ theo luật tương sanh thì ta sẽ thấy có hai quãng tréo: một là ở chẽn vừng; hai là quãng giữa tạng Gan, tạng Tỳ với tạng Thận. Và tạng Gan, tạng Tỳ nằm trong cái thế lật ngược. Chỗ này độc giả hãy xem lại bức hình tạng phủ tương sanh thì rõ.

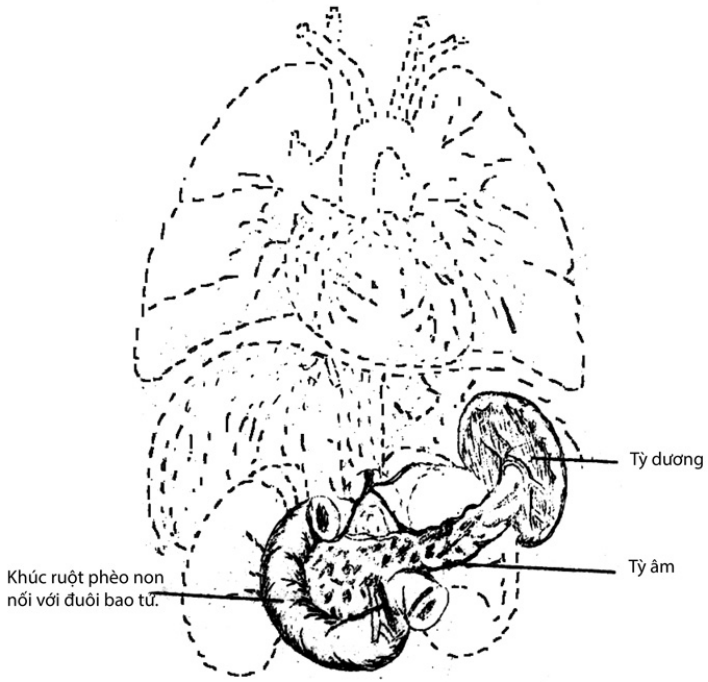
Nếu nhìn chung sự vận hành toàn thân của tạng phủ ta sẽ thấy đi từ dưới lên trên bằng phía trái, rồi vòng lên đến tột bực quay sang phía phải mà trở xuống dưới; y hệt như cảm giác ta thấy mặt trời mọc rồi lên từ phương Đông, sang phương Tây rồi lặn.

Nhưng nếu theo luật phương hướng ngũ hành tương sanh của dịch học thì ta thấy đi từ Bắc rồi sang Đông, sang Nam, rồi vào giữa, rồi trở về Tây, rồi vòng qua Bắc. Thế là một hình tròn lép một góc ở Tây Nam. Quả thật là kỳ diệu. Bởi vậy tạng Tim mới lệch bên trái và buồng phổi bên trái chỉ có hai lá. Cho nên tôi nói Nội Kinh là hiện thân của Dịch là

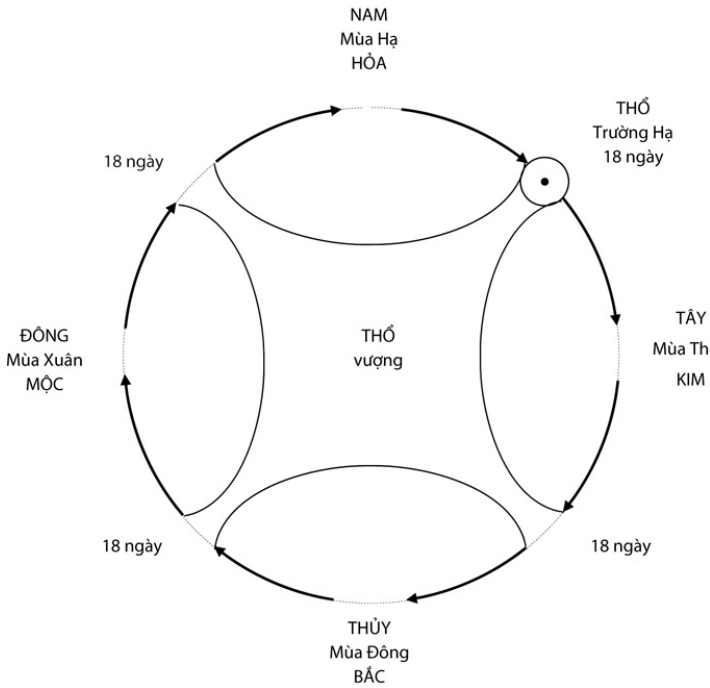
vậy (sẽ có hình).

Tạng Tỳ nằm phía sau bao tử, lệch về bên trái. Đối nghịch với tạng Gan nằm về phía trước và lệch về bên phải của bao tử, để tạo thành một thế quân bình. Nếu nhìn bằng con mắt suốt một đời người tức từ nhỏ, đến lớn, đến trung niên là từ Thận lên Gan, lên Tim. Từ trung niên trở về già là từ Tim, rồi Tỳ rồi Phổi mà về Thận. Thế thì từ nhỏ đến trung niên thuộc về bên trái do Gan chỉ huy, từ trung niên trở về già thuộc về bên phải do Tỳ chỉ huy. Gan là tạng thọ lãnh sự xung động, Tỳ là tạng thọ lãnh sự suy tư. Dâm và giận là hai thế xung động. Thế là từ nhỏ đến trung niên hầu hết chúng ta đều sống bằng xung động. Đây là một dịp để cho ta lưu ý đến lý do vì sao những người bị bại một bên trong bệnh cứng động mạch (áp huyết cao) đều bắt đầu từ bên trái. Điều này ngày nay cả giới Đông y và Tây y cơ hồ như chưa mấy ai phát giác đến. Và chuyện "trái tim người khôn nằm bên tay phải" trong kinh thánh Kitô giáo là chuyện rất vô lý mà cũng rất hữu lý.

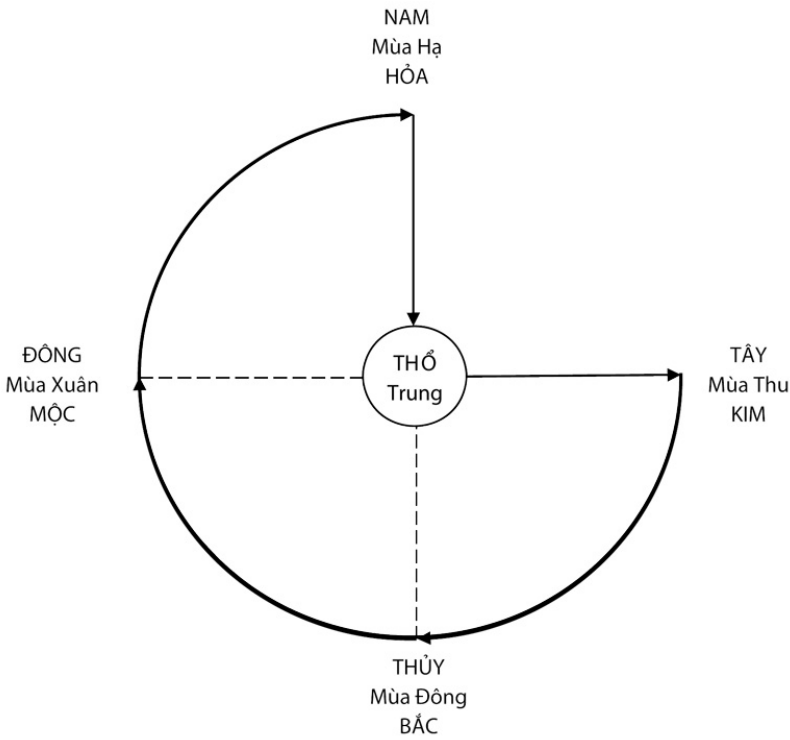
HÌNH 4.2: TẠNG TỲ



HÌNH 4.3: BẢN ĐỒ NGŨ HÀNH TƯƠNG SANH THEO BỐN MÙA



HÌNH 4.4: NGŨ HÀNH TƯƠNG SANH THEO PHƯƠNG HƯỚNG



Nhìn vào bản đồ tương sanh này ta mới thấy có nghĩa lửa dư ở Tây Nam, mà nước dư ở Đông Bắc. Và ta mới thấy tại sao tạng Tim lệch về phía trước tay trái, và tạng Thận đóng sát sau lưng phía dưới chẽn vừng.

BÌNH:

Trước kia, tôi có sống qua tinh thần của Tây y cũng như Đông y, và cũng có dịp để biết qua về Triết học Trung Hoa và Dịch học, cũng như khoa học tôn giáo, Phật học, chủ nghĩa duy vật, v.v. tôi vội cho rằng: người Trung Hoa xưa rất mê tin mà không có văn minh tôn giáo, cũng như không có văn minh khoa học, y học, thiên văn, v.v. còn triết học của họ thì lục cục cổ lỗ không có hệ thống quán xuyến. Cho nên về thiên văn cũng như về khoa học, y học rất là nghèo nàn không được phong phú như văn minh Tây phương; còn triết học thì không được phong phú như văn minh Ấn Độ. Và còn cho rằng tất cả thánh hiền Trung Hoa đều tin có một đấng chủ tể (bởi chữ Thiên và chữ Thượng đế). Đến nay nhân có dịp trở

về khám phá chính con người của mình trước, rồi có dịp đọc đi đọc lại NỘI KINH làm cho tôi vô cùng xấu hổ, vì thấy được trước kia mình ngu hết bực! Nên theo đây xin vạch trần mấy câu để sám hối cùng độc giả và nguyện rằng những ai muốn khám phá sự thật đừng bị vướng vào chứng bệnh thấp thố thấp thưởi như tôi.

Lắm lúc tôi nghĩ và nghĩ tại sao tôi có thái độ lầm lạc như trên, thì tôi mới thấy rằng: tôi sở dĩ lầm lạc là tại tôi cho sự đời có thể dùng bộ óc lý trí khám phá ra được hết, và nếu cắt khứa ra từng mảnh vụn là ta có thể vỡ toang màn bí mật. Theo cách thức đó dù cả vũ trụ, sự vật hay con người cũng đều có thể thông qua được hết. Nên tôi rất thán phục việc thám hiểm không gian, khám phá nguyên tử, chế tạo ra bộ óc điện tử, v.v. Và trong tưởng tượng tôi mơ màng thấy hòa bình, yên vui, hạnh phúc sẽ nằm tròn trong bàn tay của lý trí và khoa học vật chất. Nhưng, than ôi! Càng qua một chặng đời càng thấy lý tưởng với thực tế không như nhau. Bởi cái ngu đó mà tôi phải tổn hao mất gần nửa đời người một cách vô ích. Thật là:

"Giấc Nam Kha khéo bất bình,

Bừng con mắt dậy thấy mình tay không".

Sống trong một thế kỷ mà tất cả văn hóa, giáo dục, triết học, tôn giáo tín ngưỡng, đạo giáo (kể cả Phật học), y học, khoa học, chủ nghĩa, chính sách, thiên văn, địa lý, chánh trị, kinh tế, xã hội, nghệ thuật v.v. tất cả đều bị rơi hẳn vào trong cái hố vật chất mê tin, và tất cả đều bỏ quên lững chính thân tâm mình không mấy ai màng khám phá thấu triệt, để đến nỗi tất cả đều mất chỗ đứng và biến thế giới này trở thành một bãi chiến trường, một cõi địa phủ đầy dẫy những nước mắt và xương máu. Nay nếu có một cái học phóng tầm mắt là nhìn suốt từ tận bao la đến tận vi tế, tận ngoại giới đến tận thân tâm của chính mỗi người để đánh giá được tất cả muôn vàn vật chất và tất cả muôn dòng tư tưởng của nhân loại. Thử hỏi cái học như thế có thể nào bị nhiễm độc bởi vật chất và mê tin không?! Và như thế không xứng đáng để cho tất cả thế giới loài người của chúng ta trong cuối thế kỷ 20 này lưu ý được sao?!

Từ khi có loài người đến nay đã biết bao lần có thuốc hay xuất hiện, mà cũng đã biết bao lần chúng ta lại bưng đổ đi để rồi quơ thuốc

độc uống vào, chúng ta có biết được không? Và giờ đây nỡ nào chúng ta lại cứ nhắm mắt mà tái diễn?! Sao chúng ta không biết bắt chước bộ tiêu hóa của chúng ta? Chúng nó còn biết thâu hút lừa lọc các chất bổ ích để nuôi dưỡng toàn thân, còn bao nhiêu chất thừa thãi dơ bẩn đều được ý thức để truyền tống ra ngoài.

Ngược lại loài người chúng ta từ đời này sang đời khác hầu hết đều chỉ biết đem thuốc hay đổ đi, mang thuốc độc uống vào, như thế chẳng hóa ra lạ lùng lắm sao?!

Đoạn 3

PHIÊN ÂM:

Cố viết: Âm trung hữu âm, dương trung hữu dương. Bình đán chí nhựt trung, thiên chi dương, dương trung chi dương dã. Nhựt trung chí hoàng hôn, thiên chi dương, dương trung chi âm dã. Hiệp dạ chí kê minh, thiên chi âm, âm trung chi âm dã. Kê minh chí bình đán, thiên chi âm, âm trung chi dương dã. Cố nhơn diệc ứng chi.

Phù! Ngôn nhơn chi âm dương, tắc ngoại vi dương, nội vi âm. Ngôn nhơn thân chi âm dương, tắc bối vi dương, phúc vi âm. Ngôn nhơn thân chi tạng phủ trung âm dương, tắc tạng giả vi âm, phủ giả vi dương.

Can, Tâm, Tỳ, Phế, Thận ngũ tạng giai vi âm. Đởm, Vị, Đại trường, Tiểu trường, Bàng quang, Tam tiêu lục phủ giai vi dương.

Sở dĩ dục tri âm trung chi âm, dương trung chi dương giả, hà dã? Vi Đông bệnh tại âm, Hạ bệnh tại dương, Xuân bệnh tại âm, Thu bệnh tại dương. Giai thị kỳ sở tại, vi thi châm thạnh dã.

Cố bối vi dương, dương trung chi dương tâm dã. Bối vi dương, dương trung chi âm Phế dã. Phúc vi âm, âm trung chi âm Thận dã. Phúc vi âm, âm trung chi dương Can dã. Phúc vi âm, âm trung chi chí âm Tỳ dã.

Thử giai âm dương biểu lý, nội ngoại, thư hùng, tương thâu ứng dã. Cố dĩ ứng thiên chi âm dương dã.

DỊCH

Cho nên nói: trong âm có âm, trong dương có dương. Từ mờ sáng đến đúng Ngọ là phần dương của ngoài trời, là dương ở trong dương. Từ đúng Ngọ đến chạng vạng cũng thuộc về dương của ngoài trời, nhưng là âm ở trong dương. Từ tối đến gà gáy là phần âm của ngoài trời, là âm ở trong âm. Từ gà gáy đến mờ sáng cũng vẫn là phần âm của ngoài trời, nhưng là dương ở trong âm. Do đó mà con người cũng phải ứng theo.

Vả chăng! Nếu nói về âm dương nơi con người thì bên ngoài là dương, bên trong là âm. Còn nói về phần trước sau bên ngoài thân của con người thì lưng là dương, bụng là âm. Nếu nói về âm dương trong tạng phủ thì tạng là âm, phủ là dương.

Gan, Tim, Tỳ (cả Tỳ âm lẫn Tỳ dương), Phổi, Thận (Thận âm và Thận dương) là năm tạng, đều là âm. Mật, Dạ dày, Ruột già, Ruột non, Bàng quang (bọng đái), Tam tiêu (màng nội tạng) là sáu phủ đều thuộc về dương.

Tại sao muốn biết phần âm ở trong âm, phần dương ở trong dương chi vậy? Là vì mùa Đông bệnh ở phần âm, mùa Hạ bệnh ở phần dương, cũng như mùa Xuân bệnh ở phần âm, mùa Thu bệnh ở phần dương; đều phải khám phá biết cho kỹ chỗ có bệnh để thực hành phép chữa trị (hoặc châm(1) hoặc thạch(2)).

Cho nên lưng vốn là thuộc dương, nhưng dương ở trong dương là Tim, còn âm ở trong dương là Phổi. Bụng vốn là thuộc âm, nhưng âm ở trong âm là Thận, mà dương ở trong âm lại là Gan,

còn tột bực âm lại là tạng Tỳ.

Như thế đều là âm dương biểu lý(3), trong ngoài, thư hùng(4) đun đẩy tiếp ứng liên lạc nhau. Vì thế mà con người trong tự nhiên phải ứng theo trật tự của thiên nhiên vậy.

CHÚ THÍCH

(1) **Châm**: là phép chích dùng kim bằng loại kim khí.

(2) **Thạch**: là áp dụng phép chích với dụng cụ chế bằng một loại đá.

(3) **Biểu lý:**

1. Nghĩa tổng quát: "biểu" là để chỉ cho phần ngoài, phần dương của thân; "lý" chỉ cho phần âm, phần trong của thân.

2. Tùy trường hợp mà định nghĩa. Thí dụ nói về da thịt ngoài thân thì mặt ngoài da là biểu, lớp trong mỡ da là lý. Nếu nói về trọn thân người xem như một cái ống thì bên ngoài là biểu, mà trong bộ tiêu hóa là lý. Nếu nói về khí âm dương thì nơi nào thuộc dương là biểu, nơi nào thuộc âm là lý, v.v. Sau này tới đâu tùy trường hợp sẽ có chú thích từ chỗ.

(4) **Thư hùng**: Trong loài có cánh người ta thường gọi con vật mái là thư, con trống là hùng. Tạng phủ cơ cấu trong con người, ngoài xác thịt vật chất ra còn có linh năng khí hóa, âm dương giao nhau nữa; nên mới dùng tạng để ví với chữ "thư" (con mái), phủ để ví với chữ "hùng" (con trống) hoặc dùng trong tạng âm để ví với chữ "thư", tạng dương để ví với chữ "hùng".

GIẢI

Đây là một đoạn văn nương nơi đoạn trên để chuyển tiếp đoạn dưới, mà nói về trong trật tự thiên nhiên có âm dương, nơi thân con người cũng

như khi có bệnh tật cũng đều ứng theo.

Vạn vật trong vũ trụ này vốn đã khai sanh ra từ cái tròn (viên) và cái trống (không). Mà tròn và trống là hai cái không có nghĩa cực đoan, lại cộng thêm cái không để vạn vật đều trở thành tổ hợp, để một vật dù cực kỳ nhỏ đến đâu cũng đủ tất cả những cái cực kỳ lớn. Cho nên vật lớn là cái xe chở vật nhỏ, và trong luật sanh diệt lớn nhỏ xen nhau, to bé vừa đồng thời vừa sai biệt. Đó là nền tảng để đẻ ra trong âm vẫn có âm dương, cũng như trong dương vẫn có âm dương. Lẽ này nếu đọc cẩn thận từ thiên đầu đến giờ là tức khắc thấy ngay.

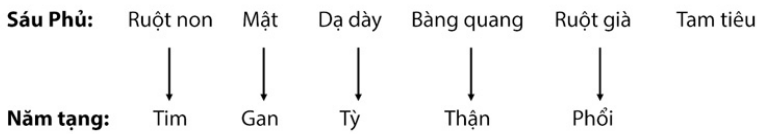
Ta hãy thử dùng hình tròn rồi vạch ngang làm đôi để tỉ dụ cho nửa trên là ngày, nửa dưới là đêm, rồi lại vạch một vạch đứng cho thành hình chữ thập để chia đôi cả đêm lẫn ngày, thì ta sẽ thấy đêm tuy là âm nhưng từ 12 giờ đêm đến mờ sáng là chiều đi ra ban ngày, cho nên tuy âm mà là dương, nên gọi là dương ở trong âm. Từ mờ sáng đến 12 giờ trưa tuy là vẫn trong ban ngày, vẫn có lúc mát mẻ, nhưng vẫn là ở trong thế lên dốc đến tột bực, nên thuộc về dương ở trong dương. Rồi từ 12 giờ trưa (đúng Ngọ) đến chạng vạng tuy vẫn ở ban ngày, vẫn có hồi nắng nồng gay gắt, nhưng vẫn là một cuộc xuống dốc của ngày, cho nên thuộc về âm ở trong dương. Rồi từ chạng vạng tối đến nửa đêm, đúng lúc gà gáy tiếng đầu tuy cũng thuộc về đêm nhưng là một cuộc xuống dốc tột bực của đêm, cho nên thuộc về phần âm ở trong âm. Rồi cứ thế mà nối đuôi mãi, kỷ cũng có thế, đời người cũng có thế, năm cũng thế, tháng cũng thế, ngày cũng thế, giờ cũng thế, đó là âm dương của trật tự thiên nhiên. Con người là một sinh vật của trật tự ấy, cho nên cũng phải trật tự theo. Trái ngược với trật tự ấy là sản phẩm của lý trí, là chánh điên đảo, là cuồng loạn, là không phải ỨNG VÔ SỞ TRỤ.

Giờ đây theo nguyên tắc âm dương vừa kể, để ráp vào thân con người mà phân, thì ngoài thân con người là dương, bên trong là âm. Bên ngoài tuy là phần khí vệ ngự trị nhưng vẫn còn có phía trước, phía sau; phía trước là bụng, là nơi co dãn và chứa đựng nhiều nhất mà cũng là nơi ít tiếp xúc với ánh nắng mặt trời nhất, cho nên bụng thuộc âm; còn phía sau lưng là nơi tiếp xúc với khí trời nhiều nhất, và cũng là nơi giàu dây thần kinh mặt da nhất (kinh Thái dương), cho nên lưng là dương.

Chữ "tạng" vốn là chữ "tàng" nghĩa là kín đáo, quan hệ, chứa giữ,

là quý giá, là bên trong. Chữ "phủ" do chữ "phụ" là trợ giúp, là phụ thuộc, là chứa tạm, là ít quan trọng, là bên ngoài, là che khuất. Do nghĩa này nên đem tạng phủ phân âm dương thì tạng là âm mà phủ là dương.

Nếu ta thử sắp một bảng tạng phủ tương quan theo như chính văn thì ta sẽ thấy như sau đây:



Nhìn vào hệ thống trên ta thấy như có một phủ thừa là Tam tiêu, điều này sau sẽ rõ không cần thắc mắc. Chỉ cần nhớ tạng nào phủ nấy để sau khỏi lộn xộn.

Muốn áp dụng phép châm cứu là phải biết rõ chỗ có bệnh, đó là lẽ tất nhiên.

Mùa Đông là âm cực, mùa Xuân là dương sanh. Tuy là dương sanh nhưng ngoài trời vẫn còn cái trớn của mùa Đông, cho nên mới nói mùa Xuân bệnh ở phần âm.

Mùa Thu tuy là mùa thuộc về nửa năm sau, nhưng khí ngoài trời đất hãy còn trớn của mùa Hè, cho nên mới nói mùa Thu bệnh ở phần dương.

(Về mùa nào thuộc tạng nào thì đã có nhắc qua từ trước).

Phổi là cái nóc khí quyện dính liền với bao la, mà bao la vốn thanh tĩnh. Cho nên Phổi tuy ở trên thuộc Kim mà là âm kim, thanh kim, cũng như lớp khí quyện dính liền với bao la bên ngoài.

Tim là mặt trời trong thân. Ta ngẩng nhìn lên mặt trời, ta thấy mặt trời ở dưới cái nóc. Cho nên Tim thuộc Hỏa, thuộc dương mà nằm dưới Phổi.

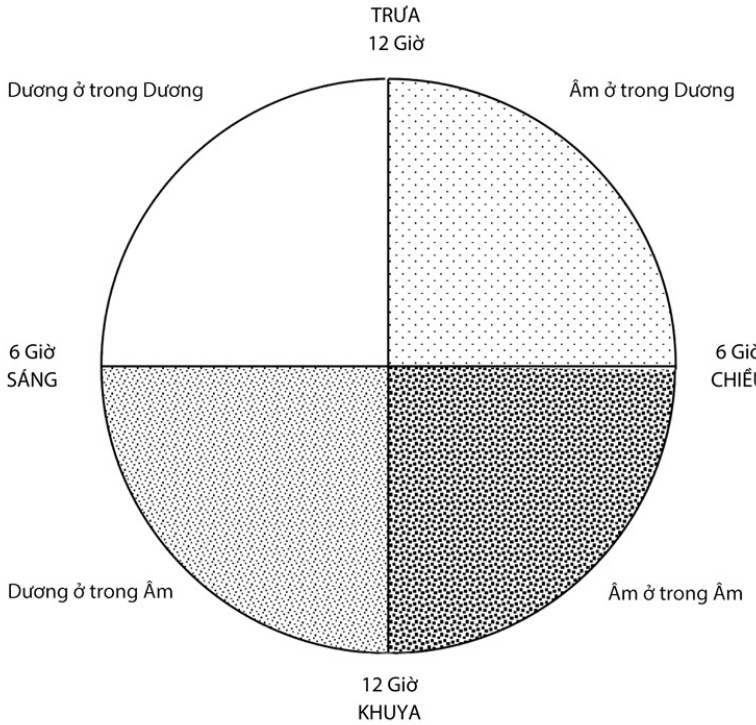
Cả vòm khí quyện dính liền với bao la và mặt trời đều ở trong cái bầu vô cực. Cho nên Tim và Phổi đồng chịu sự che đậy của cái lưng, nhưng Phổi vẫn là âm, Tim vẫn là dương.

Bụng là nơi có thể dãn ra đến mức to nhất trong thân, và cũng là nơi chứa đựng những chất bên ngoài đưa vào nhiều nhất, cho nên còn gọi là vùng Hậu thiên. Vì phải ở dưới chẽn vừng nên bụng thuộc về âm.

Trong thân là bụng, bên ngoài có quả địa cầu là hai pháp tương đương. Đất là cái nặng nhất, nước là vật chứa ở trong đất có tính hay chảy xuống chỗ thấp nhất, thảo mộc rừng cây là vật ở trên đất. Cho nên vào trong thân Thận là tạng âm ở trong âm, mà Tỳ là tạng tột bực âm, còn Gan là tạng dương ở trong âm, là lẽ tất nhiên.

Trong bao la tuy có vô số Thái dương hệ, nhưng chúng ta chỉ ở trong một Thái dương hệ thôi. - Tuy ở trong một Thái dương hệ, nhưng sự thực chỉ ở trên một quả địa cầu. Thân người tuy là một bao la thu hẹp lại, nhưng vật gì gần nhất vật đó ảnh hưởng trực tiếp và nổi nhất. Vũ trụ tuy muôn vàn, vạn vật tuy phồn tạp nhưng sự cấu kết không ngoài định luật âm dương. Con người với bao la vốn đồng nhất và tương quan, cho nên cũng phải theo định luật âm dương mà cấu kết. Do đó mà âm dương bên trong thân người với âm dương bên ngoài cõi bao la vốn phải cùng chung nhịp nhàng trật tự, cho nên gọi là ứng theo.

HÌNH 4.5: HÌNH VẼ TƯỢNG TRƯNG NGÀY ĐÊM ÂM DƯƠNG



BÌNH:

Âm dương là hai hiện tượng đối đãi do sự cảm biết của con người, không có hiện tượng đối đãi thì cả vũ trụ vạn vật không thể thành lập. Thế là âm dương là mẹ đẻ ra vạn vật, mà mỗi con người là mẹ đẻ ra vấn đề. Con người có thể làm đúng để giúp thêm cho trật tự thiên nhiên, mà cũng có thể làm trái với trật tự thiên nhiên. Trong Tam tài trên có Tài thiên, dưới có Tài địa, giữa có Tài nhơn cũng tại như vậy.

Nếu theo dõi sâu xa vào vấn đề âm dương, thì âm dương của cõi thiên nhiên bên ngoài cũng như âm dương trong thân con người không phải chỉ bấy nhiêu. Cho nên biết đây là luận giả chỉ nêu lên nguyên lý đại khái để cho ta theo đó mà khai thác suy tư. Thế là vấn đề âm dương trong âm dương, âm dương trong dương và âm dương trong âm là một định luật hiển nhiên, dù cho cả vũ trụ bao la hay nhỏ nhít như tế bào trong thân, như siêu vi trùng, siêu nguyên tử chăng nữa cũng không thể vượt

khỏi, đừng nói chi là bệnh tật.

Đã mang một cái thân, thêm một kho ý thức hệ, mà phủ nhận vấn đề âm dương là chuyện trẻ con.

Âm dương đã không phải là vật chất cực đoan đóng cứng một chỗ, thế là cả vũ trụ với cuộc sống con người không thể không có mặt âm dương, đó là chuyện của trật tự thiên nhiên.

Ở trong hiện tượng âm dương biến hóa lưu động bị giác quan nó đánh lầm để cấu tạo thành khối tâm lý mâu thuẫn và thế giới xã hội xung chướng, đó là chuyện của chúng sanh.

Nhận ra được chính mình là bao la, chính mình là thiên nhiên và cũng chính mình là âm dương biến hóa lưu động để giác quan khỏi bị mê hoặc vì hiện tượng âm dương mà biến thành mâu thuẫn xung chướng; đó là chuyện của Tài nhơn, mà cũng là chuyện của những kẻ khôn ngoan nhất trên đời này vậy.

Trong một dàn máy khổng lồ tất cả đều phải mắc liền vào định luật đồng nhất tương quan. Nhận ra được sự bé bỏng của cá nhân mình để tức thì thôi không thèm dại dột mà chật vật nữa, trả mặc cho cái vô tận nó điều hành. Bừng tỉnh ra mới hay chính mình là vô tận. Đó là tinh thần của kẻ đệ nhất tài tử.

Đứng trong trời đất, giữa quãng âm dương, đã mang lấy tướng thân chẳng nam thì nữ, không đực thì cái; đá có đá âm, đá dương; cây có cây đực, cây cái; khí hậu có khí lạnh, khí nóng; chất có chất nhẹ, chất nặng; vị có vị nóng, vị mát; mùi có mùi thơm, mùi hôi, v.v. dẫu cho trời đất đi nữa cũng chẳng qua là một tên gọi khác của âm dương mà thôi. Đã từ trong lò âm dương mà xuất hiện, nếu không ý thức được hiện tượng âm dương thì dẫu cho con người có bay nhảy đến đâu, làm gì, nghĩ gì, nói gì cũng chẳng qua là âm dương nói, âm dương nghĩ và âm dương làm. Ta hãy lắng nghe một đoạn *Cung oán ngâm khúc* cũng đủ rõ:

Kìa! Điểu thú là loài vạn vật,

Dẫu vô tri cũng bắt đèo bồng.

Có âm dương có vợ chồng,

Dẫu từ thiên địa cũng vòng phu thê.

Quả thật là:

Cái quay búng sẵn trên trời,

Mờ mờ nhân ảnh như người đi đêm!

Thật chẳng khác nào một con thú bị cột bằng cái tróng!

Nay ta hãy thử đem hết khả năng khai thác tận cùng mọi mặt của vấn đề này trong xã hội loài người, nhỏ từ cá nhân gia đình lần đến xã hội, quốc gia; và rộng ra đến bao la thế giới thử xem sao?

Kìa! Dân xứ lạnh tại sao mặc dày? Dân xứ nóng tại sao mặc mỏng? Tại sao Âu Tây bảo thịt bò bổ, ông Tàu lại bảo thịt heo bổ hơn, ông Ấn Độ lại bảo thịt dê ngon nhất? Tại sao Xuân Hạ ta mặc mỏng, Thu Đông ta mặc dày? Tại sao Xuân Hạ ta kiếm thức ăn mát, Thu Đông ta lại tìm thức ăn nóng? Vì sao ta ăn xà lách lại có dầu dấm rắc tiêu? Vì sao các ông Tàu ăn thịt vịt lại cho lắm gừng? Vì sao có hồi ta thèm ớt? Vì sao lại có những lúc ưa tiêu? Rồi một lúc nào đó vì sao ta lại thèm sương sâm nước đá? Tại sao đêm thức ngày ngủ là không phải? Tại sao cha thương con gái hơn, mẹ yêu con trai hơn, anh yêu em gái hơn, chị thương em trai hơn? Vì đâu các bà lòng xuân bị vắng lạnh lại thích sơn móng tay màu đỏ? Tại sao người này lại thích màu hàng này, người khác lại thích màu hàng khác?

Một người hẹn với bạn 11 giờ trưa sẽ đến nhà chơi rốt cuộc đến trễ, xin lỗi rằng: "Sáng hôm nay tôi bận đi lựa mua một chiếc cà vạt, mãi đến gần trưa mới có được một chiếc này vừa ý, nên đến trễ". Anh bạn chủ nhà hỏi: "Anh lựa chiếc cà vạt hay chiếc cà vạt lựa anh?"

Có người nói:

Hữu duyên thiên lý năng tương ngộ,

Vô duyên đối diện bất tương phùng.

Nghĩa là:

Có duyên dù ngàn dặm cũng có thể gặp,

Nếu không duyên dù giáp mặt cũng chẳng gặp nhau.

Có hai làng nọ ở sát nhau giao thông bằng một con lộ, đầu làng này có con ngựa đực, cuối làng kia có con ngựa cái. Một hôm bỗng dưng ngựa đực ngước mặt lên trời hít gió rồi nó đâm đầu chạy sổ theo đường làng, thẳng một mạch đến gặp con ngựa cái, đúng lúc con ngựa cái đang cần. Vậy đó chẳng là hữu duyên thiên lý năng tương ngộ sao?

Cụ Nguyễn Du chép truyện *Kim Vân Kiều* có đoạn:

"Nước non cách mấy buồng thêu,

Những là trộm dấu thầm yêu chốc mòng.

May thay giải cấu tương phùng,

Gặp tuần đổ lá thỏa lòng tìm hoa".

Vậy yêu là cái gì? thương là cái gì?

Lại nói:

"Sông tương một dải nông sờ,

Bên trông đầu nọ bên chờ cuối kia".

Trông cái gì? Chờ cái gì?

Tại sao khúc đàn của Thúy Kiều lại:

"Khúc đâu Tư Mã Phượng cầu,

Nghe ra như oán như sầu phải chăng?"

Oán cái gì? Sầu cái gì?

Tại sao than:

"Người đâu gặp gỡ làm chi,

Trăm năm biết có duyên gì hay không?"

Tại sao lại nhìn mộ Đạm Tiên mà lại khóc, khóc cái gì ấy? Có nhảy khỏi sự điều khiển của bàn tay âm dương không?

Gần đây có một thi sĩ nói:

"Ai trả cho tôi giấc mộng đầu,

Của người thiếu nữ áo sai bâu".

Muốn cái gì đó? Đã biết mộng sao còn đòi mộng? Tại sao cái thiếu

nữ, cái áo sai bâu lại ghê gớm đến phải muốn mộng trở lại?

Và một chàng thi sĩ khác lại nói: *"Tôi là cục sắt, nàng là nam châm"*. Cái đó cái gì?

Tại sao có người lại than thở:

"Khạc chẳng ra cho, nuốt chẳng vào.

Khối tình nghẹn mãi biết làm sao?

Muốn kêu một tiếng cho to lắm,

Rằng ới ai ơi nó thế nào?!"

Vậy nó thế nào? Tình là cái gì?

Ngược lại có kẻ bảo:

"Tôi muốn có trái tim sắt đá,

Chẳng yêu ai mà cũng chẳng ghét ghen ai.

Mặc cho đời yêu với khóc thương hoài,

Tôi vẫn cứ trơ trơ mà chẳng cảm".

Vậy tại sao lại phải ước mơ có trái tim sắt đá? Trái tim bằng thịt lại sao mà phải mơ ước thêm mong được cái chẳng yêu chẳng ghét? Cảm nhiễm là cái gì, tại sao nó ghê gớm đến thế?

Có người bảo:

“Lòng ta chôn một khối tình,

Tình trong giây phút mà thành thiên thu.

Tình tuyệt vọng nỗi thảm sầu,

Mà người gieo thảm như hầu không hay.

Hỡi ôi người đó ta đây,

Sao ta thui thủi đêm ngày chiếc thân!

Dẫu ta đi trọn đường trần,

Chuyện riêng dễ dám một lần hớ môi.

Người dù ngọc nói hoa cười,

Nhìn ta như thể nhìn người không quen.

Đường trần lặng lẽ gót tiên,

Nào ngờ chân đạp lên trên mảnh tình”.

Tình là cái gì? Tại sao lại phải chôn trong lòng? Tại sao giây phút mà thành thiên thu? Tại sao phải có nó mới sống được? Ai làm ra mà lại đổ thừa cho người ta? Một mình sống lại sao đi? Nó là cái gì mà lại không dám hớ môi?

Thật là lãng xẹt! Rõ là thứ bị kẹt trong cái kềm âm dương nó cắn lại. Vậy mà có kẻ được nó thả ra mà cũng không yên khóc sướt mướt:

“Ới thị Bằng ơi đã mất rồi,

Ớ tình ớ nghĩa ớ duyên ơi!

Mùa hè nắng cháy oanh ăn nói,

Sớm ngõ trưa sân liễu đứng ngồi.

Đập cổ kính ra tìm lấy bóng,

Xếp tàn y lại để dành hơi.

Mối tình muốn dứt càng thêm bận,

Mãi mãi theo hoài cứ chẳng thôi".

Rõ thật là một thái độ vừa muốn chạy trốn, vừa muốn đút đầu vào. Quả thật cay đắng là một thứ sướng khoái! Ai làm ra thế, bị hay được?

Có người lại bảo:

"Bể hận vang vang sóng đoạn trường

Khách tình hờ hững lưỡi đao thương

Đã hay chưa phải trang thần thánh

Mà dễ đem thân đến tục thường.

Quản bút khôn ngưng dòng máu chảy

Ruột tằm còn mãi mối tơ vương

Tài hoa ai bảo rằng đa lụy

Xin nguyện cùng trời dãi gió sương".

Vậy tại sao phải hận? Tại sao phải lụy? Lụy là cái gì? Tại sao phải nguyện để dãi gió sương?

Vì đâu mà một lão hoà thượng lại nói "thanh niên điên đảo, đáo lão tu hành", tại sao thế?

Tại sao những bà vợ hiền lành khi ngờ chồng mình có ý riêng khác, thì tâm hồn lại xảy ra thích tôn giáo tín ngưỡng và thích người ta đóng khuôn mình?

Tại sao có những gia đình tinh thần bị chênh lệch vì số người nam hoặc số người nữ trong gia đình quá chênh lệch?

Tại sao bệnh đau ban, người khác phái nuôi càng thêm nặng? Bất cứ là cha mẹ, hay vợ chồng, hay anh em, hay người bàng quan?

Tại sao bà hàng xóm kia mang cái thai con trai, lại tướng cái bụng cũng khác mà tâm lý cũng khác hơn khi mang cái thai con gái?

Tại sao một lão hòa thượng chỉ vì trong chùa lắm đệ tử nữ cộng thêm mỗi bữa ăn có ly nước đá lại biến thành ra bệnh áp huyết cao? (Chuyện này đừng ai vội cho là chuyện bịa đặt).

Tại sao một ông trưởng ty tiểu học chỉ vì giữ về ngành kiểm soát nữ giáo chức của một tỉnh lại bị áp huyết cao? (Đừng ai vội nói chuyện này không có thật).

Tại sao có những vị linh mục, những ông tăng thường mắc phải chứng thoát tinh?

Tại sao xã hội loài người ngày nay lắm bệnh thịt dư ở mũi, thịt dư ở cổ họng, bệnh cận thị, bệnh ung thư? Những trường hợp bệnh này có phải là thứ đã vượt ra ngoài định lệ âm dương không?

Tại sao mùa Thu lại là mùa u buồn?

Tại sao thế giới loài người lại đi từ mẫu hệ đến phụ hệ, từ thống nhất đến phân ly?

Tại sao hiện tượng xã hội lại có lên lên xuống xuống? Tại sao người xưa bảo:

Vật cực tắc phản

Lạc cực tắc bi

Thế thạnh tất suy

Bĩ cực thới lai?

Dịch:

Vật lý tột bực rồi trở lại

Sự đời vui quá hóa ra buồn

Thế lực lên tột rồi phải xuống

Hết thảy đều bĩ cực rồi thới lai.

Tại sao các tôn giáo buổi đầu vẫn trong tinh thần duy nhất, rồi lần lần nảy sanh phân hóa?

Tại sao Phật giáo phát tích từ Ấn Độ mà 500 năm sau xứ Ấn Độ lại không còn một mảy may gì là tinh thần Phật giáo?

Tại sao tế bào trong thân ta buổi đầu chỉ có một rồi phát lên sanh ra hai, bốn, sáu, tám tiến vượt bực theo số kỷ hà?

Tất cả những cái ấy có phải là những thứ ngoài lề âm dương không? Âm dương là cái quái gì mà lại ma mị biến hóa đến thế?

Nhà Phật dựa vào đâu mà huyền ký mạt Pháp? Kitô giáo dựa vào đâu để tiên tri tận thế? Tiên gia dựa vào đâu để nói chuyện thương ngươn hạ ngươn? Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm dựa vào đâu để đoán trước việc xảy ra ở Việt Nam cả thế kỷ mà vẫn trúng?

Giờ đây ta thử bỏ phương diện này mà nhìn về phương diện động để xem sao:

Tất cả vũ trụ cũng như tất cả vạn vật như ta đã thấy đều là quá trình biến hóa, đều là lưu động không ngừng. Vậy động cách nào? Động ra sao?

Có thể hoặc tròn tròn lăn cù như viên đạn, hoặc quay tít con quay như vụ ó, hoặc phồng ra bóp vào thoi thóp như các tinh cầu, hoặc thụt lên thụt xuống như cây thụt máy tàu, hoặc dang ra ép vào như Pitton trong ống thống, hoặc quay tít thò lò như chân vịt tàu như chong chóng, hoặc ủi tới hoặc thụt lui, hoặc xê bên trái hoặc xích bên phải, hoặc xoáy ốc như mặt nước xoáy, hoặc quay vòng vòng như kim đồng hồ, hoặc đưa đi đưa lại như quả lắc, hoặc vừa chạy vừa quay như lò xo, hoặc nhún lên nhún xuống như nốt nhạc, hoặc chổng lên chổng xuống như đòn cân đòn bẩy, hoặc chạy vòng vòng rồi trở lại, hoặc như hai bánh xe cắn răng nhau cái chạy ngược cái chạy xuôi, hoặc nhờ sợi dây sên làm trung gian mà hai bánh trớn chạy một chiều, v.v. và v.v. Tất cả kiểu cách rung động chuyển vần hoặc có thể một lúc một kiểu, hoặc có thể mọi kiểu đồng thời. Nhưng tất cả những cái ấy có vượt được ra ngoài định lệ âm dương không? Làm sao mà vẽ ra cho hết? Ai có ngờ đâu một bộ thước Vạn Năng chỉ có từ 1 đến 9 thêm một vòng ngoài mà biến hóa ra vô số hình tượng lạ kỳ!? (Xem hình vẽ bộ thước vạn năng).

Ai có ngờ đâu *Kinh Dịch* nòng cốt chỉ ở hình tròn, hình vuông với Hà Đồ, Lạc Thơ từ 1 đến 9, 10 theo chiều xoáy ốc mà trở nên thiên biến vạn hóa khôn cùng!? Như vậy có phải là chuyện ngoài âm dương không?

Tại sao đi xe đạp chỉ có thay nhau một chân đạp một chân nghỉ mà thành lưu thông?

Giờ đây ta hãy thử khám phá sâu vào sự biến hóa của âm dương trong số học của Hà Đồ Lạc Thơ xem sao:

Hà Đồ bắt đầu từ số 1 rồi cuối cùng ở số 9 và thêm con số 0 để tượng trưng cho nghĩa bao la mà hóa ra con số 10, số lẻ là số dương, số chẵn là số âm. Ta thử làm những bài tính cộng, ta bắt đầu cộng tất cả những số âm trong Hà Đồ ta có được số (2 + 4 + 6 + 8 + 10) = 30, thế là 30 là con số kết quả của bao nhiêu con số âm cộng lại, mà 30 lại là số dương ở trong âm. Bây giờ ta lại cộng 1, 3, 5, 7, 9 là những số dương thì ta sẽ được kết quả 25, thế là 25 là con số dương ở trong dương. Rồi ta lại đem hai con số kết quả mà so sánh ta mới thấy kết quả của số âm to hơn kết quả của số dương. Và lạ lùng thay hết thảy giống cái, giống mái, trứng mái đều tròn trịa đầy đặn, đẹp đẽ và có cái tướng to hơn đực, trống!

Bây giờ ta lại cộng hai con số kết quả ấy (30 + 25) thì ta sẽ được tổng số 55, thế là 55 là con số cực dương. Rồi ta lại mang hai con số 5 của 55 mà cộng lại thử, thì đùng một cái lại trả lại con số 10 là con số cực âm của Hà Đồ. Đó là đại khái sức biến hóa của âm dương trong số của Hà Đồ vậy.

Lạc thơ cũng bắt đầu bằng số 1 nhưng số cuối cùng chỉ bằng số 9 thôi. Vì sao thế? Vì Hà Đồ thuộc Tiên thiên, thuộc về bao la mà bao la lại là một bầu linh không vô tận, trong đó biến hóa sanh sôi vô lượng vô biên; cho nên ngoài cái từ 1 đến 9 thuộc về cái **có** lại phải thêm cái **không** của bao la, nên Hà Đồ phải cùng cực ở con số 10. Còn Lạc Thơ thì lại thuộc về Hậu thiên. Hậu thiên nghĩa là chỉ thuộc về chuyện của những cái có trong bao la, cho nên cùng cực của Lạc Thơ phải ngừng ở số 9. Bởi vậy bộ thước vạn năng nếu thiếu mất cái vòng tròn bên ngoài là mất hết một phần lớn sức biến hóa, và sẽ vẽ ra những cái hình khác đi. Như thế đủ thấy cái lẽ đồng nhất tương quan giữa bao la với Thái dương hệ, giữa Tiên thiên với Hậu thiên, giữa vũ trụ với con người, giữa vũ trụ với vũ trụ, giữa con người với con người là chuyện bất khả hợp mà cũng bất khả phân ly. Cho nên chữ Tiên thiên, Hậu thiên đây cũng vẫn là chuyện âm dương biến hóa lưu động.

Giờ đây ta hãy thử cộng tất cả số âm, số chẵn trong Lạc Thơ là 2, 4, 6, 8 thì ta sẽ được con số 20; thế là số 20 là con số âm ở trong âm. Rồi ta lại cộng 1, 3, 5, 7, 9 ta sẽ được số 25; thế là con số 25 là dương ở trong dương. Nhưng Hà Đồ là biểu thị cho dương, còn Lạc Thơ là để biểu thị cho âm. Thế là con số âm ở trong âm cũng như con số dương ở trong dương của Lạc Thơ lại là âm ở trong âm, dương ở trong dương của âm (xem hình vẽ Lạc Thơ). Cũng như con số 30 và 25 ở trong Hà Đồ tức là dương ở trong âm và dương ở trong dương của dương.

Rồi bây giờ ta lại cộng số 20 với 25 của Lạc Thơ thì ta sẽ được con số dương là 45. Rồi ta lại cộng số 4 và số 5 của con số 45 lại thì ta sẽ được trả về với con số 9 cùng cực của Lạc Thơ, mà số 9 là con số dương. Nhưng số dương của Lạc Thơ khởi từ 1 mà cuối cùng ở 9 vẫn là dương, thế là dương ở trong âm. Rồi ta thử chừa con số giữa của Lạc Thơ, dùng hai con số của mỗi hai phương hướng chọi nhau mà cộng thì ra con số 10, lại là số cuối cùng của Hà Đồ mà là số âm của Lạc Thơ. Thế là âm ở trong âm.

Cũng như Hà Đồ khởi từ 1 mà cuối cùng ở 10, thế là từ dương biến sang âm, mà âm ở trong dương.

Nay ta thử đem số âm và số dương cộng được trong Lạc Thơ ta mới thấy con số dương to hơn con số âm, khác hơn Hà Đồ con số âm to hơn con số dương. Hèn gì nam nữ mới dan díu nhau thì nữ to hơn và quan trọng hơn nam, vậy nên ông nam phải theo cô nữ; đến khi kết hợp xong thì nữ lần lần yếu thế dần và thiệt bớt đi, thế là nữ phải ôm gói theo nam. Ta thử nhìn ra hiện tượng thế giới loài người, từ khi có mặt loài người là bắt đầu bằng chế độ mẫu hệ, rồi từ khi có quả địa cầu đến trung niên về sau thì xã hội loài người đổi sang chế độ phụ hệ.

Kiến thức loài người có hồi bảo: mặt trời chạy theo trái đất, rồi giờ đây bảo: trái đất chạy theo mặt trời. Trên cảm giác buổi sáng sớm vừa bình minh ta có thể thấy mặt trời xoay theo trái đất, về xế chiều ta thấy như mặt trời chạy nhanh mà trái đất phải xoay theo.

Hồi tuổi trẻ nít ta dại dột, ta tưởng chừng mặt trời quay theo trái đất; đến trung niên có lúc suy tư ta lại nghĩ trái đất quay theo mặt trời, mặc dù có khi loài người ngồi phi thuyền vượt không gian nhìn vào thấy

thế đi nữa, nhưng vị tất đã hẳn như thế. Giá nếu hư không này mà đi bộ được, rồi có hai người họ chạy vòng quanh nhau giữa hư không, vừa chạy vừa quay bằng chiều lò xo rồi có người đứng ngoài nhìn vào sẽ thấy ra sao? Ai đuổi theo ai? Chưa chắc! Thế là âm dương vẫn nằm trong biến hóa.

Và giờ đây ta thử mang tổng số cộng được của cả Hà Đồ (55) và Lạc Thơ (45) mà cộng lại thì ta sẽ được con số 100, thế là từ hai con số lẻ thuộc dương biến sang con số chẵn thuộc âm. Rồi ta thử sắp theo thứ tự của cả số Hà Đồ và Lạc Thơ bằng 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19 mà cộng lại ta sẽ được tổng số là 190. Rồi ta lại thử chỉ dùng những con số dương của cả Hà Đồ và Lạc Thơ cộng lại thì ta sẽ được trở về một tổng số là 100, mà 100 là số âm. Rồi lại thử cộng tất cả con số âm của Hà Đồ và Lạc Thơ thì ta sẽ được trở về với số 90 là con số dương. Và 100 bỏ bớt một con số 0 là còn lại con số 10 của Hà Đồ; 90 bỏ bớt một con số 0 là ta còn lại con số 9 là cực số của Lạc Thơ.

Cả Hà Đồ và Lạc Thơ đều lập theo số sanh thành của năm hành bằng cách âm dương chẵn lẻ. Nay ta thử mang số sanh mà trừ với số thành của mỗi hành thì trong mỗi số của mỗi hành chỉ còn lại là con số 5 là con số dương mà con số 5 là con số tổng cộng của năm hành và cũng lại là con số trung tâm bất biến của trụ cốt Hà Đồ Lạc Thơ.

Quả thật Hà Đồ và Lạc Thơ tựa hồ như cái hộp tròn có phần đáy và phần nắp, hoặc tựa hồ như cái cối xay lúa ở quê của người xưa có thớt trên thớt dưới ăn nhau mà âm dương là hai hiện tượng biến động không ngừng vậy.

Nhìn theo mặt trời ta sẽ thấy mặt trời đi từ Đông sang Tây, lui về quả đất ta mới thấy quả đất xoay chuyển từ Tây sang Đông. Quả Đất với mặt trời dan díu hấp dẫn lẫn nhau, vừa chạy vừa quay tít tạo thành một bầu khí quyện phía nầy phồng ra thì phía kia hóp vào chẳng có lúc nào tề nhất, tựa hồ như hai bánh xe răng trong guồng máy cắn sát nhau mà vận hành và trung gian được chêm bằng một thứ chất độn.

Dưới bầu khí quyện tất cả vạn loại lao nhao hết thảy đều chịu chung một ảnh hưởng nếu không ý thức được. Thế là âm dương đã là mẹ đẻ ra vạn vật, mà âm dương cũng là hai bánh xe răng để nghiền nát

vạn vật. Thật là:

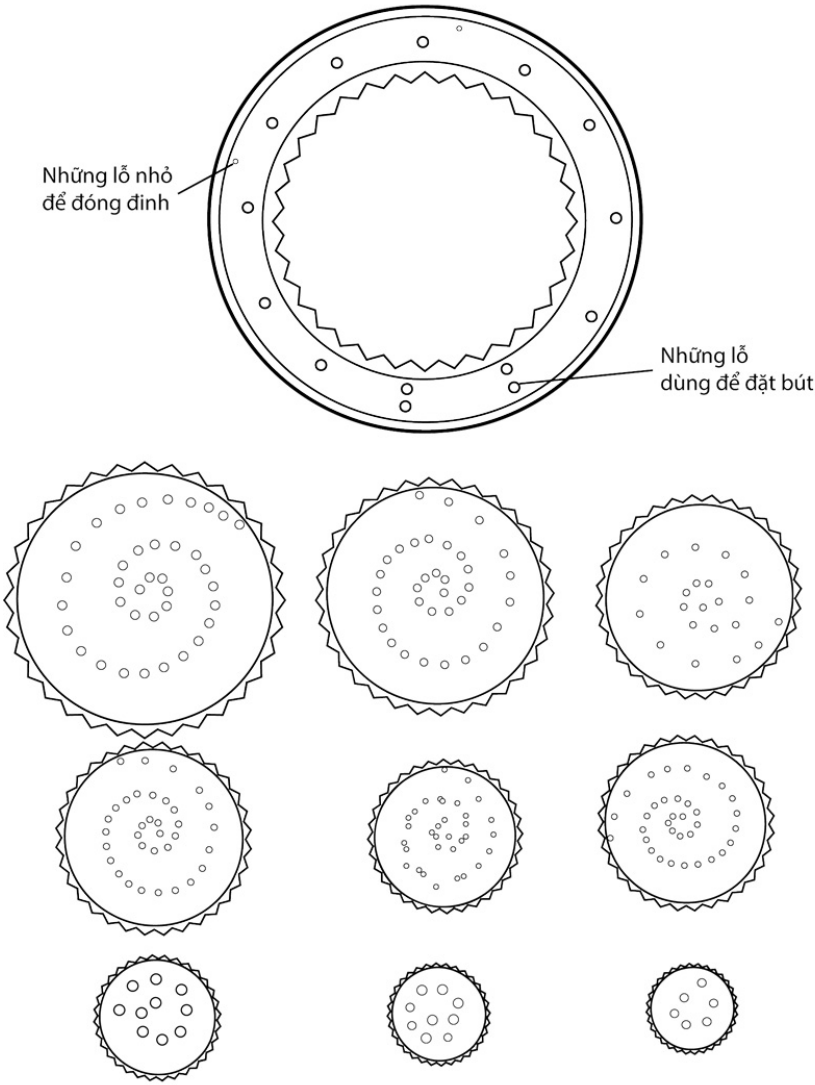
Lò cừ nung nấu sự đời,

Bức tranh vân cẩu vẽ người tang thương.

Quả thật âm dương là hai hiện tượng biến huyễn không dừng. Tuy là biến huyễn nhưng vẫn có thật, tuy là có thật nhưng vẫn biến huyễn.

Nay ta hãy thử áp dụng nguyên lý trong dương có âm dương, trong âm có âm dương, trong âm dương có âm dương theo phương diện tướng lên dốc xuống dốc mà nghiệm thử xem: huyền ký mạt pháp của nhà Phật, tiên tri tận thế của Kitô giáo, bàn bạc về thượng ngươn hạ ngươn của tiên gia, đoán trước một thế kỷ của Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm là việc có lý hay không có lý? Và cuộc sống của thế giới loài người hiện nay là tiến bộ hay thụt lùi, là lên dốc hay xuống dốc?

HÌNH 4.6: BỘ THƯỚC VẠN NĂNG

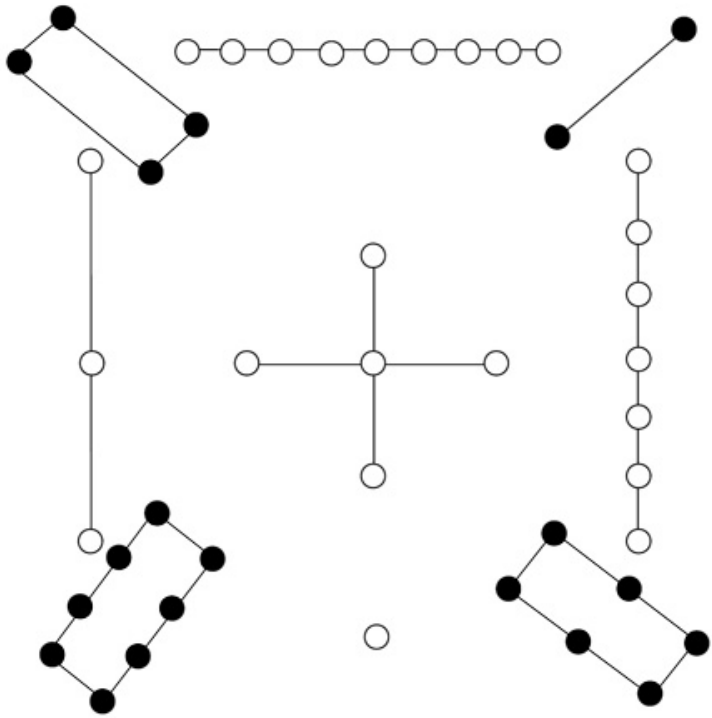


Trên đây là một dụng cụ giải trí. Gồm một vòng tròn lớn có răng cưa ở trong và chín vòng tròn nhỏ có răng cưa ở ngoài. Tùy ý chúng ta cho một vòng nào cố định và chín vòng khác xoay xung quanh ăn khớp theo răng cưa trên một tờ giấy trắng. Đặt đầu bút vào một trong những lỗ của các bánh xe, nét bút sẽ tạo nên những hình vẽ mà hình dáng và độ to nhỏ tùy theo mỗi vòng tròn và mỗi lỗ của vòng đó. Nhân đó chúng ta có thể dùng tài ráp nối khéo léo mà tạo nên vô số hình ảnh tuyệt diệu. Đây là

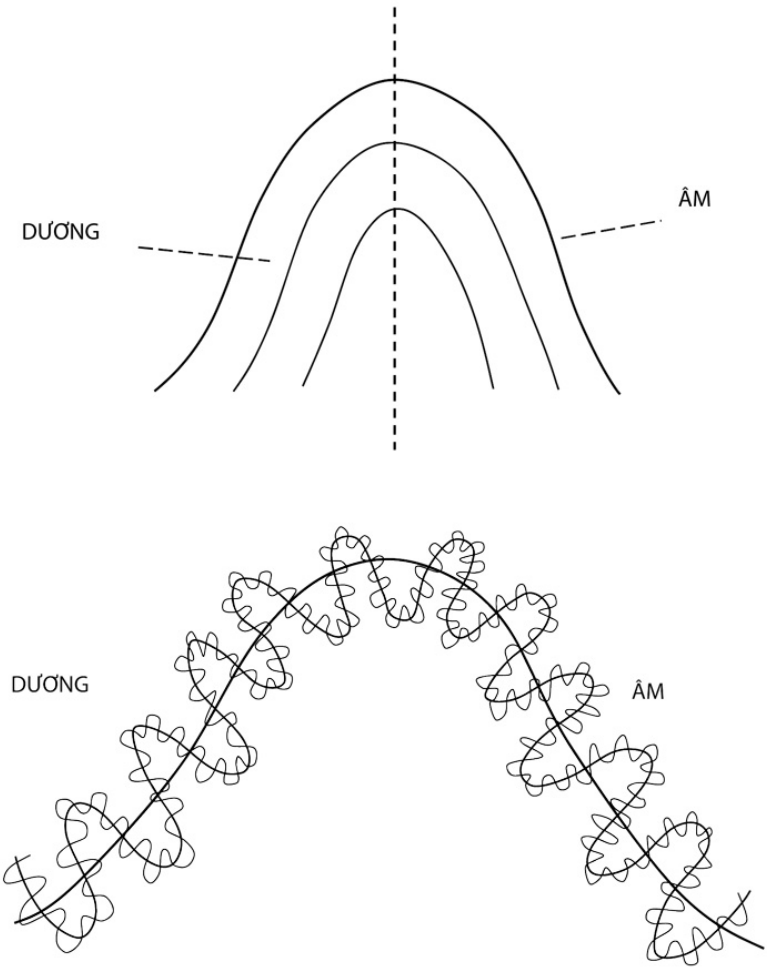
một trường hợp biến hóa không ngoài lý biến hóa của Hà Đồ, Lạc Thơ.

HÌNH 4.7: BẢN ĐỒ LẠC THƠ

(Vẽ y theo *Kinh Dịch*)



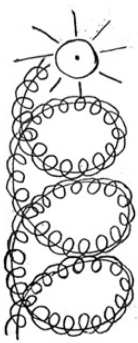
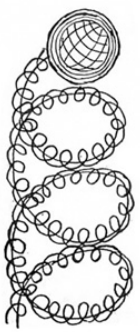
HÌNH 4.8: TƯỢNG LÊN DỐC XUỐNG DỐC TRONG DƯƠNG CÓ ÂM DƯƠNG, TRONG ÂM CÓ ÂM DƯƠNG



Vẽ tưởng tượng theo thế trong lên dốc có lên dốc xuống dốc và trong xuống dốc có lên dốc xuống dốc, cũng như trong lên dốc xuống dốc có lên dốc xuống dốc.

HÌNH 4.9: HIỆN TƯỢNG HAI CON RẮN QUYỆN NHAU TRONG VẠN VẬT

mà nguồn cội là sự vận hành của mặt trời và quả đất quyện nhau.

Hình hai con rắn trong tế bào		Hình hai con rắn trong củ Bạch Truật	
Vẽ tưởng tượng sự vận hành của mặt trời thành hình con rắn đực. (1)		Vẽ tưởng tượng sự vận hành của quả đất thành hình con rắn cái. (2)	

(2) Mặt trời vừa chạy vừa quay chung quanh trục ngân hà theo thế lò xo quyện lò xo.

(3)Địa cầu vừa chạy vừa quay quyện theo thế lò xo của mặt trời cũng tạo thành thế lò xo quyện với lò xo. Nếu tưởng tượng ta sẽ thấy rõ là hai con rắn thần quyện vào nhau. Nếu nhìn kỹ ta thấy mỗi mắt lò xo đều có thế âm dương trong âm dương, cũng như âm dương trong dương và âm dương trong âm.

Địa cầu vừa chạy mà vừa quay, đã chạy đã quay lại chạy quay theo hình lò xo. Thế là chỉ sự vận hành không, cũng đã là một hiện tượng lên dốc xuống dốc.

Cái gì có tướng cũng đều phải nằm tròn trong thế sanh diệt, mà sanh và diệt cũng là một thứ lên dốc xuống dốc. Lên dốc xuống dốc là một tên gọi khác của dương và âm.

Hết thảy vật tượng đều tổ hợp, mà tổ hợp tức là không phải tổ hợp cho nên gọi là tổ hợp. Vì sao thế? - Vì trong tổ hợp còn có tổ hợp, và trong tổ hợp tổ hợp lại cũng vẫn còn có tổ hợp, cứ mãi như thế đến bao giờ giác quan không mon men tới được, máy móc không sờ mó đến được là thôi. Thế là Liên Hoa đài tạng trong Phật giáo diễn tả bằng: "một hoa sen khổng lồ nở ra trên gương sen có ông Phật Tỳ-lô-giá-na ngồi, và mỗi cánh sen lại có một bông sen, trong mỗi bông sen trên gương sen cũng có ông Phật ngồi, rồi cứ như thế mà diễn tả mãi đến mắt không còn thấy được" không phải là việc không có cớ.

Một đời của quả địa cầu đã vẫn là một cuộc lên dốc xuống dốc, thì một chu kỳ của nó cũng vẫn là một cuộc lên dốc xuống dốc, cho đến một vòng quay bổn thân của nó cũng là một cuộc lên dốc xuống dốc, rồi kỷ cũng thế, rồi giáp cũng thế, rồi năm cũng thế, rồi tháng cũng thế, ngày cũng thế, giờ cũng thế, phút, giây và sát na cũng thế, vạn vật cũng thế, mà chính đời người cũng thế, thân con người cũng thế, tạng phủ cũng thế, tế bào cũng thế, tâm thức, ý niệm cũng thế, tất cả và tất cả đều như thế; y hệt như các bà chồng cái xoong nhỏ xíu vào cái xoong thật to, rồi cứ chồng mãi như thế đến cái xoong thật nhỏ không còn chồng được nữa là thôi (sẽ có hình).

Theo ý tứ trên đây ta thử vẽ một bản đồ lên lên xuống xuống theo lượn sóng âm dương trong âm dương và lò xo quyện theo lò xo như hình đã trình bày, rồi ta sẽ thấy gì? - Ta sẽ thấy chuyện huyền ký mạt pháp của nhà Phật, chuyện tận thế của Jésus, chuyện thượng ngươn hạ ngươn của tiên gia, chuyện tiên đoán của Trạng Trình chẳng có gì là bí mật cả, chỉ cần biết một điều là ta đang đứng trên quãng đường nào đây.

Như chúng ta đã biết; quả địa cầu cũng như vạn vật đi từ thành đến hoại, từ sanh đến diệt. Thế là tất cả vạn vật bám theo quả địa cầu

cũng đều phải tuân theo một định luật này.

Thế là thế giới xã hội loài người trong vô tình cũng phải bị đi từ cảm thông đến phân cách, từ phân cách đến cảm thông, từ thống nhất đến phân ly, từ phân ly đến thống nhất, từ cộng đồng đến phân hóa, từ phân hóa đến cộng đồng, từ vững chãi đến đổ vỡ, từ đổ vỡ đến vững chãi, từ mẫu hệ đến phụ hệ, từ phụ hệ đến mẫu hệ, v.v.

Theo nguyên lý này ráp vào với bản đồ kia, rồi nhìn lại toàn diện cuộc sống của thế giới loài người chúng ta, ta sẽ nghĩ sao đây, ta ở trên dặm đường nào, ta đang lên dốc hay xuống dốc, lên dốc trong lên dốc hay xuống dốc trong lên dốc, hay là ta đã ở trong cái xuống dốc trong xuống dốc trong xuống dốc? Thế là ta văn minh hay ta võ muội? Thế mới biết ta bảo rằng: "Loài người ngày xưa trước đây non hai ngàn năm chưa biết gì về thiên văn, thiếu khôn ngoan, không có tinh thần khoa học, là chưa khai hóa, là không tiến bộ" đều là chuyện con nít đáng thương hại. Vậy mà trong chúng ta lại có kẻ bảo: "âm dương là thuyết không tưởng, xây nhà lầu trên hư không", thì thật là chuyện con nít trong con nít, lại càng đáng thương hại hơn. Với tinh thần như thế làm sao chúng ta biết được cổ nhơn?

Ngôn ngữ văn tự là thứ dụng cụ bất toàn, **sự thật** là thứ không thể đem ngôn ngữ mà diễn tả hết được. Ai cố ôm chầm vào cái Tôi là bị cái ngu nó đeo theo sát.

Trọn cả đoạn chánh văn có ba điều quan hệ:

1. Nguyên lý âm dương biến huyễn giao xen.

2. Luôn luôn mắc thẳng vào thân tâm tạng phủ con người.

3. Con người cùng vạn vật với bao la trật tự thiên nhiên vốn đồng nhất tương quan, mà chính nơi con người cũng vẫn có đủ tất cả.

Nhìn vào ba quan điểm trên đây, thử hỏi nếu một con người thấu suốt được nguyên lý âm dương này rồi cuộc sống của người ấy sẽ ra sao?! Xin nhường lại sức tưởng tượng của độc giả.

Thế là ta loé lên được một ánh sáng như sau: địa cầu cũng như tất cả vật chất đều phải đi từ thành đến hoại; còn cuộc sống của con người phải được đi từ dại đến khôn, nhưng nếu không ý thức được chính thân tâm mình trước thì trong vô tình sẽ bị rong ruổi theo hiện tượng vật chất mà hóa ra đi từ yên vui đến đau khổ. Đó là một yếu lý cần biết.

Đoạn 4

PHIÊN ÂM

Đế viết: Ngũ tạng ứng tứ thời các hữu thâu thọ hồ?

Kỳ bá viết: Hữu. Đông phương thanh sắc, nhập thông vu can, khai khiếu vu mục, tàng tinh vu can. Kỳ bệnh phát kinh hãi, kỳ vị toan, kỳ loại thảo mộc, kỳ súc kê, kỳ cốc mạch. Kỳ ứng tứ thời, thượng vi tuế tinh. Thị dĩ Xuân khí tại đầu dã. Kỳ âm Dốc, kỳ số bát, thị dĩ tri bệnh chi tại cân dã, kỳ xú táo.

DỊCH

Huỳnh Đế hỏi: Năm tạng ứng với bốn mùa, vậy mỗi tạng đối với mỗi mùa có thâu nhận khí âm dương của trời đất không?

Kỳ Bá thưa: Có. - Hướng Đông màu xanh, thông đồng vào Gan, mở khiếu ở mắt, chứa tinh hoa ở Gan. Vậy nên khi Gan có bệnh hay phát lên kinh hãi. Thuộc về vị chua, thuộc loại thảo mộc, trong súc vật thuộc về loại gà, trong ngũ cốc thuộc về loại lúa mì. Ứng vào trong bốn mùa trên thiên thể thuộc về sao Tuế tinh(1). Cho nên mùa Xuân khí ở trên đầu. Về ngũ âm tức là âm Dốc(2), về số thuộc về số 8. Cho nên biết được bệnh ở gân. Về mùi là mùi ôi (mùi lá gan hoặc mùi thảo mộc hư hoại tiết ra) (loại mùi thịt dê).

CHÚ THÍCH

(1) **Tuế tinh**: Sao Mộc tinh, sự vận hành của nó 12 năm một chu kỳ.

(2) **Âm Dốc**: về tiếng động bên ngoài, tiếng gỗ va chạm nhau tức là âm Dốc. Còn trong con người, tiếng nạt là âm Dốc. Về mùa màng thuộc về sự khua động của mùa Xuân. Về vật loại thuộc tiếng gió của gió Đông. Về súc vật thuộc tiếng gà gáy.

GIẢI

Bắt đầu đoạn này xuống đến bốn đoạn sau nữa, luận giả muốn nói về năm tạng ở ngoài ứng với bốn mùa, và mỗi tạng mỗi mùa đều có chỗ thông đồng thâu nhận. Như nói "tinh", nói "bệnh", nói "vị", v.v. đều là nói sự thâu nhận.

Về mùa Xuân vào buổi ban mai khí trời lắng trong, ta lên đài cao nhìn về hướng Đông ta mới thấy "hướng Đông màu xanh". Nhất là gặp năm thuộc về vận Mộc, hoặc năm khí Khuyết âm tư thiên thì lại càng thấy rõ hơn. Điều này về sau sẽ rõ nữa.

Gặp năm vận Mộc lại phải Khuyết âm tư thiên, về mùa Xuân những ngày đầu năm vào buổi ban mai hết thảy những ai còn trong tầm tuổi trẻ đến thì, sức khoẻ bình thường đầy đủ, rồi mới thấy trong lòng nó rạo rực làm sao ấy. Và tay chân như có một mãnh lực gì thúc đẩy sanh ra táy máy. Thế là mùa Xuân màu xanh, "thông đồng vào Gan".

Ban mai mùa Xuân cỏ cây đâm chồi, trăm hoa đua nở, thế là màu sắc vẫn thuộc mùa Xuân. Tuổi trẻ dậy thì là tuổi xuân, là tuổi thích màu mè xanh đỏ, ưa nhìn cảnh vật xanh đỏ tưng bừng. Như thế không phải là: "Gan khai khiếu ở mắt" sao?

Những vùng thành thị vật chất phát triển bộn bề, nam nữ ăn mặc hở hang, trong tới lui giao dịch phải va chạm nhìn ngó, lòng dục bị kích động do tác dụng lá gan hoạt động mạnh, dù ở tầm tuổi 30 trở xuống cũng dễ xảy ra chứng bệnh áp huyết cao (máu lên). Nếu là tuổi trẻ đến thì, thì mặt mày càng thêm nổi mụn. Như thế cũng là nghĩa Gan khai khiếu ở mắt vậy.

"Tạng" là kho tàng. Tạng Gan là kho tàng thuộc Mộc. Cho nên tất cả những gì thuộc về trái cây, thảo mộc, màu xanh, các loại gan thú, mầm non khi vào cơ thể đều được thâu hút tinh hoa để chứa giữ ở Gan hóa sanh tác dụng thần khí mà người xưa gọi là hồn.

Nếu ta thử dùng năm tạng của con heo hoặc của người ta, cắt mỗi tạng lấy một miếng mà sắp gần nhau, ta sẽ thấy lá gan mang một màu xanh bầm. Phương chi trong Gan lại chế ra được nước mật có màu xanh biếc.

Nhìn vào tròng con mắt ta thấy trong tròng trắng có tròng đen, trong tròng đen có con ngươi. Nhưng so sánh tròng đen với con ngươi, thì ta sẽ thấy con ngươi có màu đen mà tròng đen lại có màu xanh. Tròng trắng tuy lớn hơn tròng đen, tròng đen tuy lớn hơn con ngươi. Và lỗ tai với con mắt tuy đồng là những cơ quan để đón rước sự xung động bên ngoài, nhưng tầm hoạt động của lỗ tai bao giờ cũng yếu ớt hơn tầm hoạt động của mắt. Cho nên từ màu xanh của phương Đông đến màu xanh của vạn vật, rồi màu xanh của tạng Gan, màu xanh của tròng mắt vẫn có một lẽ suốt thông.

Khí mùa Xuân là khí chấn phát bốc vọt lên. Tác dụng thần khí ở tạng Gan người xưa gọi là hồn. Khi Gan có bệnh, tác dụng thần khí ở Gan mất bình thường nên sanh ra kinh hãi.

Trong các loài chỉ có loài thảo mộc là giàu vị chua nhất. Trong súc vật chỉ có loài gà là đúng nghĩa Khuyết âm nhất, Khuyết âm nghĩa là âm cực sanh dương, đây là tác dụng chính yếu của Gan; mà trong loài gà, con gà trống về đêm hết giờ âm cực đến giờ dương sanh là tức khắc gáy; đây là nghĩa của quẻ Tốn (☴), điều này sau sẽ biết kỹ thêm.

Trong loài ngũ cốc chỉ có loài lúa mì là vỏ cứng, đuôi to cứng, bén dài. Cũng như các loại có gai, có lông đều rất giàu khí của Mộc. Nên nói lúa mì thuộc Mộc. Cũng như ở Việt Nam ta có thứ lúa Tàu Chệt, cũng thuộc về loại đuôi dài nhất.

Về các vì sao trong năm hành vốn phân từ năm hiện tượng màu sắc, phương hướng mà ra. Mà Tuế tinh tức là Mộc tinh cứ mỗi 12 năm là một chu kỳ. Về phần này, sau này sẽ có nói rõ ở đoạn thuộc về thiên văn.

Nhưng có một điều lạ mà ta cần nhắc đến là không rõ trước đây sáu bảy ngàn năm cổ nhơn áp dụng cách nào để biết đó là một tinh cầu thuộc Mộc chủ về gió. Mà đến ngày nay khoa thăm dò vũ trụ của khoa học thấy được rằng: trên Mộc tinh luôn luôn gió bão vô cùng khủng khiếp. Thế mới biết có nhiều nhà khoa học bảo rằng: loài người chỉ mới biết chú ý đến thiên văn độ chừng non vài ngàn năm, thì thật là một cách nói của những người thấp thố thấp thưởi.

Về nghĩa mùa Xuân khí ở trên đầu thì bao nhiêu đoạn trước đã có nói qua.

Chữ "dốc" nguyên là chữ dác có nghĩa là góc cạnh, là sừng, là gai, là nhọn. Về phần âm thanh từ trong con người xuất phát ra là từ lá Gan, thí dụ như tiếng quát nạt lúc giận; về tiếng súc vật là tiếng gà gáy. Về tiếng ngũ âm bên ngoài là tiếng va chạm của gỗ. Về âm nhạc thuộc về loại nhạc giựt gân. Cho nên nói âm Dốc thuộc Mộc.

Đọc đoạn trên đây làm cho ta nhớ lại hai hệ thống âm nhạc (Đông phương và Tây phương): âm nhạc Tây phương dùng rất nhiều âm Dốc, khi đánh lên thường gây tác động vào bộ óc, vào lý trí, vào gân để gây thành một tác dụng loạn động. Còn âm nhạc Đông phương dùng rất nhiều âm Cung, âm Thương và âm Vũ. Khi đánh lên gây thành một ảnh hưởng trầm lắng và có tác dụng thẳng vào trái tim, vào tâm; cho nên người nghe thường xảy ra trầm ngâm cúi mặt gây thành một ảnh hưởng thẳng vào tận nguồn tâm linh. Rõ ràng là một bằng cớ cho ta thấy người Tây phương chú trọng đến bộ óc hơn; còn người Đông phương chú trọng đến trái tim hơn. Và cũng cho ta thấy thêm rằng nguồn cội đổ vỡ của loài người ở chỗ chỉ biết chú trọng bộ óc. Đây cũng là một nghĩa "ăn trái cấm chạy nọc" vậy.

Trong Hà Đồ thì Mộc thành ở số địa, cho nên số 8 là số của Mộc.

Toàn gân trong châu thân đều chịu sự điều khiển của thần kinh động tác, mà tạng của thần kinh động tác là Gan. Cho nên nói tất cả gân trong cơ thể đều thuộc Mộc mà quy về Gan.

Chỗ này nếu ta thử tưởng tượng một người cắm đầu trở xuống chân tay đưa lên; thì ta sẽ thấy y hệt như một thân cây mà xương cốt là

cội, thần kinh động tác là nhánh nhóc, còn bắp thịt với gân nối liền vào thần kinh động tác tựa hồ như những chiếc lá mắc vào cành cây, còn bộ óc là củ trối. Hèn gì người Trung Hoa xưa gọi thân là cội mà tay chân là tứ chi. Thật là thú vị! Thật là ngộ nghĩnh!

Âm Dốc, theo chú thích của Mã Nguyên Đài (Trung Hoa): Tháng đầu Xuân trong âm luật là Thái Thốc, Lâm Chung sanh ra 1 phân, thêm 1 ống, chiều dài 8 tấc làm chuẩn. Giữa mùa Xuân trong luật là Giáp Chung, Di Tắc sanh ra 3 phân, thêm 1 ống, dài 7 tấc rưỡi làm chuẩn. Tháng cuối Xuân trong luật là Cô Tẩy, Nam Lữ sanh ra 2 phân, thêm 1 ống, dài 7 tấc làm chuẩn. Tổng cộng thành 3 ống đều là khí Mộc ứng theo.

(Đoạn chú thích này thuộc về phần âm nhạc và nhạc khí của cổ Trung Hoa, tiếc vì ngành nầy dịch giả không hiểu chi hết. Vậy xin nhường lại các nhà chuyên về âm nhạc cổ Trung Hoa nhận xét).

Đoạn 5

PHIÊN ÂM

Nam Phương xích sắc, nhập thông vu Tâm, khai khiếu vu nhĩ, tàng tinh vu Tâm. Cố bệnh tại ngũ tạng. Kỳ vị khổ, kỳ loại hỏa, kỳ súc dương, kỳ cốc thử. Kỳ ứng tứ thời, thượng vi Oanh Hoặc tinh. Thị dĩ tri bệnh chi tại mạch dã. Kỳ âm Chủy, kỳ số thất, kỳ xú tiêu.

DỊCH

Phương Nam màu đỏ, vào thông đồng với Tim, khai khiếu ở tai, còn tinh hoa thì chứa ở Tim. Cho nên bệnh ở năm tạng. Về vị thì thuộc vị đắng, về loại thuộc loại lửa, về súc vật thuộc loại dê, về ngũ cốc thuộc loại nếp nhỏ hột vỏ màu đỏ. Về tinh tú ứng trong bốn mùa là sao Oanh Hoặc(1). Cho nên biết bệnh ở mạch. Về ngũ âm thuộc âm Chủy(2), về số thuộc số 7, về mùi thuộc về mùi khét.

CHÚ THÍCH:

(1) **Sao Oanh Hoặc**: là Hỏa tinh (nói theo cổ Trung Hoa), sự vận hành của sao này là 740 ngày là một chu kỳ, và hiện còn đang cháy đỏ.

(2) **Âm Chủy:** trong con người, âm Chủy thuộc về tiếng cười. Vật loại bên ngoài thuộc về tiếng lửa cháy. Về mùa màng là tiếng khua động của mùa Hè, của gió Nam. Về súc vật là tiếng kêu của loài dê.

GIẢI:

Sự vận hành trong Thái dương hệ, Xích đạo luôn luôn lệch về hướng Nam. Vào những buổi chiều hè trong những năm Hỏa vận thái quá gặp khí Thiếu âm Quân hỏa tư thiên, ta ra giữa đồng trống mà nhìn về phương Nam, ta càng thấy rõ phương Nam màu đỏ không sai.

Trong mùa Hè gió từ phương Nam thổi đến dù có thấy mát cũng vẫn nóng hơn gió các mùa khác. Trong mùa Hè nếu cảm nhiễm khí nóng là ta thấy quan hệ trực tiếp đến Tim ngay. Trong ngũ tạng, tạng Tim là động cơ của máu, thịt Tim màu thật đỏ. Nhiệt lực trong bộ tuần hoàn máu đỏ luôn luôn lên xuống theo sự ảnh hưởng của mặt trời. Vậy nên nói "phương Nam màu đỏ vào thông đồng với tạng Tim" là phải.

Chánh văn nói "Tim khai khiếu ở lỗ tai" điều này rất khó giải quyết. Vì sao thế? - Vì sự thực thì lưỡi mới là khiếu của Tim. Khi muốn biết Tim nóng nhiều hay ít, thầy thuốc thường khám ở lưỡi; khi muốn cho thuốc ảnh hưởng trực tiếp vào Tim người ta cũng cho ngậm thuốc ở lưỡi. Nhưng còn một điều nữa là khi Tim với Thận mất quân bình thì sự nghe của lỗ tai cũng mất bình thường. Vậy nên điều nầy không rõ là tại ấn loát hoặc sao đi chép lại sai lầm chăng? Hay là cổ nhơn muốn dụng ý để nói về tác dụng của Tim Thận giao nhau ở tai? Điều nầy nên để chờ phần đông nhận xét.

Tim thuộc về tạng, lại là tạng dương ở trong dương, là mặt trời trong thân, là đầu dọc các tạng. Tất cả tinh hoa nhiệt lực cũng như về thần khí đều quy về Tim, tất cả thần kinh hệ tri giác cũng đều thuộc về Tim, cho nên nói "tinh hoa chứa ở Tim", mà cũng có nói "Tim chứa

thần".

Mùa Hạ thuộc Hỏa, thuộc về khí trưởng. Trên kia có nói "khí mùa Hạ bệnh ở tạng", nên ở đây lại nhắc lại "bệnh ở năm tạng".

Tất cả các vị đắng đều có ảnh hưởng trực tiếp vào Tim. Tất cả những vị có tánh nóng đều có ảnh hưởng thẳng vào Tim. Cho đến mỗi khi ta gần lửa, hoặc nhìn lửa, hoặc nhìn màu đỏ thẫm đều vẫn có ảnh hưởng quan hệ trực tiếp vào Tim. Nên mới nói "vị đắng thuộc về loại Hỏa".

Trong loài súc vật con dê thuộc về ngôi Mùi trong Địa chi, còn con ngựa thì thuộc về ngôi Ngọ. Nhưng ngôi Ngọ thuộc Hỏa, còn ngôi Mùi thuộc Thổ. Ở nơi khác trong NỘI KINH thường nêu lên "loài ngựa thuộc về Hỏa súc", mà ở nơi đây lại nêu lên "loài dê". Phải chăng cổ nhơn muốn dụng ý Ngọ Mùi đều thuộc về phương Nam, và Hỏa lui thì sanh Thổ? Nếu đứng về mặt màu sắc mà nói thì màu con ngựa chính xác hơn. Và con ngựa thuộc về loài thú chạy, đồng tánh với hành Hỏa, nhưng thịt của nó không nóng. Loài dê là loài rất nhiều con cái mà ít con đực cũng vẫn sanh sôi. Vả lại miền nhiệt đới người ta thường nuôi dê. Thế là loài dê là loài có nhiều tánh dâm. Trong động vật bất cứ loài nào hễ trong lòng thường động dâm, thì chất đường sẽ bị tràn lan ra ngoài bắp thịt. Cho nên trong thịt có tánh rất nóng, loài dê cũng vậy, có lẽ vì thế mà nơi đây cổ nhơn dùng con dê làm mẫu.

Ở Việt Nam có một thứ nếp nhỏ hột, vỏ màu đỏ chất rất dẻo, người quê miền Nam thường gọi là nếp ruồi vang (hột tròn nhỏ có màu đỏ) tánh nó rất nóng ăn vào ảnh hưởng vào Tim thấy ngay. Đó là nghĩa loại nếp thuộc Hỏa.

Về tinh tú ứng vào bốn mùa thì sao Oanh Hoặc là Hỏa tinh (chỗ này ta nên nhớ là định nghĩa theo màu sắc, phương hướng, hình tướng của năm hành). Sao này chu kỳ nói là 740 ngày.

Tất cả mạch máu đều ráp vào Tim, cho nên biết bệnh của hệ thống Tim là bệnh của mạch.

Về tánh tình thì vui cười thuộc về Tim, mà âm Chủy lại thuộc về vui cười. Theo lời chú thích của Mã Nguyên Đài thì tháng đầu của Hạ trong nhạc luật thuộc về Trọng Lữ và Vô Xạ sanh ra 3 phân, thêm một ống, dài 6 tấc 7 phân làm chuẩn. Tháng giữa Hạ thuộc về Quy Tân và Ứng Chung sanh ra 3 phân, thêm 1 ống, dài 6 tấc 3 phân làm chuẩn. Tháng cuối Hạ thuộc về Lâm Chung và Huỳnh Chung sanh ra 3 phân, bớt đi 1 ống, dài 6 tấc làm chuẩn. Cả 3 ống này đều là khí Hỏa ứng theo.

Có vật lửa mới bám vào được, và có lửa mới có nóng; cho nên Hỏa sanh ở số 2 mà thành số 7.

Tất cả các vật khi vừa cháy qua thành than đều để lại một vị đắng và một mùi khét; cho nên khét thuộc Hỏa.

Đoạn 6

PHIÊN ÂM

Trung ương huỳnh sắc, nhập thông vu Tỳ, khai khiếu vu khẩu, tàng tinh vu Tỳ. Cố bệnh tại thiệt bổn, kỳ vị cam, kỳ loại Thổ, kỳ súc ngưu, kỳ cốc tắc. Kỳ ứng tứ thời, thượng vi Trấn tinh. Thị dĩ tri bệnh chi tại nhục dã. Kỳ âm Cung, kỳ số ngũ, kỳ xú hương.

DỊCH

Trung ương màu vàng, vào bên trong thông với tạng Tỳ, khai khiếu ở miệng, tinh hoa chứa ở tạng Tỳ. Cho nên khi có bệnh phát lên ở cuống lưỡi. Thuộc về vị ngọt, thuộc về loại đất màu mỡ, về súc vật thuộc về loài bò, về ngũ cốc thuộc về loại lúa vàng. Về tinh tú ứng theo bốn mùa là thuộc về Trấn tinh. Cho nên biết bệnh của nó thuộc về bắp thịt. Về âm thuộc về âm Cung(1), về số thuộc số 5, về mùi thuộc về mùi thơm.

CHÚ THÍCH

(1) **Âm Cung**: Trong con người thuộc về ca hát, miệng mở to. Ở súc vật thuộc tiếng rống của loài bò.

GIẢI

Âm dương giao với nhau gọi là Trung ương. Nếu nói về phương hướng tức là Đông, Tây, Nam, Bắc giao nhau. Nếu nói về màu sắc tức là màu xanh, trắng, đỏ, đen pha trộn cũng là nghĩa âm dương giao nhau. Màu pha trộn ấy tức là màu vàng đất, nên nói "Trung ương màu vàng". Ta nhìn màu vàng cũng ảnh hưởng vào tạng Tỳ cũng như tất cả thức ăn màu vàng đều có quan hệ trực tiếp vào tạng Tỳ. Khi tạng Tỳ bị bệnh thấp thì màu da vàng ẻo. Những nơi đất đai phì nhiêu con người thường đầy đặn. Cho nên biết "Trung ương màu vàng bên trong thông đồng với tạng Tỳ".

Miệng là cửa trên của Hậu thiên, mà Hậu thiên lại thuộc về Tỳ Vị, nên nói "Tỳ khai khiếu ở miệng".

Tinh hoa của khí Thổ un đúc sanh tạng Tỳ. Tạng Tỳ là kho tàng chứa giữ tinh hoa của khí Thổ trong thân để sanh ý tứ. Cho nên nói "tinh hoa chứa ở tạng Tỳ". Và cũng vì thế mà khi tạng Tỳ suy thiếu, thì sự suy tư kém sâu xa.

Ở cuống lưỡi có mạch nước miếng thông đồng với tạng Tỳ nhiều nhất để đón rước thức ăn có vị ngọt. Cho nên nói "khi bệnh có triệu chứng hiện ra ở cuống lưỡi".

Tất cả những thức ăn có vị ngọt, có nhiều chất bột đều có quan hệ trực tiếp với tạng Tỳ. Cũng như khi tạng Tỳ có bệnh thái quá thường xảy ra nước miếng ngọt.

Chất màu mỡ là thịt của đất, tất cả loài ngũ cốc đều phải nhờ đất màu mỡ mới sanh sôi. Thiếu ngũ cốc, thiếu chất bột tạng Tỳ thiếu nuôi dưỡng, bắp thịt thiếu nảy nở. Cho nên đất màu mỡ thuộc về loại Thổ.

Trong súc vật có loài bò là loài màu vàng nhiều nhất, to con, thịt nhiều chất đường. Dân những miền xứ lạnh thường cho rằng thịt bò rất bổ là tại như thế. Cho nên nói loài bò thuộc Thổ.

Trong ngũ cốc về phần lúa loại lúa vàng hơi to hột, như ở Việt Nam có loại Đốc Phụng và Phụng lùn gạo chắc, nhiều chất bột, thơm ngon. Cho nên nói thuộc về loại lúa vàng.

Về tinh tú thì Trấn tinh tức là Thổ tinh (cũng nhận định theo thể thức của năm hành). Chu kỳ của nó là 28 năm, ánh sáng màu vàng hực.

Tất cả bắp thịt đều thuộc về tạng Tỳ, cho nên khi Tỳ có bệnh đều có quan hệ đến bắp thịt.

Mỗi khi ta nghĩ ngợi nhiều quá, tinh thần mệt nhọc, ta thử ngâm to một bài thơ tứ tuyệt Đường luật đúng giọng trầm bổng của nó ta liền thấy thoải mái ngay, đó là nghĩa của âm Cung.

Trong Hà Đồ cũng như trong Lạc Thơ của *Kinh Dịch* ngôi Thổ vẫn giữ vững địa vị của âm dương giao nhau, và còn là nơi chứa đựng tất cả. Cho nên chỉ dùng con số sanh là số 5.

Ta ngửi mùi thơm liền thông đồng với tạng Tỳ, cũng như tất cả những vị thuốc có mùi thơm uống vào quyết định phải có ảnh hưởng đến tạng Tỳ, cho nên mùi thơm thuộc Thổ.

Đoạn 7

PHIÊN ÂM

Tây phương sắc bạch, nhập thông vu Phế, khai khiếu vu tỷ, tàng tinh vu Phế. Cố bệnh tại kiên. Kỳ vị Tân, kỳ loại Kim, kỳ súc mã, kỳ cốc đạo. Kỳ ứng tứ thời, thượng vi Thái Bạch tinh. Thị dĩ tri bệnh chi tại bì mao dã. Kỳ âm Thương, kỳ số cửu, kỳ xú tinh.

DỊCH

Phương Tây màu trắng, vào bên trong thông với Phổi, khai khiếu

ở mũi, chứa tinh hoa ở Phổi. Cho nên bệnh ở vai. Thuộc về vị cay, thuộc về loại Kim, về súc vật thuộc loài ngựa, về ngũ cốc thuộc loại lúa vỏ trắng chín ở mùa Thu. Về tinh tú ứng theo bốn mùa thì có sao Thái Bạch. Cho nên biết bệnh nó ở da lông. Về âm thuộc âm Thương(1), về số thuộc số 9, về mùi thuộc mùi tanh.

CHÚ THÍCH

(1) **Âm Thương**: trong con người thuộc về tiếng khóc than. Về mùa màng thuộc về tiếng khua động của gió Thu. Trong loài thú là tiếng hí của con ngựa.

GIẢI

Về mùa thu gặp buổi trời chiều tạnh ráo, nếu gặp năm vận Kim thái quá hoặc gặp năm Dương minh tư thiên thì ta mới thấy phương Tây màu trắng là đúng sự thật.

Tạng phủ con người nếu mổ ra xem, ta sẽ thấy tạng Phổi bên ngoài có màu trắng bạc. Và tất cả những thức ăn uống trong thảo mộc hoặc động vật, hễ loại nào có màu trắng khi ăn vào liền có ảnh hưởng vào Phổi ngay. Về mùa Thu khi cảm nhiễm gió Thu thường sanh ho hen. Cho nên biết được "phương Tây màu trắng vào thông đồng với Phổi".

Mũi là khiếu trên của Tiên thiên. Con người khi mới sanh ra thì thở trước rồi sau mới uống, ăn. Nên biết được Phổi "khai khiếu ở mũi".

Mạch sống của con người có hai phần là vị và khí. Vị thuộc về miệng, khí thuộc về mũi. Tất cả thức ăn đều có năm vị, không khí hít vào cũng có năm thứ. Phần vị thì tạng Tỳ thu chứa, còn về phần khí thì tạng Phổi thu chứa. Nên nói "tinh hoa chứa ở tạng Phổi". Khi Phổi không chứa giữ được tinh hoa thì thần khí bị hao tán. Bởi vậy có chỗ nói "Phổi chứa phách".

Vai, lưng là cái nóc của Phổi. Khi Phổi bị biến động là có triệu chứng ở vai lưng.

Ta thử xẻo một miếng Phổi heo luộc chín mà nếm, ta sẽ thấy vừa lạt vừa the. Tạng Phổi là tạng da do tế bào da cấu tạo. Toàn mặt da của thân là phần ngoài của tạng Phổi. Khi mặt da hoặc Phổi bị vít lại ta phải dùng đến những loại thuốc có chất huy phát, có vị cay the thì mới thông được. Đó là nghĩa vị cay thuộc Phổi.

Trong các sự khua động của vật chất thì kim loại là thứ có khả năng khua động ảnh hưởng ra xa nhất. Tạng Phổi là tạng vừa giữ việc hô hấp co dãn, vừa là cơ cấu âm thanh, vừa dính liền với bầu khí quyện của châu thân để tương quan với bầu khí quyện của quả địa cầu bên ngoài. Cho nên nói thuộc về loại Kim.

Trong *Kinh Dịch* quẻ Càn thuộc Kim thuộc trời, lại có lúc nói quẻ Càn trong loài súc vật là con ngựa. Phải chăng cổ nhơn nhắm vào tiếng hí của nó thuộc âm Thương? Điều này xin để nhường lại cho phần đông nhận xét.

Ở miền Nam Việt Nam thường có loại lúa hột dài, vỏ cứng, trắng, chín vào mùa Thu, đó là loại ngũ cốc thuộc Kim.

Về tinh tú ứng vào bốn mùa thì có sao Thái Bạch tức là Kim tinh, chu kỳ của nó là một năm.

Khi mặt da bị biến động là Phổi bị biến động. Ngược lại khi Phổi bị biến động là mặt da cũng bị biến động. Nên nói là bệnh ở da lông.

Con người khi bị âu lo thì buồng Phổi co lại, và nói ra giọng nói có hơi hám thở than, nặng hơn nữa thì tủi khóc. Cũng như ai có tâm sự âu lo, nghe tiếng khua động của gió Thu thì dễ sanh bi đát. Cũng như thi sĩ Việt Nam Hàn Mặc Tử phải bệnh phong cùi, sang Thu buồn bã đau nhức, ông có một bài thơ diễn tả cảnh Thu:

"Ấp úng không ra được nửa lời,

Tình Thu bi thiết lắm Thu ơi!

Vội vàng cánh nhạn bay qua trớt,

Hiu hắt hơi may thoảng lại rồi.

Nằm gắng đã không thành mộng được,

Ngâm tràn cho đỡ chút buồn thôi.

Ngàn trùng cánh liễu trông xanh biếc,

Chỉ có thông kia chịu với trời!"

Quả thật là tiếng thở của âm Thương.

Tháng đầu Thu trong luật âm nhạc là Di Tắc và Đại Lữ, sanh ra 3 phân bớt 1 ống, dài 5 tấc 3 phân làm chuẩn. Tháng giữa Thu thuộc Nam Lữ và Thái Thốc, sanh ra 3 phân, giảm 1 ống, dài 5 tấc 3 phân làm chuẩn. Tháng cuối Thu là Vô Xạ và Giáp Chung sanh ra 3 phân, bớt đi 1 ống, dài 5 tấc làm chuẩn. Tất cả 3 ống đều là khí Kim ứng theo.

Loài Kim là loài phải có đất trước rồi mới biến hóa ra. Có loài Kim rồi tinh hoa mới kết thúc. Cho nên Hà Đồ số 4 là số sanh, số 9 là số thành của Kim.

Loài cá biển có vảy trắng, cũng như Phổi của các loài động vật khi sắp hoại đều có tiết ra một mùi mà ta tạm gọi là tanh.

Đoạn 8

PHIÊN ÂM

Bắc phương sắc hắc, nhập thông vu Thận, khai khiếu vu nhị âm,

tàng tinh vu Thận. Cố bệnh tại Khê. Kỳ vị hàm, kỳ loại Thủy, kỳ súc trệ, kỳ cốc đậu. Kỳ ứng tứ thời, thượng vi Thìn tinh. Thị dĩ tri bệnh chi tại cốt dã. Kỳ âm Vũ, kỳ số lục, kỳ xú hủ.

DỊCH

Phương Bắc màu đen, bên trong vào thông với Thận, khai khiếu ở tiền hậu âm, tinh hoa chứa giữ ở Thận. Cho nên bệnh ở vùng thuộc Khê(1). Về vị thuộc vị mặn, về loại thuộc loại nước, về súc vật thuộc loài heo, về ngũ cốc thuộc loại đậu. Về tinh tú ứng vào bốn mùa thì có sao Thìn. Cho nên biết khi có bệnh, bệnh ở xương. Về ngũ âm tức là âm Vũ(2), về số tức là số 6, về mùi thuộc mùi mục rữa.

CHÚ THÍCH

(1) **Khê**: là chữ của cổ nhơn để chỉ cho những vùng các đầu bắp thịt dụm nhau gần sát vào xương, tức là nơi bắp thịt gân và xương gần nhau nhất. Nhưng có chia ra làm hai loại: loại Khê và loại Cốc. Nơi nào nhiều đầu bắp thịt dụm lại nhất là thuộc về Cốc, kế đó gọi là Khê. Cho nên Khê và Cốc đều thuộc về xương.

(2) **Âm Vũ**: Ở trong con người thuộc về loại tiếng rên. Trong vật chất thuộc âm của nước. Trong mùa màng thuộc về sự khua động của gió Bắc, mùa Đông. Về súc vật là tiếng heo kêu.

GIẢI

Về mùa Đông gặp những năm vận Thủy thái quá, hoặc năm khí Thái dương hàn Thủy tư thiên, vào quãng nửa đêm những lúc trời trong ta ra đồng trống nhìn về hướng Bắc ta mới thấy phương Bắc màu đen là có thật. Phương chi mùa Đông chính là lúc ta xa mặt trời nhất.

Đến mùa Đông bầu khí quyện của quả địa cầu phải co lại lui vào lòng đất nhiều nhất. Cho nên sang mùa Đông nước dưới sông, ngòi, ao, hồ, giếng, vũng đều ấm cả. Trong thân con người cũng thế, bầu khí

quyện mặt da thu lại, nhiệt lực toàn thân thu hẳn về Thận dương, nước tiểu trở nên nóng, tiểu tiện ra liền bốc hơi. Cũng như tất cả các thứ nước uống vào cơ thể cũng đều phải thông qua tạng Thận. Cho nên nói "phương Bắc màu đen, bên trong thông với tạng Thận".

Thận là tạng cấu tạo bằng chất tuỷ, thuộc về nước, mà nước là vật có công năng ẩm ướt, lại hay chảy về chỗ thấp nhất. Tiểu tiện là đường nước bài tiết, đại tiện là đường phân bài tiết. Hai khiếu này ở dưới nhất, lại thêm rất tương quan với nhau, nếu mất quân bình liền sanh biến động. Thí dụ như tiểu tiện nhiều quá thì phẩn quá ráo, tiểu tiện ít quá thì phẩn biến chảy, hai chứng này đều có quan hệ đến Thận. Nên nói "Thận khai khiếu ở tiền âm và hậu âm".

Còn một lẽ đặc biệt nữa là vấn đề giao dục: với tư thế và động tác giao dục cũng như chất tinh khí bài tiết, đều rất có quan hệ trọng đại với Thận. Bởi vậy người tham dâm quá độ có thể sẽ đi đến các khớp xương lẻo khẻo, đi đứng không bình chánh, lại thêm các khớp đều khua động, rồi đi đến ăn vật ráo nuốt không được, và cuối cùng tiểu tiện ra máu rồi chết. Đó cũng là một hiện tượng do tiền âm mà Thận bị tổn thương.

Tất cả tinh hoa toàn thân đều chứa giữ ở tạng Thận, mà Thận dương là chính yếu. Thận là nơi phát sanh chí khí, vậy nên khi tinh hoa không chứa giữ được, Thận tinh không đủ thì con người trở nên kiều nhược không có chí khí. Đó là nghĩa "tinh hoa chứa giữ ở Thận".

Loại huyệt Khê và huyệt Cốc là hai loại huyệt thường ở ngoài bàn tay, bàn chân và gần gũi với gân xương nhất, rất có tác dụng quan hệ đến gân xương. Đây là nghĩa bệnh hiện ra ở huyệt Khê.

Thịt của Thận vốn có vị mặn. Khi ta ăn các thứ mặn đều có quan hệ trực tiếp với Thận. Tất cả các thứ nước trong thân cũng đều phải qua Thận. Nghĩa vị mặn, loại nước, thuộc Thận là vậy.

Trong các thứ thịt, thịt con heo ăn vào dễ cảm thấy mát, dễ thấy vị mặn, và thịt heo cũng là thứ ít đường nhất; cho nên chỉ hợp với dân tộc miền ôn đới, còn dân Tây phương thì chê là không bổ bằng thịt bò. Đó là nghĩa loài heo thuộc Thủy.

Trong tất cả các loại ngũ cốc chỉ có loại đậu, hột nó giống tạng Thận nhất, mà loại đậu đen lại càng thêm chính xác trên màu sắc nữa. Phương chi loại hột vị mặn vào cơ thể con người bao giờ cũng ảnh hưởng xuống bên dưới trước. Bởi lẽ ấy nên các giống đậu khi ăn vào sẽ tùy theo mùi vị, màu sắc, hột lớn hột nhỏ, cùng mùa màng sanh trưởng mà có sự ảnh hưởng nhiều ít vào tạng Thận một cách khác nhau. Nên nói loại đậu thuộc Thủy là vậy.

Sao Thìn tức Thủy tinh. Sao này vòng châu thiên của nó là một năm.

Có tạng Thận mới có xương, nếu Thận suy yếu thì tất cả các xương cũng suy yếu. Tất cả xương đều thuộc Thận. Nên bệnh của xương là bệnh thuộc Thận.

Trong âm nhạc âm Vũ là có hơi hám tỉ tê nhất. Và khi trỗi lên làm cho thính giả buồn bã nhất, mà buồn là sự biến động của Thận. Nên biết được âm Vũ thuộc Thận. Bởi vậy trong âm nhạc những bản giàu âm Thương và âm Vũ đều có ảnh hưởng mạnh vào tâm hồn người nghe làm cho buồn bã mất hết chí khí. Do đó mà ta có thể nghe một bản quốc thiều để rõ được sự thạnh suy của một quốc gia là chuyện tất nhiên.

Theo sự chú thích của Mã Nguyên Đài thì tháng đầu mùa Đông là Ứng Chung và Cô Tẩy sanh ra 3 phân, bớt đi một ống, dài 4 tấc 7 phân rưỡi làm chuẩn. Tháng giữa Đông là Huỳnh Chung, Trọng Lữ sanh ra 3 phân, thêm một ống, dài 9 tấc làm chuẩn. Tháng cuối Đông là Đại Lữ và Qui Tân sanh ra 3 phân, thêm một ống, dài 8 tấc 4 phân làm chuẩn. Tổng cộng 3 ống đều là Thủy khí ứng theo.

Công năng lạnh ướt là bản sắc trong bao la, nhưng phải đợi đến khi có vật chứa đựng thì công năng lạnh ướt mới biến thành nước. Cho nên trong Hà Đồ số 1 là số sanh, số 6 là số thành của nước.

Tất cả các loài vật khi rơi vào trong nước bị nước hóa mục rữa đều có hiện ra mùi thúi. Cho nên thúi là mùi thuộc Thủy.

Nhìn trở lên năm đoạn ta thấy chẳng qua chỉ là một đoạn trình bày

vật loại năm hành. Năm hành biến sanh sáu khí, năm âm biến sanh sáu luật. Hành có âm dương biến sanh Thiên can, khí có âm dương biến sanh Địa chi.

Thiên can thì Giáp Ất phương Đông thuộc Mộc, Bính Đinh phương Nam thuộc Hỏa, Trung ương Mậu Kỷ thuộc Thổ, Canh Tân phương Tây thuộc Kim, Nhâm Quý phương Bắc thuộc Thủy. Địa chi thì Dần Mẹo thuộc Mộc, Tỵ Ngọ thuộc Hỏa, Thân Dậu thuộc Kim, Hợi Tý thuộc Thủy. Thìn Tuất Sửu Mùi tứ quí thuộc Thổ. Điều này sau sẽ nhắc lại chín chắn hơn. Đây chỉ nói đại lược.

Sáu luật phân thành âm dương: dương gọi là luật, âm gọi là lữ, sáu luật là: Huỳnh Chung, Thái Thốc, Cô Tẩy, Qui Tân, Di Tắc và Vô Xạ. Sáu lữ là: Lâm Chung, Nam Lữ, Ứng Chung, Đại Lữ, Giáp Chung và Trọng Lữ.

Mỗi một tên Luật một tên Lữ đều có mang ý nghĩa, một công năng, một tác dụng. Nhưng đại khái Luật là để tóm hết cả khí của loại vật, còn Lữ là để trình bày trật tự của khí khi phát tiết ra. Sau đến phần này sẽ đi sâu vào chi tiết. Nhưng có điều ta cần biết nơi đây là người xưa đã căn cứ vào âm dương bốn mùa năm hành, sáu khí mà khám phá ra được trong cõi thiên nhiên này là một bản nhạc trường lưu để sắp thành bản Luật Lữ, sáng chế ra nhạc khí, áp dụng được âm thanh, điều khiển được tánh tình, vận hóa được xã hội; đó là điều mà các âm nhạc gia chúng ta phải nên quan tâm.

Đoạn 9

PHIÊN ÂM

Cố thiện vi mạch giả, cẩn sát ngũ tạng lục phủ, nhứt nghịch nhứt tùng, âm dương biểu lý thư hùng chi kỷ, tàng chi tâm ý, hiệp tâm vu tinh. Phi kỳ nhơn vật giáo, phi kỳ chơn vật thọ, thị vị đắc đạo.

DỊCH

Cho nên nếu người khéo khám phá về con người thì chỉ cần quan sát năm tạng sáu phủ, một nghịch một thuận, giềng mối hệ thống của âm dương biểu lý thư hùng, rồi ghi nhớ lấy, để soi trở vào thấu suốt chính con người của mình đến chỗ chứng nhập. Nếu không phải người có Đạo thì không nên dạy, không phải người chí thành không nên truyền, thế gọi là được cái đạo khám phá.

GIẢI

Trong chính văn câu đầu có chữ "mạch" nếu dịch là "khám phá về con người", thì thế nào cũng có rất nhiều người không đồng ý, vì người ta vướng phải chữ "mạch". Nhưng thực ra chữ "mạch" ở đây đúng nghĩa của nó là khám phá chứ không phải chỉ là chẩn mạch. Cho nên nếu dịch chữ "mạch" là chẩn mạch tức là giết chết Nội Kinh, mà cũng là chỗ yếu để người sau đẩy Nội Kinh vào cái xó chuyên môn. Nên quyết định không thể làm như thế được.

Câu nói "chỉ quan sát năm tạng sáu phủ" ở đây có hàm chứa nghĩa âm dương.

Câu "một nghịch một thuận" nghĩa lý rất là bao hàm, có thể là chỉ cho sự vận hành vừa ly tâm vừa hướng tâm, vừa chạy ra vừa chạy vào của hệ thống kinh lạc tạng phủ; mà cũng có thể là để chỉ cho sự vận hành nghịch thuận trong lúc bình thường với khi biến động.

Chữ "biểu lý", chữ "thư hùng", chữ "nghịch thuận", chữ "tạng phủ" đều là chữ "âm dương" diễn tả một cách khác theo từng khía cạnh; cho nên mới nói là giềng mối.

BẢNG TÓM TẮT VẬT LOẠI THEO NĂM ĐOẠN TRÊN

HÀNH	PHƯƠNG	SẮC	TẠNG	KHIẾU	BỆNH	VỊ	LOẠI	SÚC
Mộc	Phương Đông	Màu Xanh	Gan	Mắt	Kinh hãi	Chua	Thảo mộc	Loài gà
Hỏa	Phương Nam	Màu đỏ	Tim	Tai	5 tạng	Đắng	Lửa	Loài dê
Thổ	Trung ương	Màu vàng	Tỳ	Miệng	Cuống lưỡi	Ngọt	Loại đất màu mỡ	Loài bò
Kim	Phương Tây	Màu trắng	Phổi	Mũi	Vai	Cay	Loại Kim	Loài ngựa
Thủy	Phương Bắc	Màu đen	Thận	Tiền Âm, hậu Âm	Vùng Khê	Mặn	Loại nước	Loài heo

CỐC	TINH TÚ	KHÍ MÙA Ở THÂN	ÂM	SỐ	THÀNH PHẦN BỆNH	MÙI	THIÊN CAN	ĐỊA CHI
Lúa mì	Tuế tinh	Khí ở đầu	Dốc	8	Bệnh ở gân	Mùi ôi	Giáp Ất	Dần Mèo
Nếp nhỏ hột, vỏ màu đỏ	Sao Oanh Hoặc		Chủy	7	Bệnh ở mạch	Mùi khét	Bính Đinh	Tỵ Ngọ
Loại lúa vàng	Trấn tinh		Cung	5	Bệnh ở bắp thịt	Mùi thơm	Mậu Kỷ	Thìn Tuất Sửu Mùi
Loại lúa vỏ trắng	Sao Thái Bạch		Thương	9	Bệnh ở da, lông	Mùi tanh	Canh Tân	Thân Dậu
Loại đậu	Sao Thìn		Vũ	6	Bệnh ở Xương	Mùi mục rữa	Nhâm Quý	Hợi Tý

Nghe nói mà biết, hoặc đọc sách mà biết có thể vẫn là chưa biết, cho nên chưa phải là thiệt học. Vì thế nên nếu không có chứng nhập vào chính con người của mình tức là không phải thiệt học. Không thiệt học là không phải thiệt biết.

Đừng nói chi cái học NỘI KINH, bất cứ một thứ học nào kể cả học Dịch, học Phật, nếu cái nhân buổi đầu ta đặt sai lạc đi thì nhất định kết cái quả sai lạc. Nếu ta đi tìm Đạo để được cái gì ấy, thì cái gì ấy là chính mà Đạo trở nên phụ vậy. Cho nên vấn đề đặt cái nhân buổi đầu là vô cùng quan trọng, mà tất cả người học ngày nay đều chẳng mấy ai lưu tâm. Cho nên Tôn giáo, Triết học, Văn hóa, Giáo dục, Y khoa, Dịch học, Phật học v.v. hết thảy đều trở thành tả đạo bàng môn cũng chẳng qua chỉ vì cái nhân buổi đầu. Trong *Kinh Lăng Nghiêm* Phật có nói: "Đặt cái nhân không chính, thì kết cái quả phải vạy vọ". Đó là lẽ mà nơi đây nói: "Nếu không phải người có Đạo thì không dạy, không phải người có lòng chí thành thì không truyền". Nếu ai không biết như thế tức là chưa biết, đã là chưa biết thì làm sao biết được cái Đạo khám phá?! Đã không biết được cái Đạo khám phá thì đâu phải là người có Đạo?! Đã không phải là người có Đạo thì đâu được gọi là người được cái Đạo khám phá?!

Nếu dựa vào ngôn từ chữ nghĩa mà nhận xét theo kiểu lý trí để nhận xét đoạn trên, thì ta có thể thấy toàn cả bộ NỘI KINH chẳng qua chỉ là để mở màn cho cổ Y học Trung Hoa. Nhưng nếu ta chịu khó tiềm tâm nhìn suốt thì ta mới thấy chỗ dụng tâm của cổ nhơn thật là sâu sắc. Độc giả đừng nên vội tin lời tôi nói mà cũng chớ khá xem thường, cứ hãy khám phá hết đi bằng cách luôn luôn soi lại lòng mình thì sau này sẽ rõ.

BÌNH

Trên quả đất này khi chưa có loài người thì loài người lấy đâu mà biết có vấn đề hay không có vấn đề?!

Bao la vốn nó không có tròn và khuyết, không có có và không, không có sáng và tối, không có tâm và vật, không có động và tĩnh, cũng không có âm và dương, cho đến cái không có cũng không có nữa. Thế nghĩa là gì? Nghĩa là không có cặp, là tuyệt đối vốn không hai.

Từ cái không hai ấy nảy sanh ra cho đến tất cả vũ trụ vạn hữu, mà trong đó có cả động lẫn tĩnh, tâm lẫn vật v.v. mà cổ nhơn gọi tóm lại là âm dương.

Âm dương là hai hiện tượng biến huyễn không dừng, năm hành cũng là năm thứ tướng từ trong âm dương nảy sanh ra, chúng nó vừa

tương sanh cũng vừa tương khắc.

Trong một âm có cả âm dương, trong một dương có cả âm dương, trong một hành có cả năm hành, trong âm dương có năm hành, trong năm hành có âm dương, trong năm hành cũng như một hành, trong một vật có cả vạn vật, trong vạn vật cũng như một vật. Kỷ cũng thế, giáp cũng thế, năm cũng thế, tháng cũng thế, ngày cũng thế, giờ cũng thế, nơi chỗ cũng thế, con người cũng thế v.v.

Con người đã vốn là từ cái không hai, lại là giống dành đứng đầu trong vạn loại. Thế là trong con người chẳng có thiếu một tí gì.

Vì nếu buổi đầu cái không hai ấy vẫn đứng y nguyên một chỗ thì hết thành vấn đề, mà cũng là vật chết. Khi đã có lứa đôi rồi thì tất cả và tất cả đều chỉ là cái lứa đôi mà mang lấy bộ mặt âm dương ngũ hành không không có có.

Vốn đã là viên thật, là quang thật nên cũng là một bầu năng lực chiếu diệu vô song. Thế là đi từ năng lực biến hóa sang cái mà chúng ta gọi là tâm vật, âm dương. Thế là tâm và vật chẳng qua cũng chỉ là vật chất. Nhà Phật nói "cái tâm của chúng sanh chỉ là sự gom nhóm của bóng dáng vật chất". Cũng như kinh thánh Kitô giáo nói: "Quả thật! Quả thật! Ta nói cùng các ngươi, hễ vật chất của cải của các ngươi ở đâu thì lòng dạ các người ở đó". Vậy mà nay chúng ta đã có thể dựa vào phần vật chất trong vật chất để biến chúng nó trở thành năng lực tự phá hoại lấy mình, như các nhà nguyên tử học đã làm. Vậy tại sao chúng ta không nghĩ để biến hóa cái tâm thức vật chất của chúng ta cho trở thành một bầu năng lực bao la vô tận, để mà kiến thiết lại cái thế giới đổ vỡ của chúng ta?

Có ai biết chuyện này chưa? Có và rất có: Thích Ca biết, Phục Hy, Thần Nông, Huỳnh Đế, Kỳ Bá biết, Khổng Mạnh biết, Lão Trang biết, Jésus biết, rải rác còn nhiều người biết nữa. Làm sao mà biết được? Ai muốn biết được điều này, nếu thật tình đọc kinh Phật đúng như thật tình đọc Kinh Thánh, hoặc thật tình học Dịch, thật tình học NỘI KINH đều có thể biết được cả, mà thực tế nhất là NỘI KINH. Nhưng hai chữ "thật tình" ở đây phải là trái tim rướm máu mới có chút ý nghĩa.

Đừng ai vội tưởng những người giữ kho kinh sách thánh hiền là họ biết hết đâu?!

Tôi chưa từng đã nói sao! Nếu không giáp mặt với bao la vô tận của chính lòng mình, mà chỉ biết rong ruổi theo cái bao la vô tận của bên ngoài chẳng qua chỉ tổ càng nuôi lớn cái mê tin, phá hoại năng lực, gây thêm đổ vỡ; cho nên tôi gọi đó là chánh điên đảo. Nếu biết soi trở vào tận nguồn tâm thức vật chất, đến giáp mặt cái bao la vô tận chính nơi lòng mình, rồi mới thấy đó mới là linh không vô cực thật, và đó mới là trở về nguyên vẹn của bầu năng lực vô cùng, và đó mới chính là chơn tâm bổn tánh, mà đó cũng là chánh biến tri. Cho nên biết: chơn tâm bổn tánh với linh không vô cực và năng lực không phải một mà cũng không phải khác. Đó là chỗ tôi nói: Biến cái tâm vật chất thế gian ra thành cái tâm năng lực vô song mãi mãi vậy.

Tôi đã từng nói: Dịch là nguồn cội của NỘI KINH, NỘI KINH là hiện thân của Dịch. Dịch đã gồm cả bao la vô tận với tất cả sự vật thế gian, lớn không đâu không khắp, nhỏ không đâu không vào, thì NỘI KINH cũng vậy.

Có thằng người mới có chuyện. Cho nên tuy NỘI KINH là hiện thân của Dịch, mà lại mắc thằng vào thân tâm vật chất của con người. Đây là một sự thật, là việc hiển nhiên, chớ không phải chỉ nói lý như Dịch hay nói pháp như nhà Phật. Đó là chỗ mà tôi nói: Kinh Phật, *Kinh Dịch* với NỘI KINH chẳng khác chút nào mà vẫn có khác. Và đây cũng là chỗ mà tôi gọi: loài người ngày nay nếu thiếu NỘI KINH, tức là một khe hở để cho tất cả tôn giáo cũng như tổ chức Phật giáo ngày nay đều bị lượn sóng vật chất năm châu họp chợ nó nhận chìm và cũng là chỗ mà cả thế giới đều bị đổ vỡ.

Nhìn ra ta thấy mặt trời đi từ Đông sang Tây, lui vào ta thấy quả địa cầu xoay từ Tây sang Đông. Đó là lý cớ Hà Đồ vận hành từ trái sang phải mà Lạc Thơ thì xoay từ phải sang trái. Hà Đồ tuy vận hành từ trái sang phải nhưng đến hướng Nam lại phải vào giữa rồi mới sang Tây, cũng như Lạc Thơ tuy vận hành từ phải sang trái nhưng đến hướng Đông rồi phải vào giữa mới lên hướng Bắc. Cho nên ta biết được trái đất cũng như mặt trời đều phải vận hành theo thế lò xo, và lò xo tức là một kiểu xoáy ốc.

Ở quê người ta lấy nước sông vào lu, muốn đánh phèn cho trong thì phải đánh xoáy từ trái sang phải, nó mới hút xuống và lắng trong, mà lắng trong tức là đi từ cái không hai đến phân ra hai tướng trong và đục. Người ta chế cối xay bột và cối xay lúa, thì lại phải quay từ phải sang trái mới biến thành năng lực phá xác và nghiền nát, mà nghiền nát lại là đi từ cái riêng biệt đến trở thành một khối.

Từ trái sang phải người quê gọi là đi ra, từ phải sang trái gọi là đi vào.

Nhìn Hà Đồ Lạc Thơ ta thấy được sự vận hành của quả đất theo mặt trời vừa chạy vừa lăn, tức là một chiếc lò xo nhỏ đánh theo sợi lò xo to, nghĩa là lò xo trong lò xo. Và nhìn cách lóng nước, cách xay lúa, xay bột để biến vật chất thành năng lực của người quê, rồi ta mới thấy cái soi trở vào của các ông thiền sư cũng như của các thánh hiền vẫn là một nguyên lý biến vật chất ra thành năng lực vô song, để nghiền nát tiêu tan những lòng trần phá hoại. Bởi vậy *Kinh Dịch* có câu: "Lành dữ khổ vui đều bởi động, chẳng động là to nhất". Nhưng nếu chẳng quay trở vào chính con người của mình thì làm sao chẳng động?! Lục Tổ nói: "Ở trong tướng mà không vướng bận với tướng. Ở trong không mà không vướng bận với không thì ở trong động sẽ được cái chẳng động". Đó là chỗ tôi nói: *Kinh Dịch* là một thứ kinh Phật, cũng như kinh Phật là một thứ *Kinh Dịch*.

Toàn cả yếu chỉ của thiên này không ngoài tám hướng xoay vần, năm hành nghịch thuận, tạng phủ thiệt hư, âm dương biến huyễn, vật loại thông đồng, bao la với con người vốn trong trật tự tương quan đồng nhất. Nếu không ý thức thì sẽ lãnh lấy tất cả bệnh tật tai ương, mâu thuẫn xung chướng tàn hại loạn ly, rồi đến quỉ thần ma quái đều là chuyện có thật, và dù không tin gì cả cũng trở thành một thứ mê tin. Nếu ý thức được mà quay trở vào mình, là cả một cuộc đăng trình khám phá để đi đến một kết quả chứng thực chính con người của mình là một kho tàng năng lực bao la vô tận, và chính hồi đó con người mới có sống thật, mới có tình thương thật, mới có hiểu nhau thật, mới có tự do bình đẳng thật, mới có khỏe mạnh thật. Nói tóm lại là cuộc sống mới thật có ý nghĩa.

Một thiền sư nói: Có cái TÔI thì cái TÔI phải bị ở trong trời đất và chịu sự đào thải của âm dương. Nếu không có cái TÔI thì âm dương trời

đất đều ở trong TÔI.

Một thi sĩ Việt Nam nói:

"Một vùng trời đất dấu tang thương,

Thân thế trăm năm giấc mộng trường.

Tu được chữ tình cho trọn vẹn,

Tiêu diêu ngoài sức máy âm dương."

Quả đúng như vậy.

Có người hỏi: Tại sao trong Hà Đồ thứ tự sanh thành của năm hành lại từ Thủy, Hỏa, Mộc, Kim, Thổ mà thứ tự tương sanh của năm hành lại Thủy, Mộc, Hỏa, Thổ, Kim?

Đáp: Đó là hai chuyện khác nhau, một nói về thứ tự sanh thành, hai là nói về trật tự tương quan.

Về thứ tự sanh thành nếu suy rộng ra cũng đến vô cùng vô tận. Nay ta hãy thử dùng những thí dụ xác thực để chứng minh, và nương nơi đó có thể tiện bề suy cứu. Kìa hãy xem như lịch trình sanh trưởng của tinh cầu đều phải bắt đầu từ chất lỏng nguội lạnh tối tăm, rồi lần đến có nhiệt lực sáng đỏ, rồi đến có gió, có ánh sáng xanh, rồi đến các chất đông cứng lại và có ánh sáng trắng, rồi dần dần thuần lại có ánh sáng vàng; đó là đại khái sanh trưởng của tinh cầu.

Giờ ta hãy nghiệm vào sự sanh trưởng của cái thai con người: Bào thai khi mới bắt đầu chỉ là chất lỏng, kế đến kết thành tạng Thận, rồi kế đến có bộ tuần hoàn, có trái tim, có nhiệt lực, có màu đỏ, rồi lần đến có lá gan, có nhúc nhích, rồi đi đến có buồng Phổi, có xương cốt, rồi kế đến đầy đủ bắp thịt, có đủ bộ tiêu hóa, rồi đầy đủ cả giác quan để thành thằng người. Trong trứng gà cũng vậy: trứng gà buổi đầu chỉ là một bầu

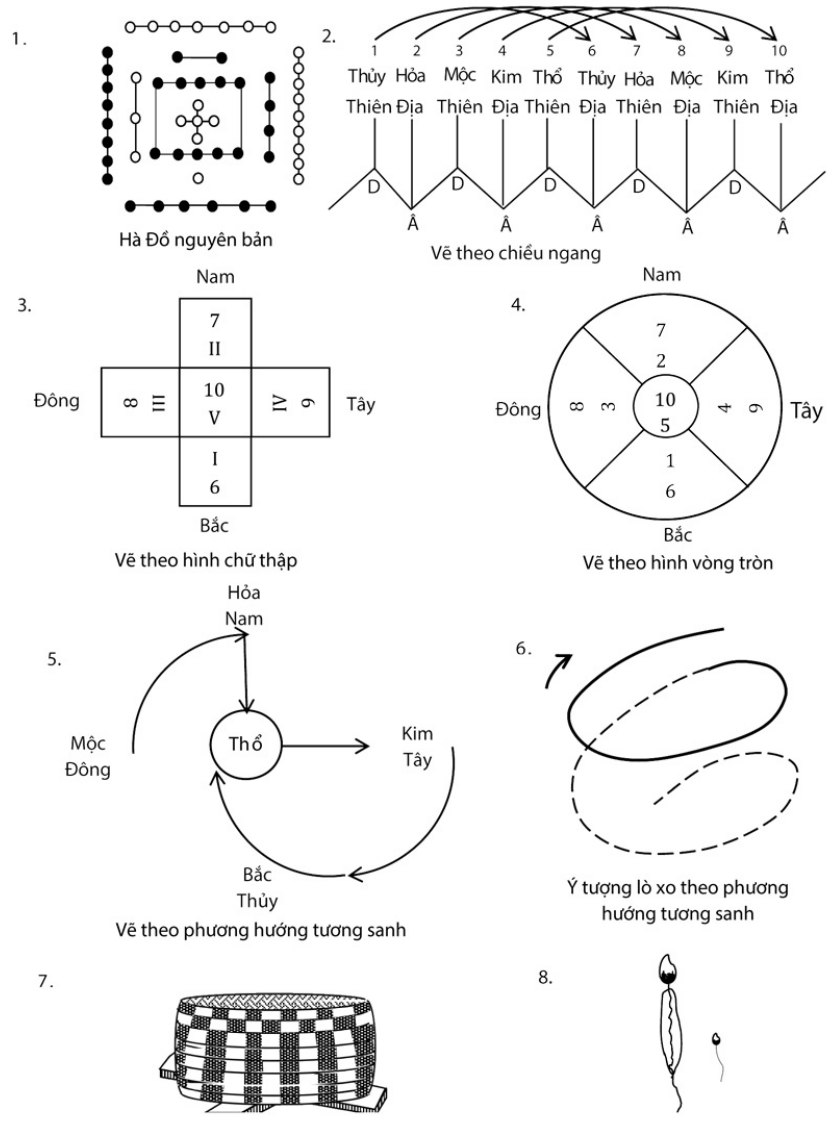
chất lỏng, sau khi trứng thứ nhất được ấp hai hôm ta thử đập vỡ đầu to bóc một chút vỏ ra xem, ta sẽ thấy có một điểm đỏ với một bộ tuần hoàn tí hon đang chuyển động vận hành, rồi lần đến có lá Gan, rồi có Phổi, rồi có bộ tiêu hóa, rồi đủ cả giác quan, vì thế mà ta thả xuống nước thấy nó nhúc nhích hoạt động. Đó là đại lược lịch trình sanh thành của ngũ hành trong động vật. Còn vấn đề ngũ hành tương sanh tức là nghĩa: Thiếu nước cây không sống, thiếu củi lửa không còn, không có sự khô cháy tàn lụi thành tro của lửa thì không thành đất, không có chất thì không lấy đâu để thành đá, cũng như không có mặt kim khí thì không lấy đâu để kêu gọi cho hơi nước ngưng tụ. Nghĩa này nếu ta mắc liền vào trong thân thì sẽ được thấy rõ hơn. Lệ như tạng Thận bị khô kiệt thì tạng Gan sẽ bị bệnh theo, tạng Gan bị thiếu quá tạng Tim sẽ bị bệnh theo, tạng Tim suy yếu quá thì tạng Tỳ sẽ bệnh theo, tạng Tỳ không đủ thì tạng Phổi sẽ suy nhược, cũng như tạng Phổi bị suy nhược tạng Thận cũng phải bệnh theo. Đó là nghĩa thứ tự sanh thành với thứ tự tương sanh khác nhau.

Tôi đã từng nói: NỘI KINH là hiện thân của Dịch lý, là để chứng thực cho Dịch lý, là Dịch lý đi vào cuộc đời, là dịp tiện cho con người chứng thực được cái lẽ đồng nhất trật tự tương quan. Nhìn mặt ngoài thấy như là trái khắc lẫn nhau; nếu thấu suốt tận bên trong vẫn không ngoài cái lẽ đồng nhất trật tự tương quan; và cũng là dịp để cho con người lui trở vào chính mình, chúng thực được nơi mình vốn có sẵn một bầu bao la linh không vô tận năng lực dẫy đầy, mà từ trước đến giờ chưa từng biết để sử dụng.

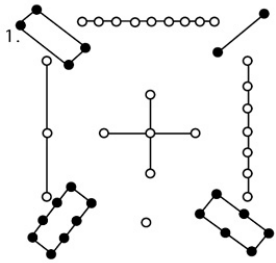
Từ thiên này trở đi đã bước dần vào giai đoạn vô cùng rắc rối. Vậy nên thử kèm theo đây một phụ bản vẽ hình hệ thống Dịch lý từ Thái cực đến Ngũ hành, để tất cả chúng ta tiện việc cùng chung nghiệm xét.

HÌNH 4.10: ĐỒ BIỂU PHỤ BẢN KINH DỊCH

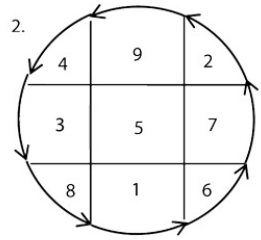
HỆ THỐNG HÀ ĐỒ VẼ NHIỀU CÁCH KHÁC NHAU



HÌNH 4.11: HỆ THỐNG LẠC THƠ VẼ NHIỀU CÁCH KHÁC NHAU



Lạc Thơ nguyên bản

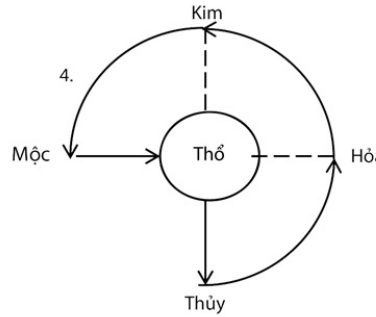


Vẽ theo vòng tròn

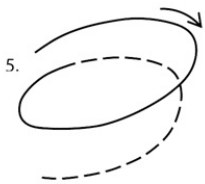
3.

4Â	9D	2Â
3D	5D	7D
8Â	1D	6Â

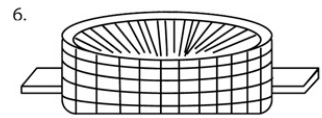
Vẽ theo hình vuông



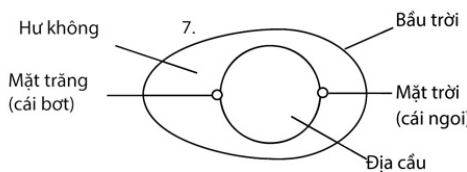
Vẽ theo tương khắc



Ý tượng lò xo
theo ngũ hành tương khắc



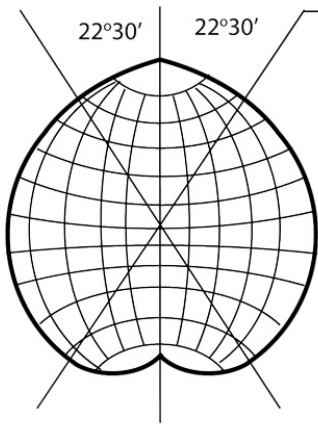
Trong hiện tượng thớt trên của cối xay



Sự đảo ngược trong quả trứng

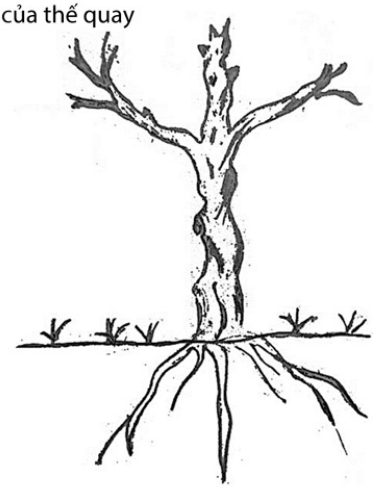
HÌNH 4.12: PHỤ BẢN BIẾN TƯỚNG CỦA QUẢ ĐỊA CẦU

1.



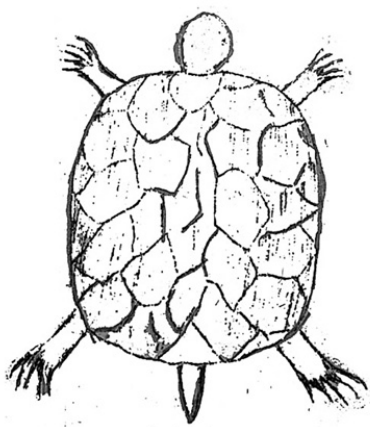
Thế quay của quả địa cầu

2. Khí tuyến của thế quay



Tướng quả địa cầu đi vào loài cây

3.



4.



Tướng quả địa cầu đi vào thằng người

PHỤ BẢN LƯỢC ĐỒ HỆ THỐNG DỊCH LÝ

Ta thử ngắm kỹ phụ bản hệ thống hóa của Hà Đồ, Lạc Thơ với cách vận hành của Thái dương hệ (mặt trời và trái đất quyện nhau). Thêm vài hình tượng vật loại ảnh hưởng ta càng thấy rõ nếu không có mặt cái viên chiếu thì hiện tượng **một là tất cả - tất cả là một, một tức**

tất cả - tất cả tức một không thành lập, và cái mà Phật giáo gọi là **trùng trùng vô tận** cũng không thể có; cũng như nếu địa cầu với mặt trời không xoay nghịch chiều cũng không vừa chạy vừa quay theo kiểu lò xo quyện theo lò xo thì định luật một tách làm đôi, đôi tách làm 4, nhân lên theo số kỷ hà của hình thức tế bào trong vạn loại cũng không thành lập được. Chính vì chỗ này nếu sự hiểu biết của chúng ta không chứng thực đến tận cội nguồn vốn không sanh không chẳng sanh; không diệt không chẳng diệt thì ta sẽ thấy vũ trụ này là cả một kho tàng mâu thuẫn. Tại sao đã vừa sanh mà lại cũng vừa diệt? Sanh cũng đạo trời, diệt cũng đạo trời. Nếu quả có đấng chủ tế thì đấng chủ tế ấy thật là một thứ hồ đồ biết bao! Đâu được xứng đáng để cho vạn loại tôn sùng?! Có người nói:

Lò cừ nung nấu sự đời

Bức tranh vân cẩu vẽ người tang thương.

Cũng có người nói:

Hỗn mang khi mới dựng thành,

Một hai, hai bốn hóa sanh muôn loài.

Sanh sanh là đạo của trời,

……..

Nói như thế không phải là không có cớ. Nhưng đã có sanh tất phải có diệt. Sanh sanh là đạo của trời, diệt diệt không phải là đạo của trời sao?

Cho nên biết sanh cũng đạo trời, diệt cũng đạo trời, mà không sanh không diệt cũng đạo trời. Người xưa nói:

Thiên hà ngôn tai!

Thiên hà ngôn tai!

Tứ thời hành yên

Vạn vật sanh yên.

Nghĩa là:

Trời có nói gì đâu!

Trời có nói gì đâu!

Thế mà bốn mùa vận hành

Vạn vật hóa sanh.

Như thế há không phải là một bằng chứng đó sao?

Quả địa cầu khi thành lập con người có mặt sau chót. Bởi vậy Kinh Thánh Sáng Thế Ký Kitô giáo có nói: "Sau khi Đức Chúa trời dựng nên trời đất mới lập cảnh vườn địa đàng rồi mới tạo con người cho ở cai quản giữ gìn, v.v." Tuy là kẻ đến sau nhưng có đủ khả năng quản lý, nên cũng có đủ khả năng lạm quyền.

Đứng đâu nhìn ra bao la ta cũng thấy ta đứng chính giữa. Quả địa cầu này đã lăn đến đâu ta cũng cứ thấy nó đang nằm giữa một bầu vòm. Tất cả cảnh vật bên ngoài khi vào cơ thể con người cũng đều tùy theo bên trong của con người mà biến hóa. Phóng ra ngoài sự hiểu biết của con người bị lật ngược; cuộc sống của con người bị phân hóa, xác thân của con người lãnh lấy bệnh tật khổ đau; xã hội loài người chịu lấy xung chướng, tàn hại giết chóc; tinh thần của con người trở nên méo mó; tánh hạnh của con người trở nên tệ bạc đểu giả hơn tất cả muôn loài.

Nhưng khi con người quay trở vào chính mình để khám phá, từ đó sự hiểu biết của con người được thuận chiều; cuộc sống của con người được thống nhất; xác thân của con người vượt khỏi bệnh tật khổ đau; xã hội loài người sẽ không bị xung chướng, tàn hại giết chóc, và mới có tình thương chân thật; tinh thần của con người trở nên sung mãn; tính hạnh của con người trở nên siêu tuyệt để có đủ khả năng làm thầy cho vạn loại. Rồi bỗng dưng bừng tỉnh ra con người mới hay rằng con người với bao la vốn không hai mà cũng không một, chỉ có con người mới định đoạt được cuộc sống của con người, chỉ có chính mình chịu lấy toàn trách nhiệm cho tất cả việc làm của mình chớ không một ông hay một bà nào thay thế cho mình được cả.

Thế mới biết con người là trung tâm vấn đề, là tài ở giữa trong ba tài, là đầu dọc của nên hư, vui khổ. Và tất cả trời Phật, thánh thần ma quỉ cũng đều do thằng người chế tạo ra. Khi đã biết như thế ta nỡ nào lại đi tìm kẻ để dựa nương chứ?!

BẢN ĐỒ THÁI DƯƠNG HỆ (THEO TỪ HẢI)

TÊN	ĐƯỜNG KÍNH	CỰ LY CÁCH MẶT TRỜI	VÒNG CHU THIÊN	VÒNG BỔN THÂN	SỐ VỆ TINH
Mặt trời	866.000 dặm			24 ngày 15g 36ph	
Thủy tinh (Mercury)	3.000 dặm	36.000 dặm	87 ngày 23g 15ph	87 ngày 23g 15ph	
Kim tinh (Venus)	7.570 dặm	67.200 dặm	224 ngày 16g 48ph	23g 21ph	
Địa cầu	7.920 dặm	92.890 dặm	365 ngày 5g 49ph	23g 56ph 4 giây	1
Hỏa tinh (Mars)	4.200 dặm	141.500 dặm	686 ngày 23g 21ph	24g 37ph 23 giây	2
Mộc tinh (Jupiter)	86.000 dặm	483.300 dặm	4332 ngày 14g 2ph	9g 50ph	9
Thổ tinh (Saturu)	71.500 dặm	886.100 dặm	10.759 ngày 5g 6ph	10g 14ph	10
Thiên Vương tinh (Uranus)	31.700 dặm	1.782.000 dặm	30.688 ngày 7g 12ph	10g 49ph	4
Hải Vương tinh (Neptune)	34.500 dặm	2.792.000 dặm	60.180 ngày 20g 38ph	7g 50ph	1

Minh Vương tinh (Pluto)	19.880 dặm	3.700.000 dặm		
Mặt trăng	2.160 dặm		29 ngày 12g 44ph	27 ngày 7 giờ 13 phút 115 giây

PHỤ BẢN ĐÍNH KÈM ĐỂ ĐỘC GIẢ DỄ NGHIÊN CỨU

Thủy tinh (Mercury) cũng là Thìn tinh, là một trong chín đại hành tinh của Thái dương hệ, rất gần mặt trời, đường kính nhỏ hơn hết. Mặt ngoài hiện ra nhiều dấu hũng lồi, nhận ánh sáng mặt trời mạnh hơn địa cầu bảy lần. Chu kỳ vận hành với chu kỳ tự chuyển bằng nhau độ chừng kém 88 ngày. Chỉ có một mặt quay vào mặt trời, cho nên mặt lạnh mặt nóng khác nhau, vì thế nên không có sanh vật.

Thìn tinh: Có tất cả bảy tên Tiểu chánh, Thìn tinh, Thiên Tài, An châu tinh, Tế sảng, Năng tinh, Câu tinh. Trong sách Quãng Nhã còn gọi là Miễn tinh, tức là biệt danh của Thìn tinh. Sách thiên văn nói: Thìn tinh là tinh hoa của phương Bắc thuộc Thủy, là điềm lành ngôi Tể tướng.

Kim tinh (Venus) là một trong chín hành tinh lớn mà là ngôi thứ hai gần mặt trời, quỹ đạo của nó ở giữa địa cầu và Thủy tinh, vì thế mà đứng ở mặt địa cầu nhìn lên thấy rất sáng, cũng còn gọi là Minh tinh, Khải Minh, Trường Canh, Thái Bạch. Sự rộng lớn suýt soát quả địa cầu, cũng có bầu khí quyện, một mặt hướng vào mặt trời nên hai mặt lạnh nóng khác nhau, vòng xoay quanh mặt trời kém 225 ngày.

Thái Bạch: sử ký thiên văn có chép: xét sự vận hành của mặt trời để định ngôi sao Thái Bạch. Ở trong Hàn thi có nói: sao Thái Bạch sáng mọc phương Đông là Khải Minh, tối thấy ở phương Tây là Trường Canh. Tôn Viên nói: Minh tinh tức là Thái Bạch mọc ở phương Đông cao 3 xá ngày nay gọi là Minh Tinh, tối hiện ở phương Tây cao 3 xá ngày nay gọi là Thái Bạch. Sách thiên văn nói: Thái Bạch tức là tinh hoa của phương Tây thuộc Kim, là tượng của Thượng công Đại tướng quân.

Hỏa tinh (Mars) cũng là Oanh Hoặc, một trong chín đại hành tinh của Thái dương hệ, mà là ngôi thứ tư gần mặt trời, màu đỏ, nhỏ hơn địa cầu, vòng tự lăn là 24 giờ lẻ hơn 37 phút, còn vòng chu kỳ độ chừng một

năm với 322 ngày, bên nó có hai vệ tinh.

Oanh Hoặc: Huyền Hoặc, tên riêng của Hỏa tinh, còn có nghĩa là tên thần, tức ông thần Xích Đế nổi giận. Ngôi nó ở phương Nam.

Mộc tinh (Jupiter) cũng là Tuế tinh, là một hành tinh to nhất trong chín đại hành tinh của Thái dương hệ, trực kính của nó 86 ngàn dặm, là ngôi thứ năm cách mặt trời, nó rất sáng, bám theo có chín vệ tinh, có bốn cái hơi to, một vệ tinh xa nhất cùng với vệ tinh tầm thường xoay quanh Mộc tinh ngược với vòng vận hành của Mộc tinh. Thể nó hình như rất nóng, bên ngoài có bầu hơi nước mây mù bao phủ, thường hay hiện lên màu đỏ ở các bìa cụm mây, lại có một điểm đỏ rất to, đường trực kính có thể đến 23 ngàn dặm, cứ 9 giờ 50 phút là tự chuyển một vòng, xoay quanh mặt trời, chu kỳ độ 11 năm 315 ngày.

Tuế tinh: tức là Mộc tinh, người xưa cho hành tinh này vòng bổn thân của nó là một năm, mà chu kỳ là 12 năm để thành kỷ niên. Trong sử ký thiên văn có chép: quan sát sự vận hành của mặt trời, mặt trăng để độ vòng thuận nghịch của Tuế tinh.

Thổ tinh (Saturn) xưa gọi là Trấn tinh, hoặc Điền tinh, Tín tinh là một trong chín đại hành tinh, là ngôi thứ sáu cách mặt trời. Sức lớn của nó kém hơn Mộc tinh, màu ánh sáng thuần vàng, độ sáng của nó thuộc về hàng bực nhứt, trong hành tinh trừ sao Thiên lang ra thì không có ngôi nào quang độ so sánh được. Bám theo nó có mười vệ tinh, có một cái chưa định và một cái có ánh sáng xoay quanh (phải xem qua chỗ nói về Thổ tinh có ánh sáng xoay quanh). Thể chất của sao này thuộc về khí của chất kim loại đang sôi sùng sục xoay quanh, cho nên bề mặt như hơi nước sôi bốc lên. Vòng bổn thân của nó là 10 giờ 14 phút, vòng chu kỳ xoay quanh mặt trời là 29 năm 167 ngày, trên đó không có sanh vật.

Trấn tinh: tức là khí tinh hoa của Thổ kết thành, chu kỳ của nó là 28 năm.

THIÊN THỨ TƯ

HẾT

Âm dương hiện tượng

Tất cả những cái "có", mắt tôi có thể trông thấy, trí óc tôi có thể tính toán, tôi có thể dùng dụng cụ để đo lường đều chỉ là hiện tượng hằng đổi hằng dời. Thế thì chính thân tôi cũng là một thứ hiện tượng hằng đổi hằng dời. Nếu tôi không biết như thế, thì làm sao tôi đọc được NỘI KINH.

C.N.

Thiên thứ năm

ÂM DƯƠNG ỨNG TƯỢNG ĐẠI LUẬN

Định nghĩa tên thiên

Là một thiên nghị luận bao quát cả nguyên lý âm dương trong vòm bao la, suốt hết vạn vật, thông qua con người, không đâu không ứng ra hiện tượng, như một giềng mối suốt thông, nghĩa lý vô cùng. Nghĩa lý tuy vô cùng, nhưng cũng không ngoài để nói lên hai hiện tượng huyễn hóa. Tuy là hiện tượng huyễn hóa, nhưng không vì huyễn hóa mà là thật không; cũng không vì có huyễn hóa thật mà là thật có, không vướng vào thời gian cũng không kẹt vào không gian. Nên mới đặt là "Âm Dương Ứng Tượng Đại Luận".

Nếu ta thấu triệt được nghĩa hai chữ "ứng tượng" là ta đã tới ngưỡng cửa thứ nhất rồi đấy. Chúng ta hãy thận trọng suy tư.

BÌNH

Bà mẹ địa cầu của chúng ta tuổi đã xế bóng, lại thêm bao nhiêu rận rệp quấy nhiễu sanh lắm bệnh tật ở da, bước đi sắp đến hồi run mưa yếu gió, biết đâu chẳng sẽ đến chống gậy?! Thế mà sức tung hoành của đám rận rệp càng ngày càng chen chúc hoành hành…

Vì sức phát triển về vật chất của con người, mà cõi đời càng ngày

càng chật hẹp. Vì u mê ích kỷ mà xã hội loài người càng phân hóa loạn ly.

Một con chó bị bệnh gần chết thì tất cả rận, bò chét đều náo loạn lên. Cũng như một con người bệnh ngặt không thuốc cứu chữa được, khi sắp chết (nếu trên đầu nhiều tóc có chí) thì tất cả loài chí cũng đều loạn lên.

Trong một tình trạng vật chất điên loạn, mỗi người muốn có một sanh khí thanh bình chỉ trừ phóng tầm mắt là nhìn suốt cả bao la, thâm nhập cả vi tế, sâu vượt thời gian, rộng vượt không gian, ngoài thâm nhập vạn loại, trong thấu suốt chính con người của mình thì không có cách nào khác hơn. Ai có chí khí đó thì nên đọc kỹ thiên này.

Đoạn 1

PHIÊN ÂM

Huỳnh Đế viết: Âm dương giả thiên địa chi đạo dã, vạn vật chi cương kỷ, biến hóa chi phụ mẫu, sanh sát chi bổn thỉ, thần minh chi phủ dã.

DỊCH

Huỳnh Đế nói: Âm dương là cái đạo của trời đất, là giềng mối của vạn vật, là cha mẹ của biến hóa, là cội nguồn của tướng sanh diệt, là chỗ để cho cái **linh diệu** hiển bày.

GIẢI

Bắt đầu thiên này bằng hai chữ "âm dương", tức là cùng với thiên trên một mạch, mà chỉ một mình Huỳnh Đế thủ xướng mãi đến đoạn thứ 10.

Cả đoạn này vỏn vẹn chỉ có năm câu. Ý luận giả muốn nói hễ có trời đất là có âm dương. Cho nên âm dương biến hóa là chuyện của trời đất hằng ngày, mà cũng chính là trời đất. Trong vạn vật không có vật nào mà không có âm dương, hay nói một cách khác: không hiện tượng âm dương thì vũ trụ này cũng không thành lập được, đừng nói chi đến vạn vật. Đã không có vạn vật thì lấy đâu mà có biến hóa. Cũng như không có biến hóa thì lấy đâu mà có vạn vật. Đã không có vật thì lấy đâu có tướng diệt, tướng sanh, tướng nhân, tướng quả. Vạn vật đã không có thì làm gì có con người, không có con người thì lấy ai đâu mà biết được linh diệu hay không linh diệu?!

Vậy "âm dương là cái đạo của trời đất, là giềng mối của vạn vật, là cha mẹ của sự biến hóa, là nguồn cội của sanh diệt, là nơi để cho cái linh diệu hiển hiện" đó là lẽ tất nhiên, là chuyện trước mắt. Nhưng âm dương biến hóa bằng cách nào mà bảo rằng là cha mẹ của sự biến hóa?

Theo sự định nghĩa của Dịch học thì chữ "biến" là biến đổi một cách đột ngột, còn chữ "hóa" là biến đổi một cách âm thầm từ từ.

Dùng vỏ của quả "bầu tiên" chế làm cái bầu đựng rượu được mang để trên bệ cửa sổ có lộng kiếng. Gặp mùa hè đến buổi chiều tà được ánh mặt trời xẹt phớt qua vách bầu. Đến hôm sau bỗng dưng ngoài vách bầu trở thành trắng xóa như rắc phấn, tưởng chừng như quả bầu bị nổi mốc. Nhưng thử mang kính đeo mắt rồi dùng gương chiếu đại mà soi, mới hay đó là triệu triệu con vật, mỗi con đều có cánh, có chân, có mắt, có râu nghĩa là có đủ năm giác quan. Thế rồi thử đem quả bầu để ngoài chỗ có chút ánh nắng ban mai, liền thấy tất cả những con vật li ti ấy đều di động một cách hốt hoảng, nhưng ta vừa sờ vào là chúng nó nát đi.

Một buồng chuối đã già còn xanh mướt, ta đốn đem vào, treo dọng ngược đuôi trở lên cuống trở xuống. Ít hôm sau những quả chuối biến màu vàng rồi lần lần chín mùi. Đấy là những biến hóa của âm dương. Nhưng hóa cơ ấy như thế nào ngôn ngữ không tài nào diễn tả hết được, chỉ có mỗi người phải chứng thực lấy mà thôi. Thực là "muôn vàn trong một hóa cơ".

Trong chánh văn có hai chữ "thần minh", ở phần dịch dịch là "linh

diệu". Nhưng theo ngôn ngữ của cổ Trung Hoa thường có câu: "Thần nhi minh chi tồn hồ kỳ nhơn" (nghĩa là: nhập thần rồi tỏ sáng do lòng người chí thành). Đây cũng là để giải thích một phương diện cho hai chữ "thần minh".

Có hiền xưa nói: "Thiên địa vô tư, thần minh ám sát, bất vị tế hưởng nhi giáng phúc, bất vị thất lễ nhi giáng họa" (nghĩa là: trời đất không riêng thần minh thầm xét, chẳng vì cúng tế mà cho phúc, chẳng vì thiếu lễ mà gieo họa). Đây cũng là một cách ra dấu để giải thích cho hai chữ "thần minh" ở một phương diện khác trong cái thế hội tụ của bao la.

Nhưng theo tôi nghĩa của hai chữ "thần minh" không phải chỉ bấy nhiêu. Kìa! Ta hãy xem những người miền quê không rõ đầu đuôi, thấy cái gì lạ lạ cũng sợ, tinh thần luôn luôn trong sợ hãi, rồi nhìn cây đa, nhìn ngôi miễu, nhìn cây cầu có nhiều người té chết đuối, nhìn cặp rắn đùa giỡn hoặc cục đá lạ lạ v.v. cũng đều thấy ra có tướng quỉ thần ứng hiện cả. Ngược lại những nhà khoa học vượt không gian dùng ống viễn kính khám phá vũ trụ đến đâu cũng thấy đều một vẻ trật tự bí mật, rồi đâm ra hoảng hốt cho rằng quả thật có một vị chủ tể tạo hóa đang ngự trị điều hành.

Đến như có người chỉ quay trở vào chính con người của mình mà nghiệm xét thấu tận cội nguồn của tâm linh, rồi nhìn ra vạn vật mới thấy không đâu không linh, mà cũng không đâu không chẳng linh, và vấn đề tâm vật, quỉ thần, thân cảnh đều chỉ là chuyện trong thể tánh của con người. Cho đến những việc khám phá thần kỳ trong y khoa, trong tướng số, tất cả những cái ấy há lại vượt được ra ngoài ý nghĩa của hai chữ "thần minh" sao? Thế nên tôi gọi là linh diệu.

BÌNH

Đọc qua đoạn trên ta thấy mang máng hình như là một thứ triết học, rồi cũng hình như một thứ vật lý, hóa học, hoặc hình như một thứ khoa học, một thứ biện chứng học. Đến câu chót thì lại giống như một thứ thần linh học. Nhưng không đâu! Tất cả đều chỉ là để nói lên cái học chứng nghiệm vào sự thật vậy. Nhà Phật đã từng dùng hai chữ "Như Lai" để diễn tả nghĩa linh diệu ứng hiện vào trong các tướng. Nhưng định nghĩa hai chữ "Như Lai" thì lại nói: hình như đến nhưng không từ đâu đến,

hình như đi nhưng không đi về đâu. Quả thật là nghĩa biến hóa linh diệu!

Có người nói: Trung Hoa xưa không biết được vấn đề nhân quả, cũng không biết được vấn đề bổn tánh, như thế đều là những kẻ bị chữ nghĩa nó mê hoặc, đâu đủ gì để biết được cổ nhơn!

Đoạn 2

PHIÊN ÂM

Trị bệnh tất cầu kỳ bổn. Cố tích dương vi thiên, tích âm vi địa. Âm tĩnh dương tháo. Dương sanh âm trưởng, dương sái âm tàng. Dương hóa khí âm thành hình. Hàn cực sanh nhiệt, nhiệt cực sanh hàn. Hàn khí sanh trược, nhiệt khí sanh thanh, thanh khí tại hạ tắc sanh xan tiết, trược khí tại thượng tắc sanh điền trướng. Thử âm dương phản tác, bệnh chi tùng nghịch dã.

DỊCH

Trị bệnh phải tìm đến gốc.

Cho nên súc tích phần dương làm trời, súc tích phần âm làm đất. Âm thì tĩnh, dương thì động. Dương thì sanh, âm thì trưởng, âm thì trưởng. Dương làm khô héo, âm để chứa giấu. Dương thì hóa khí, âm để thành hình.

Lạnh cực thì sanh nóng, nóng cực thì sanh lạnh.

Khí lạnh sanh phần trược, khí nóng sanh phần thanh. Khí thanh ở dưới thì sanh ra đi tiêu rót phần sống, khí trược ở trên thì sanh ra đầy dẫy. Đó là phản tác dụng của âm dương, là hiện tượng thuận nghịch của bệnh tật.

GIẢI

Đại ý đoạn này vẫn liên tục với đoạn trên để nói lên hễ có vật tượng là có mặt âm dương. Ngoài tất cả thiên nhiên vạn vật, trong suốt cả thân tâm con người không đâu không lấy âm dương làm nguyên lý căn bản. Nó xen suốt linh động không ngừng theo thế thăng trầm tiêu trưởng biến hóa. Tuy luôn luôn biến chuyển; trong trật tự thiên nhiên cũng có lúc thế lưu thông bị kẹt mà sanh phản tác dụng làm cho cuộc sống mất quân bình. Vậy nên nếu muốn lấy lại thế quân bình ấy quyết định phải tìm đến tận nguồn cội.

Nếu không có cái thế giao với nhau giữa mặt trời với mặt đất; nếu trái đất với mặt trời không quyện nhau bằng thế lo xo; nếu trái đất không vừa chạy vừa quay như con quay thì không lấy đâu để có bầu khí quyện (trời), và cũng không lấy đâu có cái thế nuôi lớn cho quả địa cầu; đó là nghĩa "súc tích phần dương làm trời, súc tích phần âm làm đất".

Âm dương, nặng nhẹ, tĩnh động là hai tướng so sánh đối đãi theo sự nhận định của giác quan của con người. - Phần âm, phần nặng, phần chất luôn luôn ngưng đọng; phần dương, phần nhẹ, phần khí luôn luôn biến thông. Đó là nghĩa "âm thì tĩnh, dương thì động".

Địa cầu có thành trụ hoại không, vật chất có sanh trụ dị (biến) diệt, con người có sanh già bệnh chết, một năm có Xuân Hạ Thu Đông. Tất cả những cái ấy sự việc tuy khác nhau nhưng nguyên lý vẫn là một. – Đã là trong dương có cả dương và âm, trong âm cũng có cả dương và âm, thì Xuân sanh Hạ trưởng Thu thâu Đông tàng với "dương thì sanh âm thì trưởng, dương làm khô héo âm để chứa giấu" chẳng qua là một sự việc mà hai cách nói, để chỉ cho nghĩa trong dương có dương và âm, trong âm có dương và âm của bốn giai đoạn của một năm trong hiện tượng giới mà thôi.

Trong đây có hai chữ "khô héo" dịch từ chữ "sát", nhưng chữ sát có hai cách đọc: cách thứ nhất đọc lá **sát** có nghĩa giết, cách thứ hai đọc là **sái** có nghĩa là khô se. Mà khô se là hiện tượng âm dương phân ly không giao nhau nữa, hiện tượng này là hiện tượng của mùa Thu vạn vật đều co rút lại, nên dịch là khô héo. Thế là ý câu này muốn nói đến bốn tác dụng của Xuân Hạ Thu Đông.

Trong vật lý từ thể cứng có thể biến ra thành thể bột, từ thể bột biến thành thể lỏng, từ thể lỏng biến sang thể hơi, rồi từ thể hơi có thể trở về thể lỏng, từ thể lỏng có thể trở về thể bột, từ thể bột có thể trở về thể cứng; đó là do tác dụng từ dương động lên đến tột bực, rồi từ âm tĩnh dần xuống tột bực. Ví như ta cho cục nước đá vào bàn bào bào nát, rồi để giây lát tan ra nước, rồi đem đun sôi bốc lên thành hơi, nếu hơi gặp lạnh ít sẽ trở về nước, nếu gặp lạnh nhiều chút nữa sẽ kết thành từng hột, nếu lạnh đến dưới 0^0C thì sẽ đóng thành khối cứng. Thế là "dương hóa khí âm thành hình".

Bao la là một bầu vòm, tất cả tinh cầu là những khối tròn. Cách vừa chạy vừa xoay của mặt trời và quả địa cầu cũng ở trong thế tròn. Cho nên hết thảy hiện tượng trên mặt đất này cũng đều biến chuyển theo thế tuần hoàn xoay quanh rồi trở lại. Nên nghĩa của chữ "cực" cũng là không có cực chút nào, có chăng chỉ ở trên một hiện tượng biến hóa đột ngột của một giai đoạn trong sự vật mà ta thấy vậy thôi. Ví nếu thiệt có cực thì làm sao sanh được cái ngược lại, đã sanh được cái ngược lại thì cực ấy chỉ là cái cực trong vô cực.

Mặt trời vừa chạy vừa quay, quả địa cầu cũng vừa chạy vừa quay, cả hai đều quyện nhau bằng thế lò xo trong lò xo. Đã quay tít như con quay, lại đuổi theo thế lò xo, cộng thêm sáng tối đổi ngôi làm cho vòng đai xích đạo phải thụt lên thụt xuống theo chiều Nam Bắc để tạo thành hết tối rồi sáng, hết sáng rồi tối, hết xuống rồi lên, hết lên rồi xuống, hết lạnh sang nóng, hết nóng sang lạnh, hết Thu Đông sang Xuân Hạ, hết Xuân Hạ sang Thu Đông. Vì thế nên tất cả vạn vật trên quả địa cầu đều chịu chung một ảnh hưởng vật cực tắc phản.

Lắng, đọng, nặng, chất là hiện tượng tác dụng của thế hướng tâm mà là kết quả của Thu Đông, của thế địa cầu bị dang xa mặt trời, bị thiếu ánh nắng, là tướng bầu khí quyện bị bóp vào.

Bốc, nổi, nhẹ, khí là hiện tượng tác dụng của thế ly tâm mà là kết quả của Xuân Hạ, của thế địa cầu được xích lại gần mặt trời, được đầy đủ ánh nắng, là tướng bầu khí quyện được bung ra.

Đến Thu Đông trên không khí cũng như dưới nước tất cả các chất nặng cùng nhiệt lực đều bị lắng đọng rút vào chiều hướng trung tâm quả

địa cầu, để lần hồi biến thành chất rắn chắc. Sang Xuân Hạ không khí mờ, nước nổi cáu, lưng trời mây càng ngày càng đùn, khí nóng bốc lên tản ra tận bầu khí quyện bên ngoài làm thành khí nhẹ. Đó là nghĩa của "khí lạnh sanh phần trược, khí nóng sanh phần thanh".

Cách thế phần khí phần nhẹ bốc lên, phần nặng phần chất rơi xuống trong luật ly tâm hướng tâm của địa cầu, chẳng khác nào **cái nồi tuần hoàn** để nấu cao trong phòng thí nghiệm của các nhà khoa học.

Thân con người là bầu trời đất nhỏ, thế thì trong trật tự phần nhẹ phần khí bốc lên, phần nặng phần chất phải rơi xuống để lắng đọng hoặc chứa giấu hoặc bài tiết cũng phải luôn luôn luân lưu đúng theo trật tự ấy; nếu đảo ngược lại và ngưng đọng đình đốn bằng cách phần nhẹ bị lộn xuống dưới là con người sanh ra bên trong lạnh và đi tiêu chảy phân sống. Nếu phần nặng bị lộn ngược lên trên thì nửa người bên trên sanh ra no đầy. Ta hãy thử nghiệm về ảnh hưởng của mùa Hè và mùa Đông đối với con người cũng đủ rõ. Mùa Hè khát nước nhiều, miệng hôi, hơi thở đục, bên ngoài phần trên nóng, bên trong phần dưới lạnh, nếu lỡ có một chút sơ hở ăn uống thiếu dè dặt, phạm các món sống lạnh như dưa chuột, rau sống liền dễ xảy ra đi tả; hoặc ăn uống nhằm các chất biến hoại dậy men thì trong bụng xảy ra no đầy. Cũng tương tự như vậy, nếu mùa Đông phần nhiệt lực không thâu liễm chìm xuống thì cũng xảy ra đi tiêu chảy, cho nên thiên trước có nói "mùa Thu không bị trái ngược với luật thâu liễm thì mùa Đông không bị đi tiêu chảy" cũng thuộc phạm vi nghĩa này. Nên gọi là phản tác dụng của âm dương, là chỗ để nhận xét về sự nghịch thuận của bệnh tật.

Nghĩa chính xác nhất của hai chữ "bệnh tật" là mất quân bình, là một hậu quả bất thường của một giai đoạn, là một trệ biến của luật lưu thông trong con người, là một hiện tượng chẳng tương ưng với trật tự thiên nhiên.

Nhìn qua con người ta thấy như có hai phần: linh hồn và xác thân riêng biệt, cũng như tâm thức với xác thân vật chất là hai, đó chẳng qua là một sự lầm lạc muôn đời. Nếu hiểu như thế thì Dịch lý hay NỘI KINH cũng chẳng có gì xứng đáng để cho ta phải học. Thế nên mất quân bình trên xác thân hay mất quân bình trên tâm thức cũng đều là hậu quả của mất quân bình. Đã có hậu quả tất có nguyên nhân và trợ duyên, mà tất cả

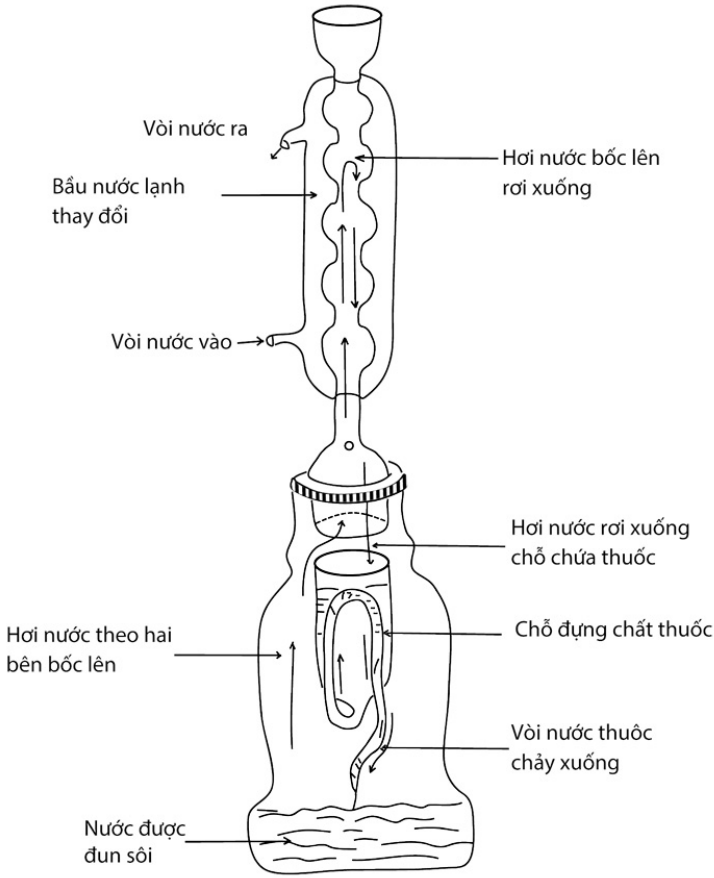
nhân duyên không ngoài ăn uống, sinh hoạt, phong thổ, khí hậu, xã hội, tâm tư và thọ bẩm. Nhưng tất cả những cái ấy không thể vượt ra ngoài phạm vi lưu động biến hóa trật tự của âm dương, mà sở dĩ có chuyện mất quân bình ấy xảy ra đều từ cái thờ ơ hay dốt nát không biết.

Khi xác thân có bệnh nếu trong lòng cởi mở hân hoan thì bệnh tật trở nên giải quyết một cách dễ dàng. Ngược lại nếu tâm thức bị ứ trệ đổ vỡ làm cho xác thân mất quân bình, nếu không chịu sửa đổi thì dù lương y cũng bó tay. Cho nên người xưa có nói: "Thuốc hay cũng khó chữa được bệnh oan trái". Như thế đủ biết phần tâm thức quan trọng là dường nào. – Nay nếu đã mang sẵn một bầu oan trái lại thêm thờ ơ dốt nát chẳng biết gì hết về trật tự thiên nhiên, thì khi có bệnh cũng như khi chữa bệnh cho kẻ khác làm sao mà chữa được? Làm sao cho khỏi được? Cho nên biết được câu "muốn trị bệnh phải tìm đến tận nguồn gốc" bao hàm một ý nghĩa sâu xa rộng rãi. Nếu không phải như thế thì câu "lương y là từ mẫu", cũng như câu "lương y là Bồ Tát" của cổ nhơn đã sai lầm mất.

Trị bệnh phải tìm đến gốc tức là "muốn trị bệnh đừng vội trị bệnh mà phải cho thật hiểu bệnh là gì? Do đâu mà sanh bệnh? Chỗ nào bị bệnh trước đã? Lấy gì làm chắc chắn?"

Muốn biết sự việc nào đó một cách tường tận phải nhờ ở khám phá. Trong tất cả mọi phương pháp khám phá, chỉ có phương pháp làm cách nào để người khám phá với sự việc được khám phá không bị một màn bí mật ngăn che là phương pháp quan trọng nhất. Muốn thực hành phương pháp này thì phải có một cuộc khám phá chính con người của mình trước. Vì sao thế? Vì tất cả bí mật của sự việc đều bị cái MÌNH che khuất, điều này hết thảy chúng ta đều phải nên để ý. Và một sự việc khi được khám phá thấu tận cội nguồn rồi, thì vấn đề phải giải quyết bằng cách nào? Làm sao? Đều trở nên nhẹ hẳn. Đó là chỗ khác nhau giữa tinh thần thông đạt của cổ nhơn với tinh thần hiểu biết của người nay vậy.

HÌNH 5.1: NỐI TUẦN HOÀN



BÌNH

Nếu bệnh tật là một thứ mất quân bình trong cuộc sống, chớ không phải chỉ là nóng lạnh và đau bụng; mà cũng không phải riêng cho bệnh thân hay bệnh tâm, bệnh gia đình hay bệnh xã hội, bệnh quốc gia hay bệnh thế giới; nếu tinh thần là một yếu tố chính yếu cho cuộc sống cũng như chung cho cả thế giới loài người; nếu chữa bệnh phải tìm đến tận gốc thì ông Phật mà có hiệu là Y Vương là phải; cho đến ông Jésus, ông Khổng, ông Mạnh, ông Lão, ông Trang, ông Đạt Mạ, ông Huệ Năng v.v. cũng đều là những ông thầy thuốc rất lưu tâm đến nguồn gốc của bệnh tật.

Nếu cái gì, ở đâu, có ai, hồi nào, ai chủ động là năm nguyên tắc

khoa học thực tiễn để nhận định khám phá một sự việc thuộc về dĩ vãng và là năm nguyên tắc đúng lý để nói lên sự quan hệ của thời gian tính, địa phương tính và biện chứng tính thì sự có mặt của ông Phật, ông Jésus, ông Khổng, ông Mạnh, ông Lão, ông Trang, ông Đạt Mạ, ông Huệ Năng v.v. cũng đều nằm trong công lệ ấy.

Nếu dùng những công thức cũng như những phương pháp của người xưa để chữa một bệnh tật hiện nay mà không biết đến thời gian tính, địa phương tính và biện chứng tính tức là lang băm.

Nếu nghĩa lang băm minh định rõ rệt như thế thì trong cửa Phật, cửa Chúa, cửa Khổng Mạnh, cửa Lão Trang, cửa quốc gia chánh trị, cửa văn hóa giáo dục, cũng như cửa y khoa ngày nay vẫn có rất nhiều lang băm. Và cả thế giới loài người ngày nay kể cả thầy thuốc lẫn con bệnh đều là con bệnh (hoặc bệnh tiềm phục, hoặc bệnh hiện hành).

Nếu chỉ thấy được sự mất quân bình ở bề ngoài của xác thân, hoặc của phần tâm thức mà không thấy được tận nguồn nguyên nhân thì không được gọi là Y Vương, cũng không được dùng câu "lương y là Bồ Tát", mà câu "nhất thế y tam thế suy" phải ứng hiện đúng. Vì sao thế? Vì loài người chỉ biết có mình mà quên bẵng sinh mạng của các động vật khác. Vậy nên chữa bệnh không bằng chữa thầy thuốc.

Nếu NỘI KINH không có khả năng vào tận cội nguồn, thì NỘI KINH phải lãnh lấy một phần thiếu sót cần được bổ khuyết.

Nếu hầu hết tín đồ của các tôn giáo ngày nay, cũng như tín đồ nhà Phật hết thảy đều bị vật chất thế gian nó thao túng, thì tất cả những cái học ấy quyết định phải có chỗ vận dụng chưa khắp.

Nếu chỉ biết chú trọng đến quả, đến phần xác thân vật chất. Thì cái gọi là Đông y và Tây y khẩu thiệt lẫn nhau hiện nay chẳng qua chỉ là Tây y văn minh với Tây y lạc hậu xâu xé nhau trên trường ảnh hưởng danh lợi mà thôi. Và thế giới ngày nay vẫn chưa có được một nền y học lành mạnh **thật là khoa học**.

Nếu cái học NỘI KINH có hàm chứa một tinh thần thiết thực mắc

thẳng vào thân tâm của mỗi người, để giúp cho ta bên trong khám phá thấu suốt được thân tâm, bên ngoài có khả năng đánh giá được tất cả mọi dòng ảnh hưởng vật chất, và thống nhất được mọi luồng tư tưởng hoang mang của nhân loại. Thì tinh thần NỘI KINH là một liều thuốc hay ứng cơ, để chữa lành chứng bệnh điên loạn vì vật chất của thế giới loài người hiện nay, mà từ trước đến giờ không ai biết áp dụng. Và nếu thiếu tinh thần này, thì sự hoang mang của loài người hiện nay không biết lấy đâu để mà an ủi.

Đoạn 3

PHIÊN ÂM

Cố thanh dương vi thiên, trược âm vi địa. Địa khí thượng vi vân, thiên khí hạ vi vũ. Vũ xuất địa khí, vân xuất thiên khí.

Cố thanh dương xuất thượng khiếu, trược âm xuất hạ khiếu. Thanh dương phát tấu lý, trược âm tẩu ngũ tạng. Thanh dương thiệt tứ chi, trược âm qui lục phủ.

DỊCH:

Cho nên phần thanh dương(1) làm trời, phần trược âm làm đất(1). Hơi nước từ mặt đất bốc lên làm mây, mây đọng lại gọi là khí trời, khí trời ngưng đọng thành nước rơi xuống làm mưa. Thế là mưa xuất phát từ hơi đất, mây xuất phát từ khí trời.

Trong con người cũng vậy. Hễ phần thanh dương thì phát ra ở khiếu trên, trược âm thì phát ra ở khiếu dưới.

Nếu là âm dương ở trong âm thì phần thanh dương phát ra ở tấu lý, phần trược âm chạy về năm tạng.

Nếu là âm dương ở trong dương thì phần thanh dương làm sung

thiệt cho tứ chi, phần trược âm qui về sáu phủ.

CHÚ THÍCH

(1) **Thanh dương, trược âm**: hai danh từ này nghĩa rất bao hàm, phải tùy theo nơi định nghĩa mới chính xác. Nhưng nếu cắt nghĩa tổng quát thì "thanh dương" là để chỉ cho phần nhẹ, phần nóng bốc lên, phần loãng, phần khí; còn "trược âm" là để chỉ cho phần nặng, phần lạnh lắng chìm, phần đông đặc, phần chất.

GIẢI

Đoạn này vẫn tiếp tục với đoạn trên nói lên cái lý trời đất cũng do âm dương tuần hoàn lên xuống, và con người ở trong trời đất cũng phải cùng chung một lý.

Động cơ âm dương xoay vần để làm thành mây thành mưa cho vạn loại có sự sống, tựa hồ như cái **nồi tuần hoàn** mà trên kia có dịp đã nhắc đến.

Trong thân con người tất cả những phần nhẹ, phần khí, phần nóng đều bốc lên trên; còn tất cả phần nặng, phần chất, phần lạnh đều bài tiết xuống khiếu dưới.

Hễ có hình thì có âm dương. Có âm dương thì trong âm vẫn có âm dương, cũng như trong dương vẫn có âm dương (điều này đã đề cập kỹ lưỡng nhiều lần). Trong thân con người cũng vậy.

Nói "phần thanh dương ở trong âm phát ra ở tấu lý, phần trược âm ở trong âm chạy về năm tạng". Chữ "thanh dương", "trược âm" ở đây có nghĩa là nhẹ bốc và nặng đông, chớ không có nghĩa sạch dơ. Vì tấu lý thuộc về phần khí của bắp thịt (thuộc về dương ở trong âm), còn phần năm tạng là kho tàng chứa giữ, cho nên tinh hoa phải được thu nhỏ gọn lại (thuộc về âm ở trong âm).

Tay chân là bộ phận chót vót bên ngoài (cũng như cành của loài

cây) phần nhẹ, phần khí, phần nóng mới ra đến được. Vả lại khi tay chân hoạt động cũng để cung cấp nhiệt lực cho nội tạng, mà tay chân lại là thành phần bên ngoài của sáu phủ. Còn sáu phủ tuy là thuộc dương nhưng thuộc về bên trong. Vậy chữ "thanh dương" và "trược âm" ở đây ngoài nghĩa nhẹ, khí, nóng, bốc; nặng, chất, lạnh, chìm ra còn có bao hàm nghĩa sạch dơ nữa. Cho nên mới nói "phần thanh dương của dương để sung thiệt cho tay chân, phần trược âm của dương qui về cho sáu phủ" là vậy.

Đoạn 4

PHIÊN ÂM

Thủy vi âm, hỏa vi dương. Dương vi khí, âm vi vị. Vị qui hình, hình qui khí, khí qui tinh, tinh qui hóa. Tinh thực khí, hình thực vị. Hóa sanh tinh, khí sanh hình.

DỊCH

Thủy(1) là âm, hỏa(1) là dương. Dương là khí(2), âm là vị(2). Vị qui về hình, hình qui về khí, khí qui về tinh(3), tinh qui về biến hóa. Tinh nhờ khí, hình(4) nhờ vị. Có biến hóa mới có sanh tinh, có khí hình mới sống.

CHÚ THÍCH

(1) **Thủy, hỏa**: bao hàm ý nghĩa công năng ẩm ướt, nhuận, chảy xuống thấp và công năng khô ráo, nóng bốc của hai thể nước, lửa.

(2) **Khí, vị**: cũng như nói khí và chất, mùi và vị. Về giác quan nhận định thì khí thuộc về đường mũi, vị thuộc về đường miệng. Khí thuộc về phần nhẹ, vị thuộc về phần nặng.

(3) **Tinh**: nói chung cả tinh hoa năm tạng, mà chỗ thâm hiểm quan trọng nhất là tạng Thận.

(4) **Hình**: có nghĩa là xác thân vật chất thuộc về phần nặng ngược lại với phần khí, phần nhẹ.

GIẢI

Như đoạn 1 đã nói "âm dương là cha mẹ của van vật", mà nước lửa quả là hiện tướng của âm dương. **Vị** theo hệ thống của âm, **khí** theo hệ thống của dương; cho nên nêu lên thủy hỏa, âm dương, vị khí để bao quát đoạn này.

Thế ngôn ngữ của Trung Hoa với thế ngôn ngữ của Việt Nam khác nhau, nên đoạn này nếu theo nghĩa từng chữ thì ta sẽ thấy rất lôi thôi lủng củng. Ta thử nói lại theo kiểu thuần là Việt Nam tự nhiên nghĩa lý sẽ vỡ lẽ như sau đây:

Thủy thuộc âm có tính ngưng đọng, kết đúc, chạy xuống chỗ thấp. Hỏa thuộc dương có tính nóng nồng, bốc nổi, vượt lên, tan ra. Âm có khả năng sanh ra **vị**, dương có khả năng sanh ra **khí**. Cho nên mới nói "**khí** thuộc dương, **vị** thuộc âm".

Hình hài của con người là một tác phẩm thống hợp biến hóa giao xen cả **khí** lẫn **vị**, cả dương lẫn âm, cả tinh thần lẫn vật chất. Thiếu sự ăn uống (năm vị) thì không lấy đâu để nuôi hình hài. Thiếu hô hấp thì không lấy đâu để có sự sống. Có hô hấp, có ăn uống mới có biến hóa để sanh tinh lực. Thế là tinh lực phải nhờ cậy vào hô hấp, hình hài phải nhờ cậy vào ăn uống. Cho nên mới nói: có hô hấp hình hài mới sống để biến hóa thức ăn uống tạo thành tinh lực (đây là chỗ thống hợp tiên thiên và hậu thiên đã có đề cập đến từ trước).

Đoạn 5

PHIÊN ÂM

Vị thương hình, khí thương tinh. Tinh hóa vị khí, khí thương vu vị.

DỊCH

Vị và khí rất có quan hệ đến xác thân và tinh lực như trên đã nói. Cho nên vị thái quá và bất cập đều có thương tổn đến xác thân, khí thái quá và bất cập đều có thương tổn đến tinh lực. Tinh lực có khả năng biến hóa làm khí, nhưng vị lại cũng có khả năng làm tổn thương đến phần khí.

GIẢI

Đoạn này có hai câu đáng lẽ dính liền với đoạn trên, vì ý tứ có chuyển khác nên mới để riêng thành một đoạn. Ý luận giả muốn nói: hô hấp và ăn uống tuy là hai phần đã thuộc **khí** và **vị**, nhưng trong những thức ăn uống lại cũng có phân **khí vị**. Thí dụ như những loại có nhiều mùi hơi nồng nóng, thơm, bốc đó là khí ở trong vị; còn những món chỉ có vị mặn, lạt, chua, đắng v.v. đó là vị ở trong vị. Bởi vậy mới nói: **khí vị** tuy là để nuôi người, nhưng khi **khí vị** có thái quá bất cập đều có xảy ra sự tổn thương. Hễ là **vị** thì tổn thương đến hình hài, **khí** thì tổn thương đến tinh lực (thí dụ như ăn nhiều Sanh Địa thì làm đau bụng đi tiêu chảy, ăn nhiều củ cải trắng sống thì làm nhức đầu v.v.)

Tinh lực trong con người vốn có khả năng biến hóa làm khí. Vậy nên tinh lực được sung túc thì sự hóa khí trong con người được mạnh mẽ. Nhưng **vị** thái quá bất cập lại cũng có khả năng làm tổn thương đến phần **khí**. Đó là một điều tương quan biến hóa giao xen của **khí vị** mà ta cũng cần phải để ý đến nữa. Thí dụ như vị đắng quá, lạnh quá, hay cay quá, nóng quá làm cho tổn thương đến sanh khí. Cho nên đoạn kế dưới đây sẽ có câu "lửa vừa phải thì sanh khí, lửa dữ quá thì khí hao mòn", đó là câu chú thích cho đoạn này.

BÌNH

Đọc suốt từ đoạn 3 đến đây của chánh văn làm cho tôi nhớ đến câu chuyện như sau:

Thuở tôi còn nhỏ thỉnh thoảng có dịp gần gũi những người được hấp thụ tinh thần văn minh khoa học của Tây phương. Họ thường bảo nhau rằng: Trước đây hơn hai ngàn năm loài người chưa có tinh thần khoa học, không biết được mưa là từ hơi nước ở mặt đất bốc lên, nên người Trung Hoa xưa họ đều bảo nhau rằng mưa là do rồng lấy nước phun xuống v.v. Họ đàm luận rất là hào hứng. Nghe nói thế tôi rất khoái chí và luôn luôn mơ ước sẽ được hấp thụ dồi dào văn minh khoa học Tây phương, và luôn luôn trong lòng chứa đầy một mặc cảm người xưa là dốt nát mà nhất là người Trung Hoa, lại thêm bị cộng nào là chứng kiến những cuộc đảo võ trong làng, với sự nhạo báng về chữ Nho: nào là bọn mút lông mèo, bọn chi hồ giả dã, bọn thiên trời địa đất, bọn củ tỏi Hạ-châu làm cho tôi luôn luôn nhìn hạng người thế hệ trước như là một quái vật dơ bẩn. Mà không phải riêng tôi là kẻ chưa từng được bước chân vào trường văn minh khoa học; tất cả những ai hễ có bước chân đến trường học ở tỉnh, có nhiễm được ít nhiều mồ hôi Tây phương đều hiểu như tôi thế cả. Một ngày tuổi một lần lớn càng được nghe thêm tiếng tăm của tất cả phong trào Âu hóa ùn ùn nổi dậy, đa số đều cho rằng nếu không cấp bách tiến kịp theo người thì Á Đông sẽ lãnh lấy diệt vong. Đến nay tuổi đã già may được có dịp hồi tưởng suy tư nhận ra loài người đã học một bài học đích đáng phải trả giá quá đắt, và cuộc đời dốt nát của mình đối với văn minh Tây phương lại là một việc quá ư may mắn. Hú hồn hú vía! Đến ngày nay còn được đủ thời giờ để sám hối ăn năn. Và mới thấy được trí hiểu biết của hầu hết loài người đều là thứ nhìn qua không khỏi tờ giấy, giống hệt như những người đánh cờ tướng chỉ biết có một nước trước mặt mà thôi.

Gần đây được nhấp nhem học lóm chút ít chữ Nho, mới hay rằng nội một chữ "rồng" (long) của Trung Hoa mà phải mất đến non nửa đời người mới thấu hiểu được, và cổ nhơn có tinh thần khoa học hay không không còn là một đề tài hấp dẫn nữa.

Lắm lúc tôi nghĩ dại dột rằng: trước đây 6-7 ngàn năm người ta đã biết cách đặt rượu để uống, vậy thử hỏi từ cái nồi đặt rượu đầu tiên của cổ nhơn với cả một hãng rượu Bình Đông, Bình Tây trên Nam phần Việt Nam này, với cái **nồi tuần hoàn** của khoa học trong phòng thí nghiệm có liên quan gì không nhỉ?....

Có lúc tôi liên tưởng đến câu "trời tròn đất vuông" trong tất cả những sách Nho cũng như trong *Kinh Thánh*, mãi đến bây giờ vị tất đã được mấy người tỉnh giấc. Cho đến các nhà tu hành được gọi là thâm hiểu Hán Nho cũng đều bị kẹt ở chữ "rồng" mà Lục Tổ Huệ Năng có nói qua trong kinh *Pháp Bảo Đàn*, thì thật là một chuyện hết sức trớ trêu. Lại làm cho tôi liên tưởng đến hai chữ lợi hại, họa phước của câu chuyện "lão ông thất mã"(1) mà lòng mình khôn xiết ăn năn.

Có người hỏi: Như thế thì những cuộc đảo võ có hiệu quả rõ ràng như từ trước đến giờ đã từng thấy thì sao?

- Đáp: Nếu chín chắn đọc kỹ và suy tư cẩn thận từ thiên thứ nhất đến đây, tất câu hỏi ấy đã được giải quyết. Nhưng nếu chưa giải quyết được thì từ đây sắp tới hãy cẩn thận đọc kỹ toàn bộ NỘI KINH rồi sẽ tức khắc thấy ngay, không cần phải vội thắc mắc.

Đoạn 6

PHIÊN ÂM

Âm vị xuất hạ khiếu, dương khí xuất thượng khiếu. Vị hậu giả vi âm, bạc vi âm chi dương. Khí hậu giả vi dương, bạc vi dương chi âm. Vị hậu tắc tiết, bạc tắc thông. Khí bạc tắc phát tiết, hậu tắc phát nhiệt.

Tráng hỏa chi khí suy, thiếu hỏa chi khí tráng. Tráng hỏa thực khí, khí thực thiếu hỏa. Tráng hỏa tán khí, thiếu hỏa sanh khí.

DỊCH

Vị thuộc âm nên chạy xuống khiếu dưới, khí thuộc dương nên chạy lên khiếu trên. Nếu vị đậm là âm, vị lạt là dương ở trong âm; khí đậm là dương, khí lợt là âm ở trong dương. Hễ vị đậm vào cơ thể thì có khả năng bài tiết xuống bên dưới, nếu vị lạt thì

chỉ thông mà thôi, nếu khí lợt thì phát tiết lên phần trên ra phần ngoài, khí đậm thì sanh phát nóng.

Nếu hỏa quá mạnh thì khí suy, nếu hỏa vừa phải thì khí thạnh. Cho nên mới nói: Hỏa quá thạnh thì cháy hết khí, khí sanh được nhờ hỏa vừa phải. Hỏa mạnh quá tan mất phần khí, hỏa vừa phải sanh ra phần khí.

GIẢI

Đoạn này vẫn còn nối tiếp mạch văn với mấy đoạn trên để nói lên đại khái ảnh hưởng về **khí** và **vị** khi vào cơ thể con người, và cái lý âm dương thuỷ hoả phải giao nhau mới sanh biến hóa.

Nói "**vị** thuộc âm chạy xuống khiếu dưới" thí dụ như: Đại Hoàng, Sanh Địa chẳng hạn. Nói "**khí** thuộc dương chạy lên khiếu trên" như hành, tỏi chẳng hạn. Nói "vị đậm là âm, lạt là dương ở trong âm" thí dụ như Phát Tiêu là cực âm, mà Huyền Minh Phấn cũng là dòng họ Phát Tiêu nhưng rất nhẹ. Nói "khí đậm là dương, lợt là âm ở trong dương" thí dụ như Quế có quế cành và quế vỏ, quế vỏ thì đậm nóng để tăng phần nhiệt lực, còn quế cành khí lợt ít nóng, nhẹ chỉ dùng để thăng dương giải nhiệt. Bởi vậy câu kế tiếp dưới đây để giải thích cho bốn hiện tượng vừa kể trên là: "hễ vị đậm thì bài tiết, vị lợt thì thông, khí lợt thì phát tiết, khí đậm thì phát nóng".

Trọn hết câu chót đều chỉ là nói lên hiện tượng chênh lệch của Thủy và Hỏa có thể sanh khí hay có thể diệt khí. Ta cứ dựa hẳn vào một thí dụ sau đây thì rõ: Một nồi nước được lửa đun sôi thì sẽ hóa khí bốc lên biến thành một sức mạnh, do đó người ta mới áp dụng nguyên tắc này trong tất cả máy móc. Nhưng nếu nước quá nhiều không có lửa thì nước không hóa thành khí. Ngược lại nếu lửa quá nhiều, nước dần cạn đi đến khô, thì chỉ còn để lại một khoảng trống khô cháy không có khí lực, thế là lửa đốt hết khí. Lẽ này trong con người cũng ứng theo như vậy.

BÌNH

Cả đoạn này chẳng có gì là lạ, chỉ là việc trước mắt ta hằng ngày, những người nấu ăn ở mướn cũng đều có thể biết. Nhưng cũng lạ thật, nếu biết một cách chứng thực tường tận ngay ở thân tâm của mỗi người hằng ngày thì dù cho những hạng trí thức cao cấp vị tất ai ai cũng có thể biết.

Mỗi người nếu chỉ chứng thực cho được một đoạn này không thôi, thì trong cuộc sống hằng ngày cũng đã được một phần lợi ích to tát. Đây ta hãy nghiệm thử:

Về sanh hoạt nếu ta ăn uống vào mà thiếu hoạt động tay chân thì khí lực trong con người không sanh sôi được, chẳng khác nào thiếu lửa nước chẳng bốc hơi. Nhưng nếu ta hoạt động quá sức mồ hôi đầm đìa, nhiệt lực tản đi, sự tiếp tế thiếu hụt thì khí lực sẽ kiệt, chẳng khác nào lửa nhiều quá khí cháy tan mất. Đó là một cách nghiệm.

Về ăn uống nếu ta chỉ ăn thức ăn thuần có tánh lạnh, lại trong thân thiếu nhiệt lực, lẽ tất nhiên khí lực không sanh; đó là nghĩa thiếu lửa nước không hóa khí. Ngược lại nếu ta chỉ ăn thuần những vị cay nóng lại thêm trong thân gặp hồi lửa dư, hai sức nóng gặp nhau sẽ hao mòn khí lực; đó là nghĩa lửa dư nước thiếu cháy mất khí lực. Đó cũng là một cách nghiệm.

Về nấu nêm nếu ta nấu một thứ rau hoặc thịt có tánh lạnh thì phải có thứ gia vị nóng, cũng như rau hoặc thịt có tánh nóng phải nấu chung với thứ có tánh lạnh thì ăn vào mới thấy khỏe khoắn, dễ chịu, mau tiêu. Thí dụ như rau mồng tơi, mướp, bầu, bí đao v.v. khi nấu phải nêm tiêu và còn phải biết ăn đúng mùa, cũng như người đời trong bản năng vô tình họ nấu thịt vịt, thịt rùa, thịt cua đinh phải có gừng, cá trê chiên phải dầm gừng, nấu lươn phải có sả ớt v.v.; ngược lại nấu những thứ nóng như củ cải khô phải đi kèm với thứ mát như bầu, mướp v.v. vậy mà có lúc còn phải tùy thứ hoặc ăn nóng hoặc ăn nguội cho trúng cách thì khi vào cơ thể mới không để lại trở ngại hoặc đi tả, hoặc mờ mắt, hoặc bế tắc, mệt nhọc, khó tiêu v.v. và mới có thể bồi bổ cho cơ thể. Đó cũng là một cách chứng nghiệm.

Về hô hấp nếu người biết cách tĩnh tọa, điều khiển hơi thở thâm trầm tế nhị xuống đến bụng dưới, để chuyển hóa tất cả chất bổ trong bộ tiêu hóa đúng theo luật khí hóa mà bốc lên biến thành sinh lực để nuôi

dưỡng toàn thân. Đây cũng là một hiện tượng lửa nước giao nhau đúng cách mới hóa sanh khí lực. Cũng là một cách chứng nghiệm.

Sự thật là như thế ta há xem thường được sao?!

Đoạn 7

PHIÊN ÂM

Khí vị tân cam phát tán vi dương, toan khổ dũng tiết vi âm. Âm thắng tắc dương bệnh, dương thắng tắc âm bệnh, dương thắng tắc nhiệt, âm thắng tắc hàn. Trọng hàn tắc nhiệt, trọng nhiệt tắc hàn. Hàn thương hình, nhiệt thương khí, khí thương thống, hình thương thũng. Cố tiên thống nhi hậu thũng giả, khí thương hình dã. Tiên thũng nhi hậu thống giả hình thương khí dã.

DỊCH

Khí vị cay ngọt phát tán(1) là dương, chua đắng dũng tiết(2) là âm.

Âm thắng thì dương bệnh, dương thắng thì âm bệnh. Hễ dương thắng thì nóng, âm thắng thì lạnh.

Lạnh quá thì sanh phát nóng, nóng quá thì sanh phát lạnh.

Lạnh hại hình, nóng hại khí. Khí bị tổn hại làm đau nhức, hình bị tổn hại làm phù thũng.

Cho nên nếu trước đau nhức rồi sau thũng, đó là khí hại hình vậy. Nếu trước thũng rồi sau mới đau nhức là hình hại khí.

CHÚ THÍCH

(1) **Phát tán**: Để chỉ cho tác dụng của thức ăn uống hoặc thuốc men khi vào cơ thể phát ra ngoài lên trên. Thí dụ như ta ăn gừng hoặc ăn rau tía tô vào thấy rướm mồ hôi, đó là hiện tượng phát tán.

(2) **Dũng tiết**: Chữ "dũng" có nghĩa là vượt, là vọt như sự xông lên mũi mạnh quá hoặc sự mửa vọt của phản ứng các thứ ăn uống thuốc men. Chữ "tiết" có nghĩa bài tiết, đi tiêu chảy, chảy xuống dưới, ra ngoài. Mà "dũng tiết" tức là hoặc bài tiết bằng vọt lên hay thông xuống, thí dụ như khi người ta ăn nhiều me chua quá biến sanh ói mửa hoặc ỉa chảy, hoặc những người không quen ăn đắng gặp vị đắng lạnh liền biến sanh ói.

GIẢI

Đoạn này đã đi lần vào thực tế ăn uống, sanh hoạt, thuốc men hằng ngày để nói rõ **khí** và **vị** khi thái quá tất có tổn thương. Và suy luận ra đến hình và khí bị tổn thương bởi lạnh và nóng. Mà cái cơ của nó hoặc có trường hợp phần nào bệnh theo phần nấy, hoặc có phần này bệnh lây sang phần kia, mà chứng thũng và chứng đau nhức đều biến ra có hai trường hợp âm và dương.

Vả chăng hết thảy vật chất đại thể phần **khí** đều là dương, phần **vị** đều là âm. Tính phát tán của khí vốn là dương, nhưng vị cay ngọt cũng là dương mà là dương của vị. - Vị chua đắng vốn là âm, nhưng khí dũng tiết cũng là âm mà là âm của khí. Đó chính là để chỉ cho ta thấy trong khí là dương mà cũng có âm, trong vị là âm mà cũng có dương. Nên khi dùng vị chua đắng, dũng tiết đến mức thái quá tức là âm thắng. Khi âm thắng thì phần dương trong người không thể chống lại, làm cho phần dương phải sanh bệnh.

Dùng vị cay ngọt, phát tán đến mức thái quá thì dương thắng. Dương thắng thì phần âm trong ta không thể chống lại, làm cho phần âm sanh bệnh.

Vả chăng khi dương thắng thì nóng quá, lẽ tất nhiên phần âm phải bị bệnh; cũng như âm thắng thì dương phải bị bệnh. Hai trường hợp ấy đồng một lẽ.

Âm thắng là lạnh, nếu lạnh quá nhiễm vào lâu ngày phải phát sanh triệu chứng nóng. Ví như mùa Đông cảm nhiễm khí lạnh quá đến sang Xuân phát sanh bệnh ôn, mùa Xuân cảm nhiễm khí gió sang Hạ phát sanh bệnh nhiệt; như thế không phải lạnh quá biến nóng đó sao?

Dương thắng thì nóng, nếu nóng tiềm phục lâu ngày phải sanh triệu chứng lạnh. Ví như các loại bệnh nóng quá trái lại có triệu chứng lạnh run. Như mùa Hạ cảm nhiễm khí thử sang Thu phát sanh sốt rét.

Phàm nói lạnh nóng đây đều thuộc về cảm giác phản ứng của triệu chứng trong con người.

Đoạn dưới đây có nói: "âm nặng thì dương, dương nặng thì âm" cũng tương tự như vậy.

Không những thế thôi, đại phàm cái lạnh cái nóng của khí trời của vật chất ăn uống đều có thể làm cho ta sanh bệnh.

Khi khí lạnh có thể hại thân hình ta, chính vì lạnh là âm mà thân hình cũng thuộc âm. Lạnh thì khí thâu liễm mới làm cho hình bị tổn thương. Bởi vậy trên đoạn 2 mới nói "âm thành hình".

Nóng có thể hại đến phần khí trong thân, vì nóng là dương mà khí cũng thuộc dương. Nóng quá thì khí tán nên khí phải bị bệnh. Bởi vậy trên đoạn 2 mới nói "dương hóa khí".

Vả chăng chỉ có nóng mới hại khí, thế thì khí bị hại phát sanh đau nhức, tức là trường hợp đau nhức thuộc về hỏa. Cũng như chỉ có lạnh mới hại đến hình, khi hình bị tổn hại thì thũng mới sanh, đó là nghĩa của thũng do lạnh. Nhưng thũng và đau nhức lại còn có cơ làm nhân duyên lẫn nhau nữa. Trước có đau nhức như thế rồi sau mới phát thũng, đó là vì khí trước bị tổn thương mà lây đến hình, tức là nghĩa của trường hợp thũng do nóng. Trước có thũng rồi sau làm đau nhức, đó là vì hình trước bị tổn thương mà khí cũng bị bệnh lây, tức là nghĩa của trường hợp đau nhức do lạnh.

Hình thiếu khí không sung túc, khí thiếu hình không sanh được.

Hình khí lẫn nhau nương tựa, nên bệnh cũng làm nhân duyên lẫn nhau như thế.

BÌNH

Trong cả đoạn này không ngoài bốn điểm:

1. Khí vị âm dương thái quá chệnh lệch làm bệnh.

2. Có những trường hợp bệnh với chứng âm dương ngược nhau.

3. Lạnh hại đến hình làm thũng, nóng hại đến khí làm đau nhức.

4. Có khi bệnh ở khí lây sang hình, hoặc bệnh ở hình mà lây sang khí, để cho chứng thũng và chứng đau nhức có phân âm dương.

Đoạn 8

PHIÊN ÂM

Phong thắng tắc động, nhiệt thắng tắc thũng, táo thắng tắc càn, hàn thắng tắc phù, thấp thắng tắc nhụ tiết.

DỊCH

Hễ phong thắng thì có triệu chứng động, hễ nóng thắng thì có triệu chứng sưng sốt, u nhọt làm mủ, hễ ráo thắng thì có triệu chứng khô, lạnh thắng thì có triệu chứng phù thũng, thấp thắng thì có triệu chứng đi tiêu chảy.

GIẢI

Đây vẫn nối tiếp đoạn trên nói về sự tổn thương của lạnh nóng mà suy rộng ra đến phong, đến thấp khi nhiễm vào con người mỗi thứ có một triệu chứng riêng.

Đại khái hễ phong mạnh thì có triệu chứng động, nóng quá thì có triệu chứng sưng sốt u nhọt, ráo quá thì có triệu chứng khô, lạnh quá thì biến sanh phù thũng, thấp thái quá thì biến sanh ỉa chảy đại loại phải vậy. Nhưng có điều ta nên nhớ kỹ, sở dĩ có năm thứ triệu chứng vừa kể là vì có quan hệ đến hệ thống của năm tạng. Phong thì thuộc Gan, nóng thuộc Tim, ráo thuộc Phổi, lạnh thuộc Thận, thấp thuộc Tỳ để sau này đi vào tế nhị khỏi bị sai lạc.

Với câu "lạnh quá thì biến sanh phù thũng" tức là nghĩa trong những bệnh phù thũng có những trường hợp do lạnh mà sanh, chứ không phải tất cả những trường hợp phù thũng đều do lạnh. Ta hãy hiểu một cách cẩn thận đừng lầm lẫn.

Còn về nghĩa của câu "phong mạnh thì có triệu chứng động" ở những thiên trước đã có giải thích, đây khỏi phải bàn thêm.

Đoạn 9

PHIÊN ÂM

Thiên hữu tứ thời ngũ hành, dĩ sanh trưởng thâu tàng, dĩ sanh hàn thử táo thấp phong.

Nhơn hữu ngũ tạng hóa ngũ khí, dĩ sanh hỉ nộ bi ưu khủng, cố hỉ nộ thương khí, hàn thử thương hình. Bạo nộ thương âm, bạo hỉ thương dương, khuyết khí thượng hành, mãn mạch khứ hình. Hỷ nộ bất tiết, hàn thử quá độ, sanh nãi bất cố. Cố trọng âm tất dương, trọng dương tất âm. Cố viết Đông thương vu hàn, Xuân tất bệnh ôn, Xuân thương vu phong, Hạ sanh xan tiết, Hạ thương vu thử, Thu tất hải ngược, Thu thương vu thấp, Đông sanh khái thấu.

DỊCH

Ngoài trời có bốn mùa, năm hành để tạo thành cho vạn vật có bốn hiện tượng: sanh, trưởng, thâu, tàng và sanh ra khí hậu có lạnh, nồng, ráo, ẩm, gió.

Con người có năm tạng biến hóa ra năm hiện tượng thần khí(1), nên mới có sanh ra mừng, giận, buồn, lo và e ngại. Cho nên mừng, giận, v.v. đều có tổn hại đến thần khí, còn lạnh, nồng, ráo, ẩm, gió thì hại đến phần hình.

Đột ngột giận quá hại phần âm, vui mừng quá hại phần dương, khí huyết nghịch đổ dồn lên trên, mạch tràn đầy thì phải chạy ra hình.

Mừng, giận, buồn, lo, e ngại không chừng với lạnh, nồng, ráo, ẩm, gió xâm phạm quá độ thì kiếp sống không được bền vững.

Cho nên quá âm phải biến dương, quá dương phải biến âm.

Nên nói: mùa Đông bị cảm nhiễm khí lạnh tiềm phục trong thân sang Xuân phải bị ôn. Mùa Xuân bị cảm nhiễm khí gió tiềm phục trong thân để sang Hạ sẽ sanh ra bệnh ỉa chảy. Mùa Hạ bị cảm nhiễm khí thử nóng nồng tiềm phục trong thân đến sang Thu phải sanh bệnh sốt rét. Mùa Thu bị cảm nhiễm khí ẩm thấp tiềm phục trong thân đến sang Đông phải phát sanh ho hen.

CHÚ THÍCH

(1) **Thần khí**: Con người là một dàn máy; Tim, Gan, Tỳ, Thận, Phổi là năm bộ phận quan trọng nhất ở bên trong. Mỗi một tạng đều có một hiện tượng tác dụng tinh thần khi thường cũng như khi biến, để cộng với tác dụng thần kinh hệ mà cấu kết thành guồng máy tâm thức. Hiện tượng tác dụng tinh thần ấy gọi là "thần khí".

GIẢI

Đoạn này vẫn còn tiếp tục với đoạn trên để nói lên sự mất tương ưng với khí hậu, và lại mở thêm một lối mất quân bình trên tinh thần, tạo thành hai hệ thống bệnh tật cho cơ thể là ngoại cảm và nội thương, để minh chứng cho tâm với vật vốn không phải hai mà cũng không phải một.

Xuân, Hạ, Thu, Đông là bốn mùa của năm. Sanh, trưởng, thâu, tàng là bốn hiện tượng đáp ứng của vật với bốn mùa. - Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ là Xuân, Hạ, Thu, Đông biến hóa mà sanh. Lạnh, nồng, ráo, ẩm, gió là khí của năm hành.

Sau này có lúc nói nhiều về năm hành biến sanh sáu khí, nhưng ở đây chỉ nói năm khí là tại sao? - Đáp: Nóng và nồng (nhiệt với thử) trên tướng là hai nhưng gốc không phải khác, luận giả chỉ dùng một chữ nhưng trong đó vẫn ngụ hai ý nghĩa, đây là phép dùng ý ngoài lời để cho thấy hệ thống chặt chẽ. Và đây chỉ mới lại phần ngoại cảnh.

Mừng, giận, buồn, lo và e ngại là năm loại hiện tượng biến động của tánh tình con người, là sự biến hóa của thần khí trong năm tạng, là phần nội tâm.

Sống là giao thiệp, hoặc giao thiệp với khí hậu, hoặc giao thiệp với vật chất ăn uống, hoặc giao thiệp với người. Trong giao thiệp có những hồi biến động, cho nên mới nói "Mừng, giận, buồn, lo và e ngại thì hại về phần thần khí. Còn lạnh, nồng, ráo, ẩm, gió thì hại về phần hình hài". Nhưng khi thần khí bị tổn hại thì hình hài cũng bị tổn hại theo, cũng như khi hình hài bị tổn hại thì thần khí cũng bị tổn hại theo. Nếu nói một cách khác hơn tức là tâm bệnh thì thân bệnh theo, hoặc thân bệnh thì tâm bị bệnh theo. Hay nói một cách khác lòng buồn sanh bệnh, bệnh sanh lòng buồn.

Thật là:

Chị Hai đau bụng tăn hăn,

Anh Tám nóng giận nằm lăn mệt đừ.

Tạng phủ có âm dương thì sự biến động trên tánh tình cũng có phân âm dương. Gan là tạng dương ở trong âm vì Gan nằm dưới chẽn vừng lệch về trước hông phải, và Gan khi biến động là giận; cho nên đột ngột giận quá có hại đến phần âm.

Tim là tạng thuộc dương ở trong dương, hơn nữa Tim nằm trên chẽn vừng, lệch về trước ngực bên trái, biến động của nó là vui mừng; cho nên đột ngột vui mừng quá thì bị tổn hại về phần dương.

Tác dụng của vui mừng là trương dãn, tác dụng của giận dữ là bung vọt. Do đó mà khí huyết đều bị đổ dồn lên trên, bên dưới vít lại cho nên gọi là khí khuyết. - Khi các mạch bên trên bị căng đầy thì phải tràn lan ra hình hài.

Bởi vậy nếu tánh tình thường biến động đột ngột không chừng, xâm phạm thời tiết quá độ đều là nguyên nhân làm cho cuộc sống không thể bền vững.

Về sự cảm nhiễm khí hậu thời tiết phát sanh bệnh tật, hễ nhiễm khí lạnh nặng quá thì phải biến sanh phát nóng, cũng như cảm nhiễm khí nóng quá phải phát sanh có triệu chứng cảm giác lạnh. Vì thế nên mùa Đông bị cảm nhiễm khí lạnh tiềm phục, sang Xuân phải sanh bệnh ôn. Cũng như mùa Xuân bị cảm nhiễm khí gió nếu tiềm phục sang Hạ phải phát sanh ỉa chảy. Mùa Hạ bị cảm nhiễm khí thử nếu tiềm phục sang Thu sẽ phát sanh sốt rét. Mùa Thu bị cảm nhiễm khí thấp nếu tiềm phục thì sang Đông phải ho hen. Như thế đều là triệu chứng "âm nặng thì hiện dương, dương nặng thì hiện âm".

PHỤ LỤC

Viết xong 9 đoạn mở đầu cho thiên này tôi vẫn thấy chưa được yên lòng, sợ độc giả khó bề nắm trọn ý tứ. Vì sao thế? Vì văn viết theo thể nói mà ý tứ giao xen, ngôn ngữ trùng điệp, biến thường lẫn lộn, diễn kết không rõ ràng. Không biết là bởi chỉ tại viết theo thể nói hay vì sao chép nhiều đời mà trở nên sơ sót lộn lạo.

Về hai nhà chú thích thì Trương Ẩn Am theo câu mà chú thích, còn

Mã Nguyên Đài lại chia làm 9 đoạn. Nhưng người đọc vẫn dễ thấy rối rắm khó phân, và phần chiều sâu sẽ bị ẩn khuất.

Theo tôi thì 9 đoạn này chỉ là một đoạn. Nếu ý cứ theo bao nhiêu chữ ấy mà sắp đặt lại cho có thứ tự đúng theo ý của luận giả muốn nói, thì người đọc sẽ được nhận hiểu một cách dễ dàng hơn. Vậy nên phụ lục theo đây thử sắp đặt lại làm 10 tiết để phiên dịch, chú giải và bình luận chung thì sẽ thấy ý nghĩa sáng tỏ:

CHÁNH VĂN

1. Huỳnh Đế viết: Âm dương giả thiên địa chi đạo dã, vạn vật chi cương kỷ, biến hóa chi phụ mẫu, sanh sát chi bổn thỉ, thần minh chi phủ dã.

Cố tích dương vi thiên, tích âm vi địa. Âm tĩnh dương tháo, dương sanh âm trưởng, dương sát âm tàng, dương hóa khí âm thành hình.

Cố thanh dương vi thiên, trược âm vi địa. Địa khí thượng vi vân, thiên khí hạ vi vũ. Vũ xuất địa khí, vân xuất thiên khí.

Thiên hữu tứ thời ngũ hành, dĩ sanh trưởng thâu tàng, dĩ sanh hàn thử táo thấp phong.

2. Cố thanh dương xuất thượng khiếu, trược âm xuất hạ khiếu. Thanh dương phát tấu lý, trược âm tẩu ngũ tạng. Thanh dương thiệt tứ chi trược âm qui lục phủ.

3. Thủy vi âm, hỏa vi dương. Dương vi khí, âm vi vị. Vị qui hình, hình qui khí, khí qui tinh, tinh qui hóa. Tinh thực khí, hình thực vị. Hóa sanh tinh, khí sanh hình. Tinh hóa vi khí.

Âm vị xuất hạ khiếu, dương khí xuất thượng khiếu. Vị hậu giả vi âm, bạc vi âm chi dương. Khí hậu giả vi dương, bạc vi dương chi âm.

4. Vị hậu tắc tiết, bạc tắc thông. Khí bạc tắc phát tiết, khí hậu tắc

phát nhiệt.

Tráng hỏa chi khí suy, thiếu hỏa chi khí tráng. Tráng hỏa thực khí, khí thực thiếu hỏa. Tráng hỏa tán khí, thiếu hỏa sanh khí.

Khí vị tân cam phát tán vi dương, toan khổ dũng tiết vi âm. Âm thắng tắc dương bệnh, dương thắng tắc âm bệnh. Dương thắng tắc nhiệt, âm thắng tắc hàn. Vị thương hình, khí thương tinh, khí diệc thương vu vị.

5. Hàn thương hình, nhiệt thương khí, khí thương sanh thống, hình thương sanh thũng.

Tiên thống nhi hậu thũng giả, khí thương hình dã. Tiên thũng nhi hậu thống giả, hình thương khí dã.

Phong thắng tắc động, nhiệt thắng tắc thũng, táo thắng tắc càn, hàn thắng tắc phù, thấp thắng tắc nhụ tiết.

6. Hàn khí sanh trược, nhiệt khí sanh thanh. Nhược thanh khí tại hạ tắc sanh xan tiết, trược khí tại thượng tắc sanh điền trướng; Thử âm dương phản tác, bệnh chi tùng ng- hịch dã.

7. Hàn cực sanh nhiệt, nhiệt cực sanh hàn. Trọng hàn tắc nhiệt, trọng nhiệt tắc hàn. Trọng âm tắc dương, trọng dương tắc âm. Cố viết: Đông thương vu hàn Xuân tất bệnh ôn, Xuân thương vu phong Hạ sanh xan tiết, Hạ thương vu thử Thu tất hải ngược, Thu thương vu thấp Đông sanh khái thấu.

8. Nhơn hữu ngũ tạng hóa sanh ngũ khí, dĩ sanh hỉ nộ bi ưu khủng. Cố hỉ nộ thương khí, hàn thử thương hình. Bạo nộ thương âm, bạo hỉ thương dương, khuyết khí thượng hành, mãn mạch khứ hình.

9. Hỉ nộ bất tiết, hàn thử quá độ, sanh nãi bất cố.

10. Thị cố dục trị kỳ bệnh tất cầu kỳ bổn dã.

DỊCH

1. Huỳnh Đế nói: Âm dương là việc thường của trời đất, là giềng mối suốt vạn vật, là gốc gác của lẽ biến hóa, là nguồn cội của tướng sanh diệt, là nơi để cho sự linh diệu hiển bày.

Cho nên súc tích phần dương làm trời, súc tích phần âm làm đất. Âm thì tĩnh, dương thì động. Dương thì sanh, âm thì trưởng. Dương làm khô héo, âm để chứa dấu. Dương hóa khí, âm thành hình.

Cho nên phần thanh dương làm trời, phần trược âm làm đất. Khí đất bốc lên làm mây, mây đọng lại thành khí trời, khí trời ngưng đọng thành nước rơi xuống làm mưa. Thế là mưa xuất phát từ mặt đất, mây xuất phát từ khí trời.

Trời có bốn mùa năm hành để tạo thành cho vạn vật có bốn hiện tượng: sanh, trưởng, thâu, tàng và sanh ra khí hậu có lạnh, nồng, ráo, ẩm, gió.

2. Trong con người cũng vậy. Cho nên phần thanh dương phát ra ở khiếu trên, phần trược âm phát ra ở khiếu dưới. Nếu là âm dương ở trong âm thì phần thanh dương phát ra ở tấu lý, phần trược âm chạy về năm tạng. Nếu là âm dương ở trong dương thì thanh dương làm sung thiệt cho tứ chi, phần trược âm qui về sáu phủ.

3. Thủy là âm, Hỏa là dương. Dương là khí, âm là vị. Vị qui về hình, hình qui về khí, khí qui về tinh, tinh qui về biến hóa. Tinh nhờ khí, hình nhờ vị. Có biến hóa mới sanh tinh, có khí hình mới sống. Nhưng tinh lại có khả năng hóa làm khí.

Vị thuộc âm nên chạy xuống khiếu dưới, khí thuộc dương nên chạy lên khiếu trên. Nếu vị đậm là âm, vị lạt là dương ở trong âm; khí đậm là dương, khí lợt là âm ở trong dương.

4. Hễ vị đậm vào cơ thể thì có khả năng bài tiết xuống bên dưới, nếu vị lạt thì chỉ thông mà thôi; nếu khí lợt thì phát tiết lên phần trên ra bên ngoài, khí đậm thì sanh phát nóng.

Nếu Hỏa quá mạnh thì khí suy, nếu Hỏa vừa phải thì khí thạnh. Cho nên mới nói: Hỏa quá thạnh thì cháy hết khí, khí sanh được nhờ Hỏa vừa phải. Hỏa mạnh quá tan mất phần khí. Hỏa vừa phải sanh ra phần khí.

Khí vị cay ngọt phát tán là dương, chua đắng dũng tiết là âm. Âm thắng thì dương bệnh, dương thắng thì âm bệnh. Hễ dương thắng thì nóng, âm thắng thì lạnh. Vị hại hình, khí hại tinh. Nhưng vị cũng làm hại đến khí.

5. Lạnh hại hình, nóng hại khí. Khí bị tổn hại làm đau nhức, hình bị tổn hại làm phù thũng.

Trước đau nhức rồi sau thũng, là khí hại đến hình. Trước thũng rồi sau làm đau nhức, là hình hại đến khí.

Hễ phong thắng thì có triệu chứng động, nóng thắng thì có triệu chứng u nhọt sưng sốt làm mủ, ráo thắng thì có triệu chứng khô, lạnh thắng thì có triệu chứng phù thũng. Thấp thắng thì có triệu chứng đi tiêu chảy.

6. Khí lạnh sanh phần trược, khí nóng sanh phần thanh. Khí thanh ở dưới thì sanh ra đi tiêu rót phân sống, khí trược ở trên thì sanh ra đầy dẫy. Đó là phản tác dụng của âm dương, là hiện tượng thuận nghịch của bệnh tật.

7. Lạnh cực thì nóng, nóng cực thì sanh lạnh. Quá âm phải biến dương, quá dương phải biến âm. Nên nói: mùa Đông bị cảm nhiễm khí lạnh tiềm phục trong thân, sang Xuân phải bị bệnh ôn. Mùa Xuân bị cảm nhiễm khí gió tiềm phục trong thân, sang Hạ sẽ sanh ỉa chảy. Mùa Hạ bị cảm nhiễm khí thử nóng nồng tiềm phục trong thân, sang Thu phải sanh sốt rét. Mùa Thu bị cảm nhiễm khí ẩm thấp tiềm phục trong thân, đến sang Đông phải phát sanh ho hen.

8. Con người có năm tạng biến hóa ra năm hiện tượng thần khí, nên mới có sanh ra mừng, giận, buồn, lo và e ngại.

Cho nên mừng, giận v.v. đều có tổn hại đến thần khí; còn lạnh, nồng, ráo, ẩm, gió thì hại đến phần hình hài.

Đột ngột giận quá hại phần âm, vui mừng quá độ hại phần dương, khí khuyết nghịch đổ dồn lên trên, mạch tràn đầy thì phải chạy ra hình.

9. Mừng, giận, buồn, lo, e ngại không chế ngự được; với lạnh, nồng, ráo, ẩm, gió xâm phạm quá độ thì kiếp sống không được bền vững.

10. Cho nên muốn điều chỉnh bệnh tật, đau khổ thì phải khám phá đến tận nguồn gốc.

GIẢI

1- Nhìn vào thứ tự 10 tiết sắp đặt lại trên đây, ta thấy tiết thứ nhất diễn tả sự vận hành của trời đất, lý biến hóa của âm dương, trật tự của thời tiết, trong vạn vật không vật nào vượt ra ngoài. Trong biến hóa ấy có thực vật, có khoáng chất, tất có động vật.

Hễ có âm dương là có tướng, có tướng thì có sanh diệt, có sanh diệt thì có nhân quả.

Trong động vật có ẩn một ý nghĩa quan hệ là có con người.

2- Đến tiết thứ hai đem trời đất đặt vào con người.

3- Tiết thứ ba đem Thủy Hỏa, âm dương đặt vào khí vị, và sự thâu nhận khí vị vào con người, cách biến hóa theo nhẹ nặng đem so sánh với lý trời đất mây mưa để cho thấy rõ nghĩa "nhơn thân tiểu thiên địa"

4- Tiết thứ tư nói rõ về sự biến hóa thái quá bất cập của khí vị ăn uống để gây thành tai hại.

5- Tiết thứ năm nói về con người tiếp xúc với khí hậu, sự cảm ứng mất bình thường chênh lệch biến động mà sanh ra bệnh hình hay bệnh khí và chứng thũng, chứng đau nhức đều có phân âm dương.

6- Tiết thứ sáu nói về phản tác dụng âm dương trong con người.

7- Tiết thứ bảy nói về cảm giác phản ứng trên triệu chứng ngược với bệnh trong trường hợp bệnh do khí hậu thời tiết.

8- Tiết thứ tám ẩn ý nối liền nghĩa con người là một động vật khởi tự tiết đầu, để nói lên động vật thuộc về hữu tình. Cho nên thêm một nẻo bệnh tật về tâm lý.

9- Đến tiết thứ chín để kết cho ta thấy rằng cuộc sống là tương giao, bệnh tật là một thứ hậu quả mất quân bình hoặc do thời tiết, ăn uống, sanh hoạt, hoặc bởi tâm lý đảo điên để gây thành một cuộc sống đau khổ, biến loạn, chòng chành, không vững.

10- Tiết mười là tiết để kết thúc muốn thoát ly bệnh tật đau khổ, loạn lạc, đổ vỡ thì phải tìm đến tận nguồn gốc.

Nhìn suốt 10 tiết trên, và nhớ lại tự thiên đầu đến giờ ta mang máng nhận ra ý ngoài lời như cổ nhơn muốn trao cho ta một thứ thước vạn năng, mà trước khi nhận ta phải là người chín chắn thật học. Tuy không nói thẳng ra lời nhưng bên trong vẫn hàm chứa một phương pháp giải quyết trọn vẹn cho sự rối loạn của toàn thế giới loài người ngày nay, mà xưa nay độc giả không mấy ai nhận thấy.

Về nghĩa bệnh lạnh có triệu chứng nóng, bệnh nóng có triệu chứng lạnh trong những trường hợp cảm nhiễm khí hậu thời tiết thì trong chánh văn lại tự giải thích bằng khí tiềm phục của bốn mùa. Chỗ này bắt ta phải liên tưởng đến trường hợp bị cảm nhiễm khí lạnh phản ứng sanh bệnh ngay lúc đó, cũng vẫn có triệu chứng ngược lại thì sao? (Nghĩa là lý do nào mà tất cả bệnh Thương Hàn (cảm khí lạnh phát liền) đều phát nóng, cũng như khí tiềm phục cách mùa phát ra triệu chứng ngược lại). Điều này người đọc phải tự dụng lực làm việc.

Nếu ta thận trọng tận tự thiên đầu đến giờ về luật ly tâm hướng tâm của quả đất xoay vần theo bốn mùa, hợp với trật tự của năm tạng. Tạng nào quan trọng, tạng nào kém quan trọng thì đến đây ta đã lưu thông. Nhưng nếu muốn thâm nhập vào chi tiết, sau này sẽ rõ.

Về biến động trên tánh tình sanh ra bệnh tật, mỗi phần mỗi tạng nhất nhất đều có nghĩa lý của nó. Nhưng cũng trong chánh văn chỉ giải thích hai phần mừng và giận mà thôi. Về sự giải thích chỉ nói qua về khí khuyết nghịch. Như vậy sau này tất có nói rõ thêm, tuy nhiên nếu học mà ỷ lại vào sự lập sẵn của người khác như thế quyết định không phải có phần của mình. Thế là chỗ này cổ nhơn nhớm lên một gốc gợi ý, để cho mỗi người tự chứng nghiệm lấy ngay những lúc biến động của lòng mình, rồi lần lượt tiến dần thì sự học mới có kết quả.

Ai có ngờ đâu, một người đàn bà đang có kinh khi xem diễn kịch vui cười thái quá đến ngã lăn ra chết? (Câu chuyện xảy ra ở Nhật) Sau khi giải phẫu khám nghiệm thấy được trong trái tim người ấy bị dãn ra và tuần hoàn của máu bị đình đốn.

Hai người đang khiêng một vật nặng, bị người ngoài chọc cười ngất, lập tức sức mạnh bị mất đi, phải buông xuội xuống: Cái đó là cái gì? Tại sao?

Ai có ngờ đâu, một người tính hay nóng giận, qua một cơn nóng giận quá độ đến nỗi ói máu, hông sườn bên phải ngăn đầy, ngã lăn ra ngất xỉu, từ đó lần hồi tiến sâu vào bệnh lớn Tim và khóe mắt phát sanh màng thịt. Vậy cái đó là cái gì? Tại sao?

Cả hai trường hợp kể trên có dính dấp gì với bốn chữ "khí huyết đi nghịch" của chánh văn không? Mỗi người phải tự làm việc lấy.

Nếu nhìn bằng con mắt Dịch lý thì trật tự thiên nhiên, âm dương, khí hậu bốn mùa là Tài thiên; địa cầu, vạn vật là Tài địa; tương giao tiếp xúc, hiểu biết lanh lợi hơn hết, phản ứng biến động là Tài nhơn. Thế là Tam tài trong trời đất.

Hô hấp tiếp xúc phần khí là Tài thiên; ăn uống, vật chất, hình hài là Tài địa; động dụng, phản ứng, giao thiệp trên tinh thần là Tài nhơn. Thế là thâu Tam tài trong con người.

Không có con người không thành vấn đề, thế là câu chuyện này chính là câu chuyện của con người, của chính mình, của Tài nhơn. Thế là

Tài nhơn là phần quan trọng nhất. Như vậy cả 10 tiết trên là chuẩn bị khai thác sâu rộng vào nghĩa **Tam tài** và **nhơn thân tiểu thiên địa**, để cho Tài nhơn được nhận ra vui khổ bởi mình, trị loạn không phải từ đâu đến. Độc giả hãy chuẩn bị.

BÌNH

Bao la là cái gì? Vũ trụ vạn hữu là cái gì? Trật tự thiên nhiên là cái gì? Mình là cái gì? Mình đứng đâu đây? Sống là cái gì? Ý nghĩa của cuộc sống ở đâu? Có thể dự biết trước hậu quả cuộc sống hằng ngày của chính mình không? Ai chịu trách nhiệm?

Nếu một người giải quyết dứt khoát thông suốt những nghi vấn trên thì đời sống của người ấy ra sao? Nếu toàn cả nhân loại thế giới ngày nay đều lưu ý thông qua được những nghi vấn trên thì thế giới này sẽ ra sao?

Nếu học NỘI KINH mà không nhắm vào những nghi vấn trên để giải quyết thì sẽ ra thứ gì? Tốt hơn là đốt đi hoặc đừng thèm học.

Nếu NỘI KINH không giúp cho ta giải quyết tất cả những nghi vấn trên thì cần gì phải lưu ý, đọc sách khác còn hơn.

Ta muốn gì đây?

Có người nói: Tổ Đạt Mạ nói "Ba cõi lăng xăng đồng về một tâm, Phật trước Phật sau chỉ lấy tâm truyền tâm, chẳng lập văn tự". Nay ta đàm luận tràng giang đại hải như thế này thì sao?

Đáp: Thế là không hiểu gì hết về chữ "cơ". Nếu mỗi người không bị lượn sóng vật chất nó vồ nuốt, cũng không bị sợi dây trân chính trị kinh tế nó mắc thẳng vào mình để luôn luôn phải chạy theo nó, thì tinh thần NỘI KINH cũng bằng thừa. Thế mới biết bệnh nào thuốc nấy.

Đoạn 10

PHIÊN ÂM

Huỳnh Đế viết: Dư văn thượng cổ thánh nhơn, luận lý nhơn hình, liệt biệt tạng phủ, đoan lạc kinh mạch, hội thông lục hợp, các tùng kỳ kinh, khí huyệt sở phát, các hữu xứ danh, khê cốc thuộc cốt, giai hữu sở khởi, phân bộ nghịch tùng, các hữu điều lý, tứ thời âm dương, tận hữu kinh kỷ, ngoại nội chi ứng, giai hữu biểu lý, kỳ tín nhiên hồ?

DỊCH

Huỳnh Đế hỏi: Trẫm nghe thánh nhơn thời thượng cổ giảng luận về thân hình của con người, chỉ rõ tạng phủ, mối mang kinh mạch, bên trong đều thông đồng với bao la bên ngoài, đâu có đường nấy, những khí huyệt(1) phát ra đều có chỗ, có tên, huyệt Khê, huyệt Cốc mắc liền với xương đều có chỗ khởi, phân từng khu vực, chỗ nghịch chỗ thuận đều có lớp lang, bốn mùa âm dương, hết thẩy đều có giềng mối, ngoài trong ứng nhau đều có biểu lý có phải đúng vậy không?

CHÚ THÍCH

(1) **Khí huyệt**: Chữ "khí" có nghĩa là khí lực, điện lực; chữ "huyệt" có nghĩa là lỗ hở, sâu thẳm. Hai chữ "khí huyệt" ở đây là để chỉ cho những điểm do tác dụng của điện tuyến (kinh lạc) trong con người thở ra mặt da, mà có quan hệ sâu thẳm tận đến tạng phủ. Có thể dùng để áp dụng vào phép châm cứu và chữa bệnh.

GIẢI

Đại ý Huỳnh Đế muốn nói: nghe người xưa nói trong khung cảnh đồng nhất trật tự tương quan biến hóa của thiên nhiên, con người vẫn là một tướng hội tụ của bao la mà trong đó cũng vẫn đầy đủ trật tự lớp lang có phải đúng vậy không?

BÌNH

Căn cứ vào ý tứ của toàn câu hỏi, nếu ở thời điểm Huỳnh Đế nhìn ngược về thượng cổ quả có những việc như vậy. Như thế chúng ta nên cho thời đại ấy là văn minh hay dã man?

Trong cuộc thầy trò đàm luận luôn nhắc tới thánh nhơn, hoặc nói: thánh nhơn thời thượng cổ v.v. Như thế nghĩa là sao? – Tức là thánh nhơn thượng cổ đã sống lại và đột nhập vào con người của Huỳnh Đế và Kỳ Bá rồi đó.

Giờ đây ta lại ngược dòng nhìn về thời Huỳnh Đế, Kỳ Bá ta cũng bảo thánh nhơn thời thượng cổ v.v. Như thế nghĩa là gì? – Nghĩa là Huỳnh Đế, Kỳ Bá đã sống lại trong lòng ta; và biết đâu mấy mươi đời sau, hoặc vô số đời sau con cháu ta lại không bảo nhau mà gọi chúng ta là thánh nhơn thời thượng cổ?! Như thế cũng là ta đã sống lại trong con cháu ta. Thế nghĩa là gì? – Nghĩa là biển đời này bao giờ chúng sanh còn mê muội là luôn luôn vẫn còn có mặt thánh hiền. Thánh hiền luôn luôn ở sát với ta, chỉ có chúng ta có tự ngăn cách mình với thánh hiền hay không mà thôi. NỘI KINH đã bảo vậy. Đây cũng là một cách mồi đèn không có tướng (truyền đăng). Nếu chúng ta biết đào sâu ý nghĩa này, thì ta sẽ thấy ta với thánh hiền không hai vậy.

Đoạn 11

PHIÊN ÂM

Kỳ Bá đối viết: Đông phương sanh phong, phong sanh mộc, mộc sanh toan, toan sanh can, can sanh cân, cân sanh tâm, can chủ mục.

Kỳ tại thiên vi huyền, tại nhơn vi đạo, tại địa vi hóa. Hóa sanh ngũ vị, đạo sanh trí, huyền sanh thần.

Thần tại thiên vi phong, tại địa vi mộc, tại thể vi cân, tại tạng vi can, tại sắc vi thương, tại âm vi dốc, tại thinh vi hô, tại biến động vi ốc, tại khiếu vi mục, tại vị vi toan, tại chí vi nộ. Nộ thương can, bi thắng nộ. Phong thương cân, táo thắng phong. Toan

thương cân, tân thắng toan.

DỊCH

Kỳ Bá thưa: Phương Đông sanh ra gió, gió sanh ra cây, cây sanh ra vị chua, vị chua nuôi dưỡng cho Gan, Gan sanh ra gân, gân sanh ra Tim, Gan chủ về con mắt.

Ở trời là huyền(1), ở người là đạo(2), ở đất là biến hóa, hóa sanh năm vị, đạo sanh trí(3), huyền sanh thần.

Thần ở trời là gió, ở đất là cây, ở cơ thể là gân, ở tạng là Gan, ở màu sắc là xanh da trời, ở âm là âm Dốc, ở tiếng là tiếng hô tiếng nạt, ở biến động là gồng nắm lại, ở khiếu là mắt, ở vị là chua, ở biến động tâm lý là giận.

Giận thì hại Gan, từ bi chế lại giận. Gió thì hại gân nhưng ráo chế lại gió. Chua quá thì hại gân nhưng cay có thể chế lại chua.

CHÚ THÍCH

(1) **Huyền**: sâu thẳm, sâu xa, vi diệu cũng có nghĩa là đen, là mầu nhiệm.

(2) **Đạo**: ở đây nghĩa là hiểu biết.

(3) **Trí**: nghĩa là phân biệt.

GIẢI

Đại ý đoạn này diễn rộng nghĩa Tam tài; ngoài trời đất thông suốt với bao la, trong thấu suốt đến cơ thể đều có mặt Tam tài để chuyển tiếp với 10 đoạn trên; vừa nương ý của Huỳnh Đế mà cũng vừa trả lời câu hỏi.

Ta ở trên quả địa cầu này nhìn ra thì phương Đông là phương khởi

đầu của cái động, là hướng mặt trời lên, mà gió là hiện tượng không khí di động bởi sức hấp dẫn của hai khí nóng và lạnh; cho nên nói "phương Đông sanh gió".

Nếu quả thật hư không tuyệt đối im lặng thì quyết định không có gió và thảo mộc cũng không lấy đâu mà sanh; đó là nghĩa "gió sanh ra thảo mộc".

Trong tất cả các loài thảo mộc, cành lá hoa quả thường có vị chua, và loài thảo mộc dễ dùng để ủ cho biến hóa thành vị chua như các thứ dưa chua, nên gọi là "loài thảo mộc sanh ra vị chua".

Con người ăn chua vào, trước ảnh hưởng thẳng vào Gan, rồi mới đến tạng khác; đó là nghĩa "chua nuôi dưỡng cho Gan".

Tất cả gân trong cơ thể đều thuộc về tạng Gan, đều từ Gan mà sanh trưởng, nên nói là "Gan sanh gân".

Tất cả tổ chức dẻo dai của Tim đều bằng tế bào gân, đại động mạch đại tĩnh mạch nối liền với Bọc tim, chỗ này toàn là tổ chức tế bào gân; đó là nghĩa "gân sanh Tim".

Con mắt là khiếu thuộc về Gan, vì công dụng của nó là để thâu nhận màu sắc hình tướng. Lời tục có nói: "thấy sắc động lòng", chữ "động" đó thuộc về Gan. Như thế con mắt là dụng cụ của Gan, là phải.

Nếu ta chín chắn lưu ý từ câu bắt đầu trả lời của Kỳ Bá thì ta sẽ thấy phương Đông, gió là Tài thiên, thảo mộc, vị chua là Tài địa, tạng Gan, thành phần gân và con mắt là Tài nhơn. Thế là hệ thống liên lạc của Tam tài theo chiều ngang, theo phương hướng.

Tuy nhiên phương hướng chỉ là do cảm quan con người đứng trên mặt đất trong Thái dương hệ này nhìn ra, căn cứ vào mặt trời mọc mặt trời lặn, sáng tối, lạnh nóng để mà nhận định một cách tạm bợ vậy thôi. Thực ra hư không trong bao la này có phương hướng nào có thể để cho ta dùng trí mà suy lường được đâu!

Có lúc Phật hỏi ông Tu Bồ Đề: "Hư không phương Đông có thể suy lường được không? - Tu Bồ Đề thưa: Không. Hỏi: Phương Nam, phương Tây, phương Bắc, phương trên và phương dưới của hư không có thể suy lường được không? – Thưa: Không".

Ta thử dùng giấy bóng căng thẳng ra mà nhìn, ta sẽ thấy thông suốt như nhìn qua kiếng. Rồi ta bắt đầu gấp đôi, rồi gấp tư, rồi gấp 8, rồi gấp 16, rồi gấp 32, đến gấp 64 ta căng thật thẳng mà nhìn thì ta sẽ thấy cái không biến thành cái có, cái thông suốt biến thành cái mờ, cái không có gì biến thành có sáng.

Chiều sâu của viên quang bao la cũng tương tự như vậy. Đây là nghĩa "ở trời là huyền".

Tức là:

Mênh mông vũ trụ chẳng cách mảy lông,

Muôn việc xưa sau không lìa cái thoáng hiện tại.

Trong vạn loài hữu tình, khả năng phát triển động cơ hiểu biết mạnh nhất chỉ có loài người, đây là nghĩa "ở người là Đạo".

Tất cả mọi cuộc biến hóa sanh sôi đều phải mắc liền vào mặt đất, không có mặt đất không biến hóa sanh sôi, đây là nghĩa "ở đất là biến hóa".

Tất cả thức ăn uống tuy vô số vị, nhưng tóm lại không ngoài năm vị và hết thảy đều sản xuất từ mặt đất, đây là nghĩa "hóa sanh năm vị".

Nếu thiếu khả năng phát triển hùng hậu về động cơ hiểu biết, thì trí phân biệt không chóng to. Không chóng to thì không chóng khổ. Không chóng khổ thì không chóng thấm thía. Không chóng thấm thía thì không sanh trí tuệ. Đây là nghĩa động cơ hiểu biết phát sanh trí tuệ.

Đối với giác quan ta thì bao la chỉ là một vòm hư không hình như có vách, nhưng quả thật có phải là hư không không ngơ không ngớt mà bên ngoài có vách không? Chỗ này lý trí không có quyền mon men đến. Thế nghĩa là vượt ngoài vòng không với có và cũng vượt ngoài vòng sáng tối, động tĩnh, trong ngoài.

Đã không phải tròn cũng không phải khuyết, không phải có cũng không phải không, không phải sáng cũng không phải tối, không phải động cũng không phải tĩnh, không phải trong cũng không phải ngoài. Thế là luôn giác quan và ngôn ngữ cũng không thể mon men đến. Tuy nhiên bổn tánh con người vốn linh diệu viên thông, nếu lòng không chứa chấp trung gian thì cũng có thể tạm dùng ngôn ngữ ra dấu để trực nhận thẳng vào được. Chính vì chỗ đó mà Huyền Giác giải thích bằng hai câu nghịch lý:

"Một khối tròn sáng, sắc không phải sắc.

Một khối tròn sáng không có trong ngoài".

Thế là nghĩa của hai chữ "Viên chiếu" đã nói từ trước.

Trọn hết vốn là Viên, vốn là Chiếu, tức là đầy dẫy năng lực. Bởi vậy ở thiên thứ hai có lúc nói "bao la vốn chứa Đức không ngần", chữ "Đức" tức là năng lực bản mạng của vạn vật.

Trọn hết đã vốn là Viên, vốn là Chiếu, thì tất cả những cái trong Viên Chiếu nảy sanh ra khối cũng Viên cũng Chiếu; Viên cũng Viên cũng Chiếu, đốm cũng Viên cũng Chiếu, tia cũng Viên cũng Chiếu, bụi cũng Viên cũng Chiếu, cho đến nguyên tử hay siêu nguyên tử cũng Viên cũng Chiếu.

Đã là Quang, là Năng tất có Động, Động tất có lượn sóng. Viên, Chiếu, Năng, Động là nền tảng cho hiện tượng hội tụ. Tụ cực sanh tán, tán cực sanh tụ. Đến đây là tròn nghĩa của "huyền sanh thần" mà cũng là nền tảng cho tất cả hóa cơ trong vạn loại.

Ta để ý kỹ từ câu "huyền sanh thần" nơi chánh văn mà đếm ngược

lên đủ sáu câu tức là câu "ở trời là huyền", thì ta sẽ thấy từ trời đến huyền, từ huyền đến thần đồng một hệ thống Tài thiên; từ người đến đạo, đến trí đồng một hệ thống Tài nhơn; từ đất đến hóa, đến vị đồng một hệ thống Tài địa. Thế là Tam tài được ngắt làm hai đợt, nhưng vẫn khác hơn Tam tài của bảy câu trên. Bảy câu trên chỉ là Tam tài nhìn theo chiều ngang bắt đầu bằng phương hướng căn cứ theo Thái dương hệ, tức là còn ở trong phạm vi thời gian, không gian; còn nghĩa Tam tài của sáu câu sau thì sâu vượt thời gian, rộng vượt không gian, siêu tận ngoài vòng vô cực mà vẫn nối liền với hiện thực vào quả địa cầu, thâm sâu vào tinh thần cuộc sống của con người, rộng ra đến bao quát vạn vật để diễn tả động cơ hồi tụ biến thông trong vòm linh không vô cực. Hơn nữa lại còn môi phục nghĩa đạo và trí của tài nhơn, để cho ta thấy chỉ có con người mới có đầy đủ khả năng chứng suốt vào cái lẽ đồng nhất của Tam tài cũng như cái lẽ đồng nhất viên thông của linh không vô cực. Và điều sẽ được chứng minh rõ bằng sự định nghĩa chữ "thần" trong Tam tài của những câu sắp đến trong đoạn này.

Đến đây ta mới thấy tại sao sáu câu vừa nói trên, các phương khác không nói đến.

Gió là tướng của hư không lay động, của nóng lạnh đổi ngôi. Nương vào cảm giác vào hiện tượng chuyển động mà biết được có gió hay không có gió. Ví nếu tất cả sắc tướng vật tượng đều không thì không lấy đâu để nhận ra có gió hay không có gió. Thế là nghĩa chữ "thần" ở Tài thiên là gió.

Trong vật vô tình chỉ có thảo mộc là linh động nhất. Vừa linh động ở phương diện sanh sôi biến hóa, mà cũng vừa linh động ở phương diện chuyển động đong đưa. Khi gió chưa chạm đến ta, không nhờ loài thảo mộc không lấy đâu để nhận ra có gió hay không có gió. Thế là thần ở Tài địa là thảo mộc.

Trong cơ thể con người sức chuyển động mềm dẻo linh động đều chỉ nương nhờ ở gân. Thế là thần ở Tài nhơn là gân.

Tất cả sức động tác của con người đều chỉ nương nhờ vào thần kinh động tác, mà thần kinh động tác đều phải chịu theo hệ thống nuôi dưỡng của tạng Gan. Mỗi khi Gan biến động tất cả thần kinh động tác

cũng đều biến động. Cho nên biết thần ở tạng là Gan.

Ngoài cõi thiên nhiên vạn vật, màu xanh là màu sắc đặc biệt của thảo mộc. Trong con người là màu sắc chánh của Gan. – Trong ngũ âm, âm Dốc là âm của mộc, là tiếng va chạm của gỗ, là hơi Xuân xào xạc của rừng cây, của gió từ phương Đông thổi đến. – Tiếng quát nạt, tiếng gọi giật là tiếng thuộc về Gan, là giọng quyết định. – Những bệnh của Gan khi biến động, tất cả gân cốt đều hiện ra tướng gồng thắt co rút. – Mắt là cơ quan thâu nhận màu sắc hình tượng. – Vị chua là để nuôi dưỡng cho Gan. – Trên biến động tánh tình khí giận là khí của Gan. Bởi vậy từ màu xanh, âm Dốc, tiếng quát nạt, hiện tượng gồng thắt, linh động của sự thấy, tiếp dưỡng của vị chua, khí giận của tánh tình đều là thần dụng của hành Mộc hết cả, mà trong con người quan hệ nhiều nhất. Thế là luận giả nhấn mạnh ở Tài nhơn, giờ đây là việc của Tài nhơn.

Như thế chữ "thần" ở nơi đây tức là nghĩa thần cơ diệu dụng biến thông của năm hành khắp bao la, suốt Tam tài, thấu vạn vật, thông suốt khắp con người vậy. Cũng vì thế mà bốn hướng nói sau đây không cần nhắc đến chữ "thần" nữa.

Về chữ "thiên", chữ "địa" ta cũng cần phải nhắc lại rõ ràng. Chữ "thiên" có ba nghĩa:

1. Nghĩa rộng cực độ của nó là bao la (như sáu câu: tại thiên vi huyền… huyền sanh thần).

2. Nghĩa kế là chỉ cho bầu khí quyện.

3. Nghĩa hẹp là để chỉ cho phần khí.

Chữ "địa" cũng có ba nghĩa:

1. Nghĩa rộng để chỉ phần có, phần vũ trụ tướng.

2. Để chỉ cho quả đất.

3. Để chỉ cho tất cả vạn vật.

Con người ta khi giận là có hại đến Gan, và khí giận xuất phát từ mâu thuẫn, vì thế nên năng lực của nguồn sống bị tổn hao. Nhưng nếu lòng bi được phát khởi thì khí giận không sanh hoặc tiêu tan đi. Như thế lòng bi ở đây ý nghĩa của nó bao gồm tác dụng Kim Thủy, cho nên chế ngự được biến động của khí Mộc.

Con người ta khi phạm phải gió mạnh quá, theo đồng tánh mà tổn hại đến gân. Nhưng khí se ráo là khí của mùa Thu thuộc Kim, cho nên chế ngự bớt sự xâm phạm vào gân của gió. Thế là hiện tượng Kim khắc Mộc của khí trời.

Ta ăn vị chua vào có công dụng nuôi dưỡng cho Gan và gân (như loại sinh tố C chẳng hạn). Nhưng nếu chua thái quá tất có hại đến gân, làm cho gân bải hoải. Nếu được vị cay vào thì tác dụng hại gân của vị chua bị giảm mất đi. Chua là Mộc, cay là Kim, thế là hiện tượng Kim khắc Mộc ở trong vị.

Từ câu "giận có hại đến Gan" đến đây là diễn tả luật chế hóa của năm hành trong Tam tài. Khí giận với lòng từ bi là Tài nhơn, khí gió với khí ráo là Tài thiên, vị chua và vị cay là Tài địa.

Nhìn suốt đoạn này ta thấy đây mới là mở đầu cho nguyên lý đồng nhất, biến hóa, trật tự, tương quan, hội tụ, biến thông, và hiển hiện vào luật ngũ hành tương sanh tương khắc, Tam tài xen suốt vậy. Nhưng tại sao luận giả đáp bắt đầu từ phương Đông? – Phương Đông là đầu mối bắt đầu của động, phương Bắc là cuối cùng của tĩnh. Theo luật năm hành mà nhìn thì ta thấy từ Đông sang Nam, sang Trung ương, sang Tây, sang Bắc, trở về Đông tức là vòng tương sanh, là hệ thống vận hành theo Hà Đồ; là động cực sanh tĩnh, tĩnh cực sanh động; và trong đó bao gồm lý tương khắc của Lạc Thơ, tức là do cách thế chuyển động vận hành của quả đất, mà luật tương sanh tương khắc hiển hiện.

BÌNH

Có kẻ nói: "Sự nhìn vào màu sắc với Gan, Gan với gân, Gan với thần

kinh động tác, Gan với âm Dốc, Gan với con mắt, Gan với khí giận, những cái ấy có ăn thua gì nhau đâu, thế mà có bọn mê tin cho là quan hệ, thật là dốt nát không biết gì về khoa học". Hèn gì có những kẻ nói: "Bao tử với tử cung không có dính dấp gì với nhau", cũng như "giao dục với Thận là không quan hệ". Bị những lối nói đó làm cho đa số quần chúng hiểu rằng: tất cả những mừng, giận, buồn, lo v.v. biến động trên tánh tình chẳng có ăn thua gì đến xác thân tạng phủ.

Có người nói: "Vấn đề mùa màng, ăn uống, sinh hoạt, hoàn cảnh, xã hội, vật chất những chuyện ấy chỉ để cho những nhà y khoa, xã hội, chính trị. Mình tu Phật chỉ cần những chuyện thuộc về tâm thôi, cho nên tinh thần NỘI KINH không thiết thực". Nói như thế là đã bị rơi vào con mắt nhị thừa tà đạo, nhìn đời với đạo là hai, tâm với vật cũng là hai. Hèn gì tranh chấp tôn giáo, kình chống phe phái không ngừng và Phật giáo chỉ còn lại cái xác chết là phải. Như thế đâu đủ gì để đương đầu với lượn sóng vật chất năm châu họp chợ ngày nay. Đó cũng là một thứ bệnh Phật giáo.

Có người nói: "Mình học Phật, tu Phật đâu cần gì đến sự hiểu biết của NỘI KINH, mà nhất là tu Thiền lại càng không cần nữa".

Nghe đâu nói ở Nhật, các thiền viện có cả phòng lạnh để giúp phương tiện cho thiền giả tu, và có những ghế để ngồi thiền có trục chuyển quay, khi lên ngồi phải phấn chấn tỉnh táo, nếu lỡ ngủ gục mất thăng bằng là bị chổng đầu rơi xuống đất. Trời ơi! Thế là người ta đang sạo sục tìm đủ cách để đối trị con ma lao chao và con ma buồn ngủ. Nhưng người ta không bao giờ để ý đến do đâu mà có ma lao chao và con ma buồn ngủ. Sự hiểu biết như vậy, thì tinh thần NỘI KINH rất không cần là phải. Và rồi đây luôn cả cơ cấu Thiền học của Phật giáo cũng sẽ biến hóa ra thành một tướng kỳ kỳ quái quái do thế hệ vật chất đẻ ra, chớ đừng nói chi đến các cơ cấu khác. Bởi vậy thiền luận của Suzuki mở đầu là đề cập đến thế quân bình nội tại bị đổ vỡ ngay, nhưng không thấy nói đến lý do.

Nhìn vào cách nói cô đọng bí hiểm, mà ngoài muốn suốt khắp bao la, trong muốn mắc thẳng vào thân tâm của con người, rộng ra muốn cùng tận cả vạn vật của NỘI KINH; với lòng tham lam ích kỷ, săn đuổi danh lợi, vướng kẹt vào trong danh ngôn của người đời để tinh thần NỘI KINH biến thành phép luyện đơn, hoặc bị đẩy vào nằm yên trong xó Y

học để giúp cho một số bọn lang băm châm cứu hời hợt v.v. thật cũng là phải. Những lỗi ấy có phải của cổ nhơn không? – Thưa: Quyết định rằng không. Vậy do ai? Mời độc giả chiêm nghiệm.

Trong chánh văn nói "huyền sanh thần", nếu theo lời giải để nhận biết tức là kiến thức của bộ óc, không theo lời giải thì không biết lấy đâu để biết. Làm sao?

- Thuở xưa có một thiền giả rất thông minh, học hỏi kinh điển thật là lưu loát; người ta hỏi một, ông có thể trả lời mười. Một hôm tình cờ gặp một lão thiền sư, trong bất thần lão thiền sư hỏi: "Nghe người ta nói: hỏi một nhà ngươi có thể trả lời mười. **Vậy trước khi cha mẹ chưa sanh, nhà ngươi là cái gì**? Nói liền cho ta nghe thử?". Thiền giả bít lối, thầm thủi trở về tìm mãi không ra câu trả lời. Ít hôm sau đến chỉnh tề đảnh lễ xin lão thiền sư cắt nghĩa cho nghe. Lão thiền sư lại bồi thêm một câu nữa rằng: "Chi! Ta nói rồi lát nữa nhà ngươi sẽ khi ta chớ có ích gì!" Thiền giả tịt ngòi. Từ đó về sau lang thang từ chùa này sang chùa nọ, vẫn như bị đeo nặng bởi một vật gì. Một hôm cuốc đất trồng rẫy, vướng phải viên gạch bể, bèn lượm ném vào bụi trúc bên cạnh, khua thành tiếng động, làm cho thiền giả sực tỉnh giấc mơ. Liền buông cuốc quay về hướng lão thiền sư mà đảnh lễ túi bụi, và nói: "Nếu không nhờ lão hòa thượng từ bi thì tôi nay đâu được thế này". Rồi nói lên hai câu kệ rằng:

"Nhứt kích vong sở tri

Tịch diệt bắt tư nghì".

Nghĩa:

Một khua động nhập không hay

Thanh tịnh này không thể tỏ bày.

Thế là thiền giả đã giáp mặt với nghĩa "huyền sanh thần" rồi đó.

Lão Tử nói: "Huyền lại thêm huyền, là cửa của muôn pháp nhiệm mầu". Thế là Lão Tử muốn diễn nghĩa "huyền sanh thần" đó.

Câu chuyện đứa bé chơi chim của Trang Tử:

Có một nhà nọ ở gần bờ biển, mỗi ngày em bé trong nhà ấy đi rong chơi mãi đến quá trưa mới về. Ba em không biết em đi đâu, bèn rầy la tra vấn. Em đáp: Đi ra bờ biển chơi với chim. Ba em hỏi: Mà chơi với chim bằng cách nào? Em đáp mỗi khi em ra bờ biển, thì chim nhạn bay lượn đổ xô từng đoàn đến đậu trên đầu, trên vai em, em cứ thế nô đùa với chúng, đến bụng đói mới hay để trở về.

Ba em có tánh nghiện rượu bèn dọa em rằng: Ngày mai mày phải bắt đem về cho tao một con làm thịt nhậu, không thì tao sẽ đánh một trận cho chết. Em bé sợ quá. Sáng hôm sau quyết lòng ra vớ một con đem về đỡ đòn. Em vừa ra đến nơi chim vừa bu lại gần đến em rồi bỗng dưng giải tán hết, em mếu máo trở về. Thế là Trang Sinh đã giáp mặt với "huyền sanh thần" rồi đó.

Rõ thật:

"Nắng lâu mưa xối vạn loại vui,

Cầm thú hân hoan cây đá cười.

Chuông sớm ngân nga chim bắt chước,

Mõ chiều khoan nhặt gió đưa hơi".

Ngẫm nghĩ! Ngẫm nghĩ!

Đoạn 12

PHIÊN ÂM

Nam phương sanh nhiệt, nhiệt sanh hỏa, hỏa sanh khổ, khổ sanh tâm, tâm sanh huyết, huyết sanh tỳ, tâm chủ thiệt.

Kỳ tại thiên vi nhiệt, tại địa vi hỏa, tại thể vi mạch, tại tạng vi tâm, tại sắc vi xích, tại âm vi chủy, tại thinh vi tiếu, tại biến động vi ưu, tại khiếu vi thiệt, tại vị vi khổ, tại chí vi hỷ.

Hỷ thương tâm, khủng thắng hỷ. Nhiệt thương khí, hàn thắng nhiệt. Khổ thương khí, hàm thắng khổ.

DỊCH

Phương Nam sanh ra nóng, nóng sanh ra lửa, lửa sanh ra vị đắng, vị đắng nuôi dưỡng cho Tim, Tim sanh ra máu huyết, huyết sanh tạng Tỳ, Tim chủ về lưỡi.

Ở trời là khí nóng, ở đất là lửa, ở cơ thể là mạch, ở tạng là tạng Tim, ở màu sắc là màu đỏ, ở ngũ âm là âm Chủy, ở tiếng là tiếng cười, ở biến động bất cập trên tinh thần là lo, ở khiếu là lưỡi, ở vị là vị đắng, ở biến động là thái quá trên tâm lý là vui mừng.

Vui mừng quá hại Tim, ngại sợ chế lại vui mừng. Nóng quá hại đến phần khí, lạnh chế bớt nóng. Vị quá đắng hại phần khí, vị mặn chế bớt đắng.

GIẢI

Địa cầu vừa chạy vừa quay theo xung quanh mặt trời với tư thế con quay không thăng bằng, lại thêm vì đuổi theo mặt trời mà trục Nam Bắc phải khi tụt lên khi tụt xuống, nhưng chiều Bắc nhiều hơn chiều Nam làm cho xích đạo phải lệch hẳn về Nam. Đã lệch hẳn về Nam lại không phải đứng thẳng nên sau này mới nói "trời thiếu ở Tây Bắc, đất thiếu ở Đông Nam". Và cũng vì thế mà phương Nam là phương vượng của mùa Hạ. Nên nói "phương Nam sanh nóng".

Những vùng thuộc ôn đới và nhiệt đới về mùa Hè những rừng cây như rừng nứa rừng tre, chúng bị gió cọ xát nhau phát sanh nẩy lửa. Thế là "nóng quá sanh lửa".

Những loại thảo mộc có vị đắng, có tánh lạnh, có công dụng làm mát Tim thường phát sanh ở những vùng ôn đới và nhiệt đới. Cũng như tất cả loại thảo mộc sau khi bị lửa đốt cháy khét đều có vị đắng. Nên nói "hỏa sanh ra vị đắng".

Tất cả các vị đắng đừng xen tạp, khi ta ăn vào liền ảnh hưởng trực tiếp vào Tim, rồi mới ảnh hưởng ra các nơi khác. Đó là nghĩa vị đắng giúp cho Tim.

Tim là bộ phận chính của bộ tuần hoàn máu đỏ dưới hệ thống tương sanh của Gan một bậc, trên hệ thống tương sanh của Tỳ một bậc, là một cơ năng trọng yếu trong guồng máy chế tạo ra máu đỏ. Con người từ tuổi nhỏ đến độ 40, về sự chế tạo ra hột máu đỏ cơ cấu này hoàn toàn đài thọ. Đến khi tuổi trên 40 cơ cấu này bắt đầu suy giảm thì còn có năng lực của tủy xương giúp đỡ. Đây là nghĩa Tim sanh huyết.

Từ tạng Tim sang tạng Tỳ là hệ thống tương sanh của Hỏa sanh Thổ. Về tuần hoàn máu trắng cũng như tuần hoàn máu đỏ và thần kinh hệ đều có thế tương sanh. Mỗi khi thế tương sanh này mất bình thường và ngược lại, thì phát sanh bệnh nội thương gọi là bệnh Tâm Tỳ. Bởi thế nên mới nói "huyết sanh Tỳ".

Lưỡi là cơ quan của vị giác để nhận ra tất cả sai biệt của các thức ăn uống; bên dưới trực tiếp với Tim, bên trên trực tiếp với Nê hoàn cung (hai hạch giữa óc) bằng dây thần kinh, cũng vì thế mà khi lưỡi chuyển động, âm thanh phát ra đều rung chuyển đến Tim và Nê hoàn cung, để làm thành nhịp cầu rung động nối liền bộ thần kinh và bộ tuần hoàn. Đó là nghĩa lưỡi là cơ cấu của Tim, nên nói Tim chủ lưỡi.

Từ phương Nam đến nóng là Tài thiên, từ lửa đến vị đắng là Tài địa, từ Tim đến huyết đến Tỳ đến lưỡi là Tài nhơn. Từ đầu đoạn này đến đây so với phương Đông hoàn toàn một nguyên tắc.

Nhưng sáu câu kế tiếp ở đoạn trên (ở trời là huyền… huyền sanh thần) từ đây trở xuống hoàn toàn không có. Thế là từ đây trở xuống nghĩa của sáu câu vừa kể trên là ý ẩn ngoài lời, chớ không phải không dùng đến, người đọc phải thận trọng. Nói một cách khác hơn: muốn dễ hiểu, độc giả cứ đem sáu câu trên mà nối đuôi chen vào quãng này trong mỗi đoạn, là thấy rõ ngay.

Trong chánh văn kế tiếp bằng câu "kỳ tại thiên vi nhiệt", chữ "kỳ" ở đây là để thay thế cho chữ "thần" trong tiết này của đoạn trên để nói lên thần cơ ứng dụng biến thông của hành Hỏa trong Tam tài.

Nóng thuộc về thể khí, là Tài thiên. – Lửa thuộc về chất, thuộc Tài địa. – Trong cơ thể con người tất cả mạch máu đỏ đều phải dính liền với Tim, là Tài nhơn. Tạng Tim là tạng Hỏa – Màu đỏ là màu Hỏa – Âm Chủy là âm Hỏa – Tiếng cười là tiếng Hỏa . Nếu tác dụng của Tâm Hỏa bị uy hiếp biến động làm ra lo. Lưỡi là khiếu của Tim – Đắng là vị của Hỏa. Tâm Hỏa khi thái quá biến động làm ra vui mừng. Thế là tất cả những ứng hiện kể trên đều là thần cơ diệu dụng biến thông của hành Hỏa suốt trong Tam tài, mà Tài nhơn phải được nhấn mạnh.

Con người khi vui mừng quá tạng Tim sẽ bị dãn ra, tuần hoàn sẽ bị đình trệ; nhưng lòng e ngại có thể chế ngự sự vui mừng. Đây cũng là hình thức Thủy chế Hỏa (vì e ngại thuộc Thận) của Tài nhơn.

Trong con người nếu nóng quá thì hại đến phần khí, lạnh có thể chế bớt nóng. Đây cũng là hình thức Thủy chế Hỏa của Tài thiên trong con người.

Trong sự ăn uống, thâu nhận nhiều vị đắng quá thì phần khí bị co rút chìm lỉm, nhưng vị mặn có thể chế bớt đắng. Đây cũng là hình thức Thủy chế Hỏa của Tài địa trong con người. Thế là nghĩa năm hành chế hóa trong Tam tài trong thân con người.

Về phần vị mặn chế lại đắng trong nghĩa Thủy chế Hỏa, nếu ta biết áp dụng thêm vị cay, thì ta sẽ được Kim Thủy hợp đức đồng chế ngự vị Hỏa, mà sự diệu dụng được càng thêm linh động biến thông.

Đoạn 13

PHIÊN ÂM

Trung ương sanh thấp, thấp sanh thổ, thổ sanh cam, cam sanh tỳ, tỳ sanh nhục, nhục sanh phế, tỳ chủ khẩu.

Kỳ tại thiên vi thấp, tại địa vi thổ, tại thể vi nhục, tại tạng vi tỳ, tại sắc vi huỳnh, tại âm vi cung, tại thinh vi ca, tại biến động vi uế, tại khiếu vi khẩu, tại vị vi cam, tại chí vi tư.

Tư thương Tỳ, nộ thắng tư. Thấp thương nhục, phong thắng thấp. Cam thương nhục, toan thắng cam.

DỊCH

Trung ương sanh Thấp, khí ẩm thấp sanh ra đất màu mỡ, đất màu mỡ sanh ra vị ngọt, vị ngọt để nuôi dưỡng cho tạng Tỳ, tạng Tỳ sanh ra tất cả bắp thịt, thịt sanh ra Phổi, Tỳ chủ về miệng.

Thần cơ diệu dụng biến thông của hành Thổ ở Tài thiên là khí ẩm thấp, ở Tài địa là đất màu mỡ, ở cơ thể Tài nhơn là bắp thịt, ở tạng là tạng Tỳ, ở màu sắc là màu vàng, ở năm âm là âm Cung, ở năm tiếng là tiếng ca, ở biến động cơ thể là nấc cụt, ở khiếu là miệng, ở vị là vị ngọt, ở xuất hiện trên tâm lý là nghĩ ngợi.

Nghĩ ngợi quá hại Tỳ, khí giận thắng lại nghĩ ngợi. Khí ẩm thấp hại bắp thịt, gió thắng lại ẩm thấp. Vị quá ngọt tổn hại bắp thịt, vị chua chế lại vị ngọt.

GIẢI

Mặt trời vừa chạy vừa quay, quả đất đuổi theo mặt trời cũng vừa chạy vừa quay, quay tít con quay theo kiểu lò xo quyện lò xo. Nhìn mặt trời ta

thấy từ Đông sang Tây; quả đất vừa chạy vừa quay làm cho một nửa quay từ Tây sang Đông, một nửa từ Đông sang Tây tạo thành cái thế Đông Tây, sáng tối, lạnh nóng, động tĩnh đổi thay cộng với trục Nam Bắc lên lên xuống xuống, tạo thành thế Thủy Hỏa giao nhau, làm cho giữa bụng quả đất trở nên là những vùng sung túc khí Thổ, đất đai màu mỡ, trời đất giao hòa. Cho nên mới nói là Trung ương sanh khí ẩm thấp.

Về chữ Trung Hoa, chữ "địa" là để chỉ chung cho đất hoặc đất không màu mỡ không có khí ẩm thấp pha trộn; Còn chữ "thổ" là để chỉ cho đất màu mỡ sanh sôi có thể trồng tỉa được, là những nơi giàu khí ẩm thấp. Nên gọi là khí ẩm thấp sanh ra đất phì nhiêu.

Những vùng đất phì nhiêu thường phát sanh ra những thảo mộc, những trái có nhiều vị ngon ngọt. Do đó mà những vùng phì nhiêu sản xuất ra nhiều loại có nhiều chất đường.

Từ câu thứ nhất trong chánh văn đến đây còn ẩn một nghĩa khí hóa nhân tạo để cho ta nghiệm xét: khi người ta muốn làm cơm rượu cho ngọt thì phải có cơm nếp với men hòa hợp cho đúng cách, ủ cho có phương pháp, cho khí âm dương lạnh nóng được giao hòa nhau thì mới biến ngọt; như thế cũng là nghĩa Trung ương sanh Thấp, khí ẩm thấp sanh Thổ, Thổ sanh ra vị ngọt vậy.

Khi con người ăn vị ngọt vào đều ảnh hưởng trực tiếp vào tạng Tỳ trước và tạng Tỳ thiếu vị ngọt không sanh hóa được; cho nên mới nói vị ngọt nuôi dưỡng cho tạng Tỳ.

Tất cả các bắp thịt trong châu thân nếu không nhờ hệ thống trực thuộc với Tỳ thì không sanh trưởng được, và mỗi khi Tỳ có bệnh thì sẽ biến động đến các bắp thịt. Cho nên nói Tỳ sanh ra tất cả các bắp thịt, nói một cách khác hơn là tất cả các bắp thịt trong châu thân là phần ngoài của tạng Tỳ và tạng Tỳ với bắp thịt cùng một hệ thống thuộc hành Thổ.

Trên luật tương sanh của năm hành thì phải có đất trước, rồi mới có loài Kim sau. Luật này áp dụng vào thân người, nếu tạng Tỳ bị hao hụt, bắp thịt thiếu kém theo và Phổi cũng theo đó mà suy yếu. Trong những trường hợp Phổi bị suy yếu đều thấy có hiện tượng tạng Tỳ và tạng Thận suy yếu, mà tạng Thận là hệ thống tương sanh ở dưới Phổi

một bực, còn tạng Tỳ là hệ thống tương sanh trên Phổi một bực. Do đó khi muốn bồi bổ tạng Phổi cho được mau chóng người ta phải chú trọng đến sức thu hút của tạng Thận cũng như sức tiếp tế cho tạng Phổi của tạng Tỳ thì mới có kết quả. Đây cũng là hiện tượng Thổ sanh Kim, nên nói bắp thịt sanh Phổi là nghĩa vậy.

Miệng là cửa trên của hậu thiên, tất cả thức ăn uống đều cho vào đó. Môi là bộ phận thuần là thịt. Khi ta muốn biết Tỳ Vị có khỏe mạnh không, nhìn qua ở môi miệng cũng đủ rõ. Cho nên nói Tỳ chủ về miệng.

Nhìn trở lên từ đầu đoạn này ta thấy Trung ương, khí Thấp là Tài thiên; đất mầu mỡ, vị ngọt là Tài địa; tạng Tỳ, bắp thịt, miệng là Tài nhơn. Thế là đại khái Tam tài của hành Thổ.

Khí ẩm thấp – đất màu mỡ – bắp thịt trong cơ thể – tạng Tỳ trong con người – màu vàng trong năm sắc – âm Cung trong năm âm – tiếng ca hát trong năm thinh – sự biến động bất cập của tạng Tỳ làm nấc cụt – tác dụng của cái miệng – sự có mặt của vị ngọt – sự hiển hiện của nghĩ ngợi suy tư, hết thảy những cái ấy đều là thần cơ diệu dụng biến hóa lưu thông suốt Tam tài của hành Thổ, đều xuất phát từ chữ "huyền" mà ra cả. Nhưng nhìn cho kỹ ta vẫn thấy phần Tài nhơn nhiều việc hơn. Thế là một lần nữa Tài nhơn vẫn chiếm phần trọng.

Nói qua về chứng nấc cụt, chứng này có hai nguyên nhân: một ở Thận và một ở Vị mà chia ra có chứng hàn chứng nhiệt, chứng hư chứng thiệt. - Ở đây chỉ đề cập đến chứng ở Vị, vì Vị với Tỳ đồng là tạng phủ. - Tất cả chất bồi dưỡng từ Vị lấy ra không thể trực tiếp với năm tạng phải nhờ tạng Tỳ đưa đi; do đó mà chứng biến động của Vị, tức cũng là chứng biến động của Tỳ. Điều này ta phải nên lưu ý.

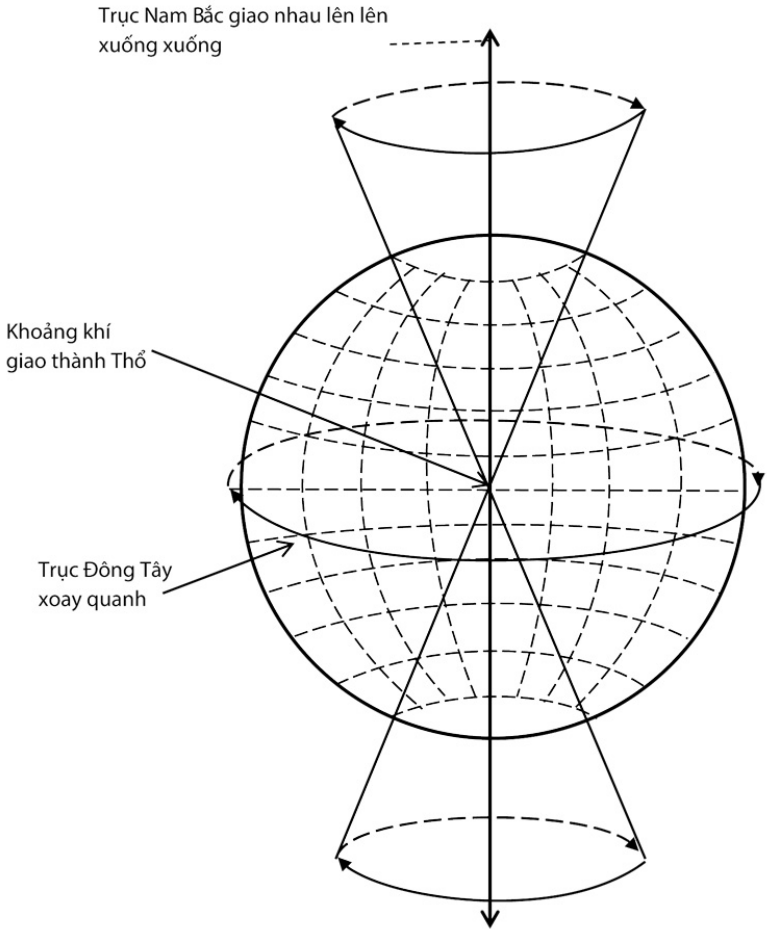
Công dụng thần khí của tạng Tỳ là nghĩ ngợi suy tư, nhưng nếu nghĩ ngợi suy tư bằng cách đứng trong cái **TÔI** khi thái quá sẽ bị tổn hại đến tạng Tỳ, nếu có một cơn giận đưa đến thì liền thắng được cái thái quá của nghĩ ngợi suy tư. Đây cũng là nghĩa Mộc khắc Thổ của Tài nhơn trong con người. Bởi vậy bệnh nước tiểu có đường đi lần vào trầm trọng, nếu gặp một cơn giận thì thấy có hiện tượng tạm đỡ ngay.

Những miền quá ẩm thấp người ta thường bị bệnh bắp thịt (các

trường hợp bệnh ẩm thấp), nếu được đổi sang những nơi có gió lưu thông thì bệnh sẽ bớt. Đây cũng là nghĩa Mộc khắc Thổ của Tài nhơn trong con người.

Đành rằng vị ngọt là để nuôi bắp thịt, nếu thiếu vị ngọt thì bắp thịt thiếu sự tiếp tế. Nhưng nếu thâu nhận nhiều vị ngọt thái quá trái lại bắp thịt bị tổn hại. Vị chua là vị của Mộc mà cũng có khả năng chế lại vị ngọt. Đây cũng có nghĩa Mộc khắc Thổ của Tài địa trong con người. Thế là ngũ hành chế hóa trong hành Thổ, trong Tam tài của con người.

HÌNH 5.2: ĐỒ BIỂU THỦY HỎA ĐỘNG TĨNH GIAO NHAU THÀNH THỔ



Đoạn 14

PHIÊN ÂM

Tây phương sanh táo, táo sanh kim, kim sanh tân, tân sanh phế, phế sanh bì mao, bì mao sanh thận, phế chủ tỷ.

Kỳ tại thiên vi táo, tại địa vi kim, tại thể vi bì mao, tại tạng vi

phế, tại sắc vi bạch, tại âm vi thương, tại thinh vi khốc, tại biến động vi khái, tại khiếu vi tỷ, tại vị vi tân, tại chí vi ưu.

Ưu thương phế, hỷ thắng ưu. Nhiệt thương bì mao, hàn thắng nhiệt. Tân thương bì mao, khổ thắng tân.

DỊCH

Phương Tây sanh ra khí ráo, khí ráo sanh ra loài Kim, loài Kim sanh ra vị cay, vị cay nuôi dưỡng cho Phổi, Phổi sanh ra da lông, da lông sanh Thận, Phổi chủ về lỗ mũi.

Thần cơ ứng dụng biến thông ở Tài thiên là khí ráo, ở Tài địa là chất Kim, ở cơ thể Tài nhơn là da lông, ở tạng phủ là tạng Phổi, ở năm sắc là sắc trắng, ở năm âm là âm Thương, ở năm thinh là tiếng khóc, ở biến động của tạng Phổi là ho, ở khiếu là lỗ mũi, ở năm vị là vị cay, ở biến động trong tâm lý là lo.

Lo quá có hại cho Phổi, nếu có việc vui mừng là chế lại lo. Nóng quá hại da lông, gặp khí mát chế lại nóng. Vị cay quá hại da lông, gặp vị đắng thì vị cay bị chế bớt.

GIẢI

Phương Tây là phương thuộc về mùa Thu, thuộc về khí ráo bắt đầu co rút, là hướng âm dương phân ly, là chiều mặt trời lặn, là nơi giáp với cùng cực của hành Thổ chuyển sanh loài Kim. Cho nên mới nói phương Tây sanh ra khí ráo.

Khí ráo có khả năng làm se cứng co rút. - Tất cả các loài kim thạch đều từ đất bị khí ráo làm se cứng lại mà biến hóa ra. Thí dụ như miền Nam Việt Nam có vùng núi Kỳ Vân ở bờ biển Long Hải, trên núi ấy có những khối đá mà trong ruột đất chưa hóa hết. Đây là nghĩa khí ráo sanh ra loài Kim.

Tất cả các loài Kim khi nung đỏ lên đều biến thành dẻo, đem ra để

nguội lạnh, ta nếm thử sẽ thấy vị the the tê tê. - Cũng như người ta trồng ớt muốn cho ớt thật cay, họ thường bón những thứ phân thuộc các loại khoáng như vôi, gạch bể, vỏ lúa v.v. - Và chính tạng Phổi trong con người cũng như các loài vật đều có vị the the. Cho nên nói loài Kim sanh ra vị cay.

Tất cả những thức ăn uống có vị cay ăn vào đều ảnh hưởng trực tiếp vào Phổi trước. Do đó mà khi bị ngoại cảm, Phổi có trở ngại, thầy thuốc hay dùng vị cay để chữa. Nên mới nói vị cay sanh Phổi.

Trong con người tạng Phổi là tạng có khả năng co vào dãn ra nhiều nhất, vốn cấu tạo bằng tế bào da, là cơ cấu hô hấp thông đồng với toàn mặt da mỏng khắp châu thân. Mỗi khi mũi hít vào, Phổi trương nở thì toàn cả mặt da bên ngoài đều phải thở ra; khi miệng thở ra, Phổi bóp vào thì toàn cả lỗ chân lông mặt da đều hút vào. Ví nếu lột trần con người ra sơn bít hết mặt da thì người đó không sao thở kịp. Cho nên nói Phổi sanh ra da lông.

Trong con người tạng Phổi vừa là cơ cấu hô hấp, vừa để cho hơi nước trong toàn thân khi bốc lên đến đó phải bị nguội lại rơi xuống để làm các chất nước màu (tân dịch) nuôi dưỡng cho thân. Cũng như mỗi khi ta thở ra thì toàn cả mặt da các lỗ chân lông đều thâu hút dưỡng khí vào mà nuôi dưỡng châu thân. Cả hai việc làm trên đây đều là công vụ của bộ tuần hoàn máu trắng để nối liền bộ hô hấp, bộ tiêu hóa với tạng Thận. Nói một cách khác hơn là nối liền giữa trời đất với con người. Cho nên gọi là Kim sanh Thủy, mà ở đây nói là da lông sanh tạng Thận.

Con người là một tác phẩm thống hợp cả trời và đất, khí và chất, tiên thiên và hậu thiên. Miệng là khiếu trên, hậu môn là khiếu dưới của hậu thiên thuộc về Tỳ Vị quản lãnh; còn mũi là khiếu trên, tiền âm là khiếu dưới của phần tiên thiên do Phổi và Thận quản lãnh. Cho nên ở đây nói Phổi chủ về mũi.

Từ phương Tây, khí ráo là thuộc Tài thiên của hành Kim; từ kim loại đến vị cay là Tài địa của hành Kim; từ Phổi đến da lông, đến mũi thuộc về Tài nhơn trong hành Kim. Thế là tổng quát hành Kim liên hệ suốt Tam tài.

Thần cơ ứng dụng biến thông của thiên là khí ráo, của địa là loại Kim, của nhơn ở cơ thể là da lông, ở tạng là tạng Phổi, ở màu sắc là màu trắng, ở năm âm là âm Thương, ở tiếng là tiếng khóc, ở sự biến động của hành Kim trong cơ thể làm ra ho, ở khiếu là mũi, ở vị là vị cay, ở biến động trên tâm lý xuất hiện là lo. Thế là thần dụng của hành Kim suốt trong Tam tài thấu vào cơ thể con người, mà phần trong con người được nhắc đến nhiều nhất.

Con người khi lo lắng quá độ thì Phổi bị dúm lại, sức co dãn theo hơi thở mất tự nhiên, sự liên hệ giữa mặt da với Phổi bị đình đốn mất bình thường, làm cho chất dơ bẩn trong Phổi không được bài tiết hết, càng ngày càng chồng chất nhiều thêm để rồi tạo thành bệnh Phổi. Bởi vậy trong những trường hợp bệnh Phổi, trường hợp do lo lắng buồn rầu nghĩ ngợi quá độ là trường hợp khó chữa nhất. Cho nên nói lo quá hại Phổi. Nếu có sự vui mừng thì lo sẽ được chế bớt, vì khi vui mừng là tinh thần được nới nang, Phổi không bị co dúm lại, mà vui mừng lại là thuộc về tạng Tim. Cho nên nói vui mừng chế lại lo nghĩ. Đây cũng là hình thức Hỏa chế Kim thuộc Tài nhơn trong thân con người.

Năm hành trong con người, Phổi thuộc về thanh Kim. Khi gặp khí tiết nóng quá thì Phổi cũng như da lông bị khô héo nóng bức, nếu gặp lạnh mát thì có thể thắng chế lại khí nóng. Thế cũng là hình thức Hỏa khắc Kim, Thủy chế Hỏa của Tài thiên trong con người.

Đành rằng vị cay là để giúp ích cho Phổi và da lông, nhưng vị quá cay tất có hại cho da lông và Phổi. Nếu gặp vị đắng sẽ được chế bớt, vị đắng thuộc hành Hỏa. Đây cũng là hình thức Hỏa chế Kim ở Tài địa của hành Kim trong con người. Thế là Ngũ hành chế hóa của hành Kim trong Tam tài ở thân con người.

Về câu "nóng quá hại da lông", chữ "nóng" ở đây có hàm chứa nghĩa nóng ráo, phải nên để ý.

Đoạn 15

PHIÊN ÂM

Bắc phương sanh hàn, hàn sanh thủy, thủy sanh hàm, hàm sanh Thận, Thận sanh cốt tủy, tủy sanh Can, Thận chủ nhĩ.

Kỳ tại thiên vi hàn, tại địa vi thủy, tại thể vi cốt, tại tạng vi Thận, tại sắc vi hắc, tại âm vi vũ, tại thinh vi thân, tại biến động vi lật, tại khiếu vi nhỉ, tại vị vi hàm, tại chí vi khủng.

Khủng thương Thận, tư thắng khủng. Hàn thương huyết, táo thắng hàn. Hàm thương huyết, cam thắng hàm.

DỊCH

Phương Bắc sanh ra khí lạnh, khí lạnh sanh ra nước, nước sanh ra vị mặn, vị mặn giúp ích cho Thận, Thận sanh ra cốt tủy, cốt tủy sanh ra Gan, Thận chủ về lỗ tai.

Về thần cơ ứng dụng biến thông ở thiên là khí lạnh, ở địa là nước, ở nhơn trong cơ thể là xương, ở tạng thuộc về tạng Thận, ở màu sắc thuộc về màu đen, ở âm là âm Vũ, ở tiếng là tiếng rên, ở biến động cơ thể là run, ở khiếu là lỗ tai, ở vị là vị mặn, ở ứng hiện trên tâm lý là sự lo ngại.

Việc chưa đến mà lo ngại quá làm tổn hại đến Thận, nếu có suy tư lý giải được thì chế được lo ngại. Lạnh quá tổn hại cho phần huyết, gặp khí ấm ráo chế lại lạnh. Mặn quá có hại cho huyết, vị ngọt chế lại vị mặn.

GIẢI

Đứng trên địa cầu nhìn ra bốn hướng, chỉ có hướng Bắc là xa mặt trời nhất; do đó mới nói hướng Bắc sanh ra khí lạnh.

Hết thảy khí lạnh đều có thể ngưng đọng lại thành nước, như ở những miền cực Bắc của quả địa cầu nước ngưng thành giá chồng chất

lên thành núi. Do đó mới nói khí lạnh sanh ra nước.

Trên mặt địa cầu nước chiếm hết 3 phần, đất chỉ độ 1/4; trừ những biển hồ trong lòng đất, ngoài ra những biển cả lưu thông nước mặn đều tụ về, nên mới nói nước sanh ra vị mặn.

Trong cơ thể con người Bàng quang nối liền với Thận là nơi chứa thuần nước, cùng với tất cả xương và tủy trong thân đều có vị mặn. Mỗi khi thức ăn uống có vị mặn vào cơ thể đều phải được gạn lọc trực tiếp vào Thận để chuyển sang các nơi. Tạng Thận lọc nước tiểu nhiều ít vẫn có quan hệ đến vị mặn. Nên nói vị mặn giúp cho Thận.

Tạng Thận là tạng bên trong được cấu tạo bằng tế bào tủy. Theo Đông phương thì tinh hoa của các nơi trong châu thân phần khí cũng như phần huyết đều phải được thu về tạng Thận, rồi chuyển vào tủy xương. Bộ tuần hoàn máu trắng còn được gọi là tuần hoàn Thận, vì nó nối liền từ tiên thiên qua hậu thiên để chế luyện thành chất tinh hoa thu về cho Thận. Tạng Thận một mặt mắc sát vào phía trước hai bên xương sống, thông đồng với tủy xương sống, bên dưới có rất nhiều mạch máu trắng dính liền với hai chùm trứng, nếu là nam thì dính liền với hai bầu dục (hòn dái) và túi tinh. Bởi vậy nếu người tham dâm quá độ thì xương sống cũng như các xương, tủy bị thiếu, óc bị lưng, hai quả Thận bị nhỏ lại. Nếu người tạng Thận được khỏe mạnh, Thận dương được sung túc thì tủy và óc cũng được sung túc. Bởi lý này nên gọi là Thận sanh cốt tủy.

Theo hệ thống tương sanh của năm hành thì Thủy sanh Mộc, trong cơ thể cũng vậy. Một người nếu phần tiên thiên bạc nhược, tạng Thận yếu quá, cốt tủy không đủ thì tạng Gan cũng bị nhỏ yếu. Cho nên nói tủy sanh ra Gan.

Lỗ tai là cơ quan thâu nhận sự rung động của âm thanh, bên trong thấu tới óc, tủy óc thuộc về Thận. Nếu tủy thiếu thì lỗ tai ù không nghe rõ. Tuy rằng lỗ tai là nơi Thủy Hỏa giao nhau như ở thiên thứ tư có nói: "Tim khai khiếu ở lỗ tai", nhưng thật sự lỗ tai là cơ quan của Thận. Cho nên phương pháp tu nhĩ căn viên thông của nhà Phật, ngoài dùng lỗ tai làm cửa, trong thấu suốt cốt tủy. Nên nói Thận chủ về lỗ tai.

Đến đây ta thấy từ phương Bắc đến khí lạnh là Tài thiên của hành

Thủy, từ nước đến vị mặn là Tài địa, từ Thận đến cốt tủy đến lỗ tai là Tài nhơn. Thế là khái quát Tam tài trong hành Thủy.

Về thần cơ ứng dụng biến thông thì ở thiên là khí lạnh, ở địa là nước, ở cơ thể con người là xương, ở tạng là tạng Thận, ở màu sắc là màu đen, ở âm là âm Vũ, ở tiếng là tiếng rên, ở biến động là run rẩy, ở khiếu là lỗ tai, ở vị là vị mặn, ở thần khí xuất hiện trên tánh tình là lo ngại, tất cả những cái ấy đều là thần cơ ứng dụng biến thông trong Tam tài của hành Thủy mà con người là phần quan trọng.

Về màu đen thuộc Thủy quan hệ đến tạng Thận, ta nên mở rộng suy xét: như trong các vị thuốc có Thục Địa, đậu đen, hột Nữ Trinh đều đi vào Thận. - Cũng như thường tình nhìn vào màu đen, vật láng đều có tác dụng mát dịu và tăng gia nhuận ướt cho bộ tuần hoàn máu trắng.

Về âm Vũ, tiếng rên không những chúng nó xuất phát từ tâm lý buồn bã của Thận mà thôi, nó còn làm cho người nghe trở nên buồn bã lạnh lẽo. Muốn rành âm Vũ phải rõ tiếng rên mới nhận ra.

Về triệu chứng run rẩy có hai trường hợp: một là lạnh quá thấu đến Thận làm run, hai là ngại sợ quá không những làm run mà sắc mặt còn biến trở nên sạm đen nhất thời nữa. Như thế đều là việc có quan hệ đến Thận cả.

Con người khi đột ngột khủng khiếp quá thì tinh hoa trong Thận dương nhất thời tiêu tan, không khéo có khi đến chết mất. Tình cảnh của đất nước Việt Nam từ đệ nhị thế chiến đến giờ, biết bao nhiêu là người bị khủng khiếp quá vì những tiếng nổ của bom đạn đến nỗi mặt mày đen hắc ngã lăn ra mà chết. Đó là hiện tượng khủng khiếp quá hại Thận. Nếu người có thẩm xét suy tư thì sẽ chế bớt sự khủng khiếp e ngại. Đây cũng là hiện tượng Thổ chế Thủy trong năm hành của Tài nhơn trong người.

Con người khi bị lạnh quá hoặc bởi ăn uống thức lạnh nhiều quá thì sự tuần hoàn của máu huyết sẽ bị chướng ngại đình đốn làm đông đặc lại. Nếu có khí ấm ráo thì sẽ chế bớt cái lạnh. Đây cũng là hiện tượng Thổ chế Thủy của năm hành ở Tài thiên trong con người.

Vị mặn đối với con người là thứ không thể thiếu, nhưng nếu mặn quá làm cho tuần hoàn không lưu thông có tổn hại đến máu. Nếu gặp vị ngọt thì sẽ được chế bớt lại. Đây cũng là hiện tượng Thổ chế Thủy ở Tài địa trong con người.

Xét ra về phương diện tổn thương từ đoạn phương Đông xuống đến đây ta thấy có ẩn ba điểm sai biệt:

1. Phương Đông nói gió và vị chua hại đến gân. Trung ương nói khí thấp và vị ngọt hại thịt. Thế là thái quá tự hại.

2. Phương Nam nói khí nóng, vị đắng hại phần khí. Phương Bắc khí lạnh hại phần huyết. Thế là muốn nói tạng khắc thái quá mà tạng bị khắc bị hại (như Hỏa hại Kim, Thủy hại Hỏa).

3. Phương Tây lại nói nóng quá hại da lông, thế là bị tạng mạnh hơn làm hại. Nhưng lại nói cay hại da lông, lại là thái quá tự hại.

Đại khái sự bị hại của năm phương hướng có ba điểm khác nhau như thế. Theo Cảnh Nhạc thì ông cho rằng: phương Bắc mà nói ráo thắng lạnh, nếu dùng thứ tự chính của năm hành đáng lẽ phải nói thấp thắng lạnh, nhưng hàn với thấp vốn đồng loại không thể chế nhau, nên dùng chữ "ráo". Những điểm khắc nhau như thế đều bởi nhắm vào chỗ thiết yếu mà nói vậy thôi.

BẢNG NGŨ HÀNH TAM TÀI

NGŨ HÀNH	TÀI THIÊN	TÀI NHƠN	TÀI ĐỊA
MỘC	Phương Đông – gió – huyền – thần	Gan – gân – con mắt – đạo – trí – âm Dốc – tiếng quát nạt – gồng nắm – giận	Cây – vị chua – hóa – màu xanh
HỎA	Phương Nam – nóng	Tim – huyết – lưỡi – mạch – âm Chủy – tiếng cười – lo– vui	lửa – vị đắng – màu đỏ
THỔ	Trung ương – thấp	Tỳ – thịt – miệng – âm Cung – tiếng ca – nấc cụt – lo nghĩ	đất màu mỡ – vị ngọt – màu vàng
KIM	Phương Tây – ráo	Phổi – da lông – mũi – âm Thương – tiếng khóc – ho – lo	Loài Kim – vị cay – màu trắng
THỦY	Phương Bắc – lạnh	Thận – cốt tủy – lỗ tai – xương – âm Vũ – tiếng rên – lạnh run – e ngại	nước – vị mặn – màu đen

Đoạn 16

PHIÊN ÂM

Cố viết: thiên địa giả, vạn vật chi thượng hạ dã. Âm dương giả,

huyết khí chi nam nữ dã. Tả hữu dã, âm dương chi đạo lộ dã. Thủy hỏa giả, âm dương chi triệu trưng dã. Âm dương giả, vạn vật chi năng thỉ dã. Cố viết: âm tại nội dương chi thủ dã. Dương tại ngoại, âm chi sử dã.

DỊCH

Cho nên nói: trời đất là cái ở trên và ở dưới của vạn vật. Âm dương là nữ nam của huyết khí. Bên trái bên phải là đường lối của âm dương. Thủy Hỏa là hiện tượng cụ thể của âm dương. Âm dương là năng lực bắt đầu của vạn vật. Nên nói âm ở trong là để duy trì cho phần dương ở ngoài, dương ở ngoài là để bảo vệ cho phần âm ở trong.

GIẢI

Không có bầu khí quyện và quả địa cầu thì mặt đất không sanh sôi, vạn vật không xuất hiện. Nhưng địa cầu vận hành ở giữa không trung như một quả bóng bay, thế thì nói "trời đất là cái ở trên ở dưới của vạn vật" cũng được, mà nói trời đất là cái trong và ngoài của vạn vật cũng xong.

Nói "âm dương" tức là tổng quát tất cả hiện tượng tương đối, nói "huyết khí" là nói hai thể chất trong con người, nói "nam nữ" là nói hai tướng **cái đực** trong loài người. Ba cái ấy nghĩa tuy khác mà lý vốn đồng, cho nên tùy theo chỗ áp dụng mà có thể đem ra làm pháp so sánh Trong huyết khí vẫn có hàm chứa nghĩa âm dương, cũng như có hàm chứa nghĩa nữ nam vậy. Nên mới nói âm dương là nghĩa nữ nam của huyết khí.

Muốn phân trái phải cho minh bạch rõ ràng ta phải đứng quay mặt về hướng Nam mà giăng tay, thì ta sẽ thấy: trước mặt là Hỏa, sau lưng là Thủy, bên trái là hướng bắt đầu của động, bên phải là hướng đi về nẻo tĩnh. Động nóng là dương, tĩnh lạnh là âm.

Trong con người tạng Thận có hai quả đóng sát phía sau lưng dưới chẽn vừng, bên trái lệch về công năng Thủy mà là bên dương, bên phải là công năng Hỏa lại là bên âm. – Tạng Gan nếu lật lên mà quan sát thì hình

như bốn lá, để tự nhiên nhìn sơ qua bên ngoài thì hình như ba lá, nhưng khái quát có hai phần rõ rệt: phần nhỏ nằm phía trong tiếp giáp với Vị, phần to phía ngoài hông dính sát với sườn lệch về phía trước bên hông phải trên đụng chẽn vừng. – Tạng Tỳ có hai phần: phần Tỳ âm nằm dưới Vị lệch về phía sau, đầu cuống mắc liền với đuôi của Vị, đuôi lệch xéo về bên trái, tiếp giáp với Tỳ dương; còn phần Tỳ dương cũng lệch về phía sau. Nên cả hai đều đụng với Thận và chẽn vừng với hông sườn bên trái, mà bị khuất gần hết ở phía sau Vị. – Tạng Phổi nằm trên chẽn vừng dính sát với xương sống và sườn phía sau lưng, bên phải có ba lá, bên trái hai lá để nhường một khoảng trống cho Tim. – Tạng Tim trong mỗi người chỉ to bằng nắm tay, bên trái cuống mắc sát vào xương sống, dính liền với cuống Phổi, đuôi lệch về phía trái đàng trước để làm động cơ tuần hoàn.

Nếu phân âm dương theo tạng phủ thì Tim Phổi đều ở trên chẽn vừng đều thuộc dương; nhưng Tim là thuần dương, còn Phổi là âm ở trong dương. Gan và Tỳ đồng ở dưới chẽn vừng với Thận; nhưng Tỳ là thuần âm, còn Gan là tạng dương ở trong âm. Đến tạng Thận là tạng sâu kín nhất, ở trong nhất, và công dụng của nó thuộc về ở dưới nhất, tinh hoa của năm tạng đều thu về nó, nó lại có hai quả, cho nên công dụng của nó cũng có âm có dương.

Nếu phân âm dương theo trái phải thì bên trái của Thận là dương, bên phải là âm.

Năm tạng là hiện thân của năm hành, nếu ta tính theo thế tương sanh bắt đầu từ Thận bên trái thì ta sẽ thấy có sự liên hệ như sau: Thận Thủy bên trái phía sau nối liền với Can Mộc ở hông phải lệch phía trước, rồi nối với Tâm Hỏa nằm hẳn phía trước ngực lệch bên trái; rồi từ Thận bên phải phía sau nối liền với Tỳ Thổ bên hông trái lệch phía sau, rồi lên nối liền với Phế Kim bên phải nằm sát sau lưng.

Nếu ta giàu tưởng tượng ta sẽ thấy hình như xương sống là một cây trụ trồng trên mặt đất, bên dưới có trồng một thứ củ dây leo nẩy mầm lên hai gốc, mỗi gốc phát triển quấn vòng theo trụ một chiều khác nhau và mọc rễ bám vào trụ để phát sanh cành lá hoa quả, làm cho hai hệ thống có những chỗ tréo nhau tựa hồ như cặp rồng quyện nhau, đây là nghĩa bên trái bên phải là đường lối của âm dương. Chỗ này nếu thâm sâu vào bộ tuần hoàn máu trắng thì ta sẽ thấy rõ hơn. Bởi vậy nếu không

lưu tâm đến bộ tuần hoàn máu trắng là một thiếu sót vĩ đại. (Sẽ có hình)

Về nghĩa bên trái bên phải là đường lối của âm dương ở đây chỉ mượn nơi thân người để giải thích, nhưng rộng ra còn đến phần sáu khí vận hành lên xuống theo luật ly tâm hướng tâm của quả đất, sau này còn có dịp nhắc đến sẽ được biết rõ hơn.

Nói âm nói dương người ta khó thấy, nhưng nói lạnh nói nóng, nói nước nói lửa người ta dễ thấy. Cho nên nói Thủy Hỏa là hiện tượng cụ thể của âm dương.

Không âm dương tức là không động. Không có luật động thì vạn vật không nương đâu để sanh. Cho nên nói: âm dương là năng lực khởi thỉ cho vạn vật. Nhưng âm dương chỉ là hai hiện tượng biến huyễn đổi thay trong vòm vô cực để hóa sanh vạn tướng, chớ không phải là hai vật mà là hai hiện tượng nương nhau. Hễ không có âm thì không có dương, cũng như không có dương thì cũng không có âm, tựa hồ như là vỏ và ruột của một trái cây. Nên mới nói: âm ở trong là để cố thủ cho phần dương ở ngoài, và phần dương ở ngoài là để bảo vệ cho phần âm ở trong.

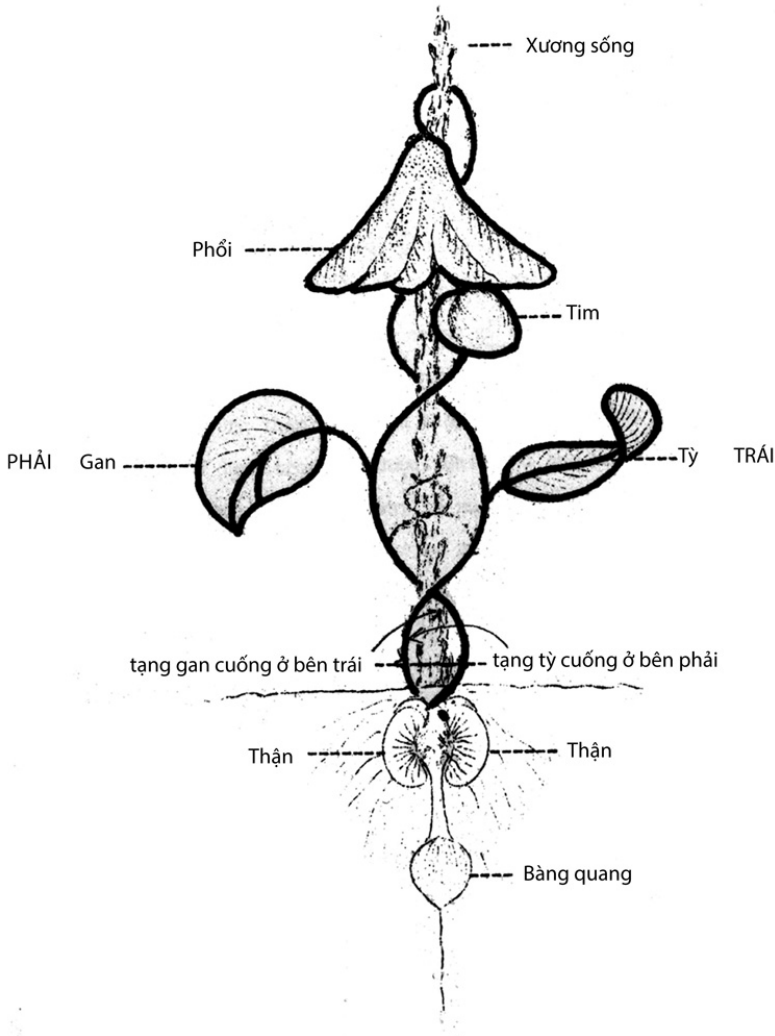
Nhìn suốt đầu thiên ta thấy: từ đoạn 1 đến đoạn 9 chỉ đơn độc một mình Huỳnh Đế nói lên cái diệu dụng biến hóa của âm dương trong Tam tài. Đến đoạn thứ 10 là câu hỏi của Huỳnh Đế về con người là tiểu bao la mà cũng là tiểu thiên địa. Rồi kế tiếp sáu đoạn liền Kỳ Bá vừa tiếp theo nghĩa âm dương của Huỳnh Đế, vừa vạch rõ từng hệ thống trong đồng nhất trật tự tương quan biến hóa lưu thông để đáp đúng câu hỏi của Huỳnh Đế, và làm sáng tỏ lý Dịch trong NỘI KINH, rồi kết thúc bằng một đoạn âm dương để nối liền cho những đoạn về bệnh lý sau này. Nếu ta tế nhận cho kỹ ta sẽ thấy trình bày rất là mạch lạc, mà trong đó bao gồm cả nghĩa lý Thái cực, Lưỡng nghi, Tam tài, Tứ tượng, Ngũ hành tương sanh tương khắc của lý Dịch. Và được nhấn mạnh ở Tài nhơn, làm cho ta thấy từ Thái cực đến ngũ hành đến con người vẫn không mất nghĩa đồng nhất mà vẫn rõ ràng trên trật tự tương quan biến hóa lưu thông nữa.

Nếu ta theo dõi bản đồ hệ thống Tam tài và Ngũ hành tương sanh tương khắc, thì ta càng dễ nhận được tất cả thâm ý hơn.

Dò lại câu hỏi của Huỳnh Đế ở đoạn 10 thì ta thấy 6 đoạn trả lời của Kỳ Bá vẫn chưa đá động đến vấn đề kinh mạch, huyệt đạo. Như thế tất có thâm ý gì, điều này mỗi người nên suy nghiệm sâu xa chín chắn.

Chúng ta nên nhớ: hết thảy những gì của người xưa nói ra để lại đều phần nhiều ý ở ngoài lời. Học cổ nhơn là cốt để áp dụng vào cuộc sống hằng ngày, nếu ta không thâm sâu thâu thập hết được những ý ngoài lời thì không thế nào ta áp dụng trọn vẹn được. Chính vì chỗ này mà không biết bao nhiêu người đọc NỘI KINH rồi cũng chỉ nhai lại những bã vứt đi của cổ nhơn mà thôi, chớ không phải là việc của chính mình phát minh. Theo tôi đây là một điều xấu hổ nhất trong việc học hỏi.

HÌNH 5.3: ĐỒ BIỂU NGŨ TẠNG TƯỞNG TƯỢNG THEO THẾ TRÉO



BÌNH

Con người khi lớn lên hễ có biết ăn uống là có biết nhai, có nhai nhuyễn thì thức ăn mới biến hóa thành chất bổ dưỡng để nuôi thân, còn chất thừa thải sẽ được gạn lọc bài tiết ra ngoài. Nếu không như thế không những không lợi ích gì mà còn có hại. Chỉ trừ trẻ con còn nằm trong nôi mới thích kẻ khác nhai sẵn và sún cho mình. Học hỏi cũng vậy. Nhưng tiếc thay! Phần đông chỉ thích nuốt trộng, cho nên tất cả những món thịnh

soạn quí hóa của cổ nhơn đều chỉ tổ gây thành một thứ bệnh văn học thực tích mà thôi.

Xưa vua Tề Hoàn Công đang to giọng đọc lại những trang sách của cổ nhơn, bên ngoài có bác thợ đẽo bánh xe đang làm việc. Nghe thế bèn bỏ đục búa chạy vào hỏi nhà vua rằng: Dám xin hỏi nhà vua đọc sách gì thế? – Vua đáp: Sách cổ nhơn. Hỏi: Cổ nhơn còn không? – Đáp: Đã chết. Bác thợ đẽo bánh xe tiếp: Thế thì nhà Vua chỉ nhai lại những cái bã vứt đi của cổ nhơn, có lợi ích gì? Vua nghe thế giận lắm nói: À! Ngươi là thợ đẽo bánh xe có việc của ngươi, ta đang đọc sách có can hệ chi ngươi mà ngươi vào làm rối, ngươi có biết tội khi quân đến dường nào không? Nếu nói xuôi thì ta tha, không thì ngươi sẽ mất mạng. Vậy ngươi nói như thế là ý gì? Người thợ đẽo bánh xe chậm rãi thưa: Muôn tâu Bệ hạ, hạ thần đâu dám khi quân. Nhưng thưa Bệ hạ! Gia đình hạ thần ba đời làm nghề đẽo bánh xe, về thước tấc thì ông có thể truyền cho cha, cha có thể truyền lại con; còn như về tinh thần ý tứ khi lắp bánh xe vào cốt, phải áp dụng đến lửa nung nếu lỏng một chút thì sẽ rơi ra, chật một chút thì sẽ không dùng được; tinh thần hạ thần thâm nhập, ý tứ hạ thần nhịp nhàng, tay chân hạ thần khéo léo nhanh nhẹn, sớm một chút không được, trễ một chút cũng không được, việc này ngoài thước tấc. Cho nên ông hạ thần cũng không thể dạy lại cho cha hạ thần, cha hạ thần không thể truyền cho hạ thần, đến hạ thần cũng không thể truyền lại cho con hạ thần được, mỗi người chỉ phải nhập thần rồi tỏa sáng, điều đó chẳng có ai làm thế cho mình cả. Hạ thần thiển nghĩ việc học cổ nhơn có lẽ cũng phải như vậy.

Đến đây nhà vua tỉnh ngộ và không làm tội người thợ đẽo bánh xe nữa.

Ôi! Như thế tinh thần học hỏi của ta há dễ xem thường được sao?

Có người bạn cùng đọc thiên này đến đây bèn nói với tôi: Như thế tức là mình với Thái cực là một? – Tôi nói: Nếu ai nói "một" thật ra không phải trật nhưng chưa đến trúng; nếu ai nói "khác" tuy vẫn chưa trúng nhưng chưa đến trật. Người bạn hỏi: Như thế nghĩa là sao? – Tôi đáp: Nghĩa là thuộc về phía trong bụng của anh, hãy nghiệm thử! Nghiệm thử! Đừng nói thêm! Đừng nói thêm!

Hỏi: Cuộc sống là tương giao, là thách đố, là xung động mà con người là một thứ hiện tượng ở trong biển hiện tượng tương đối, vậy ta phải sống cách nào? – Thưa: Hễ có cái TÔI thì cái TÔI phải bị chịu ở trong trời đất để thọ lãnh tất cả, nếu không có cái TÔI thì cái TÔI là vô cực và hết thảy trời đất đều ở trong TÔI. Ngẫm nghĩ! Ngẫm nghĩ!

Hỏi: Như thế rồi mình không có được gì hết sao? – Đáp: Vì nghĩ chiếm phần "có được" cho nên hóa ra "bị". Muốn đừng bị thì đừng được.

Có người hỏi: Nói "ở bao la là huyền và huyền sanh thần" cũng như nói "Thái cực sanh Lưỡng nghi", vậy sanh bằng cách nào? – Đáp: Xin nghe đây:

Bao la không tròn khuyết,
Không tròn khuyết, tròn thật
Bao la không **có không**
Không **có không** có thật
Bao la không **sáng tối**
Không **sáng tối** sáng khắp
Bao la không động tĩnh
Không động tĩnh động khắp
Tròn sáng và lặng soi
Duyên sanh thành vạn huyễn

Trong nhiều có một
Trong một có nhiều
Nhiều tức là một
Một tức là nhiều
Trong phàm có thánh
Trong thánh có phàm
Trong **có** có **không**
Trong **không** có **có**
Có tức là **không**
Không tức là **có**
Trong **chơn** có **vọng**
Trong **vọng** có **chơn**
Chơn tức là **vọng**

Vọng tức là **chơn**

Chơn với vọng xen suốt
Nhiễm với tịnh thông nhau
Nhân với quả đồng thời
Trước với sau một lúc
Tất cả đều **Quang Năng**
Tất cả đều là **Lực**
Ai muốn vào cõi thật
Hãy quay trở vào mình
Một phút suốt cội nguồn
Liền rơi vào **Thái cực**
Ai muốn nghĩ có được
Là mò trăng đáy nước
Ai thấy biết như thế
Là có sự sống thật
Không thấy biết như thế
Cõi sống thành cõi chết
Quỉ thần sợ chuyện này
Quỉ thần cũng tiêu diệt
Nếu thiếu sót chuyện này
NỘI KINH đọc vô ích
Chấp chặt trên chữ lời
Lưu thông thành bế tắc.

Đoạn 17

PHIÊN ÂM

Đế viết: pháp âm dương nại hà?

Kỳ Bá viết: dương thắng tắc thân nhiệt, tấu lý bế, suyễn thô vi chi phủ ngưỡng, hạn bất xuất nhi nhiệt, xỉ càn, dĩ phiền oan, phúc mãn tử, năng Đông bất năng Hạ.

Âm thắng tắc thân hàn hạn xuất, thân thường thanh, sác lật nhi hàn, hàn tắc khuyết, khuyết tắc phúc mãn tử, năng Hạ bất năng Đông. Thử âm dương cánh thắng chi biến, bệnh chi hình năng dã.

DỊCH

Huỳnh Đế hỏi: Căn cứ vào âm dương mà lập pháp để điều chỉnh thế nào?

Kỳ Bá thưa: Hễ dương thắng thì mình nóng, tấu lý vít lại, hơi thở suyễn thô hoặc cúi hoặc ngửa, không có mồ hôi và nóng, răng khô, nóng uất lăn lộn, bụng đầy thì chết, có thể chịu nổi ở mùa Đông không thể chịu nổi ở mùa Hạ.

Nếu âm thắng thì mình lạnh mồ hôi ra, sờ vào thấy mát lạnh, thường hay lạnh run, hễ khi lạnh run thì làm khuyết nghịch, khuyết nghịch thì bụng đầy, bụng đầy thì chết, có thể chịu nổi ở mùa Hạ không thể chịu nổi ở mùa Đông. Đó là sự thay biến chênh lệch lên xuống của âm dương, là triệu chứng trong bệnh tật.

GIẢI

Để cấu kết ý tứ từ đầu thiên và liên hệ mật thiết xuống bao nhiêu đoạn dưới. Nên trên đoạn 16 kết bằng âm ở trong dương ở ngoài, âm dương phải nương nhau mà tồn tại và âm dương là hai phương diện hai hiện tượng trong một thực thể không thể tách rời trong đó hóa cơ mới xuất hiện. Trời đất cũng thế, vạn vật cũng thế, trong con người cũng thế. Đến đoạn này luận giả vẫn tiếp tục trình bày khái quát về sự biến động của âm dương chênh lệch sanh ra bệnh tật, để mở đầu đáp câu hỏi của Huỳnh Đế.

Ý luận giả nói: âm dương như là hai giá cân, nếu phần dương trong con người quá nhiều không cân xứng với phần âm thì có triệu chứng mình nóng, tấu lý vít lại. Nhưng vì sao mà mình nóng và tấu lý vít lại? Chỗ này có liên quan đến ý nghĩa "lửa nhiều quá thì khí bị cháy, lửa vừa phải thì mới hoá sanh khí" ở đoạn 6 đầu thiên. Vì khí bị đốt cháy hết nên tấu lý vít lại mà sức nóng không được bài tiết.

Khi mũi hít vào Phổi trương nở, không khí được chuyển đi thấu suốt đến tận bên dưới, vượt lên đến tận bên trên, tung ra khắp mặt da bên ngoài làm thành thế thở của mặt da. Khi hơi thở ra Phổi thu lại, tất cả lỗ chân lông ngoài mặt da đều hút vào. Giờ mặt da bị vít lại. Mũi hít vào da không thể thở ra, miệng thở ra da không thể hút vào tạo thành cái thế tương tự như một người bị sơn bít cả mặt da lông. Sự bài tiết ở mặt da bị đánh thốn trở vào bộ hô hấp gây thành cái thế bức rứt thở không kịp và không lưu thông, nên hơi thở kêu và hiện ra tướng hoặc cúi hoặc ễnh. Vì tấu lý vít lại sức nóng đốt cháy hết phần khí, cho nên mặt da không có mồ hôi. Sức nóng dội trở vào trong bộ tiêu hóa, xông lên miệng làm răng khô. Nóng uất đình trệ vào Tam tiêu làm bức rức lăn lộn và bụng đầy để đi đến chết. Chứng nguy hiểm nhất của Tam tiêu là bụng căng đầy, điều này ta phải nên ghi nhớ.

Nói "có thể chịu nổi ở mùa Đông, không thể chịu nổi ở mùa Hạ" tức là nói khái quát nếu bệnh phát ở mùa Đông thì còn có chút hy vọng, nếu phát ở mùa Hạ thì nguy. Đây cũng là nghĩa muốn nói trường hợp này chỉ chịu cái mát chứ không chịu được cái nóng, để kết thúc khái quát bị lệch về phần dương.

Ngược lại nếu lệch về phần âm thái quá thì mình lạnh, da hở (biểu hư) mồ hôi ra, sờ vào thấy lạnh tức là trong ngoài đều lạnh. Nói thường hay lạnh run làm khuyết nghịch, tức là chứng hàn khuyết bởi trong ngoài đều lạnh. Nếu khuyết nghịch do bệnh lạnh mà bụng không căng đầy nghĩa là Tam tiêu chưa đến nỗi bế tắc thì đâu đến nỗi chết, đàng này bụng đã căng đầy cho nên chết. Đã là bệnh lạnh lẽ tất nhiên chỉ có thể chịu được ở mùa Hạ. Đây cũng là nghĩa nếu phát ở mùa Hạ thì còn hy vọng, và đã là bệnh lạnh tất nhiên chỉ thích cái nóng chớ không thích cái lạnh. Cả hai trường hợp đều bởi âm dương chênh lệch biến động mà hiện ra hai hệ thống triệu chứng khác nhau. Và như thế là luận giả chỉ mới khái quát về âm dương chênh lệch, chớ chưa phải giải đáp trọn vẹn ý câu hỏi.

Có người hỏi: Tại sao bên hệ thống dương thắng lại có triệu chứng hoặc cúi hoặc ngửa mà không chỉ là cúi hay ngửa thôi? - Đáp: Đây còn là tùy theo cơ thể mỗi người lúc bình thường.

BÌNH

Có người nói: đoạn này hình như câu hỏi với câu trả lời không ăn khớp nhau, tại sao? - Đáp: chỉ chú trọng đến cái quả không lưu ý đến cái nhân, cắt khứa sự việc ra từng mảnh vụn; đó bệnh lý trí của ngày nay. Nhìn suốt trọn vẹn sự việc, luôn luôn lưu tâm đến cái nhân, không bỏ qua tương quan trật tự; đó là tinh thần của bực thông đạt.

Nếu tự thiên đầu, ta tiêu hóa được hết và tuần tự đọc kỹ đến hết thiên này, rồi biết đâu ta lại không nói phải đáp bằng cách như thế mới mạch lạc lưu thông đúng với sự thật! Và ta mới thấy được hết thảy các bậc thần y đều phải từ tinh thần NỘI KINH mà xuất hiện, là một việc chẳng có gì là lạ.

Đoạn 18

PHIÊN ÂM

Đế viết: điều thử nhị giả nại hà?

Kỳ Bá viết: năng tri **thất tổn bát ích**, tắc nhị giả khả điều; bất tri dụng thử, tắc tảo suy chi tiết dã.

Niên tứ thập nhi âm khí tự bán dã, khởi cư suy hỉ. Niên ngũ thập thể trọng, nhỉ mục bất thông minh hỉ.

Niên lục thập âm nuy khí đại suy, cửu khiếu bất lợi, hạ hư thượng thiệt, thế khấp câu xuất hỉ.

Cố viết: tri chi tắc cường, bất tri chi tắc lão.

Cố đồng xuất nhi danh dị nhỉ. Trí giả sát đồng, ngu giả sát dị. Ngu giả bất túc, trí giả hữu dư. Hữu dư tắc nhỉ mục thông minh, thân thể khinh cường, lão giả phục tráng, tráng giả ích trị.

Thị dĩ thánh nhơn vi vô vi chi sự, lạc điềm đạm chi năng, tùng

dục khoái chí ư hư vô chi thủ. Cố thọ mạng vô cùng, dữ thiên địa chung. Thử thánh nhơn chi trị thân dã.

DỊCH

Huỳnh Đế hỏi tiếp: thế rồi muốn điều chỉnh hai trường hợp âm dương chênh lệch như thế phải làm sao?

Kỳ Bá thưa: nếu có thể biết được cái lẽ **thất tổn bát ích**(1) thì hai trường hợp ấy có thể điều chỉnh. Nếu không biết được như thế thì sẽ bị sớm già suy.

Con người khi tuổi độ 40 là khí âm đã hao đi phân nửa, đi đứng đã suy. Đến 50 thì cơ thể nặng nề, tai mắt kém tỏ sáng. Đến 60 thì bộ sanh dục teo, khí cả suy, 9 khiếu không thông, dưới hư trên thiệt, nước mũi nước mắt thường chảy. Cho nên nói: biết được thì khỏe mạnh, không biết được thì già suy.

Cho nên đồng ra một đường mà tên gọi có khác. Người trí quan sát thấy đồng, kẻ ngu thấy khác. Người ngu không đủ, người trí có dư. Có dư thì tai mắt tỏ sáng, thân thể khỏe mạnh nhẹ nhàng, tuổi già có thể mạnh lại, tuổi trẻ càng thêm mạnh.

Cho nên các bực thánh nhơn chỉ làm cái việc không làm, lấy điềm tĩnh đạm bạc làm vui, lấy lòng rỗng rang vô sự làm thỏa thích. Nên thọ mạng không cùng, với trời đất đồng chung, đó là phép trị thân của thánh nhơn vậy.

CHÚ THÍCH

(1) **Thất tổn bát ích**: nghĩa chữ "tổn" là tiêu hao, chữ "ích" là tăng trưởng. Số 7 là số tuổi đợt đầu của con gái, con gái là âm, bắt đầu từ một tuổi đến sáu tuổi là qua khỏi số năm hành là đến số âm cực, sang bảy tuổi là âm cực sanh dương, thế là con gái là âm mà được con số dương. Đến đợt thứ hai là 14 tuổi là đợt dương cực sanh âm, thì Thiên quý xuất hiện, cơ sanh dục trưởng thành. Và chỉ đến đợt thứ bảy là hết cơ sanh dục.

Số 8 là đợt đầu của tuổi con trai, con trai là dương; dương bắt đầu từ một tuổi đến bảy tuổi là qua khỏi số năm hành đến hồi dương cực, sang 8 tuổi là dương cực sanh âm, thế là con trai là dương mà được số âm. Đến đợt thứ hai là 16 tuổi, thì Thiên quý xuất hiện, tinh khí đầy đủ, cơ sanh dục trưởng thành. Và đến đợt thứ tám là cơ sanh dục cáo chung.

Như ta đã biết âm dương chỉ là hai hiện tượng xuất phát từ một gốc, âm cực biến dương dương cực biến âm, mà thế quân bình chỉ là thế sống, chớ không phải là thế chết tê một chỗ và bằng nhau một mực; cho nên âm dương không thể tách rời mà phải qui về một gốc. Trong con người cũng vậy, do đó mới mượn con số 7 và số 8 mà lập thành danh từ "thất tổn bát ích" để nói lên cái lẽ âm dương tiêu trưởng, và đặt nền tảng cho đạo sống vậy.

GIẢI

Đoạn trên luận giả chỉ mới đưa ra hai hệ thống của hiện tượng âm dương trong con người mất quân bình sanh ra bệnh tật một cách khái quát. Vì vấn đề vẫn chưa rồi, nên Huỳnh Đế mới tiếp tục ở đoạn này để hỏi tiếp về phép điều chỉnh âm dương trong khi bệnh tật. Thế mà từ đây cho đến hết đoạn 18, Kỳ Bá chỉ vạch rõ cho thấy tai hại của sự đau khổ chỉ do ngu muội sai lầm tự làm cho thế quân bình nội tại bị đổ vỡ, và đặt nền móng chính nhân cho cuộc sống yên vui hạnh phúc; hoàn toàn lập luận trên vấn đề đổi nhân chớ chưa hề đề cập đến sự xê dịch cái quả. Như thế đủ thấy trong đó có hàm chứa một nghĩa lý sâu xa man mác ngoài lời, chúng ta không thể không để ý. Vào sự lập luận luôn luôn bắt từ một gốc mà mở ra muôn ngành, và muôn ngành qui về một gốc. Đây là điểm đặc sắc nhất của NỘI KINH mà chúng ta cũng cần phải để ý.

Ý Kỳ Bá muốn nói: nếu ai biết rõ âm dương chỉ là hai hiện tượng trong một thực thể, và biết được cái lẽ xoay vần thăng trầm tiêu trưởng, để tinh thần đừng bị phóng theo vật dục bên ngoài, vướng kẹt trong hiện tượng đối đãi thì sẽ khỏi xảy ra thế mất quân bình biến động gây thành tai ương đau khổ. Nghĩa là biết đặt cái nhân không có tướng nhân thì sẽ được cái quả không có tướng quả. Nếu không biết như thế thì cuộc sống không sao khỏi gặp phải yểu ương.

Con người là hồi tụ của bao la, là tinh hoa linh diệu của trời đất, là

đồng nhất của hai khí âm dương. Lúc phôi thai, con người cùng với vạn vật đều bắt đầu từ thể lỏng của thiên nhứt, do đó mà tạng Thận được có trước, rồi từ đó sanh sôi đến khi hoàn thành một con người, tựa hồ như loài cây khởi thỉ bằng cái nhân trong hột rồi sanh sôi nảy nở cành lá sum sê.

Mạch sống của con người phần khí tiếp xúc với bao la nương nhờ nơi Phổi, phần chất thâu thập ở ăn uống phải nương nhờ nơi Vị, và tinh hoa tất cả toàn thân theo hai hệ thống khí huyết mà được thống hợp tinh luyện để tàng trữ thì phải nương nhờ nơi Thận. Như thế tạng Thận là tạng bí hiểm trong con người, cũng như củ trối dưới gốc của loài cây. Nếu gốc nguyên vẹn mà ngọn có bị tổn thương cũng còn khả dĩ, nếu ngọn nguyên vẹn mà gốc mất đi thì quyết định không phải là cơ tồn tại. Đây là điểm trọng tâm suốt tận thiên đầu.

Bẩm tính con người vốn khác hơn vạn loại là ở chỗ có sẵn đủ hai khả năng: một là **hướng ngoại**; mâu thuẫn, tiêu hao, phân hóa làm tổn thương cho năng lực sinh tồn để rồi lãnh lấy sự đào thải của luật âm dương trong trời đất. Hai là **hướng nội**; trật tự tương quan, vẹn toàn năng lực mạch sống để cùng với bao la đồng nhất. Nhưng than ôi! Sanh ra mà biết ngay, trên đời thật chẳng có ai, và bài học bao giờ cũng phải trả giá. Cho nên trong cuộc sống mâu thuẫn hướng ngoại của thế gian đến 40 tuổi mà khí âm đã suy giảm hết đi phân nửa là phải. Nhưng khí âm là gì? Tức là nghĩa khí tinh hoa của phần âm mà thường gọi là chơn âm, nghĩa là tinh khí vậy. Thế là muốn nói sự tổn hao đến nguồn cội. Nhưng tại sao lại dùng con số 40? Đây chẳng qua căn cứ vào con số 8 của người nam mà diễn đạt, vì chung cuộc sinh cơ của người nam rộng lớn hơn của người nữ, và trong đây còn ẩn một ý nghĩa là 40 chưa được nửa trăm mà đã tổn hết đi phân nửa, và đi đứng đã suy kém. - Cứ theo cái đà trên mà sống lẽ tất nhiên đến 50 tuổi cơ thể phải nặng nề, tai mắt phải không còn tỏ sáng nữa. Tức là sự vận chuyển tinh hoa trong con người từ tạng Thận bên dưới không đủ để lên các bộ phận tận bên trên, tai mắt không được tinh huyết tiếp dưỡng đầy đủ lẽ tất nhiên phải thiếu tỏ sáng.

Thành phần trọng yếu của bộ sanh dục trong cơ thể là gân và thần kinh động tác, nhưng gân và thần kinh động tác được hoạt động mạnh mẽ là nhờ ở tinh khí. Nay tinh đã kiệt, khí đã hao, nhiệt lực dùng để cổ võ cho gân và thần kinh động tác không có nữa lẽ tất nhiên bộ sanh dục phải teo và hết hoạt động. Cho nên mới nói: đến 60 tuổi bộ sanh dục teo rũ và

khí trong người cả suy. Tinh hoa khí huyết đều suy, phần Thiên quý đã cạn hết các mạch tuần hoàn máu trắng thông đồng ra các khiếu đều vít lại. Cho nên 9 khiếu không lưu thông nữa.

Tạng Thận là tạng gốc, nay gốc đã khô kiệt, trên ngọn chỉ còn tạm sống đợi thì, trên dưới mất quan hệ bình thường. Nên ở dưới hư, ở trên thiệt, và làm cho nước mắt nước mũi đều chảy tuôn.

Khắp vũ trụ, suốt vạn vật, thấu hết thân người không đâu không là hiện tượng của âm dương tiêu trưởng. Nếu ta thấu suốt được ta thì hiện tượng vẫn là hiện tượng, ta vẫn là ta, tài tình danh lợi, vật chất sắc dục gợi trêu không còn là chuyện bí hiểm ghê gớm nữa, và bao la với ta chỉ là đồng nhất tương quan trật tự biến hóa lưu thông mà thôi. Nhìn lại vấn đề nam nữ quả đúng như Phật đã nói trong *Kinh Lăng Nghiêm* là: hai cành lau đồng một gốc mà gác lên nhau rồi thâu lấy cảm giác, thật là trơ trẽn!

Còn một điều bí hiểm nữa mà mỗi người chúng ta cần phải nên biết: là khi con người biết quay trở vào trong thấu suốt được mình, thì cái TÔI muôn thuở tức khắc rơi đi và năng lực của bao la là năng lực của mình, kho tàng năng lực trong cơ thể hồi đó luôn luôn được trực tiếp hồi tụ từ bao la. Thế là chính mình là bao la chớ không phải mình không rời bao la. Quả thật là hễ vướng vào trong cái TÔI là vướng vào trong thế kẹt, và tường thành cách bức ấy chẳng qua chính là do tự mình chế tạo lấy mà thôi. Đây là điểm bí mật của tinh thần bài kệ của ông Di Lặc mà trước kia tôi đã có dịp nhắc đến. Cho nên mới nói: hễ biết được như thế thì khỏe mạnh, không biết được như thế thì già suy.

Vốn đồng một nguồn năng lượng vô tận mà biến ra thành hai hiện tượng hình như là trái ngược lẫn nhau. Cho nên hễ là tâm lý chưa được trưởng thành đều thấy ra là hai vật. Tổ Huệ Năng có nói: "không với có phàm phu thấy ra hai, người trí thấy không hai. Cái không hai ấy chính là tánh thật của vạn pháp". Người đời vì u mê tà kiến thấy ra là hai, làm cho cuộc sống hằng ngày càng cách bức với năng lực nguồn cội của bao la. Cho nên cuộc sống luôn luôn xảy ra xung chướng hao hụt. Bởi vậy mới nói: người ngu lúc nào cũng thiếu, người trí lúc nào cũng có dư.

Bí yếu của đạo sống không ngoài nghĩa thuận với tự nhiên, chính mình là bao la thì nơi mình chẳng có thiếu gì cả, tai mắt tự nhiên tỏ sáng,

thể xác tự nhiên nhẹ nhàng khỏe mạnh, đúng với nghĩa đồng nhất tương quan trật tự biến hóa lưu thông, khỏi cần phải làm thêm một điều giả tạo nào cả, mà tuổi già vẫn được khỏe, còn trẻ vẫn được bình an, cuộc sống tự nhiên an lạc, chớ không phải đợi nỗ lực xung chướng để luyện tinh hóa khí, luyện khí hóa thần rồi phải luyện thần hườn hư để rốt lại cái hư ấy chẳng qua chỉ là một thứ giả đò giả bộ hư bên ngoài; dẫu có được khỏe mạnh sống lâu chăng nữa, tâm địa ấy cũng trở thành một thứ quỷ giữ thây ma mà thôi. Quả thật! Quả thật! Nếu một mảy may đừng lập thì sức mạnh không thể nghĩ bàn.

Thánh hiền tiên Phật là gì? - Chẳng qua chỉ là những con người bình thường; còn hết hết thảy thế gian đều bị rơi vào cái mất bình thường, cho nên tai vạ đua nhau mà đến. Nhưng tại sao thánh hiền tiên Phật lại được bình thường? - Thiền gia thường nói: Chẳng cần tìm cái thật, chỉ nên ngừng cái dối mà thôi. Nhà Phật nói: Ta không tu gì cả chỉ tu cái không tu, ta không làm gì cả chỉ làm cái không làm, ta không nói gì cả chỉ nói cái không nói. Thế nghĩa là sao? - Con người nương vào đất, đất nương vào trời, trời nương vào linh không vô cực. Linh không vô cực mãi mãi vẫn y nhiên nào có cố tình nghĩ ra để làm gì đâu! Vậy mà vẫn có trời, có đất, vũ trụ muôn vàn. Và trời đất cũng có làm gì đâu! Mà vạn loại sanh sôi phồn thịnh. Cho nên biết: Cái dốt nát của loài người chỉ là "không biết làm cái không làm", và đại phát minh duy nhất của loài người cũng chỉ là cái "không làm gì" mà thôi. Chỉ có khả năng không làm gì hết mới làm nổi tất cả, không có gì hết mới có nổi tất cả, không biết gì hết mới biết được tất cả. Thế là không làm gì hết mà không gì chẳng làm. Cho nên mới nói: thánh nhơn chỉ làm cái việc không làm. Và chỉ có những kẻ không làm gì cả mới có đủ khả năng điềm tĩnh đạm bạc với một cuộc sống an lạc thảnh thơi, không bị cái u mê nó che khuất. Đây chính là nghĩa "rỗng rang rời rảnh, động dụng đừng mê" vậy.

Cuộc sống mà mâu thuẫn là cuộc chết; vướng kẹt vào cái TÔI là bị trói, là địa phủ; tâm thức vặn tréo xoáy ốc muôn chiều là khổ lụy đau thương; sanh tử, quả báo, luân hồi đều từ đây phát khởi. Một phút xuôi dòng là ánh sáng tự tại quang minh xuất hiện. Cho nên lòng miệng phải như nhau, trong ngoài đồng nhất; nếu ngoài có điềm đạm mà trong không có hư vô tức là điềm đạm giả đò, là đạo đức giả; thì làm sao biết được giá trị của hư vô để mà bằng lòng với rỗng rang rời rảnh. Cho nên thánh hiền chỉ khác hơn người đời ở chỗ thỏa mãn với không có gì. Nhờ đó mà thọ mạng không cùng, trời đất với con người không có ranh giới. Đây là

phương pháp trị thân độc đáo của tất cả thánh hiền trong muôn thuở.

Người ta lầm hai chữ thọ mạng rồi người ta hì hục đi tìm cái trường sanh cửu thị (sống lâu) để rồi trong khi đi tìm cái sống lâu hóa ra đi tìm cái đoản mạng. Cho nên nếu căn cứ vào bên ngoài mà nói thì Bành Tổ vị tất đã là thọ, Nhan Hồi vị tất đã là yểu, điều này ta phải cẩn thận suy tư.

Kinh Dịch nói: "Lành dữ khổ vui đều bởi động - Chẳng động là to nhất". Vậy thế nào là chẳng động? Lục Tổ nói: "Ai muốn có cái chẳng động, phải biết trong động có chẳng động". Thế mới biết: nói động, nói chẳng động đều căn cứ ở tâm chớ không phải ở tướng vậy.

BÌNH

Chẳng ai xui cũng chẳng ai bảo, thế mà chưa từng thấy ai khi vừa có thân mà thấy nghe hay biết lại không phóng vọt ra ngoài trước. Nên có người bảo hài hước rằng: bệnh hướng ngoại là bệnh của trời cho, thật cũng có lý. Thế mới biết: hướng ngoại là bệnh cổ điển của muôn loài, là tội tổ tông ăn trái cấm…

Chưa thấy ai chưa hề bị thất bại mà biết thận trọng. Thế mới biết: sửa sai là bệnh muôn thuở của con người.

Hễ có thân tất có ưa vui sợ khổ, tránh khổ tìm vui. Cho nên biết: tất cả chúng sanh đều không phải là cái đứng yên một chỗ.

Mỗi một bước thất bại đau thương là một bước tiến sâu vào bài học kinh nghiệm. Cho nên biết: không một chúng sanh nào mà không tìm lối thoát. Như thế nghĩa là sao? - Nghĩa là chúng sanh nào cũng phải tu, chúng sanh nào cũng phải mắc tội tổ tông, chúng sanh nào cũng phải bị ăn trái cấm chạy nọc mà không hay biết.

Nếu bàn chân chưa dẫm nát gai chông, khuôn trán chưa răn reo sạm nắng, bát cơm chưa chan nước mắt, dòng sinh mệnh chưa từng bị ăn sắt cục uống nước đồng sôi thì máu thánh hiền chưa trỗi dậy. Thế mới biết: không chúng sanh nào mà không phải thánh hiền sẽ đến, cũng không một

thánh hiền nào không từ chúng sanh mà ra.

Chưa hề thấy cây đá, những vật vô tình cố tình làm chướng ngại con người, chỉ có động vật với con người làm chướng ngại lẫn nhau mà con người là to nhất. - Một đầu nguồn thác đổ vô số khối đá trôi lăn, đá va chạm với đá xuống tận cuối dòng, hòn nào hòn nấy cũng đều tròn quay nhẵn thín. Thế mới biết: một đại cuộc tương giao thách thức, va chạm, xung chướng, đáp ứng, phản hồi là một lò cừ ung đúc độ rỗi lẫn nhau không sao tránh né.

Chưa hề thấy một khối đá tam giác tứ giác mà được tự do lăn chuyển, cũng chưa hề thấy một vật đóng cứng đặc kẹo mà được tự do biến hóa. Thế mới biết: tròn với lỏng là hai sự cần thiết cho biến hóa lưu thông.

Một hòn bi không trong suốt nhẵn thín, thì bóng của tất cả bao la không thể chiếu vào. Thế mới biết: chỉ có trong suốt, tròn quay, nhẵn thín mới thu nổi tất cả hình bóng của bao la.

Trong muôn vạn cái tròn chỉ có cái không khuyết là tròn nhất, nhưng trên thế gian này chưa hề có một vật không khuyết. Thế mới biết: chỉ có hư không mới thật tròn.

Hết thảy sự mất mát đều quy về cái có, chớ chưa hề nghe ai nói mất cái không. Thế mới biết: cái không có gì hết mới là cái vững chãi nhất.

Từng nghe người ta nói: tôi làm ra cái gì ấy, chớ chưa hề nghe ai nói tôi làm ra cái hư không. Thế mới biết: làm ra hư không thì hư không ấy là một thứ có.

Hễ có khổ thì có tìm lối thoát, hễ thoát được rồi thì muốn nói lên cái việc thoát khổ. Cho nên biết: trong chúng sanh có thánh hiền, trong thánh hiền có chúng sanh; chúng sanh độ rỗi thánh hiền, thánh hiền độ rỗi chúng sanh; chúng sanh là cha mẹ của thánh hiền, thánh hiền là cha mẹ chúng sanh; chúng sanh với thánh hiền là hai hiện tượng.

Hễ vừa mới biết đạo thì thấy kẻ khác quấy mình phải; khi biết đạo nhiều nhiều thì thấy kẻ khác cũng có quấy có phải, mình cũng có quấy có phải; đến khi thiệt biết đạo rồi thì thấy chẳng có ai quấy cả, chỉ có mình quấy hay không quấy mà thôi. Thế mới biết: cảnh không có thuận nghịch, chỉ lòng người sáng hay mê. - Vì thế nên Khổng Tử nói: "Khắc kỷ", nhà Phật nói: "Tiêu quy tự kỷ", Thang Vũ nói: "Hữu tội vô tội vi ngã tại", Jésus nói: "Ai là người không có tội mới nên xử kẻ khác".

Hai giá cân chở đầy nhóc nặng trĩu, dù có ngang nhau chẳng qua cũng chỉ là thứ quân bình chết. Thế mới biết: đừng chở gì hết cho đến cái không chở cũng không chở nữa, là thứ quân bình nhất.

Bao la chẳng có nói tài hay không tài, trời đất cũng chẳng có nói tài hay không tài, vạn vật cũng chẳng có nói tài hay không tài, thế mà cái lẽ đồng nhất, trật tự, tương quan, biến hóa, lưu thông vẫn không mất. Thế mới biết: cái chia ly, phân hóa, cắt khứa, phức tạp, rối rắm, ứ trệ, loạn ly là tại có thằng người.

Hễ có tài trói được thì phải có tài mở được. Chỗ nào trói chỗ đó phải mở. Thế mới biết: cái tam tài là do cái bất tài của con người mà có ra.

Rảnh rang không là gì cả là cái dễ làm nhất, siêu tuyệt nhất. Vì thế mà cũng là cái khó làm nhất, cái thiên hạ sợ nhất. Thế mới biết: bảo nên bỏ cái xấu đi tìm cái tốt, là việc bất đắc dĩ của thánh hiền.

Ai dùng thuốc nhiều nhất là kẻ có bệnh hoạn nhất. - *Kinh Dịch*, NỘI KINH, kinh Phật, kinh Chúa v.v. nếu gom lại hết dẫu cho trâu kéo cũng đổ mồ hôi; hết thảy đều vì con người mà làm ra, đều do con người mà có, đều thuộc về của con người, đều là một kho tàng thuốc men vĩ đại. Thế mới biết: chỉ có con người là nhiều bệnh hoạn nhất.

Kinh Dịch chú trọng vào Tài nhơn, tuy nói bao la không cùng nhưng rốt lại cũng chỉ có "lành dữ khổ vui đều bởi động, chẳng động là to nhất". Toàn bộ NỘI KINH cũng chỉ chú trọng đến thân tâm con người, tuy nghị luận bao hàm man mác nhưng rốt lại không ngoài "cơ mầu dấy động họa phúc liền sanh, điềm đạm rỗng rang bệnh nào phát khởi". Trọn cả ba bộ thánh giáo của nhà Phật diễn nói không biết cơ man nào mà kể,

nhưng tóm lại cũng không ngoài ý:

“Buông lòng không u tối

Rắc rối làm gì sanh.

Nhờ được cái không được

Mặt thật hiện nguyên hình.

Rỗng rang bình đẳng suốt

Tục lụy biến thanh bình”.

Làm thinh! Làm thinh! Ngẫm nghĩ! Ngẫm nghĩ!

Cả hai phần Tân ước và Cựu ước của Kinh thánh Kitô giáo cũng không ngoài ý: “hãy dọn mình cho trong sạch để đón rước Chúa”. Thế mới biết: hết thảy thánh hiền Tiên Phật gì gì ấy cũng đều là chuyện của loài người, cũng chỉ vì một đại sự nhân duyên… Đại sự nhân duyên ấy là gì? Là những kẻ hết mù muốn bét con mắt cho những kẻ còn mù thấy rằng: chỉ có cái không có gì cả là yên ổn nhất. Như thế Kinh Dịch, NỘI KINH, kinh Phật, Kinh Thánh là khác hay không khác? Thế mới biết: nếu là khác thì không phải là thánh hiền, nếu là thánh hiền thì không phải khác. Bọn nào thấy khác, bọn đó là trộm giặc của thánh hiền; bọn nào không thấy khác là không biết gì hết.

Gió xuân vừa thổi đến; qua bụi tre nghe như thì thào, đến cội bồ đề nghe như vỗ tay, qua tầm ngọn dương nghe như huýt sáo, lướt trên miệng chum nghe như hu hu, lượn qua cành mai yểu điệu trông như ngại ngùng. Gió vốn không hai mà nhạc xuân trỗi dậy. Thế mới biết: thánh hiền vốn không hai, tùy tâm bệnh chúng sanh mà mỗi nơi thấy tướng khác.

Có người nói: Khó quá! Khó quá! Tôi nói: Dễ quá! Dễ quá!

Trước khi chưa có anh, anh là cái gì? Quyết định cái đó là độc đáo. Nghiệm! Nghiệm!

Đoạn 19

PHIÊN ÂM

Thiên bất túc Tây Bắc, cố Tây Bắc phương âm dã, nhi nhơn hữu nhĩ mục bất như tả minh dã. Địa bất mãn Đông Nam, cố Đông Nam phương dương dã, nhi nhơn tả thủ túc bất như hữu cường dã.

Đế viết: Hà dĩ nhiên?

Kỳ Bá viết: Đông phương dương dã, dương giả kỳ tinh tịnh ư thượng, tịnh ư thượng tắc thượng minh nhi hạ hư, cố sử nhỉ mục thông minh nhi thủ túc bất tiện dã. Tây phương âm dã, âm giả kỳ tinh tịnh ư hạ, tắc hạ thạnh nhi thượng hư, cố kỳ nhỉ mục bất thông minh nhi thủ túc tiện dã.

Cố câu cảm vu tà, kỳ tại thượng tắc hữu thậm, tại hạ tắc tả thậm; thử thiên địa âm dương sở bất năng toàn dã, cố tà cư chi.

DỊCH

Trời không đủ ở Tây Bắc, cho nên hướng Tây Bắc là hướng âm, vì thế mà con người tai và mắt bên phải không tỏ sáng bằng bên trái. - Đất không đủ ở Đông Nam, cho nên phương Đông Nam là phương dương, vì thế mà con người tay chân bên trái không mạnh bằng bên phải.

Huỳnh Đế hỏi: Vì sao thế?

Kỳ Bá thưa: Phương Đông là phương dương, vì tinh hoa của khí

dương luôn luôn bốc lên làm cho ở trên nhờ đó mà tỏ sáng nhưng ở dưới lại thiếu, làm cho tai mắt thì tỏ sáng mà tay chân lại yếu kém. - Phương Tây là phương âm, tinh hoa của khí âm luôn luôn phải rơi xuống làm cho ở dưới thạnh mà ở trên thiếu, nên tai mắt không tỏ sáng như bên trái mà tay chân lại mạnh khỏe hơn.

GIẢI

Bắt đầu đoạn này nối tiếp mãi đến hết đoạn 20, luận giả vẫn còn tiếp tục nói về lẽ biến hóa của âm dương; và đồng thời làm cho ta thấy lý do cấu tạo nên xác thân con người, để ta có thể nương nơi đây mà lãnh hội chính con người của mình là hội tụ của bao la, là một bầu trời đất nhỏ vậy.

Luận giả đưa ra vấn đề vì trời thiếu ở hướng Tây Bắc làm cho hướng Tây Bắc trở nên âm, đất không đủ ở Đông Nam làm cho hướng Đông Nam trở nên dương. Nhưng không cắt nghĩa tại sao trời lại thiếu ở hướng Tây Bắc, đất lại thiếu ở hướng Đông Nam? Mới nghe qua hình như luận giả chỉ biết cái như vậy, mà không biết tại sao có như vậy. Nhưng nếu học không phải là ỷ lại vào cái biết của kẻ khác để gom góp làm sự nghiệp của mình, và luôn luôn suy tư thì từ thiên đầu đến đây ta cũng đã tỉnh ngộ, phương chi từ đây cho đến hết toàn bộ NỘI KINH sẽ còn luôn luôn hướng dẫn cho chúng ta đi sâu vào phần tế nhị, nếu ta thiếu ý thức thì sẽ không hiểu được ý tứ của cổ nhơn.

Vấn đề Tây Bắc, Đông Nam đang hãy còn treo ngược. Thế mà luận giả lại đưa thêm ra vấn đề hóc búa nữa là: vì phương Tây Bắc là phương âm, cho nên tai và mắt con người bên phải không tỏ sáng bằng bên trái. - Vì phương Đông Nam là phương dương nên tay chân của con người bên trái không khỏe mạnh bằng bên phải. Đây cũng là chuyện như vậy chớ chưa phải là chuyện tại sao có như vậy. Thế là lý trí gặp phải con đường cùng. Nhưng cũng là chuyện nếu có suy tư tất không đến nỗi.

Thế mà Huỳnh Đế lại thay ta để hỏi cái lý: tại sao? Đây luận giả tiếp tục: phương Đông là phương dương. Nói phương Đông chớ không nói Đông Nam tại sao? - Cũng là chuyện còn để đó. Lại tiếp: hễ là khí dương thì tinh hoa của nó phải bốc lên, bốc lên thì làm cho ở trên sáng mà ở dưới thiếu cho nên tai mắt sáng mà tay chân không bằng. Quả thật

là một lối lập luận nhảy vọt để lại những hố trống khủng khiếp, làm cho người học nếu có chút sơ hở dù chạy sải tay sải chân cũng không thể theo kịp.

Lại nói: phương Tây là phương âm, mà sao không nói: Tây Bắc là phương âm? Thiệt là rắc rối. Rồi tiếp: hễ là khí âm thì tinh hoa của nó phải chìm xuống, vì chìm xuống nên làm cho ở dưới thạnh trên hư để tạo thành sức khỏe của tai mắt và tay chân một thế tréo ngoe. Quả thật là càng tiến sâu một bước càng đưa ta vào lãnh vực hoang mang. Thế rồi lại kết luận đại bằng một đoạn: "Cho nên đồng thời cảm ngoại tà (tà gì cũng không có nói đến) mà ở trên bên phải thì nặng, ở dưới bên trái thì nặng". Và bảo rằng: "đây là sự bất toàn của trời đất âm dương nên tà khí mới có chỗ nương náu", thật là vô cùng rắc rối.

Nhưng ta hãy bình tĩnh mà suy tư thì ta sẽ thấy chẳng có gì là hố trống cả. Ta nên nhớ kỹ lại rằng: hết thảy tinh cầu trong vũ trụ này đều do năng lực hội tụ của bao la cấu tạo thành, là chỗ *Kinh Dịch* gọi "Thái cực sinh Lưỡng nghi". Nhưng hết thảy tinh cầu không phải sanh ra một lượt, cũng không phải hủy diệt một lượt; do đó nên có sai biệt nóng nguội âm dương khác nhau để làm duyên cho sức hấp dẫn lẫn nhau.

Mặt trời vừa phải đuổi theo sức quay của khối ngân hà, lại cũng vừa chịu sự chi phối của bao nhiêu sức hấp dẫn linh tinh khác.

Quả đất đối với mặt trời mặt trăng, tựa hồ như bà vợ chánh đối với ông chồng mà sau lưng còn kẹt vấn đề bà bé. Do đó mà vừa phải chạy đuổi theo sức hút của mặt trời vừa phải bị cây đanh mặt trăng đóng ngang hông, ngoài ra còn chịu sự ảnh hưởng bao nhiêu linh tinh của ngoại cảnh cấu kết thành một sự vận hành theo thế điệu đi xà niễng ngoảy ngoảy, tựa hồ như thế con quay bị mất thăng bằng.

Mặt trời đã vận hành theo kiểu lò xo quyện lò xo, quả đất cũng vận hành theo kiểu lò xo quyện lò xo. Với cái thế chẳng quân bình quả đất xoay theo mặt trời, nếu ta tưởng tượng cho kỹ ta sẽ thấy không phải là hình bầu dục mà là hình bầu dục không có mối nối liền mà cũng không phải theo mặt thủy bình, làm cho xích đạo không phải luôn luôn giữ đúng ngang giữa bụng quả đất đồng đều theo vĩ tuyến trung tâm, mà lại còn thường lệch hẳn về Nam bán cầu như lược đồ đã vẽ. (Xem hình vẽ)

Đông, Tây là hai hướng nương nơi mặt trời mọc và lặn mà giả lập; Nam Bắc là nương nơi hai địa cực do cách vận hành của quả đất mà đặt ra. Đối với bao la thì phương hướng tuy là giả định, nhưng đối với sinh vật trên mặt đất này vẫn là thiết thực.

Đối với quả đất nếu ở xa trông vào thì hình như tròn lắm. Nếu thiết thực một chút nữa thì ta sẽ thấy hình như hơi dẹp, tựa hồ như quả dưa hấu. Nhưng giá ta thử tát cạn hết nước tất cả sông ngòi, biển cả, ao hồ biết đâu ta lại sẽ không thấy gai chông lồi lõm tựa hồ như hột trái kim cang; và hướng Tây Bắc là hướng thừa đất mà thiếu ánh nắng mặt trời làm cho bầu khí quyện bóp vào, còn hướng Đông Nam là hướng thiếu đất mà thừa ánh nắng mặt trời. Như thế Tây Bắc là phương âm, Đông Nam là phương dương là lẽ dĩ nhiên.

Hướng mặt trời mọc là hướng Đông, mặt trời lặn ở hướng Tây; dẫu có quả đất lăn hay mặt trời chuyển chưa biết, nhưng ta vẫn thấy mặt trời lên và mặt trời xuống. Thế là hướng mặt trời lên là hướng dương, khí dương cũng theo đó mà bốc lên trên; hướng mặt trời xuống là hướng âm, khí âm cũng theo đó mà chìm xuống.

Xích đạo đã lệch về hướng Nam, cho nên nói: phương Đông là phương dương hay Đông Nam là phương dương chẳng có sao cả; cũng như nói phương Tây là phương âm hay Tây Bắc là phương âm cũng chẳng có sao cả.

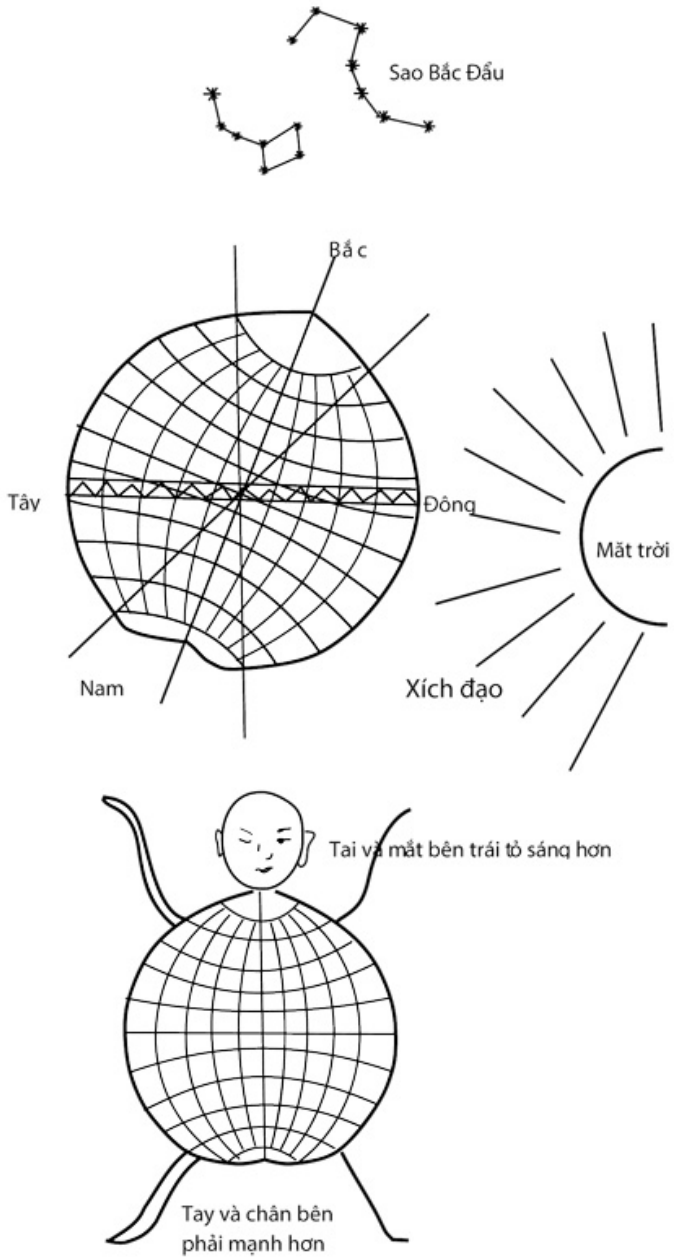
Con người đứng trên quả đất trong Thái dương hệ; nhìn ra bao la thấy bao la là một cái bầu, nhìn vào quả đất thấy quả đất là quả bóng. - Bao la viên chiếu hồi tụ vào quả đất, làm cho tất cả những gì trong bao la này có thì trên quả đất này đều có đủ. Quả đất phản chiếu ra vòm bao la làm cho tất cả những gì trên quả đất này có, khắp cả vũ trụ suốt cả bao la đều có. Thế là trong định luật viên chiếu của Thái cực gây thành một thế lượn sóng vừa hồi tụ vừa phân tán, vừa phân tán cũng vừa hồi tụ. Đây là hai nguyên lý để cộng với sức hấp dẫn của luật ly tâm hướng tâm mà tạo thành lý nhẹ nặng, và là nguồn cội của luật động để ban bố sự sống cho muôn loài.

Con người là sản phẩm chen vào giữa hai thế hồi tụ và phản chiếu của bao la với mặt địa cầu trong sự chi phối của Thái dương hệ. Phần

tiên thiên là bao la hồi tụ, phần hậu thiên là sự súc tích của hiện tượng năm hành.

Hết thảy vạn loại đều thuộc trong năm hành, nhưng chỉ có con người là thọ bẩm đầy đủ nhất. Tuy nhiên nếu phân loại thì loài người thuộc vào lõa trùng (thuộc Thổ). Vì những lý do kể trên làm điều kiện cấu tạo cho thân tướng con người, cách đi cách đứng đều hao hao giống tướng của địa cầu.

HÌNH 5.4: SỰ VẬN HÀNH CỦA QUẢ ĐẤT ẢNH HƯỞNG VÀO CON NGƯỜI



Trái đất vừa chạy theo xoay quanh mặt trời, vừa xoay theo chính bổn thân của nó, lấy trục Nam Bắc làm chính theo thế nghiêng nghiêng.

Vì thế đường xích đạo luôn luôn lệch về Nam, và hướng Tây Bắc luôn luôn thiếu ánh sáng mặt trời. Nên nói trời thiếu Tây Bắc. Phía Đông Nam biển nhiều đất ít nên nói đất thiếu Đông Nam. Con người ứng theo đó mà tai mắt bên trái tỏ sáng và chân tay bên phải mạnh khỏe hơn.

Trên thực tế thì quả địa cầu cực Bắc nhô lên 36^0, cực Nam lún vào 36^0. Nếu muốn gióng hướng cho đúng thì ta phải đứng quay mặt về hướng Nam, thế là trên đầu là cực Bắc, dưới đít là cực Nam; phía trước mặt là cực Nam, phía sau lưng là cực Bắc, tay trái là Đông, tay phải là Tây. Đến đây tất cả ta thấy đều vỡ lẽ tại sao tay chân bên phải mạnh hơn trái, tai mắt trái sáng hơn phải (đã có hình).

Đúng theo tư thế gióng hướng đã nói trên thì nửa thân trên phía sau lưng lệch về bên phải là hướng Tây Bắc của thân, mà là vị trí chính của tạng Phổi (vì Phổi đóng sát phía sau lưng, bên trái chỉ có hai lá mà bên phải đến ba lá); nửa thân bên dưới ở phía trước lệch về bên trái là hướng Đông Nam của trong thân, mà là vị trí chính của phủ Bàng quang và Ruột non. Thế là địa cầu có hai nhược điểm, vào trong thân ta cũng có hai nhược điểm. Dễ thấy nhất là khi ta bị cảm nhiễm khí lạnh là tức khắc hai nhược điểm ấy bị thọ lãnh trước, để làm nơi cư ngụ cho ngoại tà. Đến đây ta mới thấy vì sao mà hết thảy bệnh ngoại cảm mạch cổ tay bên trái phản ứng mạnh hơn bên phải, và Phổi bị phản ứng rõ rệt hơn các tạng khác.

BÌNH

Một bức họa Đông phương khi người ta muốn vẽ một vành trăng xế, người ta không bao giờ chú trọng ngay vào khuôn trăng, mà người ta phải để ý vào những điều kiện chung quanh như: mái nhà tranh, bụi trúc, bóng cây dương, cành liễu lơ thơ, cụm mây lửng đửng v.v… rồi bỗng dưng thuận tay phớt nhẹ một vòng tròn để lộ một điểm tập trung sức tưởng tượng tinh thần của người ngắm, tức thì ánh trăng nổi bật. Như thế vầng trăng đó không những là sáng tác của họa sĩ, mà cũng là sáng tác của người xem, mà người ta thường gọi là thiền hội họa.

Một áng văn chương siêu tuyệt, khi người ta muốn diễn tả một vai chánh yếu, người ta có rất nhiều cách thức viết bí hiểm để làm cho điều mình muốn diễn tả được đột nhiên nổi bật. Thí dụ như áng văn chương

truyện Kiều chẳng hạn, nhà văn muốn bộc lộ hết cái đẹp của nàng Kiều mà lại tận lực phô diễn cho cái đẹp của Thúy Vân, để rồi cuối cùng chỉ thêm vào mấy câu cũng đủ làm cho độc giả sóng lòng rạo rực. Ta thử nghe một đoạn sau đây:

Đầu lòng hai ả tố nga

Thúy Kiều là chị, em là Thúy Vân.

Mai cốt cách tuyết tinh thần

Mỗi người một vẻ mười phân vẹn mười.

Vân xem trang trọng khác vời

Khuôn trăng đầy đặn, nét ngài nở nang.

Hoa cười ngọc thốt đoan trang

Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da.

Kiều càng sắc sảo mặn mà

So bề tài sắc lại là phần hơn.

Làn thu thủy nét xuân sơn

Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh.

…

Người đọc nghe qua đến nỗi có thể mê nàng Kiều đứt ruột mà cũng vẫn không thể quên Thúy Vân. Thế là Thúy Kiều với Thúy Vân không phải là của riêng của thi sĩ, mà là phẩm sáng tác chung của cả

người viết lẫn người đọc, mà người ta gọi là thiền văn chương.

Ở thế gian những người vừa mới lọt lòng mẹ mà đã sẵn sự nghiệp, sẵn tiền ra chợ mua một con cá, dù có ngon mấy cũng không quý bằng lặn lội khó nhọc bắt được con cá dưới sông. Quả thật là "Con không đẻ dạ không thương, cây không trồng lòng không tiếc". Thế mới biết: đây là một mối lo của cổ nhơn, mà cũng là mối lo cho những ai làm cha mẹ mà có sự nghiệp.

Người nay thường nói: người xưa phần nhiều vì chưa biết được rõ rệt một sự việc, hoặc họ muốn giấu nghề, cho nên cách trình bày của họ rất tối tăm bí hiểm chớ không sáng sủa như khoa học Tây phương ngày nay. Thế mới biết: bệnh thích nuốt trộng những cái bã đã nhai sẵn sún vào, là bệnh của phần đông.

Cách nuôi con của chim bồ câu: khi con nó đã lớn; nếu lông cánh chưa đủ nó biết cách hạn chế tiếp tế thức ăn cho lông cánh mau đầy đủ; khi lông cánh đã đủ, mẹ nó tha mồi về chỉ ở đàng xa tít đưa lên cho nó thấy rồi bỏ xuống, gọi lên mấy tiếng và tảng lờ đi để gợi sự chú ý cho con nó, nếu con nó lơ đi nó lại làm cách khác. Thế mới biết: giúp cho có đủ năng lực sống, cần thiết hơn là sự tiếp tế đầy đủ. Cầm thú còn biết như thế, huống chi là thánh hiền.

Hết thảy các nước nhược tiểu ỷ lại vào sức viện trợ của các cường quốc đều trở nên sa đọa. Thế mới biết: viện trợ đều đều cũng là một thứ phá hoại.

Ai có ngờ đâu! Khôn ngoan lanh lợi như loài người mà trên tâm lý phần đông lại dễ bị kẹt vào trong những cái thế nhược điểm mâu thuẫn như sau:

1. Luôn luôn thích nghe một điều gì được trình bày huỵch toẹt một cách rõ rệt.

2. Ngược lại khi nghe nói một điều gì rõ rệt huỵch toẹt một cách dễ dàng, thì điều đó chẳng còn có chút giá trị gì đối với cuộc sống thực tế của họ, vì nó đã bị rơi ngoài tầm tay mà biến thành kiến thức đi

mất!

3. Vậy mà lại rất dễ mê tin.

4. Rất thích lợi dụng lẫn nhau.

Vì bốn nhược điểm trên đây, một mặt buộc lòng tất cả kinh điển thánh giáo của các tôn giáo phải dùng đến ẩn ngữ để tránh cái bệnh: có của không phải do công lao khó nhọc của mình thì không biết quý trọng. Một mặt khác nếu có mê tin y cứ theo lời đi nữa, thì xã hội loài người cũng còn được nương nhờ nơi đây mà duy trì sự yên ổn. Nhưng, vô phúc thay! Về nhược điểm rất thích lợi dụng lẫn nhau, làm cho tất cả những kinh điển thánh giáo áp dụng ẩn ngữ đều bị biến thành những thị trường đầu cơ thần thoại trong khắp lãnh vực tôn giáo tín ngưỡng, mà tất cả các động vật khác chưa hề trông thấy. Do đâu mà biết? Nếu ai muốn thật tình tìm hiểu thì hãy cứ đọc kỹ Kinh thánh của Kitô giáo và kinh sách nhà Phật thì cũng đủ rõ. Còn nói chi các tôn giáo khác.

Mỗi đoạn của NỘI KINH là một đợt đưa ra một thành quả của một bài toán với vài chi tiết liên quan, để bắt buộc ta phải tự lực làm một đáp án về nguyên nhân. Đây là chỗ Khổng Tử gọi: "Chỉ cho thấy một góc để biết thêm ba góc nữa, nếu không biết thì không dạy thêm". Thế mới biết: đây là điểm sâu sắc nhất để lại cho người sau, mà cũng là một cách chơi bí hiểm nhất của cổ nhơn, và cũng là một nhược điểm đối với bộ óc lười biếng của con người ngày nay vậy.

Tây Du Ký chép: "Quan Thế Âm một mặt sai thầy trò Tạm Tạng đi thỉnh kinh, một mặt khác lại đi mượn con sư tử của Văn Thù, thằng đồng tử của Di Lặc v.v. thả xuống để đón đường chực ăn tươi nuốt sống. Một hôm Ngộ Không biết được, tức mình lắm, bèn trách móc Quan Thế Âm một cách vô lễ. Quan thế Âm bèn mắng mác: Con khỉ mất dạy! Để ta nói cho nghe, nếu một việc làm không khó nhọc còn có giá trị gì. Ngộ Không nghe qua trầm ngâm giây lát sực tỉnh, bèn nói: À! À! Phải! Phải!". Đây là một ý thiền của Tây Du Ký. Như thế nghĩa là sao? - Nghĩa là toàn bộ NỘI KINH là một kho thiền vĩ đại.

Hết thảy loài người sở dĩ khó biết được cái cực lớn là tại kẹt vào trong cái cực nhỏ (cái MÌNH). Thế mới biết: chết đi cái tâm cực nhỏ cần

hơn là đi tìm hiểu cái cực lớn. Nhưng việc làm này ghê quá! Thế mới biết: biết được cái cực lớn là một việc khó khăn vô cùng đối với bọn kẹt vào trong cái cực nhỏ.

Trầm ngâm! Trầm ngâm!

Đoạn 20

PHIÊN ÂM

Cố thiên hữu tinh, địa hữu hình. Thiên hữu bát kỷ, địa hữu ngũ lý. Cố năng vi vạn vật chi phụ mẫu.

Thanh dương thượng thiên, trược âm qui địa. Thị cố thiên địa chi động tĩnh, thần minh vi chi cương kỷ, cố năng dĩ sanh trưởng thâu tàng, chung nhi phục thỉ.

Duy hiền nhơn thượng phối thiên dĩ dưỡng đầu, hạ tượng địa dĩ dưỡng túc, trung bàng nhơn sự dĩ dưỡng ngũ tạng.

Thiên khí thông ư Phế, địa khí thông ư yết, phong khí thông vu Can, lôi khí thông ư Tâm, cốc khí thông ư Tỳ, vũ khí thông vu Thận, lục kinh vi xuyên, trường vị vi hải, cửu khiếu vi thủy chú chi khí.

Dĩ thiên địa vi chi âm dương, dương chi hạn dĩ thiên địa chi vũ danh chi, dương chi khí dĩ thiên địa chi tật phong danh chi, bạo khí tượng lôi, nghịch khí tượng dương.

Cố trị bất pháp thiên chi kỷ, bất dụng địa chi lý, tắc tai hại chí hỉ.

DỊCH

Cho nên trời có tinh hoa của trời, đất có hình thể của đất. Trời có tám kỷ[1], đất có năm lý[2]. Nên có thể làm cha mẹ cho vạn vật.

Phần thanh dương bốc lên trời, phần trược âm chìm xuống đất. Cho nên cái động cái tĩnh của trời đất là giềng mối xuất phát ra thần minh. Cho nên có thể tạo thành cái thế sanh trưởng thâu tàng và giáp vòng rồi trở lại.

Chỉ có bực thông đạt, trên đồng nhất với trời để dưỡng phần đầu, dưới thuận với đất để dưỡng phần chân, giữa dung thông suốt nhơn sự để dưỡng năm tạng

Khí của trời bên trong thông vào tạng Phổi. Khí của đất bên trong thông vào cuống Vị. Khí của gió bên trong thông vào tạng Gan. Khí của sấm bên trong thông vào tạng Tim. Khí của hang hóc bên trong thông vào tạng Tỳ. Khí của mưa móc bên trong thông vào tạng Thận. Sáu kinh là sông ngòi, trường vị là biển cả, chín khiếu là nơi để cho hơi nước bài tiết ra.

Nếu ráp con người vào trời đất mà tính âm dương, thì mồ hôi của con người cũng như mưa móc của trời đất, khí dương trong con người cũng như gió mạnh của trời đất. Khí dương bạo[3] nghịch[4] tức sanh sấm sét.

Cho nên nếu trị[5] không căn cứ vào giềng mối của trời, không phù hợp với lý của đất thì tai hại đến vậy.

CHÚ THÍCH

(1) **Tám Kỷ**: "Tám" là tám hướng, "kỷ" là giềng mối; nghĩa là ý nói ta ở trên quả đất này, sự vận hành của Thái dương hệ với quả đất tạo thành hiện tượng thời gian không gian làm cho có tám thứ gió, con người ở trong đó đều phải chịu chung một ảnh hưởng. Cho nên gọi tắt là "tám kỷ".

(2) **Năm lý**: Tức là lý của năm hành.

(3) **Khí bạo**: Tức là khí bạo nộ lôi đình, nghĩa là giận dữ.

(4) **Khí nghịch**: Là để ám chỉ cho khí dương bị bạo nộ hoành nghịch, nghĩa là dụng ý giải thích cho hai chữ "khí bạo" ở trên.

(5) **Trị**: Với chữ "trị" ở đây bao hàm cả nghĩa trị thiên hạ, trị nước, trị nhà, trị thân tâm, trị bệnh tật và trị sinh (tức là thu xếp cuộc sống). Chính vì chỗ này Khổng Tử mới nói ra nghĩa "tu, tề, trị, bình".

GIẢI

Đoạn này vẫn nối tiếp với đoạn trên để giải thích rộng ra. Và trước khái quát về trời đất và vạn vật để đặt một nền tảng cuộc sống cho con người. Kế đó chỉ rõ từng phần của địa cầu thông đồng vào từng tạng của con người, làm cho lý **con người là bầu trời đất nhỏ** được càng thêm sáng tỏ. Và cuối cùng để kết luận nếu tất cả cuộc sống của loài người trái với luật đồng nhất, tương quan, trật tự, biến hóa, lưu thông của thiên nhiên thì tự nhiên tai hại nổi dậy.

"Trời" nghĩa là bầu khí quyện, là hư không, là bao la. Tất cả những cái **có** đều từ trong cái **không** mà xuất hiện; thế là có là tinh hoa của cái không.

Nhìn ra bao la ta thấy vô số tinh cầu với mặt trời mặt trăng đều là tinh hoa của trời, cho đến bầu khí quyện cũng thế. Nên mới nói "trời có tinh hoa của trời".

Hễ có chất có tướng là có hình thể, có kiểu dạng. Nên mới nói "đất có hình thể của đất".

Đứng trên quả đất nhìn ra bầu trời tất có bốn phương tám hướng. Gió xuân bắt đầu từ phương Đông, rồi theo thời gian mà chuyển dần sang Đông Nam, rồi Nam, rồi Tây Nam, đến Tây, đến Tây Bắc, đến Bắc, đến Đông bắc, rồi lại trở về Đông. Thế là giáp một vòng tuần hoàn của bốn mùa trong một năm để rồi trở lại. Thế là "Trời có tám kỷ".

Quả đất xoay chuyển theo mặt trời, bao la hội tụ vào quả đất, con

người sanh ra chen vào giữa thấy có bốn phương tám hướng, nóng lạnh, động tĩnh giao nhau, sanh khắc lớp lang trật tự, nên nói lên "đất có năm lý của đất".

Giữa quãng trời đất giao nhau, vạn vật chen vào quãng giữa, trong đó có con người. Con người nhận ra nếu không có hiện tượng trời đất giao nhau, bao la hồi tụ thì vạn vật cũng không có nữa đừng nói loài người. Do đó mới nói lên trời đất, bốn phương tám hướng, năm hành sanh khắc, âm dương giao nhau là cha mẹ của vạn vật.

Trong vòm bao la với cái thế hồi tụ, bất cứ một vật nào có sức quay tít thì cũng đều xảy ra hai hiện tượng ly tâm và hướng tâm và ly tâm để rồi hướng tâm, hướng tâm để rồi ly tâm. Ra đến hết sức phải trở vào, vào đến cùng tột phải trở ra. Hễ là phần nhẹ, phần loãng thì được tung ra ngoài đến bao giờ được kết tinh đông đặc biến ra nặng thì lại phải hút vào. - Còn phần nặng, phần đông đặc thì hút vào để rồi được hóa khí, biến nhẹ biến loãng lại tung ra bốc lên. Đây là nghĩa phần thanh dương bốc lên làm trời, phần trược âm chìm xuống làm đất của địa cầu vậy. Và đây cũng là nhắc lại vấn đề cái **nội tuần hoàn** mà thôi.

Ta đứng trên một vật quá to lớn như quả địa cầu, dẫu cho có lướt hư không quay đi với một tốc độ mấy chục triệu cây số một giờ chăng nữa, dưới chân cũng vẫn thấy tỉnh bơ và trên đầu ta chỉ nghe mát mát. Thế mà sức biến hóa của khoảng giữa thật không thể suy lường. Bởi vậy tự đầu thiên đã nói lên nào là "thần minh chi phủ", nào là "huyền sanh thần" v.v. - Nhìn ra ta thấy trời đất có làm gì đâu, thế mà hết Xuân sanh đến Hạ trưởng, hết Hạ trưởng đến Thu thâu, hết Thu thâu đến Đông tàng, cứ giáp vòng rồi lại trở lại. Cho nên mới nói: cái động cái tĩnh của trời đất để làm giềng mối cho thần minh, hóa sanh bốn hiện tượng: sanh trưởng thâu tàng.

Một cuộc sống có ý nghĩa nhất mà cũng là khó làm nhất không gì bằng: ngoài không trái chướng với cái lẽ đồng nhất tương quan trật tự của bao la, trong không trái chướng với luật biến hóa lưu thông của đất, giữa không trái chướng với lẽ tương giao nhơn hòa của xã hội loài người. Nếu ai thực hiện được như vậy, thì người đó sẽ không những tránh khỏi được bệnh tật trên xác thân mà tinh thần cũng vẫn được thảnh thơi an lạc. Vì sao thế? Vì tất cả mạch sống của muôn loài đều phải mắc thẳng vào nguồn năng lực tự bao la, nhưng chỉ có con người từ khi có trí

khôn đến giờ lúc nào cũng luôn luôn mưu toan cô lập hóa chính con người của mình với chung quanh. Lòng dạ đó, hơi hám đó làm cho năng lực hồi tụ bị gián đoạn vặn tréo; nên con người phải lãnh lấy bệnh tật khổ đau. Việc làm này đã thành thói quen nhiều đời nhiều kiếp. Chỉ có những bực thông đạt mới thấu hiểu và thực hành, nếp sống như vậy gọi là nếp sống thuận với tự nhiên, cũng gọi là nếp sống đạo.

Nếu nói về bệnh tật của con người thì tất cả những bệnh ngoại cảm đều từ nơi khí hậu; tất cả bệnh nội thương đều từ nơi tinh thần trái chướng giữa người với người; tất cả bệnh tạp nhạp đều từ ăn uống sanh hoạt. Một khi bị cái mê muội nó tung hoành thì dù cho khí hậu của trời đất cũng bị loài người phá rối dị thường. Thế là chung qui chỉ tại loài người trên không biết đồng nhất với trời, dưới không biết thuận với lẽ biến hóa lưu thông của đất, giữa không biết lẽ nhơn hòa của cuộc sống giữa người với người mà ra cả. Một cuộc sống luôn luôn tự hủy diệt vận mạng mình như thế, bảo sao chẳng lãnh lấy tất cả những đau khổ, bệnh tật tai ương.

Mỗi một con người vừa là một điểm hồi tụ của bao la cũng vừa là đồng nhất với bao la; tuy nhiên trên định luật tương giao xen suốt ảnh hưởng lẫn nhau, hễ cái gì gần nhất cái đó ảnh hưởng rõ nhất. Do đó mà thân tâm của con người phải chịu lấy ảnh hưởng trực tiếp của Thái dương hệ mình đang ở. Cho nên cũng gọi con người là bầu trời đất nhỏ. Thế thì giữa cái thế hồi tụ và phản chiếu của bao la với địa cầu, lẽ tất nhiên chung quanh con người có cái gì, trong thân con người cũng có cái ấy. Bởi thế nên ngoài có bầu khí quyện, trong có tạng Phổi thông nhau.

Bộ tiêu hóa là phần hậu thiên của con người, địa cầu là phần hậu thiên của Thái dương hệ đối với con người; thế nên khí đất bên trong thông với bộ tiêu hóa.

Khí gió với tạng Gan vốn đồng một hệ thống trong hành Mộc, lẽ tất nhiên phải có sự thông đồng.

Khí sấm sét thuộc về Hỏa, tạng Tim cũng thuộc về Hỏa, đồng loại tương cảm nên phải thông nhau.

Trên mặt đất những vùng có nhiều hang hóc là những nơi khí Thổ

được súc tích nhiều nhất, mà tạng Tỳ lại là Tạng Thổ. Cho nên mới nói: khí của hang hóc thông đồng với Tạng Tỳ.

Hơi mưa thuộc về nước, mà tạng Thận cũng thuộc về nước, hai pháp đồng nhau nên thông nhau.

Trong thân con người đáp ứng với luật ly tâm hướng tâm của quả đất với sáu khí, cho nên có mười hai đường kinh lạc tới lui qua lại cũng như trên mặt đất có sông ngòi.

Bộ tiêu hóa của con người là nơi chứa vựa tạm thời cho tất cả những thức ăn uống, tựa hồ như biển cả mà tất cả những vật chất đều tụ hợp đổ dồn. Cho nên nói: trường vị là biển cả.

Con người có chín khiếu làm cửa nẻo cho sự bài tiết, hơi nước theo đó mà ra vào.

Tất cả bệnh tật của chúng sanh dù là bệnh thế giới hay bệnh quốc gia, bệnh xã hội hay bệnh gia đình, bệnh thân hay bệnh tâm cũng đều là bệnh tật, cũng đều xuất phát từ tâm mê. Đã không biết gì hết về cái lẽ đồng nhất tương quan trật tự biến hóa lưu thông, và cũng không biết gì hết về ý nghĩa tương giao trong cuộc sống thì chính mình cũng đã là nguồn loạn rồi, có đâu đến giúp đỡ chữa trị cho kẻ khác. Thế mới biết: tất cả ý nghĩa của cuộc sống đều nằm tròn trong một chữ "trị". Dù cho trị thiên hạ hay trị quốc gia, trị gia đình hay trị bệnh tật chăng nữa, then máy của chữ "trị" cũng vẫn nằm tròn trong việc trị thân tâm mà ra. Nếu không biết gì hết về chính con người của ta trước, cũng như không biết gì hết về cái lẽ đồng nhất trật tự tương quan biến hóa lưu thông của thiên nhiên, thì chính thân tâm của ta, ta cũng còn không trị được, có đâu trị được bệnh tật cho ai! Lẽ tất nhiên trị nhà trị nước trị thiên hạ có chăng chỉ tổ gây thêm rối loạn mà thôi. Chưa từng có mỗi người đều biết cái lẽ trị mình mà gia đình, quốc gia, thế giới càng thêm tao loạn bao giờ. Thế mới biết: thấu suốt được chính con người của mình thì mới mong rõ được cái lẽ đồng nhất tương quan trật tự biến hóa lưu thông, và có thấu rõ được cái lẽ đồng nhất tương quan trật tự biến hóa lưu thông rồi thì dù cho trị bệnh hay trị thân tâm, trị nhà hay trị nước, trị thiên hạ hay trị sinh cũng đều đồng một lẽ. Chính vì chỗ này mà người xưa mới nói "chẳng làm gì cả mà thiên hạ thái bình". Cho nên mới nói: nếu trị mà không căn

cứ vào giềng mối đạo lý của thiên nhiên thì tai hại đưa đến, thật là chí lý vậy. Thế tức là đạo chẳng có gì khác lạ, quí ở chỉ thuận với tự nhiên.

BÌNH

Khi chưa có con người thì trời đất cùng vạn vật có ai cắt khứa chia manh chẻ mún đâu, mà phải nêu lên tam tài với không tam tài để nối ráp cùng trời đất cho được dính liền, và cũng không cần nêu ra vấn đề thánh hiền với phàm tục nữa, lẽ tất nhiên đâu cần phải nêu lên chữ "trị" làm gì. Thế mới biết: nói chuyện ráp cho trời đất với con người dính liền, nói chuyện thánh hiền với phàm tục, nói chuyện "tu tề trị bình" đều là chuyện sửa sai do thằng người bày đặt mà ra thôi. Ví nếu mỗi người cũng như mỗi chúng sanh đừng tạo nên một khối mê muội là phản bội, loài người tức khắc được an vui, và chẳng cần đi tìm đón rước hạnh phúc đâu đâu, hạnh phúc cũng tự khắc đến. Đây là chuyện mà mỗi người phải tự thực hiện lấy, chẳng ai có thể làm thế cho ai.

Ta nhìn ra bao la, ta thấy vũ trụ như là hằng còn. Nhưng tất cả tinh cầu trong vũ trụ luôn luôn vẫn ở trong thế bất tề mà thành trụ hoại không. Cho nên vũ trụ vừa hằng còn cũng vừa sanh diệt, vừa sai biệt cũng vừa đồng thời. Muôn loài cũng như loài người trên quả đất này tuy luôn luôn có mặt đến bao giờ quả đất này chung cuộc, mà vẫn vừa sai biệt vừa đồng thời cũng tương tự như vậy; tựa hồ như buổi chợ với những người đi chợ, cũng tựa hồ như nồi cháo với những bọt lên lên xuống xuống trong nồi. Ví nếu loài người cùng sanh ra một lượt, rồi đến lúc nào đó cùng chết đi một lượt, và bằng đi đến một giai đoạn nào đó sẽ xuất hiện lại, thì việc cũng chẳng thành vấn đề để cho ta phải nói. Thế mới biết: Khi địa cầu chưa đến hồi chung cuộc, thì đừng mong loài người cùng một lúc hết mê, toàn cuộc vốn là như vậy. Chỉ có ai đi đến trước có bằng lòng về trước hay không, hay cứ loanh quanh luẩn quẩn mãi đợi đến buổi chợ tan, thì cứ tùy ý.

Đoạn 21

PHIÊN ÂM

Cố tà phong chi chí, tật như phong vũ, cố thiện trị giả, trị bì mao, kỳ thứ trị cơ phu, kỳ thứ trị cân mạch, kỳ thứ trị lục phủ, kỳ thứ trị ngũ tạng. Trị ngũ tạng giả, bán tử bán sanh dã.

Cố thiên chi tà khí, cảm tắc hại nhơn ngũ tạng. Thủy cốc chi hàn nhiệt, cảm tắc hại ư lục phủ. Địa chi thấp khí, cảm tắc hại bì nhục cân mạch.

DỊCH

Cho nên luồng gió độc đi đến nhanh chóng như bão vũ; người khéo trị bệnh là phải sớm trị khi bệnh còn ở lớp da lông, kế đó là trị ở cơ phu(1), kế nữa là trị ở gân mạch, kế nữa là trị sáu phủ, cuối cùng là trị năm tạng. Nếu trị năm tạng tức là nửa sống nửa chết.

Cho nên khí tà ở ngoài trời khi cảm nhiễm thì làm hại năm tạng con người. - Còn thức ăn uống lạnh nóng cảm nhiễm thì làm hại sáu phủ. - Khí đất ẩm thấp cảm nhiễm thì làm hại da thịt gân mạch.

CHÚ THÍCH

(1) **Cơ phu**: "Cơ" là lớp thịt mỡ dưới da dày, "phu" là lớp da dày. Nói "cơ phu" là để gọi chung cho lớp da dày ở dưới tầng da lông bên ngoài.

GIẢI

Đoạn này nương nơi nghĩa: ngoài trời đất trong con người vốn có cái lẽ thông đồng nhau của đoạn trên. Do đó khi gặp khí tiết trái chướng sẽ cảm nhiễm vào con người, tùy theo trật tự mà sanh ra bao nhiêu là bệnh tật. Và bệnh tật không phải chỉ ở một nẻo khí hậu mà thôi, để nói lên khi có bệnh, càng sớm trị chừng nào càng tốt.

Hai chữ "tà phong" mà dịch là "gió độc" ở đây, tức là khí cuồng gió

độc mà trên thiên **Thượng Cổ Thiên Chơn Luận** đã từng có đề cập đến.

Ở Thương Hàn Luận của Trọng Cảnh mỗi khi nói đến "gió" là nói "trúng", nói đến "lạnh" là nói "cảm nhiễm". Thế là tác giả đã ý thức sâu về nghĩa "gió" và "lạnh". Luồng gió khi chạm đến ta tựa hồ như một mũi nhọn xoắn ốc ghim đến; còn khí lạnh chẳng qua là một sức đè nặng làm thế áp lực toàn thân. Cho nên người xưa mới nói "tránh gió độc như tránh tên đạn".

Gió đã là thứ đi đến một cách cấp bách mà lại hay biến hóa, nên mới nói "nhanh chóng như bão vũ".

Tất cả bệnh ngoại cảm đều phải đi từ ngoài vào trong, đều phải theo hai hệ thống của khí và kinh. Kinh thuộc về phần dinh, khí thuộc về phần vệ. - Có khi bệnh khởi từ đầu đến cuối vẫn theo hệ thống của khí, nhưng thường thì trước nhất bắt đầu từ da lông rồi đến cơ phu đều thuộc về phần khí, và từ đó có thể rẽ truyền vào gân mạch thuộc về phần kinh lạc, để rồi đi đến sáu phủ, cuối cùng vào năm tạng. Và mỗi một tầng tiến sâu vào, trên sự trị liệu sẽ thêm một phần khó khăn, mà khó khăn nhất là khi vào tạng phủ. Cho nên đối với tất cả các chứng bệnh ngoại cảm thời tiết, một vị lương y phải biết rõ hệ thống tới lui biến hóa của nó trong cơ thể của con người, cũng như đối với trật tự thiên nhiên, càng biết rõ càng biết sớm càng tốt. Nếu đợi đến khi vào năm tạng thì dù cho lương y chẳng qua cũng chỉ năm ăn năm thua.

Xác thân của con người vừa là vòm bao la thu hẹp lại, mà cũng vừa là một quả địa cầu. Cho nên mặt ngoài da lông ở thân con người cũng vừa là một bầu bao la tinh tú, mà cũng vừa là mặt đất với những cỏ cây.

Với cách thế vận hành của Thái dương hệ, của địa cầu, trong vòm hội tụ của bao la, làm cho thế ly tâm hướng tâm của địa cầu: hễ vào trong tột bực là phải đi ra, ra ngoài tột bực rồi phải trở vào, đi lên tột bực rồi phải trở xuống, đi xuống tột bực rồi phải trở lên, đạo lý biến dịch vốn phải như thế. Trong thân con người cũng vậy, dù kinh hay khí cũng thế chỉ khác nhau ở: kinh thì lên xuống ra vào theo một hệ thống đường lối nhất định, còn khí thì vận hành theo thế co vào dãn ra của bầu khí quyện quả đất với ánh nắng mặt trời.

Con người là một sinh vật có biết. Thế cảm giác có biết về mình đều tập trung ở tất cả mặt da. Mặc dù sức vận hành của từ trong ra ngoài từ ngoài vào trong, đều phải tùy theo ngày đêm, nóng lạnh, sáng tối khác nhau, thời tiết bốn mùa thay đổi nhưng vẫn có ý thức thường trực bảo vệ. Cho nên bất cứ một sự đụng chạm hay một áp lực nào đến với mặt da đều có xảy ra phản ứng dù chỉ là khí nóng khí lạnh cũng thế.

Bất cứ một bệnh tật nào khi vào xác thân con người cũng đều phải tùy theo môi trường xác thân hay tâm lý của cá nhân ấy, để mà biến hóa với nhiều cách khác nhau. Định luật này tôi tạm gọi là **chủ quan hóa**.

Nhờ bao nhiêu điều kiện kể trên để cho cổ nhơn có chỗ y cứ mà thiết lập một định luật hệ thống của bệnh ngoại cảm, hầu cho phép chữa trị được chính xác rõ ràng. Đó chính là định luật thương hàn của Trương Trọng Cảnh đời nhà Hán vậy (về nghĩa của ba chữ "Thương Hàn Huận" sẽ có dịp để bàn sau).

Thêm một điều nữa ta cần nên lưu ý: tại sao nơi đây chỉ đề cập đến gió độc mà lại không nói đến các khí khác? - Trong sáu khí chỉ có gió là động mạnh nhất, nên sáu khí tà chỉ có khí gió là đứng đầu dọc, vì lẽ khi chạm vào người nó cũng tùy theo thế động mà dễ vào kinh lạc để tiến sâu vào tạng phủ. Điều này tất cả những ai muốn chữa trị bệnh ngoại cảm đều không thể coi thường.

Sống trong giữa quãng trời đất giao nhau, con người chen vào kẽ giữa; phần trên tiếp xúc với khí trời, phần dưới thông đồng với khí đất, hằng ngày ăn uống trực tiếp với sáu phủ.

Khí trời thông đồng với tạng Phổi, tiếp giáp với da lông. Tạng Phổi và da lông là phần trên phần ngoài của tiên thiên, là đầu dọc của năm tạng. Nên khi cảm nhiễm khí trời sẽ theo da lông, theo mũi tuần tự mà lấn lần vào năm tạng. Đây là một hệ thống.

Hết thảy các thức ăn uống cũng đều không thể vượt khỏi định luật âm dương. Nên chi khi ăn uống vào rủi có chênh lệch là sáu phủ thọ lãnh lấy và trước nhất là Vị. Đây là một hệ thống.

Tất cả những khí ẩm thấp từ mặt đất thở ra đều là khí nặng, khi va chạm vào con người lẽ cố nhiên cũng phải theo luật tương quan hấp dẫn mà nhiễm vào da thịt gân mạch. Đây cũng là một hệ thống. Như thế đủ thấy nếu nhận ra được rõ ràng từng hệ thống thì sẽ minh bạch đâu ra đấy.

BÌNH

Có những người nương nơi những đoạn văn như trên của NỘI KINH, rồi khéo léo rút ra được một hai phương pháp chữa bệnh ngoại cảm hoặc những bệnh tạp nhạp, rồi vội cho rằng: mình là đồ đệ của NỘI KINH; những người như thế chẳng đủ gì để biết NỘI KINH, điều đó đã hẳn. Ngược lại có những kẻ bảo: đọc NỘI KINH gặp phải những đoạn nói về bệnh tật thật chẳng có hấp dẫn tý nào; nói như thế cũng đâu đủ gì để biết NỘI KINH. Vì sao thế? - Thưa: Dù ông là dân Trung Hoa, dân Việt Nam, dân Mỹ, hay dân Pháp, hoặc Nhật Bổn, Mã Lai v.v… dù ông là vua hay dân giả khố rách áo ôm v.v. dù ông là người của Phật Giáo hoặc Tin Lành hay Thiên Chúa, Cao Đài hay Hòa Hảo, Nguyên Thuỷ hay Đại Thừa, Bahai hay Thông thiên học chăng nữa; mỗi khi bị lạnh ông cũng vẫn run, bệnh kinh phong ông cũng vẫn bị giựt, đau bụng ông cũng nhăn mặt, đau khổ phiền não ông cũng vẫn chau mày, giận quá thì Gan bệnh Tim lớn, buồn lo quá thì Thận Phổi mất quân bình, khổ quá chịu không nổi phải đi tìm cách giải quyết, lẽ này tự ngàn xưa vốn thế dù ông có muốn hay không muốn cũng chỉ thế thôi. Thế thì việc bàn về bệnh tật đau ốm của con người há lại bỏ thừa được sao?! Cho nên nội một chữ "bệnh" với một chữ "trị" nếu đúng nghĩa của nó có thể học mãn đời cũng chưa rồi không biết chừng! Nếu là bực thông đạt thì dù cho trị tử hay trị sinh, trị thân hay trị tâm, trị bệnh hay trị nhà, trị nước hay trị thiên hạ khác nhau cũng chỉ ở bên ngoài.

Đoạn 22

PHIÊN ÂM

Cố thiện dụng châm giả, tùng âm dẫn dương, tùng dương dẫn âm, dĩ hữu trị tả, dĩ tả trị hữu, dĩ ngã tri bỉ, dĩ biểu tri lý, dĩ quan

quá dữ bất cập chi lý, kiến vi đắc quá, dụng chi bất đãi.

DỊCH

Cho nên người khéo áp dụng phép châm thì có thể từ âm dẫn ra dương, từ dương dẫn vào âm, dùng bên phải để trị bên trái, dùng bên trái để trị bên phải, dùng mình để biết người khác, dùng phần biểu để biết phần lý, quan sát cái lý thái quá bất cập, khi có chút mất quân bình liền thấy ngay, nhờ đó mà áp dụng khỏi gặp nguy hại.

GIẢI

Đây là mượn phép châm để nói lên nghệ thuật chữa bệnh cốt sao biết được rõ, trị được sớm càng hay.

Mỗi một con người là một bầu trời đất nhỏ; cách vận hành hễ hết vào thì ra, hết ra thì vào, hết lên thì xuống, hết xuống thì lên, hết trái thì phải, hết phải thì trái. Bên trong có cái gì bên ngoài đều có hiện tượng ứng theo, dẫu muôn người cũng như một, chẳng khác nào một viên thuốc tễ đối với tất cả các viên thuốc tễ trong một công thức. Cho nên muốn biết kẻ khác không gì bằng: có chứng nghiệm chính ở nơi con người của mình trước. Khi muốn chữa một bệnh tật dù áp dụng hình thức nào chăng nữa cũng chỉ thế thôi, chẳng lựa là áp dụng phép châm.

Con người cũng như vạn vật vốn thai sanh từ hai hệ thống âm dương quấn quít nhau trong cái thế vận hành của trái đất và mặt trời. Cho nên thế tréo nhau bên này sang bên kia, bên kia sang bên này là một điều kiện mà tất cả Y gia phải nên chú ý. Nếu từ trước ta đã có lưu tâm đến cách vận hành của Thái dương hệ thì đến đây cũng chẳng có lấy gì làm lạ.

Con người là một guồng máy điện của thiên nhiên. Bệnh tật đau khổ là hậu quả của cái thế mất quân bình chênh lệch. Nếu ai sớm biết được cái thế mất quân bình ấy, thì việc điều chỉnh không những khỏi phải dụng lực mà cũng chẳng có gì là khó khăn nguy hại.

BÌNH

Thần y cũng như lương tướng, luôn luôn phải vượt trước thế giặc, chứ không bao giờ chạy theo sau đuôi thế giặc.

Muốn đón đầu một sự việc không gì bằng một tinh thần rỗng rang sáng suốt không bị một che khuất nào. Muốn được rỗng rang sáng suốt thì không gì bằng thường trực chính mình giáp mặt với mình. Chính con người của mình là một đối tượng quan trọng nhất. Thế mới biết: tìm ra được nguyên lý phải khám phá chính con người của mình trước nhất, mới là một đại phát minh, là nền tảng cho tất cả tư tưởng kim cổ Đông Tây; là tay thước duy nhất cho mọi sự khám phá trên đời. Nếu không như thế, chỉ một mảy may danh lợi sắc tình hoặc một khái niệm nào đó chen vào cũng đủ để làm u mê cho cả một bầu linh năng muôn thuở. Quả thật! Đây là một cơ thiền độc đáo cho tất cả thế giới mê tin của loài người hiện nay vậy.

Đoạn 23

PHIÊN ÂM

Thiện chẩn giả, sát sắt án mạch, tiên biệt âm dương, thẩm thanh trược nhi tri bộ phần, thị suyễn tức thính âm thanh nhi tri sở khổ, quán quyền hành quy củ nhi tri bệnh sở chủ, án xích thốn quan phù trầm hượt sắc nhi tri bệnh sở sanh dĩ trị, vô quá dĩ chẩn tắc bất thất hỉ.

DỊCH

Người khéo khám phá bệnh tật phải quan sát khí sắc và chẩn mạch; trước nhất phải phân biệt được âm dương, thẩm xét thần sắc thanh trược trên khuôn mặt mà biết được bộ phận bị bệnh, quan sát hơi thở, lắng nghe âm thanh mà biết được bệnh tật. Áp dụng khuôn thước để cân nhắc mà biết được chỗ sở chủ của bệnh. Chẩn sáu bộ mạch, xem hoặc nổi hoặc chìm hoặc trơn

hoặc rít v.v. để biết được bệnh sanh từ đâu mà trị. Quả thật! Nếu nghệ thuật khám được tinh vi thì việc trị liệu khỏi bị lỗi lầm vậy.

GIẢI

Đây muốn nói khám bệnh cũng là một nghệ thuật khám phá. Nghệ thuật càng tinh vi thì bệnh tật càng không chỗ ẩn náu.

Trong thân con người dù thần sắc, khí tượng hay mạch lạc cũng đều không thể vượt ngoài phạm vi của hai hiện tượng âm dương. Nếu không phân được âm dương thì không lấy đâu để đặt nền tảng trị liệu cho được chính xác. Đây là điểm mà mở đầu thiên này liền đề cập đến.

Bao la có thể thu vào một quả địa cầu. Cả quả địa cầu có thể thu gọn vào một con người. Cả một con người có thể thu gọn vào một bàn tay, vào sáu bộ mạch, vào một khuôn mặt. Nhờ đó mà ta có thể quan sát thần sắc khí tượng trên gương mặt để biết được chỗ có bệnh ở trong con người. Nguyên lý này chẳng có gì là lạ cả, chỉ có ta thông đạt hay không thông đạt mà thôi.

Về khí sắc thanh hay trược chẳng qua cũng là một hiện tượng âm dương, điều này đến sau sẽ có phần đi sâu vào chi tiết tế nhị, đây chỉ nói qua về đại lược.

Hết thảy những cử chỉ, những động tác, hoặc hơi thở, hoặc âm thanh nói năng của một con người đều có một lý do xuất phát. Nếu ta chịu khó lưu ý ta có thể dễ dàng nhận thấy ngay.

Bất cứ một việc làm nào cũng đều có mẫu mực, lương y cũng thế. Nếu không biết gì hết về tất cả những quy luật của trời đất, cũng như của xác thân, của mùa màng năm tháng, cũng như của tâm lý xã hội, v.v. thì không thể gọi là lương y. Cho nên người xưa mới nói: "Một vị lương y trên phải thông thiên văn, dưới phải đạt địa lý, giữa phải suốt việc người" là vậy. Nghĩa là phải biết được cái bình thường của trọn vẹn, để biết cái mất bình thường trong mỗi con người.

Trong nghệ thuật khám bệnh có rất nhiều khía cạnh tinh vi mầu nhiệm, mà chẩn mạch là một. - Sáu bộ mạch ở cổ tay, tựa hồ như một tableau radar để nhìn suốt thế quân bình của toàn thân, mà cũng là cái cân sáu cánh để cân nhắc độ lượng thuốc men nữa. Nếu một vị lương y mà thiếu sót điều kiện chẩn mạch, tức là vị lương y đó trên giác quan kém mất một phần bén nhạy.

Muốn giải quyết một điều gì ta đừng nên vội nóng lòng giải quyết, mà trước nhất là phải thật biết sự kiện ấy cho được rõ ràng và thấu triệt cho đến cội nguồn, đừng nên bằng lòng với còn một tơ hào khuất lấp. Khi cuộc khám phá được hoàn toàn chu tất, thì việc trị liệu điều chỉnh sẽ trở nên nhẹ hẳn đi quá nửa.

BÌNH

Có người hỏi: Cách khám bệnh của người xưa, muốn nghe không có ống nghe; muốn gõ không có dùi gõ, muốn khám tai, mũi, họng, tử cung, hậu môn không có dụng cụ để mở; không có kính hiển vi để nhìn tế bào vi trùng; không có phương pháp thử đàm, thử máu; thiếu quang tuyến, máy móc, v.v. thì làm sao khám bệnh cho được chính xác?

- Đáp: Nếu quả thật cái có của chúng ta ngày nay mà là đã muôn phần chính xác, thì sao ta lại đi tìm cổ nhơn? Thế mới biết: còn tìm lại cổ nhơn tức là ta đã có chỗ chưa chính xác, mà đã chưa chính xác thì phải đi tìm học, tại sao ta không bình tâm thư thả để đọc hết chuyện cổ nhơn muốn nói xem sao?

Có ai ngờ người đui có thể thấy bằng những ngón tay, người điếc có thể nghe bằng mũi?!

Có ai ngờ khi tôi chưa có đồng hồ reo, về đêm tôi quá muốn thức giấc đúng giờ, rồi tự nhiên đúng giờ tôi thức giấc. Đến khi tôi có đồng hồ reo, lên giây để báo thức, một hôm bỗng dưng bị trục trặc không reo được, rồi tôi tự nhiên ngủ quên tuốt. Luật thiên nhiên thật rất công bằng! Thế mới biết: bề mặt càng lớn bề lưng càng to. Lợi càng nhiều hại càng lắm.

Hỏi: Thế thì vứt hết dụng cụ không cần dùng đến sao?

- Đáp: Đây chưa hề bàn đến bỏ hay dùng dụng cụ, mà chỉ nói đến con người dùng dụng cụ ấy ra sao thôi. Nếu trong bụng đầy nhóc danh lợi sắc tình, xem con bệnh như là một món hàng thương mãi thì dẫu cho công cụ chật phòng chăng nữa, cũng chẳng có nghĩa lý gì.

Có ai ngờ một khối ung thư ở cần cổ làm cho cần cổ to gần bằng cái đầu. Thế mà khi vào nhà thương lại phải đợi đến cắt thịt thử rồi mới bệnh biết chắc để giải quyết, và hẹn 20 ngày sau trở lại. Người bệnh về nhà chưa được nửa tháng đã qui thiên. Thế mới biết không phải lỗi ở dụng cụ, mà lỗi ở dụng cụ có thầy thuốc chớ không phải thầy thuốc có dụng cụ.

Có người hỏi: Muốn trở nên một lương y mà phải quá khó khăn như thế, thì học biết đời kiếp nào cho nên?

- Đáp: Một đàng nên Người trước, một đàng nên Nghề trước, đàng nào cần hơn?

Có ai ngờ khi tôi muốn sử dụng một cái máy toán điện tử, thì tôi lại phải bỏ công săn sóc chùi lau, kiểm điểm kỹ lại và phải cho chạy thử xem có chính xác hay không đã, rồi tôi mới dùng. Thế mà khi tôi dùng cái máy thằng người của tôi, tôi chẳng bao giờ lưu tâm kiểm điểm lại nó. Rõ thật tôi ngu quá! Hèn gì ông Phật nói: "khi cái nhân không chính thì cái quả phải kết vạy vọ"!

Có người hỏi: âm dương khí hoá là thứ rờ không đụng, thấy không được, chỉ có tưởng tượng đâu đâu. Sao bằng căn cứ vào vật chất, hình tướng, tế bào, vi trùng là thứ rờ đụng thấy được để mà áp dụng có phải thiết thực hơn không?

- Đáp: đây không phải là để phủ nhận thuyết vật chất, vi trùng, tế bào, máy móc v.v. của ngày nay, mà là một cuộc tìm gặp lại cổ nhơn. Nếu quả sự nghiệp của chúng ta ngày nay hoàn toàn thiết thực, thì sao ta lại băn khoăn cảm thấy như sẽ bị sụp đổ? Nếu ta đã thật vững, thì hà tất phải tìm lại cổ nhơn?! Phương chi đây là đi tìm sự hiểu biết, chứ đâu

phải đi tìm cái mê tin.

Hết thảy những việc xảy ra trong đời đều có chỗ cơ mầu dấy động của nó. Khổng Tử nói: "những việc anh lấy em, con giết cha, tôi thí vua đều không phải là chuyện xảy ra trong chốc lát". Thế mới biết: từ cái không có gì đến khi có cái thành hình, dặm đường này rất là nhiệm mầu. Nhưng hầu hết chúng ta đều bỏ qua lơ đễnh. Đây là một tội án lười biếng. - Nuôi một đứa con mà phải đợi đến nó giết người rồi mới nhận ra tính ác của nó. Cũng như bệnh tật mà phải đợi đến thành con, thành cục, thành khối rồi mới đo lường, thử, thí nghiệm đặng biết. Như thế há chẳng là muộn màng lắm sao?

Có ai ngờ một bác sĩ người Pháp giám đốc đại học đường Y khoa Sài Gòn với một bác sĩ người Nhật đã nhiều lần nói lên rằng: Y khoa ngày nay vẫn chưa hiểu tý gì về bệnh ngoại cảm cũng như bệnh huyết chứng?!

Có ai ngờ không biết bao nhiêu bác sĩ khi đụng đến bệnh dời (zona) liền chỉ cho bệnh nhơn đi tìm đến những ông thầy khoáng?!

Có ai ngờ khi loài người khám phá được nguyên tử thì lại lòi ra siêu nguyên tử, cũng như khi khám phá được vi trùng thì lại lòi ra siêu vi trùng? Không biết rồi một lát nữa ngoài cái siêu nguyên tử, siêu vi trùng sẽ còn thứ siêu siêu siêu nào nữa không? Ôi! Thế mới biết: "đạo cao một thước ma cao một trượng". Hễ vỏ quít mỏng mỏng thì móng tay cũng bằng bằng, vỏ quít dày dày móng tay cũng nhọn nhọn thêm. Hễ khi đã đâm sầm ra bao la xa quá rồi mà không thấy đụng đâu hết, lẽ cố nhiên phải dùng ngôn ngữ để tự kỷ ám thị rằng: vũ trụ trương nở. Đây cũng chẳng qua là cái thế con chó giỡn đuổi theo cái đuôi của nó trong loài người mà thôi, rốt cuộc chỉ tổ mệt đừ.

Có người hỏi: tại sao trong cơ thể con người biết bao nhiêu là chỗ có động mạch to mà lại không áp dụng để khám bệnh, lại phải bày đặt để tâm vào mấy điểm nhỏ xíu ở cổ tay cho lôi thôi mơ hồ không thiết thực. Phương chi ngày nay còn có biết bao nhiêu là máy móc để vạch trần những bí hiểm bệnh tật như máy chụp X quang chẳng hạn. Và biết đâu sau này ta còn sẽ phổ biến bộ óc điện tử, thì việc khám bệnh sẽ được tinh vi hơn con người nhiều?

- Đáp: nếu một người thiệt có bộ óc khoa học, và đã thiệt đọc từ thiên đầu, đã từng thực chứng vào trong thân, thì ngay bây giờ không những không phủ nhận việc khám mạch cổ tay, mà còn phải cùng nhau thắp hương chiêm ngưỡng cổ nhơn đã quá cố sáu bảy ngàn năm mới phải. Nếu chưa biết được như vậy là chưa phải người có óc khoa học. Dẫu có phanh phui việc này sớm cũng không bằng để mỗi người thấm thía càng hay. - Ai đời đem một thứ con đẻ của mình mà dựng đứng lên để làm cha, thì thật là quái gở! Tôi chỉ có nghe con người chế bộ óc điện tử, chớ chưa hề nghe bộ óc điện tử chế con người. Trên thế gian này chưa có bộ máy nào tinh vi hơn bộ máy con người; thế mà ta không tin được việc con người khám phá con người, mà lại tin tưởng vật chất sẽ khám phá lại con người. Như thế há chẳng là lạ lắm sao? Quả thật khát nước mà lại đi uống rượu!

Đoạn 24

PHIÊN ÂM

Cố viết: bệnh chi thỉ khởi dã, khả thích nhi dĩ. Kỳ thạnh khả đãi suy nhi dĩ. Cố nhân kỳ khinh nhi dương chi, nhân kỳ trọng nhi giảm chi, nhân kỳ suy nhi chương chi.

DỊCH

Cho nên khi bệnh mới phát có thể áp dụng phép chích liền khỏi, khi bệnh đã thạnh có thể nương nơi vừa qua cơn mà làm cho bớt. Cho nên mới nói: nương nơi hồi bệnh nhẹ mà giải tán, khi đã nặng chỉ làm cho bớt, khi bệnh đã bớt thì làm cho sức khỏe càng ngày càng hồi phục.

GIẢI

Đại ý đoạn này muốn nói về nghĩa trị bệnh phải có mẹo mực phương pháp, y như là dùng binh đánh giặc vậy.

Khi bệnh vừa mới chớm phát, nếu là bệnh ngoại cảm áp dụng phép chích mà trị thì thật là rất dễ dàng. Nhưng khi cơn bệnh đã nổi lên mạnh bạo, chẳng khác nào sức giặc đang tung hoành, thì dù cho trị bằng châm cứu hay bằng thuốc cũng không thể vô ý thức đương đầu, phải đợi cơn bệnh dịu dần rồi mới tấn công thì mới khỏi bị nguy hại. Chính vì lẽ này khi binh thơ có câu: "tị kỳ lai nhuệ, kích kỳ đọa qui", nghĩa là: phải tránh mũi nhọn đến như bão vũ, và tập kích khi giãi đãi trở về. Cho nên mới nói: "hễ bệnh nhẹ thì nghịch trị, bệnh nặng thì phải tùng trị" là nghĩa thế. Và khi bệnh đã suy rồi thì phải lần lần làm cho sức khỏe được hồi phục.

Nếu trị bệnh mà không biết nghĩa này thì tai hại phát sanh. Binh bị không biết nghĩa này thì thua trận.

BÌNH

Nếu là cùng ở trên đỉnh núi, thì dù việc làm có khác nhau nhưng tầm thấy biết chung quanh của mắt vẫn như nhau. Ngược lại nếu đứng dưới chân núi, thì bên này nói chuyện bên kia đều là vọng tưởng. Thế mới biết: cổ nhơn mỗi người làm một việc mà vẫn có chỗ đồng nhất tri âm; chớ không như người nay mạnh ai nấy làm, việc ai nấy biết để rồi cuộc đời biến thành đống rác.

Đoạn 25

PHIÊN ÂM

Hình bất túc giả, ôn chi dĩ khí. Tinh bất túc giả, bổ chi dĩ vị.

DỊCH

Hình không đủ thì dùng khí để làm ấm, tinh không đủ thì dùng vị để bồi bổ.

GIẢI

Đây muốn nói về nghĩa trị bệnh dùng thuốc không nên thiên lệch.

Con người là một tác phẩm thống hợp của khí và chất, âm và dương, khí và vị, tâm và vật. Thế nên việc trị bệnh phải phân biệt cho được hình với khí, tinh với vị để sự bồi bổ mới được phân minh. Nhờ sự phân biệt khí với vị này mà phương pháp sử dụng dược vật mới không sai lạc.

Đoạn 26

PHIÊN ÂM

Kỳ cao giả nhân nhi việt chi, kỳ hạ giả dẫn nhi kiệt chi, trung mãn giả tả chi ư nội.

Kỳ hữu tả giả, tích hình dĩ vi hạn. Kỳ tại bì giả, hạn nhi phát chi. Kỳ phiêu hản giả, án nhi thâu chi. Kỳ thiệt giả, tán nhi tả chi. Thẩm kỳ âm dương, dĩ biệt nhu cương. Dương bệnh trị âm, âm bệnh trị dương. Định kỳ huyết khí, các thủ kỳ hương. Huyết thiệt nghi quyết chi, khí hư nghi siết dẫn chi.

DỊCH

Nếu bệnh ở trên cao thì nương nơi ở cao mà dẫn cho đi lên, cho mửa. Nếu bệnh ở dưới thấp thì dẫn cho đi xuống. Nếu bệnh ở giữa đầy thì phải dùng phép tả bên trong. Nếu là bệnh ngoại cảm thì phải cho đẩy ra bằng đường da, bằng đường mồ hôi. Nếu thế bệnh mạnh tợn quá thì phải dùng phép án ma(1) mà thâu. Nếu là bệnh thiệt thì phải dùng phép tán mà tả. Phải nghiệm xét cân nhắc âm dương để minh định nhẹ nặng. Hễ bệnh dương thì phải để ý điều chỉnh đến phần âm, bệnh âm phải để ý điều chỉnh đến phần dương. Định rõ huyết khí, đâu đấy minh bạch rõ ràng. Nếu là

huyết thiệt thì phải tả huyết, nếu là khí hư thì phải bổ khí.

CHÚ THÍCH

(1) **Án ma:** nghĩa từng chữ là "nắn, bóp", nhưng sự thật thì bao gồm cả: nắn, bóp, mắn, giựt, vỗ, bấm. Thí dụ như: Phép vỗ trong bệnh dịch tả, phép bấm trong bệnh kinh phong của trẻ con, phép nắn các huyệt chính để chữa các bệnh trong tạng phủ, phép sửa xương trong môn trật lọi v.v.

GIẢI

Đây là khái quát về những phương pháp chữa bệnh của cổ nhơn.

Phương pháp chữa bệnh của cổ nhơn, nếu nhìn bề ngoài ta thấy không những không có điều gì khác lạ hơn cái biết của người nay, mà còn có phần cổ lỗ hơn nhiều về mặt dụng cụ. Nhưng tóm tắt không ngoài những phép sau đây:

1. Dùng thuốc.

2. Dùng phương pháp châm cứu và giải phẫu.

3. Án ma.

4. Chữa mẹo ("chúc do" để trị các bệnh liên quan đến tâm lý).

Về đem lại một kết quả theo ý muốn, thì khái quát không ngoài 8 phép như sau đây:

1. Hạn: đưa bệnh ra bằng đường bài tiết da.

2. Thổ: đưa bệnh ra ngoài bằng đường các khiếu trên.

3. Hạ: là đưa bệnh bài tiết ra ngoài bằng đường các khiếu dưới.

4. Hòa: là san sẻ điều chỉnh trong trường hợp chênh lệch.

5. Tán: làm cho tan ra.

6. Thâu: làm cho thu lại.

7. Bổ: là tiếp sức thêm.

8. Tả: bớt cái có thừa.

Nếu muốn được vậy, vị lương y phải biết rõ ràng về định luật âm dương chênh lệch nặng nhẹ, về sức ảnh hưởng của thuốc cũng như của phép châm, về cơ thể con người nơi nào huyết khí nhiều ít, về vị trí của kinh và huyệt, về cơ cấu tâm lý ảnh hưởng với bên ngoài một cách tỉ mỉ rõ ràng để mà điều động thì mới đem lại kết quả được như ý mình mong muốn, mà đây chỉ mới là khái quát.

BÌNH

Không riêng một đoạn nào, cũng không riêng một thiên nào, toàn cả tinh thần NỘI KINH không đâu không quy kết vào con người, rồi con người quy kết vào bệnh tật, và bệnh tật quy kết vào thân tâm, thân tâm quy kết vào sự lầm lạc. Bởi lẽ này nên có kẻ xua NỘI KINH vào cái xó y khoa, cũng như cái xó luyện đơn cũng chẳng có gì đáng lấy làm lạ. Nhưng có những hàng thức giả cũng rất bỡ ngỡ với cách thế quy kết này, và rồi cũng cho rằng NỘI KINH là một thứ tài liệu chuyên môn, chớ không hay rằng thực tế trên cuộc sống này dù cho nghị luận có mênh mông đến đâu chăng nữa cũng không ngoài vui và khổ; sanh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, thương gần không được khổ, ghét xa không được khổ, khi chưa được lo cho được khổ, được rồi sợ mất khổ, vui để rồi khổ, khổ khổ ngay hiện tiền, v.v. hình thức khổ tuy có muôn vàn, chúng sanh tuy có vô lượng nhưng cội nguồn của sự đau khổ cũng không ngoài do cái mê muội mà ra, và lăn lộn rên rỉ, xót xa than khóc thì ai cũng như ai. Đối với tình cảnh đau khổ này dù cho bao nhiêu thánh hiền tiên Phật ra đời chăng nữa, cũng không ngoài chỉ tìm đủ cách hoặc để xoa dịu cơn khổ đau, hoặc để đánh thức phần tuệ giác cho cuộc sống của chúng sanh được trở về với thức tỉnh. Như thế há lại bỏ phương tiện mà không dùng

được sao?

Có người nói: "muốn vào cõi Đạo thì tinh thần phải được chẳng vướng mảy may; phát tâm cứu đời thì phải dồi dào phương tiện". Thế mới biết: đọc sách mà không bị ứ trệ cũng là một cái khó.

Lời giải toàn thiên

Các sách của cố nhơn phần nhiều toàn bộ cũng như một quyển, toàn quyển cũng như một thiên, toàn thiên cũng như một đoạn, một đoạn cũng như một câu vốn nó không hơn không kém. Tuy là không hơn không kém, nhưng một câu không phải một đoạn, một đoạn không phải một thiên, một thiên không phải một quyển, một quyển không phải một bộ. Thế thì đại ý toàn thiên này là gì?

- Nếu ý thức được ngôn ngữ, văn tự, lý trí, khái niệm, máy móc, dụng cụ đều là những phương tiện tạm bợ để giúp ta ý thức về một đường hướng, rồi theo đó mà tìm sự thật, tựa hồ như ngón tay chỉ đường chớ không phải đường. Nếu nhận ra được như thế, thì ta nên cùng bàn bạc đào sâu thêm; nếu không như thế, hóa ra vẽ rắn thêm chân chẳng có ích gì. Đây là điều cần phải được lưu tâm trước.

Nếu học DỊCH là cốt để giúp ta gặp lại bộ mặt thật của vũ trụ muôn loài cũng như của chính ta, và nhờ đó mà cuộc sống của chúng ta được điều hành nhịp nhàng với khung cảnh bao la đồng nhất trong trật tự tương quan biến hóa lưu thông này, thì toàn bộ NỘI KINH cũng như thiên này là *Kinh Dịch* ở trong *Kinh Dịch*.

Nói "ÂM DƯƠNG ỨNG TƯỢNG" tức là nói: tất cả những cái có đều là những hiện tượng từ trong bao la ứng ra, mà vốn nó là không từ đâu đến cũng không đi về đâu. Và tất cả đều có thể xếp thành cặp dù ở lãnh vực vật lý, tâm lý hay sinh lý, dù ở vật cực lớn đến vật cực nhỏ cũng chỉ thế thôi.

Bảo "âm dương là giềng mối của vạn vật" tức là đã nói lên tất cả

những gì có tướng đều nằm trong khuôn khổ âm dương, đều là tướng huyễn hóa chẳng lựa là tâm hay vật.

Nói "trị bệnh phải tìm đến gốc" là đã nói lên cái ý: muốn biết được cái biến thì trước phải biết được cái thường, và rồi mới tìm đến nguồn cội của cái biến ấy. - Ai bệnh? - Con người. Tại sao con người bệnh? - Tại lầm lạc; tinh thần lầm lạc, ăn uống lầm lạc, sinh hoạt lầm lạc, hiểu biết lầm lạc v.v. và v.v. tóm lại là cuộc sống lầm lạc. Do đó mà mỗi một thứ bệnh đều có một hệ thống đến tận nguồn cội, cho nên không thể không biết.

Một quả cầu giả trong phòng thí nghiệm, cho chạy thật nhanh, rồi ném một vật vào, tức khắc vật ấy bị hít dính vào. Rồi chúng ta kết luận: bởi sức quay nhanh tạo thành sức hút. Con người đối với quả địa cầu cũng vậy. Vậy thử hỏi: tại sao không tạo thành sức xô? Và tại sao âm thanh rung động lại không hút vào trước mà lại xô ra? Vậy sức hút đó có phải chỉ đơn độc do sự quay tít mà tạo ra không? Hay còn điều kiện nào quan trọng hơn chi phối nữa? Chỗ này rất có quan hệ đến nghĩa "súc tích phần dương làm trời, súc tích phần âm làm đất" vậy.

Nói đến phần hiện tượng, phần tướng tức là đã rơi vào phần **biến dịch** và **di dịch** rồi. Nếu đã là biến dịch, di dịch tất có tương quan trật tự lớp lang để mà biến huyễn lưu thông. Dù to như vũ trụ, nhỏ như siêu nguyên tử, siêu vi trùng; bên ngoài như vạn vật; bên trong như cơ thể tạng phủ, cho đến tâm thức của con người; hằng ngày uống ăn, sinh hoạt, thức ngủ, làm lụng hết thảy đều đồng một trật tự tương quan không sao khác hơn được. Nếu trái chướng với trật tự này liền xảy ra biến động.

Nếu tất cả vật tượng đều vốn không từ đâu đến cũng không đi về đâu, mà vẫn biến huyễn theo cái thế tương quan trật tự lớp lang, thì chính con người của mình cũng là thứ đó. Vậy nên nếu con người phân định được rõ ràng minh bạch cái trật tự tương quan biến hóa lưu thông của hiện tượng không từ đâu đến cũng không đi về đâu ấy, tức là con người đã nắm trọn vận mạng của mình rồi đó.

Trong cõi huyễn tượng thì dù cho Lưỡng nghi, Tam tài, Tứ tượng, Ngũ hành v.v. chẳng qua cũng đều là những hiện tượng do năng lực viên

quang hồi tụ, đều có thể bắt cặp, đều là từng hột tổ hợp, đều là những huyễn tướng nương tựa lẫn nhau, vốn nó không có một thực thể riêng biệt. Cho nên hễ một cái có là tất cả đều có, nếu trừ tất cả thì cái một cũng không còn. Nên trong một có tất cả, trong tất cả có một; một dính liền với tất cả, tất cả dính liền với một. Mỗi một tướng đều tràn ngập tròn đầy tất cả, và tất cả đều cũng tràn ngập tròn đầy trong một tướng mà tướng nào cũng vẫn có riêng biệt lớp lang của tướng nấy. Nếu không như thế thì máy radar, máy thu thanh, máy vô tuyến truyền hình, bộ óc điện tử không có cơ sở tồn tại. Nếu không vậy thì nghĩa: con người vừa là bao la hồi tụ, vừa là bầu trời đất nhỏ, mà cũng vừa là đồng nhất tương quan với trật tự bao la của NỘI KINH muốn nói đây cũng không có cơ sở tồn tại nữa.

Cuộc sống của con người nếu chưa tìm gặp được lại bộ mặt thật của chính mình, cũng như chính mình chưa phải là bao la, thì ít ra cũng phải ý thức được ăn như thế nào, uống như thế nào, mặc, ở, sinh hoạt, thức, ngủ, hiểu biết v.v. như thế nào để không bị trái chướng với trật tự thiên nhiên, thì mới mong duy trì được thế quân bình trong cuộc sống. Đây là điểm đặc sắc nhất của toàn bộ NỘI KINH cũng như của thiên này.

Sở dĩ nói Đông, nói Nam, nói Trung ương, nói Tây, nói Bắc v.v. là vì con người sống trên mặt đất trong Thái dương hệ này vừa thọ lãnh lấy động cơ hội tụ của bao la, vừa thâu nhận cái trật tự lớp lang của sự vận hành nơi Thái dương hệ mà kết thành những hệ thống un đúc nên thân người, để con người tự nhận ra được chính cá nhân mình là gì, và liên hệ với tất cả vũ trụ bên ngoài bằng cách nào, giữa tâm với vật tuy hai mà một bằng cách nào? Thế nên năm hệ thống trên đây trở thành một cây thước quan hệ.

Trong cái vòm năng lực viên quang hồi tụ; bị hạn cuộc vào địa cầu, ta thấy hình như có Đông có Tây có Nam có Bắc thật, hoặc ta thấy như một cái bầu thủy tinh tráng thủy bên ngoài mà bên trong có ánh sáng, để rồi bên này phản chiếu qua bên kia, bên kia phản chiếu qua bên này, bên trên phản chiếu xuống bên dưới, bên dưới phản chiếu lên bên trên. Nhưng kỳ thật chỉ là viên quang hồi tụ không có kẽ hở, không có trong ngoài, và từ lượn sóng năng lực rung chuyển đó làm nguyên động lực cho tất cả vạn pháp. Hồi tụ giai đoạn thứ nhất có ra các khoáng chất, giai đoạn thứ hai kết thành thực vật, giai đoạn thứ ba động vật xuất hiện rồi

đến con người. Đây là nghĩa từ **Huyền, Đạo** đến **Trí**, **Thần**.

Nói: Thần ở trời là phong, nhiệt, thấp, táo, hàn; ở đất là Mộc, Hỏa, Thổ, Kim, Thủy; ở cơ thể là gân, mạch, thịt, da, xương; ở tánh tình biến động là giận, mừng, nghĩ ngợi, lo lắng, ngại sợ v.v. tức là nói cái **Huyền** của năng lực hồi tụ trên kia đã đi lần vào Thái dương hệ mà xâm nhập vào tận con người, cuối cùng hiện ra hiện tượng tâm thức để cấu kết thành guồng máy tâm thức, nhìn bên ngoài tựa hồ như cái cân năm cánh có hệ thống liên lạc suốt tận bao la, và mỗi một cánh có một cách thế tác dụng thuận nghịch riêng biệt mà thành chế hóa lẫn nhau. Thế là rõ ràng tâm và vật vốn không hai, vốn chỉ là hiện tượng.

Trong cái thế phản chiếu lật ngược của vòm bao la, thân con người tuy là bóng dáng của quả địa cầu, nhưng tạng phủ bên trong lại là khung cảnh bên ngoài. Kìa, ta hãy xem mặt trời hiện vào thân người là trái Tim, bầu khí quyện là tạng Phổi, tất cả rừng cây là tạng Gan, mặt trăng hứng lấy ánh sáng mặt trời phản chiếu xuống mặt đất vào trong thân người là tạng Tỳ, tất cả ao hồ biển cả vào trong thân đều quy về tạng Thận. Đây là trong thế phản chiếu lật ngược mà sự cấu tạo tạng phủ con người có ra như vậy.

Người ta có thể cho rằng: nhận xét này là không có bằng cứ, nhưng ta có thể tuần tự theo dõi kỹ rồi ta sẽ thấy.

Nói Đông, nói Nam, rồi Trung ương, rồi Tây, rồi Bắc tức là nói: Xuân, Hạ, Trường hạ, Thu, Đông mà cũng là nói: Mộc, Hỏa, Thổ, Kim, Thủy theo vòng tương sanh của năm hành và cũng là hệ thống dinh dưỡng của Gan, Tim, Tỳ, Phế, Thận. Sở dĩ nói như thế là bởi tận tự thiên đầu luôn luôn đề cao trật tự tương quan của cõi thiên nhiên, và trật tự tương quan trong con người mà tạng Thận là tạng quan hệ nhất. Đây cũng là thế sanh, trưởng, hóa, thâu, tàng. Tàng để đặng sanh, sanh để đặng trưởng, trưởng để đặng hóa, hóa để đặng thâu, thâu để trở về tàng. Vòng tương sanh này dù cho suốt một đời người hay một năm, một tháng, một ngày cũng chỉ thế thôi.

Hết thảy vũ trụ, tất cả vạn vật, dù cho mặt trời, mặt trăng hay quả đất này cũng phải có hồi hủy diệt. Đời người cũng thế. Thế thì con người từ nhỏ cho đến nửa đời tức là vòng tương sanh của sinh mạng

diễn tiến theo chiều lớn lên tung ra, nửa đời trở về sau là diễn tiến theo chiều bóp vô thu vào, cho đến khi giờ chót. Đó là vòng diễn tiến tự nhiên của luật tương sanh (sẽ có hình). Nếu trái với hệ thống này tức là tuổi thọ cũng như cuộc sống mất bình thường, sẽ xảy ra trên thiệt dưới hư như đoạn 18 của thiên này đã nói.

Bất cứ một vật nào hễ là có tướng đều là sự hợp tác của hai hiện tượng âm dương, dù cho trời đất cũng thế. Hai hiện tượng này đều nương nhau mà tồn tại không thể khác hơn.

Con người khi nhận ra được sum la vạn tượng vũ trụ muôn trùng chẳng qua đều chỉ là những huyễn tượng bọt bèo, đừng nói chi đến xác thân quá nhỏ mọn nầy phải lệ thuộc vào trật tự của thiên nhiên mà thoáng sanh thoáng diệt; thì chẳng có ai điên dại gì lại đi tạo thêm bao nhiêu là sự trái chướng vi phạm vào trật tự thiên nhiên để sanh muôn vàn đau khổ. Do đó mà không có cách nào khác hơn ta hãy trả lại cái thân này về cùng với bao la đồng nhất. Lòng không ôm đồm vướng bận, tinh thần tự tại thảnh thơi, tự nhiên kho tàng năng lực vô tận của bao la cũng chính là của mình vậy. Thế là hình hài ta sống trong cõi huyễn mà thọ mạng của ta cùng với bao la hằng còn. Hằng ngày ta sanh hoạt, ăn uống, nghỉ ngơi, làm lụng tức là bao la sanh hoạt, ăn uống, nghỉ ngơi, làm lụng; nó tự điều hành lấy nó chẳng cần phải xen ý kiến của cái tâm ích kỷ vào, mà nó vẫn hoàn toàn thuận với trật tự thiên nhiên. Đây là chỗ bực thánh nhơn thông đạt khác hơn người thường.

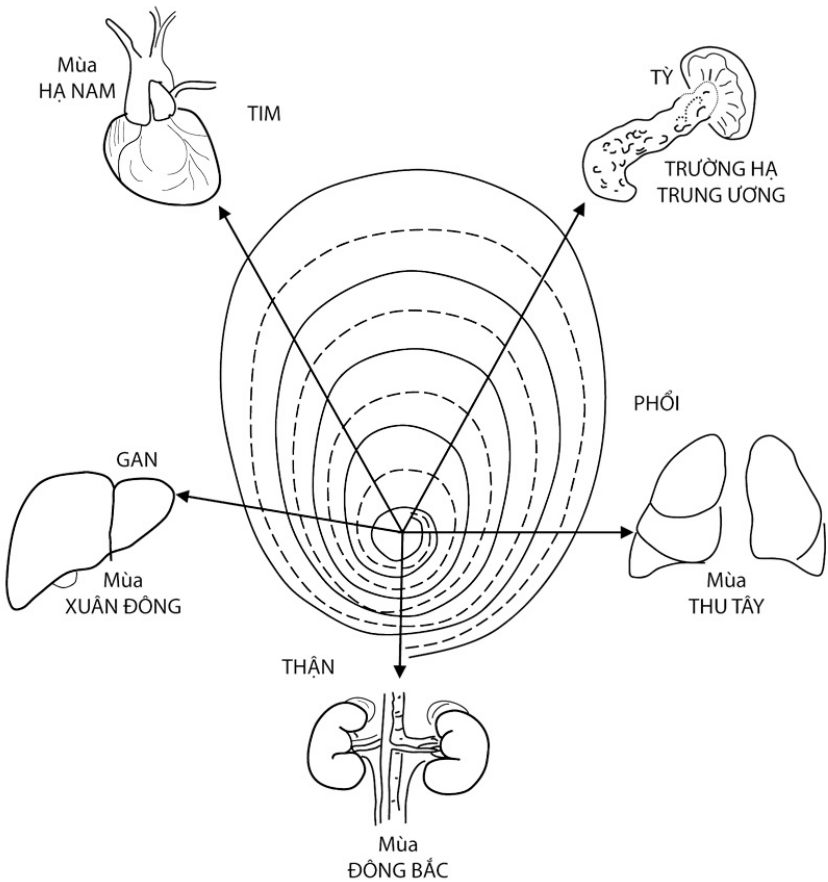
Một dàn máy nhỏ xíu mắc liền vào một dàn máy bao la vô tận vốn nó đã có qui củ phép tắc. Giả sử có điều trục trặc ta có thể nào giao phó cho hàng tay ngang điều chỉnh được không? - Chắc chắn là không, không những là không mà còn phá hoại cho hư thêm nữa là khác. Bộ máy thân, bộ máy tâm, bộ máy cá nhân, bộ máy gia đình, bộ máy xã hội, bộ máy thiên hạ cũng chỉ thế thôi. Do đó mà biết được, nếu muốn điều chỉnh mà không căn cứ vào qui luật đồng nhất tương quan trật tự biến hóa lưu thông của cõi thiên nhiên, thì quyết định tai hại nổi dậy.

Từ khi mở đầu quyển đến giờ ta thấy luôn luôn lưu ý đến vấn đề tâm với vật vốn không hai. Và luôn luôn chú trọng đến vòng tuần hoàn tương sanh của sinh mạng, cũng như của năm tạng mà tạng Thận thật quan trọng vô cùng, và thường nhắc đến cơ cấu tuần hoàn của Thận. Giờ đây lại nêu ra phép châm để ta bắt đầu chú ý đến những dòng điện năng

lực trong thân. Thế là trong chỗ ngoài lời không chữ, còn nói thêm lên về sự tương quan của guồng máy tâm thức với cơ cấu xác thân, mà sự tương quan giữa óc, tủy xương sống, bộ dây thần kinh, tạng Thận, tạng Phổi, với tuần hoàn máu trắng (tuần hoàn Thận) là quan trọng nhất, mà đây chỉ mới bắt đầu đi lần vào. Để rồi sau này sẽ có dịp ta thấy rõ tâm lý, vật lý, sinh lý vốn không phải khác và Đạo học, y học, triết học đều cùng một nền tảng.

HÌNH 5.5: ĐỒ BIỂU VÒNG SANH TRƯỞNG HÓA THÂU TÀNG

của THIÊN QUÝ trong con người từ nhỏ đến lớn,
từ lớn đến già đều phải thông qua năm tạng bốn mùa



BÌNH

Trang Sinh kể: "Ông Trí đi hỏi Đạo với ông Làm Thinh, ông Làm Thinh vẫn cứ làm thinh, ông Trí chẳng hiểu tí gì tức mình. Nghe tiếng một nhà đạo đức lỗi lạc là ông Nửa Quên, bèn đi đến đó để hỏi. Nửa quên bảo: Được, để rồi tôi sẽ nói cho nghe. Giây lâu ông lại bảo: Ôi chao! Quên mất rồi. Thế rồi ông ta chau mày tìm mãi cũng không nhớ lại được, làm cho ông Trí chán nản trở về, sực nhớ ra còn ông bạn lỗi lạc là Huỳnh Đế, bèn đến để hỏi. Huỳnh Đế mời ngồi trà nước, và đầu đuôi tự sự bèn kể toạc ra hết. Ông Trí thích quá hỏi Huỳnh Đế rằng: Chuyện chỉ có thế mà hai nhà danh tiếng kia không nói được, nay ngài vạch trần cho tôi hiểu được, vậy thử hỏi ai phải? - Huỳnh Đế đáp: Ông làm Thinh chí lý, ông

Nửa quên còn được nửa phần, còn chúng ta đây đều đã bị lai mất cả rồi". - Quả thật, Đạo mà nói ra được tức là không phải cái Đạo thiệt hằng còn. Dù bép xép cho lắm cũng chẳng hơn được tí nào. Nhưng, than ôi! Đã lỡ có nói năng thì làm thinh vị tất đã là cứu cánh, và ở trong cái biển bép xép này làm thinh mãi có hồi cũng chán. Khổ lắm! Khổ lắm!

Nói, là để mượn lời mà diễn tả ý. Người nghe cốt sao được ý quên lời. Ví nếu cả người nói lẫn người nghe đều như thế, thì câu chuyện trên không thể xảy ra, và nói với nín đều chỉ là phương tiện. Ví nếu cả nói lẫn nín đều thất bại, thế là chúng ta trở thành những cây đàn để lâu đóng sét, bụi bặm bám vào, dây đứt, phím hư, trục gẫy, cho nên đánh lên cũng không được, mà để nguyên như thế cũng chẳng có việc dùng. Nếu muốn tấu lên một bản nhạc nhiệm mầu, tất nhiên phải chùi lau kiểm điểm và điều chỉnh lại, muốn được như vậy, chỉ còn có cách duy nhất là ta nên đến gõ cửa các vị Thiền Sư Trung Hoa hiện thời, thì may ra chúng ta có giải pháp.

Có người hỏi: Tại sao lại phải đi hỏi các vị Thiền sư Trung Hoa? Và tinh thần NỘI KINH với Phật giáo ngày nay có quan hệ gì? - Đáp: nếu học Phật là để giải quyết trọn vẹn, thấy suốt khắp; cho đến từ sanh hoạt, ăn uống, tâm tư, nghĩ ngợi, cử chỉ, nói năng, nhìn ngó, ngủ nghỉ v.v. của chính mình thì các vị thiền sư tức là cốt tủy của Phật giáo.

Tinh thần Trung Hoa là tinh thần của đạo Dịch, của NỘI KINH. Ngày nay toàn bộ Phật giáo đều bị lượn sóng vật chất năm châu họp chợ nó nhận chìm. May thay cho Phật giáo còn rải rác được vài ba vị thiền sư Trung Hoa, nhờ họ tận lực đào sâu vào con người của họ, mà tinh thần cổ điển của NỘI KINH trong dòng máu Trung Hoa trỗi dậy được phần nào! Với những phương pháp điều chỉnh hơi thở, tiết chế sanh hoạt ăn uống, chỉ chút ít nhỏ nhặt ấy trong môn tĩnh tọa, thế mà vẫn đủ để cung cấp cho những ai muốn chỉnh đốn lại thân tâm mình một cách dốc lực chí thành. Nhưng cũng ác hại thay, các vị thiền sư cũng không đi xa hơn mấy, nên tinh thần thực tế của NỘI KINH không hoàn toàn sống dậy! Do đó mà ngọn đèn Thiền học trước sóng gió vật chất năm châu họp chợ này cũng đang lao chao chực tắt lúc nào, nhưng dù sao "có" còn hơn không. Thế nên tôi nói: vì Phật giáo cũng như tất cả loài người đều thiếu hẳn khả năng đánh giá hết mọi luồng ảnh hưởng của vật chất trong lượn sóng muôn phương tới tấp, nên mới bị nó vồ nuốt cuốn đi. Cho nên tôi nói: nếu muốn có khả năng ấy, trừ phi đào sâu trong tinh thần NỘI KINH

quyết định không tìm đâu thấy. (sẽ có Phụ bản Tĩnh Tọa).

Có lẽ thầy trò ông Huỳnh Đế vì cặp mắt to quá, nên trông suốt được về sau thấy đám con cháu lao nhao của mình đang đổ xô về nẻo trí trá vật chất, và tất cả những huynh đệ bạn bè của mình hết lời dạy bảo mà chúng vẫn cóc cần nghe. Chúng nó lại còn chế tạo ra bao nhiêu thứ máy móc kỳ lạ thu nhỏ thế giới lại, làm loạn đến thiên cung. Cho nên các ngài sợ trách nhiệm, mới bày đặt phanh phui ra hết bao nhiêu là luật lệ bí hiểm, hầu cho đến ngày nay sẽ được cứu vãn phần nào, giá chót nếu nó chưa vào được nẻo Đạo thì cũng không đến nỗi làm loạn. Nhưng có thể các ngài quên rằng biết đâu khi chúng nó vì tham sống mà ăn bừa những thức ăn có độc để đến nỗi chết chóc, với vì nó sợ chết quá mà hóa ra đeo chặt đóng cứng theo chữ và lời để mà tự tử bằng cách sống lâu! Thế là hai kết quả vẫn như nhau, chẳng hơn chẳng kém.

Người ta nói: Thầy trò Tam Tạng đi thỉnh kinh, bị thằng đồng tử của ông Di Lặc lén lấy cái đãy hậu thiên và chập chỏa của ông ấy xuống làm yêu quái, lập ra Tiểu Lôi Âm mà thầy trò Tam Tạng bị lâm nạn. Nhưng tôi nói: biết đâu người ta muốn nói thảy loài người ngày nay kể cả các bực tu hành đều vì bỏ quên lá bùa NỘI KINH Huỳnh Đế, nên bị con yêu **kinh tế chánh trị** thâu vào cái đãy **vật chất sắc tướng âm thanh** hết cả rồi mà không có lối thoát!

Bất chợt có người hỏi: nếu bao la này chỉ là một lò hóa học thiên nhiên vĩ đại, và mỗi một hiện tượng chúng sanh cũng như con người chẳng qua chỉ là một hiện tượng tâm lý, sinh lý, vật lý, hóa học mà thôi. Thế thì những chuyện như Phật A-Di-Đà, Phật Tỳ-Lô-Xá-Na, Đức Chúa trời, Đức Thượng đế, Đức Ngọc hoàng, Đức Ngọc đế, thần Brahma, Đấng Huyền năng chủ tể, v.v. và v.v. đều là chuyện bịa đặt hết sao? - Thưa: đây chưa từng nói những chuyện đó là có hay không có, đây chỉ là trình bày những sự thật hẳn nhiên nó phải thế. Nếu bảo những chuyện đó có hay không có; vậy thử hỏi giả sử có, có bằng cách nào? Nếu có bằng cách người ta muốn nói lên nghĩa thế nào ấy, thế là một thứ ngôn ngữ, và ngôn ngữ cũng tức là sản phẩm của con người; không của một dân tộc này hay một dân tộc khác, cũng của tôn giáo nọ hoặc tôn giáo kia quả là chuyện của con người. - Nếu bảo những chuyện ấy có bằng cách nhập xác lên đồng, hoặc gọi là thánh linh gì ấy, rồi căn cứ vào đó mà cho là chơn lý hiển hiện, như thế hết thảy những chuyện đồng bóng đều là chơn lý cả sao? Thế mới biết: đây cũng là chuyện của con người. - Ví

nếu có như bao nhiêu hiện tượng có khác, thì những hiện tượng ấy chẳng qua cũng là hiện tượng không hơn không kém, mà đã là hiện tượng thì có hiện tượng nào quyết định là tuyệt đối đâu! Thế mới biết: đây cũng là chuyện của con người, cũng là chuyện của sắc tướng danh ngôn. Giá nếu không có con người, những chuyện ấy có hay không hết thành vấn đề.

Hỏi: thế thì những đàn cơ bút do các bực thánh linh giáng phàm dạy đạo ấy đều là chuyện mê hoặc sao? - Thưa: đây tôi không nói ai mê hoặc ai mà chỉ nói ta đừng vội tin càn, mà phải có cách áp dụng trí huệ suy tư khám phá cho ra sự thật. - Nếu tất cả hiện tượng vốn là nhân duyên tổ hợp, vậy thử hỏi hiện tượng cơ bút có vượt ra ngoài định lý nhân duyên tổ hợp không? Nếu là không, thì cùng với bao nhiêu hiện tượng khác vẫn như nhau. Như thế không thể gọi hiện tượng ấy là tuyệt đối được. Vì sao thế? - Ta thử trừ hết tất cả những gì không phải là hiện tượng cơ bút ra, cơ bút sẽ nương nơi đâu mà tồn tại? Thế mới biết: nêu lên một pháp là nêu lên tất cả, có mặt con người là có mặt tất cả. Thế là cơ bút có mặt là tại có mặt con người, là chuyện của con người chớ không đâu xa lạ. - Nếu bảo rằng: có một thứ linh thiêng cùng khắp trong cõi thái không này. Vậy thử hỏi linh thiêng ấy có hay không có? Nếu là có tức là đồng với bao nhiêu pháp "có" khác. Nếu là không là đồng với bao la vô tận, mà đã đồng với bao la vô tận tức là thấu suốt muôn loài, ngấm hết vạn tượng. Đã là ngấm hết vạn tượng thì không vì chỗ sạch sẽ cao sang mà có, không vì chỗ dơ bẩn thấp hèn mà không, không vì người mà đầy đủ, không vì vật mà kém thua, y nhiên như vậy không hơn không kém, chỉ có con người nhận ra hay không mà thôi. Nếu ở nơi đền đài cung điện trong sạch cao sang mà có, ở nơi dơ bẩn thấp hèn mà không thì quyết định chuyện đó chưa phải là chơn lý, chỉ là thứ mê tin của con người bày đặt ra mà thôi.

Hỏi: như thế có khác chi các nhà duy vật không kể gì hết có linh thiêng hay không linh thiêng? - Đáp: duy vật là một chủ thuyết để chống đối với thuyết duy tâm. Thế thì hai chữ "duy vật" (chỉ có vật chất) là một bản án để tố cáo rằng: chủ thuyết duy vật đã gián tiếp thừa nhận chủ thuyết duy tâm, và duy vật đích thị là một thứ duy tâm, cũng như duy tâm đích thị là một thứ duy vật. Vì sao thế? - Vì hết thảy những gì có thể xếp thành cặp đều là hiện tượng, không lựa là tâm hay vật. Còn bảo: linh thiêng hay không linh thiêng, thì đây ta chỉ cần tìm hiểu xem những cái linh thiêng hay không linh thiêng đích thị nó là cái gì ở đâu? Chớ phải đâu

bảo rằng có với không có! Thế mới biết: nếu chưa biết gì hết về chính con người của mình trước, thì dù có tin theo ai hay không tin gì cả, tin cơ bút hay tin bộ óc điện tử, tin NỘI KINH hay tin Kinh Dịch, tin Lăng ông Bà Chiểu hay tin bói bài vẫn quyết định đều là những thứ mê tin.

Hỏi: Thế thì sự thật cứu tận là cái gì? - Đáp: Lóng nghe trong câu hỏi nghe thấy rất nhiều thưa thớt. Thế là từ trước không có đọc kỹ, và cũng không đủ lòng thành, chỉ để góp nhặt thêm một phần kiến thức chứ không phải để khám phá chính con người của mình. Nếu đã đọc một cách chí thành thì không hỏi như thế. - Hỏi cứu tận là cái gì, thì đủ biết cái gì ấy không phải là cứu tận, và tinh thần muốn biết cái gì ấy lại không phải tinh thần muốn tìm sự thật hay chơn lý. Đã là cái gì thì không phải là chơn lý, đã là chơn lý thì không phải là cái gì. Vì sao thế? - Vì đã là cái gì, thế tất có cái gì này phải có gì khác, thế là đã có vô số cái gì gì. Nếu bảo chơn lý là cái gì, thì chơn lý của người này không phải là chơn lý của người khác, trên đời này có vô số người tất chơn lý cũng trở thành vô số cái, mà đã là vô số cái thì làm sao biết cái nào là cái đích thực chơn lý. Thế mới biết: câu hỏi cứu tận chơn lý là cái gì, thiệt là vô lý. Hèn gì có người mang câu hỏi này hỏi các vị thiền sư xưa, họ lại đáp: "Chừng nào mày hớp một hớp hết cả nước bốn biển, rồi trở lại đây tao sẽ nói cho mày nghe". Thiệt là xứng đáng! Cho nên tôi nói: Nếu không để ý đến chính con người của mình thì đừng mong tìm hiểu việc gì được hoàn toàn chính xác, là nghĩa thế.

THIÊN THỨ NĂM

- HẾT -

Thường tự hòa hợp
Không phép gặp mặt

Nếu tôi sợ giáp mặt với chính tôi, dù tôi có muốn tránh sự anh em giết hại lẫn nhau cũng không thể được, thì làm sao tôi đọc được NỘI KINH?

C.N.

Thiên thứ sáu

ÂM DƯƠNG LY HỢP LUẬN

Định nghĩa tên thiên

Vì âm dương là hai hiện tượng huyễn hóa, nhìn bên ngoài ta thấy hai tướng trái ngược lẫn nhau như là hai vật tách rời, nếu nhìn sâu vào một tầng nữa ta sẽ thấy chúng nó giao tiếp nối liền như một hệ thống, và nếu đi xa hơn nữa ta sẽ thấy chúng nó chỉ là những hiện tượng trong thực thể không hai, dù ngoài bao la hay trong thân người cũng chỉ thế thôi. Trong thiên nầy cốt để nghị luận về chuyện đó, cho nên gọi là "ÂM DƯƠNG LY HỢP LUẬN".

BÌNH:

Ông lão Huệ Năng không biết chữ nghĩa gì hết, mà đã từng nói lên những câu làm cho ta nhảy nhổm. Ông nói: "Hết thảy những cái cặp, phàm phu thấy ra hai, người trí thấy không hai. Cái không hai ấy là tánh thật của vạn pháp v.v. và v.v.". Ông nói "không hai" chớ ông không nói một. Thế mới biết: trong đó hàm chứa cả nghĩa nói "hai" nói "ly" cũng được, nói "một" nói "hợp" cũng xong, miễn là thấy biết cho chắc.

Giá nếu tất cả những người có đọc NỘI KINH thiệt biết chuyện nầy, thì việc tiêu diêu ngoài sức máy âm dương đâu đến nỗi trở thành quá ư ghê gớm! Và đâu đợi đến phải có lão Huệ Năng ra đời nói lên một cách khác, rồi ta mới biết! Rõ thật hễ là mê muội dốt nát thì thời nào cũng mê muội dốt nát.

Đoạn 1

PHIÊN ÂM:

Huỳnh Đế vấn viết: dư văn thiên vi dương, địa vi âm. Nhựt vi dương, nguyệt vi âm. Đại tiểu ngoạt tam bá lục thập nhựt thành nhứt tuế. Nhơn diệc ứng chi. Kim tam âm tam dương bất ứng âm dương, kỳ cớ hà dã?

Kỳ Bá đối viết: âm dương giả số chi khả thập, suy chi khả bá, số chi khả thiên, suy chi khả vạn, vạn chi đại bất khả thắng số, nhiên kỳ yếu nhứt dã.

DỊCH:

Huỳnh Đế hỏi: Trẫm nghe nói trời là dương, đất là âm. Mặt trời là dương, mặt trăng là âm. Kể cả tháng đủ tháng thiếu tổ ng cộng số chính là 360 ngày thành một năm. Con người cũng phải ứng theo như vậy. Nay nói trong người có ba âm(1) ba dương(2) thì lại không ăn khớp với số âm dương ngoài cõi thiên nhiên, là cớ tại sao?

Kỳ Bá thưa: Hiện tượng âm dương nếu phân đại khái có thể đến mười (10), nếu suy diễn ra có thể đến trăm, đến ngàn, đến muôn, rồi cộng ra đến không thể tính đếm được nữa, nhưng tóm lại cũng chỉ là một.

CHÚ THÍCH:

(1) **Ba âm**: Thái âm, Thiếu âm và Khuyết âm.

(2) **Ba dương**: Thái dương, Dương minh và Thiếu dương.

GIẢI:

Ý Huỳnh Đế nêu lên câu hỏi rất là rõ ràng chẳng có gì khuất lấp. Kỳ Bá bắt đầu đáp đại lược là vấn đề hiện tượng âm dương rất bao la, vì tùy theo chỗ cần dùng mà tạm phân vậy thôi. Kỳ thực từ cái không hai có thể diễn tiến đến mười, rồi lại diễn thêm nữa đến trăm, đến ngàn, đến muôn, dù cho có chia manh chẻ mún đến vô cùng cũng vẫn luôn luôn gặp mặt nó. Đến bao giờ ngôn ngữ văn tự không thể diễn tả, số không thể đọc, trí không thể tưởng tượng, mắt không thể thấy, máy móc cùng đường thì y nhiên vẫn trở về với cái không hai ấy. Cho nên mới nói: tóm lại cũng chỉ là một.

BÌNH:

Con số 0 đứng riêng một mình là con số chưa dùng. Cho nên biết: con số 0 có thể để đằng đầu cũng có thể để đằng đuôi. Đến khi đã có thì dù có đếm cách nào cũng chỉ từ 1 đến 9 là cùng. Đến đây ta mới thấy con số 0 quan hệ; rồi cứ thế mà quanh đi lộn lại suy diễn mãi lên, dù dân tộc nào cũng thế thôi. Hèn gì Hà Đồ cùng cực ở số 10, thế là số 10 vốn nó sẵn ngậm chứa muôn trùng, dù đã nói ra lời hay chưa cũng thế.

Ông Phật bày ra những con số như "ba cái vô lượng"; như "số cát của số sông Hằng bằng số cát của một sông Hằng" (nghĩa là biến mỗi hột cát của sông Hằng trở thành một sông Hằng, rồi gom hết cát của số sông Hằng ấy sẽ được bao nhiêu); cũng như nói về Thái dương hệ mà bảo là "ba ngàn đại thiên Thái dương hệ", và định nghĩa ba ngàn đại thiên như sau: một Thái dương hệ nhân lên ngàn gọi là "một tiểu thiên", rồi nhân lên một ngàn nữa gọi là "một trung thiên", rồi nhân lên một ngàn nữa gọi là "một đại thiên", mà ba ngàn cái đại thiên ấy thì gọi là "ba ngàn đại thiên" là cốt để xua cho tâm lý mê tin vào ngôn ngữ văn tự, lý trí tính toán, máy móc dụng cụ chóng đến con đường cùng để giáp mặt với sự thật.

Những khối đá còn nguyên trong núi từ cục từ cục riêng rẽ người ta gọi là đá sống, đá còn nguyên. Đến khi được mang về xay nhuyễn chế tạo thành xi-măng, thì người ta gọi là đá chết và gọi là xi-măng sống. Thế rồi để ít lâu sau, xi-măng ấy tự nhiên đóng khối kết cứng trở lại thành đá, rồi người ta bảo là xi-măng chết, chớ biết đâu không phải là đá sống lại;

và đá nầy với đá trước kia tuy không phải hai nhưng cũng không phải một. Thế mới biết: trong phân ly có thống hợp, trong thống hợp có phân ly vậy. Hèn gì người xưa mới nói: "Nếu biết được chỗ bí yếu thì một lời cũng đủ bao quát, không biết được chỗ bí yếu thì sẽ rơi vào mê hồn trận vô cùng" là nghĩa thế.

Đoạn 2

PHIÊN ÂM:

Thiên phúc địa tải, vạn vật phương sanh. Vị xuất địa giả, mạng viết âm xử, danh viết âm trung chi âm. Tắc xuất địa giả, mạng viết âm trung chi dương. Dương dữ chi chánh, âm vi chi chủ. Cố sanh nhân Xuân, trưởng nhân Hạ, thâu nhân Thu, tàng nhân Đông, thất thường tắc thiên địa tứ tắc. Âm dương chi biến, kỳ tại nhơn giả diệc số chi bất khả số.

DỊCH:

Trời che đất chở vạn vật mới được sanh sôi; khi chưa ra khỏi mặt đất tạm gọi là âm xử, gọi là âm ở trong âm; thế thì khi ra khỏi mặt đất tạm gọi là dương ở trong âm. Dương để giúp cho cái chánh (cái đứng ngay đứng thẳng), âm để làm cái chủ.

Cho nên sanh nhờ nơi Xuân, trưởng nhờ nơi Hạ, thâu nhờ nơi Thu, tàng nhờ nơi Đông. Nếu trái với trật tự bình thường thì trời đất không gian bốn mùa bế tắc.

Về sự biến động biến hóa của âm dương ở trong con người cũng đã đếm không xiết.

GIẢI:

Đây là Kỳ Bá đang diễn tiếp ý kiến của mình để trả lời hết ý câu hỏi mở đầu.

Quả đất vận hành chung quanh mặt trời vừa chạy vừa quay, ngày đêm sáng tối đổi thay, Xuân Hạ Thu Đông qua lại, năng lực viên quang hồi tụ phản chiếu thường hằng, cấu tạo cho quả địa cầu một bầu khí quyện, tựa hồ như một lớp chăn bông bao phủ, khi thì bên nầy nung lên bên kia xẹp xuống, khi thì bên kia phồng lên bên nầy bóp vào. Giá ta thử có cặp mắt thấu suốt và bước tránh ra ngoài vòng Thái dương hệ nhìn lại mà xem, rồi ta mới thấy vạn vật muôn trùng, chúng sanh lao nhao lúc nhúc, hết thảy đều ở dưới lớp chăn bông trên mặt địa cầu; như thế không phải trời che đất chở là gì!

Trong lò hóa học vĩ đại nầy, hễ có mặt hiện tượng âm dương là có mặt trời đất, có mặt trời đất là có mặt nóng lạnh, sáng tối, ngày đêm. Nhờ có âm dương nóng lạnh thay đổi điều hòa mà khắp mặt đất nhựa sống đều cựa quậy biến hóa. Thế là trong đất đều sẵn chứa đủ tất cả hột giống. Trong đất tuy chứa đủ tất cả giống loài, nhưng nếu không có ánh nắng mặt trời điều hòa nóng lạnh thì đất vẫn là đất, mọi vật chưa hiện hình. Bởi lẽ nầy nên những tinh cầu nào không có khí quyện, không có ngày đêm thì cũng không có sinh vật. Cho nên mới nói: hồi mới tượng khi chưa ra khỏi mặt đất là âm xử, là âm ở trong âm.

Khi vừa hết mùa Đông, gió Xuân thoạt đến tất cả hột giống của thảo mộc liền lập tức nẩy mầm để mọc lên khỏi mặt đất; cũng như trong các loài động vật tất cả hột giống tâm lý trong sinh lý cũng đều trỗi dậy để vọt ra hiện tướng sanh sôi. Thế là từ âm mới biến ra dương. Thế là hiện tượng dương còn nhỏ, là dương ở trong âm. Đây là hiện tượng âm dương ở trong vạn vật ứng với hiện tượng âm dương của trời đất bên ngoài.

Ta thử phóng tầm mắt nhìn suốt muôn loài, thâm nhập sâu vào trong từng vật tượng bất cứ là động, thực hay khoáng chất ta mới thấy đều có hai phần hiện tượng là âm và dương.

Nói "âm ở trong âm" tức là nói Thái âm; nói "dương ở trong âm" tức là nói Thiếu dương. Đã nói đến Thái âm và Thiếu dương, tức là trong chỗ không lời đã nói lên còn có cái Thái dương và Thiếu âm. Thế là đã

nêu lên bốn tượng, để từ bốn tượng mà ta phải tìm đến sáu khí, và từ sáu khí phân âm dương để thành ba âm ba dương, và từ ba âm ba dương lại chia âm dương một lần nữa để thành ra trong âm vẫn có âm dương, cũng như trong dương vẫn đủ âm dương mà thành ra có phần thủ (phần chạy ra tay) và phần túc (phần chạy xuống chân), người đọc phải lưu tâm.

Chữ "chánh" ở đây bao hàm cả nghĩa chánh trực, minh chánh, ngay thẳng và đứng thẳng. Chữ "chủ" ở đây có nghĩa là nền tảng, là nòng cốt, là vật chất, là trụ cột. Thí dụ như trong loài thảo mộc khi hột dưới mặt đất mới nảy mầm, nếu không đủ khí dương thì nó không đủ sức bật lên đứng thẳng. Nếu dùng ý nghĩa của hai chữ nầy ráp lại thành một vật tượng ta sẽ thấy tựa hồ như cây cung kéo trong nhạc khí đờn cò, nếu không có cây cung thì mớ dây không lấy đâu để thẳng; đây là hiện tượng trong vật lý.

Vào trong con người, tủy xương sống tuy là nòng cốt cho toàn thân, nhưng nếu thiếu khí dương để nung lên thì lập tức xương sống sẽ đổ; đây là hiện tượng trong sinh lý.

Vào trong tinh thần, một người hoặc vì ăn uống nhiều thức lạnh quá, hoặc bởi sinh lý thọ bẩm chênh lệch quá mà phải ra tinh thần bị bơ vơ, cô đơn, hoang vu, lạnh lẽo, ghê rợn rồi biến sanh tâm lý yếu đuối, tối tăm, sợ hãi và ý tứ ngôn ngữ thường ẩn khuất quanh co không bao giờ dám ngay thẳng minh bạch; đây là hiện tượng từ sinh lý sang tâm lý. Nếu ta dùng phù hiệu phương trình theo công thức để tiện bề sử dụng, thì ta có thể tượng trưng bằng chữ "thượng"(上), bỏ nét ngang nhỏ trên (丄) là ta tức khắc thấy ngay nét nằm nét đứng phải cân xứng nhau và phải ngay chính giữa. Nếu nét nằm dài quá hoặc ngắn quá, hay nét đứng cao quá hoặc lùn quá, hoặc đóng không ngay chính giữa, hoặc trên ngọn thiên lệch một bên nhiều hay ít đều là mất trung chánh cả. Nguyên lý quân bình chánh chủ của âm dương cũng giống như vậy.

Có những người quanh năm suốt tháng đắm say theo âm nhạc ủy mị hoặc giựt gân, làm cho tâm hồn càng ngày càng mất chủ định. Đây cũng là một trường hợp "chánh" "chủ" mất quân bình trong âm thanh với tâm lý.

Có một nhà tu hành nọ người Trung Hoa tu theo phép luyện trong

một hốc đá, đến lúc đã có những điềm lạ; một hôm nhà vua đến viếng có dắt theo công chúa. Công chúa thấy tướng dị kỳ bèn phá lên cười. Vì tiếng cười có tác động âm dâm, làm cho nhà tu hành ấy bị kích động ngã quỵ xuống thoát tinh mà chết. Đây cũng là một trường hợp mất cái chánh của tâm linh vậy.

Một ông Trưởng ty tiểu học của phái nữ, vì tiếp xúc với nữ giáo viên nhiều quá, nhìn những tướng đầy đặn, mập mạp, trắng trẻo, da thịt mát lạnh, cộng thêm y phục những thứ hàng láng làm cho ông ta bị mất thế quân bình bộ thần kinh sanh ra bệnh Gan, bệnh Tim, bệnh trĩ máu. Đây cũng là một trường hợp âm dương chênh lệch mà chánh khí bị đổ vỡ trong sắc tướng và tâm lý.

Một vị lão hòa thượng vì khung cảnh trong chùa chỉ có ba bốn người nam, ngoài ra có đến bốn năm mươi tu sĩ nữ tuổi từ ngoài 20 đến ngoài 40. Hằng ngày vị hòa thượng ấy thỉnh thoảng còn dùng nhiều nước đá lạnh, làm cho cơ thể bị phản ứng mà sanh ra bệnh áp huyết cao (máu lên). Đây cũng là một trường hợp âm hóa làm mất cái chánh trong vô thức. Có những người tu vì đặt cái nhân không chánh, trong lòng có sự mưu đồ, nên bày ra ăn uống dị kỳ như chỉ uống nước lạnh, nước dừa, hoặc chỉ ăn bún không ăn cơm. Nhiều năm, nhiều tháng cơ thể biến sang âm, chừng đó ăn ớt không biết cay, thế rồi thiên hạ ùn ùn đua nhau tán thán. Ít lâu sau xương sống vì thiếu khí dương lần lần đổ mọp xuống, tựa hồ như cần câu mà vẫn không hay biết. Đây cũng là một hiện tượng âm dương chánh chủ mất quân bình.

Một vị pháp sư của Phật giáo tuổi kém 50, mỗi tuần lễ có những ngày giảng dạy cho chúng tăng ni nghe, trong đó có một cô ni thường bị gạn hỏi. Được ít lâu vì có việc riêng, cô ni ấy bỗng nhiên vắng mặt. Thế rồi vị pháp sư ấy cũng mới hay ra lòng mình sao hiện lên một hố trống quá đỗi bơ vơ, cô đơn, hoang vu, lạnh lẽo gần đến mang bệnh. Đây cũng là một trường hợp xem thường tâm linh để tướng âm len lỏi vào, làm cho thế chánh chủ mất quân bình mà người đời ít ai lưu tâm khám phá.

Có những vị tu theo pháp môn Niệm danh hiệu Phật lâu năm, cả tinh thần lẫn xác thân đều lệch về âm hóa. Sự âm hóa nầy tràn lan bủa khắp chung quanh, làm cho mỗi khi giảng nói thính giả bên dưới nghe êm đềm tựa hồ uống thuốc an thần, rồi dần dần ngủ gà hết. Chung quanh chỗ ở, nếu ai bước chân đến sẽ nghe thấy mát rượi như được núp dưới

bóng râm, và cũng cảm thấy như trí huệ rất khó phát mà tình cảm rất dễ nổi lên. Đây cũng là một hiện tượng chánh chủ mất quân bình. Nếu rủi trong tâm đặt nhân không chánh thì kết quả cũng bị vạy vò.

Trong một gia đình mà người mẹ luôn luôn ủy mị ẻo lả, thích thả hồn đắm say theo tình cảm mê ly thèm khát, trong lòng lúc nào cũng thích thả trôi theo cái bơ vơ, cô đơn, tối tăm, hoang vu, lạnh lẽo, luôn luôn mơ màng một cái gì ấy tận đâu đâu, tướng đi, tướng đứng, giọng nói, hơi thở như là rất hiền từ. Thế là đã có điều không thỏa mãn về tâm lý cũng như sinh lý. Người chung quanh bị ảnh hưởng, tinh thần trở nên ngầy ngật đảo điên. Dù ông cha có quang minh chánh trực đến đâu cũng khó làm cho trong gia đình không có người tinh thần bị nghiêng ngả. Đây cũng là một hiện tượng chánh chủ mất quân bình.

Tất cả chúng sanh trong vô tình phải cùng với thiên nhiên chịu chung một ảnh hưởng ly tâm hướng tâm, mà guồng máy tâm lý đại khái có hai phần đặc biệt:

1. Phần trực giác bản năng tình cảm: phần nầy thuộc về âm, thuộc về hướng tâm, nhà Phật gọi là phần tình.

2. Phần lý trí tính toán máy móc: phần nầy thuộc dương, thuộc về ly tâm, nhà Phật gọi là phần tưởng.

Do hai động cơ nầy cấu tạo cho xác thân của muôn loài cách thế đi đứng hoặc xương sống nằm ngang, hoặc xương sống đứng thẳng. Cho nên trừ con người ra, hết thảy muôn loài, nhà Phật gọi là bàng sanh (xương sống nằm ngang); đây cũng là một hiện tượng có quan hệ đến nghĩa chánh chủ thiên hay bình của tâm lý mà sinh lý phải theo.

Trong các loài thảo mộc, giống nào có tướng bò sát đất, hoặc yếu đuối nghiêng lệch, hoặc nẩy nở chiều ngang, hoặc nẩy nở trở xuống dưới gốc (loài có củ) đều là những thứ có nhiều tánh âm; nếu trái lại là có nhiều tánh dương. Thí dụ như cây sắn (khoai mì) chẳng hạn, hễ giống nào một cây thẳng vút, không nhánh, củ nấu ra xốp, ngọt là có nhiều tánh dương, ăn dễ tiêu. Trái lại nếu có nhiều nhánh, cây thấp, ngả nghiêng, củ sượng, vị đắng là có nhiều tánh âm, ăn vào rất khó tiêu. Căn cứ vào luật nầy mà người ta có một phần góp công vào nghệ thuật khám phá tánh

chất thảo mộc. Đây cũng là một hiện tượng âm dương chánh chủ của vật lý.

Trong khoáng chất thiên nhiên, ta nhìn vào những khối đá ở núi, ta sẽ thấy có hai thế hiện tượng: hoặc vút thẳng lên, nhọn, đứng, bén, sáng, trắng, cứng, chắc, ấm, nóng; hoặc chài bài, sềm sệp, bùng rềnh, binh rỉnh, đen, bở, đổ vỡ, tối tăm, lạnh lẽo đều cũng là bởi cách tổ hợp theo hình thức âm dương mà ra. Đây cũng là một hiện tượng vật lý trong khoáng chất, để có thể giúp ta một phần trong việc khám phá tánh chất âm dương trong loại khoáng.

Về phong thổ Việt Nam có hai vùng: Đà Lạt thuộc Tuyên Đức, Lâm Đồng (miền Trung) và Long Xuyên, Châu Đốc (miền Nam), tuy là cao thấp khác nhau, nhưng vì súc tích nhiều khí âm ẩm thấp làm cho dân cư trong vô tình sẽ bị hút theo đà dâm dật, quanh co, tham lam, đắm nhiễm. Cho đến người tu nếu vô ý thức cũng khó lướt qua. Do đó mà hạp với phụ nữ hơn. Đây là âm dương chánh chủ trong địa thế phong thổ.

Hết thảy hiện tượng đều là tổ hợp, cấu kết bởi từng hột kể cả hình thức tâm lý. Thế nên guồng máy tâm thức của chúng sanh chẳng qua cũng là một thứ siêu vật chất, siêu điện tử tổ hợp mà thôi. Do đó mà khối tâm thức của con người khi còn sống tùy thuộc vào xác thân với lượn sóng hồi tụ của năng lực viên quang, khi chưa được khải ngộ sẽ tùy theo nghĩ ngợi, ăn uống, sanh hoạt v.v. sai lầm, tiếp dưỡng thêm động cơ nhóm chứa. Tuy dù là cái bao la thâu nhỏ lại, trong đó đều có hột giống của muôn loài, nhưng phần nào đậm nhất là phần đó làm chủ, và cũng phải chịu chung trong định luật của hiện tượng âm dương. Bởi tất cả những điều kiện ấy làm cho con người nếu chưa được khải ngộ, khi bỏ xác thân nầy lẽ tất nhiên cũng phải bị sức hấp dẫn luật ly tâm hướng tâm của quả địa cầu làm cho thân trung ấm (hiện tượng thân trong cõi chết) phải bị tùy thuộc mà hoặc chìm xuống dưới mặt đất vào trung tâm quả địa cầu, hoặc nổi lên đến thượng tầng bầu khí quyện, hoặc ngang ra theo chiều mặt đất để bị thu hút nhập vào tượng thai trong đồng loại hoặc khác loại. Chính vì chỗ nầy mà nhà Phật mới nói lên vấn đề thân trung ấm với 3 cõi, 6 đường luân hồi, 12 loại; *Kinh Thánh* Kitô giáo nói lên vấn đề thiên đàng địa ngục. Bởi vậy ta mới biết được cái thiên đàng của *Kinh Thánh* nói ấy chỉ là cái đối chọi với địa ngục mà nói vậy thôi, nhưng kỳ thực vẫn còn lẩn quẩn trong vòng ly tâm hướng tâm của một lõm trời đất, chớ chưa phải là cái siêu ra ngoài vòng vô cực. Và cũng chính vì định

luật ly tâm hướng tâm nầy, mà Trọng Cảnh thiết lập định luật ngoại cảm (THƯƠNG HÀN LUẬN). Nếu ta có con mắt siêu trần mà nhìn vào thân Trung ấm của người mới chết, mới thấy cách của nó bị sức hút bên ngoài lôi đi, tựa hồ như một ngư lôi hút theo hạm đội bên địch, cho nên cách đi của nó đại khái có năm tướng: hoặc đi dọng đầu hút trở xuống, hoặc y tướng đứng mà chìm dần, hoặc chạy theo kiểu nằm ngang, hoặc bình thường theo chiều đứng mà đi tới, hoặc vọt lên theo chiều ly tâm. (Về vấn đề luân hồi tại sao phải 3 cõi, 6 đường, 12 loại, điều nầy ta sẽ tường tận ở một nơi khác). *Kinh Lăng Nghiêm* nói: "Tình nhiều thì bị hút xuống, tưởng nhiều thì vọt lên. Nếu muốn được siêu ngoài vòng vô cực thì phải lìa tình tưởng (tỏ ngộ)". Đây là một hiện tượng âm dương chánh chủ thiên lệch hay quân bình trong siêu tâm lý.

Trong mạch lý, hễ là đàn bà thì mạch bên tay phải và bộ Xích hơi to hơn, nghĩa là nghiêng về bên âm bên sa xuống. Nếu là đàn ông thì phải ngược lại, tức là lệch về phần dương, phần bốc lên. Tuy nhiên hễ gặp Xuân Hạ thì dù nam hay nữ cũng có hiện tượng hình như hơi lệch về bên dương, gặp Thu Đông thì hình như lệch về bên âm. Trong trường hợp tuổi trẻ có những giờ phút nam nữ gần gũi va chạm, do đó mạch lý cũng thiên lệch về phần tình mà sa xuống hai bộ Xích lớn hơn. Có những hồi tâm tư siêu bạt vượt lên thì dù nam hay nữ cũng đều có thể tạm thời lệch về hai bộ Thốn. Ngoài ra còn có thể vì ăn uống, sanh hoạt, tiếp xúc, xã hội, tư tưởng, nghĩ ngợi, hoàn cảnh xung động đều có thể làm cho hoặc biến dương hoặc biến âm, hoặc vọt lên hoặc sa xuống. Bởi vậy có những trường hợp bệnh nội thương mà khác phái chăm sóc càng biến nặng thêm. Đây là hiện tượng âm dương chánh chủ trong mạch lý.

Trong trường hợp bệnh tật, nếu là bệnh ngoại cảm thời tiết gặp phải những người cơ thể vốn sẵn một môi trường hoặc bởi thọ bẩm, hoặc bởi ăn uống, sanh hoạt, tâm tư đã lệch về phần âm, thì khi có bệnh nếu rủi gặp phải loại bệnh âm liền bị sanh âm hóa mà có thể chết tức khắc hoặc khó chữa.

Nếu là bệnh tạp nhạp do ăn uống sanh hoạt, hoặc bệnh nội thương do tâm tư không lối thoát. Nếu gặp phải ăn uống, thuốc men chi đó làm cho duyên bệnh trở thành âm hóa để biến ra những loại bệnh khó chữa hoặc không chữa được như bệnh ung thư chẳng hạn. Đây cũng là một hiện tượng âm dương chênh lệch biến hóa trong bệnh tật vậy.

Hết thảy những người trong tạng phủ có thừa nhiều nước chua, nếu là người lớn thì tánh tình ủy mị, thiếu cương trực, thiếu quyết đoán, dễ mê tin, hay thấy ma quỷ, hay khiếp sợ, hay ngờ vực, ngủ hay giựt mình, khi có bệnh hay xảy ra chứng ma cắn (vô cớ bầm từng mảng ở mặt da), hoặc chuột rút (vô cớ giựt từng bắp thịt), nếu bệnh nặng thì hoặc biến ra lở bao tử, hoặc ung thư bao tử; nếu người tu hành thì sẽ bị hiện tượng ma quái ám ảnh, vì thế nên *Kinh Lăng Nghiêm* Phật có nói đến 50 ấm ma. Nếu là trẻ em trong vòng ba tuổi thì đêm ngủ thường chới với la khóc ré lên, tựa hồ như gặp ác mộng, cha mẹ thấy thế cho là mắc quỷ, lo tìm phù thủy chạy chữa. Bởi vậy những nơi khí hậu nhiều ẩm thấp, hoặc sản xuất nhiều thức ăn làm cho con người địa phương dễ sanh nhiều nước chua, thì vùng ấy mê tin cuồng tín cũng lắm; cho nên những tôn giáo tín ngưỡng, những chuyện kỳ lạ, những thần linh ma quái đều rất ăn khách. Đây cũng là hiện tượng chánh chủ mất quân bình, chớ chẳng có chi là lạ.

Thường thường con trai vừa lớn lên hay xảy ra chứng bệnh lang ben ở mặt hoặc ở hai bên cần cổ. Ở vùng quê có nhiều cách trị khác nhau, nhưng cách trị giản dị nhất, khó tin nhất mà cũng thú vị nhất là quý bà dùng y phục đồ lót sát da của phụ nữ còn nhỏ mà chà xát vào chỗ có bệnh ít lần là khỏi. Thế là các bà tuy không nói ra lời nhưng đã am hiểu điện là gì, âm dương là gì, và trong bụng của mấy cậu trai kia âm dương chênh lệch thế nào rồi vậy.

Một nữ cư sĩ Phật giáo thuộc vào hàng trí thức thích triết học, thường tới lui nghe giảng đạo ở chùa Ấn Quang. Càng lâu năm chầy tháng, cô thấy mến quý thầy quá, mỗi lần quý thầy có việc cần phải tốn đến tiền bạc vật chất là cô trút hết túi tận tâm giúp đỡ. Đến một lúc độ khoảng ngoài 30 tuổi (cô vẫn không chịu có gia đình), xảy ra một hiện tượng là cô rất sùng tín lạ kỳ đến nỗi lệch hẳn về hướng lãng trí, thế rồi bệnh tình càng ngày càng trầm trọng, chạy chữa khắp không đâu khỏi cả, sau cùng gặp một nhà tu trẻ tuổi mà cũng lại là lương y. Nài xin khám bệnh. Vị lương y ấy cho thuốc cũng thấy đỡ ngay, nhưng vắng mặt vài hôm lại cũng chứng đâu ra đấy. Thế rồi vì có việc riêng vị lương y ấy đi xa vắng mặt, sau cùng vị nữ cư sĩ bị làm mủ trong tủy xương sống mà chết.

Cũng một vị tu sĩ cất một thiền thất, nền đắp chưa thật khô, lại thêm chung quanh làm vách bằng lá còn dở tươi, rồi vội vào tu theo phép

nhập thất. Vì thế mà cơ thể cũng như bộ thần kinh bị nhiễm khí thấm ướt làm cho ông ta thấy đủ thứ hiện tượng ma quái.

Một cậu trai 16 tuổi, làm công cho một hãng chế nữ trang, trong đó toàn là người nữ, chỉ có ông chủ và cậu trai ấy là nam. Vào làm được vài tháng cậu ấy liền xảy ra chứng bệnh mật không thông và mặt nổi cục to to như người bệnh đơn, hủi. Bà mẹ bèn đưa đến thầy thuốc, thầy thuốc khám biết chuyện ấy bèn nói ra và cho thuốc, từ đó nghỉ không làm công trong hãng ấy nữa. Đến hai năm sau lấy vợ rồi vẫn bình yên như thường.

Liêu trai chí dị có chép: Có một chàng thư sinh nọ vốn đẹp trai, tánh tình hào phóng, bỗng dưng sau lưng nổi một khối nhọt độc quá to, lăn lộn trối trăn như sắp chết, không ai chữa khỏi được. Nhờ người điểm chỉ, rước được một vị nữ lương y trẻ tuổi có sắc, có tình đến khám. Hồi bình thường không một thế ngồi nằm nào được yên, thế mà trong khi khám bệnh vị nữ lương y điều khiển anh ta đều răm rắp tuân theo dễ dàng như một trẻ thơ không có bệnh gì cả.

Cho biết bệnh tình phải mổ mới chữa được, thế mà cậu ấy vẫn thản nhiên nằm sấp cho mổ. Mổ xong từ trong miệng vị nữ lương y nhả ra một khối thuốc đỏ để lên vết thương lăn qua một lượt, bệnh nhơn thấy mát mẻ cả người. Xong rồi băng bó lại, vị nữ lương y thu xếp dụng cụ ra về. Về được nửa đường bệnh lại bộc phát dữ dội, lại cho người đuổi theo rước lại, khám xong mới hay giờ đây không phải là bệnh tái phát, mà là nhiễm thêm một bệnh…?!

Tất cả những trường hợp bệnh tật vừa kể trên đây há lại ra ngoài định luật âm dương chánh chủ được sao?

Những trường hợp bệnh mang tính chất tiềm phục sâu xa có quan hệ trực tiếp đến Thận và âm huyết (tuần hoàn Thận) như bệnh đậu, bệnh ôn, bệnh thấp ôn. Nếu cho khác phái vào săn sóc, dù là đàn ông chăng nữa họ cũng hiện tướng mềm nhũn ra, người lả đi mà đi lần vào cõi chết một cách êm đềm hấp dẫn. Đây cũng là một hình thức âm dương chênh lệch biến hóa trong siêu tâm lý của tướng bệnh nhơn.

Có một em bé trai độ năm, sáu tuổi, thọ bẩm do cha mẹ dùng nhiều thức lạnh. Khi sanh em ra, hơi lớn lại cũng tiêm nhiễm theo cách ăn uống

ấy, làm cho lưỡi của em có những dấu khuyết xuống và le ra rất dài, tinh thần em rất ưu sầu buồn bã, cặp mắt đăm chiêu, không thích ăn uống. Sau nhờ thầy thuốc biết chữa khỏi. Đây cũng là một hiện tượng cái chủ to hơn cái chánh sanh ra bệnh tật cho em bé.

Về trường hợp vi trùng, thì khi trường hợp bệnh có trực tiếp vào tuần hoàn Thận vào âm huyết; nếu khi bệnh biến âm thì vi trùng càng độc dữ hơn lên và truyền nhiễm một cách rất là khủng khiếp. Do đó mà những vi trùng của các thứ bệnh có dính dấp đến tạng Phổi và tạng Thận thuộc loại truyền nhiễm thì đều độc dữ; mà vi trùng bệnh lao Phổi với vi trùng bệnh Giang mai khi bị âm hóa, thì sức truyền nhiễm cũng như khả năng độc dữ có thể đến chỗ không lường, điều nầy có dịp đi sâu hơn nữa rồi ta sẽ rõ thêm. Đây là hiện tượng âm dương chênh lệch biến hóa trong bệnh vi trùng.

Về phương diện thai sinh truyền chủng. Con người đời nay, thanh niên nam nữ sống trong cảnh máy móc vật chất thành thị, xa hẳn khung cảnh thiên nhiên, đắm nhiễm sanh hoạt ăn uống vật chất xa hoa lệch hẳn về phần âm; làm cho khi cấu hợp thành cái thai, khí dương không đủ; khi sanh ra, phần não tủy to ra mà không đứng ngồi được làm như là con người không có xương sống. Đây cũng là một hiện tượng âm dương chênh lệch trong sự cấu kết thành thai.

Một gia đình nọ vợ chồng từ thuở bé đều thâu nhận nhiều thức ăn uống lạnh quá, khi sanh ra một đoàn con lại cũng tiếp tục cách sanh hoạt ăn uống đó, để rồi cả gia đình không lựa là lớn nhỏ đều phải mang lấy bệnh thịt dư mũi, thịt dư cổ họng và cận thị. Về mặt tướng tá, hễ là phụ nữ thì nước da trắng bệch, lông nheo cong quớt dài thượt, con mắt ướt rượt, lúc nào cũng thấy như đang mơ tưởng đăm chiêu, và thích xõa tóc lòa xòa, y phục màu mè sặc sỡ, tâm lý lúc nào cũng buồn tủi, bơ vơ, cô đơn, lạnh lẽo. Nếu là nam thì lại thêm mí mắt lúc nào cũng sùm sụp như ngủ mới thức giấc. Nếu là tuổi trẻ thì nằm đâu ngủ đó li bì, lúc nào cũng ngủ được. Bất cứ là người hay vật hay thảo mộc, nếu thế khí dương sung túc thì đáng lý chiều cao phải được phát triển trước, rồi mới đến chiều ngang. Đàng nầy con người bị âm hóa dù tuổi có thể chưa đến hoàn toàn thành nhân mà cũng lùn xủn, mập ù, tròn quay binh rỉnh như củ khoai mỡ, để rồi kiếp sống bị thun ngắn lại. Bởi vậy người xưa cho hiện tượng nầy là không lành, thế mà người nay gọi là khỏe mạnh. Đây cũng là một hiện tượng âm dương mất quân bình trong tướng tá.

Về màu da, nếu là người khí dương sung túc một cách bình thường, thì khí sắc trông ra sáng tỏ hồng hào, còn có những trường hợp âm hóa thì hoặc đen thui tối tăm u ám, hoặc trắng nhợt như thảo mộc không gặp ánh nắng mặt trời. Đây cũng là một trường hợp âm dương chênh lệch trong khí sắc.

Trong một gia đình, nếu số người nữ nhiều hơn người nam tức là đòn cân đã lệch hẳn về bên âm, nếu không phải là những người có hiểu biết, cộng thêm ăn uống, y phục, sanh hoạt, tâm tư lệch về hướng âm thì cả gia đình sâu đến tạng phủ, tâm thức, bệnh tật v.v. đều trở thành âm hóa. Nếu ngược lại tức là dương hóa. Đây cũng là một hiện tượng âm dương biến hóa chênh lệch trong gia đình.

Một gia đình nọ kết hợp trong giai đoạn chiến tranh có được năm con mà đứa nhỏ nhất còn ở trong bụng mới nửa tháng. Với tình cảnh xã hội điêu linh, con người khổ sở không lối thoát; người chồng muốn đi tìm một lối thoát vừa là cứu cánh cho loài người, và cũng vừa là cứu vãn cho tinh thần gia đình trong khung cảnh sụp đổ. Cùng với bà vợ giao hẹn, quyết tìm được lối thoát trở về độ rỗi gia đình, bà vợ ưng thuận, ông chồng ra đi. Trong khung cảnh xã hội tạp loạn, mức sống chơi vơi, bà vợ không giữ vững được niềm tin, trong khi mang thai đứa bé mà lòng vẫn lắc lư, chòng chành, hoảng hốt, sợ hãi, cô đơn, quạnh quẽ, lạnh lẽo, rùng rợn rồi đâm ra bao nhiêu là ý nghĩ tạp loạn điên cuồng. Cái bơ vơ ấy truyền sang đứa con. Đến khi sanh ra được ít tuổi, người chồng thành công trở về cứu vãn gia đình, thì bà vợ và đứa con út trở nên vô cùng khó khăn trong việc cảm hóa mà tinh thần lúc nào cũng lắc lư, bơ vơ, mơ ước. Biết đâu trường hợp con ông Nghiêu, ông Thuấn bất tiếu cũng chỉ thế thôi?! Đây cũng là một hình thức chánh chủ mất quân bình trong hiện tượng tinh thần của người đàn bà.

Có những người đàn bà bẩm sinh từ cái bơ vơ của người mẹ tận trong bào thai. Khi sanh ra lại được nuôi nấng, ăn uống, sanh hoạt theo kiểu lệch về âm, làm cho con người khi trưởng thành tinh thần tánh nết hình như thật là thùy mị, tướng tá tròn trĩnh, bước đi coi như yểu điệu. Đến lớn có gia đình hoặc chồng đi tu, đi lính, đi làm ăn xa, hoặc có một hai điểm gì gây thành ngờ vực chồng mình có ý riêng. Thế rồi từ đó về sau lần lần giọng nói luôn luôn hình như rên rỉ thở than, tâm lý hình như từ bi bác ái lắm, thấy con vật gì cũng thương, tình thương của họ đối với con cái chỉ là dùng những đứa con làm vật hy sinh để lấp vào khoảng

trống bơ vơ trong tâm hồn, họ rất dễ bị gạt, rất thích tôn giáo tín ngưỡng, tâm lý họ rất nhẹ dạ, và hết thảy giọng nói của họ nói ra đều có một mãnh lực làm cho kẻ khác bị nhục chí. Đây cũng là một hiện tượng thiếu khí dương khí chánh mà sanh tà hóa.

Có những người mình thịt hoặc nhỏ xương, nước da sạm tối hoặc trắng bệch, tướng đi ưỡn ẹo theo điệu đàng xà uốn khúc (tướng rắn bò), tánh tình ưa thích đắm say theo cảm nhiễm mê ly, rất sợ những điều thẳng thắn. Đây cũng là một hiện tượng thế chánh mất bình thường trong con người vậy.

Cũng có người ngồi không thẳng lưng được, tinh thần lười biếng hoạt động, xác thân ủ rũ ủy mị, tâm lý rất sợ cái thiếu người thương và cái không có được người để mình thương, dù là họ ở trong lãnh vực tu hành cũng thế. Đây cũng là thế chánh mất bình thường mà hóa sanh yếu đuối trong sinh lý cũng như tâm lý.

Trong cơ thể con người tất cả tạng phủ bên dưới đều có dây thần kinh mắc liền lên bộ óc. Đúng theo trật tự thiên nhiên, thì ban ngày tất cả khí dương trong tạng phủ đều bị sự kêu gọi của mặt trời mà tung ra ngoài và đổ dồn lên trên óc, để làm động cơ thấy, nghe, hay, biết, hoạt động. Về đêm bên ngoài không có ánh nắng mặt trời, thì khí dương đó phải được thu hết vào trong tạng phủ, bộ óc trở lại mát mẻ, tự nhiên con người phải được yên nghỉ để lấy sức lại; trừ khi có một duyên gì, hoặc như trong thân có bệnh tật, hoặc bởi hoàn cảnh sanh hoạt, ánh sáng chi phối, hoặc bởi các chất ghiền, hoặc bởi ăn uống sai lầm, hoặc do tâm tư khủng hoảng, hoặc bởi thọ bẩm tiên thiên, làm cho âm dương đảo ngược (hoặc muốn ngủ ngủ không được, hoặc muốn thức thức không xong, hoặc ngủ thì mơ, thức thì mê muội) đều là thế quân bình bên trong của con người đổ vỡ. Nếu là người bình thường, tinh thần tỏ sáng, chí khí cương trực, ngủ thức phân minh, thì dù ban đêm có những lúc tĩnh tọa suy tư đôi ba tiếng đồng hồ cũng vẫn ở trong thế tỉnh táo khỏe khoắn; và đến khi ngủ, một giờ thiệt ngủ của họ có thể đem so sánh với 3–4 tiếng đồng hồ ngủ của người thường cũng chưa ưng. Bởi vậy trong các nẻo tu hành, nếu không chú ý đến nguyên lý âm dương chủ chánh nầy trong tất cả lãnh vực cuộc sống hằng ngày của con người thì đều có thể dễ dàng gặp phải hai hiện tượng hôn trầm mê muội và bốc nổi tán loạn làm thành một đại chướng ngại không dễ lướt qua cho người mới tu tập. Đây cũng là một hiện tượng chủ chánh mất quân bình trong lãnh vực thức ngủ vậy.

Hầu hết các nơi đền chùa, miễu môn, nhà thờ, nhà thánh người đi chật ních chen chân mà trong đó phần nhiều là người nữ. Các nhà sư thường bảo: người nữ sùng tín mộ đạo hơn người nam. Nhưng than ôi! Có mấy ai nhìn sâu vào tận cùng xã hội để nhận ra đó là một hậu quả của tử biệt sinh ly, của thương gần không được, ghét xa không được, hoặc do chiến tranh tàn hại, hoặc do xã hội tạp loạn, bừa bãi, điên cuồng nó xáo trộn làm cho tinh thần người đàn bà mất chỗ dựa nương, nên mới tìm đến để gởi lòng nương dựa vào những huyền hoặc đâu đâu. Và cuối cùng những nơi gọi là tôn nghiêm thần thánh đều là những môi trường thương mãi buôn phước bán linh. Đây cũng là một hiện tượng chênh lệch chánh hóa tà vậy.

Trong một xã hội tạp loạn, những hộp đêm đông đúc, những tiệm nhảy ồn ào, những nơi buôn bán chất ghiền chật ních, những cửa hàng bán vô tuyến truyền hình đắt như tôm tươi, những bản nhạc giựt gân hoặc ẻo lả được mở suốt sáng, những phim chiếu bóng mê ly, những đoàn cao bồi hippi ung dung nghễu-nghện, những nơi ăn chơi phung phí xa hoa, những món hàng rất đắt như: mai, mãng cầu, quả sung, thù đủ trong ba ngày Tết, những cuộc tiếp xúc bặt thiệp với người ngoại quốc của những cô gái tân thời, những bức họa lõa thể to gần bằng ba bốn người thường trưng bày trước cửa các rạp hát, những màn khiêu vũ thoát y hấp dẫn v.v. hết thảy những cái ấy há lại không phải là những hiện tượng cái chánh bị đổ vỡ trở nên tà hóa của một quốc gia xã hội đó sao?

Có một nhóm tu sĩ Tịnh độ Phật giáo tuyên bố rất chán nản sự đời, họ thường tìm chỗ hẻo lánh vắng vẻ để quyết tu cho một kiếp được vãng sanh khỏi thế giới nầy, chợt nghe một nhà địa lý bảo ở một vùng thuộc miền Đà Lạt có một địa lý rất tốt, nếu ai đến đó tu hành thì sẽ mau thành chánh quả. Thế rồi tất cả đều lần lượt đổ xô chen chúc tranh nhau, hoặc tranh mua hoặc tranh khẩn, hoặc tranh lấn ranh để chiếm được một chỗ tu cho mau thành Phật, đến đỗi trở thành một vùng hầu hết là những người tham lam. Té ra nói tu, nói giới, nói chán đời đều trở thành những câu lừa bịp. LãoTử nói: "Thiên hạ đều biết vật ấy là quý thì vật ấy đã trở nên hèn hạ lắm rồi", quả thật là đúng. Và người ta càng chán đời muốn trở về cõi Tịnh độ bao nhiêu lại là người ta tính đóng đô luôn ở cõi nầy bấy nhiêu. Quả thật là một thứ lệch chánh hóa tà trong tâm lý.

Trong giới tu hành ngày nay có rất nhiều người vì sợ mình chậm thành tiên thành Phật gì ấy, rồi nỗ lực tụng niệm cho thật nhiều, ăn chay

khổ hạnh, đến một lúc nào đó nhiệt lực trong cơ thể tụt xuống dưới mức bình thường, rồi bỗng dưng thấy mình sao thương Trời Phật quá, mỗi lần tụng niệm là khóc sướt mướt không thôi. Đến đây trong lòng họ sẽ rất thèm khát cái được nhiều người đồng phe, và rất muốn có nhiều đệ tử, nói năng tiếp xúc đều có màu sắc đắm nhiễm cảm tình đậm đà thương tiếc, rồi tưởng đâu mình đã gần Phật lắm rồi, đã từ bi chí thiết. Trong hồi nầy rủi có một cuộc va chạm khác phái là lập tức xảy ra những chuyện không hay. Trường hợp nầy trong tại gia cư sĩ có nhiều người biến tướng sanh ra đắm nhiễm đa tình nhiều vợ, rồi từ tôn giáo nầy sang tôn giáo khác, và đưa đến gia đình tan tác dở dang, không nỡ nói sao cho xiết.

Tây Du Ký chép: Tam Tạng nói với Tôn Ngộ Không: "Ngộ Không ơi! Đại phàm người tu thì phải lạc lòng!". Vậy thử hỏi lạc lòng là cái gì? Tại sao lạc lòng? Như thế há không phải bởi vì thiếu phần dương mà cái chính bị đổ vỡ trong khắp lãnh vực tu hành ngày nay đó sao?

Trong chỗ kín đáo không nói ra, tranh nhau trên ảnh hưởng vật chất với chủ nghĩa cộng sản, chính phủ tư bản Mỹ áp dụng đòn chánh trị kinh tế phá hoại hồn dân tộc các nước nhược tiểu, để mỗi người dân nhược tiểu trong sanh hoạt hằng ngày phải vướng vào guồng máy chánh trị kinh tế của họ. Họ bèn tung ra vô số vật chất của cải đủ mọi mặt làm như là vụng về sơ hở dại dột lắm vậy; để biến tất cả các nước nhược tiểu trong khối ảnh hưởng của họ từ chánh phủ cho đến dân đen, từ đạo đức tôn giáo tín ngưỡng cho đến trí thức quan liêu, từ các tổ chức tu viện cho đến những nơi từ thiện mồ côi, nhà thương, nhà đỡ trong vô tình đều bị hút vào cạm bẫy tham lam hết cả mà không hay không biết. Như thế có gì lạ đâu, phải chăng chỉ bởi lòng tham vật chất nó thúc đẩy cho mức phát triển sản xuất đến tột bực quá thừa, thế quân bình của kinh tế bị đổ vỡ nên phải tung ra những đòn dã tâm sâu độc, để trút cái tàn hại cho các nước nhược tiểu gánh lấy. Như thế há lại vượt ra ngoài định luật âm dương chánh chủ được sao?

Trong khi viết những dòng nầy, bỗng một hôm có một người Đại Hàn với vị thông dịch viên đến nói với chúng tôi rằng có 300 tấm tôn lạnh, dài 2m4, ngang 1m2, giá trị gần 700 ngàn tiền Việt Nam dưới tàu Mỹ, nay chúng tôi thấy chùa nghèo lại bị nằm trong khu vực tàn phá của trận chiến Mậu Thân nên đến đây để hiến cúng chỉ lấy 100 ngàn thôi. Nghe nói thế, nếu chúng tôi không nghĩ kỹ là chúng tôi tức khắc nhận

ngay (vì trong tình thế nghèo thiếu). Nhưng chúng tôi thoạt nghĩ biết đâu không phải là chỉ tốn một số tối thiểu đối với người Mỹ, mà cả bọn chúng tôi lại không bị biến thành một tướng tham lam như bao nhiêu tướng tham lam khác, để rồi tinh thần đạo đức gì gì cũng bị sa lầy vào cái hố chánh trị kinh tế phá hoại?! Và thử hỏi đã được mấy nơi tôn nghiêm tín ngưỡng thoát khỏi cái đòn hiểm độc nầy?! Thế rồi chúng tôi từ chối ngay. Câu chuyện nầy há lại vượt ra ngoài phạm vi âm dương chánh chủ được sao?

Hết thảy chúng sanh mê muội, dòng sinh mệnh đã không phải là chỉ trong một kiếp, thế thì hiện thân nầy là một hậu quả kết đúc của vô lượng kiếp qua. Cái đã qua đã là vô số mà chìm khuất, phần hiện tại rất ngắn ngủi mà vẫn thấy đây. Thế thì dù muốn dù không phần đã qua đã thuộc về âm, phần dương là phần hiện tại, kiếp sống của chúng sanh hiện tiền hoàn toàn lệ thuộc vào cái đã qua ấy điều khiển. Phần đã qua của một người cũng đã nặng lắm rồi, phương chi gom hết cái đã qua của cả chúng sanh trên thế giới nầy mà trong mỗi người cũng lại vốn có đủ. Thế nên có những hồi cái đã qua ấy nó xuất hiện bằng những tướng hoặc thiệt thấp như ma quái, ông Trạng, ông Tà, ông Tướng, xây ma, bà bóng v.v. Có những lúc xuất hiện bằng những hiện tượng cao hơn hoặc gọi là trút thánh linh, hoặc gọi là médium, hoặc gọi là cơ bút. Hết thảy những cái ấy hoặc từ đơn độc của một nhóm nhỏ, hoặc của cả một tổ chức huy hoàng để kết đúc thành những danh từ cao cả rất kêu như Phật, Trời, Tiên, Thánh gì đó v.v. cũng đều nhân dịp lòng người xuống dốc, tinh thần bơ vơ, hoang vu, cô đơn, lạnh lẽo muốn tìm nơi nương dựa đặt nền móng mê tin mà kết đúc lại xuất hiện chớ không chi lạ. Bởi vậy nếu trong lòng mỗi người chưa bơ vơ nghi hoặc, xã hội loài người chưa mất chỗ dựa lắc lư, hoặc hai người đồng tử trong cơ bút không phải là còn trong giai đoạn tuổi trẻ chưa có gia đình, thì quyết định những linh thiêng ấy không thể có dịp xuất hiện. Thế mới biết tất cả những linh thiêng ấy đều là khối quá khứ của con người nó kết đúc hiện lên, mà loài người lại lầm tưởng đó là chân lý xuất hiện. Đây không phải là một hình thức lệch chánh hóa tà trong âm dương chánh chủ đó sao?

Thế giới loài người ngày nay không lựa là giai cấp nào, cơ hồ như phần lớn đều đắm chìm vào trong biển hôn mê vật chất, ích kỷ, tình cảm, xung động, tranh đoạt, thiếu suy tư, không trí huệ, mê tin, đắm say theo cảm xúc ngầy ngật, cộng thêm sức phát triển của kỹ nghệ lạnh, của buồn tủi, đau khổ, bơ vơ với cái đà xuống dốc của quả đất, lòng người

trở nên thích nương dựa, hiểm hóc, quanh co. Quả thật! Chẳng có ai ngờ! Dù cho là sự thạnh suy của toàn cuộc loài người cũng không ngoài cái chánh với chủ mất tương ưng. Và chẳng ai ngờ sự thật thật là đơn sơ giản dị. Cho nên nói: phần dương là để giúp cho cái chánh, phần âm là để làm cái chủ, là nghĩa thế. Chính vì chỗ nầy mà chúng tôi quyết định to tiếng báo động lên cho tất cả loài người, cũng như tất cả tôn giáo tín ngưỡng, chủ nghĩa chánh sách, khoa học ngày nay: nếu thế giới loài người còn muốn sống yên lành, nếu con người còn muốn thoát trần thông đạt thì từ đây về sau quyết định không nên xem thường cái học Nội Kinh.

Có người hỏi: Đã bảo rằng hết thảy vật tượng vốn nó không từ đâu đến cũng không đi về đâu. Sao bây giờ lại có vấn đề luân hồi của hiện tượng thân trung ấm? – Đáp: nếu rõ được tất cả hiện tượng đều chỉ là tổ hợp, là sanh diệt nối tiếp xen nhau một cách khít khao, nhưng kỳ thực vốn nó không từ đâu đến cũng không đi về đâu, mà giác quan ta lầm thấy như có tướng riêng biệt hằng còn đi đi lại lại, thì dù cho cái thân hiện tiền nầy cũng chỉ thế thôi, chớ không lựa là thân trung ấm, và câu hỏi nầy cũng không cần phải được nêu ra. Và có người nói: không từ đâu đến cũng không đi về đâu, hoặc nói: có từ đâu đến, có đi về đâu lại có hại gì?!

Hỏi: Thân trung ấm do đâu mà có? – Đáp: Hỏi thân trung ấm do đâu mà có, cũng như hỏi mọi hiện tượng do đâu mà có. Giá nếu từ trước đã đọc kỹ biết rõ về nguồn cội của hiện tượng âm dương, thì tới đây sẽ không hỏi đến câu đó. Phương chi đã có chấp chặt cái thân nầy, thế tất trong tâm đã thấy cái đã qua, cái hiện tại, cái sắp đến đều là những cái có thật, thì sao lại thân trung ấm không thể không có được?! Nay ta thử thắp một cây hương trong đêm tối, ta cầm gốc cây hương mà quay tít thì ta sẽ thấy một vòng lửa xuất hiện. Vậy thử hỏi vòng lửa đó có hay không có? Trong bao la nầy người ta bắt gặp có những tinh cầu đã hủy diệt hằng trăm năm, mà nơi đây ta vẫn còn nhìn thấy nguyên vẹn. Vậy thử hỏi hiện tượng còn lại ấy là có hay không có? Và như thế há lại vượt ra ngoài định luật âm dương được sao? Tuy vậy nếu chưa giáp mặt với sự thật thì dù có nói bao nhiêu chăng nữa cũng không thể là thiệt biết. Chỉ có một cách hay nhất là tự mình phải khám phá suốt chính con người của mình trước, là tức khắc thấy ngay.

Hỏi: Làm sao biết chắc có thân trung ấm thật? – Đáp: Nếu một người nhận ra được thức là cái sống nhỏ, sống là cái thức lớn, ngủ là cái

chết ngắn, chết là giấc ngủ dài thì tức khắc nhận ra thân trung ấm ngay. Vì sao mà biết? Kìa! Ông có bao giờ có những hồi trong giấc ngủ say mà vẫn thấy mình đi ngao du tận nơi nào không? – Đáp: Có. Vậy thử hỏi: hiện tượng đó là cái gì? Chỗ nầy nếu chịu khám phá sâu xa trong thâm canh thức tỉnh là hết còn thắc mắc. Do đó mà người xưa mới nói: "Dương gian âm cảnh đồng nhất lý" (nghĩa là cõi sống và cõi chết đều chẳng qua là những hiện tượng trong một thực thể mà lý vẫn như nhau). Hãy nên trầm ngâm tỉnh thức!

Có người hỏi: Nếu thiếu phần dương là phần chánh bị đổ vỡ để đi đến tà hóa. Thế là thiếu phần âm, phần chủ thì cũng đâu phải là nguyên vẹn? Như thế ta có cách nào để cho luôn luôn chánh chủ vẫn được quân bình? – Đáp: Suốt tự thiên đầu nếu thấu rõ nguyên lý của hiện tượng âm dương chỉ là một thế động đưa đi đưa lại của một quả lắc xứng đúng với trong một guồng máy đồng hồ, thì ta sẽ thấy khi ta cố muốn làm cho nó quân bình, trái lại không đâu không bị là cố tình bóp méo. Do đó mà tinh thần vô vi của *Kinh Dịch*, của Nội Kinh, của Lão Trang phải được xuất hiện; cái Đạo Đại học, bí yếu tu, tề, trị, bình của Khổng Tử, cái Đạo cầu phóng tâm của Mạnh Tử phải được nêu ra; và dù cho ba tạng kinh điển của nhà Phật cũng chỉ vì chỗ nầy. Tôi đã chẳng từng nói sao! Hễ là hướng ngoại là tất cả những cái có, những góc cạnh, những phân hóa, những mâu thuẫn trái chướng, những điên đảo, những lệch lạc méo mó, những đui tối u mê v.v. nó đều tới tấp bu vào. Một phen soi trở vào liền được rỗng rang, đồng nhất, tròn đầy, vắng lặng, chánh biến tri, trí tuệ, tình thương chân thật v.v. cũng đều hiển hiện. Có ai ngờ! Chỉ có hư không mới hằng còn, chỉ có không là gì mới không bị biến đổi, chỉ có cái không có gì cả là vững chãi nhất, chỉ có cái không có tướng gì cả là tròn nhất, chỉ có cái tròn nhất là cái không cần tìm thế quân bình mà vẫn quân bình linh động nhất. Thế mới biết: chỉ có một pháp duy nhất là phải thấu triệt chữ "vô", là quân bình nhất. Thế mới biết: hai chữ "vô vi" nó nặng quá chừng, nay ta thử bỏ bớt chữ "vi" đi để nội một chữ "vô" không, biết đâu không có người học đến mãn đời suốt kiếp mà vẫn chưa thuộc?! Tuy nhiên, trước khi học đến pháp "không" ít ra hằng ngày ăn uống, sinh hoạt, làm lụng, nghĩ ngợi, suy tư, động niệm trong tương đối cũng phải lưu tâm đến công thức trung chánh của chữ "thượng" bỏ nét ngang trên, thì khi vào pháp không mới mong có hiệu lực.

Có người hỏi: Trong chánh văn chỉ nói: "phần dương là để chỉ cho cái chánh, phần âm là để làm cái chủ", chỉ gọn lỏn có thế thôi. Tại sao lời

giải lại dài dòng văn tự hàng mấy chục trang, xa hẳn chánh văn, biết đâu không thể làm cho người đọc lạc nẻo? – Đáp: Người xưa có nói "nếu hiểu nghĩa theo từng chữ thì thánh hiền muôn thuở cũng chết luôn". Bệnh tầm mắt nhìn không khỏi tờ giấy, trông sự đời chỉ thông qua một mặt, và mỗi sự vật là từng cục để riêng; đó là bệnh đoản trí bế tắc của loài người muôn thuở. Con người muốn thông đạt quyết định không thể thấy như thế, do đó mà các vị thiền sư khi gặp nhau thường hỏi: "Suốt đầu suốt đuôi chưa?" cũng tại chỗ nầy. Bởi vậy trong một ngàn người đọc Nội Kinh không dễ tìm thấy một người thiệt biết thiệt thông đạt.

Hết thảy hiện tượng trong vũ trụ nầy đều sống động, biến huyễn, lung linh, huyền ảo. Ví nếu một phút toàn cả vũ trụ ngưng đọng chết tê, dù cho cái ngưng đọng ấy có đẹp đẽ đến đâu chăng nữa, vũ trụ nầy cũng tức thời tan hoại. Thế mới biết: nhờ biến huyễn mà hằng còn, nhờ hằng còn mà biến huyễn. Tướng biến huyễn tuy không phải là hằng còn, hằng còn không phải là tướng biến huyễn; nhưng tướng biến huyễn cũng chính là tướng hằng còn, hằng còn cũng chính là tướng biến huyễn chớ không ai đâu khác. Nếu mắc kẹt chấp cứng vào tướng biến huyễn thì sẽ không thấy được cái hằng còn, mắc kẹt vào cái hằng còn thì sẽ không thấy được tướng biến huyễn. Cho nên cũng phải biến huyễn mà cũng phải hằng còn, cũng phải hằng còn mà cũng phải biến huyễn, cũng không phải biến huyễn mà cũng không phải hằng còn, cũng không phải hằng còn mà cũng không phải biến huyễn. Nếu tách rời biến huyễn với hằng còn thì cuộc sống nầy chẳng khác chi một cây cổ thụ bị cưa đứt làm đôi sát mặt đất, thế là cuộc sống trở thành cuộc chết. Lục Tổ nói: "Đời với đạo tại sao phải phân hai", cũng không ngoài ý nầy. Cho nên biến huyễn với hằng còn lúc nào cũng phải là không hai mới được gọi là thông đạt. Nên nói: sanh nhờ Xuân, trưởng nhờ Hạ, thâu nhờ Thu, tàng nhờ Đông.

Đã nói: sanh trưởng, hóa, thâu, tàng là vật tượng hiện theo Xuân Hạ Thu Đông, mà cũng là hệ thống liên lạc của Gan, Tim, Tỳ, Phế, Thận, mà cũng là hệ thống chuyển xoay của sáng, trưa, chiều, tối, khuya. Thế thì con người khi sanh ra, rồi trưởng thành, rồi già yếu, rồi chết lại không phải là hệ thống của sanh trưởng hóa thâu tàng đó sao? Nếu khuya rồi sáng để đặng đi lần về trưa, cũng như Đông rồi Xuân để đi lần về Hạ, cũng như quy về tạng Thận để rồi chuyển sang qua Gan Tim. Thế là tàng để đặng sanh trưởng. Thế thì con người chết đi là tàng, và tàng để đặng sanh lại hai pháp vẫn giống nhau.

Một vòng sanh trưởng hóa thâu tàng dù là của một ngày hay của một năm, cũng vẫn là một vòng diễn tiến của từ âm bắt đầu dương, và cùng cực dương rồi quy về âm và âm để sanh dương. Thế là tạng Thận, ban đêm, mùa Đông đều là pháp âm, pháp tàng. Thế sao con người khi chết đi lại không được coi là pháp tàng mùa Đông, và để rồi chuyển sang Xuân sanh? Và tại sao hiện tượng chết sống lại không được gọi là hiện tượng âm dương, mà không thấy được chết vẫn chưa phải là hết chuyện?! Nhưng chết đã không phải là hết chuyện, như thế chết tức là pháp tàng. Tàng của bốn mùa là Đông, tàng của thảo mộc là củ trối, vậy tàng của con người ở đâu để đặng lát nữa Xuân sanh? Và có tàng để đặng sanh, thế tất dòng sinh mệnh không thể chỉ là một kiếp. Vậy thử hỏi từ thâu đến tàng, đến sanh; cũng như từ già đến chết, đến sanh lại. Trong dòng sinh mệnh của con người từ kiếp nầy sang kiếp khác nối tiếp bằng cách nào? Đây là một câu hỏi phải được nêu ra. Nhưng ta hãy cùng nhau theo dõi suốt hết vấn đề ba âm ba dương, rồi cuối thiên ta bàn kỹ lại cũng không muộn.

Với hiện tượng ba âm ba dương biến hóa dù chỉ ở nơi thân con người, nếu phanh phui khai thác nói đến cùng kiếp cũng không hết, chỉ tùy trường hợp cần thiết đến đâu mà bàn khái quát đến đấy. Thực ra nếu cứu tận thì một còn không có, làm gì có ba? Nhưng nếu nhận được thì dù chỉ nói có ba hoặc có mười cũng đã đủ lắm rồi. Nếu không hiểu thì dù có nói muôn nói triệu cũng chẳng ích gì. Người xưa nói: "Nếu biết được chỗ bí yếu thì một lời cũng đủ, không biết được chỗ bí yếu dù chia chẻ mãi cũng không cùng" là vậy.

BÌNH:

Chẳng có ai mượn che mà trời vẫn cứ che, cũng chẳng có ai mượn chở mà đất vẫn cứ chở; rõ thật giống hệt kiểu "làm bạn không mời" của ông Phật. Thế mới tức! Nhưng giá trời đừng thèm che, đất đừng thèm chở, thì sanh ra còn không có, làm gì có mượn với không mượn. Thế mới biết: thiếu trời đất là không có sanh sôi. Thế nhưng đã trót nhận lấy sự che chở của trời đất rồi, tức là đã rơi vào thế kẹt nằm gọn lỏn vào một lõm trong lòng bàn tay của hai ông bà trời đất, tất nhiên bao nhiêu chuyện lạ gì gì ở cùng khắp bên ngoài đều bị che khuất. Thế mới biết: việc siêu ra ngoài vòng vô cực để cùng với bao la hằng còn, dù cho con người sắt đá cũng phải đổ mồ hôi hột là phải.

Tuy nhiên dẫu cho tâm hồn có siêu ra ngoài vòng vô cực cùng với bao la hằng còn chăng nữa, nhưng thân nầy vẫn còn phải ở đây với hai ông bà trời đất đến bao giờ hết kiếp mãn đời. Vậy nên ít ra cũng phải ăn ở cách nào cho được nhứt cử lưỡng tiện, để cho trật tự trong đại gia đình trời đất nầy khỏi bị lộn xộn đảo điên, thì cuộc sống mới được gọi là thông đạt. Thế mới biết: việc cần thiết nhất mà cũng khó làm nhất, là vừa phải nhận lấy sự che chở của trời đất mà cũng vừa cùng với bao la hằng còn, vừa cùng với bao la hằng còn mà cũng vừa là thuận với trật tự che chở của trời đất. Nếu đắm say theo trật tự che chở mà không để ý đến cùng với bao la hằng còn, thì rồi cuối cùng chỉ tổ noi theo tập quán gia truyền của hai ông bà trời đất, rồi quanh năm suốt tháng lũy kiếp mãn đời cũng chỉ loay hoay hú hí trong cái hố âm dương mà thôi, dẫu cho vua chúa chăng nữa cũng chẳng khác nào. Trái lại nếu siêu ra ngoài vòng vô cực cùng với bao la hằng còn mà lại quên mất trật tự chở che, thì chẳng khác nào cây không cành lá. Ý thức là thế, còn phải làm sao nữa là chuyện của mỗi người.

Thầy trò ông Huỳnh Đế nhướng con mắt nhìn khắp mặt đất trông thấy lòng đất vốn sẵn đủ thứ hột giống động, thực, phi, tiềm (cỏ cây, bò, bay, máy, cựa) miễn là đủ nhân đủ duyên âm dương cân xứng lập tức chúng nó trỗi dậy và dù cho tâm lý, vật lý hay sinh lý gốc nó vẫn vốn không hai. Ông Phật phóng một đạo hào quang ở giữa giao mi, lại cũng thấy suốt tâm địa của chúng sanh vốn sẵn chứa đủ tất cả các hột giống động, thực, phi, tiềm miễn là hội đủ điều kiện nhân duyên, âm dương tương xứng là tức khắc chúng nó trỗi dậy. Cụ Hoằng Nhẫn nói: "Đất tâm chứa đủ hạt giống, gặp mưa xối khắp nẩy mầm v.v.".

Lạ thật, có lẽ các ngài chỉ là anh em ruột thịt với nhau, hoặc cũng xuất thân từ một trường đại học nào đó, hoặc trước khi xuống đây các ngài đã có hội nghị trước và giao hẹn với nhau để mỗi người đi một hướng, mỗi người làm một việc. Nghĩ như thế không chừng trúng!

Ông Phật thiệt là quá quắt! Nhích một cái liền biến quả địa cầu với bao tử con người thành Bồ Tát Địa Tạng Vương, biến tạng Gan với tạng Tỳ thành cha con ông Phổ Quảng theo hầu Địa Tạng mà chẳng có ai hay biết. Hèn gì, vừa mở quyển kinh Địa Tạng liền thấy một câu nhoáng lửa: "Địa là dày chắc, Tạng là chứa đủ". Quả thật! Xứng đáng là một tay đại phù thủy lành nghề. Chắc có lẽ ông thấy loài người lao nhao, kẻ thì thờ ông Địa, người thì thờ ông Táo, hoặc có kẻ thờ ông Tà, ông Tướng, Thần

tài, vô số cái lôi thôi nhảm nhí. Nên ông nghĩ bụng: "Những cái ông Địa, ông Táo, Thần tài v.v. của các ngươi thờ lạy ấy bé bỏng quá chẳng có hiệu lực gì mấy, để ta phái cho một ông Địa Tạng vĩ đại và thực tế hơn nhiều, mặc tình cho các ngươi tha hồ thờ lạy cho đã. Đến bao giờ thờ lạy mệt, đã thèm rồi, dừng lại ngơi nghỉ; chừng đó các ngươi sẽ bắt gặp ông Địa Tạng vĩ đại ấy vốn có sẵn trong mỗi người các ngươi. Như thế cũng chẳng sướng sao?! Thế rồi từ đó Bồ tát Địa Tạng Vương nghiễm nhiên lập căn cứ ở giữa lòng quả đất, và đặt máy radar kiểm soát tới giữa lòng bộ tiêu hóa của con người, và thỉnh thoảng lên lên xuống xuống tận đến các cõi trời; rồi công đức của Địa Tạng vang dội đến ông Phật cũng phải hoan nghinh, lại còn nhìn bà con và tuyên truyền khắp nơi rằng: tiền thân của Địa Tạng là người nữ nữa là khác. Thiệt cái ông già mị thuật đó hết bậc! Thưởng thức vở mị thuật nầy thật là hấp dẫn. Thế mà mãi đến bây giờ biết bao nhiêu khán giả cùng xem, ai nấy vẫn ngơ ngơ ngác ngác chẳng hiểu tí gì, lạ thật! Có lẽ diễn giả thấy trình độ khán giả thấp quá cũng đâm chán nản. Có người ngầm biết suốt, nên cao hứng lén viết mấy dòng trước cửa rạp hát như sau:

Thích Ca! Thích Ca!
Lão đại huyễn thuật gia
Vẽ bùa trị bệnh, thổi phép trừ ma
Thích Ca! Thích Ca!
Lão đại huyễn thuật gia
Thế gian mãi mê hát
Quên phứt cả về nhà

Thích Ca! Thích Ca!
Lão đại huyễn thuật gia
Xót thế gian lạc lối
Nên gạt… bịt mắt dẫn về nhà

Thích Ca! Thích Ca!
Lão đại huyễn thuật gia
Ai muội mê thì bị gạt
Nếu kẻ trí thì… cùng với lão gia!
Thích Ca! Thích Ca!
Lão đại huyễn thuật gia
Ta hãy cùng nhau kết cánh

Đi diễn thuật khắp cõi Ta Bà
Ha! Ha!

Giữa buổi Xuân mai, khí trời trong sáng, chim hót líu lo, ngồi tựa ghế nhắp chén trà tiên, thưởng thức vài lát chuối khô thổ sản, tan mình vào trong vô tận bao la, quay nhìn để theo dõi một cuộc đàm thoại của thầy trò ông Huỳnh Đế đang chỉ trỏ bàn tán về vô số cái đám lao nhao trên cõi đất nầy, như thế há chẳng thỏa thích lắm sao?!

Ông Phật nói: "Sắc tức là không, không tức là sắc; sắc không khác với không, không không khác với sắc; và thọ, tưởng, hành, thức cũng giống như vậy". Thế là nghĩa thế nào? Nghĩa là cả sắc pháp lẫn tâm pháp vốn không hai, tâm lý, sinh lý và vật lý vốn cùng trong một thực thể. Hay nói một cách khác là hình với bóng, có với không, tâm với vật vốn là không khác chứ gì?! Thế mà có bọn lén bảo nhau rằng: mình bày đặt thổi phồng thầy trò ông Huỳnh Đế và nắn méo NỘI KINH. Nói như thế coi chừng rủi thầy trò ông Huỳnh Đế nghe thấy rồi đánh điện xuống Địa Tạng, lát nữa sẽ bị Địa Tạng phái nhân viên đòi xuống âm ty cho Diêm La tra vấn thì khốn! Giả sử chuyện thổi phồng mà có thật chăng nữa thì rồi sao đi ?! Lại có hại gì ?! Trên đời nầy có được bao nhiêu người biết làm chuyện nầy chứ! Ví nếu quả có thổi phồng tất có nắn tròn chớ không nắn méo, biết đâu thầy trò ông Huỳnh Đế luôn cả ông Địa Tạng, hết thảy đại hội Phật Thánh Tiên chẳng đồng thanh hoan nghinh tán thán?! Nên biết được kẻ nói như thế rõ thật là bọn lẩn thẩn.

Nhà thờ, nhà thánh, đền chùa, miễu môn mọc lên đặc đất. Đài thiên văn, phi thuyền thám hiểm không gian chi phí hết tiền. Tín đồ sùng tín mộ đạo đông như kiến cỏ, có lắm người mang cả ba tạng kinh điển nhà Phật về chất đầy nhà, thiếu điều thiêu hết ra tro nuốt tuốt vào bụng; cũng có lắm người lăm le muốn học thuộc lòng cả Kinh Dịch và NỘI KINH. Thế mà vấn đề tâm với vật vốn không hai, đời với đạo chỉ là hai danh từ của con người bày đặt mãi đến bây giờ vẫn hãy còn loay hoay trong mộng tưởng điên đảo, thì làm sao biết được xác thân mình là cái gì? Guồng máy tạng phủ là cái gì? Cơ cấu tâm thức là cái gì? Cái cực nhỏ còn không biết được, làm sao biết được cái cực lớn? Thế thì không bao giờ nghĩ đến tại sao ông Địa Tạng lại có cha con ông Phổ Quảng theo hầu? Và tại sao tâm mà lại gọi là tâm địa, là phải. Thế thì còn biết bao nhiêu vở mị thuật khác đang diễn làm sao mà biết! Thật là đáng thương xót!

Phương trình CHÁNH CHỦ trong đây nói ra coi bộ lôi thôi, thấy hình như không lạ gì mấy, thế nhưng thử để lên cân mới thấy nó nặng bằng cả vũ trụ. Vì sao thế? Vì hễ vũ trụ có tướng tới đâu là có mặt nó tới đó. Quả thật là một cây thước vạn năng, một cái cân trung chánh nhiệm mầu, mà hình như vừa sau thời thầy trò ông Huỳnh Đế cho đến bây giờ không được mấy người biết dùng, để đến nỗi đóng meo đóng mốc. Giờ đem ra chùi lau kiểm điểm, điều chỉnh lại thấy nó vẫn y nguyên linh diệu quá chừng! Nó cân được mức trung chánh trong khắp lãnh vực vật lý, sinh lý cũng như tâm lý, dù nhỏ từ tế bào nguyên tử, vi trùng, dần ra đến thân tâm cá nhân, gia đình, xã hội, thiên hạ, thế giới, Thái dương hệ, địa cầu nó đều cân lấy mức trung chánh được cả. Nếu ta biết áp dụng thì dù sự đắc thất của cá nhân, gia đình tụ tán, thế nước thạnh suy, chánh trị tốt xấu, chủ nghĩa chánh sách đảng phái nên hư, tôn giáo tín ngưỡng tà chánh, khoa học phải trái, vật lý thiên bình, tu hành tiến thối, lòng người dối ngay, nhứt nhứt ta đều có thể nhìn thấy hết. Ví nếu mỗi người ngày nay đều biết sử dụng thế đòn cân "chánh" "chủ" thì dù cho khó khăn như vấn đề nhân khẩu, vấn đề địa vị, vấn đề phân phối hay cả một thế giới tao loạn ít nhứt cũng được dễ dàng giải quyết. Nhưng, thương thay! hình như loài người chỉ thích làm những việc khó khăn không thể làm được, hơn là những cách giản dị dễ thành công. Như thế dù thánh hiền cũng chịu, chẳng biết nói sao hơn!

Tình cờ ông Phật đến viếng, tôi thưa: "Bạch ngài, lúc trước khi ngài giảng đạo thì vật chất chưa năm châu họp chợ, do đó mà lòng chúng sanh cũng không ứ trệ mấy, nên ngài không đặt trọng tâm vào trật tự hậu thiên. Đến nay lượn sóng vật chất năm châu họp chợ, địa cầu trở nên bé bỏng quá chừng; thế mà thế gian cứ đóng cứng theo lời ngài giảng thuở trước nên hết thảy đồ đệ của ngài đều bị lượn sóng vật chất năm châu họp chợ, tủ lạnh, ti-vi, radio v.v. nó nhận chìm ngã nghiêng ngã ngửa. Dám mong ngài từ bi bổ túc". Phật đáp: "Tại sao con phải nhọc công tham dự, sao không cứ để mặc cho thế gian. Đồng bạc ngày nay còn có giá trị gì! Bài học đâu có thể nào mua rẻ!". Tôi đành làm thinh.

Kỳ Bá nói: Sanh phải nhờ Xuân, trưởng phải nhờ Hạ, thâu phải nhờ Thu, tàng phải nhờ Đông; nếu trái trật tự thì bốn mùa bế tắc. Riêng tôi tôi không nói trái trật tự, mà tôi nói: "Hữu vọng trần tất hữu Đông Xuân tranh hoàn tạ. Vô sanh diệt tức vô ai lạc vĩnh trường Xuân". Nghĩa là: hễ săn đuổi theo muôn trùng hiện tượng âm dương, thì sẽ bị kẹt vào trong vòng lẩn quẩn của trời đất Xuân Hạ Thu Đông. Nếu quay trở vào

vượt siêu ra ngoài vòng vô cực thì đâu cần phải hệ lụy với tốt xấu, buồn vui. Như thế há không phải là mãi mãi Xuân sao?!

Một hòn bi rơi xuống chỗ nào, nằm ở đâu, đụng cái gì nó đều vẫn hiển hiện được thế quân bình của nó. Thế mới biết: hình tròn tuy chẳng có gì mà là vô cùng bí mật. Nhưng tại sao ta lại không tròn để đặng nằm đâu cũng vững?!

Mình là cái khởi đầu của vô số, hễ có mình là có vô số. Nội một mình Mình cũng đã là vô số rồi, hễ là vô số thì thân hay tâm cũng là vô số. Thế mới biết: trừ phi thấu suốt chính con người của mình, thì không thể nào thấu suốt được vô số. Khi thấu suốt được vô số, thì Mình cũng không còn, làm gì còn có nhiều với một. Đây là phương tiện bậc nhứt.

Đoạn 3

PHIÊN ÂM:

Đế viết: Nguyện văn tam âm tam dương chi ly hợp dã.

Kỳ Bá viết: Thánh nhơn Nam diện nhi lập, tiền viết Quảng minh, hậu viết Thái xung. Thái xung chi địa danh viết Thiếu âm. Thiếu âm chi thượng danh viết Thái dương. Thái dương căn khởi ư Chí âm, kết ư Mạng môn, danh viết âm trung chi dương.

Trung thân nhi thượng danh viết Quảng minh. Quảng minh chi hạ, danh viết Thái âm. Thái âm chi tiền, danh viết Dương minh. Dương minh căn khởi ư Lệ đoài, danh viết âm trung chi dương.

Khuyết âm chi biểu danh viết Thiếu dương. Thiếu dương căn khởi vu Khiếu âm, danh viết âm trung chi Thiếu dương.

Thị cố tam dương chi ly hợp dã. Thái dương vi khai, Dương minh vi hạp, Thiếu dương vi khu. Tam dương giả, bất đắc tương thất

dã, bát nhi vật phù mạng viết nhứt dương.

DỊCH:

Huỳnh Đế nói: Mong được nghe sự ly hợp của ba âm ba dương.

Kỳ Bá thưa: Thánh nhơn(1) đứng quay mặt về hướng Nam, phía trước gọi là Quảng minh(2), phía sau gọi là Thái xung(3). Nền tảng của Thái xung gọi là Thiếu âm. Phần trên, phần ngoài, phần ngọn của Thiếu âm gọi là Thái dương. Kinh Thái dương gốc rễ của nó tận ở bên dưới bắt đầu từ huyệt Chí âm(4), và kết ở Mạng môn(5). Đây gọi là dương ở trong âm.

Từ nửa thân trở lên cũng gọi là Quảng minh, mặt dưới của Quảng minh gọi là Thái âm, phía trước của Thái âm gọi là Dương minh. Gốc rễ của kinh Dương minh khởi tận từ huyệt Lệ đoài(6), gọi là dương ở trong âm.

Cho nên sự ly hợp của ba kinh dương thì phần Thái dương thuộc về mở, phần Dương minh thuộc về đóng, phần Thiếu dương thuộc về đưa đẩy. Ba kinh nầy không được mất trật tự. Mạch ứng ở cổ tay không được quá nổi, tất cả đều đồng nhứt như nhau, mệnh danh là một dương(8).

CHÚ THÍCH:

(1) **Thánh nhơn**: là để chỉ cho con người thông đạt, chớ không phải cơ thể của thánh nhơn khác hơn người thường.

(2) **Quảng minh**: có nghĩa là sáng, rộng và nóng.

(3) **Thái xung**: có nghĩa là nghịch chiều xông lên một cách rộng lớn.

(4) **Huyệt Chí âm**: là huyệt Tĩnh của kinh Túc Thái dương thuộc Bàng quang. Huyệt nầy nằm phía ngoài đầu ngón chân út, cách góc móng

chân độ một lá hẹ nằm ngang.

(5) **Mạng môn**: chữ "Mạng môn" ở đây sau nầy có thiên giải thích chỉ cho huyệt Tình minh là huyệt khởi đầu bên trên của kinh Túc Thái dương, huyệt nầy hai bên đều nằm cách khóe trong mắt độ một lá hẹ nằm ngang. Nhưng tại sao lại phải gọi là Mạng môn để rồi phải giải thích, chắc chắn phải có ngụ ý. Vì sao thế? Vì phía sau xương sống còn có huyệt Mạng môn là huyệt của Thận thông đồng vào tủy xương sống, mà nền tảng của kinh Túc Thái dương thuộc Bàng quang lại là Túc Thiếu âm tạng Thận. Như vậy tất có một ngụ ý, nên đánh chấm dấu hỏi (?) để sau nầy khảo thêm.

(6) **Huyệt Lệ đoài**: ở đầu ngón chân trỏ phía ngón giữa cách góc móng chân độ một lá hẹ nằm ngang, thuộc về huyện Tĩnh của Túc Dương minh.

(7) **Huyệt Khiếu âm**: đây là huyệt Tĩnh của kinh Túc Thiếu dương thuộc về buồng Mật, huyệt nầy ở đầu ngón chân vô danh bên phía ngón út cách góc móng chân độ một lá hẹ nằm ngang.

(8) **Một dương**: đây không phải nói nghĩa một dương là Thiếu dương, mà là muốn nói nghĩa ba kinh dương phải đồng nhất.

GIẢI:

Đoạn nầy Huỳnh Đế vẫn bám chặt ý muốn biết về sự ly hợp của ba âm ba dương, mà Kỳ Bá bắt đầu giải thích về ba dương trước.

Kỳ Bá mở đầu bằng thánh nhân đứng quay mặt về hướng Nam. Nếu ta nghiệm kỹ trong chỗ không lời, ta mới thấy ý Kỳ Bá muốn nói: con người vừa là năng lực viên quang hồi tụ của bao la, mà cũng vừa là tiểu thiên địa; nếu muốn biết rõ 3 âm 3 dương trong con người, là phải biết đứng gióng hướng cho đúng cách, thì mới tìm thấy lớp lang trật tự của nó.

Ta đứng trên mặt địa cầu ở quãng giữa bụng, ngửng nhìn lên trời ta sẽ thấy hướng Nam trước mặt là hướng nhiều ánh sáng mặt trời trút

xuống hơn, và mặt trời luôn luôn lệch về hướng Nam nhiều hơn; còn phía sau lưng là hướng Bắc. Trong con người, phần xác thân bên ngoài trên đầu là cực Bắc, dưới đít là cực Nam để ứng với cực Bắc chỉ mũi về sao Bắc Đẩu nhô ra 36 độ và cực Nam lệch xuống dưới nún vào 36 độ. Vì mặt trời lệch về hướng Nam cho nên thấy hình như khí âm từ dưới hướng Bắc xông lên.

Quả đất vừa chạy vừa quay, phía có mặt trời bầu khí quyện luôn luôn trương nở, phía không mặt trời bầu khí quyện luôn luôn hóp tóp. Thế trương nở hóp tóp nầy, khi vào phần ngoài thân con người cấu tạo thành hai đường tuyến trước sau: mà phía trước bụng phình ra, phía sau xương sống hủng vào thành một đường rãnh ở giữa. Nếu ta tưởng tượng sẽ thấy tựa hồ như chữ "a" để rồi phía trước chứa đựng tạng phủ, phía sau có tủy xương sống để cho tất cả tạng phủ phải mắc vào, và tủy xương sống luôn luôn vận chuyển theo chiều đi nghịch lên để sung túc cho bộ óc. Cho nên gọi phía trước là Quảng minh, phía sau gọi là Thái xung. Ý nghĩa của hai chữ "Thái xung" ở đây với hai chữ Thái xung ở thiên đầu tuy không khác mà cũng không giống. Trong con người ngoài tạng phủ có ba bộ phận đặc biệt mà người xưa đều gọi là "xung":

1. Là tủy xương sống thông đồng lên óc thì gọi là hậu Thái xung.

2. Là cái Xây cũng gọi là cái họng xôi, bộ phận nầy nối liền với mạch máu trắng to nhất trong thân để đưa lên cho vào tĩnh mạch xương gánh, bổn phận nó chuyên thâu hút chất sữa ở Ruột non đưa lên sung bổ cho tuần hoàn máu đỏ, mạch nầy người xưa gọi là Tiền Thái xung.

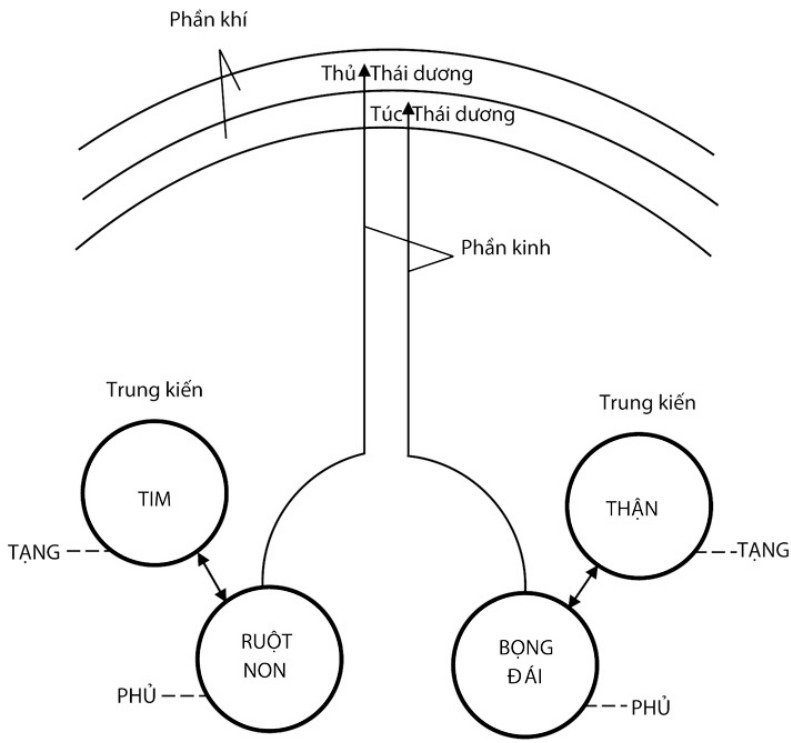
3. Ở phía trước sát hai bên xương sống có hai hệ thống hạch nằm hai bên, cấu tạo bằng bắp thịt mét, người xưa gọi là Phục xung. Bộ phận nầy chịu ảnh hưởng sự vận hành của mặt trăng.

Cả ba bộ phận nầy đều có tánh cách vận chuyển đi nghịch lên, cho nên gọi chung là xung. Nhưng bộ phận thứ nhất, thứ hai rõ rệt và mạnh hơn, cho nên gọi là Thái xung.

Toàn cả bộ tuần hoàn âm huyết (máu trắng) đều để quy kết về Thận, súc tích tinh hoa sung bổ cho tủy và óc, mà tủy xương sống là trực

tiếp. Cho nên mới gọi nền tảng của Thái xung là Thiếu âm (hãy để ý phần hình vẽ).

Sáu danh từ: Thái dương, Dương minh, Thiếu dương, Thái âm, Thiếu âm và Khuyết âm. Mỗi một danh từ đều để chỉ cho ba phần: phần gốc là phần ở tạng hoặc phủ; phần giữa là để chỉ cho những luồng điện tuyến (kinh lạc) có quan hệ trực tiếp từ tạng hoặc phủ lên tận bộ óc, ra tận bên ngoài; phần ngoài là để chỉ cho phần khí từ mặt da co vào tận đến nội tạng, dãn ra tận đến mặt da theo thế lượn sóng mà không theo luồng điện tuyến, phần nầy gọi là phần khí, phần vệ. Do đó mà mỗi danh từ đều phải được tùy theo trường hợp mà định nghĩa. Ngoài ra còn tùy thuộc ở luồng điện tuyến của kinh lạc từ trong tạng phủ chạy ra đến tay hay chân (sẽ có hình). Cho nên mỗi danh từ còn chia ra thủ và túc (hãy xem lại đồ biểu).



Danh từ Thiếu âm ở đây tức là Túc Thiếu âm thuộc về cơ cấu năng lực của tạng Thận. Thế là nói: nền tảng của Thái xung là Thiếu âm, cũng

như nói: không có cơ cấu tạng Thận thì tủy xương sống, bộ óc và tủy các nơi đều mất gốc.

Nói ở trên Thiếu âm là Thái dương, tức là nói ở trên Túc Thiếu âm là Túc Thái dương. Chữ "ở trên" đây giá trị thực chất của nó cũng như chữ "biểu", chữ "tiền" ở mấy câu sau. Thế là có nghĩa phần ngoài, phần ngọn, phần phủ. Vậy ta có thể nói một cách khác là phần phủ của Túc Thiếu âm thuộc Thận tức là Túc Thái dương thuộc Bàng quang. Nghĩa của trên Thiếu âm gọi là Thái dương là vậy.

Đường kinh lạc của Thái dương đi phần ngoài chiếm trọn phía sau lưng, bên trên phủ cả phía sau đầu, ra đến phía trước hai khóe trong mắt, và bên dưới xuống tận đến hai đầu ngón chân út. Nếu nhìn bằng con mắt tổ chức hệ thần kinh thì ta thấy nó chiếm trọn phần dây thần kinh mặt da nối liền vào tủy xương sống (thần kinh trung khu) hết thảy đều ghim thẳng vào tủy xương sống. Nhưng ở đây muốn nói đến luồng điện tuyến năng lực vận hành, chớ không phải chỉ nói ở phần tướng của dây thần kinh.

Huyệt đầu tiên của kinh nầy là hai huyệt Tình minh mà người xưa gọi là Mạng môn. Biết được thế là nhờ sau nầy có phần chánh văn tự chú thích. Nhưng hai chữ "Mạng môn" lại trùng với huyệt Mạng môn thuộc tủy xương sống (mạch Đốc). Mà tủy xương sống với kinh Thái dương trong con mắt người xưa là không phải một cũng không phải khác. Thế tất huyệt Tình minh mà gọi là Mạng môn phải có ngụ ý gì, điều nầy có dịp sẽ khảo kỹ lại.

Huyệt dưới chót hết của kinh Thái dương là huyệt Chí âm để nối liền với kinh Túc Thiếu âm thuộc Thận.

Câu nói: kết ở huyệt Mạng môn. Chữ "kết" nầy đọc lên bắt ta phải ngờ vực, vì mới nghe qua hình như là kết cuộc, chung cuộc, là cuối cùng. Nhưng huyệt Tình minh ở khóe mắt lại là huyệt khởi điểm của kinh Túc Thái dương, thế thì nghĩa chung cuộc đáng lẽ phải để ở huyệt Chí âm mới phải. Nhưng đây lại không nói thế, trái lại huyệt Mạng môn ở mạch Đốc lại hàm chứa nghĩa kết đúc, kết thắt rõ hơn. Đây cũng là một điểm ta phải để vào dấu ngoặc (?) khuyết nghi chờ khảo.

Trong chánh văn câu "Thái dương căn khởi ư Chí âm" mà dịch là "kinh Thái dương gốc rễ của nó tận ở bên dưới bắt đầu từ huyệt Chí âm". Hai chữ "bắt đầu" ở đây cũng như nói huyệt chót vót tận bên ngoài ở dưới, chớ không phải là luồng điện tuyến bắt đầu từ bên dưới, ta phải nên chú ý.

Nói: Gọi là dương ở trong âm, tức là nói: Thái dương của Thiếu âm vậy.

Chánh văn nói: giữa thân trở lên gọi là Quảng minh. Hợp với câu có hai chữ "Quảng minh" trước kia, ta mới thấy ý luận giả muốn nói: phía trước là Quảng minh mà bên trên lại là Quảng minh ở trong Quảng minh.

Nói: ở dưới Quảng minh mà lại gọi là Thái âm, tức là nói: kể từ nửa thân trở lên ở phía trước xương sống trở về trước, thì tầng đáy của bên trên là ở giữa, là ngôi của Thái âm. Nghĩa là: phần tạng của Túc Thái âm là tạng Tỳ, mà tạng Tỳ là tạng cai quản ở vùng chính giữa. Nên nói: ở dưới Quảng minh gọi là Thái âm.

Nếu nhắm vào ngôi của tạng phủ mà nói thì trước xương sống là tạng Thận, trước tạng Thận ở giữa là tạng Tỳ, chỉ có phần Tỳ dương hơi lộ ra bên trái một ít, phía trước tạng Tỳ là ngôi của Vị. Vị là phủ của tạng Tỳ. Cho nên mới nói: phía trước của Thái âm gọi là Dương minh, Dương minh ở đây là Túc Dương minh. Luồng điện tuyến của kinh Túc Dương minh huyệt dưới chót là huyệt Lệ đoài. Nghĩa của hai chữ "Lệ đoài" ta hãy đợi đến phần kinh huyệt sẽ tìm hiểu.

Nói là dương ở trong âm đây, tức là nói Túc Dương minh của Túc Thái âm vậy.

Người xưa nhìn thấy tác dụng của tạng là thuộc về ở trong, của phủ là thuộc về ở ngoài. Cho nên thỉnh thoảng có dùng chữ "lý" là để ám chỉ cho tạng, chữ "biểu" là ám chỉ cho phủ. Cho nên ở đây mới nói: phần ngoài của Khuyết âm gọi là Thiếu dương, Khuyết âm ở đây tức là Túc Khuyết âm. Thế là câu nầy muốn nói: phần ngoài của Túc Khuyết âm là Túc Thiếu dương, cũng như nói: phần phủ của Túc Khuyết âm là Túc Thiếu dương. Thế là nói chung cho cả phần tạng hoặc phủ và phần kinh

lạc. Nếu chỉ nói phần tạng phủ không thôi thì ta cũng có thể nói một cách khác là phủ của tạng Gan là buồng Mật cũng được.

Huyệt dưới chót hết của kinh Túc Thiếu dương thuộc buồng Mật là huyệt Khiếu âm. Bảo là Thiếu dương ở trong âm, tức là nói Túc Thiếu dương của Túc Khuyết âm vậy.

Về phần Khuyết âm với Thiếu dương ta thấy trong chánh văn nói không giống hai phần trước, mà chỉ chú trọng ở phần huyệt dưới chót của kinh, đây cũng là một điều làm cho ta phải lưu ý.

Trong câu kết của chánh văn nói: cho nên sự ly hợp của ba kinh dương – Thái dương là mở, Dương minh là đóng, Thiếu dương là đưa đẩy. Chữ "cho nên" ở đây rất có quan hệ, thế là trong chỗ ngoài lời luận giả bảo: vị trí cũng như công năng của ba phần dương ở phủ, ở kinh, ở khí là như thế; cho nên mới cấu kết thành cái thế mở, đóng và đưa đẩy. Nhưng chỗ nầy rất ẩn nghĩa, ta phải đào sâu thêm.

Phần ngoài thân con người, phía sau là thuộc Thái dương, phía trước thuộc Dương minh, hai bên hông thuộc Thiếu dương. Thế là phần kinh lạc của ba kinh dương chiếm trọn phần ngoài của toàn thân. Nhưng với điểm nầy ta tìm lấy nghĩa mở, đóng và đưa đẩy chưa thấy. Đến phần tạng phủ thì Túc Thái dương là Bàng quang, mà công việc của Bàng quang là thâu hết tân dịch các nơi về đó, rồi nung nóng bốc lên để thấm nhuần cho khắp các cơ cấu ra tận đến mặt da. Còn thừa lại cấu nặng thì cho bài tiết ra đường tiểu.

Túc Dương minh là Vị, bổn phận của Vị là thâu nhận hết tất cả thức ăn uống để tiêu hóa thành chất tinh hoa đưa về tạng Tỳ. Do đó mà nhiệt lực ở Vị cao nhất.

Túc Thiếu dương là buồng Mật, bổn phận của buồng Mật là thâu nhận mật từ Gan chế rồi chứa giữ ở đấy, để cho thấm dần vào Vị, hầu giữ thế quân bình cho nước tiêu hóa ở Vị. NỘI KINH nói: "Mật là ông quan trung chánh quyết đoán phát ra từ đấy". Như thế nếu ta chỉ theo công năng hoạt động ở phần phủ mà tìm lấy nghĩa mở, đóng và đưa đẩy cũng chưa thấy được trọn vẹn.

Giờ ta thử nhìn trọn vẹn ba cơ cấu trong toàn thân một lượt, ta sẽ thấy Túc Thái dương chiếm trọn phần mặt da bên ngoài, Túc Dương minh là cái tận cùng chính giữa cái ống (bên trong), còn Túc Thiếu dương thì lại vận hành ở quãng giữa của trong với ngoài để nối liền trong và ngoài. Đến đây ta thấy nghĩa Thái dương là mở, Dương minh là đóng, Thiếu dương là đưa đẩy khá rõ. Nhưng ta thử tiến một bước nữa mà nghiệm xem: phần ngoài của xác thân con người từ mặt da vào tận đến xương có sáu thành phần thứ tự khí hóa thông đồng với phần kinh và phần tạng phủ như sau: bắt đầu từ mặt da đếm trước thì Thái dương là phần ngoài nhất thuộc thành phần da, phần thứ hai là phần Dương minh thuộc về thành phần mỡ dưới da, phần thứ ba là phần Thiếu dương thuộc về thành phần của lớp bầy nhầy, kế phần Thiếu dương là phần Thái âm thuộc về thành phần bắp thịt, đến phần thứ năm là phần Thiếu âm thuộc về thành phần mạch máu, đến phần thứ sáu là phần Khuyết âm thuộc về thành phần gân. Đây là phân biệt đại lược, nhưng kỳ thực sáu thành phần nầy vẫn thông đồng nhau. Do cách phân nầy bắt từ trong đếm ra nên người ta gọi Khuyết âm là một âm, Thiếu âm là hai âm, Thái âm là ba âm, Thiếu dương là một dương, Dương minh là hai dương, Thái dương là ba dương. Nhìn chung sáu thành phần nầy ta thấy phần Thái dương là phần chuyên mở ra, để làm sự bảo vệ cho mặt ngoài thân, và Thái dương là khí dương rộng lớn cùng cực ở bên ngoài. Phần Dương minh đối với Thái dương là phần trong, với Thiếu dương là phần ngoài. Phần Thái dương ban ngày mở to, ban đêm mở nhỏ, Xuân Hạ mở to, Thu Đông mở nhỏ luôn luôn phải nhờ Dương minh làm nền tảng. Thành phần mỡ của Dương minh là sự súc tích của than, củi, nhiệt lực.

Hết thảy đường lối của các bộ phận đều phải mượn đến tế bào sớ dai ở thành phần bầy nhầy của Thiếu dương, do đó mà Thiếu dương đi khắp. Hơn nữa ngoài Thiếu dương ra tận Thái dương, bên trong vào tận Khuyết âm. Nếu nhìn chung ta sẽ thấy nó liên lạc suốt từ trong ra ngoài mà bổn thân của nó là dương còn nhỏ, mới bắt đầu, còn Dương minh là phần dương bị ép ở giữa của Thiếu dương và Thái dương, cho nên nói hai dương hợp sáng gọi là Dương minh (còn ba phần âm đợi đến đoạn kinh âm sẽ bàn rõ), đây là sáu thành phần theo thứ tự của khí vệ vận hành. Đến đây ta mới thấy rõ rệt nghĩa mở, đóng và đưa đẩy là điểm quan trọng thiên lệch về khí vệ, để làm nền tảng áp dụng thuốc cho môn ngoại cảm.

Nguyên lý "một là tất cả, tất cả là một. Một dính liền với tất cả,

tất cả dính liền với một. Một cùng khắp với tất cả, tất cả vừa đủ trong một" mặc dù ở phương diện vật lý, tâm lý hay sinh lý, ở nội thân hay ở ngoại cảnh cũng vẫn phải thế. Tuy nhiên không phải là thứ lộn xộn như đống rác, đâu đó vẫn có trật tự lớp lang không thể tạp loạn. Cho nên ba kinh dương vừa nói trên cũng không được mất trật tự.

Con người là một tác phẩm chánh chủ tương đối xứng nhau, mặc dù chẳng ai giống ai. Nếu một khi mất bình thường, lệch về âm hay lệch về dương ở một phần nào, thì hiện tượng mạch cổ tay không đồng nhất. Và nếu lệch về phần dương thái quá thì mạch sẽ quá nổi, lệch về phần âm thái quá thì mạch sẽ quá chìm. Nếu là hiện tượng âm dương cân xứng bình thường thì phần ba kinh dương mạch sẽ hiện đồng nhất như nhau một cách hòa hoãn không quá nổi, nên gọi là ba dương đồng nhất.

Đoạn 4

PHIÊN ÂM:

Đế viết: nguyện văn tam âm.

Kỳ Bá viết: ngoại giả vi dương, nội giả vi âm. Nhiên tắc trung vi âm, kỳ xung tại hạ, danh viết Thái âm. Thái âm căn khởi ư Ẩn bạch, danh viết âm trung chi âm.

Thái âm chi hậu, danh viết Thiếu âm. Thiếu âm căn khởi ư Dũng tuyền, danh viết âm trung chi Thiếu âm.

Thiếu âm chi tiền, danh viết Khuyết âm. Khuyết âm căn khởi ư Đại đôn, âm chi tuyệt dương, danh viết âm tuyệt chi âm.

Thị cố tam âm chi ly hợp dã, Thái âm vi khai, Khuyết âm vi hạp, Thiếu âm vi khu. Tam kinh giả, bất đắc tương thất dã. Bác nhi vật trầm, mạng viết nhứt âm.

DỊCH:

Huỳnh Đế nói: mong được nghe phần ba kinh âm.

Kỳ Bá thưa: hễ ở ngoài là dương thì ở trong là âm. Thế thì ở phần giữa là âm, tất nhiên đầu mối xung phải ở dưới, gọi là Thái âm. Kinh mạch của Thái âm huyệt tận cùng bên dưới là huyệt Ẩn bạch(1), gọi là âm ở trong âm.

Phía sau Thái âm gọi là Thiếu âm. Kinh mạch của Thiếu âm huyệt tận cùng bên dưới là huyệt Dũng tuyền(2), gọi là Thiếu âm ở trong âm.

Phía trước của Thiếu âm gọi là Khuyết âm, kinh mạch của Khuyết âm huyệt tận cùng ở dưới là Đại đôn(3), là nơi âm cực để sanh dương, cho nên gọi là âm tuyệt chi âm(4).

Cho nên sự ly hợp của ba kinh âm, Thái âm là mở, Khuyết âm là đóng, Thiếu âm là đưa đẩy. Ba kinh âm nầy không được mất trật tự. Mạch cổ tay hiện không được quá chìm, mệnh danh là một âm.

CHÚ THÍCH:

(1) **Huyệt Ẩn bạch**: ở đầu ngón chân cái phía bên ngón trỏ cách góc móng chân độ một lá hẹ nằm ngang, thuộc về huyệt Tĩnh của kinh Túc Thái âm.

(2) **Huyệt Dũng tuyền**: nếu người nằm sấp dựng đứng hai bàn chân lên, tay trái ta nắm ngón chân, tay phải chịu bàn chân, cho nên năm ngón chân dúm lại thì ta sẽ thấy ở lòng bàn chân quãng một phần ba của phía trước có một chỗ như có hình ngôi sao chính giữa, đây là huyệt Dũng tuyền, thuộc về huyệt Tĩnh của kinh Túc Thiếu âm.

(3) **Đại đôn:** Huyệt nầy có hai thuyết: một nói ở đầu ngón chân cái phía đối diện với huyệt Ẩn bạch cách góc móng chân độ một lá hẹ nằm

ngang; một thuyết nữa nói ở tại chòm lông trên lưng đầu ngón chân cái. Đều cho là huyệt Tĩnh của kinh Túc Khuyết âm. Tuy nhiên đứng về phương diện hiệu quả ảnh hưởng thì cả hai huyệt nầy đều có hiệu lực tác động vào tận đến trong Gan, sau nầy đến khi chuyên học về huyệt sẽ có dịp hiểu rõ hơn. Có điều nên nhớ là tất cả huyệt Tĩnh của ba âm ba dương mỗi phần đều hai huyệt, hễ bên trái một huyệt thì bên phải cũng một huyệt.

(4) **Âm tuyệt chi âm:** là một danh từ để chỉ cho phần âm đến đó không còn đường đi nữa, phải trở lại bằng nẻo dương, nghĩa là âm cực sanh dương. Ý nầy cũng như ý của câu "khí âm khởi ở giữa giờ Ngọ, khí dương khởi ở giữa giờ Tý", và cũng tựa hồ như câu "hễ cùng thì biến, biến thì thông" của *Kinh Dịch* vậy.

GIẢI:

Đoạn nầy Huỳnh Đế vẫn khăng khăng theo dõi vấn đề ba âm ba dương, và Kỳ Bá vẫn tiếp tục trình bày. Về cách nói của Kỳ Bá luôn luôn đưa cái tổng quát ra trước, rồi phân tích giải thích, và cuối cùng mới kết. Ông nói: "ở ngoài là dương thì ở trong là âm", trong câu nầy có ngầm ẩn nghĩa của câu "dương ở ngoài là để bảo vệ cho phần âm, âm ở trong là để giữ vững cho phần dương" ở thiên thứ năm, điều nầy ta phải luôn luôn lưu ý.

Đã nói: ở trong, ở giữa là âm tất nhiên gốc rễ của nó phải tận ở bên dưới, cũng như loài cây có những chi rễ ăn sâu tận lòng đất để thâu hút mầu mỡ. Cho nên mới nói: mối xung của nó ở bên dưới, gọi là Thái âm. Chữ "Xung" nầy rất có quan hệ đến hai chữ "Thái xung" trước, vì tạng Thận, tạng Tỳ và tạng Phổi là ba tạng âm và tuần hoàn âm huyết bên trong nối liền với tủy xương sống, lấy Thận làm nền tảng, tinh hoa của các tạng nhờ đó mà thu về Thận, bên trên nối liền với tạng Phổi ra đến mặt da, bên trong chính giữa nối liền với Tỳ Vị, thế là thấu suốt tự tiên thiên đến hậu thiên; do đó mà tạng Tỳ cũng chiếm một phần quan trọng của tuần hoàn âm huyết. Tạng Tỳ và tạng Thận đã là âm mà lại thuộc về phần túc, do đó mà nơi đây mới có chữ "Xung". Thái âm nghĩa là rất âm, thuộc về Túc Thái âm, tức là tạng Tỳ. Và huyệt Tĩnh của kinh Túc Thái âm ở tận bên dưới là huyệt Ẩn bạch, là huyệt âm của Túc Thái âm, cho nên gọi là: âm ở trong âm.

Lằn kinh mạch của Túc Thái âm lên đến phía trong cổ chân trên mắt cá đi lên theo lằn chính giữa, mà kinh Túc Thiếu âm thuộc Thận đi ở phía sau (từ sau mắt cá trong chạy lên); nên nói: phía sau của Túc Thái âm gọi là Túc Thiếu âm.

Nhìn về mặt tạng phủ thì ta cũng thấy tạng Thận ở phía sau tạng Tỳ, đây cũng là một cách để cho ta thấy phía sau Túc Thái âm là Túc Thiếu âm.

Huyệt gốc rễ tận bên dưới của Túc Thiếu âm là huyệt Dũng tuyền thuộc Tĩnh, tuy là âm nhưng chỉ là Thiếu âm, cho nên gọi là Thiếu âm ở trong âm.

Về ba kinh âm ở chân đều nằm ở phía trong cổ chân, ở giữa là Túc Thái âm, phía sau là Túc Thiếu âm, phía trước là Túc Khuyết âm.

Về hình tướng tạng phủ, tạng Gan nằm bên sườn phải, tuy đối diện với tạng Tỳ ở phía trái, nhưng trọn phần Tỳ âm đều nằm chính giữa phía sau Vị, chỉ có phần Tỳ dương lộ ra bên trái chút ít, còn tạng Gan phần lá lớn thì lại lộ hẳn ra phía trước ở hông sườn bên phải. Nếu cân theo mực thủy bình thì ta sẽ thấy tạng Tỳ lệch phía sau, tạng Gan lệch phía trước, và sau tạng Gan tạng Tỳ là tạng Thận. Cho nên nói: phía trước Thiếu âm gọi là Khuyết âm.

Đường kinh của kinh Túc Khuyết âm huyệt Tĩnh ở dưới nhất là huyệt Đại đôn. Huyệt nầy là nơi tiếp giáp với kinh Túc Thiếu dương, cho nên gọi là âm tuyệt chi âm. Hết thảy các huyệt Tĩnh của ba âm ba dương có chỉ dẫn rõ ở đồ biểu.

Về sự ly hợp của ba kinh âm cũng giống như ba kinh dương, nhưng Thái âm là mở, Khuyết âm là đóng, Thiếu âm là đưa đẩy tại sao?

Thái dương đã là tận cùng bên ngoài của phần dương, thì Thái âm là thành phần tận cùng bên ngoài của phần âm. Nếu nhìn về phần khí Vệ, ở điểm nầy ta gọi Thái âm là mở rất hợp lý. Nếu nhìn về phương diện tạng phủ, thì tạng Tỳ là tạng chuyên giúp cho Vị phân phát chất bổ để nuôi dưỡng cho năm tạng, điểm nầy cũng có thể gọi là mở.

Khuyết âm tức là Túc Khuyết âm, là một âm. Ở phương diện tạng, cũng như phương diện khí đều thuộc về ở trong cùng. Vả lại tạng Gan còn có tánh chất súc tích, nên nói: Khuyết âm là đóng.

Thiếu âm là hai âm. Ở phương diện phần khí, ta thấy thành phần của Thiếu âm thuộc về mạch máu và lại là từng lớp chen ở giữa Thái âm và Khuyết âm. Cho nên gọi Thiếu âm là đưa đẩy, là phải.

Sự trật tự của ba kinh âm không được rối loạn cũng giống như ba kinh dương.

Mạch cổ tay hiện chìm (trầm) là mạch của phần âm, nhưng chỉ hơi chìm thôi không được quá chìm, cả ba đều phải suốt thông như một thì mới được gọi là bình thường.

Trong phần ba kinh dương có nói: mạch phải đồng nhất như nhau, không được quá nổi. Trong phần ba kinh âm cũng lại nói: mạch phải đồng nhất như nhau không được quá chìm. Hai điểm nầy mới nghe qua ta thấy tựa hồ như hai kiểu mạch, nhưng thực ra chỗ trong đây muốn nói là tất cả ba âm ba dương, sáu bộ mạch đều phải đồng nhất hòa hoãn, không quá nổi cũng không quá chìm, luôn luôn đầy đủ thần sắc vị khí suốt thông, và thuận theo trật tự của bốn mùa, của ngày đêm thì mới được gọi là bình thường. Người đọc đừng nên hiểu lầm là nói hai thứ.

Thử đặt một câu hỏi: Tại sao vấn đề ba âm ba dương trong thiên nầy chỉ đề cập đến phần Túc, mà không đá động đến phần Thủ?

Con người có hai chân dẫm trên mặt đất, cũng như loài thảo mộc có rễ ăn sâu xuống đất, những kinh mạch ở phần dưới chân cũng giống như thế. Ở loài thảo mộc mỗi khi các bộ phận rễ bên dưới bị hư hoại hoặc đứt đi thì bên trên cũng theo đó mà hư hoại. Có lẽ vì lý nầy mà trong thiên nầy chỉ nói các huyệt Tĩnh của phần Túc, không đề cập đến phần Thủ. Ta hãy cứ để yên rồi tuần tự đi sâu vào sẽ rõ thêm.

Đoạn 5

PHIÊN ÂM:

Âm dương chung chung tích truyền vi nhứt châu, khí lý hình biểu, nhi vi tương thành dã.

DỊCH:

Âm dương huyết khí đun đẩy vận hành nối tiếp nhau thành một vòng, khí ở trong hình ở ngoài mà làm thành cái thế hình như trái nhau nhưng vẫn nương cậy lẫn nhau.

GIẢI:

Nếu ta quan sát chín chắn một chút là ta thấy được ngay toàn cả trong thân ta không đâu không là chỗ không biến đổi chuyển dời, mặc dù có những lúc ta vào trong cõi định ngồi im lìm hằng mấy tiếng đồng hồ không cựa quậy. Thế mới biết: ba nguyên lý Bất dịch, Biến dịch và Di dịch tận tự bao la vào trong ta vẫn sẵn đủ, cho đến cùng tận cái bao la với thân ta cũng chẳng có một tơ hào cách bức. Nên biết: dù ở phần tướng của tạng phủ kinh lạc trông qua hình như âm dương trái ngược nhưng vốn luôn luôn có cách tuần hoàn nối tiếp, mà ở phần khí phần vệ suốt trong thân ta ra tận bên ngoài cũng vẫn luôn luôn tương quan trật tự. Chỉ có một điều nên để ý: Con người đối với bao la bên ngoài cũng như đối với sự vận hành của Thái dương hệ chỉ là một guồng máy bé tí hon, tuy tương quan thì tương quan, trật tự thì trật tự nhưng nhịp độ vận hành rất có khác nhau, tựa hồ như chiếc đồng hồ tí teo của các cô đối với cả một guồng máy đồng hồ trên nóc nhà lồng chợ.

Lời giải toàn thiên

Đây là một thiên thu nhỏ gọn lại, tột cùng đơn giản tất cả sự thật của những thiên trên và thắt chặt lại, tựa hồ như ta thu đồ vật nhỏ gọn để cho vào một cái túi mà thắt chặt miệng lại. Bên trong đủ cả nghĩa không, rồi một, rồi hai, ba, bốn, năm, sáu, rồi mười hai v.v. đến muôn trùng, rồi

từ muôn trùng trở về một, rồi không, rồi con số không chưa nói. Thế là đủ cả Vô cực, Thái cực, Lưỡng nghi, Tam tài, Tứ tượng, Ngũ hành, Lục khí v.v. để nói lên nghĩa cũng không cũng có, cũng lớn cũng nhỏ, cũng một cũng nhiều, cũng ly cũng hợp, cũng hữu hạn cũng vô cùng mà chứng thực vốn đầy đủ ở nơi ta. Và nhấn mạnh phương trình chánh chủ, ba âm ba dương, để kết đúc cái nghĩa tâm lý, vật lý với sinh lý vốn không hai mà đạo học, triết học, y khoa và tất cả phải cùng một nền tảng. Nay ta hãy tuần tự mở túi lấy ra từng phần để chúng ta cùng nhau quan sát.

Thế bao la khi chưa có con người, lấy đâu mà biết để gọi cái ấy là cái gì! Thế mới biết: phải có trời, có đất, rồi có con người mới có chuyện nầy. Khi có con người, cái bao la ấy cũng vẫn là bao la, rồi tùy mặc tình loài người muốn gọi chi thì gọi, hoặc gọi bao la, hoặc gọi vô cùng, hoặc gọi không là gì, hoặc gọi vô cực, hoặc gọi bổn thể, hoặc gọi chân không, hoặc gọi bổn tánh, hoặc gọi Tỳ- Lô-Giá-Na, hoặc gọi Pháp giới tạng thân v.v. và v.v. đó chẳng qua là tùy theo chỗ đứng, cách nhìn, cách áp dụng của con người mà nói lên vô số tên chữ khác nhau, nhưng kỳ thực là để chỉ vào cái không hai vậy. Cái không hai tròn sáng sắc không phải sắc, không có trong ngoài nầy, dù con người có nói ra hay không nói ra, có chứng thực được nơi lòng hay không chứng thực được nơi lòng, nó vẫn nghiễm nhiên là một bầu năng lực dẫy đầy không thiếu. Khi có con người nhận ra nó, thế là con số không đã nghĩ để đặt bút xuống viết, mà bầu năng lực ấy được mệnh danh là Thái cực, nghĩa là đã bắt đầu phát hiện lên cái có. Thế là từ tinh thần không hai của con số không chưa nghĩ đã bước sang con số một, cũng như năng lực hồi tụ của toàn cõi bao la khi hiển hiện ra con người, dù trong con người vốn đủ tất cả, nhưng con người vẫn là một trong những cái có.

Đã nêu lên cái một, thế là trong chỗ không lời, ta đã chấp nhận có cái hai. Thế là con số 2 nằm sẵn gọn trong con số 1. Cũng như Thái cực chuyển động theo lượn sóng của năng lực viên quang hồi tụ, mà trong Thái cực hiện lên cái Lưỡng nghi. Thế là từ cái 1 nảy sanh ra cái 2, và 1 cộng với 2 trở thành con số 3, mà con số 3 nầy lại không phải là sắp theo thứ tự chiều dài mà là trong một sẵn đủ có 2. Vì thế nên lòi ra cách vẽ diễn tả bằng mặt trăng , rồi từ mặt trăng Thái cực Lưỡng nghi ấy vào trong sự vật cũng như con người lại biến thành ba vị trí sắp theo kiểu tam giác cân. Thế là hình tròn được ngắt làm ba đoạn kéo ngay ra sắp thành hình tam giác mà mỗi cạnh dài bằng một đường kính. Thế là biến hình tròn thành hình tam giác. Thế là hình tròn mà tam giác nầy dù thu

nhỏ đến đâu, ở trong vật nào cũng đều có mặt nó cả, tựa hồ như điểm chính nằm trên, hai điểm phụ nằm hai bên ở dưới. Đây là nền tảng cho lý ba ngôi trong tất cả triết học, tôn giáo, đạo học và y khoa trong tinh thần hiểu biết của con người phương Đông. Thế thì ông Phật Tỳ-Lô-Xá-Na mà có Văn Thù, Phổ-Hiền theo hầu; Phật A-Di-Đà có Quan-Thế-Âm, Đại-Thế-Chí; Phật Dược-Sư có Nhựt- Quang, Nguyệt-Cái; nhẫn đến Bồ-Tát Địa-Tạng có cha con ông Phổ-Quảng theo hầu; cũng như trên ngôn ngữ có nói Pháp thân, Báo thân và Hóa thân; cho đến kinh Thánh của Kitô giáo nêu lên một Chúa ba ngôi cũng đều từ lý nầy mà xuất phát, đều có lý do để thiết lập, để rồi những biểu tượng ấy có lợi hay có hại đều tùy theo tâm địa của con người. Thế mới biết: con người cũng là một thứ hình tròn mà trong đó có đủ hình tam giác, dù ở phương diện tâm lý, vật lý hay sinh lý cũng thế thôi.

Nay ta thử dùng cái hình tròn mà tam giác ấy gạch thêm một đường trung tâm, từ điểm trên xuống tới vạch ngang dưới , rồi ta ngắm kỹ sẽ thấy ra hình gì? Ra phương trình chánh chủ. Thế là phương trình chánh chủ vẽ theo thế hình tam giác cân hay chữ "Thượng" bỏ nét ngang trên cũng được (⊥), hoặc để luôn hình tam giác cân thêm một vạch trung tâm nữa càng hay, hoặc cũng bằng một hình tam giác cân mà vạch giữa là một cái cọc thọc dài xuống khỏi lằn ngang, bên dưới có đầu nhọn, bên trên là điểm sống, và giữa đáy hình tam giác có lằn mức trung tâm buông lỏng, để mỗi khi ta cắm xuống đất, nếu cây cọc ở giữa là thật đứng thẳng thì tức khắc lằn mức trung ương với cây cọc gặp nhau. Như vậy với cách thế nầy ta cũng có thể dùng để tìm lấy chiều đứng thẳng và chiều mặt bằng, mà tác dụng của nó là cốt sao để đo lấy thế chánh chủ thiên lệch hay quân bình trong hiện tượng âm dương là được.

Nếu hai chữ "âm dương" là một danh từ để chỉ cho tất cả những hiện tượng trong cõi có. Thế là tất cả những cái có đều thuộc về phạm vi của âm dương, dù có như vũ trụ hay chỉ có như siêu nguyên tử, hoặc có như tướng của bốn thánh (Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát và Phật), hay tướng của sáu phàm (Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh, Người, A-tu-la và Chư Thiên), hay có như tướng của cõi tâm thức cũng vẫn là có, mà hễ đã là có tướng thế tất có tướng quân bình và có tướng không quân bình. Nay muốn tìm lấy cái quân bình trong cõi tướng thế tất phải có khuôn thước.

Phương trình chánh chủ vốn nó là thế quân bình của âm dương trong một hiện tượng. Chiều đứng là để biểu hiện cho dương, chiều nằm

là để biểu hiện cho âm, mà con người khám phá được để đem ra áp dụng cân đo trở lại tất cả các hiện tượng. Thế là tất cả những cái có đều là những cái có thể bị cân đo. Cho nên biết được phương trình chánh chủ mới chỉ là một cây thước, một cái cân còn nằm trong phạm vi hữu tướng. Tuy nhiên hễ còn nằm trong phạm vi có tướng vẫn còn cần phải được cân đo. Đây là chỗ diệu dụng rộng lớn của phương trình chánh chủ đối với thế trật tự tương quan trong cuộc sống Hậu thiên.

Giờ đây ta thử biến hình tam giác cân nầy thành hình bánh xe răng cưa, rồi ta thử tưởng tượng khi hai bánh xe ăn răng nhau sẽ ra sao? Ta sẽ thấy một trong hai bánh xe ấy chuyển động là bánh xe kia tức khắc sẽ quay theo, mà mỗi bên một chiều khác nhau. Thế là một hiện tượng dẫn lực trong máy móc.

Giờ ta lại thử biến hình tròn bánh xe răng cưa ra thành một khối tròn, mà khắp mặt ngoài đều là răng cưa, và nhiều khối tròn như vậy cho chung vào một chỗ, tựa hồ như một thúng hột kim cang, rồi ta thử cho tay vào trộn, ta sẽ bắt gặp một hiện tượng như tất cả đều muốn hít vào nhau. Và nếu trong mỗi hột tròn ấy hoặc có hột có những sừng nhô ra dài quá, hoặc có những hột có những lỗ lõm vào sâu quá mà những sừng những lỗ ấy lại tương xứng với nhau. Nếu khi bị xáo trộn làm cho thế lồi thế lõm gặp nhau, thế tất biến thành cái thế tra vào nhau như có một sức hít cứng mà không chuyển động được.

Giờ ta lại thử nung những khối tròn có gai ấy ra cho tròn quay nhẵn thín như những hòn bi, rồi ta vẩy tung ra, ta sẽ thấy chúng nó lăn đi một cách giản dị ung dung tự tại, và nếu gặp phải chỗ không lăn được nữa mà dừng lại thì tự nó cũng có cái thế quân bình của nó, khỏi cần phải thêm gì vào. Thế mới biết: khối hình tròn nhẵn thín là một hình thức linh động nhất trong mọi hình thức của vật chất.

Giờ đây ta lại thử thu hết những khối tròn ấy cho vào một dụng cụ rồi dùn lắc cho dẻ dặt thế mấy chăng nữa ta cũng sẽ thấy từ khối nầy sang khối kia vẫn để lại những khoảng cách trống rỗng ghê gớm.

Nếu ta biến những khối tròn nầy nhỏ mãi đến còn bằng từng hạt cát chăng nữa, cũng không vì lẽ khối tròn biến nhỏ mà những khoảng cách khác hơn. Chỉ có điều là với giác quan ta thấy những khối tròn li ti

nằm chung nhau hình như khít khao hơn những khối tròn lớn.

Giờ ta lại thử biến những khối tròn nầy cho to ra bằng những tinh cầu đang vận chuyển trong vũ trụ, rồi ta gom hết những tinh cầu ấy vào một chỗ, ta thử tưởng tượng đến những hố trống khoảng cách giữa tinh cầu nầy với tinh cầu khác thì ta sẽ thấy khủng khiếp vô cùng. Thế mới biết: hễ tròn mà có tướng thì không thể chỉ có một khối tròn, mà đã là nhiều khối thì dù cho khối tròn cũng tất không sao không có những hố trống khoảng cách. Phương chi đã là có tướng, thì dù có tròn đến đâu chăng nữa cũng vị tất đã thật tròn. Tuy nhiên ở trong cõi tướng khối tròn vẫn là khối ít vướng bận nhất, còn hơn là không tròn. Thế mới biết: cái tròn nầy vẫn còn nằm trong phạm vi có thể cân đo. Thế là ta đi từ phương trình chánh chủ để cân đo lấy thế thiên lệch hay quân bình trong tất cả hiện tượng, và trả phương trình nầy trở về với cái tròn có tướng. Như thế ta thấy được từ chỗ ta đang tìm lấy thế thiên lệch hay quân bình trong hiện tượng giới và tiến đến hình tròn là ta đã tiến sâu vào một bậc về hướng linh động tự tại của vật tượng.

Như nhiều lần đã đề cập đến: chỉ có cái không khuyết là cái tròn nhất, nhưng ngoài cái không là gì ra không có cái không khuyết. Thế mới biết: chỉ có không có gì cả mới là thật tròn. Vậy nay ta thử biến mất hình tròn ra thành cái không có gì cả thử xem sao! - Đùng một cái tức khắc tất cả những cái có, dù cái có ấy là cái tròn chăng nữa cũng đều bị rơi tỏm gọn lỏn vào trong cái không là gì mà không khuyết ấy. Thế mới biết: cái không khuyết không là gì, là mẹ đẻ ra tất cả những cái có. Và đến đây dù cho phương trình chánh chủ cũng không chỗ dùng vậy. Thế mới biết: dù to lớn đến đâu mà vẫn còn nằm trong phạm vi có tướng, cũng như dù nhỏ đến đâu mà vẫn chưa nhập vào cái không là gì, cả hai cái ấy đều nằm trong thế vướng bận. Đây là điểm mà tất cả thế gian cũng như khoa học vật chất tối tân ngày nay hết thảy đều bị kẹt không có lối thoát.

Nằm trong thế kẹt giữa gọng kềm nhị nguyên không và có, trong đó có cả cái Tôi, nhà khoa học sạo sục muốn biết được mặt thật của sự vật biến huyễn muôn trùng. Thế rồi họ ngồi lại làm toán, họ thấy rằng ngoài cõi xa xăm trong những khoảng không là gì vốn nó là một thứ khí lạnh ngoài độ nóng và lạnh. Nếu con người thực hiện được độ lạnh đó thì tất cả mặt thật của sự vật đều hiển bày, rồi họ kết luận: Nhưng, con người quyết định không thể thực hiện được. Vì sao thế ? Vì đến đó con người cũng không còn. Thế là mặt thật của sự vật vẫn giữ nguyên vẹn

sự bí mật của nó, và nhà khoa học cho đó là chân lý. Thế mới biết: mang cái Tôi hữu hạn để đi tìm mặt thật của cái vô cùng, là làm một việc không những quá ư thơ ngây mà lại còn càng tích cực bao nhiêu càng gặp phải cái phủ phàng bấy nhiêu. Tại sao ta không trở lại để khám phá lấy cái thân tâm hữu hạn của chính mình ta đây đến khi thấu suốt, chừng đó mới hay chính mình là vô cùng, và tất cả mặt thật của sự vật đều chường bày trước mắt. Như thế há chẳng là chính xác lắm sao?!

Trong khi cái Tôi được nung tròn, dù tròn thế mấy chăng nữa cũng vẫn là một cái Tôi như bao nhiêu cái Tôi khác, dù tất cả những cái Tôi đều được nung tròn, nhưng khi những cái Tôi tròn ấy va chạm lẫn nhau cũng vẫn là những cái Tôi va chạm, cũng như trong vũ trụ hữu hạn những tinh cầu va chạm lẫn nhau một cách nẩy lửa không khác.

Một con người hướng ngoại ruổi rong theo trần cảnh hẳn là một tướng góc cạnh. Khi có dịp được vừa quay trở vào, tức là có dịp cái Tôi được nung tròn. Chính trong khi được nung tròn mà tướng tròn chưa bị đổ vỡ, thế là đối với bao la có một khoảng cách ghê gớm như là một bức tường thành dữ dội, ai yếu bóng vía thì sẽ khiếp đảm khó nỗi vượt qua. Thế là ta đã đi từ tướng tròn của vật chất đến tướng tròn của tâm linh rồi đó.

Càng khám phá sâu vào chính con người của mình là cái khối Tôi được nung tròn càng ngày càng dãn rộng, đến một lúc nào đó bỗng dưng thấu triệt rồi cái tướng tròn cũng bị nổ banh theo, hồi đó tất cả mặt thật của vô thỉ vô chung hoàn toàn hiển hiện. Như thế há chẳng là cực kỳ khoa học lắm đó sao?! Thế là ta đã đi từ cái tướng tròn của tâm linh biến sang cái bao la không khuyết mà tất cả vũ trụ phải rơi vào. Như thế không phải là càng tiêu cực bao nhiêu tức là càng tích cực bấy nhiêu đó sao? Thế mới biết: danh từ tiêu cực, tích cực của người đời chỉ là một tên gọi khác của mâu thuẫn, và cái đạo vô vi của NỘI KINH, cái Bất động vi đại của *Kinh Dịch*, cái Ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm của nhà Phật, là cái mà tất cả Thánh hiền đều phải đồng về, và cũng là cái mà tất cả loài người, tất cả chúng sanh đều phải giáp mặt. Không có điểm nầy thì trọn cả tinh thần NỘI KINH không lấy đâu để quy kết, và cuộc sống con người cũng như của chúng sanh đều trở thành vô ý nghĩa, mà cái lẽ bao la đồng nhất tương quan trật tự biến hóa lưu thông đều trở thành không quan hệ.

Giờ đây ta hãy trở về với con người sống thật hằng ngày, để tiến sâu vào vấn đề 3 âm 3 dương, 12 đường kinh mạch xem quan hệ sâu rộng cách nào.

Trong vòm năng lực viên quang hồi tụ, giữa sự phản chiếu của thế tròn của quả đất với bao la, cấu tạo thành xác thân con người chỉ là một khối sáng bộng rỗng. Nhìn ở phần thô bên ngoài ta thấy hao hao như giống tướng quả địa cầu, mà trên đầu, phía sau là cực Bắc; dưới đít, phía trước là cực Nam. Vì là một tướng bộng rỗng bên trong còn có nhiều hiện tượng, nên trong cái thế viên quang hồi tụ vào bên trong con người đối với xác thân bên ngoài trở thành đảo ngược; nên không những từ Bắc biến thành Nam, Nam biến thành Bắc, mà tất cả hiện tượng bên ngoài con người như vũ trụ, mặt trời, mặt trăng và mặt ngoài của địa cầu đều bị lộn ngược trở vào trong. Thế là dương biến thành âm, âm biến thành dương. Vì lý do đó mà phần xác thân với phần tạng phủ của con người cấu tạo bằng hai cái thế âm dương trái ngược. Phần tạng phủ bên trong do tạng Tim chỉ huy; phần xác thân bên ngoài do bộ óc chỉ huy, bốn mảnh của bộ óc: phân nửa bên trái chỉ huy nửa thân bên phải, phân nửa bên phải chỉ huy nửa thân bên trái, óc lớn phía trước chỉ huy nửa thân phía sau, óc nhỏ phía sau chỉ huy nửa thân phía trước.

Xác thân con người là ba cái ống hợp lại, ngay chính giữa là ống tiêu hóa thuộc loại khoáng chất, phía sau là ống tủy xương sống lên bộ óc thuộc loại động vật, phía trước là một ống to thuộc loại thực vật, phình ra tựa như cái thùng mà tất cả tạng phủ là những bộ phận của dàn máy.

Buồng Phổi là bầu khí quyện. Bầu khí quyện của quả địa cầu thoi thóp phình ra bóp vào, cho nên buồng Phổi là cái máy bơm hơi. Dưới buồng Phổi có quả Tim lệch về phía trước bên trái là mặt trời trong thân, ánh sáng mặt trời tắt cháy từng chập từng chập. Tạng Tim cũng theo đó mà nhịp đập từng hồi từng hồi.

Nhìn mặt trời ta thấy như từ Đông sang Tây, mà quả địa cầu lại lăn từ Tây sang Đông. Thế nên quả đất hai đầu như đứng yên mà vòng xích đạo ở giữa, bị bổn thân quả địa cầu một nửa từ Tây dời về Đông, một nửa từ Đông quay về Tây. Do đó mà mặc dù ngôi bên trái là ngôi Mộc, thuộc Gan, thuộc rừng cây, từ phía bóng tối. Ngôi tạng Tỳ thuộc Thổ, thuộc đất, từ phía ánh sáng. Cả hai lại chiếu ngược lẫn nhau nên từ rừng cây phía bóng tối, hướng Đông khi vào thân lại đổi hẳn nằm sang bên

hữu, cho nên tạng Gan nằm bên phải tựa hồ như rừng cây có gốc rễ tận lòng đất nước. Còn tạng Tỳ lại nằm ngay chính giữa, mà phần Tỳ dương lệch hẳn về bên trái. Phần Tỳ dương là tướng mặt trăng chen lặn. Phần Tỳ âm là mặt đất xốp màu mỡ, mà rễ cây phải cắm vào.

Mặt địa cầu, nước chiếm mất ba phần mà đất chỉ có một phần, lại còn phân ra hai trục Nam Bắc và Đông Tây. Vào trong thân, cái gì thuộc về nước phải chìm xuống dưới, thế nên địa cầu kết đúc thành hai quả Thận nằm phía dưới chẽn vừng để liên lạc với Tỳ.

Phủ của Phổi là Ruột già, phủ của Tim là Ruột non, phủ của Gan là Mật, phủ của tạng Tỳ là Vị, phủ của tạng Thận là Bàng quang. Trên hình thức tất cả đều liên hệ nhau bằng Tam tiêu, bên dưới dính liền với Thận, bên trên dính liền với Bọc tim. Đây là thế đảo ngược của tạng phủ đối với thùng xác thân bên ngoài. Tất cả tạng phủ đều có đủ ba âm ba dương, và những luồng kinh mạch (điện tuyến năng lực) bên trong đều có chia nhau phần đi lên ảnh hưởng ra ngoài tay, và phần đi xuống ảnh hưởng xuống chân để làm thành thế 3 âm 3 dương 12 kinh mạch của bên trong.

Hệ thống liên lạc của năm tạng thì vận hành theo thế tương sanh của Xuân, Hạ, Thu, Đông mà liên lạc vào tủy xương sống lên bộ óc, bởi vậy tủy xương sống với bộ óc tuy thuộc về phần dương, phần xác thân bên ngoài, nhưng bản chất của nó là âm, là tinh hoa của 5 tạng.

Xác thân bên ngoài cũng đủ cả 3 âm 3 dương 12 đường kinh mạch chạy khắp tay chân. Nhưng động cơ mạch sống trung tâm của tạng phủ bên trong là thuộc về Tim, còn động cơ trung tâm của mạch sống bên ngoài xác thân lại là bộ óc. Hai thế ấy trong ngoài giao nhau để cấu tạo thành một guồng máy kinh lạc mà thực chất của nó không thể chỉ riêng là Động mạch hay Tĩnh mạch hay tuần hoàn máu trắng, hay dây thần kinh, mà là những luồng điện tuyến năng lực do sự kết hợp cả tâm lý, sinh lý và vật lý, cũng như động vật tính, thực vật tính và khoáng chất tính, mà trung tâm điện tuyến năng lực quan hệ lại lệch về cơ cấu thần kinh vào bộ óc. Bởi vậy không thể nào dựa vào hình tướng của dây thần kinh mà định kinh lạc cho được. Tuy nhiên vì lẽ nó quan hệ rõ rệt với bộ thần kinh, cho nên người Âu Tây nghiên cứu Đông y chỉ có thể thấy ở phần kinh lạc với phép châm cứu, mà ở phần khí quan hệ đến phép cho thuốc không sao khám phá được.

Do sự kết hợp giữa xác thân bên ngoài với nội tạng bên trong bằng một cách đảo ngược nhau như thế làm cho khi ta muốn tìm hiểu về vấn đề 3 âm 3 dương là ta phải tường tận ý nghĩa của kinh lạc. Vậy kinh lạc cấu tạo cách nào?

Vấn đề 3 âm 3 dương, mỗi một tên (thí dụ như Thái dương chẳng hạn) vốn nó là để ám chỉ cho ba phần trong thân con người, một là phần tạng phủ, hai là phần kinh lạc, ba là phần khí vệ. Riêng về phần khí vệ vốn nó chỉ vận hành theo thế co dãn của bầu khí quyện, theo ảnh hưởng mặt trời vận hành ngày đêm cho nên nó không theo một hệ thống kinh lạc nào, mà chỉ tương quan với kinh lạc tạng phủ bằng thế co dãn mà thôi. Hãy cứ xem đồ biểu thì rõ.

Tuần hoàn máu đỏ từ Tim đưa ra ảnh hưởng khắp rồi thu trở về Tim, ngày đêm cứ luân lưu như thế mãi, 50 chu kỳ nhỏ thành một chu kỳ lớn, đến sáng lại bắt đầu.

Cơ cấu dây thần kinh chia làm hai phần, phần ghim thẳng vào bộ óc trực tiếp với tạng phủ bên trong, phần ghim thẳng vào tủy xương sống để giao dịch với cảnh bên ngoài. Cả phần ngoài lẫn phần trong cũng phải giao nhau để bủa khắp châu thân. Tuần hoàn âm huyết (máu trắng) phải lệ thuộc vào tuần hoàn máu đỏ và bộ hô hấp để luân lưu khắp trong ngoài. Với cái thế kết hợp của những cơ cấu và âm dương trong ngoài giao nhau, nên thế kinh lạc bắt buộc phải cấu tạo như sau:

Bộ óc chia làm 12 khu, mỗi khu tùy theo cơ cấu dây thần kinh mà luồng điện tuyến của kinh lạc chia thành hai phần, một phần dính liền với một tạng hay một phủ nào đó, một phần đi thẳng ra ngoài xác thân tận đến một vùng ngoài tay chân nào đó.

Tạng là âm, phủ là dương, giữa tạng với phủ, phủ với tạng, bên trong có những đường giao tắt với nhau gọi là lạc, do đó mà bên ngoài xác thân, ở tay chân cũng vậy. Huyệt là những điểm thở ra từ một luồng điện tuyến của tận tự tạng phủ bên trong. Nhờ cách thế cấu tạo như đã nói trên, làm cho ta có thể lợi dụng những huyệt bên ngoài để chữa trị bệnh tật tận tự bên trong. Mỗi khi gây một luồng chấn động từ một huyệt bên ngoài thì ta có được một lượn sóng ảnh hưởng theo thế tam giác đi từ nơi kích động chia làm hai nẻo: một thẳng vào khu óc của

luồng điện tuyến ấy mà ảnh hưởng về một tạng hoặc một phủ nào đó; một gây thành một chấn động từ mặt da, chỗ huyệt ảnh hưởng vào tạng phủ bên trong, tùy theo con đường mặt da vào phần tạng phủ dài hay ngắn mà sự ảnh hưởng mau chậm khác nhau. Thế kết hợp của 12 luồng điện tuyến kinh mạch là như thế (hãy xem kỹ ở đồ biểu).

Tạng phủ ghép nhau có hai thế: Một ghép nhau theo thế của năm hành: Thận là tạng thuộc Thủy, Bàng quang là phủ. Tim thuộc Hỏa, Ruột non là phủ. Gan thuộc Mộc, Mật là phủ. Phổi thuộc Kim, Ruột già là phủ. Tỳ thuộc Thổ, Vị là phủ. Hai là ghép nhau theo thế 6 khí 3 âm 3 dương chia ra phần Thủ và phần Túc thành 12 kinh mạch:

	Ba Dương		Ba Âm
Thái dương	Phần Thủ, chạy ra tay thuộc Ruột non. Phần Túc, xuống chân thuộc Bàng quang.	**Thiếu âm**	Phần Thủ, ra tay thuộc Tim. Phần Túc, xuống chân thuộc Thận.
Dương minh	Phần Thủ, ra tay thuộc Ruột già. Phần Túc, xuống chân thuộc Vị.	**Thái âm**	Phần Thủ, ra tay thuộc Phổi. Phần Túc, xuống chân thuộc Tỳ.
Thiếu dương	Phần Thủ, ra tay thuộc Tam tiêu. Phần Túc, xuống chân thuộc Mật.	**Khuyết âm**	Phần Thủ, ra tay thuộc Bọc tim. Phần Túc, xuống chân thuộc Gan.

Thế nào là Thủ, thế nào là Túc?

Lấy phần tạng làm quan trọng. Hễ tạng nào ở trên chẽn vừng thì tạng đó thuộc về Thủ, mà phủ của nó cũng thuộc về Thủ. Tạng nào ở dưới chẽn vừng thì ngược lại.

Nhìn vào đồ biểu ta sẽ thấy Thái dương đi cặp với Thiếu âm, Dương minh đi cặp với Thái âm, Thiếu dương đi cặp với Khuyết âm, và chia thành Thủ Túc để định rõ những huyệt Tĩnh phần ngoài thân, mà trong thiên nầy chỉ thiên trọng về huyệt Tĩnh ở phần Túc.

Khi địa cầu mới trưởng thành chỉ là khoáng chất, kế đó có thực vật, rồi sau cùng mới có động vật. Nhìn vào con người, phần cảm giác phân biệt của tác dụng thần kinh hoàn toàn chiếm hẳn phần ngoài, phần trên, cho nên phần Thái dương làm chủ bên ngoài. Tạng của Thái dương là Thiếu âm, mà Thiếu âm tức là Tim và Thận, tạng Tim và tạng Thận lại là nền tảng của hiểu biết bên trong. Thế là Thái dương hợp với Thiếu âm làm thành một nhóm làm chủ bên ngoài, mà cũng thấu suốt bên trong. Phía sau dính liền với tủy xương sống và bộ óc, thuộc thành phần động vật, lấy cơ cấu thần kinh hệ làm trọng tâm.

Phần Dương minh trong con người dính liền với Thái âm làm thành cơ cấu tiêu hóa, thuộc về hành Thổ và hành Kim, cho nên thuộc về loại khoáng chất.

Phần Thiếu dương, tạng của nó là Khuyết âm thuộc về hành Mộc và hành Hỏa, bên trong tác dụng của nó thuộc về thần kinh động tác, thuộc về gân, bên ngoài thuộc về loại thảo mộc, cho nên Thiếu dương với Khuyết âm thuộc nhóm thực vật, mà thành phần cơ thể chiếm trọn một ống phía trước vậy.

Nhìn vào đồ biểu thân con người là ba cái ống, với đồ biểu Thủ Túc các huyệt Tĩnh của ba âm ba dương. Nếu ta quay ngang đồ biểu Thủ Túc ba âm ba dương lại thì ta sẽ thấy: Phần trên, phần ngoài thuộc về thần kinh hệ loại động vật, loại vô sắc; phần giữa loại khoáng chất thuộc bộ tiêu hóa, thuộc loại sắc; phần dưới thuộc loại thần kinh động tác, thuộc loại chịu xung động, thuộc về thực vật mà cũng thuộc về cõi dục. Thế là phần trên thuộc phần tâm lý, phần giữa thuộc phần vật lý, phần dưới thuộc phần sinh lý. Thế mới biết khi phân ra thì có 6 khí, 3 âm 3 dương, Thủ Túc 12 kinh mạch, động vật, khoáng chất, thực vật; tâm lý,

vật lý, sinh lý tuy có khác nhau nhưng mạch sống vẫn là mạch sống như nhau không khác. Thế mới biết âm dương 5 hành 6 khí 12 kinh mạch v.v. đều thuộc về cõi hiện tượng.

Trong hiện tượng giới, trên xác thân nầy với guồng máy hiểu biết, dù cho ông chơn nhơn với ông phàm tục quyết định phải không có gì khác. Thế sao cách nhìn sự vật cũng như cuộc sống của hàng thông đạt lại yên ổn như thế kia, còn cách nhìn sự việc với cuộc sống của phàm phu lại rắc rối đau thương dường ấy. Lẽ tất nhiên phải có điều gì khác nữa, và do đâu mà có guồng máy tâm thức? Điều nầy ta phải tiến thêm một bước nữa, không thể dừng nơi đây được.

Năng lực viên quang hồi tụ từ bao la nảy ra vô số khối ngân hà, mỗi một ngân hà kết hợp bởi vô số Thái dương hệ. Trong Thái dương hệ nầy có một quả địa cầu, một mặt trời với bao nhiêu hành tinh và vệ tinh.

Thái dương hệ phản chiếu với bao la, bao la hồi tụ vào trên mặt đất nầy nảy ra có con người.

Thái dương hệ quyết định có bao nhiêu bộ phận vị tất ai đã rõ thấu. Nhưng quan hệ trực tiếp vào quả địa cầu nầy có mặt trời, mặt trăng và 5 loại hành tinh. Đối với trí óc ta, mặt trăng tuy chỉ là một vệ tinh, nhưng với giác quan ta cũng như cách thế ảnh hưởng vào sự vật, thì mặt trời mặt trăng to lớn bằng nhau mà địa cầu là cái to lớn nhất. Năm loại hành tinh trên kia không biết to lớn là bao, nhưng với giác quan của con người vẫn là nhá nhem lấp lánh. Trong thế hồi tụ ấy, Thái dương hệ nầy chỉ còn tám bộ phần quan trọng, mà trong đó một phần to lớn là quả địa cầu, hai phần kế đó là mặt trời, mặt trăng, năm phần xa xăm tức là năm loại hành tinh.

Thân con người chia làm hai phần: Phần xác thân bên ngoài thuộc về thế tròn thế lồi, tác dụng của nó thuộc về phần động, phần ban ngày, phần dương. Phần tạng phủ bên trong thuộc về thế bên trong của cái bầu tròn, thuộc về thế lõm, nên năng lực viên quang hồi tụ đến đây phải đảo ngược. Ngoài thân có năm giác quan thuộc về năm tạng năm hành. Bên trong tuy có năm tạng khác nhau, nhưng kỳ thực chỉ có ba tạng cụ thể. Tạng Thận với Tỳ âm đồng một pháp thuộc quả địa cầu, mà lại cũng nằm chung một vùng dính liền nhau bằng màng, Tỳ dương là nguyệt cầu,

trái tim là mặt trời. Bởi vậy tạng Thận thuộc về pháp tàng, nghĩa là quy tụ tất cả tinh hoa sinh lực vào đó để sanh sôi. Thế là từ bóng dáng của tám bộ phận ngoài Thái dương hệ gần nhất với ta khi chiếu vào trong ta kết cấu là thế.

Thân nầy đã vừa là bao la thu nhỏ lại, lại cũng vừa là quả địa cầu; thế nên những cơ cấu to lớn rõ rệt trong con người đều là hiện thân của Thái dương hệ. Xác thân bên ngoài tuy là thuộc về pháp dương nhưng cũng có phần âm của nó. Hết thảy da thịt gân xương kể cả phần tủy xương sống, phần óc đều thuộc về xác thân. Thế nên tủy xương sống với óc tuy bản chất nó là âm nhưng vẫn là thuộc dương; cho nên trung tâm của cuộc sống hoạt động ở phần dương là bộ óc. Ngược lại trung tâm mạch sống của tạng phủ bên trong lại là Tim. Ta phải nên nhớ điều nầy: khi mới tượng thai, tạng phủ có trước, bộ óc và cơ cấu thần kinh có sau. Thế mới biết bộ óc thuộc về phần lý trí. Trong tạng Tim có ba nút thần kinh tự động, mà hai cái bên dưới nghĩa của nó là tạng Thận ở trong Tim, Thận giao với Tim. Trên tạng Thận có hai khối Thận dương, nghĩa của nó là Tim trong Thận, là lửa giao với nước. Phần xác thân bên ngoài cũng như phần tạng phủ bên trong, đều có đủ 3 âm 3 dương như nhau. Cũng chia ra phần Thủ và Túc để ngoài trong liên lạc lẫn nhau, và tạng Tim với bộ óc là hai trung tâm cơ cấu của trong ngoài, do đó mà cũng liên lạc với nhau một cách nhịp nhàng chặt chẽ. Nhờ thế mà ban ngày ta theo ánh sáng mặt trời hoạt động làm lụng trong trật tự của phần dương, phần lý trí. Về đêm nhiệt lực tùy theo bóng tối mà thu trở vào trong nội tạng, để tạng Tim vẫn đập đều đều mà giấc ngủ cũng vẫn thảnh thơi yên giấc.

Bao nhiêu điều kiện đã kể trên làm cho ta thấy hễ phần xác thân bên ngoài có cái gì thì phần nội tạng cũng có cái ấy, ngược lại cũng thế. Như thế nghĩa là sao? Nghĩa là nếu một là tất cả thì trong con người là toàn cả bao la, mà con người là toàn cả bao la thế mỗi một tế bào cũng là một con người, cũng da thịt gân xương, cũng tạng phủ, trí óc. Thế thì phần ngoài của thân con người mỗi một cơ cấu lỗ chân lông cũng vẫn phải đầy đủ tổ chức của Tim, Gan, Tỳ, Phổi, Thận v.v. nghĩa là mỗi một tế bào hoàn toàn là một con người, mà phần bên ngoài bên trên lại là đặc biệt người.

Vẫn biết rằng mỗi một tế bào là một con người ở trong con người, về mặt sanh hoạt hẳn là phải từ trong ra ngoài thắt chặt tiết tấu lẫn nhau.

Tuy nhiên trong con người vẫn có đủ 3 tài 3 cõi 3 âm 3 dương, 6 khí, 12 đường kinh, cao thấp nặng nhẹ khác nhau, động vật, thực vật, khoáng chất; tâm lý, vật lý, sinh lý phân chia rõ rệt. Thế thì dù cho người hay người ở trong người của toàn thân tuy không phải khác nhưng quyết có thể không phải một.

Con người là bóng dáng của năng lực viên quang hồi tụ linh thiêng phản chiếu từ Thái cực mà hiện lên. Trong cái thế vừa nứt mắt có biết liền bị sáng tối động tĩnh nóng lạnh thay nhau đánh thức. Lập tức thân với cảnh chia đôi mà cái Tôi xuất hiện và ánh chiếu với bao la, thâu nạp tướng Thái dương hệ vào cấu kết thành guồng máy tâm thức. Guồng máy tâm thức là một cơ cấu ở trong cái thế không thể không có, giá nếu đừng xen cái Tôi vào thì dẫu cho vẫn y nhiên thân nầy với cái biết nầy lại có sao đâu! Nhưng ngược lại, ví nếu không có hồi mê vị tất có hồi thiệt biết, và cái thiệt biết là cái hết thảy chúng sanh đều phải đến. Trong cái thế viên quang linh động ấy guồng máy tâm thức kết cấu bằng tám bộ phần chính yếu mắc liền vào tạng phủ xác thân như sau:

Năm giác quan bên ngoài là tai, mắt, miệng, mũi, thân mỗi mỗi đều có tác dụng phân biệt của nó theo nhịp điệu điều động của bộ óc và dây thần kinh. Do đó mà tông Duy thức của Phật giáo gọi dây thần kinh là Tịnh sắc căn. Chữ "tịnh sắc" đây cũng như chữ "vô sắc" đã nói lúc trước. Bộ phần thứ sáu là bộ phần lý trí phân biệt, suy gẫm soi xét cũng như mặt trời ngoài Thái dương hệ. Khi vào trong thân thuộc về phần dương, thuộc bộ óc nên hết thảy cơ cấu dây thần kinh đều phải mắc vào.

Bộ óc có bốn mảnh, ở giữa có cung Nê hoàn mở huyệt ở Bá hội để chỉ huy tóm hết bốn mảnh óc. Mỗi mảnh óc đều đủ tám công năng của guồng máy tâm thức để chỉ huy cuộc sống hằng ngày cho toàn thân. Do đó Phật giáo đưa ra 33 cõi trời trên đỉnh núi Tu Di, mà chính giữa là vua trời, trong nội viện có Bồ Tát Di Lặc trấn làm thầy.

Cung Nê hoàn bên dưới một mặt nối liền với tạng Tim để làm nơi thu vào phần âm, một mặt chỉ huy xuống đến bộ sanh dục của xác thân bên ngoài. Bởi vậy bộ phần thứ sáu trong tâm thức khi mở ra phần dương thì thuộc về bộ óc, thu vào phần âm thì dựa vào tạng Tim. Bộ phần thứ sáu nầy ngoài chỉ huy cả năm bộ phần ngoài, bên trong lấy phần thứ bảy làm nền tảng. Phần thứ bảy là phần bảo vệ. Bên ngoài thuộc về pháp mặt trăng với địa cầu. Mặt trăng là vệ tinh của địa cầu.

Vào cơ thể cũng vậy thuộc về phần Tỳ dương cả Tỳ âm. Bởi lý do nầy nên tông Duy thức của nhà Phật gọi là ý căn. Bộ phần thứ bảy nầy làm định hướng chủ động cho cả 6 bộ phần ngoài mà bên trong phải bám chặt vào bộ phần thứ tám để làm nền tảng, y hệt như mặt trăng bám sát vào quả địa cầu. Giờ đến phần thứ tám là phần chứa giữ, nếu không bảo vệ có đâu chứa giữ. Cho nên biết chứa giữ là một tướng gom bó của bảo vệ, lấy bảo vệ làm quan trọng.

Địa cầu đối với chúng sanh trong vô tình nó lớn lao quá, nó chứa đủ hết, nó vững chãi quá! Cho nên nó là pháp chứa. Cả khí lẫn chất, cả bóng dáng của có không động thực đều gom hết vào. Pháp tàng nầy vào cơ thể chúng sanh chính là tạng Thận vậy. Vì lẽ trục Nam Bắc giao nhau, nước lửa hợp tác nên tạng Thận với tạng Tim xuống lên trao đổi để tuần hoàn mở đóng theo Xuân, Hạ, Thu, Đông, cho nên mới nói: trong Thận có Tim, trong Tim có Thận. Công năng nầy cũng như năm bộ phận ngoài; không cần xét phải quấy, cứ việc hễ có là chứa ngay, càng nhiều càng tốt. Thế là tám bộ phần, tám công năng kết hợp lại thành một guồng máy chánh yếu trong cuộc sống hiểu biết của chúng sanh mà đầy đủ nhất là ở con người. Độc giả hãy chú ý ở phần đồ biểu. Tám công năng nầy dù ở bực chơn nhơn, Phật thánh hay ở bát địa phàm phu cũng đều có đủ cả. Có điều ta nên nhớ kỹ, nếu nhìn bên ngoài thì tám công năng nầy là bóng dáng của tám phần của Thái dương hệ. Nhưng nhìn tận nguồn sâu thẳm của tám công năng nầy thì ta thấy lại là cả một kho tàng viên quang hồi tụ từ năng lực của vô cực bao la. Thế nên chúng nó có hai bề tác dụng, hoặc tác dụng trong mê, hoặc tác dụng trong thông đạt. Trong thông đạt tám công năng nầy chỉ là một guồng máy tinh hoa của đồng nhất tương quan trật tự biến hóa lưu thông nó chảy một chiều, nó hoạt động khít khao ăn khớp, nó chỉ có hiện tượng tương đối âm dương chớ không có định luật mâu thuẫn. Do đó mà phần chứa cũng vừa là phần tướng của địa cầu mà cũng vừa là bao la. Phần bảo vệ cũng vừa là mặt trăng với mặt đất mà cũng vừa là bao la. Phần lý trí phân biệt chiếu soi cũng vừa là mặt trời mà cũng vừa là bao la, cho đến năm bộ phận ngoài cũng vừa là năm loại hành tinh nhá nhem nhấp nhoáng, mà cũng vừa là bao la. Thế nên dù phần thứ bảy, thứ tám thuộc âm, phần thứ sáu và năm phần ngoài thuộc dương nhưng vẫn là đồng nhất tương quan trật tự biến hóa lưu thông. Cho nên nhà Phật có danh từ bốn trí để chỉ cho tám công năng nầy trong khi lành mạnh. Công năng thứ tám gọi là Đại viên Cảnh trí (cảnh: gương), công năng thứ bảy gọi là Bình đẳng tánh trí. Công năng thứ sáu gọi là Diệu quan sát trí. Còn năm công năng bên ngoài là Thành sở tác trí. Thế là guồng máy hiểu biết vẫn ở trong khung cảnh hiện tượng muôn

trùng, âm dương sai biệt. Hằng ngày vẫn ăn uống nói năng phân biệt v.v. mà vẫn thuận dòng trôi chảy một chiều, gốc ngọn thông nhau, tiên thiên, hậu thiên đồng nhất, cuộc sống tự tại thảnh thơi. Thế là con người là hiện thân của bao la. Bao la thuộc về con người. Bỗng dưng dựng đứng lên cái Tôi; chúng sanh tự lầm lạc ôm lấy hiện tượng tương đối âm dương làm định luật mâu thuẫn trong lòng, bị cái thế trời che đất chở loay hoay trong gọng kềm thân cảnh, thời gian không gian rồi ôm lấy cái chứa của quả đất làm kho tàng nhóm chứa của tâm linh, lấy cái bảo vệ của mặt trăng đối với quả đất làm một thứ thường trực chấp Tôi của công năng thứ bảy, rồi chấp với chứa nương nhau mượn mặt trời thâu vào trong thân làm cơ cấu lý trí phân biệt lệch lạc trong cõi tướng sai lầm, để rồi năm bộ phần bên ngoài phải theo thức thứ sáu mà ruổi rong theo trần cảnh, cấu tạo thành guồng máy nhóm chứa vừa mâu thuẫn vừa thống nhất một cách ứ trệ thiếu lưu thông. Nếu nhìn sơ bên ngoài ta thấy hình như công năng thứ sáu là ông chồng, công năng thứ bảy là bà vợ lẽ theo sát dòm chừng công năng tám là bà vợ cả, và bà cả lúc nào cũng sợ mất, gom bó. Còn năm công năng bên ngoài là năm cô chiêu đãi phụ tá trong một gia đình. Do đó mà phần thứ tám cái gì cũng chứa, cái gì cũng thâu nên mới nói:

"Có tám anh em xuống dưới nầy,

Một thằng lanh lợi (thứ sáu) một thằng si (thứ bảy).

Ngoài cửa năm thằng buôn bán mãi (năm giác quan),

Trong nhà anh cả chẳng hay gì (thứ tám)."

Thế thường có kho mới có chứa, có bảo vệ nên mới có sanh ra kho. Không kho không bảo vệ thì không gom bó, không gom bó thì không cần đặt cơ cấu đổi chác. Thế mới biết có cái quá lo bảo vệ cho mình mới sanh ra tạo kho nhóm chứa. Thế là cái lỗi của tạo kho nhóm chứa nằm trọn hết ở cái tâm chấp chặt bảo vệ về cho mình (cái Tôi). Và dù cho có bon chen gom bó cái lỗi cũng nằm tại đó, phần đổi chác bên ngoài cũng vậy. Thế mới biết cái Tôi là nguồn cội của tất cả những sự sai lầm, mặc dù cái Tôi có xét nét. Cho nên sự sai lầm của phần thứ sáu đều quy về phần thứ bảy. Thế thì tính chất của năm phần ngoài với phần chứa bên

trong hoàn toàn thụ động, còn phần thứ sáu bị thụ động một nửa, phần thứ bảy hoàn toàn chủ động. Rõ thật là vừa thấy có mình là nguồn cội của cái Tôi. Thế là cái Tôi là nguồn cội của nhóm chứa, mà cũng là nguồn cội của mâu thuẫn. Muốn nhóm chứa tất phải lập kho chứa, lập kho chứa nghĩa là sắm cái túi, có cái túi tất phải có hồi đầy, đầy mà không thỏa mãn tất phải có chật hẹp. Thế mới biết: cái Tôi là nguồn cội của sự chật hẹp.

Cơ cấu hiểu biết của con người trong vô tình không ý thức, luôn luôn phản ứng theo hiện tượng sáng tối âm dương, tuần hoàn ly tâm hướng tâm của quả đất với thời gian Xuân, Hạ, Thu, Đông thăng trầm lên xuống, với sự mắc liền vào cơ thể phân theo 3 âm 3 dương sáu khí 12 kinh mạch khác nhau.

Trong bao la vô tận nầy hết thảy đều sống, hết thảy đều mới, hết thảy đều đồng nhất tương quan trật tự biến hóa lưu thông trong từng giờ từng phút từng giây chẳng có cái gì đáng gọi là cái Tôi cả. Bởi vậy dù trong cái nhỏ cùng cực chăng nữa vẫn đủ bao la muôn trùng mà không vướng kẹt, tất cả đều sống chớ không phải vật chết. Nay bỗng dưng dựng lên một cái Tôi vô lý để tạo thành một hàng rào điện ngăn chẹn mất cái đồng nhất lưu thông của trật tự thiên nhiên, làm cho tất cả hình bóng của bao la xuyên qua con người bị thế vặn tréo, lại thêm cố tình nhóm chứa tạo thành cái thế như một đoàn cầm thú bị nhốt vào trong một cái lồng bẩn chật, lúc nào cũng nhìn ra cảnh vật bên ngoài chịu sự hấp dẫn náo loạn lăng xăng không lúc nào yên và tùy theo giống nào nhiều, giống nào mạnh thì sự náo loạn sẽ thiên lệch về giống ấy làm chủ tình hình. Đây là hiện tượng tâm lý trong kiếp sinh bình hiện tiền của chúng sanh. Bởi vậy trên thế gian nầy khó có những người thông đạt là thế. Con người với bao la vốn đã là không cách bức lại còn tất cả những cảnh vật tận bao la đều có đủ trong con người, khi con người vướng kẹt vào trong cái Tôi thì từ cái thế trong ngoài lưu thông lại biến sang cái thế trong ngoài hấp dẫn. Loại nào thâu hút theo loại nấy.

Khi thân nầy vướng kẹt vào cái Tôi, tức là đã vướng kẹt vào trong một vùng trời che đất chở nhỏ hẹp! Thế là từ cái thân hồi tụ của bao la chỉ còn lại là cái thân tiểu thiên địa. Thế là tất cả tâm lý, vật lý cũng như sinh lý đều bị giam hãm vào động cơ ly tâm hướng tâm của bầu khí quyện quả đất. Tùy theo sự vận hành lên xuống nặng nhẹ khi vào xác thân phân phối thành 3 âm 3 dương, 6 khí, 12 kinh mạch mỗi vùng khác

nhau.

Như trước kia đã nói mỗi một tế bào cũng là một con người. Nhưng con người đó thuộc loại nào, ở vị trí nào, có cách hoạt động nào trong một con người? Do đó mà tế bào toàn thân mỗi nơi mỗi khác.

Khi vướng vào trong cái Tôi mê muội rồi thì tất cả cuộc sống ăn uống, sinh hoạt, truyền thống, tâm tư, làm lụng, nghĩ ngợi, sắc tài, danh lợi, mừng giận, thương vui, yêu ghét, muốn v.v. mỗi mỗi sự việc qua rồi, mà hình bóng của sự việc cái Tôi vẫn ôm đồm chứa giữ. Thế chứa giữ đó nó cấu tạo thành loại nào xếp theo loại nấy, tùy theo giá trị thiện ác nặng nhẹ mà sắp xếp vào thứ tự của 3 âm 3 dương, 6 khí, 12 kinh mạch khác nhau tận trong mỗi một tế bào. Trên lên đến đỉnh đầu, dưới xuống tận đáy lòng bàn chân, trong vào tận cùng bộ tiêu hóa, ngoài ra đến phần khí quyện của xác thân. Nhờ chỗ nầy mà ta có thể nhìn vào một con người hiện tại mà ta biết được đã đặt nặng vào loại nào.

Phần 12 kinh mạch trong thân của khí dinh tuy sự vận hành khác hơn phần khí vệ, nhưng cũng giáp vòng rồi trở lại; còn phần khí vệ thì lại co dãn theo thế bầu khí quyện của địa cầu, nhưng vẫn chia thành 12 loại cảnh trí khác nhau trong một ngày đêm cũng như một năm, cũng như 12 năm, 120 năm, 1200 năm v.v. (nên xem kỹ ở đồ biểu).

Một anh chàng thổi kèn nhìn thấy một người đang ăn me, bỗng dưng thổi nước miếng đầy nhóc trong kèn, làm cho kèn tịt không kêu. Thế là có bao nhiêu lần rồi trái me đã ngự trị sẵn trong lòng anh ta và giờ đây bỗng dưng trái me bên ngoài đến đánh thức cho trái me trong anh ta trỗi dậy. Thế thì trong kiếp sống hiện tại của mỗi người, thân nầy tuy vẫn y nguyên, nhưng tâm hồn lại đã tùy theo thế mạnh của từng loại bên trong và duyên cảnh bên ngoài ngấm ngầm mà rong ruổi.

Một người đang ngủ thiếp nằm mơ thấy mình ngao du tận đâu đâu, đến lúc ngủ no, xác thân tỉnh lại, bất chợt lại thu về làm thành ba giai đoạn: ngủ, mơ và thức trong một chuỗi thời gian khác nhau. Vậy thử hỏi khung cảnh ngao du ấy ở đâu? – Ở trong tâm thức.

Hết thảy những vật trong thế gian nầy không một vật nào đã mất tích đi mà không để lại một hình bóng, cái chết của con người cũng thế.

Đây là phép tàng trong cõi thiên nhiên. Bởi vậy, đối với một chúng sanh trong cõi mê lầm, nhà Phật đưa ra ba ấm thân: Thân hiện tiền gọi là hiện ấm, thân tâm thức sau khi xác thân nầy đã chết gọi là thân trung ấm, và chuyển sanh thân sau thì gọi là hậu ấm.

Hết thảy chúng sanh đã sanh ra trong cái lò biến hóa bất tề, đến khi hủy diệt cũng không thể một lượt, lại thêm trong tâm lý của một chúng sanh đủ tất cả vạn loại, và tất cả đều dựa vào hiện tượng âm dương giao biến với nam nữ giao dục làm nền tảng sanh sôi. Cảm giác của giao dục là một thứ điện âm điện dương hút nhau nẩy lửa, mà con mắt thường của thế gian không sao thấy được.

Trong cái thế chúng sanh muôn trùng sanh diệt bất tề, khi thu vào thân tâm của một chúng sanh sắp xếp theo thế tổ hợp của tế bào, dù có đông đúc đến đâu cũng không ngoài âm dương 3 bậc 6 khí 12 kinh. Thế là đi từ 3 âm 3 dương, 6 khí, 12 đường năng lực kinh mạch chia thành 12 khu vực trong thể tam tài biến sang 3 cõi, 6 đường, 12 loại mà trong mỗi một chúng sanh đều đủ tất cả.

Tám công năng chính của guồng máy tâm thức sau khi con người tắt thở, năm giác quan ở ngoài hư hoại, công năng thứ bảy, thứ tám từ tạng Tỳ tạng Thận đều thu về Tim, công năng thứ sáu thuộc bộ óc và tất cả dây thần kinh cũng đều thu cả về Tim để chuẩn bị một cuộc ly khai khỏi xác. Do đó mà tất cả những hột giống nhóm chứa suốt đời với thế hồi tụ của vạn loại đều gom cả về đây, cộng thêm với cái thế từ ngoài liệm vào trong, làm cho tất cả những việc nên hư được mất từ thuở lọt lòng đều hiển hiện lên hết. Thế là một cuộc phán xét nổi lên, và cuối cùng tách rời khỏi xác, trong khi sắp tách rời khỏi xác cũng có thể tùy theo loại nào mạnh, làm cho cả guồng máy tâm thức đều phải tụ về đó rồi mới ly khai. Bởi vậy người ta mới nói: công năng thứ tám có đặc tính đến trước mà đi sau, làm chủ nhân ông cho tất cả. Do đó ta có thể quan sát nhiệt lực và hiện tượng một người sắp chết mà biết được trong cõi chết khung cảnh của tâm thức sẽ hiện về loại nào, để rồi trong ngoài hấp dẫn lẫn nhau mà đi về nẻo ấy.

Khi tách rời khỏi xác, cái thân trung ấm cũng vẫn là một thứ tổ hợp, một thứ vật chất như thân hiện ấm. Nhưng sự biến hóa của nó chỉ tồn tại qua trong bảy giai đoạn, mỗi giai đoạn là bảy ngày thì hết hạn. Dù tùy theo loại nhẹ nặng, sớm muộn khác nhau nhưng quyết định không

qua khỏi giới hạn trung bình ấy. Trong thời gian ấy tất cả cảnh trí trong tâm đều tuần tự xuất hiện, để rồi loại nào mạnh nhất, loại đó làm chủ và sở thích của nó lệch về khung cảnh ấy. Thế rồi từ khung cảnh trong tâm lý bị khung cảnh bên ngoài đồng loại hấp dẫn nhau để thọ lãnh lấy hậu quả, hoặc cộng với sức hút của lửa điện giao dục hực lên từ một đôi đực cái, rồi theo chiều đồng loại ăn khớp mà trung ấm thân bị hút nhập vào tượng thai, cộng với tinh trùng và cái trứng để thành một sinh vật sau nầy. Thế là đi từ hiện ấm sang trung ấm và hậu ấm. Thế là hoàn tất một cuộc đầu thai. Cho nên nhà Phật nói: hết thảy chúng sanh nếu không giác ngộ thì đều bị kẹt vào trong 3 cõi, 6 đường, 4 cách sanh, 12 loại bằng một cách bị động hút đi không sao thoát được. Thế thì một con người khi hiện đang làm người cũng đã bị không hẳn là người rồi đó.

Chúng sanh bị hút loanh quanh trong sáu nẻo, nhưng kỳ thực không ngoài hai thế âm dương. Ví nếu khi chưa hoàn toàn tỉnh ngộ mà có cách nào để đừng bị hút vào hai hiện tượng hoặc âm hoặc dương, thì chúng nó sẽ rơi vào một khung cảnh ngoài âm dương trong bao la mà không hay biết. Đây là một nguyên lý để cho tông trì niệm danh hiệu Phật A-Di-Đà của nhà Phật đặt nền tảng.

Với đặc tính của mỗi bộ phần trong tâm thức, ta thấy phần thứ tám và năm phần ngoài chỉ chuyển đổi ở quả, còn phần thứ sáu, thứ bảy thì lại chuyển đổi ở nhân. Nói chuyển ở đây, tức là một cuộc hoàn toàn thức tỉnh, trong tâm thức không còn bệnh hoạn nữa, chớ không phải nói trên hình tướng.

Nhìn vào 8 bộ phần chính yếu của guồng máy tâm thức, ta thấy có ba cơ cấu: thứ sáu, thứ bảy, thứ támlà quan trọng vô cùng. Do đó mà tất cả tông phái của nhà Phật ta đều có thể quy về ba nhóm:

1. Lấy công năng thứ sáu làm nền tảng gọi chung là Giáo.

2. Lấy công năng thứ bảy làm nền tảng gọi chung là Thiền.

3. Lấy công năng thứ tám làm nền tảng gọi chung là Tịnh.

Cả ba liên lạc với nhau mật thiết y như ba tạng trong thân. Vậy nên

cái lẽ ba tạng, 12 bộ kinh của nhà Phật không phải là con số vô cớ.

Một người sùng tín tông Niệm Phật, chán chê ngán ngẩm cõi nầy, không cần biết sự thật ra sao, cứ quyết định tin cõi Cực Lạc, và tưởng tượng có Phật A-Di-Đà, thiết tha mong muốn sanh vào cõi ấy, rồi nỗ lực niệm danh hiệu Phật. Ai làm đúng như thế tức là sống với một tôn giáo cũng như một thứ công giáo chẳng hạn. Kinh Phật nói: "Người ấy sau khi chết, dù có vẫn còn ở trong mê, còn dẫy đầy một khối nghiệp, nhưng nhờ Phật lực mà được mang nghiệp vãng sanh. Khi về Cực Lạc sẽ được nằm yên trong hoa sen búp, đến bao giờ hoa nở thấy Phật là mới giác ngộ cội nguồn". Kinh chép là thế, nhưng mỗi người chúng ta hãy lui lại mà nghiệm nơi mình về cái lẽ 12 loại khung cảnh nhóm chứa trong tâm với khí thán trong con người xung động lên bộ óc; với bộ óc làm chủ ở phần động, phần tưởng; với tánh tình của kẻ ăn thịt uống rượu hồ đồ tạp nhạp; với trong các tổ chức chùa chiền nhà Phật, mỗi đêm cuộc tụng niệm đầu hôm gọi là đi Tịnh độ; với một người chuyên tâm niệm Phật về đêm giấc ngủ ít bị ác mộng kinh hoàng; với những người quá tham tụng niệm hay dễ bị xảy ra chứng sợ gió đổ mồ hôi và ăn chậm tiêu, để xem thử cái Phật gọi là niệm danh hiệu Phật tuy chưa giác ngộ mà cũng được mang nghiệp vãng sanh là muốn nói cái gì, ý nghĩa trong đó ra sao, ta hãy thử chiêm nghiệm.

Đến đây chắc có lẽ độc giả sẽ không còn lạ lùng gì về cái lẽ nối tiếp của thân trung ấm với vấn đề sanh tử luân hồi; và y khoa, triết học, đạo học cũng không thể khác nguồn cội.

Nếu ai hiểu y khoa là một khoa chỉ để sửa chữa cái máy người vật chất; triết học chỉ là một môn học hướng ngoại để nói bông lông những chuyện đâu đâu, không dính dấp gì với cái thân bằng thịt ăn uống sanh sống hằng ngày nầy; và đạo học chỉ là một môn tách riêng về phần tinh thần, thì người đó không sao nhận được cái nghĩa ba cõi cũng chỉ là tâm, vạn pháp cũng chỉ là thức của nhà Phật cho được. Và ý nghĩa thần nhà, thần cửa, thần tủ, thần bàn ghế, thần ngày, thần đêm, thần hư không, thần chăn gối v.v. một cách sâu kín của *Kinh Hoa Nghiêm* cũng như bao nhiêu kinh khác của nhà Phật đều sẽ bị biến thành một thứ đa thần giáo, để đối lập với độc thần giáo của Kitô giáo ngày nay; rồi cũng vì thế mà sẽ có kẻ xua Phật giáo với Kitô giáo cùng tất cả tôn giáo vào trong một phe hữu thần giáo mà người ta gọi là phái duy tâm, để đối lập với phái duy vật là phái vô thần giáo, làm cho cuộc sống nầy vẫn loanh quanh lẩn

quẩn mãi trong mê mà thôi. Đến đây ta thấy rõ lý do tại sao mà hàng ngàn người đọc NỘI KINH không tìm lấy được một người thấu hiểu, và cả cuộc sống của loài người ngày nay đều bị xuống dốc, cho đến Phật giáo cũng bị họa tiêu trầm.

Lời bình toàn thiên

Nếu động vật, thực vật, khoáng chất cũng như tâm lý, sinh lý, vật lý cùng với đạo học, triết học và y khoa không cùng một nguồn cội. Nếu hết thảy những hiện tượng trong bao la nầy không phải là những huyễn tượng âm dương trong thực thể không hai.

Nếu thực thể không hai ấy không phải là cái có thể chứng thực được tận nơi đáy lòng của chúng sanh, thì quyết định cái đạo vô vi, cái lý bất động của NỘI KINH cũng như của *Kinh Dịch* không cần phải nêu ra, và tất cả thánh hiền của cả Đông Tây kim cổ kể cả nhà Phật cũng đều sai lầm nốt.

Mạc Đĩnh Chi, sứ thần Việt Nam lãnh mạng sang Trung Hoa, gặp lúc công chúa Trung Hoa từ trần. Nhân dịp đó triều vua Trung Hoa làm một cuộc thử thách khủng khiếp. Đến giờ hành lễ mời Mạc Đĩnh Chi đọc hộ văn tế.

Văn tế được niêm kỹ trong phong bì. Trước linh sàng công chúa, Mạc Đĩnh Chi khui ra chỉ thấy trơ trọi có một chữ "Nhứt". Thế mà sứ thần vẫn không thay đổi nét mặt, ung dung to tiếng đọc với một giọng vô cùng bi đát, làm cho tất cả triều thần tang quyến phải đồng thinh khóc ngất. Đọc rằng:

"Thanh thiên nhứt đóa vân.

Hồng lô nhứt điểm tuyết.

Thượng uyển nhứt chi hoa.

Dao trì nhứt phiến nguyệt.

Y!

Vân tán!

Tuyết tiêu!

Hoa tàn!

Nguyệt khuyết!”

Dịch:

“Bầu trời xanh một cụm mây nổi!

Cả lò cừ một điểm sương mai!

Một cánh hoa trong vườn Thượng uyển!

Dưới đáy Dao trì một mảnh bóng gương!

Nhưng giờ đây, than ôi!

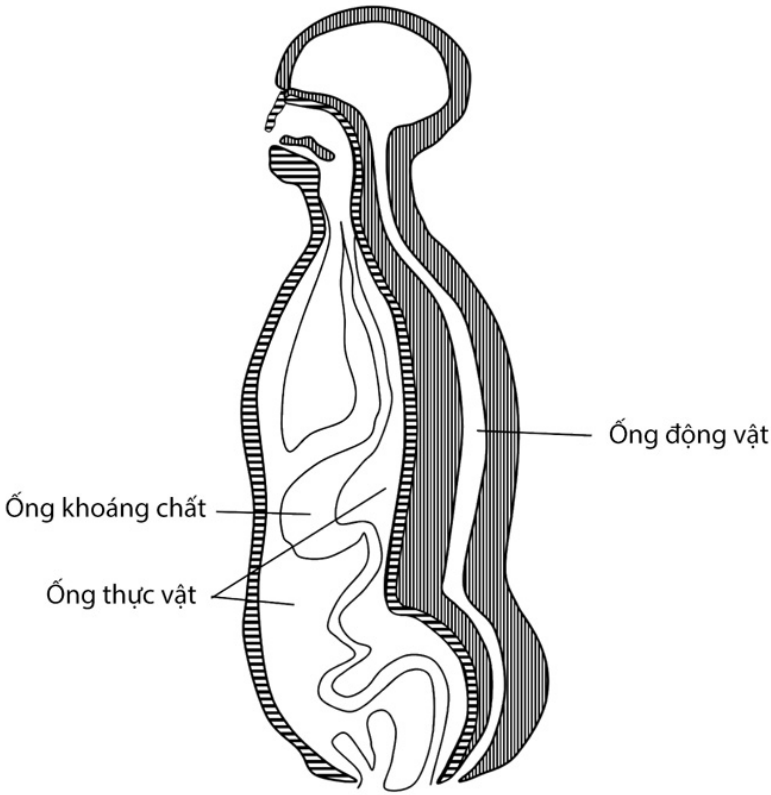
Mây vẹt!

Sương tan!

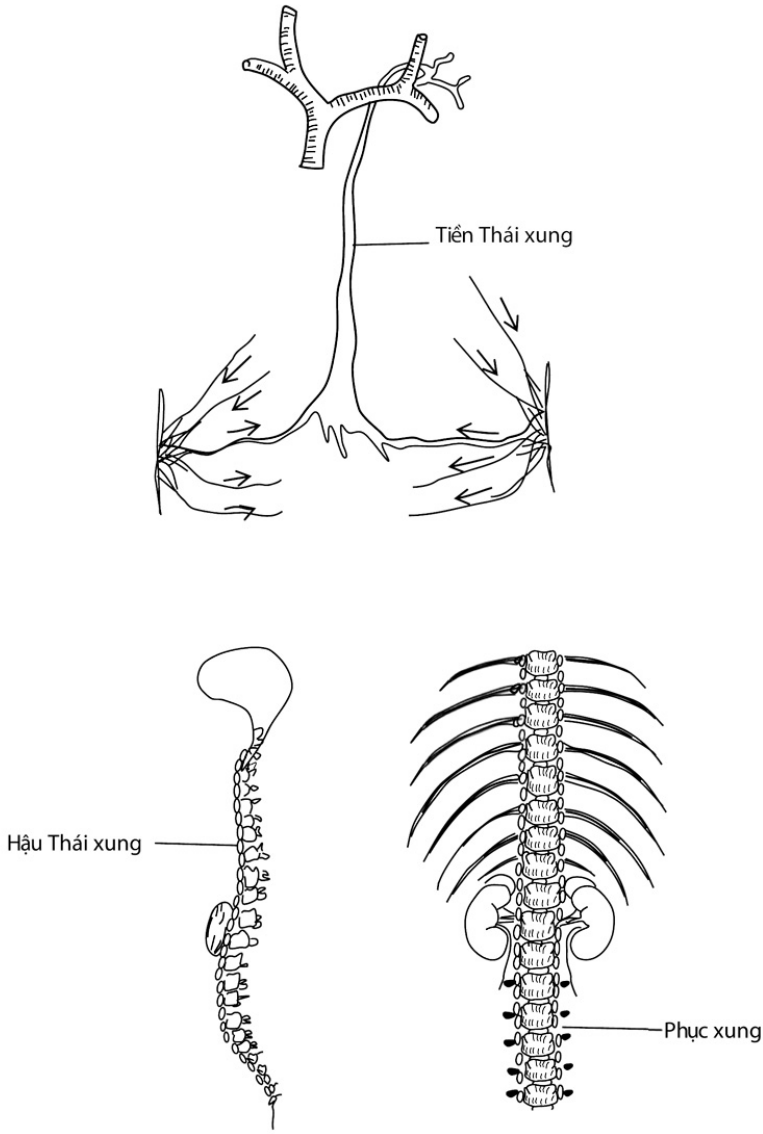
Hoa tàn!

Trăng khuyết!”

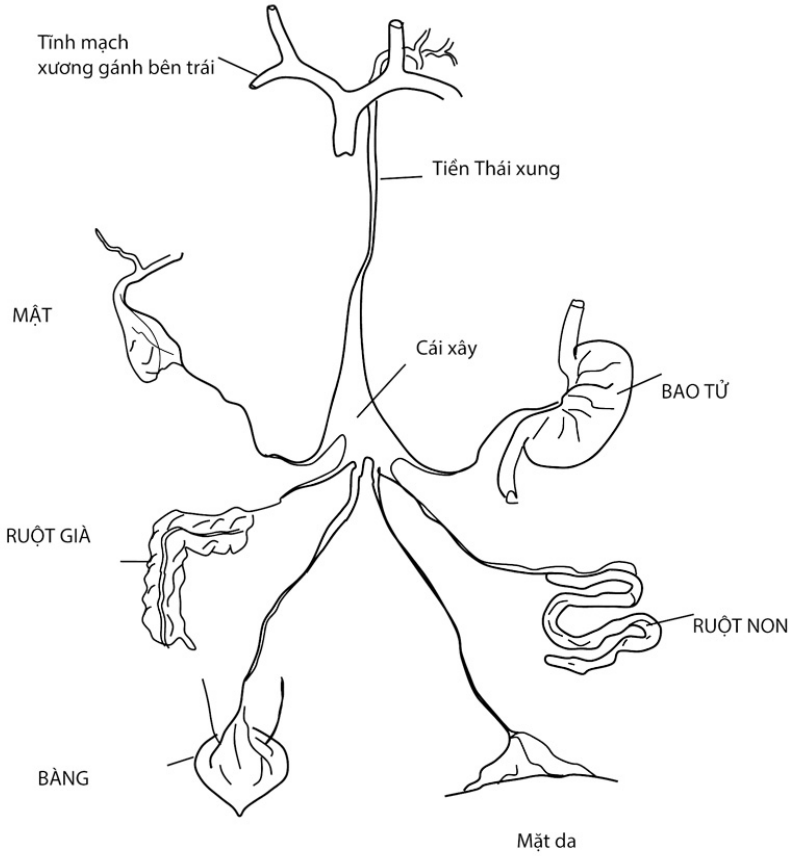
HÌNH 6.2: ĐỒ BIỂU THÂN NGƯỜI KẾT HỢP BẰNG BA ỐNG



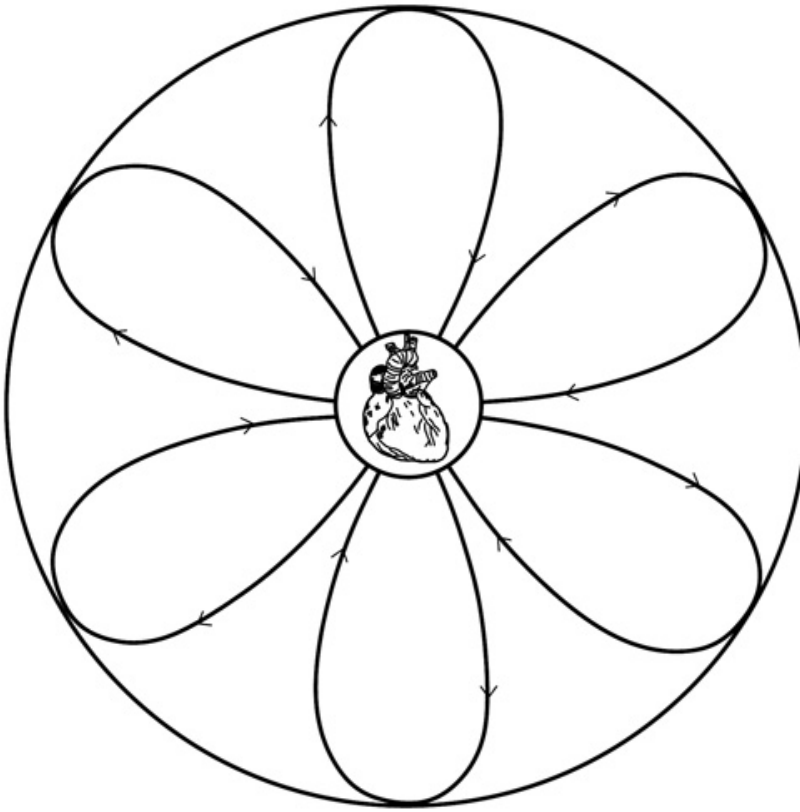
HÌNH 6.3: ĐỒ BIỂU BA XUNG



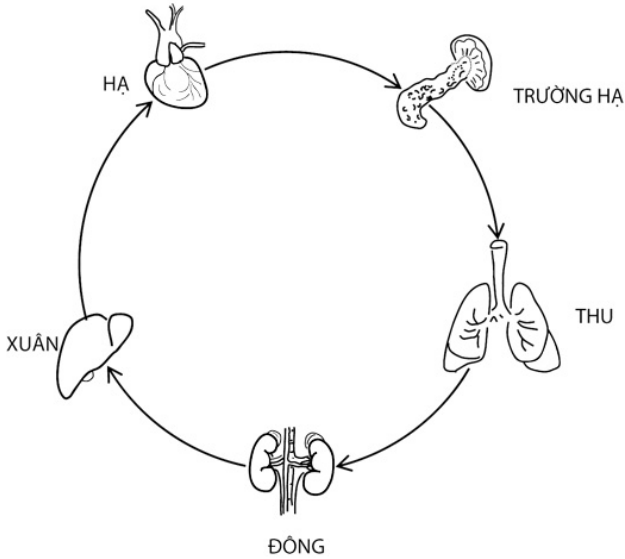
HÌNH 6.4: VÒNG THÂU HÚT DINH DƯỠNG CỦA MÁU TRẮNG THEO PHẦN DƯƠNG (VẼ THEO TƯỞNG TƯỢNG)

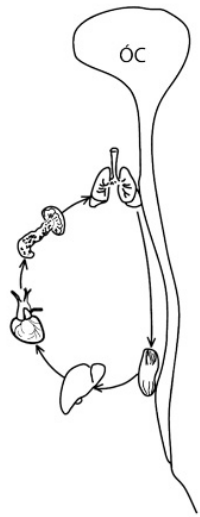


HÌNH 6.5: ĐỒ BIỂU VÒNG TUẦN HOÀN MÁU ĐỎ NUÔI KHẮP CHÂU THÂN (VẼ THEO TƯỞNG TƯỢNG ĂN KHỚP VỚI HỆ THỐNG KINH LẠC)



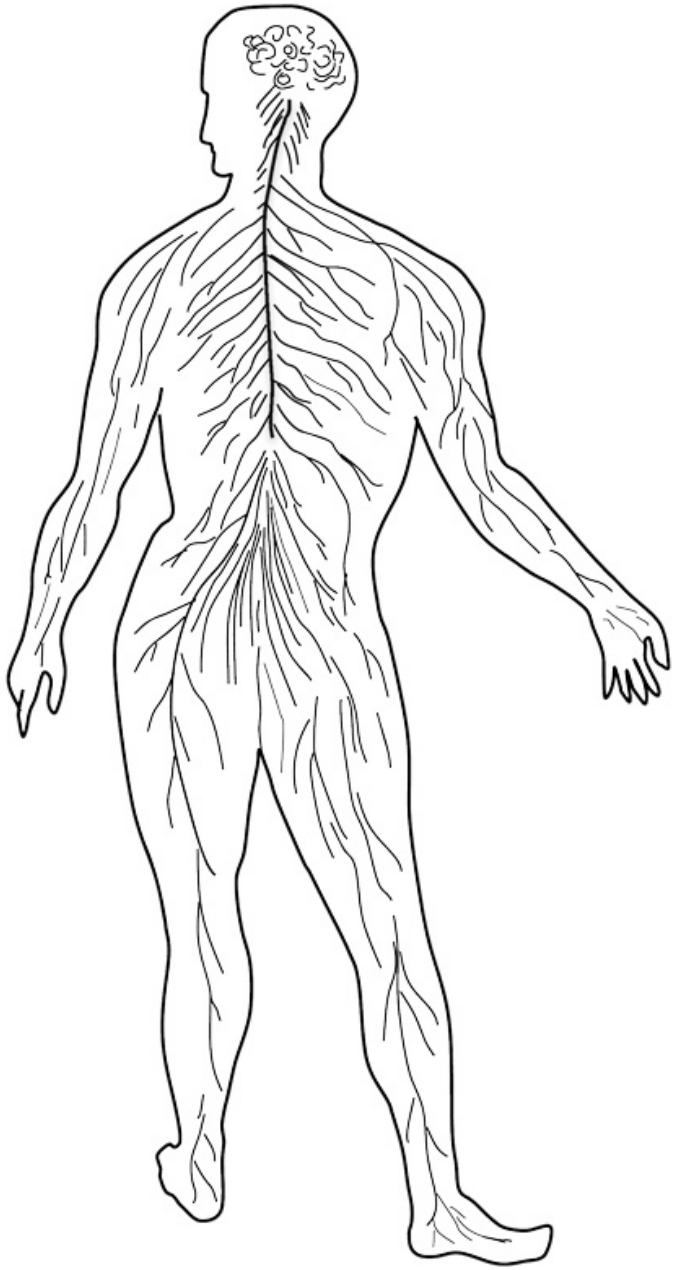
HÌNH 6.6: ĐỒ BIỂU VÒNG TINH LUYỆN THÂU TÀNG THUỘC PHẦN ÂM CỦA TUẦN HOÀN MÁU TRẮNG THEO CẢ NGÀY THÁNG VÀ NĂM (vẽ theo tưởng tượng)



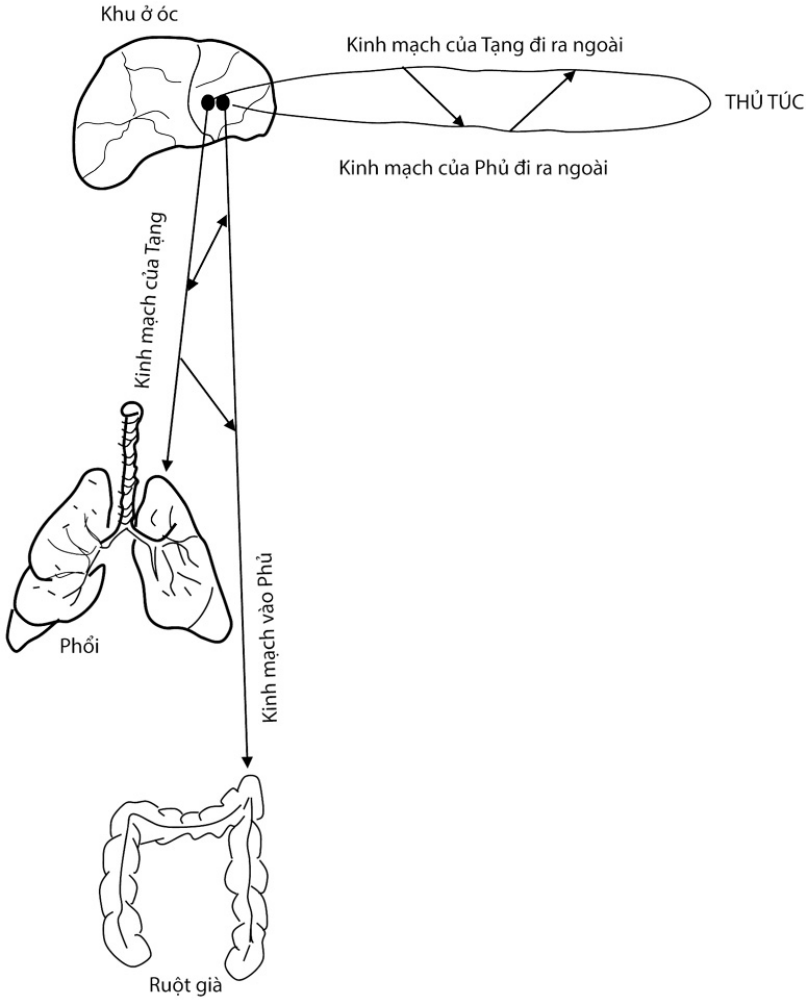


HÌNH 6.7: ĐỒ BIỂU PHẦN THẦN KINH PHÍA SAU

(kinh Thái dương)

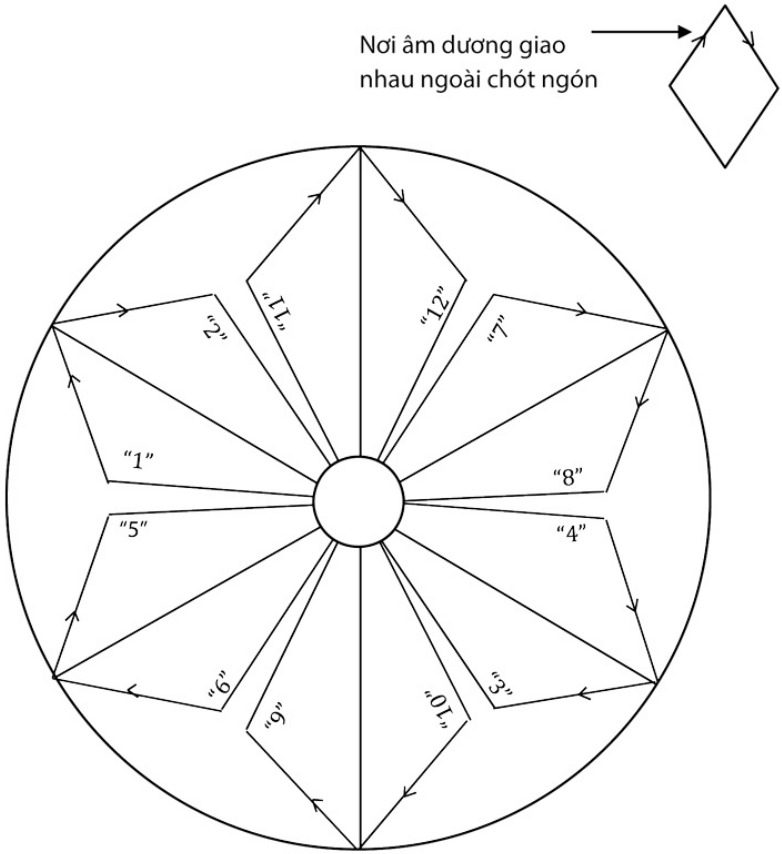


HÌNH 6.8: THẾ CẤU TẠO THẦN KINH VÀ PHẦN LẠC Ở MẶT DA VÀ NỘI TẠNG VÀ THẾ LIÊN LẠC LẪN NHAU



HÌNH 6.9: ĐỒ BIỂU BA ÂM BA DƯƠNG CỦA KHÍ DINH

Hệ thống tuần hoàn của năng lực vận hành theo thứ tự kinh mạch cả mặt da lẫn bên trong
(Vẽ theo thế tưởng tượng)



1. Thủ Thái âm

2. Thủ Dương minh

3. Túc Dương minh

4. Túc Thái âm

5. Thủ Thiếu âm

6. Thủ Thái dương

7. Túc Thái dương

8. Túc Thiếu âm

9. Thủ Khuyết âm

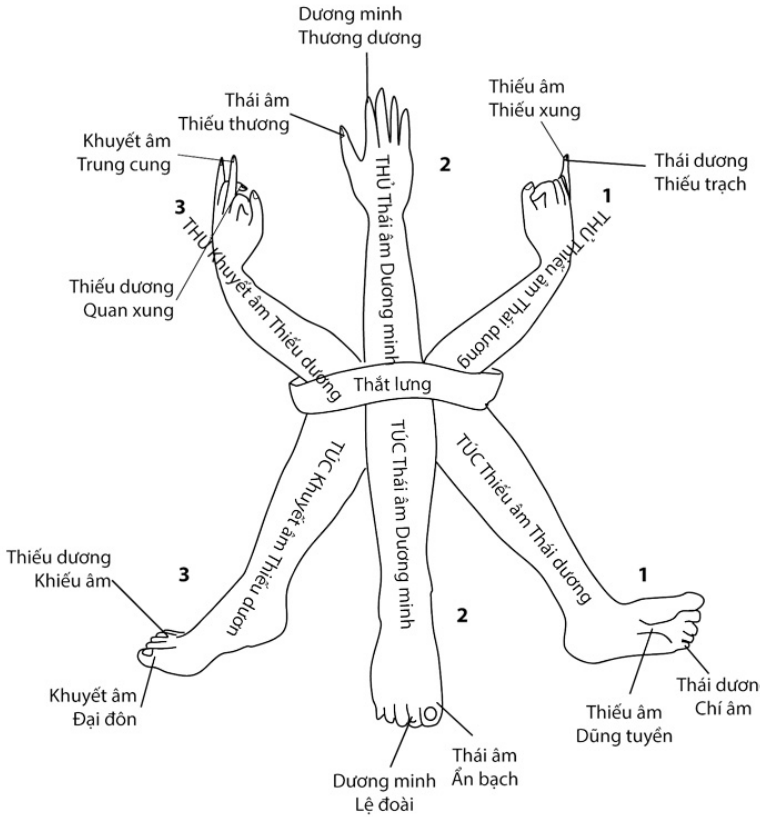
10. Thủ Thiếu dương

11. Túc Thiếu dương

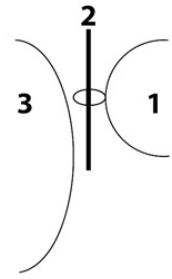
12. Túc Khuyết âm

HÌNH 6.10: PHÂN 3 ÂM 3 DƯƠNG, 6 KHÍ, 12 KINH MẠCH

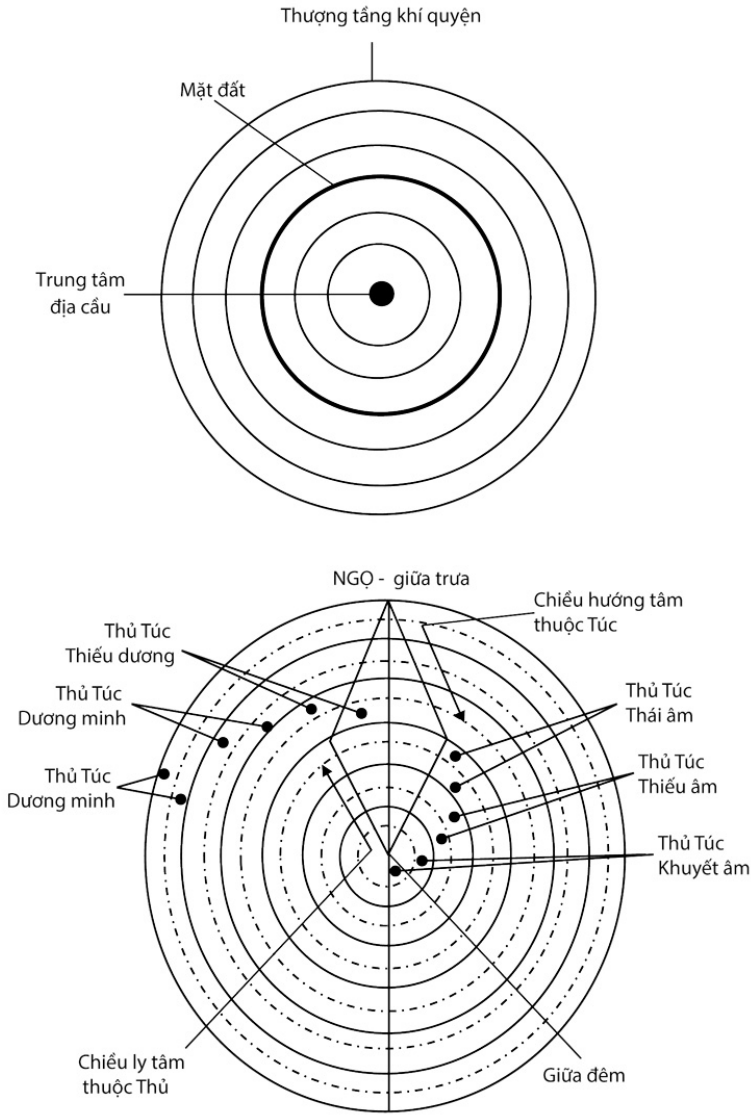
theo hình vẽ tưởng tượng có kèm 24 huyệt Tĩnh, để biến thành ba cõi



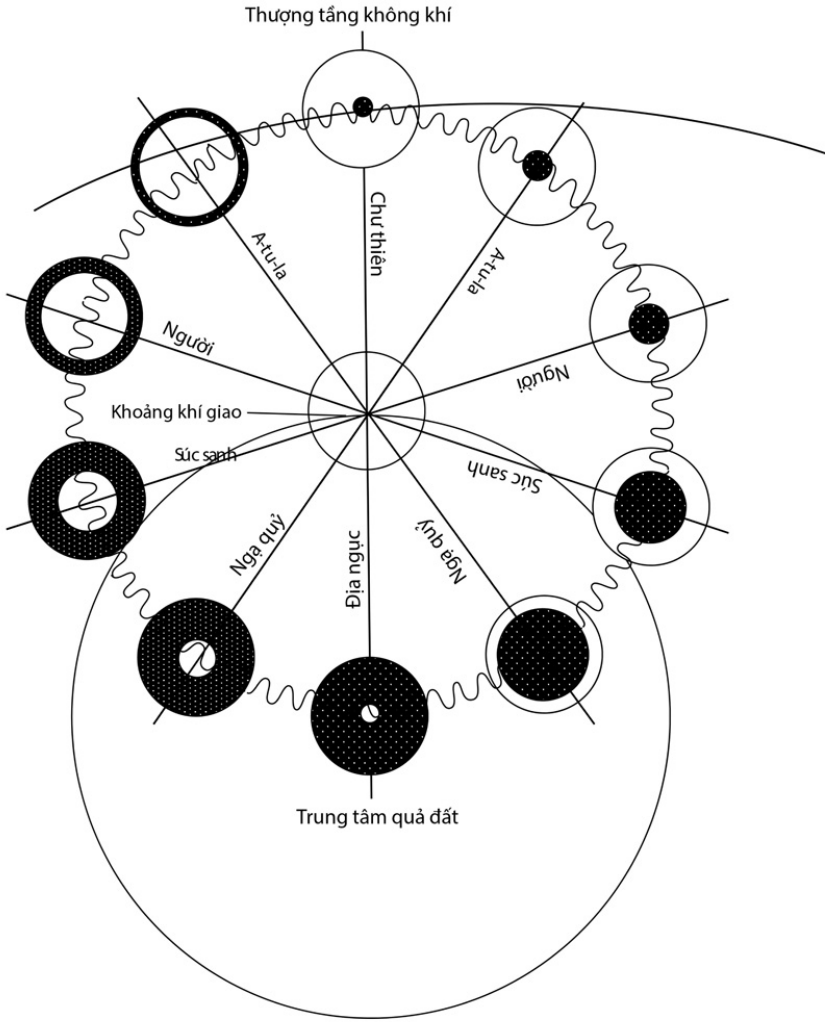
1 Cõi Vô Sắc
2 Cõi Sắc
3 Cõi Dục



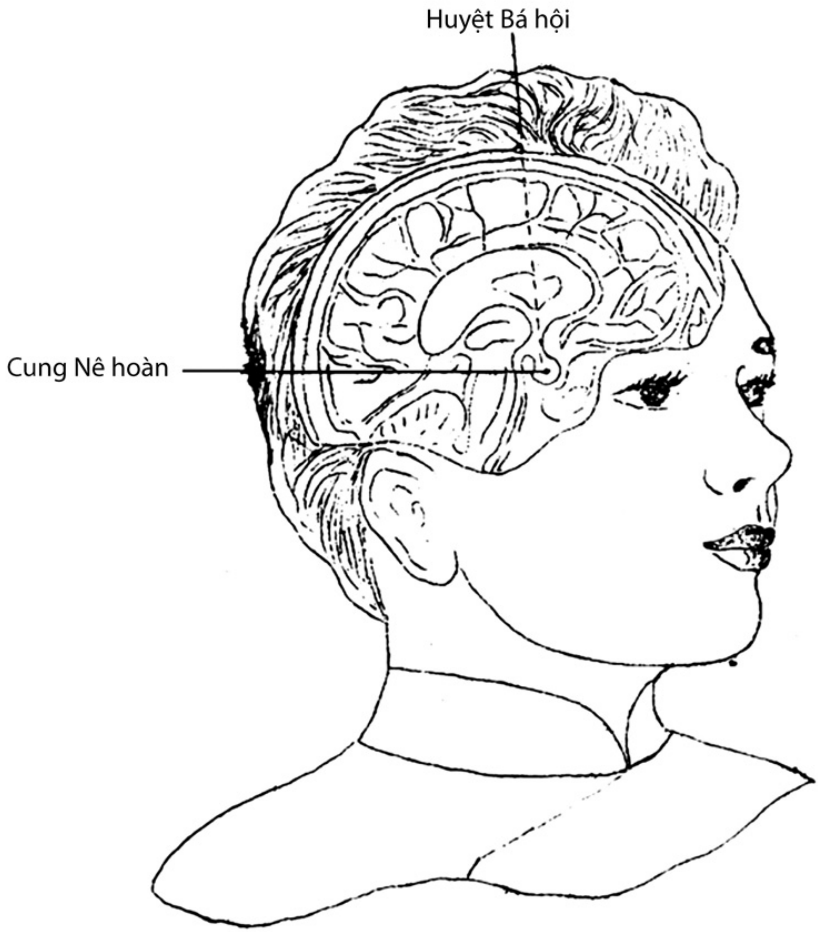
HÌNH 6.11: VÒNG VẬN HÀNH LY TÂM HƯỚNG TÂM CỦA KHÍ VỆ



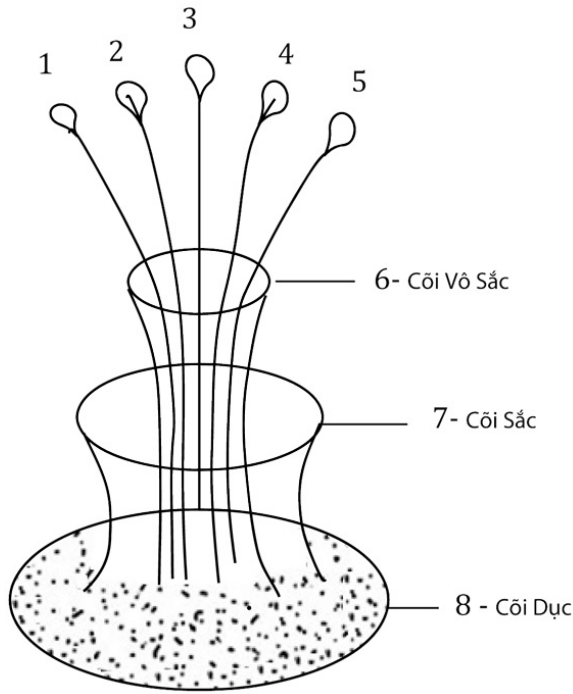
HÌNH 6.12: VÒNG TUẦN HOÀN CỦA KHÍ VỆ THEO LUẬT LY TÂM HƯỚNG TÂM CỦA BẦU KHÍ QUYỆN BIẾN THÀNH NĂM ĐƯỜNG LUÂN HỒI

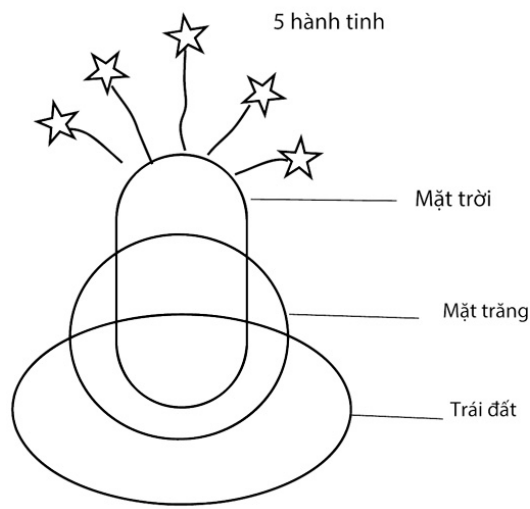


HÌNH 6.13: BỘ ÓC VỚI CUNG NÊ HOÀN (NÃO THUỲ)

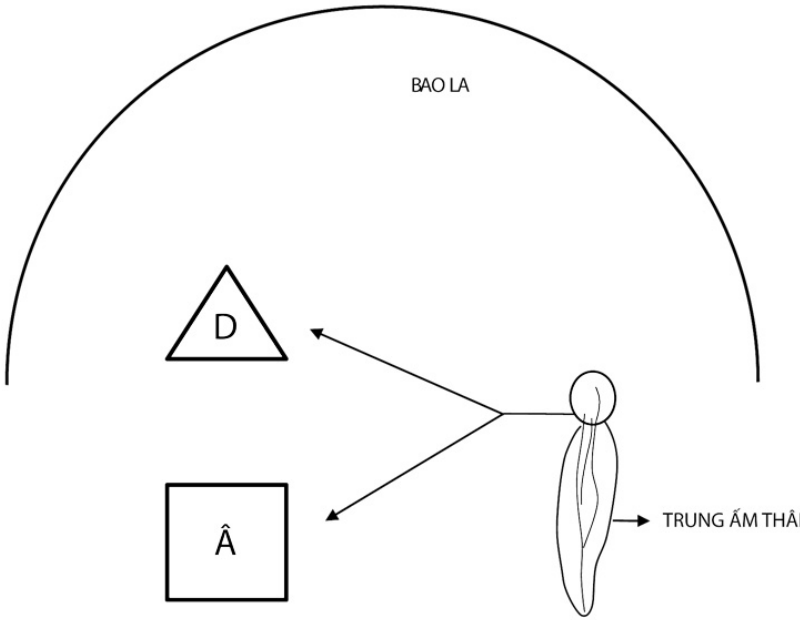


HÌNH 6.14: CÔNG NĂNG CỦA GUỒNG MÁY TÂM THỨC PHÂN THEO BA CÕI VÀ PHÂN THEO THÁI DƯƠNG HỆ (VẼ THEO TƯỞNG TƯỢNG)





HÌNH 6.15: TRUNG ẤM THÂN VẼ THEO TƯỞNG TƯỢNG VỚI BA THẾ HẤP DẪN



Trời ơi! Nếu trong bụng của sứ thần Việt Nam rỗng tuyếch như vỏ ốc, thì làm sao mà được biến thông dường ấy?! Thế mới biết: cái Đạo trí huệ không phải là sự nghiệp của riêng ai, mà là cái vốn sẵn ngay ở nơi thân tâm chúng sanh vậy. Càng nhìn sâu vào bài văn tế trên ta càng thấy đó là một bài kệ Bát Nhã để xé mây cho vua tôi Trung Hoa, và hồn dân tộc là không phải thứ mà ai ai cũng hòng mong có thể dễ dàng bóp chết. Và tinh thần của dân tộc Trung Hoa cũng như của cả loài người ngày nay như thế nầy, thì thật là đáng tội với cổ nhân lắm vậy.

Người nam hoặc người nữ khi nhiễm bệnh thương hàn nhập sâu vào cơ cấu tuần hoàn Thận. Khi vừa khỏi, còn để lại dư âm ở phần sanh dục, nếu họ không ý thức mà gần gũi giao dục nhau, làm cho người lành mạnh sẽ mắc phải một chứng bệnh mà triệu chứng rất là lờ mờ. Thầy thuốc không phải là hạng tinh đời thì không sao biết mà cũng không sao chữa được. Trương Trọng Cảnh nhờ biết được nên đặt tên là "Âm dương dịch bệnh" (âm dương trao đổi); ông kết thúc bằng một phương thuốc thần diệu gọi là Cổn Dương tán (thuốc tán slip), nghĩa là dùng cái khố của người truyền bệnh cắt lấy một vùng ngay cửa chỗ hiểm đem đốt thành than, rồi tán nhuyễn cho uống, kết quả là rướm mồ hôi và hơi sưng ở bộ sanh dục một chút, rồi đường tiểu thông là khỏi.

Một người đàn bà đi đường, tay ôm một con gà mái, tình cờ gặp hai con ngựa đang giao dục cản đường. Người đàn bà ấy vừa băn khoăn tìm đường chạy qua cho nhanh, nhưng trong tay cũng vừa ôm siết con gà mái lại. Khi đi được một đỗi xa mới hay ra con gà bị trào máu mồm mà chết, còn hạ bộ của mình thì lại bị bài tiết dâm thủy… Như thế tức là hồi đó người đàn bà ấy hiện tại tuy là một người đàn bà, nhưng bên trong tâm thức đã thuộc về con ngựa cái đi mất!

Thế mới biết: hiện tượng âm dương vốn nó không phải một cũng không phải khác, không phải vật cũng không phải tâm, không phải nối liền cũng không phải đứt đoạn mà cũng một cũng khác, cũng vật cũng tâm, cũng nối liền cũng đứt đoạn. Và không phải đợi đến hai tướng hút nhau mới gọi là giao dục, mà nó còn giao hoan biến hóa trong gió trong hư không nữa là khác. Thế mới biết: phương trình chánh chủ với nguyên lý luân hồi cũng rất là hiển nhiên mà cũng rất là sâu kín.

Nếu phần xác thân bên ngoài của con người là thuộc về 3 âm 3 dương của phần ngoài do bộ óc điều khiển, phần tạng phủ bên trong thuộc về 3 âm 3 dương của bên trong do tạng Tim điều khiển.

Nếu con người ta khi mới sanh ra tạng phủ có trước, xác thân có sau thì Tim phải có trước và óc phải có sau. Nếu Tim có trước, óc có sau thì Tim là gốc, óc là ngọn, và óc phải theo Tim.

Nếu lý trí hơn thiệt là sản phẩm của bộ óc. Nếu nhân loại ngày nay chấp nhận thẳng bộ óc là trung tâm của cuộc sống, thế tất là cả loài người ngày nay đều chỉ sống bằng bề ngoài, bằng xung động, bằng tranh đoạt, bằng bộ óc, bằng hiện tượng, bằng thăng trầm, bằng bỏ gốc chạy theo ngọn thì việc chấp nhận tổ tiên của loài người là loài khỉ vượn cũng chẳng có gì đáng để cho ta lấy làm lạ.

Nếu 3 âm 3 dương có cả phần ngoài và phần trong, thì quyết định trong dương phải có âm dương, và trong âm cũng có âm dương.

Nếu trong dương có âm dương, trong âm cũng có âm dương thì quyết định mỗi một tế bào phải hẳn là một con người.

Nếu mỗi một tế bào hẳn là một con người, thì mỗi một lỗ chân lông mặt da quyết định phải là một con người cụ thể người hơn.

Nếu trong con người có phân ra đầu, ra đít, ra ruột gan, bộ sanh dục, bộ tiêu hóa, các vùng v.v. thì quyết định cái đoàn người trong con người ấy không thể đâu cũng như đấy.

Nếu dòng sinh mệnh của con người không phải chỉ ở một kiếp.

Nếu mỗi một con người hay một chúng sanh trong mê, trọn cả một sự nghiệp muôn thuở của dòng sinh mệnh là một kho tàng mâu thuẫn.

Nếu phần tâm thức của chúng sanh trong mê hằng ngày, hằng giờ, hằng phút, hằng giây đều biến động theo thế nổi chìm lên xuống, nhẹ nặng đổi thay, ruổi rong theo hiện tượng bên ngoài, thì tất cả các hột giống ấy trong tâm thức quyết định khi vào cơ thể phải được sắp xếp vào trong tế bào của từng vùng theo trật tự 3 âm 3 dương.

Nếu 3 âm 3 dương trong thân có phân ra từng thành phần tế bào, từng vùng của cơ thể tùy theo loại tác dụng, và bên ngoài phải theo nhịp nhàng cùng định luật ly tâm hướng tâm theo sự vận hành của bầu khí quyện.

Nếu trong thân tâm của chúng sanh, hễ phần nào nặng, đậm, có thế lực hơn hết là phần đó làm chủ động cho kiếp nầy.

Nếu một chúng sanh chưa giác ngộ, dù ở ngay kiếp hiện tiền cũng vẫn bị sức hấp dẫn của ngoại cảnh lôi cuốn đi, như chuyện anh thổi kèn với người ăn me, người đàn bà đi đường với hai con ngựa đang giao dục.

Nếu bên trong thân tâm của chúng sanh là tất cả bóng dáng của trần cảnh lộn ngược rọi vào.

Nếu một chúng sanh khi chết bỏ xác chưa phải là hết chuyện, thì quyết định hiện tượng sanh tử luân hồi vẫn là một hiện tượng cụ thể như bao nhiêu hiện tượng khác, mà 3 tài, 4 tượng, 5 hành, 6 khí, 12 kinh mạch biến thành 3 cõi, 4 cách sanh, 5 ấm, 6 đường, 12 loại là lẽ tất nhiên.

Và kinh Phật mà có 3 tạng, 12 bộ quyết định không phải là việc tình cờ.

Nếu mỗi một chúng sanh là một hồi tụ của cả bao la, nhưng vì bị cái tâm mê che khuất thì câu nhà Phật nói: "Trong thân tâm chúng sanh vốn có đủ cả ba tạng kinh điển; ba tạng kinh điển của nhà Phật đều từ trong thân tâm của chúng sanh mà lấy ra" là một sự hiển nhiên.

Nếu thân tâm của mỗi chúng sanh vốn có đủ ba tạng kinh điển của nhà Phật, thì tất cả Phật mà trong ba tạng kinh điển đã từng giới thiệu đều quyết định là những sự việc vốn có sẵn trong mỗi chúng sanh.

Nếu phóng ra theo chiều hướng ngoại mà tìm lấy bộ mặt thật của sự vật đều chỉ tổ gặp cái mê tin, thì quyết định cái đạo mà ông Phật chứng thực được ấy phải là chứng thực ngay ở nơi thân tâm của chính mình, chớ không đâu xa lạ.

Nếu phải khám phá chính con người của mình trước mới chứng thực được mặt thật của sự vật, thì mỗi một vị lương y quyết định phải là mỗi một con người thoát tục. Nếu chưa phải vậy, tức là còn u mê đáng tội hơn những người thường nữa. Vì sao thế? Vì họ là những người đã có học.

Nếu ông Phật được thoát tục là nhờ ở chứng thực ngay nơi thân tâm của chính mình, thì ông Phật chẳng qua chỉ là một nhà khoa học tột bực chân chính, và cái lẽ phải khám phá chính con người của mình trước nhất là một chân lý quyết định soi sáng cho muôn thuở.

Nếu hết thảy thầy thuốc thế gian còn nhìn thấy tâm lý, sinh lý và vật lý là ba thứ từ cục để riêng, thì người ta gọi ông Phật là ông vua thầy thuốc là phải.

Nếu trong dương có âm dương, trong âm có âm dương tức là trong một có nhiều, trong cực nhỏ có tất cả.

Nếu trong một có nhiều, trong cực nhỏ có tất cả thì chuyện nhà Phật nói: "Thiện Tài đồng tử vận dụng hết sức thần thông trong lũy kiếp để lặn mò trong một lỗ chân lông của Bồ Tát Phổ Hiền mà cũng không

tìm thấy bờ mé" là phải. Và Thiện Tài đồng tử ấy cũng chẳng ai đâu xa lạ, mà chính là các nhà khoa học nguyên tử ngày nay đó vậy.

Nếu triển khai đến không còn tướng một, thu lại đến không còn tướng nhiều, suốt thông chứng thực được cái thân tâm hữu hạn nầy, để rồi cuộc sống trở nên thung dung là ba việc ghê gớm đáng sợ, thì chúng tôi xin khuyên người đó chớ nên đọc NỘI KINH, vì đọc NỘI KINH càng thêm tổn thọ.

Nếu đọc Mái Tây mà phải cảnh thanh vắng, khí trời mát mẻ, y phục sạch sẽ, ngồi ngay ngắn, thắp hương thì đọc NỘI KINH lại phải thêm tinh thần khoan thai, tâm tư minh chánh, ý tứ trang nghiêm mới khỏi bị quỷ thần theo dõi.

Một bà lão nghe Phật giảng đạo thấy trúng tâm mình quá, đâm ra ghét cay ghét đắng, không thèm muốn gặp. Phật biết rõ bèn tìm đến bà ba lần. Đến lần chót bà tột bực chán ghét. Nhờ nguyên lý ghét xa không được của cái Tôi đối với một người không là gì cả, mà từ đó bà được đời đời không thể lìa Phật.

Người đọc NỘI KINH mà sanh lòng chán ghét chống báng sẽ lại cũng giống như vậy.

THIÊN THỨ SÁU

- HẾT -

Thường tự vắng lặng không phép biệt ly

Nếu tôi có cặp mắt thịt nhìn suốt được vi trùng, trông rõ được siêu nguyên tử, thì rất vô phước thay cho tôi, vì tôi không thể nhìn thấy trọn vẹn ngôi nhà. Nếu tôi không rõ lẽ nầy, thì dù tôi có mắt tôi vẫn như đui, có tai cũng như điếc, có trí cũng như ngu làm sao tôi đọc được NỘI KINH.

C.N.

Thiên thứ bảy

ÂM DƯƠNG BIỆT LUẬN

Định nghĩa tên thiên

Căn cứ ý tứ trong toàn thiên ta thấy thuần luận về sự phân biệt của kinh âm kinh dương, và phân rõ thế nào là mạch âm, thế nào là mạch dương. Cho nên gọi là "Âm dương biệt luận". Nếu so sánh với thiên trước, thì ta thấy thiên trước chỉ luận khái quát về sự ly hợp của của ba âm ba dương, để rồi đến thiên nầy lần phân định vào trong áp dụng.

Nếu ta nhìn suốt luôn đến thiên thứ tám sau, thì ta thấy hình như ý luận giả muốn bắt đầu nói từ khí, rồi đến kinh, lần đến tạng phủ; là hình như dụng ý để ăn khớp với lối lập luận bắt đầu từ khái quát rồi phân tích, và cuối cùng trở về với qui nạp mà từ trước đã từng dùng. Điểm nầy độc giả hãy cùng tôi lưu tâm theo dõi.

Đoạn 1

PHIÊN ÂM:

Huỳnh Đế vấn viết: Nhơn hữu tứ kinh thập nhị tùng hà vị?

Kỳ Bá đối viết: Tứ kinh ứng tứ thời, thập nhị tùng ứng thập nhị ngoạt, thập nhị ngoạt ứng thập nhị mạch.

DỊCH:

Huỳnh Đế hỏi: Nói trong con người có 4 kinh, 12 tùng là nói cái chi vậy?

Kỳ Bá thưa: Nói bốn kinh, tức là nói bốn cái lý thường trong con người hiện ra ở mạch ứng hiện với bốn mùa. Còn 12 tùng, tức là nói trong con người có 12 kinh mạch ứng hợp thuận với 12 tháng trong một năm.

GIẢI:

Tên thiên thì gọi là "Âm dương biệt luận", mà khởi đầu Huỳnh Đế hỏi về 4 kinh, 12 tùng và Kỳ Bá trả lời cũng chỉ khái quát ở 4 mạch, 12 kinh đi theo 4 mùa 12 tháng. Thế tất sẽ nối tiếp mà diễn ra để ăn khớp với đầu đề tên thiên. Như thế ta đủ thấy lối lập luận của Kỳ Bá luôn luôn đi theo tinh thần mở từ khái quát, rồi đến phân tích và cuối cùng là quy nạp.

Trong thiên nầy cũng là ý của thiên trước nói: Âm dương trong con người luôn luôn phải ứng hợp với âm dương ngoài trời đất.

Mỗi năm có 4 mùa chia làm 5 hành, 12 tháng; tính theo số Địa chi bắt đầu từ tháng giêng là tháng Dần, tháng 2 Mẹo, tháng 3 Thìn, tháng 4 Tỵ, tháng 5 Ngọ, tháng 6 Mùi, tháng 7 Thân, tháng 8 Dậu, tháng 9 Tuất, tháng 10 Hợi, tháng 11 Tý, tháng chạp Sửu. - Dần Mẹo thuộc Mộc, thuộc về Gan và Mật; Tỵ Ngọ thuộc Hỏa, thuộc về Tim và Ruột non; Thân Dậu thuộc Kim, thuộc về Phổi và Ruột già; Hợi Tý thuộc về Thủy, thuộc Thận với Bàng quang; Thìn Tuất Sửu Mùi là 4 tháng mà cứ mỗi nửa tháng sau là Thổ vượng, cho nên nói thuộc Thổ và thuộc về Tỳ Vị. Thế là 12 tháng ứng vào 12 quan năng trong thân để làm nền tảng cho 12 kinh mạch, cho nên gọi là 12 tùng.

Bốn mùa trong năm: Mùa Xuân là mùa khí dương từ cực âm ở bên

dưới của mùa Đông bắt đầu vượt lên, tìm lối rẽ để vượt ra ngoài; do đó mà tất cả hiện tượng trong vạn vật đều phải ứng theo, cho nên hiện tượng mầm non trong loài thảo mộc đều có tướng nhọn, láng, mướt, thẳng và xanh mởn nõn nà. Sinh khí ấy khi ứng vào trong con người, hết thảy sáu bộ mạch cổ tay đè vào cũng đều thấy có hiện tượng thẳng, láng, mềm, dẻo và khi nhớm tay lên đều thấy có hiện tượng nhọn ở ngay chính giữa ngón tay ông thầy thuốc, y như là khí tượng của mầm non. Hình thức mạch nầy gọi là hiện tượng mạch Huyền. Chữ "Huyền" ở đây có nghĩa thẳng như dây đàn, dây cung mà lại còn có nghĩa nhọn như mầm non chớm phát. Cho nên gọi mạch thường của mùa Xuân là mạch Huyền, mà đặc biệt nhất là bộ mạch để khám xem về Gan và Mật, tức là mạch Tả Quan. Vì sao thế? Vì tạng Gan và buồng Mật trong thân người là rừng cây của ngoài trời đất.

Mùa Xuân thuộc về khí sanh của hành Mộc, cho nên có hiện tượng thảo mộc đâm chồi non. Đến sang Hạ thuộc về khí trưởng của hành Hỏa, cho nên nhựa sống trong tất cả vạn loại đều phồn thịnh sanh sôi, các loài thảo mộc cành lá đều được ánh nắng mặt trời nhuộm màu xanh thẫm, cành lá sum suê mở rộng chiều ngang, rõ ràng là hiện tượng khí dương đi từ dưới vọt lên rồi nở tung ra. Và theo đây ta có thể thấy mùa Xuân là mùa chính của thảo mộc và loài có lông phát sanh, còn mùa Hạ là mùa chính của loài động vật có cánh nảy nở.

Mặt trời thuộc về lửa, vào trong thân tạng Tim và Ruột non cũng thuộc về Hỏa. Sinh lực của tướng hỏa đó hiện vào 6 bộ mạch trong con người ở mùa Hạ, đều nhuộm một màu hiện tượng tựa hồ như lửa cháy bốc lên rồi tan ra, cũng tựa hồ như đọt non của cành lá đến lúc sum suê xòe ra, cũng tựa hồ như thế của loài chim bốc bay, và cũng tựa hồ như một trái châu lửa. Nếu ta đè mạnh ngón tay xuống thấy như tựa hồ tan đi, và khi nhớm tay lên thấy như bốc nổi hơi khỏi mặt da, tức là hiện tượng mạch Hồng đó. Chữ "Hồng" chỉ có nghĩa là tràn, như lượn sóng nổi tràn; cho nên có lúc người ta phải dùng đến danh từ "Câu", chữ "Câu" chỉ có nghĩa là bầu. Thế thì chữ "Hồng" hay chữ "Câu" cũng chẳng qua là để diễn tả một hiện tượng sinh lực ứng vào trong mạch ở mùa Hạ, mà bộ Thốn bên tả thuộc Tim là đặc biệt nhất.

Xuân vọt lên, Hạ tung ra, thế tất đến mùa Thu là mùa bầu khí quyện phải bắt đầu chùn lại, khí se lạnh bắt đầu nổi lên. Thế là sinh lực trong vạn loại đều bắt đầu thu vào và đóng cứng, ở loài thảo mộc thì lá

rụng cành xơ, bao nhiêu lá còn lại đều bị tái úa, rõ ràng là hiện tượng khí dương bắt đầu rút lui thu trở vào trong, nếu là cây có trái thì kết trái, nếu là loài động vật có vỏ là lúc gặp thì. Trong con người tạng Phổi là bầu khí quyện, sự co dãn của nó ăn khớp với bầu khí quyện của địa cầu. Nay bầu khí quyện chùn lại, thảo mộc xơ rơ, tạng Phổi cũng chùn vào. Cho nên sinh khí trong con người cũng theo đó mà ứng vào sáu bộ mạch cổ tay đều hiện một màu chùn lại. Nhưng vì mùa Thu thuộc Kim, mà tạng Phổi cũng thuộc Kim, nên hiện tượng mạch chùn lại vừa có tướng tựa hồ như chỉ vừa nổi bằng mặt da, cho nên gọi là mạch Phù, mà cũng vừa như cảm giác sờ vào lông mao, cho nên cũng có khi gọi là mạch Mao và cũng vừa có hiện tượng không được nhuận hoạt, chỉ thấy se ráo cho nên gọi là mạch Sắc (rít, ráo), mà đặc biệt là ở hữu Thốn.

Mùa Đông là mùa địa cầu lệch xa ánh nắng mặt trời, bầu khí quyện thắt lại, hơi nhuận ướt co vào lòng đất. Sinh khí trong vạn vật bên ngoài đều úa tàn, hiển hiện một màu thê lương lạnh lẽo, ở loài thảo mộc thì thu sinh lực lui về củ trối, ở động vật thì thu về ổ hang, ở côn trùng kết thắt đóng kén, ở con người tất cả sinh lực đều thu chứa vào tạng Thận (vì mùa Đông thuộc Thủy, thuộc tạng Thận), rõ ràng là hiện tượng của khí dương rút lui vào tận cùng vị trí bên dưới và bên trong để đóng cứng lại, do đó mà mùa Đông giá đóng. Sinh lực đó làm cho đến mùa Đông, toàn cả sáu bộ mạch cổ tay của con người đều nhuộm một màu thu liễm tàng trữ, tựa hồ như vật chìm đáy nước, như giá đóng cứng, như vật đặc (không bộng rỗng), nên có khi gọi là mạch Trầm, cũng có khi gọi là mạch Thạch (đá), cũng có khi gọi là mạch Thiệt mà đặc biệt ở hai bộ Xích.

Bốn hiện tượng mạch nói trên vốn là bốn hiện tượng chính thông thường trong một năm. Cho nên gọi là bốn kinh.

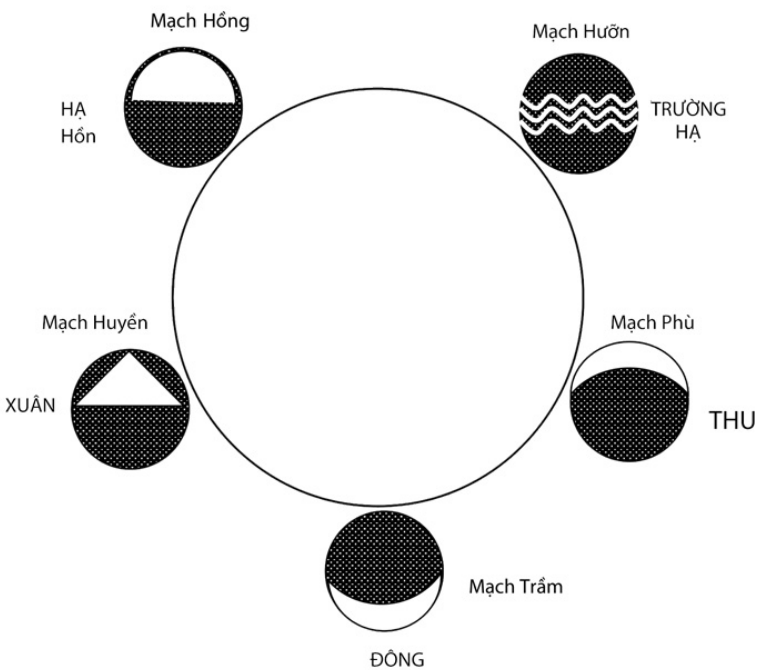
Tuy nhiên Xuân Hạ Thu Đông, Nam Bắc Đông Tây, nóng lạnh động tĩnh giao nhau là lý do từ bốn khí biến sanh năm hành, để rồi mỗi nửa tháng của mỗi cuối mùa thuộc về hành Thổ ngự trị, mà đặc biệt là tháng cuối Hạ làm chủ. Do đó cho nên không thuộc vào một mùa nào, nên nơi đây không liệt vào bốn mạch chính thường hằng. Hãy xem kỹ ở đồ biểu (có hình năm bộ mạch).

BÌNH:

Ai đọc qua đoạn nầy mà không để ý đến chỗ thâm sâu của luận giả luôn luôn đề cập đến trong cái nhỏ có cái lớn, thì thật là hoài công.

Nếu một con người vừa động đến liền hiện ngay trong cái cực nhỏ có cái cực lớn, trong cái cực lớn có cái cực nhỏ; trong một có nhiều, trong nhiều có một; lớn nhỏ một nhiều đã vốn không cách bức nhau, lại còn lớn nhỏ một nhiều đều cùng khắp mà cũng không mất cái lẽ đồng nhất tương quan trật tự biến hóa lưu thông. Vậy ta thử tưởng tượng cuộc sống của con người đó ra sao? Xin mời độc giả chiêm nghiệm.

HÌNH 7.1: HIỆN TƯỢNG NĂM BỘ MẠCH
Theo năm hành ứng vào bốn mùa.



PHỤ GIẢI:

Bắt đầu đoạn một của thiên nầy để chuyển sang mấy đoạn sau, nếu không có đoạn phụ giải chuyển tiếp thì sẽ khó bề thu nhận. Độc giả nên

để ý.

Đoạn phụ giải nầy cốt để giúp cho độc giả nhận ra từ trọn một con người thu vào sáu bộ mạch ở cổ tay, để làm nền tảng cho một phương diện trong những phương diện chính yếu về môn quan sát khám phá con người.

Tinh thần học hỏi cốt ở lưu thông, nếu vướng vào cố chấp thì sanh ứ trệ. Sáu bộ mạch cổ tay của con người mà cổ nhân tìm thấy, vốn nó xuất phát từ tinh thần thâm sâu mầu nhiệm, cho nên nếu không phải tâm lãnh thần hội thì không sao tiếp nhận được. (Xem đồ biểu)

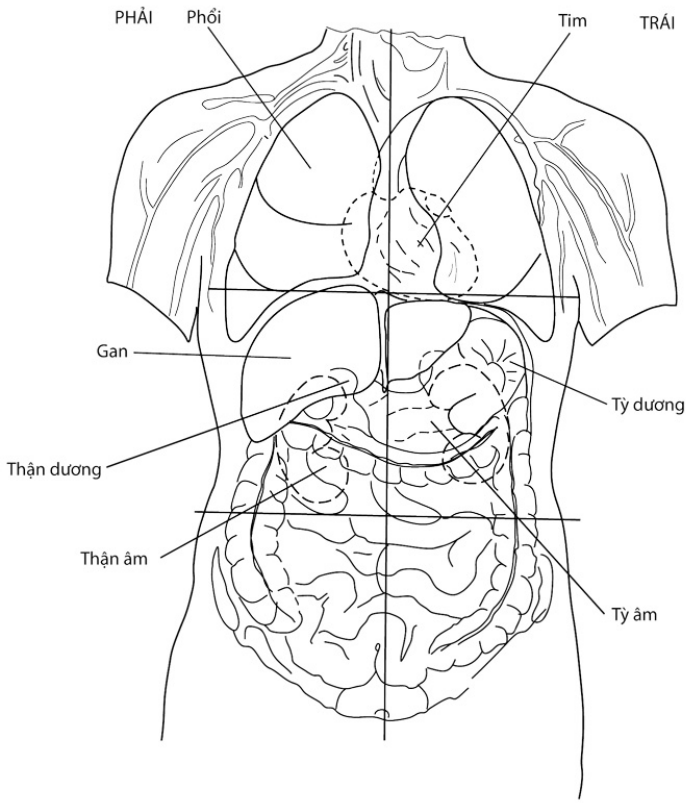
Độc giả hãy nhìn vào đồ biểu toàn thân tạng phủ của con người, lấy lằn trung tâm để chia con người làm hai mảnh trái phải ráp nhau, rồi theo chiều nghiêng của thân mà chia làm hai mảnh trước sau. Xong rồi lại từ phía trước theo đường vạch ngang ở chẽn vừng trở lên làm phần trên, rồi từ vạch ngang nầy xuống đến vạch ngang rún là phần giữa, từ vạch ngang rún xuống dưới là phần dưới. Như thế nếu ta dựa vào nghĩa âm dương mà xét thì nửa thân trước là dương, nửa thân sau là âm; nửa thân bên trái là dương, nửa thân bên phải là âm. Nếu ta dựa vào nguyên lý Tam tài mà xét thì tầng trên là Tài thiên, tầng giữa là Tài nhơn, tầng dưới là Tài địa. Nếu ta dùng con mắt ba cõi mà nhìn thì ta sẽ thấy phần trên là cõi Vô sắc, phần giữa là cõi Sắc, phần dưới là cõi Dục. Và cả ba tài ba cõi đều phân âm dương theo thế sau trước, phải trái.

4	3
5	2
6	1

Giờ đây mời độc giả hãy làm như ngồi vào bàn giấy chìa hai cổ tay

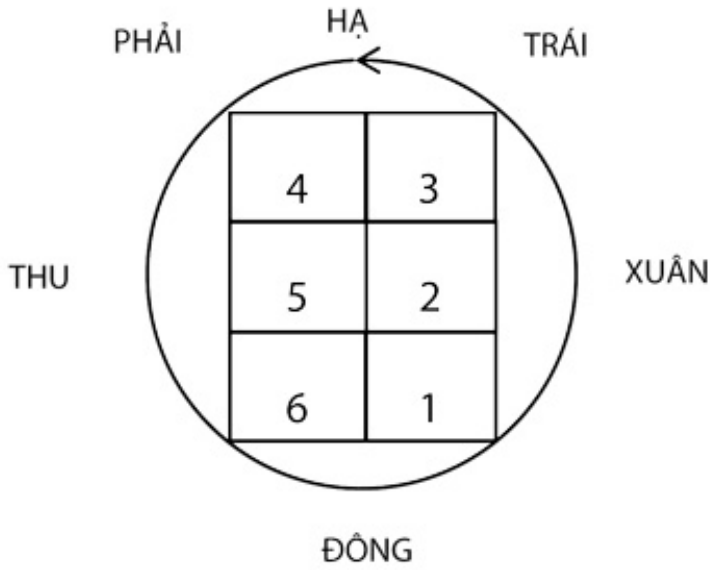
lên bàn, xếp xuôi sát lại mà tưởng tượng như hai mảnh thân ráp vào, và cũng tưởng tượng như hai mạch cổ tay dính vào nhau. Như thế ta sẽ được một hình chữ nhật mà lại chia làm sáu ô, cứ bên trái theo bên trái, bên phải theo bên phải, tầng trên theo tầng trên, tầng giữa theo tầng giữa, tầng dưới theo tầng dưới y như là nhìn vào trong thân.

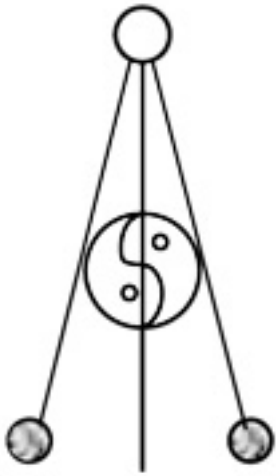
HÌNH 7.2: ĐỒ BIỂU TOÀN THÂN TẠNG PHỦ CON NGƯỜI
Chia 6 ô để ứng với 6 bộ mạch



Một điều nữa nên để ý: Sự vận hành của vòng sinh lực âm dương trong con người theo bốn mùa của năm, luôn luôn có hai chiều nghịch thuận khác nhau; hễ là dương thì vận hành từ trái sang phải, từ phải sang trái, từ trong ra ngoài, từ ngoài vào trong mà bắt đầu từ số 1 đến số 6, rồi 6 nối với 1... Nếu là âm thì vận hành từ phải sang trái, từ trái sang phải,

từ ngoài vào trong, từ trong ra ngoài mà bắt đầu từ số 6 đi nghịch trở về số 1, rồi 1 nối với 6... Nói một cách khác hơn, hễ khí dương bên trong bắt đầu chớm đi ra thì khí âm bên ngoài cũng bắt đầu chớm đi vào, rồi cứ thế mà vận hành nối đuôi mãi. Thế nên ta hãy đánh số thứ tự vào trong mỗi ô nghịch thuận như sau: Thuận dương thì từ ô dưới bên trái là số 1, theo bên trái đi lên ô giữa là số 2, lên ô trên là số 3, rồi sang ô trên bên phải là số 4, xuống ô giữa bên phải là số 5, đến ô dưới bên phải là số 6; nghịch âm thì nghịch lại.





Nghĩa là nhìn con người như một hình bầu dục của chu kỳ quả đất xoay quanh mặt trời trong một năm chia làm 6 khí 3 âm 3 dương, luôn luôn tuần hoàn nối tiếp không được đứt đoạn; như hình mặt trăng tứ tượng trong Dịch học.

Giờ đây ta hãy bắt đầu tìm vị trí chính xác của nó. Ta hãy tự tìm lấy mạch cổ tay của ta trước đã. Ta hãy đặt tay trái lật ngửa trên mặt bàn, ta dùng ba ngón giữa của tay phải lòn dưới cổ tay bên trái mà vòng lên chỗ có động mạch theo lằn ngón tay cái đi xuống; nếu khám tay phải thì ngược lại. Nếu khám mạch của người khác thì cũng phải dùng tay trái của mình mà khám tay phải, dùng tay phải của mình mà khám tay trái.

Bây giờ ta hãy bắt đầu dùng đầu ngón tay giữa mà sờ tìm lấy gu xương nhọn ở cổ tay phía gần sát động mạch, và đặt ngón tay cho nằm lên ngay chính giữa gu xương ấy, rồi trườn ngón tay tới cho đúng ngay động mạch, thế là vị trí của bộ Quan. Chỗ xương nhọn ấy người xưa gọi là Cao cốt, mà hầu hết thầy thuốc đều lầm chữ "Cao cốt" là mắt cá ngoài của cổ tay; do đó mà không mấy ai dám quyết định vị trí của mỗi ngôi mạch một cách chính xác. Cho nên hầu hết thầy thuốc gọi là Đông y ấy đều đặt tay vào mạch một cách quá ư cẩu thả, nên việc cho thuốc hoàn toàn là định vẹo theo kinh nghiệm, chớ không có một nền tảng biện chứng một cách trung thực.

Kế tiếp ta hãy đặt ngón trỏ và ngón vô danh xuống xếp vừa vặn theo sát hai bên ngón giữa; Và đặt tên vị trí ngón trỏ là bộ Thốn, ngón giữa là bộ Quan và ngón vô danh là bộ Xích, và bên trái tính theo bên trái, bên phải tính theo bên phải.

Thốn, Quan, Xích là gì? Theo người Trung Hoa thì từ đầu cùi chỏ của cánh tay dưới ra đến cổ tay chỗ giáp với bàn tay, họ gọi là một thước tay. Do đó nên họ gọi xương lớn của cánh tay dưới là Xích cốt. Và phạm vi đặt ba ngón tay để xem mạch độ chừng trong khoảng một phần mười (1/10), cũng như một tấc tay. Xích là thước, Thốn là tấc, Quan là ranh giới là cửa giáp giới. Căn cứ vào phép thâu một thước vào trong một tấc, rồi họ đặt bộ trên là Thốn, bộ dưới là Xích, Xích Thốn giao nhau gọi là Quan vậy. Lối phân nầy trông ra có hơi ngộ nghĩnh, nhưng chúng ta nên để ý đến phần nghĩa muốn nói bên trong là hơn.

Muốn thực hành phương pháp khám mạch cổ tay, sau khi tìm bộ vị chính xác rồi, trước nhất ta phải nhận định phần mặt da chỗ đặt tay chẩn mạch xem mỗi bộ trên mặt da có đầy đặn hay thiếu thốn, sờ vào thấy nóng hay thấy mát, thịt chắc hay bở, da rít hay nhuận trước đã. Vì sao thế? Vì đây là hiện tượng cho ta biết trong tạng phủ nóng hay lạnh, chắc hay bở, thiếu hay dư, nhỏ hay lớn, bệnh hư hay bệnh thiệt. Điều nầy về sau sẽ còn có nơi bàn lại một cách tỉ mỉ.

Giờ đây độc giả hãy đem sáu vị trí mạch nầy mà ráp vào sáu vùng trong thân, để đặt nền tảng nghiên cứu khám phá, tức khắc chính xác.

Từ chẽn vừng trở lên đầu ra ngoài còn hai tay nữa, cũng như từ rún trở xuống chân còn bao nhiêu bộ phận lăng nhăng, và từ phía trước sâu vào phía sau có nhiều tầng lớp; do đó mà khi khám mạch để tìm chỗ sai lầm, ba ngón tay ta phải linh động hoặc đưa tới hoặc sụt lui, hoặc chuyển lăn về hướng bộ Thốn, hoặc chuyển lăn về hướng bộ Xích, hoặc nhớm lên tận đến mặt da, hoặc đè chìm dần dần xuống đến xương, để mà tìm lấy những hiện tượng bất thường của toàn cơ thể chiếu ứng vào trong ba bộ mạch.

Xin nhắc lại ba bộ bên trái là dương, bên phải là âm; từ xương nhớm lên mặt da là để quan sát tận phía sau ra phía trước, tận ở trong ra ngoài, từ âm ra dương; từ mặt da vào đến xương là ngược lại; còn

chuyển lăn ngón tay sang Thốn là về hướng bên trên, Xích là về hướng bên dưới (tức là Nam Bắc); trườn ngón tay tới hay sụt ngón tay lui là thuộc về trái phải Đông Tây.

Một điều nữa phải nên nhớ: động mạch từ trong Tim ra cánh tay trên chỉ có một ống, xuống đến cánh tay dưới rẽ làm ba nhánh: nhánh trước theo xương lớn cánh tay dưới là Xích Cốt mà đi thẳng ra ngón cái và ngón trỏ, một nhánh nữa theo kẽ giữa của xương lớn và xương nhỏ của cánh tay dưới mà thẳng ra lòng bàn tay ra ngón giữa, nhánh thứ ba đi theo xương nhỏ của cánh tay dưới mà ra thẳng đến ngón vô danh và ngón út. Vậy nơi đây ta phải theo đúng động mạch của xương lớn mới là chính xác (cái lẽ tại sao ấy hãy để một nơi khác sẽ bàn rõ).

Phải biết rằng: Học mạch là phải chứng thực được cái lẽ tinh vi mầu nhiệm của động cơ viên quang hồi tụ tận tự bao la, làm thành trong một tướng nhỏ xíu cũng đủ cả muôn trùng. Nếu một người khéo khám phá sẽ có thể nương nơi sáu bộ mạch cổ tay, mà thấy được những biến động dù sâu kín ở khắp thân tâm con người, cũng như người gác Tableau rada nhìn thấy được các biến động trong toàn cõi nước, ngoài ra còn khám phá sâu được phần đã qua (kiếp trước) và phần sắp đến (kiếp sau) của một con người. Và thực tế nhất nó còn giúp cho ta nhận ra được độ lượng chính xác nhất trong việc cho thuốc nữa là khác.

Giờ đây ta hãy ghép thành phần tạng phủ vào từng bộ mạch: Phổi là tạng nằm trên nhất như cây dù che tạng phủ, bên phải to hơn bên trái, vậy ta hãy đặt nặng nó về bên phải, lệch về hữu Thốn. Tạng Tim lệch về bên trái, ta hãy đặt nặng nó vào tả Thốn. Tạng Gan dính liền với buồng Mật tuy nằm dưới chẽn vừng bên phải, nhưng nó theo hệ thống của Tim mà chỉ huy bên trái, nên đặt nặng nó về bên trái phía dưới của Tim, tức là tả Quan. Tạng Tỳ dính liền với Vị, tuy thuộc trung châu, nhưng phần Tỳ dương lệch về bên trái. Cả Tỳ dương lẫn Tỳ âm cuống chính của nó đóng ở bên phải, và nó theo hệ thống với Phổi mà chỉ huy bên phải; vậy nên ta hãy đưa nó về bên phải ở dưới tạng Phổi, thế là thuộc về hữu Quan. Tạng Thận có hai quả thuộc về bên dưới đã hẳn, nhưng phần Thận dương tan trong dầu bên phải to hơn bên trái, và nguồn sinh lực của Tam tiêu gá mắc vào đây để nối hệ thống với tạng Tỳ, tạng Phổi; làm thành hệ thống mạch dầu hầu chế ngự bớt sức đập nhanh của tạng Tim.

Mạch sống của con người đều nương nhờ nơi sự thu tàng của Thận dương để súc tích vào tủy và óc; do đó nên hữu Xích thuộc về vị trí của Thận dương và Tam tiêu, mà người ta thường gọi là Mạng môn. Còn phần Thận bên trái lại thuộc về Thận âm, và chất tan trong nước của Thận dương làm chủ, để theo hệ thống Gan lên Tim hầu giúp sức đập nhanh cho Tim. Và Thận với Bàng quang nối liền trực tiếp bên dưới, thế nên phần tả Xích là phần vị trí của nó. Phần Ruột non và Ruột già tuy là phủ của Tim và Phổi, nhưng vị trí của nó nằm ở bên dưới mà sự hoạt động lại liên hệ với bên trên. Cho nên mỗi khi có biến động ở tạng bên trên cũng hiện ảnh hưởng xuống dưới, hoặc có biến động bên dưới cũng hiện ảnh hưởng lên trên. Ruột già cuối cùng ở bên trái mà bắt đầu bên phải, còn Ruột non cuối cùng bên phải mà bắt đầu bên trái. Vậy nên cuộc khám phá phải tùy trường hợp mà uyển chuyển theo dõi khác nhau. Ngoài ra còn bao nhiêu bộ phận linh tinh nữa như phụ nữ có Tử cung, nam có bộ sanh dục, mà bổn phận học giả phải độc lực lưu tâm thể hội.

Bệnh tật của con người có vô số hiện tượng khác nhau, hoặc bệnh ở phần xác thân bên ngoài, hoặc bệnh ở phần tạng phủ bên trong, hoặc bệnh theo hệ thống năng lực của kinh mạch, hoặc kết lại có tướng có khối có hình ở một nơi nào. Nguyên nhân của nó hoặc do thời tiết, khí hậu, hoặc do hoàn cảnh xã hội, sinh hoạt un đúc; hoặc do ăn uống, tập quán gia đình; hoặc do tinh thần đảo lộn, dòng điện tâm thức chảy ngược chiều. Tuy nhiên gần như hầu hết đau khổ bệnh tật đều xuất phát từ tâm, mà chỉ non 30% miễn cưỡng thuộc về phần tướng vật chất. Bởi vậy nếu chính mình không thông đạt thì đừng mong giúp đỡ gỡ rối cho ai, mà Đạo học, Triết học, Y khoa trở thành ba khối khác biệt.

Mạch học là một môn học diệu huyền vừa sâu rộng vừa siêu vi, nó biến động theo từng giáp, từng kỷ, từng năm, tháng, ngày, giờ, mùa màng, cảnh ngộ, ăn uống, sinh hoạt, tuổi tác, nam nữ, tâm lý, tinh thần. Vậy nên khi vào thực tế có bốn cách sử dụng mạch khác nhau:

1. Khám chung sáu bộ: Nghĩa là ba ngón tay lên xuống, đưa đi đưa lại, đưa tới đưa lui một lượt, sáu bộ quan sát chung để tìm bệnh ở phần khí.

2. Để ý đến mạch bên trái bên phải chênh lệch khác nhau cách nào để tìm bệnh phần kinh.

3. Theo dõi từng bộ phận nổi chìm lên xuống để tìm bệnh ở tạng phủ (trường hợp nầy rất quan hệ đến tánh tình tâm lý).

4. Xem hiện tượng tương quan của mỗi bộ lẫn nhau để khám biết những bệnh thuộc về những đường liên lạc tắt đặc biệt trong nội tạng. Điểm nầy rất là khó khăn, nhưng nếu đủ bốn môn Vọng, Văn, Vấn, Thiết thì tự khắc đâu ra đấy.

Như đã trình bày trọn phần phụ giải vừa qua, tức là độc giả đã có được xâu chìa khóa để tiến sâu vào kho tàng khám phá rồi đấy, mỗi người hãy tự nỗ lực, mặc dù sau nầy sẽ có phần tỉ mỉ chuyên môn.

Đoạn 2

PHIÊN ÂM:

Mạch hữu âm dương, tri dương giả tri âm, tri âm giả tri dương. Phàm dương hữu ngũ, ngũ ngũ nhị thập ngũ dương. Sở vị âm giả chơn tạng dã, kiến tắc vi bại, bại tất tự dã. Sở vị dương giả, Vị uyển chi dương dã. Biệt ư dương giả tri bệnh xứ dã, biệt vu âm giả tri tử sanh tri kỳ. Tam dương tại đầu, tam âm tại thủ, sở vị nhứt dã. Biệt ư dương giả, tri bệnh kỵ thời. Biệt ư âm giả, tri tử sanh chi kỳ. Cẩn thục âm dương, vô dữ chúng mưu.

DỊCH:

Mạch cũng có phân âm dương; hễ biết được mạch dương thì biết được mạch âm, biết được mạch âm thì biết được mạch dương. Tổng cộng mạch dương đều có 5, 5 nhân cho 5 thành ra 25 mạch dương.

Cái gọi là mạch âm ở đây, tức là muốn nói về mạch chơn tạng(1). Khi thấy mạch chơn tạng hiện tức là điềm bại hoại, bại hoại thì phải chết.

Cái gọi là mạch dương nói ở đây, tức là mạch khí dương của Vị uyển(2). Nếu phân biệt được mạch dương thì biết được chỗ bệnh, phân biệt được mạch âm thì biết được kỳ sống chết.

Ở xác thân bên ngoài chỉ có ba kinh dương lên tới đầu, ba kinh âm ở tay. Nhưng kỳ thực chỉ là một suốt.

Nếu phân biệt được mạch dương thì biết được giờ bệnh kỵ, phân biệt được mạch âm thì kỳ được sự sống chết. Chỉ chín chắn nơi vấn đề âm dương thì khỏi phải bàn cãi gì nữa.

CHÚ THÍCH:

(1) **Mạch chơn tạng**: "chơn tạng" nghĩa là mạch thiệt của tạng. Tạng là âm, phủ là dương; hễ âm thì phải có dương giao, giờ đây mạch hiện chỉ đơn độc của tạng mà không có thần khí của vị phủ, nên gọi là mạch chơn tạng.

(2) **Khí dương của Vị uyển**: Vị là bao tử. Ta hãy chia bao tử ra ba phần: phần trên, phần giữa và phần dưới, thì ta sẽ thấy phần trên tựa hồ như cái loa úp xuống, chỗ đó gọi là "Vị uyển".

Con người khi sinh ra nhờ ở phần tiên thiên, lớn lên nhờ ở phần hậu thiên. Phần tiên thiên bắt liên lạc với khí hậu ngoài trời đất, bên trong nối liền với tạng Phổi và tạng Thận. Phần hậu thiên chuyên thâu nạp vật chất ăn uống, bên trong thuộc về Vị.

Tất cả khí dương ở trong Vị đều bốc xông lên Vị uyển để cùng với bộ tuần hoàn, bộ hô hấp mà đưa đi thấm nhuần khắp nội tạng; cho nên mạch mỗi tạng đều phải nhuộm màu khí dương của Vị uyển thì mới được sinh tồn. Chỗ nầy người ta cũng thường gọi tắt là "Vị khí", cho nên gọi là "khí dương của Vị uyển".

GIẢI:

Bắt đầu đoạn nầy luận giả muốn nói: trong các kinh mạch đều có phân

âm dương, đây là điều kiện tối yếu trong việc chẩn mạch mà thầy thuốc phải biết, và hễ biết được một trong âm dương thì biết được cả hai. Đây cũng là cùng với thiên "Âm dương ly hợp" trên kia làm biểu lý. Và sau nầy sẽ còn những thiên bàn sâu vào chi tiết, mà đây cũng chỉ là đại lược.

Một là tất cả, tất cả là một; là một định lý mà NỘI KINH không bao giờ lìa. Ngoài bao la như thế, vào trong thân cũng như thế. Tạng là âm, phủ là dương. Trong một tạng có đủ năm tạng, thế tất trong một phủ cũng phải có đủ năm phủ.

Có sanh ra là nhờ ở phần tiên thiên, có nối tiếp là nhờ ở phần hậu thiên. Trung tâm của hậu thiên là Vị, Vị là phủ của Tỳ thuộc về kinh Túc Dương minh, thuộc về phần trong ruột của quả địa cầu. Về phần khí nó chiếm khoảng thời gian từ 3 đến 4 giờ chiều, giờ đó là giờ mà những vùng đại lục khí hậu đều nóng dữ hơn hết. Do đó mà phần nhiệt lực trong thân con người chỉ có Dương minh là cao nhất. Và tất cả khí dương trong tất cả tạng phủ cũng đều nhờ nhiệt lực của Túc Dương minh nối tiếp ấp ủ. Tuy nhiên mỗi phủ đều có khí dương bản sắc của nó; mỗi phủ đều có sự tương giao tiếp tế lẫn nhau, mà trung tâm của khí dương cũng đều phải quy về cho hậu thiên của Vị uyển. Cho nên mới nói: tổng cộng phần dương có 5, và 5 x 5 thành ra 25 phần dương.

Ngoài trời đất, trong ruột quả địa cầu, các thức ăn uống có nhiều nhiệt lực với Vị phủ trong con người thông đồng nhau không giờ phút nào gián đoạn. Vậy nơi đây nói về mạch khí dương của Vị uyển tức là mạch có Vị khí. Thế nào là mạch có Vị khí? Trong sáu bộ mạch cổ tay, nếu là một người hoàn toàn mạnh khỏe, khi thầy thuốc đặt tay vào khám: từ từ chậm rãi bắt đầu từ mặt da đè dần xuống, khi thấy được mạch rõ ràng rồi từ từ đè nặng xuống nữa, bao giờ đến hết còn đè xuống được nữa rồi bắt đầu từ từ nhớm dần lên, hoặc từng bộ một hoặc cả sáu bộ, nếu luôn luôn thấy mạch theo sát ngón tay, và ba bộ đều lưu thông nối tiếp hiển hiện một màu khoan thai điều hòa có hiện tượng thần khí đầy đủ; đó là mạch đầy đủ Vị khí.

Con người khi có bệnh, mạch hoặc to hoặc nhỏ, hoặc nổi hoặc chìm, hoặc mau hoặc chậm tuy khác nhau; nhưng nếu có hiện tượng Vị khí xen vào, tức là sinh lực còn có cơ hồi phục, và sự tiếp tế giao thông từ Vị uyển truyền đi không giờ phút nào đứt đoạn; nếu có một bộ nào

không phải thế là chỗ đó có bệnh. Nếu đã không có hiện tượng Vị khí mà lại thêm có hiện tượng mạch chơn tạng hiện ra tức là có điềm không hay. Căn cứ vào nguyên lý nầy mà triển khai thì không những chỗ nào có bệnh ta cũng biết được, giờ nào khắc kỵ ta cũng thấy được, và thời gian mạch chơn tạng hiện đến khi chết đại khái bao lâu ta cũng định được. Bởi vậy mới nói: Hễ phân biệt được mạch dương thì biết được chỗ bệnh và giờ kỵ, phân biệt được mạch âm là biết được thời gian sống chết. Về phần mạch chơn tạng đến đoạn sau sẽ rõ.

Như bao lần đã nói: Thân con người là bóng dáng của quả địa cầu, hai tay hai chân là bóng dáng của bốn hướng cạnh, mà những luồng điện năng lực từ trong tạng phủ đều có thông đồng ra ngoài.

Xác thân bên ngoài tuy thuộc về phần dương, nhưng phần âm của nó là xương, tủy và óc. Cho nên về phần kinh mạch của ngoài thân thì phần ba kinh dương đi lên chiếm trọn phần ngoài của đầu, còn phần ba kinh âm thì lại thuộc về bên trong của óc và tủy. Nếu nhìn bên ngoài ta sẽ thấy phần kinh âm không lên tới đầu mà ở tay chân có. Nên mới nói: ba kinh dương ở đầu, ba kinh âm ở tay. Và nói âm nói dương là nhìn ở mặt phân chia khí hóa mà nói, nhưng thực ra chỉ là một hiện tượng thông suốt, một vòng không mối trong thực thể không hai vậy.

Nếu đã bước tránh ra được ngoài vòng thế giới (tương đối), thấu suốt được nguyên lý âm dương, giáp mặt được cơ biến hóa của sáu khí minh định được bộ vị mạch lạc cũng như xác thân, điều động được nhịp nhàng đến chỗ vi tế thì ai hơi đâu lại bỏ công bàn cãi lăng nhăng. Cho nên mới nói: Chỉ thấu suốt được nguồn cội âm dương thì khỏi phải bàn cãi gì nữa, là thế.

BÌNH:

Nếu biết được âm là biết được dương, biết được dương là biết được âm. Thế thì biết được đây tất biết được kia, biết được kia tất biết được đây hai pháp ấy vốn đồng một nghĩa. Nếu hai pháp ấy vốn đồng một nghĩa, thế sao ta lại không thấy được chuyện trong một tạng có đủ các tạng, trong một phủ có đủ các phủ để mà nhận ra chân lý Hoa Nghiêm của văn minh Phật giáo với chân lý Dịch và NỘI KINH vốn đồng một gan ruột?! Thế mới biết: Đọc sách mà vượt ra khỏi vòng trói buộc của

trung gian ngôn ngữ văn tự trên đời chẳng được mấy ai!

Dám thâu bao la vào trời đất, thâu trời đất vào con người, thâu con người vào tạng phủ, thâu tạng phủ vào guồng máy tâm thức, thâu guồng máy tâm thức vào tế bào, thâu tế bào vào nguyên tử, thâu nguyên tử vào khí hóa âm dương, thâu khí hóa âm dương vào biệt dạng để trở về với linh không vô cực mà vẫn không mất thời gian, không gian lớp lang trật tự của cõi mộng huyễn. Vậy thử hỏi đối với tinh thần ấy chúng ta nên nghĩ sao?

Trong phẩm Phổ Hiền hạnh nguyện của *Kinh Hoa Nghiêm* mà các vị Hòa thượng Phật giáo có trích ra làm thành nghi thức sám hối có mấy câu sau đây:

Sức thần oai Phổ Hiền hạnh nguyện

Trước Như Lai khắp hiện tự thân

Mỗi thân lại hiện trần (vô số) thân

Thân thân lễ khắp sát trần (vô lượng vô biên)

Thế Tôn Trong một trần (hột bụi) có trần số (vô số) Phật

Đều ở trong hội bậc Thượng Nhơn

Khắp cùng pháp giới mảy trần

Sâu tin Chư Phật đều thường đầy trong.

Vậy muốn nói cái gì đây? Xin nhường độc giả chiêm nghiệm. Đọc NỘI KINH có ba cái khó:

– Thấy cái lớn đến chỗ không còn tướng là một điều khó.

– Thấy cái nhỏ đến chỗ không còn hình là hai điều khó.

– Quy tất cả về chính con người của mình để thông đạt chứng suốt tất cả là ba điều khó.

Đoạn 3

PHIÊN ÂM:

Sở vị âm dương giả, khứ giả vi âm, chí giả vi dương; tĩnh giả vi âm, động giả vi dương; trì giả vi âm, sát giả vi dương.

DỊCH:

Cái gọi là âm dương trong mạch cổ tay nghĩa là: đè xuống mạch tan đi là âm, nhớm lên nghe mạch nhịp là dương; mạch có hiện tượng tĩnh là âm, động là dương; mạch đi chậm là âm, mạch nhịp mau là dương.

GIẢI:

Đây là một đoạn áp dụng phép nhận định âm dương vào mạch cổ tay.

Như bản phụ giải trước có nói: Đặt tay vào mạch từ mặt da đè xuống đến xương là để nghiệm vòng năng lực từ phần dương vào phần âm, từ phần ngoài vào phần trong, từ phần phủ vào phần tạng; cho nên gọi đè xuống là âm. Rồi từ tận dưới xương mà nhớm dần lên mặt da là để nghiệm xem vòng năng lực từ phần âm ra phần dương, từ phần trong ra phần ngoài, từ phần tạng ra phần phủ; nên gọi nhớm lên là dương.

Mạch cổ tay vốn là mạch động, lúc nào cũng động. Tuy nhiên trong cái động ấy nếu không bồng bột hoặc thêm trầm trệ dưới bình thường, thì cái động ấy vẫn được gọi là tĩnh là thuộc âm; nếu ngược lại động mà

bồng bột thì được gọi là động, nên gọi là thuộc dương.

Mạch thuộc về tạng Tim. Trong Tim có hàm chứa hai năng lực của hiện tượng âm dương: một là năng lực đập chậm thuộc âm do ảnh hưởng của tạng Thận và tạng Phổi đưa vào; hai là năng lực đập mau do tạng Gan đưa lên và bổn thân của nó, để cho nhịp đập của Tim được trung hòa. Mỗi một con người khoảng tầm tuổi trung niên đo theo hơi thở đúng mức bình thường, thì mỗi hít vào Tim đập hai nhịp, mỗi thở ra Tim đập hai nhịp, quãng giữa hơi thở Tim đập một nhịp có khi kém; đó là trạng thái bình thường. Nếu có khi nào vì năng lực bên âm thạnh hơn thì Tim đập chậm hơn, khi nào năng lực bên dương thạnh hơn thì Tim đập mau hơn. Tất cả động mạch cũng đều theo như vậy, nên nói: Mạch đập chậm là âm, đập mau là dương.

Tuy nhiên đây chỉ khái quát về tuổi trung niên. Ngoài ra con người khi mới sanh cho đến lúc tuổi già; người nam hoặc người nữ; khi sắp có kinh hoặc lúc có thai; khi hoạt động mệt nhọc, lúc rời rảnh thảnh thơi; khi khí trời mát mẻ, lúc thời tiết nóng bức; khi ăn nóng uống cay hoặc lúc ăn lạnh uống mát đều có biến động lên xuống khác nhau. Điều nầy mỗi người phải đi vào thực nghiệm thì rõ, và sau nầy sẽ có phần chuyên đi vào tế nhị sâu sắc hơn.

Đoạn 4

PHIÊN ÂM:

Phàm trì chơn tạng chi tạng mạch giả, Can chí huyền tuyệt cấp thập bát nhựt tử, Tâm chí huyền tuyệt cửu nhựt tử, Phế chí huyền tuyệt thập nhị nhựt tử, Thận chí huyền tuyệt thất nhựt tử, Tỳ chí huyền tuyệt tứ nhựt tử.

DỊCH:

Phàm chẩn mạch chơn tạng của mỗi tạng: Hễ mạch đơn độc Huyền cấp không có Vị khí là mạch chơn tạng của Gan, thế là 18

ngày chết. Hễ mạch đơn độc Hồng không có Vị khí là chơn mạch của tạng Tim, thế là 9 ngày chết. Hễ mạch đơn độc Phù Sắc không có Vị khí là mạch chơn tạng của Phổi, thế là 12 ngày chết. Hễ mạch đơn độc Trầm Thiệt không có Vị khí tức là mạch chơn tạng của Thận, thế là 7 ngày chết. Hễ là mạch Hoãn trơ trọi không có Vị khí là mạch chơn tạng của Tỳ, thế là 4 ngày chết.

GIẢI:

Như trên đoạn 2 đã nói: nếu phân biệt được mạch dương thì biết được chỗ bệnh và giờ kỵ, phân biệt được mạch âm thì biết được kỳ sống chết. Thế là ở đây mở rộng sự phân biệt về mạch âm.

Về bản sắc mạch của mỗi tạng như bao lần đã nói: tạng Gan thì mạch Huyền, Tim mạch Hồng, Phổi mạch Phù Sắc, Tỳ mạch Hoãn, Thận mạch Trầm Thiệt. Tuy nhiên trong nguyên lý âm dương nhìn bên ngoài thấy như trái nhau, nhưng sự thực là nương nhau giúp nhau mà tồn tại. Cho nên thường nói: trong dương có âm dương, trong âm có âm dương. Âm là để giữ vững bên trong, dương là để bảo vệ bên ngoài. Do đó nên âm dương không thể tách rời. Bởi vậy mỗi mạch bản sắc của mỗi tạng đều phải được nhuộm thêm một màu khí dương của Vị uyển, thì mạch tượng mới có thần; nếu không như thế, tức là âm côi hoặc dương đơn độc, là hiện tượng đứt đoạn không thể sinh tồn. Hiện tượng mạch bản sắc đơn độc âm côi như thế chánh văn gọi là "huyền tuyệt", tức là âm dương không giao nhau nữa mà là ly khai cách bức. Ta hãy cử lên một thí dụ: Ví như mùa Xuân, Gan bị bệnh, làm cho tất cả sáu bộ mạch đều hiện đơn độc mạch bản sắc của Gan là Huyền cấp không có một chút thần sắc khí dương của Vị uyển, tức là tạng Gan đang chờ dịp chết. Tất cả các tạng cũng theo lệ nầy. Nhưng số ngày chết mỗi tạng đều có cái lý khác nhau.

Tôi thiển nghĩ vấn đề mạch sống chết có thể là khi thấy hiện lên tất quyết định chết, và cũng có thể chết đúng với số ngày đã định, nhưng biết đâu khi ta thấy tức là nó đã hiện tự bao giờ ta không thể biết được. Nếu muốn biết tất phải biết đây là tính theo nguyên lý nào, để ngược dòng trở lên mà tìm lấy ngày mạch chơn tạng phát hiện, xong rồi lại xuôi dòng tính tới để đụng đến ngày chết. Như thế là ta phải dụng lực làm một bài toán, nhưng theo đây chánh văn chỉ đưa ra một thành quả mà

không nói rõ dựa trên nguyên lý nào. Sau nầy có nhiều chỗ trình bày những nguyên lý khác nhau, do đó mà ta không thể đoán định bướng. Đây tôi chỉ xin trích dịch một đoạn cắt nghĩa của nhà chú thích Trung Hoa Mã Nguyên Đài như sau, để độc giả cùng chung chiêm nghiệm.

Thiên Bình Nhơn Khí Tượng Luận nói: "Bệnh Gan (thuộc Mộc) khi mạch chơn tạng hiện gặp ngày Canh Tân (thuộc Kim) thì chết, Tim (thuộc Hỏa) gặp ngày Nhâm Quí (thuộc Thủy) thì chết, Phổi (thuộc Kim) gặp ngày Bính Đinh (thuộc Hỏa) thì chết, Thận (thuộc Thủy) gặp ngày Mậu Kỷ (thuộc Thổ) thì chết, Tỳ (thuộc Thổ) gặp ngày Giáp Ất (thuộc Mộc) thì chết", đó là theo luật Ngũ Hành tương khắc, gặp ngày khắc thì chết. Giờ đây phàm mạch chơn tạng đã hiện: Gan là tạng thuộc Mộc, bắt đầu từ ngày Giáp, Ất tính đến ngày Canh, Tân là 8 ngày, lại tính thêm đến ngày Canh, Tân nữa là 10 ngày, thế là tổng cộng 18 ngày là đến ngày chết (thí dụ như từ ngày Giáp Tý đến ngày Tân Tỵ là 18 ngày). Tim thuộc Hỏa, từ ngày Bính, Đinh đến ngày Nhâm, Quí là 8 ngày. Giờ đây lại nói 9 ngày, chẳng qua là qua khỏi 8 ngày mà thôi. Phổi thuộc Kim, từ ngày Canh, Tân đến ngày Bính, Đinh là 8 ngày, lại tính đến ngày Bính, Đinh nữa là 18 ngày phải chết. Bây giờ lại nói 12 ngày tức là gặp ngày Canh, Tân (nghĩa là chết ngày bổn thân của nó). Thận thuộc Thủy, từ ngày Nhâm, Quí tính đến ngày Mậu, Kỷ là 7 ngày phải chết. Tỳ thuộc Thổ, từ ngày Mậu, Kỷ tính đến ngày Giáp, Ất là 8 ngày. Bây giờ chỉ nói 4 ngày tức là trừ bỏ ngày Mậu, Kỷ mà tính đến ngày Giáp, Ất vậy.

Nhìn vào phần giải thích trên chúng ta nhận thấy không hoàn toàn nằm trên định luật tương khắc của năm hành, vậy ta hãy thử triển khai nhận xét:

Đoạn chánh văn nầy quyết định trên một định lý nào? Đây là một nghi vấn. Phương chi trên nguyên lý sự vật tổ hợp, nếu hết thảy đều theo nguyên lý nầy thì sự quyết định trên đoạn chánh văn đây cũng chỉ là tương đối. Vì sao thế? Vì sẽ còn nhiều điều kiện phụ thuộc ngoại lai như: ăn uống, thuốc men, tinh thần, niên vận xen vào. Cho nên dù theo một định lý tương khắc của năm hành chăng nữa, ta cũng vẫn phải lưu tâm đến điều kiện chung quanh để mà uyển chuyển. Điểm nầy nếu ai lưu tâm nghiên cứu đều phải nên để ý.

Một điều nữa ta cũng cần nên lưu ý: Thí dụ quyết định theo định

luật ngũ hành tương khắc chăng nữa, nhưng vẫn lấy ngày Thiên can làm trụ cốt. Điều nầy có lẽ ăn khớp với câu "Con người tuy sanh ở mặt đất nhưng bản mạng vốn ở bao la". Vậy chúng ta hãy cùng nhau cứu xét.

BÌNH:

Người Âu Tây hay dùng cây thước chết, cây thước khẳng định để mà đo tất cả sự vật sống. Ngược lại người Á Đông dùng cây thước sống, cây thước bất định để mà đo tất cả những sự vật sống một cách bất định. Nhìn vào cách thế tìm hiểu sự vật của đôi bên, ta đủ thấy cách phát triển của bộ óc với trái tim khác nhau là dường nào.

Đoạn 5

PHIÊN ÂM:

Viết: Nhị dương chi bệnh phát tự tâm tỳ, hữu bất đắc ẩn khúc. Nử tử bất nguyệt, kỳ truyền vi phong tiêu, kỳ truyền vi tức phẩn giả, tử bất trị.

Viết: Tam dương vi bệnh, phát hàn nhiệt, hạ vi ung thũng, cập vi nuy khuyết chuyên quyên; kỳ truyền vi sách trạch, kỳ truyền vi đồi sán.

Viết: Nhất dương phát bệnh thiểu khí, thiện khái, thiện tiết; kỳ truyền vi tâm thích, kỳ truyền vi cách.

DỊCH:

Nếu bệnh của Dương minh phát lên do tạng Tim và tạng Tỳ, đó là trường hợp bệnh tâm lý, tức là trong tâm có việc ẩn khúc không thể thố lộ. Nếu là người nữ thì kinh kỳ bế tắc, bệnh truyền làm ra chứng phong tiêu(1), làm ra chứng tức phẩn(2) thì chết không trị được.

Nếu là Thái dương bị bệnh phát làm lạnh nóng, chạy xuống các bộ phận bên dưới làm ra u nhọt sưng sốt hoặc làm ra bệnh teo, bệnh khuyết hoặc làm ra bắp chuối mỏi rời rã. Nếu truyền đi nữa làm tinh huyết khô kiệt, hoặc truyền đi làm ra chứng đồi sán(3).

Nếu là Thiếu dương phát bệnh thì làm ra chứng thiếu khí, hay ho, hay đi tiêu chảy. Hoặc truyền đi làm đau nhói trong Tim, hoặc truyền làm chứng ngăn cách ăn vào ói ra.

CHÚ THÍCH:

(1) **Chứng phong tiêu**: là một biến chứng do tâm lý bế tắc không lưu thông, bên trong phát nóng sanh ra sức hấp dẫn chuyển dời trong cơ thể, làm cho các bắp thịt bị tiêu hao; cho nên gọi là "phong tiêu".

(2) **Chứng tức phẩn**: là một bệnh tâm lý bế tắc sanh ra phong tiêu, làm cho Phổi bị héo đi và co dúm lại, người bệnh thở mệt so vai như là hơi thở bị phẩn uất; cho nên gọi là "tức phẩn".

(3) **Chứng đồi sán**: là một biến chứng của bệnh hàn thủy thuộc Thái dương chạy xuống hiện ra ở ngoại thận có hai thứ khác nhau: một là khí lạnh chìm vào hệ thống dây thần kinh từ Ruột non xuống đến ngoại thận, làm cho đường kinh từ bụng dưới xuống ngoại thận hồi mới sanh đã thắt lại mà bây giờ lại dãn nở ra và màng Ruột non cũng như màng hạ tiêu cũng bị dãn ra. Nên Ruột non và màng hạ tiêu theo đường kinh ấy mà tuột xuống ngoại thận, làm cho ngoại thận căng ra mà Ruột non bị bế tắc. Chứng nầy Tây y gọi là sa ruột.

Hai là khí lạnh chìm xuống dưới theo màng ngoại thận mà ngưng đọng thành nước, làm cho ngoại thận càng ngày càng căng to. Nhưng sự thật là lớp bọc nước bên ngoài càng ngày càng nhiều, chớ không phải hột ngoại thận to lên.

Nguyên lai bất cứ bộ phận nào trong cơ thể cũng đều có lớp màng bọc, khoảng giữa có chứa một thứ nước với một độ lượng nào để khỏi bị cọ xát tổn thương. Tất cả nước trong châu thân đều thuộc về Thái dương. Thái dương thuộc về phần phủ, Thiếu âm thuộc về phần tạng.

Khi phần Thái dương bị biến động ngừng trệ thì lượng nước tự nhiên tăng lên. Nếu bệnh không can hệ gì đến Thiếu âm (nghĩa là đến tạng Thận), thì nước ấy chỉ trong mà không nhờn. Nếu tạng Thận cùng có bệnh thì nước ấy không những càng ngày càng tăng mà lại nhờn đặc nữa. Chứng nầy Tây y gọi là màng dái có nước (Hydrocèle).

Cả hai chứng nói trên hình như người xưa đều gọi là "đồi sán", điều nầy mỗi người nên cùng lưu tâm nghiên cứu. Đến sau nầy phần LINH KHU sẽ có nói đến bệnh nầy giải quyết bằng phương pháp mổ, ta hãy chờ xem.

GIẢI:

Đây là một đoạn chia làm ba phần để phân luận sự phát bệnh của ba kinh dương, mà triệu chứng lệch về phần Túc. Và trong chỗ không lời dụng ý nói lên sự tương quan mật thiết của Túc Dương minh (Vị) với các tạng mà tạng Tim và tạng Tỳ là hai tạng quan trọng nhất.

Vị là phủ của Tỳ, nằm phía trước Tỳ âm và Thận, bên trái có Tỳ dương, bên phải có tạng Gan, bên dưới nối với Ruột non, bên trên đụng chẽn vừng, cuống nó mắc liền với chẽn vừng. Chẽn vừng là cửa ải ra vào của khí hóa và ăn uống. Ăn uống theo cuống Vị qua chẽn vừng, rồi vào Vị; còn phần khí bên trong tận dưới Bàng quang bốc lên cũng theo Tam tiêu mà đi qua chẽn vừng để đạt ra ngoài mặt da. Trên chẽn vừng là tạng Tim và tạng Phổi. Vị thuộc Táo Thổ, Tỳ thuộc Thấp Thổ. Về luật năm hành biến hóa tương sanh trong thân thì Mộc sanh Hỏa, Hỏa sanh Thổ, Thổ sanh Kim, Kim sanh Thủy. Do thế tương sanh nầy mà phần khí của tạng Tim phải theo dây thần kinh để liên lạc xuống Tỳ Vị. Và sự tiếp tế của Vị cho năm tạng đều phải nương nhờ nơi tạng Tỳ. Địa thế của Vị lại nằm trúng theo lằn dòng điện năng lực của mạch Nhiệm (đại động mạch và đại tĩnh mạch).

Tất cả chót vót của đầu dây thần kinh cũng như động mạch và tĩnh mạch máu đỏ với chót vót cơ cấu tuần hoàn máu trắng bên dưới đều chầu về bộ phận sanh dục, mà phần tử cung của người nữ lại càng quan trọng hơn.

(Xem hình Vị phủ chia làm năm khu) theo sự trình bày, ta có thể

nhìn thấy Vị là một ngôi chợ trời được chia làm ba phần năm khu vực khác nhau: Phần trên là hai khu vực thuộc Tim, Phổi; phần giữa bên phải thuộc Gan, bên trái thuộc Tỳ; phần bên dưới là vùng thuộc Thận và bổn thân của Vị là ở chính giữa.

Sự biến động thái quá của tánh tình theo năm tạng làm cho con người sanh bệnh, tức là Tim vui, Gan giận, Thận buồn, Phổi lo, Tỳ nghĩ. Nghĩa là hễ vui quá thì tạng Tim bị dãn, giận quá tạng Gan bế tắc, buồn quá tạng Thận mất lưu thông, lo quá tạng Phổi co dúm lại, nghĩ quá tạng Tỳ bị đình đốn. Và mỗi khi có một tạng bị biến động là ảnh hưởng đến những tạng kia, mà còn quy tụ về Vị nữa.

Tâm thức của con người tuy có nhiều khía cạnh, nhưng chung quy cũng từ bổn tánh và xuất phát từ tạng Tim, vì tạng Tim là nguồn cội của sự sống toàn thân. Bởi thế nên bệnh của Vị có thể do hai động cơ: Hoặc theo động cơ sanh hoạt, ăn uống do thiếu hiểu biết gây nên; hoặc theo động cơ tâm thức biến động mất thăng bằng mà tạng Tim là quan trọng nhất. Thế nên chánh văn mới nói: Bệnh của Dương minh phát tự tâm Tỳ là thế.

Cả tạng Tim và tạng Tỳ đều thuộc về phần huyết. Con người mỗi khi gặp phải những nỗi niềm tâm sự, nói không nói ra được, nín không tiêu đi được, chất chứa lại trong lòng, tinh thần lúc nào cũng bị gặm nhấm cắn rứt.

Phụ nữ thọ bẩm thuộc về phần âm, thể tĩnh, phái yếu, bẩm chất luôn luôn thu liễm vào khó buông xả ra. Vì tính chất yếu đuối nên rất sợ thị phi dư luận, rất thích hư vinh; do những điều kiện vừa nói trên, làm cho mỗi khi tâm lý bị biến động đều bị sức rọi trở vào, làm ảnh hưởng vào phần huyết. Nên chánh văn mới nói: nếu là người nữ thì làm bặt đường kinh. Bởi vậy có những trường hợp bệnh Vị, khi khám bụng đè vào Vị trên lằn điện tuyến của mạch Nhiệm, ta thấy có chỗ kết cứng lại, và luồng cảm giác đau nhói bên trên thấu đến tạng Tim, bên dưới thấu đến Tử cung.

Khi tâm lý bị mất thăng bằng, tinh thần bên trong luôn luôn bị nung đốt gây thành chứng nội phong do sức hấp dẫn của hai hệ thống khí âm dương nóng lạnh.

Mạch máu là thành phần ngoài của Tim, bắp thịt là thành phần ngoài của tạng Tỳ, Vị là cơ quan tiếp tế thường trực. Giờ đây tạng Tim, tạng Tỳ và phủ Vị đều bị bệnh, lẽ tất nhiên biến chứng của nó phải đi đến bắp thịt bị khô teo, lại thêm kinh kỳ bị bế tắc, máu huyết không được bài tiết thay đổi một cách bình thường, khí thán trong máu càng ngày càng súc tích. Như thế không thể nào không càng ngày càng ròm rõi.

Tạng Tim thuộc Hỏa giữ phần khinh khí, tạng Phổi thuộc Kim giữ phần dưỡng khí. Giờ đây trong tâm bị ưu uất, tạng Tim mất lưu thông, sức nóng của khinh khí càng ngày càng ngột ngạt. Tạng Phổi vì bị ưu uất cũng co lại, làm cho phần dưỡng khí của Phổi với phần khinh khí của Tim mất quân bình. Do đó Hỏa không sanh Thổ được, Thổ cũng không sanh Kim được mà trái lại Hỏa khắc Kim. Vì Kim không sanh Thủy được, nên Thủy không chế được Hỏa làm cho Phổi càng ngày càng khô héo, chẽn vừng càng ngày càng rút lên, lồng ngực càng ngày càng bóp thắt lại, hơi thở bị dồn ép phẩn uất nên thở so vai. Cho nên chánh văn nói: bệnh truyền làm ra chứng thở so vai.

Thế là bệnh tuy ở phủ, nhưng kỳ thiệt phát từ tạng Tim và tạng Tỳ, vì gốc rễ của nó từ tâm. Nếu mối rối ở tâm không gỡ được thì dù cho có thuốc tiên cũng không chữa được; cho nên gọi là chết không trị được.

Tuy nhiên nếu sớm biết bệnh từ tâm sanh, nếu phân rõ được trình độ bệnh lâu mau nặng nhẹ, biết cách điều động tâm lý thì lương y cũng có thể trị được. Đây là ý ngoài lời, để cho những hàng thiệt học thâm sâu tỉnh ngộ. Chúng ta nên để ý.

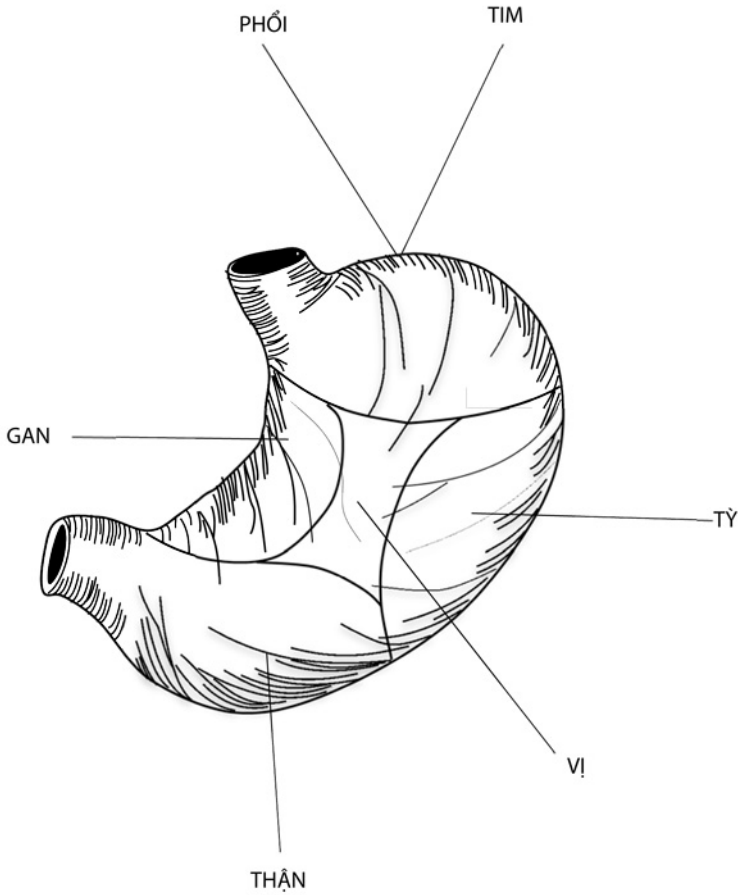
Phần khí của Thái dương bên ngoài chiếm trọn mặt da ngoài, khi co vào thấu đến mặt da trong của tạng phủ. Phần điện tuyến kinh mạch của nó chiếm trọn phía sau lưng, xuống tới gót chân thuộc về phần dây thần kinh giao cảm bên ngoài. Bên trong tạng phủ của nó là sự hợp tác giữa Ruột non và Bàng quang, bên trên quan hệ với bộ hô hấp. Về khí hóa của nó thì khí gốc là hàn (theo Bàng quang), khí ngọn của nó là dương (theo Ruột non). Tác dụng của nó là mở. Thế nên mỗi khi mặt da bị khí lạnh xâm chiếm, phản ứng trước nhất của nó là phát nóng sợ lạnh mà thông thường gọi là nóng lạnh. Sự phản ứng nầy còn thuộc về phần ngoài, phần trên, phần khí.

Nếu tà khí lấn vào sâu một chút, xuống thấp một chút thì tác dụng mở bị bế tắc. Chỗ nào bị bế tắc đi nghịch vào trong bắp thịt sẽ làm ra sưng sốt u nhọt, hoặc lần xuống thấp vào sâu chút nữa thì làm ra bắp thịt bị tiêu hao và sanh chứng khuyết nghịch bởi khí dương trong kinh không được lưu thông. Nếu chìm xuống thấp tận bên dưới, thì làm ra chứng bắp chuối bị rời rã mỏi mê. Cho nên mới nói: Ba dương phản ứng làm bệnh phát lên nóng lạnh, chìm xuống dưới làm u nhọt sưng sốt hoặc làm ra chứng nuy, chứng khuyết nghịch, chứng bắp chuối mõi mê rời rã là tại vậy.

Thái dương thuộc về hàn thủy mà tạng của nó là Thiếu âm, cho nên biến chứng của nó có hai bề: nếu là chứng khô thì làm ra tân dịch bị cạn kiệt, nếu là chứng hãm thì làm ra đồi sán. Nên chánh văn mới nói: nếu truyền đi thì làm ra chứng khô nước hoặc làm ra chứng đồi sán.

Cơ cấu của Thiếu dương thuộc về tướng Hỏa, khí của nó gốc là Hỏa mà ngọn là dương, thành phần ngoài thân của nó là bầy nhầy, thành phần trong tạng phủ là Mật và Tam tiêu, tạng của nó là Bọc tim và Gan, vùng điện tuyến kinh mạch bên ngoài thân của nó là hai bên chiều hông của thân, nó là cơ cấu nối liền tất cả tạng phủ, là khí dương còn nhỏ, tác dụng của nó là đưa đẩy ra vào đều được, trên dưới thông nhau, bên trên nó đi qua chẽn vừng để lên kết lại ở Bọc tim, bên dưới kết ở Thận dương bên phải. Vì nó là Thiếu dương nên là then máy của sanh khí, cho nên ở thiên thứ năm có nói: "thiếu Hỏa sanh khí". Vì thế mà khi nó phát bệnh làm cho thiếu khí, hay ho và đi tiêu chảy. Ho tức là Hỏa lấn Kim, còn chứng đi tiêu chảy nơi đây là thuộc về chứng dương chớ không phải chứng âm. Và cũng vì thế mà khi truyền đi theo hệ thống của nó lên Tim làm ra chứng Tim đau nhói. Vì Mộc tà thạnh khắc Vị Thổ, mà chẽn vừng là nơi thuộc về Thiếu dương, lại cũng là nơi gặp gỡ của chẽn vừng và Vị; cho nên có biến chứng làm ăn vào không thông. Nên chánh văn mới nói: hoặc biến chứng làm Tim đau nhói, làm ngăn cách ăn uống không thông.

HÌNH 7.3: ĐỒ BIỂU VỊ PHỦ CHIA LÀM NĂM KHU



Đoạn 6

PHIÊN ÂM:

Nhị dương nhất âm phát bệnh, chủ kinh hãi, bối thống thiện ố, thiện khiếm, danh viết phong khuyết.

Nhị âm nhất dương phát bệnh thiện trướng, tâm mãn thiện khí.

Tam dương tam âm phát bệnh vi thiên khô nuy dịch, tứ chi bất cử.

DỊCH:

Dương minh với Khuyết âm phát bệnh, chủ về kinh hãi, lưng trên đau, hay ợ hơi, hay ngáp gọi là chứng phong khuyết(1).

Thiếu âm với Thiếu dương cùng phát bệnh, thì có triệu chứng hay trướng, nghe trong Tim đầy, hay làm ra khí uất thở dài.

Thái dương và Thái âm cùng phát bệnh làm ra triệu chứng thiên khô nuy dịch(2), tay chân không cất nổi.

CHÚ THÍCH:

(1) **Chứng phong khuyết**: Bọc tim và Gan là hai bộ phần về Khuyết âm, thuộc về Phong Mộc. Phong Mộc bị bệnh can phạm đến Dương minh Vị Thổ, cho nên gọi là "phong khuyết".

(2) **Thiên khô nuy dịch**: "thiên" là lệch, "khô" là khô ráo, "nuy" là teo, "dịch" là không nhất định chỗ nào. Như vậy "Thiên khô nuy dịch" tức là ở tay chân có một bên nào teo liệt. Nên mới có câu tiếp theo là tay chân không cất nổi.

GIẢI:

"Hai dương" là Dương minh, Dương minh ở đây là Túc Dương minh thuộc Vị thuộc Thổ. "Một âm" là Túc Khuyết âm thuộc Gan thuộc Mộc. Vốn là cái thế Mộc khắc Thổ, cho nên khi cả hai phần nầy phát bệnh phải làm ra kinh hãi. Hễ Thổ bệnh khi nghe tiếng gỗ thì sợ, Mộc bệnh thì hay hoảng hốt.

Lưng là phần dương của thân, Khuyết âm chủ về khí Xuân dương Can Mộc, nên phía sau lưng khí bốc lên làm lưng trên đau. Vì Mộc tà phạm vào Vị làm cho trong Vị nhiều hơi nên hay ợ hơi.

Hay ngáp là một triệu chứng có nhiều nguyên nhân, nhưng đây lại là chứng khuyết nghịch của gan. Vì thế nên kết bằng câu gọi là chứng phong khuyết.

"Hai âm" là Túc Thiếu âm thuộc Thận thuộc Thủy, "một dương" là Túc Thiếu dương thuộc Mật thuộc Hỏa. Khi hai hệ thống nầy bệnh, nếu tà khí ở Mật có thừa thì lấn Tỳ Thổ, nên làm ra hay trướng; tà khí ở Thận có thừa lấn đến Tâm Hỏa, nên làm ra Tim đầy. Làm sao mà biết được chứng có thừa? Vì cuối cùng kết bằng hai chữ "thở dài".

"Ba dương" là Thái dương thuộc Bàng quang thuộc Thủy, "ba âm" là Thái âm thuộc tỳ thuộc Thổ. Thái dương chủ về phía sau thân người, là phần chánh của ba kinh dương. Thái âm chủ về tay chân, là phần chánh của ba kinh âm. Khi hai phần nầy đều bệnh, khí Thái dương và khí Thái âm đều không đủ, lẽ tất nhiên phải phát lên làm Thiên khô nuy dịch, tay chân không cất nổi.

Đọc suốt hai đoạn trên ta thấy hoàn toàn trình bày về hiện tượng triệu chứng hơn là lý do, và cũng không thấy nói đến làm cách nào để biết chắc rằng đó là bệnh của trường hợp ấy. Thế là ở đây chưa đá động gì đến khía cạnh khám bệnh và định bệnh. Vì thế nên tầm mắt của chúng ta phải lưu tâm đến trở về trước hoặc trở về sau, để sự hiểu biết trở nên hệ thống mạch lạc.

BÌNH:

Tinh thần Đông Phương vốn là một thứ hình tròn không có tướng, không đầu không đuôi. Vậy nên khi nói ra cũng chỉ là phương tiện tạm bợ. Cho nên người nói là phương tiện mà nói, người nghe cũng phải phương tiện mà nghe với cả một tấm lòng thành thì mới mong có kết quả.

Hình như người xưa nói ra là chỉ để gợi tinh thần thao thức khám phá cho người đọc, chớ không phải nói ra để ta có thể hiểu ngay. Đó chính là ân huệ của người xưa để nhường lại cho ta đó.

Muốn khám phá hết tinh thần NỘI KINH chỉ có hai cách:

1. Ta đã sẵn một tinh thần lưu thông, nhờ đó mà khi đặt hết lòng thành, tự nhiên nhìn đến đâu sẽ tỏ sáng đến đấy. Như thế nghĩa là sao? Nghĩa là Đạo đi trước, kiến thức đi sau thì kiến thức trở nên hữu dụng.

2. Ta hãy trút hết lòng thành chuyên nhất vào một điểm để đi đến mức tâm lãnh thần hội.

Trong hai điểm kể trên phải có một, rồi vấn đề tra cứu sách vở chỉ là phụ thuộc thêm vào thì mới không bị lạc hướng.

Nếu không biết gì hết về tâm là đầu dọc của vạn pháp, bao la là nguồn cội của muôn trùng hiện tượng, chuyên môn đổi quả là chuyện làm của trẻ con thì nghĩa chữ "Y" cũng chỉ là một thứ nghề làm ăn có nhiều mánh lới như bao nhiêu nghề khác trong cuộc sống. Thế thì tất cả những trường hợp bệnh tật xuất phát từ tâm đều có thể là bệnh chết bất trị. Như thế dù tổ chức y học đó có rườm rà máy móc, bệ vệ huy hoàng, dẫy đầy phương tiện hay thô sơ cổ lỗ, nghèo nàn bẩn thỉu, lay lất chật vật cũng chỉ là một thứ y học què xuội mất đi hết 70%.

Nếu tâm là đầu dọc của vạn pháp, tinh thần là thứ chiếm hết 70% quan trọng trong cuộc sống.

Nếu tâm lý vật lý với sinh lý cùng một nguồn cội.

Nếu không biết gì hết về tâm thì cũng không biết gì hết về vật, không biết gì hết về tinh thần thì cũng không biết gì hết về xác thân. Thế thì trên thế giới loài người hiện nay vẫn chưa có một nền y học thật đúng với nghĩa y học cũng như thật đúng với nghĩa khoa học.

Nếu đa số loài người ngày nay đừng có chỉ đam mê về hướng vật chất bề ngoài, thì vấn đề y học không đến nỗi lạc hậu.

Nếu đa số quần chúng biết chú trọng vấn đề tinh thần, thì biết đâu đa số người được mệnh danh là thầy thuốc hiện nay lại không chỉ để ngáp ruồi?! Thế mới biết: Thầy thuốc là con đẻ của bệnh nhân, mà bệnh nhân cũng là con đẻ của thầy thuốc.

Thế mới biết: Ngày nay phương tiện càng dồi dào, thuốc men phát minh càng lắm mà bệnh chết oan cũng tràn ngập đó đây, đều là nhờ ở công chỉ biết chú trọng đến vật chất và đổi quả.

Nếu một tiếp xúc của vị lương y với bệnh nhân mà vấn đề tinh thần cũng như ăn uống, sinh hoạt, gia đình, tập quán nhất nhất đều được phân minh, rồi mới nói đến phương tiện và thuốc men, thì dù cho phương tiện không có rườm rà, thuốc men thật là đơn giản chăng nữa, cũng không vì lẽ quá ư đơn giản mà là không khoa học, không Y Đạo.

Nếu tinh thần u mê đau khổ, quyết định là nguồn cội của bệnh ngặt. Vậy thử hỏi một tổ chức nhà nước đối với sức khỏe của một dân tộc; cũng như một cơ cấu hữu quyền về y tế của một nước phải đặt nền móng cho y tế sao đây??

Nếu sức khỏe cũng như tuổi thọ của loài người mà chỉ ở ăn uống đầy đủ, tắm rửa sạch sẽ, dục vọng thỏa mãn và chích thêm thuốc ngừa thì thật là giản tiện. Và đến ngày nay có lẽ chúng ta cũng không nẻo chen chân.

Nếu đọc NỘI KINH gặp những đoạn như hai đoạn trên mà chán, thế tất sẽ gặp những đoạn còn chán hơn. Mà lòng đã còn chán với thích, tất nhiên là chưa bình thường.

Tâm đã không bình thường, y như là mặt nước bị chao động không thấy được những vật bên dưới, thì làm sao khám phá được NỘI KINH? Phải biết! Phải biết!

Đoạn 7

PHIÊN ÂM:

Cổ nhứt dương viết Câu, cổ nhứt âm viết Mao, cổ dương thắng cấp viết Huyền, cổ dương chí nhi tuyệt viết Thạch, âm dương

siêu tỵ viết Lưu.

DỊCH:

Mạch động một dương gọi là Câu; động một âm gọi là Mao; mạch động ở phần dương là mạnh, gấp gọi là Huyền; động ở phần dương mà đè xuống sát đến xương vẫn có thì gọi là Thạch; nếu động mà âm dương điều hòa thì gọi là Lưu.

GIẢI:

Tới lui nhận xét thật kỹ đoạn nầy, ta thấy chỉ là trình bày mạch bình thường của năm tạng, bốn mùa, hai tay phân theo âm dương mà nói một cách khác đi.

Hai chữ "một dương" ở đây, cũng như nói: bộ trên bên trái, vì tay trái thuộc dương. Hai chữ "một âm" cũng để ám chỉ cho bộ trên bên phải vì tay phải thuộc âm. Theo cách nhận xét nầy ta có thể biến ra cách nói khác đúng theo nghĩa của chánh văn muốn nói như sau: Bộ tả Thốn thuộc về tạng Tim mùa Hạ, mạch bình thường của nó phải hơi Hồng. Hữu Thốn thuộc về tạng Phổi mùa Thu, mạch bình thường của nó phải hơi Phù Sắc. Tả Quan thuộc về tạng Gan mùa Xuân, mạch bình thường của nó hơi Huyền cấp. Tả Xích thuộc Thận mùa Đông, mạch bình thường của nó hơi Trầm Thiệt. Hữu Quan thuộc về tạng Tỳ vượng theo tứ quý âm dương điều hòa, cho nên nói phải hơi Hoãn.

Nhận xét theo cách nói trên có thể bảo đảm không sai lầm, nhưng còn một điều ngờ là không hiểu tại sao đoạn nầy lại không ở trước đoạn 4, và tại sao lại dùng cách nói khó khăn như thế? Làm như là do từ sự sao chép sơ sót đảo lộn. Nhưng vì vẫn là vấn đề mạch bình thường của bốn mùa, nên không trái với tinh thần "Âm dương biệt luận" của trọn thiên. Đây cũng là một điều mà chúng ta phải cùng chung để ý.

Đoạn 8

PHIÊN ÂM:

Âm tranh ư nội, dương nhiễu ư ngoại; phách hạn vị tàng, tứ nghịch nhi khởi, khởi tắc huân phế, sử nhơn suyễn minh.

Âm chi sở sanh, hòa bổn viết hòa; thị cố cang dữ cang, dương khí phá tán, âm khí nãi tiêu vong; trạo tắc cang nhu bất hòa, kinh khí nãi tuyệt.

DỊCH:

Âm dương vốn phải nương nhau mà sanh, nương nhau mà hòa. Giờ đây khí âm lại không giao với phần dương, chỉ quay trở vào trong mà tranh với phần âm; khí dương lại không giao với phần âm mà quay trở ra ngoài nhiễu loạn với phần dương, làm cho mồ hôi chưa liễm được mà chứng tứ chi khuyết nghịch đua nhau khởi. Khi khởi lên thì xông lên Phổi làm cho con người thở suyễn có tiếng kêu.

Âm dương vốn phải giao nhau mà sanh mới được gọi là hòa. Giờ đây khí dương cang cùng với khí dương cang hợp, thì khí dương phải phá tán mà khí âm phải tiêu vong. Hễ là không giao với nhau, thì cang nhu không hòa, khí của kinh bèn tuyệt.

GIẢI:

Trọn hết đoạn nầy không ngoài muốn nói lên vấn đề âm dương dinh vệ huyết khí không giao nhau, làm cho cơ sanh hóa trong kinh mạch bị bế tắc (khác hơn trường hợp mạch chơn tạng hiện mà âm dương không giao nhau, ta nên để ý).

Hễ là phần huyết bên trong thì phải giao với phần khí bên ngoài, phần khí bên ngoài phải giao với phần huyết bên trong. Âm dương trong ngoài phải nương nhau mà tồn tại. Giờ đây vì một lẽ gì làm cho phần dương, phần khí vệ bên ngoài không giao với phần âm, phần khí dinh bên trong, mà chỉ đổ dồn ra phía ngoài; cũng như phần dinh, phần âm ở bên

trong không giao với phần dương phần khí vệ bên ngoài, mà chỉ đổ dồn vào bên trong. Thế là âm ra âm, dương ra dương, cang hợp với cang, nhu hợp với nhu, làm cho sự liên lạc lẫn nhau giữa âm dương bị cắt đứt, khí dương bên ngoài nhiễu loạn, mồ hôi đầm đìa không liễm được, âm dương không giao nhau làm cho tay chân khuyết nghịch nổi dậy, mỗi khi nổi lên là xông lên Phổi hiện ra triệu chứng thở suyễn. Âm dương đã không giao nhau như thế, lẽ tất nhiên khí dương phải bị phá tán, khí âm phải bị tiêu vong, thế là kinh khí phải tuyệt.

BÌNH:

Nếu trong âm có dương, trong dương có âm; và âm với dương phải giao nhau, huyết với khí phải giao với nhau thì mới có cơ sanh hóa là một định lý. Thì đoạn trên đây trong chỗ ngoài lời, đã nói lên cho ta biết âm dương cũng chỉ là một thứ hiện tượng điện. Hễ điện dương gặp điện âm, điện âm gặp điện dương thì hút; còn điện dương gặp điện dương, điện âm gặp điện âm thì xô. Trong điện dương có điện âm, trong điện âm có điện dương, chớ chẳng có chi khác lạ.

Đoạn 9

PHIÊN ÂM:

Tử âm chi thuộc bất quá tam nhựt nhi tử, sanh dương chi thuộc bất quá tứ nhựt nhi dĩ. Sở vị sanh dương tử âm giả, Can chi Tâm vị chi sanh dương; Tâm chi Phế vị chi tử âm, Phế chi Thận vị chi trùng âm, Thận chi Tỳ vị chi tịch âm, tử bất trị.

DỊCH:

Hễ thuộc loại bệnh âm bệnh chết thì không qua khỏi ba ngày là chết, thuộc loại bệnh dương bệnh sống chẳng qua độ bốn ngày là khỏi. Cái gọi là bệnh dương bệnh sống, hay bệnh âm bệnh chết là như sau: Thí dụ như bệnh ở Gan truyền lên Tim thì gọi là thuộc loại bệnh dương bệnh sống. Còn bệnh từ Tim mà truyền sang

Phổi thì gọi là thuộc loại bệnh âm bệnh chết. Rồi từ Phổi truyền sang Thận gọi là trùng âm, từ Thận truyền sang Tỳ gọi là tịch âm đều chết không trị được.

GIẢI:

Đoạn nầy muốn nói bệnh ở tạng truyền nhau có phân ra sống chết khác nhau, số ngày chết và số ngày khỏi cũng khác. Và tổng quát cả trường hợp sống, trường hợp chết có ba cách như sau:

1. Nếu tạng bệnh thuộc dương, mà tạng truyền bệnh là tạng thuộc hệ thống tương sanh trên nó một bậc, thì gọi là loại sanh dương chẳng qua độ bốn ngày thì sống.

2. Nếu tạng bệnh thuộc âm, mà tạng truyền bệnh là tạng khắc nó, thì gọi là loại tử âm chẳng qua độ ba ngày thì chết.

3. Nếu tạng bệnh thuộc âm mà tạng truyền bệnh cũng thuộc âm, dù tương sanh cũng gọi là trùng âm, thí dụ như Phổi truyền bệnh cho Thận; rồi từ tạng âm ấy lại truyền đi đến một tạng âm nữa theo thế lật ngược của tương khắc, thí dụ từ Thận lại truyền sang cho Tỳ, thì gọi là tịch âm, là bệnh càng ngày càng đi sâu vào cõi chết không trị được.

Về số ngày chết cũng như số ngày khỏi, nơi chánh văn không nói là dựa vào một nguyên lý nào rõ rệt mà lại nói một cách khẳng định, khác hơn những trường hợp mạch chơn tạng hiện ở đoạn 4. Vậy nên tinh thần sống chết nơi đoạn nầy đòi hỏi phải chờ mỗi người có một giai đoạn chứng nghiệm trong thực tập chớ không thể nào dùng lý trí mà đoán suông được. Nơi trường hợp chết thứ 3, ở câu chót trong chánh văn nói một loạt bệnh từ Phổi truyền sang Thận gọi là trùng âm, rồi Thận truyền sang Tỳ mà gọi là tịch âm. Ta có thể nhận xét thấy được là bệnh từ âm truyền sang âm, từ lưu thông đến chỗ bế tắc, từ tạng yếu đi lấn vào tạng mạnh. Cho nên đi lần vào cõi chết là phải.

Đoạn 10

PHIÊN ÂM:

Kết dương giả thũng tứ chi. Kết âm giả tiện huyết nhứt thăng, tái kết nhị thăng, tam kết tam thăng. Âm dương kết tà, đa âm thiểu dương, danh viết thạch thủy, thiểu phúc thũng. Nhị dương kết vị chi tiêu. Tam dương kết vị chi cách. Tam âm kết vị chi thủy. Nhứt âm nhứt dương kết vị chi hầu tê.

DỊCH:

Khí ở phần dương kết lại làm ra thũng ở tay chân. Khí ở phần âm kết lại làm ra chứng đi tiêu ra máu một thăng, nếu lại ngưng kết lần nữa thì đi tiêu ra máu hai thăng, nếu ngưng kết đến lần thứ ba thì đi tiêu ra máu ba thăng.

Cả phần âm lẫn phần dương đều bị tà khí kết, hễ âm nhiều dương ít thì gọi là chứng Thạch thủy(1), ở dạ dưới thũng.

Nếu khí ở Dương minh kết lại thì gọi là chứng Tiêu khát(2). Nếu khí ở Thái dương kết thì gọi là Cách(3). Nếu khí ở Thái âm kết thì gọi là Thủy(4). Nếu khí ở Khuyết âm và Thiếu dương kết lại thì gọi là chứng Hầu tê(5).

CHÚ THÍCH:

(1) **Chứng Thạch thủy**: Trong màng bụng chứa nhiều nước mà bụng căng cứng như đá, và nguyên nhân của nó từ tạng Thận, nên mới gọi là "Thạch thủy".

(2) **Chứng Tiêu khát**: "Tiêu" là tiêu hao, "khát" là khát nước. "Tiêu khát" tức là khát nước uống bao nhiêu cũng không hết khát. Chứng nầy có ba loại khác nhau:

1. Là bệnh ở Thận.

2. Bệnh ở Tỳ.

3. Bệnh ở Vị.

Mà nơi đây muốn nói là bệnh ở Vị.

(3) **Chứng Cách**: Là một chứng bệnh của vùng chẽn vừng giáp với cuống Vị, làm cho trở ngại ăn uống không thông, mà bên dưới táo bón thuộc về chứng của Thái dương.

(4) **Chứng Thủy**: "Thủy" nghĩa là bệnh nước, vì Tỳ khí kết thì nước của thức ăn uống vào dạ dày không vận hành được mà làm ra chứng Thủy nghịch.

(5) **Hầu tê**: là một chứng bệnh mà bây giờ người ta thường gọi là bệnh Yết hầu, hoặc gọi là Bạch hầu phong (Diphtérie).

GIẢI:

Đại ý đoạn nầy là nêu lên sự ngưng kết của các kinh làm thành ra có những triệu chứng bệnh tật khác nhau trong phạm vi "Âm Dương biệt luận".

"Kết" nghĩa là khí huyết ngưng kết không lưu thông, chớ không phải nói hiện tượng mạch. Thế thì vẫn là nối tiếp với những đoạn trên để nói lên về triệu chứng của bệnh tật mà thôi.

Phàm các kinh dương ở tay chân đều thuộc về Phủ, chủ Biểu. Lại nữa, tay chân là nguồn cội của khí dương, nghĩa là tay chân là nguồn cội của hoạt động để tiếp tế sinh lực cho tạng phủ. Do đó nên hễ phần dương của các kinh ngưng kết, thì tay chân phải thũng.

Âm là thuộc về tạng, về huyết, về bên trong, về phần khí Dinh làm chủ. Do đó mà khi phần âm bị ngưng kết, tức là phần huyết bị ngưng đọng không lưu thông, súc tích bên trong, mạch máu ở bộ tiêu hóa phải bị bể ra, làm ra đại tiện huyết.

Nói: Đi tiêu ra huyết một thăng, hai thăng, ba thăng hoặc nói: một lần ngưng kết, hai lần ngưng kết, ba lần ngưng kết. Theo ý chúng tôi, đây chỉ là một cách diễn tả một lịch trình diễn biến của trường hợp bệnh ngưng kết ở phần âm, phần huyết đi từ nhẹ đến nặng mà thôi. Nhưng tại sao chỉ nói đến lần thứ ba mà không nói thêm nữa? Đến đây ta thoáng thấy nghĩa con số 3 đây là để ám chỉ cho phần ba âm; và đối nghịch lại, câu trên của phần dương cũng chỉ là ba dương.

Trong trường hợp phần âm và phần dương đều có tà khí ngưng kết, nếu âm nhiều dương ít tức là âm thạnh dương hư. Đã gọi là chứng Thạch thủy và dạ dưới có triệu chứng thũng; thế tất chữ "âm" trong câu nầy có lẽ là ám chỉ cho Thận, chữ "dương" là ám chỉ cho Vị.

Khi khí dương ở Dương minh ngưng kết lại không lưu thông, lẽ tất nhiên phải làm ra chứng Tiêu khát. Nên mới nói: nếu khí ở Dương minh kết lại thì làm ra chứng Tiêu khát.

Thủ Thái dương thuộc về Ruột non, Túc Thái dương thuộc về Bàng quang. Ruột non thuộc về phần huyết, công việc của nó là để thâu hút chất bổ và nung nóng cho Bàng quang; công việc của Bàng quang là để nhận tân dịch của các nơi đưa về, nhờ sự nung nấu của Ruột non để hóa khí bốc lên qua khỏi chẽn vừng ra tận bên ngoài làm thành tác dụng bảo vệ. Giờ đây cả hai đều bị ngưng kết, thế tất bên trên không thông ra ngoài, bên dưới sự bài tiết bị ngăn lấp, cho nên nói: Thái dương ngưng kết thì gọi là Cách.

Thủ Thái âm thuộc tạng Phổi là nguồn trên của nước, Túc Thái âm thuộc tạng Tỳ thuộc thấp Thổ. Khi khí âm của hai nơi ấy có sự ngưng kết tất nhiên ở tạng Thận phải có biến động. Thế là đủ cơ duyên cho nước biến động ngập tràn. Nên mới nói Thái âm kết gọi là Thủy.

Thủ Khuyết âm thuộc về Bọc tim, Túc Khuyết âm thuộc về Gan, cả hai đều chủ về Phong Mộc. Thủ Thiếu dương thuộc về Tam tiêu, Túc Thiếu dương thuộc về Mật cả hai đều chủ về tướng Hỏa. Thế là hai tạng, hai phủ hợp lại với cái thế Mộc Hỏa tương sanh, mà cổ họng là nơi gặp gỡ của Thiếu dương và Khuyết âm, và lại là chỗ hẹp nhất của bên trên. Thế nên mỗi khi Khuyết âm và Thiếu dương đồng ngưng kết là tà Hỏa phải đưa hết lên cổ họng, để làm ra bệnh cổ họng mà quan trọng

nhất là chứng Bạch hầu phong. Cho nên mới nói: Khuyết âm và Thiếu dương ngưng kết gọi là Hầu tê.

THAM LUẬN:

Trọn hết đoạn nầy đều chỉ là nói về các chứng ngưng kết của âm dương, để rồi mỗi người sẽ có một kinh nghiệm chứng thực riêng. Nhưng về trường hợp của bệnh Hầu tê rất quan trọng, nên chúng tôi có phần tham luận như sau:

Trong tất cả những trường hợp đau cổ họng trừ loại ung thư cổ họng ra, tuy rằng bề ngoài thấy hình như na ná giống nhau hết, nhưng đặc biệt có hai trường hợp nguy hiểm nhất:

1. Trong cổ họng hoặc một bên hoặc hai bên trên hạch cổ họng nổi nhọt to lên có mủ, toàn thân nóng sốt rồi nghẹn họng mà chết. Nếu đem thuyết âm kết dương kết của NỘI KINH mà nhìn, thì đây hình như chỉ là ở phần dương kết mà thôi. Chứng tuy nguy hiểm, nhưng nếu biết cách điều trị khi mới phát, hoặc khi nhọt đã quá to mà biết cách làm cho bể miệng, thì vẫn cứu được ngay không đến khó mấy. Chứng nầy người Trung Hoa thường gọi là Hầu đao.

2. Cũng trong hai bên hạch cổ họng sưng lên, nhưng không đỏ lắm, mà lại thêm có hai miếng trắng chồng lên như miếng dừa nạo, một bên nổi trước rồi một bên theo sau, cứ thế mà càng ngày càng lớn ra một cách nhanh chóng. Nếu để ý, tính bắt đầu từ triệu chứng phát nóng ngấm ngầm, thì bệnh nầy có thể chết được chỉ trong vòng một tuần lễ đến 10 ngày mà thôi. Nếu không hiểu được thì không tài nào cứu khỏi, và lại còn truyền nhiễm một cách khủng khiếp. Đây mới đích thị là Khuyết âm, Thiếu dương ngưng kết của chánh văn nói đó. Nếu đem so sánh thì chứng nầy mới là chứng nguy hiểm độc đáo. Dù cho ngày nay người ta có cả hệ thống tổ chức dưỡng đường, cả thuốc huyết thanh, thuốc giống ngừa chăng nữa cũng có thể gọi là chưa phanh phui được mặt thật của nó.

Với hai trường hợp bệnh Yết hầu trên đây có những lần chúng tôi được mục kích như sau: trước đây 30 năm, một vị công chức sở Thương chánh của tỉnh lỵ Mỹ Tho mắc phải chứng Hầu đao, vào nằm trong

dưỡng đường sở tại của Chính phủ, bệnh càng ngày càng trầm trọng, bác sĩ không chữa được, chỉ trong mấy hôm mà cổ họng đã bít. Người nhà xin chở về qua ở vùng An Hóa để lo liệu việc chôn cất. Về đến nơi có người chỉ bảo cho một thứ rễ cây, lấy lên đem nướng rồi mài với nước cơm sôi, xong rồi cạy miệng bệnh nhân, dùng lông cánh gà rửa sạch, chấm thuốc ấy mà rơ vào cổ họng. Độ vài phút sau, bệnh nhân liền ói ra mủ máu rồi khỏi.

Cách đây hai năm, một gia đình Hoa kiều ở Sài Gòn, có một em bé gái độ 12 tuổi mắc chứng Bạch Hầu Phong, đưa vào dưỡng đường Đồn Đất chữa trị. Đến mấy hôm sau, em bé bắt đầu nghẹt thở, bác sĩ bèn cắt đứt phía dưới cổ họng để đâm ống thở ra ngoài, vài ba hôm sau em bé chết.

Một gia đình công chức thuộc ngành ngân khố, vì trải qua nạn Mậu Thân, gia đình nghèo túng, mới bày ra nuôi gà Úc châu theo kiểu Mỹ để cứu lại mạch sống gia đình. Một hôm nhân có người bạn có hiểu biết về bệnh tật đến viếng. Thấy thế bèn bảo với chủ nhà rằng: Không nên nuôi gà trong nhà theo kiểu đó nhiều quá, sợ e không khỏi trong nhà sẽ vương bệnh ban đỏ và bệnh Bạch hầu phong nặng. Ông bạn chủ nhà nghe nói thế cũng định giải tán hết số gà đang nuôi, nhưng phải chờ dịp. Lại gặp lúc mùa nắng, đến độ 20 ngày sau trong nhà có hai, ba em bé đau ban đỏ quá nặng, chạy chữa vừa tạm yên lại thêm một loạt bốn, năm người bị bệnh Bạch Hầu Phong. May nhờ người bạn có biết nói trước, và giờ đây cũng nhờ người ấy chữa trị nên đều khỏi cả.

Tây y quả quyết bệnh Yết hầu do vi trùng làm ra, mặc dù họ không trị được, nhưng dựa vào nguyên tắc ấy họ chế thuốc giống ngừa, kết quả của giống ngừa ra sao lại là một việc khác.

Trung y gọi là bệnh Bạch Hầu Phong. Ý nghĩa của chữ "phong" là thế nào? Dù có những trường hợp họ trị được, nhưng chưa thấy có một hệ thống cắt nghĩa thống nhất rõ ràng, mà cũng không nói đến ngừa.

Nay NỘI KINH nói: Khuyết âm và Thiếu dương hợp kết mà sanh ra bệnh nầy. Giờ đây lại thêm vấn đề nuôi gà Úc châu dễ phát sanh bệnh nầy. Vậy mặt thật của bệnh nầy nằm đâu?

Bất cứ một bệnh tật gì nếu ta không lưu tâm đến những điều kiện có thể tương quan như: thời tiết, khí hậu, hoàn cảnh xã hội, hoàn cảnh gia đình, sinh hoạt, ăn uống, tinh thần, thọ bẩm, v.v. Thì dù cho điều kiện thuốc men trị liệu có dồi dào đến đâu cũng vị tất đã dễ dàng thâu hiệu, ngoài ra còn có thể là những khe hở để cho bộ mặt thật của bệnh tật ẩn tàng. Như thế sự kết luận của chúng ta cũng vị tất đã là hoàn toàn chính xác. Phương chi trong cuộc sống tương quan nầy, vật chất phát triển một cách quá bộn bề, thế giới càng ngày càng thu hẹp lại; do đó mà phương pháp cắt khứa sự việc ra từng mảnh vụn để giải quyết không thể là chân lý được. Kìa, như Tây y chẳng đã từng nói sao: hết thảy các loại vi trùng gây thành bệnh có nhiệt độ đều luôn luôn thích đường và ngọt. Thế mà trong những trường hợp bệnh sốt xuất huyết cũng như bệnh Yết hầu, khi vào nhà thương cứ để cho bệnh nhân tha hồ uống sữa, để đến nỗi chết mất. Thế là cái biết của chúng ta theo kiểu máy móc bị kẹt vào từng cục để riêng, nên không nhìn được toàn diện bộ mặt thật của nó. Như thế làm sao biết được chuyện nuôi gà Úc châu theo kiểu Mỹ chắc chắn có quan hệ gì với bệnh Yết hầu, bệnh Ban đỏ không? Bởi vậy ngành chăn nuôi cứ tuyên truyền theo kiểu ngành chăn nuôi, y khoa cứ làm việc theo kiểu y khoa, khối nào theo khối nấy không cần biết nhau, làm như là hết thảy những việc trong trời đất nầy đều không có dính dấp gì nhau hết. Chỉ việc nuôi gà Úc châu theo kiểu Mỹ ngay trong thành thị, mấy ai đã được am tường hậu quả. Chuyện gia đình vị công chức nuôi gà Úc châu bị bệnh Yết hầu như đã kể trên hoàn toàn là sự thật mười mươi. Vậy nên tôi mong rằng tất cả những người có trách nhiệm chuyên môn, đều nên lưu tâm nghĩ lại về tinh thần làm việc của mình, hầu cho sự hiểu biết càng ngày càng thêm chính xác.

Đoạn 11

PHIÊN ÂM:

Âm bác dương biệt vị chi hữu tử. Âm dương hư trường tịch tử. Dương gia ư âm vị chi hạn. Âm hư dương bác vị chi băng.

DỊCH:

Mạch cổ tay nếu bộ Xích có thần và thạnh hơn bộ Thốn, tức là mạch đã thọ thai.

Nếu cả bộ Xích bộ Thốn đều hư mà trong Ruột có chứng Trường tịch thì chết.

Nếu mạch cổ tay bộ Thốn chìm, bộ Xích nổi lại thêm có tướng động mau; đó gọi là mạch dương hiện vào phần âm, tức là bệnh đổ mồ hôi.

Ngược lại bộ Xích hư mà bộ Thốn động là có triệu chứng băng huyết.

GIẢI:

Đoạn nầy chỉ nêu lên hiện tượng mạch âm dương Xích Thốn, để nói lên những triệu chứng đại lược.

Sáu bộ mạch là hóa thân của trọn một con người. Trong con người có bình thường, có biến; cho nên mạch cũng có bình thường có biến. Vậy nên nếu ta thấu suốt được tướng bình thường của nó, thì đến khi biến dù cho một biến động mảy may ta cũng đều có thể thấy hết. Con người đã là một tác phẩm thống hợp cả tâm vật, khí huyết, âm dương; thế tất nó có cái nghĩa âm dương trên dưới của nó, nên chi khi rọi vào trong mạch đâu đó cũng đều trật tự phân minh.

Trong người đàn bà, về mặt tinh thần thì sở thích của họ là đắm nhiễm thu liễm vào, bẩm chất của họ thuộc về thể tĩnh. Mạch bình thường của họ lúc nào cũng âm nhiều dương ít, tay phải thạnh hơn tay trái, bộ Xích thạnh hơn bộ Thốn. Lại thêm mỗi tháng có một kỳ kinh, khi sắp có kinh mạch bộ Xích cũng thạnh, khi tinh thần bị đắm mê theo tình ái mạch hai bộ Xích cũng thạnh, cho đến khi nếu rủi bị bệnh trần huyết (kinh kỳ bế tắc ngưng đọng kết khối) cũng có hiện tượng tựa hồ như bộ Xích thạnh. Ngoài ra bất cứ người nào hễ mỗi khi trong Ruột già có bị bón, phân kết khối lại, thì hiện tượng mạch hai bộ Xích cũng tựa hồ như thạnh. Do đó mà ta mới nghe qua rất có thể thấy mạch có thai với những trường hợp trên đây không phân biệt; tuy nhiên nếu ta nhận rõ chuyện có

thai là chuyện ở trong Tử cung, trong Tử cung có âm dương hòa hợp, có hiện tượng thần khí; thần khí ấy có hiển hiện trong toàn thể người đàn bà ấy, khác hẳn với những trường hợp bệnh tật; lại thêm nếu ta biết phương pháp hỏi cũng như phương pháp khám bụng để phân biệt từng trường hợp nói trên, thì ta cũng sẽ nhận thấy mạch của một người có thai khác hẳn. Cho nên chánh văn mới nói: mạch bộ Xích có thần và thạnh hơn bộ Thốn là mạch có thai.

Muốn cho được rõ ràng hơn ta hãy hiểu qua về bộ phận Tử cung: hình thể của bộ phận Tử cung như đã có vẽ ở thiên thứ nhất, trông qua bên ngoài ta thấy na ná giống như cái đầu con trâu, bên trên hai bên là hai ổ trứng dính liền với hai ống dẫn trứng vào lòng Tử cung, chính giữa là thân Tử cung, bên dưới là cửa Tử cung nối liền với âm đạo mà thông đồng ra ngoài. Hai ổ trứng hai bên đều có rất nhiều mạch máu trắng thông đồng lên đến hai bên Thận dương (như hình vẽ), giá trị của nó trong thân người đàn bà tương đương với hai ngoại thận của người đàn ông. Lòng Tử cung có một sức co dãn phi thường đủ để chịu đựng cho sự hoạt động tiến triển của cái thai. Ngoài ra nó còn là một cơ quan thâu nhận tất cả những gì ảnh hưởng tận bên ngoài đưa vào, không lựa là vật chất hay tinh thần, tâm lý hay sinh lý, để làm nền tảng cho sự truyền chủng; là nơi gặp gỡ của tất cả những cơ cấu hệ thống thần kinh cũng như hệ thống tạng phủ. Ở nơi bổn thân nó dồi dào nhất là thành phần bầy nhầy và gân, bởi vậy nơi đây cũng là sự gặp gỡ giữa Khuyết âm và Thiếu dương; cho nên nó vẫn hoàn toàn bị nằm trong vị trí hệ thống của Tam tiêu, do đó mà mạch hữu Xích là nơi có hiện rõ nhất. Có hiểu như thế thì sự khám phá sẽ không đến nỗi khó khăn.

Tây y ngày nay còn có nhiều cách khám phá theo kiểu vật chất nữa, nhưng ở đây ta chỉ nói về mạch thôi, nên không cần phải bàn rộng.

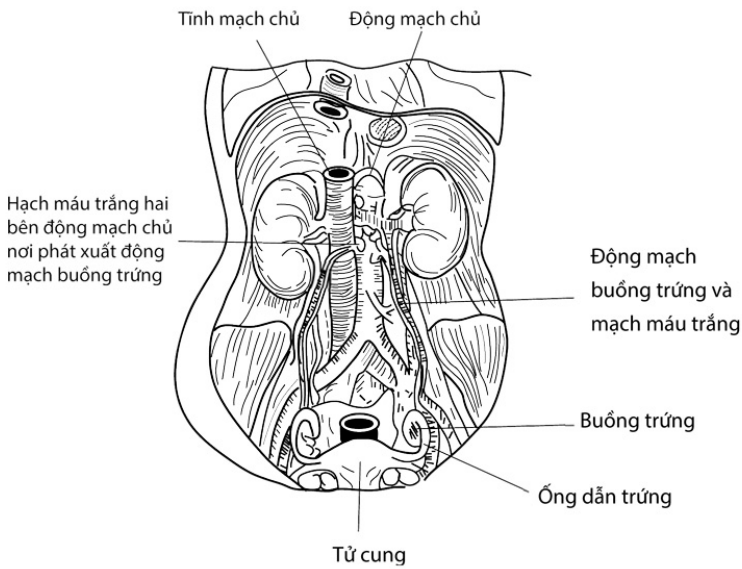
Danh từ "Trường tịch" là để chỉ cho bệnh đau ruột, trong đó còn chia ra âm dương nặng nhẹ nữa. Nếu bệnh đi lần vào kinh niên và biến âm là càng ngày càng nặng. Cho nên danh từ "Trường tịch" trong đó có hàm chứa bệnh ung thư (Nham, Cancer) Ruột.

Nếu bệnh Trường tịch mà mạch cả bộ Thốn lẫn bộ Xích đều hư, tức là đã đi vào trường hợp kinh niên biến âm. Nếu nghiệm xét cho kỹ biết đâu không phải là bệnh ung thư ruột của thời kỳ thứ 3. Cho nên nói: Nếu mạch Xích Thốn đều hư trong bệnh Trường tịch là chết, là phải.

Nếu mạch bộ Thốn chìm, bộ Xích nổi, bộ Thốn tĩnh, bộ Xích động, tức là phần dương bên trên bên ngoài bị trống thiếu, mà khí dương lại chìm hẳn xuống bên dưới, lộn vào bên trong. Cho nên làm ra chứng đổ mồ hôi là lẽ tất nhiên.

Trong con người âm dương huyết khí trên dưới đều phải nương nhau, cho nên mạch bộ Thốn và bộ Xích cũng phải nương nhau. Thốn chủ về khí về dương, Xích chủ về huyết về âm. Âm dương trên dưới duy trì lẫn nhau mà mạch được bình thường. Phương chi người nữ mạch bộ Xích cũng phải thạnh, nếu rủi khi có bị băng huyết, mà băng huyết tức là phần huyết bên dưới đột ngột bị mất bớt đi, phần khí còn lại lẽ tất nhiên bộ Xích phải hư, bộ Thốn phải động. Cũng chính vì thế mà những trường hợp băng huyết, nơi mạch cổ tay khi đè xuống thấy bộng rỗng như đè vào một cái ống trống, và khi nhớm lên vẫn thấy động; trong mạch học gọi là mạch Khâu là vậy. Nên chánh văn nói: Bộ Xích hư mà bộ Thốn động là có triệu chứng băng huyết.

HÌNH 7.4: MẠCH MÁU TRẮNG LIÊN QUAN GIỮA CHÙM TRỨNG VÀ THẬN


Tĩnh mạch chủ
Động mạch chủ
Hạch máu trắng hai bên động mạch chủ nơi phát xuất động mạch buồng trứng
Động mạch buồng trứng và mạch máu trắng
Buồng trứng
Ống dẫn trứng
Tử cung

Đoạn 12

PHIÊN ÂM:

Tam âm câu bác nhị thập nhựt dạ bán tử. Nhị âm câu bác thập tam nhựt tịch thời tử. Nhất âm câu bác thập nhựt tử. Tam dương câu bác thả cổ tam nhựt tử. Tam âm tam dương câu bác, tâm mãn, phúc phát tận, bất đắc ẩn khúc, ngũ nhựt tử. Nhị dương câu bác kỳ bệnh ôn tử bất trị, bất quá thập nhựt tử.

DỊCH:

Thủ Túc Thái âm đều động (không có Vị khí) thì đến 20 ngày vào nửa đêm chết.

Thủ Túc Thiếu âm đều động (không có Vị khí) đúng 13 ngày đến tối là chết.

Thủ Túc Khuyết âm đều động (không có Vị khí) thì mười ngày chết.

Thủ Túc Thái dương đều động lại tháo thì ba ngày chết.

Thủ Túc Thái âm và Thủ Túc Thái dương đều động (không Vị khí) Tim đầy, bụng trướng lên căng thẳng, đến năm ngày thì chết.

Thủ Túc Dương minh đều động (không Vị khí), nếu là bệnh ôn thì chết không trị được, chẳng qua đến mười ngày là chết.

GIẢI:

Đoạn nầy nêu lên khi các kinh hiện mạch dị thường để quyết định kỳ chết, mà mỗi kinh đều luận chung cả phần Thủ và phần Túc.

Đành rằng trọn hết những mạch chết đều là những trường hợp mạch không có Vị khí. Nhưng mỗi kinh, mỗi tạng, mỗi phủ đều có cách chết khác nhau mà nơi đây chỉ nêu lên ngày giờ chết chớ không nói đến dựa vào một nguyên lý nào nhất định, y như trên đoạn nói về mạch chơn tạng và mạch sanh dương tử âm. Lại thêm Trương Ẩn Am và Mã Nguyên Đài là hai nhà chú thích quan trọng của Trung Hoa, mà mỗi người cắt nghĩa một cách khác nhau, riêng chúng tôi không muốn quyết định một cách võ đoán. Vậy nên sau đây xin trình bày một bản giải thích từng câu theo kiểu hai nhà đối chiếu, để tất cả chúng ta tiện bề cùng chung nghiên cứu.

1. Thủ Túc Thái Âm đều động (không Vị khí) thì 20 ngày vào nửa đêm chết.

Trương Ẩn Am:

Thủ Thái âm thuộc Phổi, Túc Thái âm thuộc Tỳ; 2 là bắt đầu của số chẵn, 10 là cuối cùng của số âm, nửa đêm là lúc âm hết mà dương mới bắt đầu sanh. Thái âm nghĩa là chí âm, vì khí nó là chí âm mà tuyệt không sanh dương, nên chết ở số âm cực. - Đổng Duy Viên nói: âm kết, dương kết là luận khí âm dương kết; cang với cang hợp là nói: mạch phủ truyền phủ, tạng truyền tạng; nói: âm động dương động không Vị khí là nói âm dương trong 12 kinh mạch không hòa vậy.

Mã Nguyên Đài:

Trong thiên Âm Dương Loại Luận Huỳnh Đế nói: Thái âm là mẹ. Nếu hai mạch ấy động không Vị khí trái với bình thường, nếu tính ngày chết thì sẽ chết vào ngày thứ 20 lúc nửa đêm, tại sao? Hành Thổ sanh từ 5 mà thành ở 10, hành Kim sanh từ 4 mà thành ở 9. Nếu căn cứ vào số thành của hai kinh tính dư ra là phải chết vào ngày thứ 20 lúc nửa đêm, là vì bệnh âm phải chết ở giờ âm.

2. Thủ Túc Thiếu âm đều động (không Vị khí) đúng 13 ngày đến tối là chết.

Trương Ẩn Am:

Thủ Túc Thiếu âm thuộc về tạng Tim và tạng Thận, chủ về khí Thủy Hỏa âm dương. Thủy sanh từ 1 mà thành ở 6, Hỏa sanh từ 2 mà thành ở 7. Thế thì 13 ngày tức là cộng 2 con số thành. Tối tức là hết ngày, vì tạng âm của Thủy Hỏa nên chết ở số thành vào lúc hết ngày vậy.

Mã Nguyên Đài:

Thủ Túc Thiếu âm thuộc về tạng Tim và Thận. Thiên Âm Dương Loại Luận Huỳnh Đế nói: Thiếu âm là thư. Nếu hai mạch Thủ Túc đều động, không Vị khí, dị thường, nếu tính ngày chết thì phải chết vào ngày thứ 13 về đêm. Tại sao? Hành Hỏa sanh từ số 2 mà thành ở số 7, hành Thủy sanh từ số 1 mà thành ở số 6, cộng hai số thành, thành ra 13. Do đó mới nói: 13 ngày chết. Nói: Chết vào giờ đêm, nghĩa là giờ của Thiếu âm vậy.

3. Thủ Túc Khuyết âm đều động (không Vị khí) thì 10 ngày chết.

Trương Ẩn Am:

Thủ Túc Khuyết âm thuộc về Bọc tim và Gan; 10 ngày tức là cuối cùng của số âm. Khuyết âm là âm hết, vì khí âm hết, mạch hai bộ vị không có Vị khí nên chết vào ngày cuối cùng của số âm vậy.

Mã Nguyên Đài:

Thiên Âm Dương Loại Luận Huỳnh Đế nói: Khuyết âm là độc sử. Nếu hai mạch Thủ Túc đều động, không Vị khí, trái thường, tính theo ngày chết thì phải chết vào khoảng 10 ngày. Tại sao? Hành Mộc sanh từ số 3 mà thành ở số 8, hành Hỏa sanh từ số 2 mà thành ở số 7. Tạng Gan phải lấy theo số sanh, tạng Tim phải lấy theo số thành, tổng cộng là 10 ngày. Cho nên nói: 10 ngày chết.

4. Thủ Túc Thái Dương đều động lại tháo thì ba ngày chết.

Trương Ẩn Am:

Thủ Túc Thái dương thuộc về Ruột non, Bàng quang, cùng với Thiếu âm là biểu lý đều chủ về khí Thủy Hỏa. Số sanh của Thủy là 1, số sanh của Hỏa là 2. Cả hai bộ phận ấy đều thuộc về Phủ, thuộc dương. Giờ đây mạch động tháo không Vị khí, tức là dương cực tuyệt không có khí âm hòa, cho nên chết theo con số sanh của trời đất. Vả chăng trời là dương đất là âm, trời chủ sanh đất chủ thành nên Thái dương chết ở số sanh, mà Thiếu âm chết ở số thành.

Mã Nguyên Đài: Hoàn toàn đồng ý theo Trương Ẩn Am.

5. Thủ Túc Thái âm và Thủ Túc Thái Dương đều động (không Vị khí), tim đầy, bụng trướng lên căng thẳng, đến năm ngày thì chết.

Trương Ẩn Am:

Ba âm ba dương là khí của năm hành. Hai khí âm dương đều động không hòa, nên hết số cuối cùng của năm hành mà chết. Tim đầy là dương động ở trên. Không được ẩn khúc là âm động ở dưới. Bụng ở quãng giữa âm dương giao nhau. Nói: Bụng căng thẳng, nghĩa là khí dương phát hết ở trên, khí âm phát hết ở dưới mà âm dương không liên lạc hòa nhau. Đây là nói bệnh trên dưới âm dương. Còn câu dưới đây là nói bệnh lạnh nóng âm dương.

Mã Nguyên Đài:

Thủ Túc Thái âm thuộc Phế, Tỳ. Thủ Túc Thái dương thuộc Ruột non, Bàng quang. Nếu bốn bộ phận ấy mạch động không Vị khí, khác thường, vùng bụng trên đầy dẫy đến không còn che khuất được nữa, đại tiểu tiện đều không thông, tính kỳ chết thì phải ở trong khoảng năm ngày; Tại sao? Vì chủ về khí trung ương, số kinh bệnh nhiều thì sự chết cũng gấp. Chữ "Bất đắc ẩn khúc" trong chánh văn đây không phải nghĩa của chữ "Bất đắc ẩn khúc" ở đoạn 5.

6. Thủ Túc Dương minh đều động (không Vị khí), nếu là bệnh ôn thì chết không trị được, chẳng qua đến 10 ngày là chết.

Trương Ẩn Am:

Thủ Túc Dương minh thuộc Đại trường và Vị. Bệnh Ôn là bệnh có triệu chứng nóng lạnh. Vả chăng âm dương trong con người đều nương nhờ nơi sự tiếp tế của Dương minh. Giờ đây hai mạch Thủ Túc đều động không Vị khí, tức là nguồn sống của âm dương bị cắt đứt, âm không được dương hòa thì bệnh lạnh, dương không được âm hòa thì bệnh nóng, âm dương đều tuyệt là chứng chết không trị được vậy. Chín là số cuối cùng của dương, 10 là số chót của âm. Chẳng qua khỏi 10 ngày là chết, tức là chết ở khớp âm dương giao hết. Đoạn 2 nói: "3 dương ở đầu, 3 âm ở tay chẳng qua chỉ là một". Hai khí âm dương giờ đây không thể quán thông như một, mà là tự xung đột lẫn nhau làm ra bệnh chết như thế ấy. Đây nói về khí âm dương trong ngũ tạng đều nhờ khí dương của Vị uyển nuôi dưỡng. Giờ đây hai mạch của Dương minh đều không Vị khí, thì âm dương đều tuyệt, nên bệnh chết như thế. Do đó nên hai đoạn chót riêng nêu ra bệnh chứng cho ta thấy rõ.

Mã Nguyên Đài:

Thủ Túc Dương minh là Đại trường và Vị, nếu hai mạch ấy động không Vị khí, lạ thường, trong trường hợp bệnh ôn bệnh nhiệt, không qua khỏi 10 ngày phải chết, không trị được. Tại sao? Hành Kim sanh từ số 4, hành Thổ sanh từ số 5. Hễ Phủ là thuộc dương, nên theo hai số sanh mà cộng lại là chín ngày. Mười ngày nghĩa là hơn chín ngày, cho nên chết.

Theo đây chúng tôi chỉ xen chút ý kiến về câu "Bất đắc ẩn khúc" nơi chánh văn. Theo sự nhận xét của chúng tôi thì câu chánh văn trong thiên nầy có thể là một định lý; nhưng riêng câu nầy biết đâu không có thể là của ở đoạn 5 mà người ta chép lẫn vào đây? Tại sao? Tại vì chỉ có ba chữ "Phúc phát tận" là đủ để diễn tả cho triệu chứng bụng căng thẳng đến tột độ rồi, hà tất phải dùng đến bốn chữ "bất đắc ẩn khúc" nữa. Phương chi dùng bốn chữ "bất đắc ẩn khúc" để chỉ cho một triệu chứng, một hiện tượng về cái bụng thì hình như có hơi miễn cưỡng. Vậy tại sao chúng ta lại không đặt một nghi vấn để tinh thần hiểu biết khỏi bị ngăn lấp?!

Lời giải toàn thiên

Thiên thứ sáu gọi là "Âm dương ly hợp luận", thiên nầy gọi là "Âm dương biệt luận". Thế là thiên nầy là một thiên có ẩn ý tiếp tục để giải thích thêm về phương diện phân tách âm dương ra mà luận riêng bằng một cách khái quát: Nhìn vào trọn thiên ta thấy đượ một màu chuyên môn, nhưng đáng lý nếu là phần chuyên môn tất phải tỉ mỉ, đàng nầy càng đi sâu càng thấy khái lược một cách vắn tắt lạ thường. Hình như luận giả muốn làm cho người đọc phải tự thao thức tìm tòi, chớ không hẳn là nói ra để hiểu ngay. Đến như những tên bệnh, những triệu chứng đều dùng những danh từ quá ư đặc biệt, những trường hợp bệnh chết lại chẳng nơi nào giống nơi nào. Về phần các nhà chú thích thì không những có nhiều đoạn ý kiến rất lờ mờ, mà lại còn mỗi nhà mỗi ý kiến khác nhau nữa.

Nếu chỉ ở phần chánh văn ta thử đem so với thiên trước, ta thấy thiên trước vừa tỏ sáng phân minh, vừa sâu rộng huy hoàng bao nhiêu, thì thiên nầy cũng vừa lờ mờ vừa tối nghĩa bấy nhiêu. Nếu ta dựa vào đây để nhìn về mặt chuyên môn mà phê phán tinh thần người xưa thì e không khỏi rơi vào phiến diện sai lầm. Càng đi sâu ta càng sẽ thấy rõ điều đó. Nhưng nếu cứ theo chữ mà cắt nghĩa thì cũng không khỏi để cho cổ nhân khi dễ ta.

Nếu phóng tầm mắt nhìn suốt toàn cả bộ NỘI KINH, ta thấy hình như cổ nhân có một dụng ý rất là sâu dày khúc chiết, để cho hậu lai nhận ra được phần nào là phần chánh yếu, phần nào là phần thứ yếu. Có lẽ Khổng Tử nhận ra được ý nầy, nên mới nói: "Chí ở Đạo, cứ ở Đức, y ở Nhân, và dạo qua ở nghề nghiệp". Như thế nghĩa là sao? Nghĩa là trong cuộc sống nầy Đạo, Đức, Nhân, Nghĩa là chánh yếu, mà nghề nghiệp là thứ yếu chăng?!

Lại nữa dân tộc Trung Hoa bao hàm rất nhiều sắc tộc, mỗi sắc tộc có một giọng nói rất khác nhau, một thứ tiếng riêng biệt mà chữ lại giống nhau. Lại thêm trải qua một thời đại là ngôn ngữ có một hồi biến thiên, và ngôn ngữ văn tự lại lệch hẳn về phần trực giác. Thế mà còn cộng thêm trải qua nhiều đời sao đi chép lại, với tật nghiệp cẩu thả của dân tộc không sao khỏi có phần sơ sót mất mát; vì thế mà người Âu châu rất khó hiểu biết tinh thần nguồn cội của dân tộc Trung Hoa. Bởi vậy nay ta muốn khám phá khai thác cho vỡ lẽ kho tàng NỘI KINH cũng không phải là việc dễ dàng trong một sớm một tối, chỉ có cách hay nhất là ta phải có tinh thần nhập Đạo thì mới mong hiểu hết cổ nhân. Đây là điểm quan

trọng mà chúng tôi mong tất cả độc giả hãy đặc biệt lưu tâm.

Lại nữa, đành rằng bất cứ là ai khi đọc đến thiên nầy, mỗi câu mỗi chữ đều cũng thấy là cả một bầu trời thắc mắc, khó mà quyết định hoàn toàn đúng hay sai. Nhưng có những câu như: Bệnh Dương minh phát tự Tâm Tỳ ở đoạn 5, hay Khuyết âm và Thiếu dương kết làm ra bệnh Hầu tê ở cuối đoạn 10 thì hoàn toàn là việc hiển nhiên. Thế thì biết đâu mỗi một câu trong thiên lại không phải là một định lý?! Và biết đâu trong vô tình rủi có một câu sai lầm, nếu chúng ta sơ hở thì sẽ bị tuột qua mất?! Đây cũng là một điều ta phải lưu tâm.

Giữa quãng trời đất, trong vòm thời gian không gian, hết thảy những cái có dù cho cả Tam tài, Tứ tượng, Ngũ hành, Lục khí v.v. chẳng qua cũng chỉ là hiện tượng, mà đã là hiện tượng tất bắt nguồn từ âm dương.

Hết thảy những vật tượng trên thế gian nầy dù cho cả những tinh tú, mặt trời, mặt trăng khi mới bắt đầu phôi thai cũng đều khởi đầu từ ở trong trước, rồi lần đến ở ngoài sau. Ở trong là âm, ở ngoài là dương; thế là phần âm có trước, phần dương có sau. Cách cấu tạo con người cũng thế. Giá nếu tất cả loài người cũng như chúng sanh vạn vật đều tự biết mình chỉ là hiện tượng trong bao la, thì mạch sống của tất cả sẽ cùng với bao la cùng chung nhịp điệu, và vấn đề số mệnh sẽ không còn là một điểm đáng quan tâm. Nhưng trong thực tế thì lại không phải như thế, mỗi một chúng sanh đều là một cái xe chở đầy mâu thuẫn của quá khứ; thế là vấn đề sống chết, thọ yểu cùng thông là một vấn đề đã tự cấu kết tận hồi nào.

Có người nói: "Con người sanh ra ở đất mà mạng treo ở trời". Nếu ta nói một cách khác đi là: Con người tuy sống nhờ mặt đất, nhưng nguồn sống vốn trọn cả bao la. Thế nên NỘI KINH mới nói: dương sanh âm trưởng. Hễ đã có sanh tất nhiên có tử, thế là vấn đề sanh tử vốn có mối mang. Nay nếu ta tiềm tâm chính xét về sự sống chết trên hiện tượng xác thân của con người trong khi đau ốm bệnh tật. Tuy có rất nhiều hình thức khác nhau, nhưng vẫn không ngoài âm dương ly hợp, năm hành sanh khắc, biến hóa chuyển dời, hoặc theo thế chi phối của Tiên thiên, hoặc theo thế chi phối của Hậu thiên.

Đã có sẵn một cái tôi với một kho tàng mâu thuẫn thì sự chi phối của giờ, ngày, tháng, năm, tuổi tác với âm dương là lẽ tất nhiên. Hễ âm dương giao nhau là cơ sanh hóa thì âm dương ly cách là cơ diệt vong, đây là một cách chết.

Âm chồng lên âm là chết, dương chồng lên dương là nguy, là hai cách chết.

Từ âm biến dương thì nhẹ, từ dương biến âm thì nguy, là ba cách chết.

Năm hành tương sanh âm dương giao nhau thì sống, tương khắc không giao nhau thì chết, là bốn cách chết.

Hễ là bệnh âm thì phần nhiều chết theo số thành của năm hành. Ngược lại nếu là bệnh dương thì chết theo số sanh. Thế là năm cách chết.

Có kẻ chết theo giờ, theo ngày, theo tháng, theo mùa, hoặc theo tuổi tác khác nhau, nhưng quyết định không ngoài lẽ âm dương ly hợp đầy vơi, năm hành sanh khắc, trật tự bế tắc hay biến hóa lưu thông mà thôi. Thế thì cái lẽ sống chết trong từng trường hợp, nếu ta chí thành tĩnh tâm theo dõi tất phải khám phá được.

Lời bình toàn thiên

Thuyết năm hành sanh khắc, âm dương chênh lệch điều hòa là thuyết rất không hợp đối với người nay. Thí dụ như nói: "Mộc khắc Thổ" có thể người ta rất không thích nghe, nhưng nếu nói: "Trong bụng con người thiếu chất than thì dễ đầy hơi, thiếu chất mật thì ruột dễ sình" là người ta chịu ngay; cũng như nói: "Hỏa khắc Kim" người ta không chịu, mà nói: "Nếu Tim thiếu lửa thì Phổi sẽ bị lạnh, Tim nóng quá thì Phổi sẽ bị khô" người ta chịu. Thế mới biết: Bệnh kẹt ở trên sắc tướng danh ngôn là bệnh thiên cổ của con người. Nên mạng mạch của tử sanh cũng khó bề thông đạt là phải.

Hết thảy những thầy thuốc được gọi là hàng Trung y có học, đều công nhận về hiện tượng mạch chỉ có động mạch xương lớn ở cổ tay là chính xác nhất. Nhưng thử hỏi: Tại sao mà chính xác? Thì vẫn chưa được mấy ai trả lời một cách dứt khoát.

Hết thảy những bác sĩ Tây y không ai mà không biết rõ động mạch xương lớn cổ tay xuất phát từ đâu, dính liền với bộ phận nào, với dây thần kinh nào. Và cũng không mấy ai mà không biết đến luật âm thanh rung động, thế mà hầu hết tất cả bác sĩ Tây y đều miệt thị việc khám mạch cổ tay. Thế mới biết: Lười biếng đi vào thâm sâu là bệnh cố hữu của phần đông, mà dốt nát bằng cách nầy hay dốt nát bằng cách khác cũng là dốt nát. Và việc gì cũng nói toạc ra hết vị tất đã có tác dụng hay. Vậy nên vấn đề "tại sao hiện tượng ở mạch cổ tay lại là chính xác nhất?" là một vấn đề dành riêng cho mỗi ông thầy thuốc vậy.

THIÊN THỨ BẢY

- HẾT -

Quang - Năng - Động Tâm và Cơ

Nếu tôi ham biết mà sợ sự thật, nhìn cái lớn tôi không dám vượt ra ngoài vòng cái có, trông cái nhỏ tôi không dám thâm nhập vào cái không, lúc nào tôi cũng tự tránh né với tôi. Thì quyết định tôi không thể đọc NỘI KINH dù có đọc cũng vô ích.

C.N.

Thiên thứ tám

LINH LAN BÍ ĐIỂN LUẬN

Định nghĩa tên thiên

Hai chữ "Linh Lan" nếu nhìn qua bên ngoài ta thấy chỉ là cái tên đặt cho một ngôi đền của nhà vua xây cất, để chứa giữ những tài liệu tinh hoa mầu nhiệm, mà trong đó có thiên nầy; nên đặt tên thiên nầy là "Linh Lan Bí Điển Luận". Nhưng nhờ thông qua tinh thần của toàn thiên mà ta biết được trong đầu đề của tên thiên bao hàm cả nghĩa tâm, nghĩa đạo, nghĩa năng lực, nghĩa bao la; do đó nên mới có dùng chữ "Linh". Người đọc hãy nên xoắn chặt vào đây mà theo dõi.

BÌNH:

Bao la rỗng hoác chưa hề có chút che đậy nào, thế mà đối với đa số con người cõi nầy không biết đã mấy triệu năm rồi mà vẫn giữ nguyên vẹn sự bí mật.

Con người sánh với bao la thật nhỏ xíu chẳng có nghĩa lý gì, thế mà cũng đã không biết mấy triệu năm rồi đối với đa số chính con người cũng vẫn giữ nguyên vẹn sự bí mật. Hai pháp đó tương đương.

Thế mới biết: ai có khả năng thâm nhập tận cùng đến nguồn cội bí mật của chính mình, là người đó có khả năng thâm nhập vào tận cùng bí mật của bao la; và ai đã giáp mặt được với chính mình, tức là người đó giáp mặt với bao la. Chuyện nầy trong đền Linh Lan có đủ.

Con tiêu minh chỉ là một thứ vi trùng cực nhỏ, làm tổ trên xoáy đỉnh đầu giống muỗi đòn xóc. Thế mà Liệt Tử lại nói: "Nếu ai muốn thấy thì phải vào hang núi, chí thành ăn chay nằm đất đủ 100 ngày, ngưng thần dứt ý may ra trông thấy". Thế thì sự bí mật trong đền Linh Lan ta phải khám phá bằng cách nào? Mời du khách hãy thẩm thận! Thẩm thận!

Đoạn 1

PHIÊN ÂM:

Huỳnh Đế vấn viết: nguyện văn thập nhị tạng chi tương sử quý tiện hà như?

Kỳ Bá đối viết: tất hồ tai vấn dã, thỉnh toại ngôn chi:

Tâm giả quân chủ chi quan dã, thần minh xuất yên.

Phế giả tương truyền chi quan, trị tiết xuất yên.

Can giả tướng quân chi quan, mưu lự xuất yên.

Đởm giả trung chánh chi quan, quyết đoán xuất yên.

Chiên trung giả thần sử chi quan, hỉ lạc xuất yên.

Tỳ Vị giả thương lẫm chi quan, ngũ vị xuất yên.

Đại trường giả truyền đạo chi quan, biến hóa xuất yên.

Tiểu trường giả thọ thạnh chi quan, hóa vật xuất yên.

Thận giả tác cường chi quan, kỹ xảo xuất yên.

Tam tiêu giả quyết độc chi quan, thủy đạo xuất yên.

Bàng quang giả châu đô chi quan, tân dịch tàng yên, khí hóa tắc năng xuất hỉ.

Phàm thử thập nhị quan giả bất đắc tương thất dã. Cố chủ minh tắc hạ an, dĩ thử dưỡng sanh tắc thọ, dịch thế bất đãi, dĩ vi thiên hạ tắc đại xương. Chủ bất minh tắc thập nhị quan nguy, sử đạo bế tắc nhi bất thông, hình nãi đại thương, dĩ thử dưỡng sanh tắc ương, dĩ vi thiên hạ giả kỳ tông đại nguy. Giới chi, giới chi!

DỊCH:

Huỳnh Đế hỏi: Trẫm mong được nghe 12 quan năng trong cơ thể con người vừa nương nhau mà cũng vừa chế hóa lẫn nhau, vậy bộ phận nào quan trọng, bộ phận nào kém quan trọng ?

Kỳ Bá thưa: rốt ráo thay lời hỏi; Hạ thần xin tuần tự trình bày hết như sau:

Tạng Tim là một cơ quan có giá trị như ông vua ở trong thân, bổn tánh linh diệu nương nơi đây mà hiển hiện.

Tạng Phổi là cơ quan tương truyền(1), tất cả chừng mực đều nương nơi đây mà hiển hiện.

Tạng Gan là một cơ quan như ông tướng trong quân đội, mưu lược nhờ đây mà xuất hiện.

Buồng Mật là cơ quan trung chánh(2), sự quyết đoán từ đây mà xuất hiện.

Bọc tim là cơ quan thần sử(3), sự vui mừng từ đây mà xuất hiện.

Tạng Tỳ và phủ Vị là cơ quan kho vựa, năm vị ăn uống vào nương nơi đây mà phân phát tiếp tế.

Ruột già là cơ quan truyền đưa, hết thảy những vật tiêu hóa còn xác lại đều nhờ nơi đây mà đi ra.

Ruột non là cơ quan chuyên thâu hút chất bổ, tất cả những tinh hoa của thức ăn uống đều rút ra từ đó.

Tạng Thận là cơ quan để giữ cho có sức mạnh, tất cả những khéo léo đều phát ra từ đó.

Tam tiêu là cơ quan ống nước, tất các đường nước đều xuất phát ra từ đó.

Bàng quang là cơ quan tụ nước, hết thảy tân dịch đều chầu về, nhờ hóa khí mà có thể thấm bốc lên trên ra ngoài vậy.

Hết thảy 12 quan năng ấy không được rối loạn trật tự lẫn nhau. Cho nên hễ ông vua minh chánh thì hết thảy bên dưới đều được yên vui, cứ theo đây mà dưỡng sinh thì thọ, theo đây mà giúp đời thì không bị nguy, theo đây mà kiến thiết thiên hạ thì đời rất được phúc lành. Nếu ông vua mê muội thì tất cả 12 quan năng đều nguy, làm cho đạo bế tắc không thông, hình hài bèn nguy to, nếu theo đây mà dưỡng sinh thì chết mất, theo đây mà kiến thiết thiên hạ thì đời sẽ sụp đổ hoàn toàn. Hãy răn dè! Hãy răn dè!

CHÚ THÍCH:

(1) **Cơ quan tương truyền**: ý nghĩa của bốn chữ nầy gần như bốn chữ "cơ quan tuyên truyền" bây giờ. Vì sao thế? - Vì tạng Phổi thuộc hành Kim, do tổ chức tế bào da kết hợp, chất bộng xốp chứa nhiều dưỡng khí, vừa là bộ máy bơm hơi cho toàn cả châu thân, vừa là nền tảng cho sự xuất phát âm thanh rung động. Hết thảy sự rung động toàn thân đều chầu về tạng Phổi, cho nên gọi là "cơ quan tương truyền". Nhưng nếu đem so sánh với những cơ cấu của nhà nước, thì ta thấy nó có giá trị tương đương với cơ quan tuyên truyền. Nên dù gọi là "cơ quan tuyên truyền" cũng được.

(2) **Cơ quan trung chánh**: "Trung chánh" nghĩa là ngay thẳng chánh trực. Buồng Mật là phủ của Gan, thuộc về cơ cấu nòng cốt chỉ huy bên trái của cơ thể để làm chủ cho cuộc sống từ nhỏ đến nửa đời. Nó tùy theo sự xung động mà phản ứng một cách ngay thẳng, tự nhiên, và quyết đoán một cách mau lẹ; cho nên gọi là "cơ quan trung chánh".

(3) **Cơ quan thần sử**: "Thần" là bề tôi, "sử" là sử dụng. Bọc tim là bộ phận bên ngoài của Tim, chịu mạng lịnh của Tim để Tim sử dụng, cũng như một ông thừa tướng chịu mạng lịnh của vua, ông thủ tướng chịu mạng lịnh của tổng thống. Cho nên gọi là "cơ quan thần sử".

GIẢI:

Đây là một đoạn vô cùng quan hệ, luận về trách nhiệm đặc biệt của 12 quan năng trong thân trong cái thế đồng nhất, tương quan, trật tự, biến hóa, lưu thông; và cuối cùng quy trọng về cho tạng Tim, cái tâm và đạo để đặt nền móng trọn vẹn cho một cuộc sống thanh bình, để rốt hết làm sáng tỏ cái lẽ dù bao la, dù xã hội loài người, dù trong thân con người, cho đến một mảy may nhỏ nhít cũng phải cùng chung một lẽ đồng nhất, tương quan, trật tự, biến hóa, lưu thông thì mới có cơ sinh tồn vậy. Còn đổi quả quên nhân là đi vào cõi chết.

Đây không nói tạng phủ mà nói 12 quan năng, là nói chung cả tạng lẫn phủ phân theo 6 khí âm dương 12 kinh mạch.

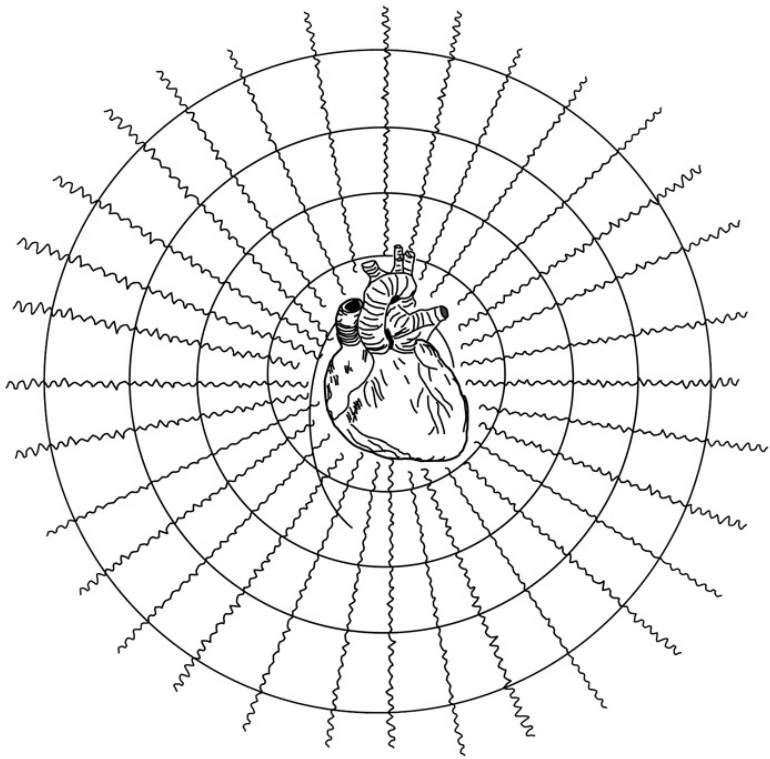
Nhìn vào chữ "tâm" (心) ta thấy hao hao giống trái tim, nhưng thực ra nghĩa của nó rất là bao hàm. Nào tim đèn, tim bấc cũng viết chữ "tâm". Chính giữa sự vật cũng gọi là trung tâm. Cơ quan trung ương cũng gọi là trung tâm. Giữa lõi của cây cũng gọi là tâm. Trái tim bằng thịt cũng viết là tâm. Vọng niệm lăng xăng người ta cũng gọi là tâm. Guồng máy hiểu biết cũng gọi là tâm. Nguồn cội của mạch sống cũng gọi là tâm. Kết lại nghĩa của chữ "tâm" cơ hồ như không biết lấy đâu làm chuẩn, chỉ tùy theo từng sự việc mà định nghĩa vậy thôi.

Có người bảo: dùng chữ "tâm" của Trung Hoa để dịch cho nghĩa "Bổn tâm bổn tánh" của nhà Phật thì không được xứng mấy. Nói như thế mới nghe qua hình như phải, nhưng nếu một người đã thông đạt thì thấy đó chỉ là một ý kiến đại biểu cho tất cả những ai bị kẹt vào danh ngôn

sắc tướng mà thôi.

(Hãy xem hình vẽ Viên quang hồi tụ)

HÌNH 8.1: HÌNH VẼ ĐỊNH LUẬT VIÊN QUANG RUNG RINH HỒI TỤ



Theo cái thế hiện tướng ngược xuôi xen kẽ của làn sóng rung rinh trong năng lực viên quang hồi tụ tận tự bao la, thông qua Thái dương hệ vào vạn vật vô tình để làm thành cái lõi, cái trung tâm; vào động vật hữu tình thì tạng Tim không những là cái lõi, là chính giữa mà còn là tạng Hỏa, là hiện tượng mặt trời, là nơi cuối cùng của sáng tác vật chất để hiện lên hiện tượng hiểu biết linh diệu nhiệm mầu.

Luật phôi thai trong con người, có tạng phủ rồi mới có xác thân. Có xác thân, có cảm biết rồi mới có phân biệt, đây là động cơ để cấu tạo ra bộ thần kinh mà làm nền tảng cho cả guồng máy phân biệt chất chứa sau nầy.

Thế thì dù cho trung tâm của các tinh cầu, giữa lõi của muôn trùng thực vật, tất cả trái tim của hữu tình, tất cả những phân biệt của lý trí, tất cả những vọng niệm điên cuồng, tất cả những nhóm chứa chìm sâu trong guồng máy tâm thức lại không phải là tướng biến hóa tận cùng trung tâm của năng lực rung rinh hồi tụ tận tự bao la đó sao?

Thế thì tạng Tim không thể chỉ là cơ quan bơm máu, mà còn là biểu hiện của tướng sanh diệt từng hồi trong tất cả muôn trùng sự vật, mà cũng là hiện thân của giữa rún tướng năng lực rung rinh hồi tụ, tựa hồ như một thau nước đầy khi bị nhịp động kết thành lượn sóng trung tâm. Do đó mà tạng Tim là cơ cấu nối liền trực tiếp với bao la, là nguồn cội của mạch sống, là cái để cho bổn tánh linh diệu hiển bày.

Nếu tâm của con người thông đạt là cái bao la, thì tất cả vô số tâm của chúng sanh cũng như những trung tâm, những lõi của vật vô tình vẫn không ngoài cái tâm bao la vậy.

Có thấy như thế, ta mới thấy chữ "Tâm" của Trung Hoa thật là bao quát, và ngôn ngữ văn tự của Trung Hoa đều kiến thiết trên một nền tảng trực giác chứng thực.

Như thế ai dám bảo bộ óc là chính, mà đối với toàn thân tạng "Tim" không phải là chủ nhân ông, là mối đầu của sự vật ?!

Hết thảy người đời vì cuộc sống trái với cái tâm bao la, nên tạng Tim dễ bị bế tắc. Hết thảy những bực thông đạt vì tâm của họ là bao la, cho nên tạng Tim luôn luôn được lưu thông. Thế mới biết: tâm với vật vốn không hai, mà tạng Tim với cái tâm bao la vốn không cách bức vậy. Thế mới biết: nếu biết tạng Tim mà không biết tạng Tim là nơi để cho bổn tánh linh diệu hiển hiện, mà vọng tâm, vọng niệm, vọng thức cũng đều xuất phát từ đây, thì kể như người đó chưa biết hết tạng Tim, mà cũng chưa biết hết chữ "tâm".

Thế thì tạng Tim, cái tâm, với Đạo vốn không riêng, mà người học Đạo không thể coi thường tạng Tim, cái tâm vậy.

Trong sự vật hết thảy đều có chỗ tóm, không có chỗ tóm không thành sự vật; cây tóm ở cội, nước tóm ở nguồn, áo tóm ở bâu, quần tóm ở lưng, lưới tóm ở giềng, chày tóm ở chóp. Nếu thiếu chỗ tóm thì tác dụng bị mất. Thế thì dù ông vua, ông tổng thống, ông chủ tịch cũng chỉ là cái tóm trong một nước.

Tâm là đầu dọc của vạn pháp. Hết thảy vui khổ của cá nhân, đắc thất của gia đình, thạnh suy của quốc gia xã hội, tất cả những an nguy trong cuộc sống không đâu không do tâm.

Bao la là nguồn cội của muôn trùng. Tâm là vua của vạn pháp. Mặt trời là vua của Thái dương hệ. Tạng Tim là vua của thân. Vua, tổng thống hay chủ tịch là chủ nhân ông của một nước. Lớn nhỏ ngoài trong tuy có khác, nhưng ý nghĩa vẫn như nhau.

Cách cấu tạo con người cũng như tầm quan trọng của tạng Tim như đã nói trên; thế mà khi bình thường trong mê muội dốt nát, cuộc sống của con người sanh hoạt trở nên tạp loạn, ăn uống trở nên bừa bãi, tâm thức trở nên hồ đồ làm cho đến đỗi tạng Tim phải bị bại hoại. Rồi lại đem sinh mạng giao cho bọn thầy thuốc điên khùng để mang trái tim người nữ thế vào người nam, người nam thay vào người nữ, tim thú gắn vào tim người, làm như là Đức Chúa trời đã giao trọn quyền sanh sát vào tay họ vậy. Có thể nào tưởng tượng được việc mang ông vua ở trong loài thú để làm vua trong một nước, mang một vị nữ hoàng xứ nữ đem cho cai trị một quốc gia nam được không?

Tạng Phổi là một tạng nằm trên hết các tạng, trông qua tựa hồ như cái nón đội trên tạng Tim, do năm khối kết hợp lại, bên trong bộng xốp, có một sức co dãn phồng lên xẹp xuống theo nhịp điệu của hơi thở ra vào; tác dụng sinh lý của nó vừa là năm cái ống khói của toàn cơ cấu năm tạng, vừa là một cái máy bơm dưỡng khí đi vào khắp châu thân; nó hít vào thì mặt da toàn thân thở ra, nó thở ra thì mặt da của toàn thân hít vào; hơi thở nhờ nó mà có từng chập từng chập chừng mực; đại tiện tiểu tiện nhờ nó mà có ngăn nắp từng đợt từng hồi không bị chảy ngay; những cuộc sanh sản nhờ nó mà lấy áp lực cho đứa trẻ chun ra, mặt da nhờ nó

mà tiết tấu. Cho đến sự xuất tinh trong giao dục cũng phải nhờ nó mà thành chế tiết. Ngoài ra nó còn thâu nhận và truyền đi những làn sóng rung chuyển trong khắp cả châu thân, âm thanh nhờ nó mà diễn đạt.

Nếu lỡ khi nó bị bại hoại, hoặc tê liệt, hoặc teo hẳn vào thì cơ cấu toàn thân đều gặp phải chướng ngại. Thí dụ như một người Phổi bị bệnh, lủng nhiều nơi, sức co dãn của buồng Phổi mất thì đại tiện trở nên khó khăn, tiểu tiện trở nên trái thường; hoặc một người đàn bà Phổi bị lép xệ đi thì rất dễ bị đậu thai dạ dưới, và khi sanh sẽ mất áp lực trở nên khó khăn; hoặc một người tạng Phổi bị suy nhược thì sự truyền đưa và thâu nhận của những làn sóng rung chuyển trong châu thân cũng như sự phát âm trong ngôn ngữ đều bị mất bình thường; hoặc một người đau Phổi, vì thầy thuốc dốt nát hoặc mổ lấy bớt Phổi đi, hoặc cắt dây thần kinh cho một khối nào hay một bên nào liệt teo hẳn lại, gọi là để cứu chữa cái bệnh hiện tại, do đó mà sau khi Phổi được lành rồi thì sự bài tiết về khí Thán trong con người bị mất đi một phần tùy theo khối Phổi chết to hay nhỏ, và từ đó máu của người bệnh càng ngày càng đen sậm đi, khí Thán càng ngày càng dầy đặc, sự vận hành trong năm tạng càng ngày càng đình đốn, chất thừa dơ bẩn càng ngày càng được giữ lại nhiều, để cho kiếp sống của bệnh nhân càng ngày càng chỉ là ngoắc ngoải mà không cách chi để cứu lại được. Đại lược tầm quan trọng của tạng Phổi là như thế, cho nên chánh văn mới nói: "Phổi là cơ quan tương truyền, tất cả sự chừng mực đều nương nơi đây mà hiển hiện".

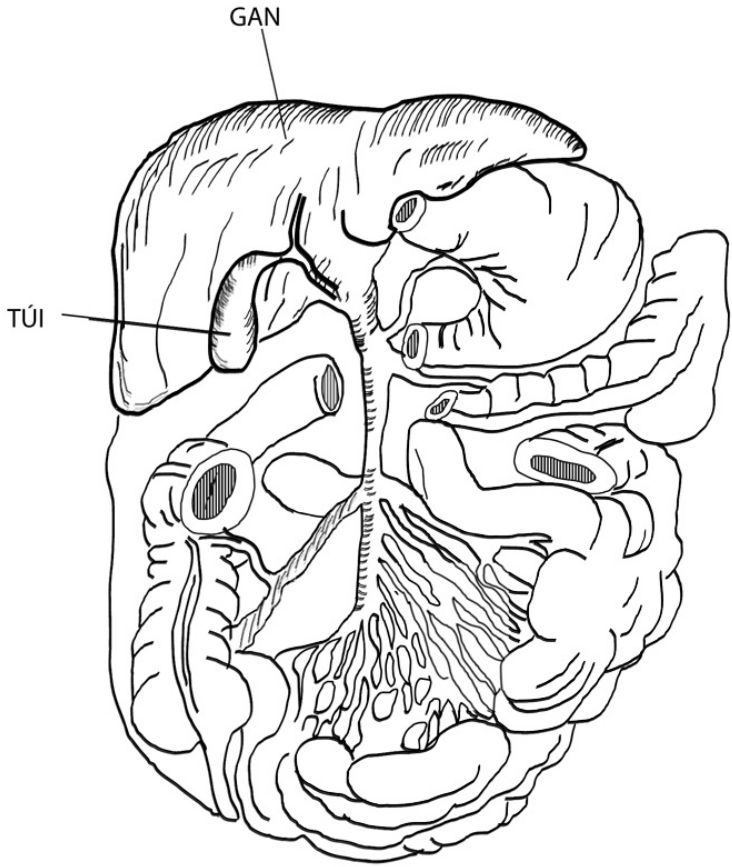
Tạng Gan chỉ huy nửa thân bên trái mà lại nằm bên phải, cũng như tạng Tỳ chỉ huy nửa thân bên phải mà lại lệch về bên trái. Bởi vậy trong tạng Gan có hàm ẩn ý nghĩa nhiệm vụ của tạng Tỳ, cũng như tạng Tỳ có hàm ẩn ý nghĩa nhiệm vụ của tạng Gan.

Tạng Gan là cơ cấu đương đầu với tất cả mọi sự xung động, là mạch sống của từ nhỏ cho đến nửa đời. Bên trên nó quan hệ trực tiếp với phần nguồn cội của thần kinh động tác, bên dưới nó là chủ của tất cả gân toàn thân, bên ngoài nó ứng hợp với hướng Đông, khí mùa Xuân. Nó lãnh đạo cho những cuộc đương đầu với xung động, tựa hồ như ông tướng chỉ huy trong quân đội; Bên ngoài nó còn có buồng Mật; cho nên mưu toan nghĩ nghị của nó cũng như việc cơ mật ở mặt trận đều thuộc về trong bộ tham mưu của ông tướng. Vì thế mà nghĩ nghị hình như đáng lẽ là chuyện của tạng Tỳ mà tạng Gan cũng phải có.

Nếu ta thử trầm ngâm nhìn vào toàn bộ hoạt động của tạng Gan mà nghiệm, thì ta sẽ thấy bên dưới thâu nhận tất cả những máu đen dơ bẩn đem về để chế hóa ra thành Mật; bên trên đưa tất cả những máu đen đã được thông qua, rồi cho trả về tạng Tim, hầu đưa sang tạng Phổi để được tăng cường; bên trái luôn luôn nhận lấy lương thực tiếp tế của Tỳ Vị; bên phải nó có lá lớn tựa hồ kho chứa quân lương, bộ phận nầy rất quan hệ với vị ngọt chất đường. Thật không khác nào một cơ cấu của ông tướng trong quân đội. Cho nên chánh văn mới nói: "Gan là một cơ quan như ông tướng trong quân đội, mưu lự nhờ đây mà xuất hiện.

Buồng Mật là phủ của Gan, chất nước Mật là do từ máu đen già chết mà chế hóa ra, vị nó rất đắng, cuống nó dốc ngược xuống bên dưới dính liền với cuống Tỳ âm mà vào bên dưới của phủ Vị. Nước Mật sau khi từ Gan chế hóa ra đem vào buồng Mật, rồi nhờ sự điều khiển của năng lực dây thần kinh mà chảy vào vị một cách đúng chừng mực. Nếu nhìn chung cả Gan lẫn Mật với hệ thống tĩnh mạch máu đen của tất cả bên dưới đưa về Gan, thì ta thấy tựa hồ như một cây cổ thọ sum sê gốc rễ ăn sâu xuống tận lòng đất, mà buồng Mật lại là một trái cây xanh mượt trên cành (xem hình vẽ Gan Mật)

HÌNH 8.2: HÌNH VẼ GAN MẬT
(hiện tượng cội cây trong tạng phủ)



Vì chất nước mật là do máu đen chế hóa ra, cho nên nếu một người máu không đỏ thắm thì màu Mật cũng không được xanh tươi. Màu Mật không được xanh tươi tức là Mật ấy thiếu vị đắng. Mật thiếu vị đắng thì nước tiêu hóa trong Vị mất quân bình mà biến sanh chứng thừa nước chua.

Máu không đỏ thắm mà chỉ tái nhợt, nghĩa là Tim thiếu lửa, thiếu khinh khí và Gan thiếu than, thiếu Thán khí, là máu thiếu khí dương. Sự thiếu mất khí dương nầy hoặc do tinh thần lo lắng, sợ hãi, buồn thương; hoặc do ăn uống sai lầm; hoặc do sinh hoạt xa thiên nhiên, mất khí dương của ánh nắng mặt trời chế hóa, y như là loài thảo mộc không được ánh nắng mặt trời tiếp xúc mà cành lá không thành màu xanh, hai

pháp ấy đồng một lý.

Mỗi một sự dư thiếu đều để lại trong cơ thể một thế mất quân bình. Bộ tiêu hóa của con người khi chất than và chất Mật thiếu dưới độ bình thường, thì tức khắc nước chua càng lúc càng tăng. Khi nước chua trong người tăng lên cao là tức khắc bộ thần kinh mất quân bình, làm cho tinh thần con người trở nên hoặc mất bình thường phát sanh dễ hoảng hốt, hoặc dễ mất bình tĩnh, hoặc dễ cảm thương, hoặc dễ lừng khừng, hoặc dễ mê tin, hoặc dễ thấy ma thấy quỉ; tóm lại là bộ thần kinh dễ bị thác loạn, và khi tiếp xúc sự việc cũng thiếu thái độ quyết đoán. Trái lại nếu tạng Gan và phủ Mật được bình thường khỏe mạnh, chất than chất Mật vừa vặn đầy đủ, chua đắng phân minh thì bộ thần kinh không bị thác loạn, tinh thần nhờ đó mà giải quyết mọi việc trở nên quyết định một cách mau lẹ. Bởi vậy những trường hợp buồng Mật bị cắt bỏ đi hay do bị mổ mà làm thành thẹo rút, làm cho túi Mật mất khả năng chứa đựng, tức là thế quân bình trong bộ thần kinh hoàn toàn bị sụp đổ. Thế mà trong y khoa chẳng mấy ai lưu tâm đến tận nguồn nguyên nhân của những trường hợp bệnh bị mổ, để cắt đứt nguyên nhân phát bệnh đi, mà cứ rong ruổi theo phương tiện ngọn ngành trong công việc đổi quả, tựa hồ như trọn cả y khoa chỉ là mổ xẻ. Cho nên y khoa càng ngày càng phá sản, mà thế quân bình trong cá nhân cũng như trong xã hội càng lúc càng thêm đảo điên.

Tầm quan trọng của túi Mật là dường ấy, nên chánh văn mới nói: "Mật là cơ quan trung chánh, sự quyết đoán từ đây mà xuất hiện".

Bọc tim là phần ngoài của Tim, là cơ quan để nối liền tất cả các tạng khác với Tim bằng hình thức Tam tiêu. Tất cả những gì vào Tim phải qua nó trước, cũng như tất cả những gì từ trong Tim phát ra cũng phải qua nó trước. Thế là nhiệm vụ của nó ở chỗ thay Tim mà thực hành chánh lệnh, cũng như ông thừa tướng đối với ông vua.

Theo hệ thống của năm hành thì Mộc sanh Hỏa - Mộc thuộc Khuyết âm, mà Bọc tim lại là Thủ Khuyết âm vậy.

Phần biến động trên tinh thần của Tim là vui mừng, mà Bọc tim là cơ quan thay Tim để ban bố hành lệnh; do đó mới nói: vui mừng xuất phát ra từ đó. Bởi vậy tất cả những bệnh tật từ bên ngoài đưa vào chỉ tới

Bọc tim thôi, không khi nào đi thẳng vào Tim được; rủi khi trúng thẳng vào Tim là chết ngay. Cho nên bệnh của Tim hoàn toàn chỉ là bệnh nội thương. Vậy mà có lắm kẻ vì tham uống nhiều của lạnh đến nỗi đau tim mà chết thì thật là hết bậc.

Đối với tất cả tạng phủ, vị vừa là phủ của tỳ vừa là ngôi chợ trời được chia thành năm khu, ảnh hưởng khác nhau như đã nói từ trước. Từ tảng sáng tới trưa thì nửa thân trên tiêu thụ nhiều hơn, do đó mà từ nửa thân của vị trở lên làm việc nhiều hơn. Từ giữa trưa cho đến chiều tối thì nửa thân dưới tiêu thụ nhiều hơn, do đó mà nửa phần dưới của vị cũng làm việc nhiều hơn.

Vị là nơi thọ lãnh tất cả thức ăn uống đưa vào, tạm chứa ở đó một thời gian để mà tiêu hóa, chỉ trừ chất dầu mỡ chất béo nặng nề thì phải xuống tới khúc đầu Ruột non nối với đuôi Vị mới tiêu hóa. Nó có một sức co dãn tương đối và gồng bóp theo sự hoạt động tay chân và các bắp thịt ở bụng.

Muốn cho được tiêu hóa các thức ăn uống, trong Vị phải có một chất nước hóa học kết hợp bằng ba vị khác nhau.

Trong khi ăn no thì có một số máu tụ về phần Tỳ dương. Số máu nầy là một sự tác hợp giữa máu đỏ và máu trắng, cho nên không thật sậm.

Bổn phận của Tỳ dương là thay thế cho Gan ở phía trái, để ngăn giữ một số máu nán chậm lại trong thời gian thức ăn còn ở Vị, để nhiệt lực ấp ủ cho Vị được dậy men sanh ra một thứ nước chua, hầu cho tất cả thức ăn uống đều được dậy men nóng hầm và bở ra. Còn phần Tỳ âm thì lại ứa ra vị ngọt đi theo cuống mà vào đuôi Vị, để giúp đỡ cho thế dậy men được đúng mức. Còn buồng Mật bên phải cũng theo cuống Mật mà đi xuống nhập chung với cuống Tỳ âm để chuyển nước Mật vào Vị. Cho chất đắng vào Vị kềm lại vị chua, để sự dậy men tiêu hóa dù đúng mức nhưng vẫn không thể đi đến thái quá mà làm tổn thương đến Vị. Đó là ba chất hóa học trong cơ thể hợp tác lại thành một thứ nước trong Vị, gọi là nước tiêu hóa.

Các thức ăn uống sau khi được tiêu hóa, rút ra khỏi Vị để phân phát

ra các nơi, đều phải nương nhờ vào sức của cả Tỳ dương lẫn Tỳ âm.

Bởi vậy hễ thiếu Mật thì thành phần đắng trong Vị khuyết đi, thiếu Tỳ âm thì thành phần ngọt trong Vị cũng không đủ, thiếu Tỳ dương thì thành phần chua trong Vị cũng mất quân bình.

Ta nên nhớ hễ vị ngọt mà loãng thì dễ biến sanh chua, vị ngọt mà đậm đặc thì dễ biến sanh than, nếu chua gặp đắng thì dễ biến sanh ngọt. Nhìn vào công thức hóa học nầy, ta có thể thấy ngay một hậu quả do một thành phần trong ba thành phần nói trên ở Vị bị thiếu hẳn đi ra sao. Theo đây ta có thể biết được những người nghĩ rằng: hoặc cắt bỏ túi Mật hoặc cắt bỏ Tỳ âm, hoặc cắt bỏ Tỳ dương đều không có hại gì cả, là những người thật là tay ngang chẳng biết gì hết về cơ cấu tiêu hóa vậy.

Bởi cơ thể sinh lý của Tỳ và Vị quan hệ nhau như thế, nên tất cả các cơ quan khác trong chánh văn đều nói riêng ra, chỉ có Tỳ với Vị là nói chung. Nên mới nói đại lược rằng: "Tỳ, Vị là cơ quan kho vựa, năm vị ăn uống nương nơi đây mà phân phát tiếp tế".

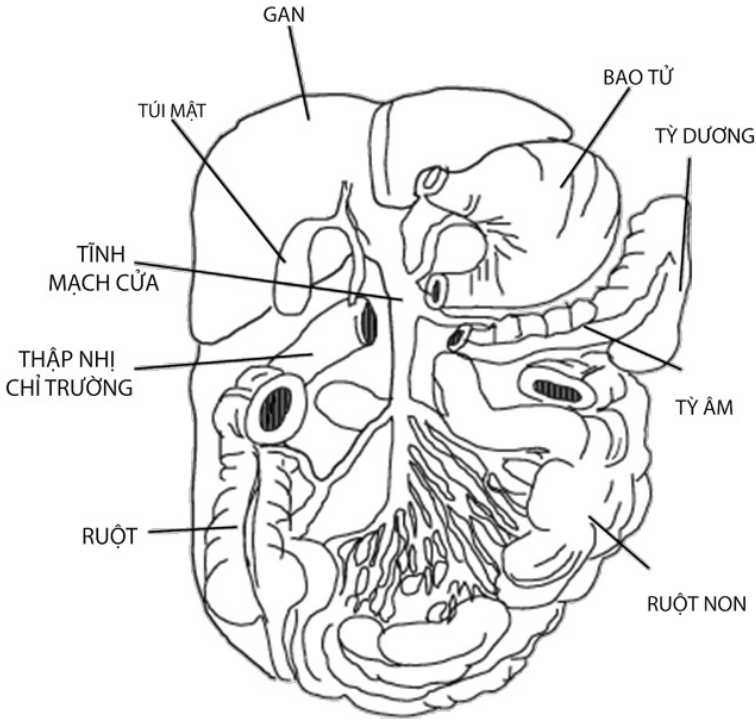
Còn hai điều nữa phải được nhắc lại:

- Tỳ dương tuy là bộ phận dương của tạng Tỳ, nhưng thật ra chính là cơ cấu của tạng Gan ở phía Tỳ. Cho nên bổn phận nó mới làm cho Vị sanh ra nước chua.

- Vị đã là ngôi chợ trời, thì lẽ tất nhiên tất cả biến động tâm linh của năm tạng đều có khả năng làm cho nước tiêu hóa của Vị mất thế quân bình. Nếu tầm mắt ta không nhìn thấu đến chỗ nầy, thì tất cả các trường hợp bệnh tật của bộ tiêu hóa vị tất đã biết rõ hết.

(Xem hình vẽ hình vẽ Bao tử Ruột non, Ruột già và cái Xây)

HÌNH 8.3: BAO TỬ RUỘT NON, RUỘT GIÀ VÀ CÁI XÂY



(Tủ sách y học của CIBA)

Ruột già là phủ của Phổi cùng với Vị là hai phủ thuộc về khí Dương minh. Tạng Phổi là âm Kim, là thanh (mát) Kim, phủ Vị là táo Thổ, còn Ruột già là vì là phủ của Phổi nên là táo Kim. Nghĩa là tác dụng của Vị với Ruột già đồng là làm cho ráo các thức ăn uống, nhưng Vị thuộc Thổ mà Ruột già thuộc Kim. Từ Vị xuống đến Ruột già phải trải qua Ruột non. Bên trên nó phải chịu sự tiết chế của luồng năng lực từ tạng Phổi xuống. Mối đầu của nó khởi từ hố hông bên phải dính liền với Ruột non và khúc ruột dư, rồi đi nghịch lên một vòng sang qua hông trái, rồi đi xuống dính liền với khúc ruột cùn mà ra hậu môn.

Với cái thế chuyển vận nghịch chiều như thế, nên bắt buộc nó phải có nhiều ngấn ngang, và giữa thân của nó cấu tạo bằng một hệ thống gân nối liền với khúc ruột dư đi theo trung tâm đến khúc ruột cùn là hết, để làm nền tảng cho cơ cấu gồng bóp máy động truyền đưa vắt ráo, chung quanh phía trong nó đều là những ống nhỏ để rút nước. Nhờ tư thế như đã nói, nên một người sức khỏe đầy đủ, Ruột già được lưu thông, thì đại

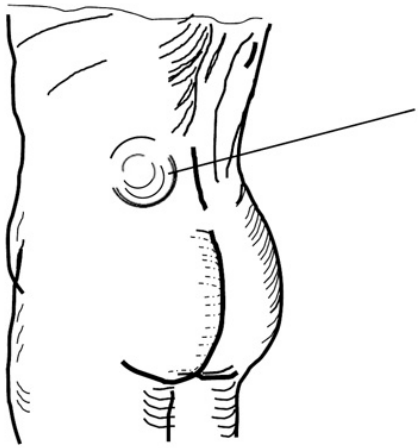
tiện khối phân sẽ đều đặn khô ráo, kết thành từng lọn suôn sẻ đầu đuôi như nhau mà màu sắc cũng được bình thường. Nếu gặp lúc trong bộ tiêu hóa có thiếu đắng, thiếu chua hay thiếu ngọt hoặc thừa thì hiện tượng đại tiện sẽ biến khác đi.

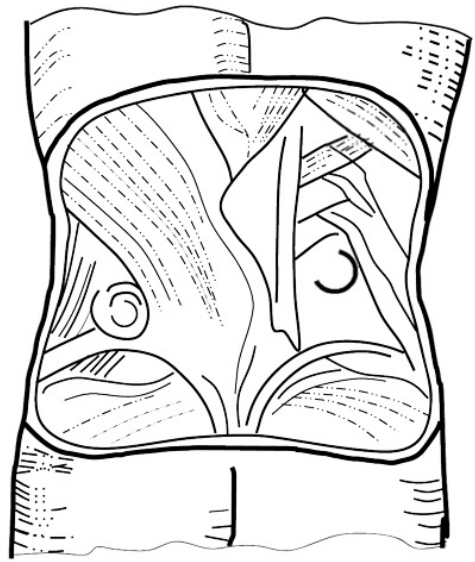
Tuy đồng là Ruột già, nhưng khúc ruột cùn với hậu môn thì lại quan hệ trực tiếp với Gan, và chịu ảnh hưởng năng lực của thần kinh động tác nhiều hơn. Do đó nên khi ta bị bệnh kiết lỵ mới có triệu chứng vừa mắc đi tiêu dữ dội, mà cũng vừa là thắt lại để tạo thành thế mắc rặn. Vì không hiểu lý nầy nên biết bao người bệnh kiết lỵ, sau khi được thầy thuốc chữa xong bằng cách vội cầm lại rồi ít lâu sau sanh ra bệnh thúi ruột mà chết. Lỗi nầy không thể đổ cho bệnh nhân.

Ruột già đã là phủ của Phổi, thế thì sự biến động trên vật lý, sinh lý cũng như tâm lý từ tạng Phổi đều có quan hệ đến Ruột già. Bởi thế nên có biết bao nhiêu người vì lo quá, đến đổi Ruột già thắt lại mà chết. Nên chánh văn mới đại lược: "Ruột già là cơ quan truyền đưa, hết thảy những vật tiêu hóa còn xác lại đều nhờ nơi đây mà đi ra" là vậy.

Ruột non là phủ của Tim, nối liền với đuôi vị. Thức ăn uống vào chịu một đợt tiêu hóa ở Vị, còn lại là chất dầu mỡ xuống đến Ruột non mới biến hóa thành chất sữa đục và gạn hết xác đưa qua Ruột già. Nhìn bên ngoài ta thấy Ruột non nhỏ hơn Ruột già và không có ngấn ngang, cũng không có hệ thống gân chính giữa. Cho nên người ta thường gọi là Ruột non. Thân của Ruột non phía trong bụng có màng dính liền để nối với hệ thống của cái Xây, đầu dưới dính với Ruột già phía bên tay phải, đầu trên chỗ nối với vị dính với tỳ âm, đoạn nầy dài độ 12 ngón tay nằm ngang, là nơi quan hệ nhất đối với các chất dầu mỡ. Tổ chức phía trong Ruột non có vô số ống nhỏ và rất nhiều mạch máu với dây thần kinh (nên để ý đến phần hình vẽ).

HÌNH 8.4: MỘT TRƯỜNG HỢP BỆNH SA RUỘT





Sau khi tất cả thức ăn uống xuống đến đây được trở thành một thứ nước sữa đục, nhờ động cơ hô hấp của Phổi, động cơ tuần hoàn của Tim với động cơ năng lực của dây thần kinh mà chất nầy được thâu hút qua màng mỡ để đưa vào cái Xây. Rồi từ cái Xây mà theo mạch sữa to nhất gọi là mạch Thái xung, để đem lên cho vào tĩnh mạch xương gánh bên trái mà tăng thêm lượng huyết. Sự vận chuyển các chất tinh hoa nầy đều phải nương nhờ nơi sức của tỳ âm. Tuy nhiên nếu ta nhìn trọn cả bộ

tiêu hóa, ta phải nhìn nhận bộ phận Ruột non là nơi thâu hút chất bổ nhiều nhất. Nên đại lược chánh văn nói: "Ruột non là cơ quan chuyên thâu hút chất bổ, tất cả những tinh hoa của thức ăn uống đều rút ra từ đó".

Ở miền quê với kinh nghiệm của dân chúng, mỗi khi có bệnh chóng mặt bởi phần huyết khô, người ta hay mua khúc Ruột non gần đuôi của vị với cái Xây trong con heo để dùng làm món ăn thuốc mà chữa trị rất công hiệu cũng là tại lý trên.

Ruột non đã là phủ của Tim, là một bộ phận trong bộ tiêu hóa, thế tất sự biến động trên tâm lý, sinh lý cũng như vật lý, tất không khỏi có liên can đến Ruột non. Vì thế không biết bao nhiêu người hoặc vì ăn uống sai lầm mà trong ruột có vô số sên lãi, hoặc vì sinh hoạt chênh lệch mà ruột hoặc tréo nhau hoặc đun vào nhau, hoặc vì tâm tư biến động làm cho trong ruột sanh ra không biết bao nhiêu là bệnh tật nguy hiểm. Thế mà ở Âu Mỹ hiện nay có nhiều trường hợp chỉ vì ăn uống một cách hồ đồ đến nỗi sanh ra chứng mập chảy, rồi người ta vội nghe lời bọn lang băm đổ lỗi cho Ruột non làm việc nhiều quá, mà cắt bỏ bớt đi, hầu gọi là chữa bệnh mập, thì thật là một việc làm ngu muội của trí óc rất đáng phì cười!

Tạng Thận có hai bộ phần: Phần Thận dương chuyên lo súc tích tất cả tinh hoa của tạng phủ, để thu nhỏ lại tàng trữ sung bổ cho óc và khắp tuỷ xương với tinh khí trong cơ cấu sinh dục. Nó liên hệ với tất cả tạng phủ bằng Tam tiêu và hệ thống âm huyết. Nó có vô số mạch máu trắng nối liền với chùm trứng hay ngoại thận. Chất tan trong nước của nó theo hệ thống Gan mà lên Tim; chất tan trong dầu theo hệ thống Tỳ mà lên Phổi. Vì thế mà chất tan trong nước là để giúp cho Tim đập nhanh, chất tan trong dầu là để giúp cho Tim đập chậm. Người xưa nói: Thận chứa tinh là thế. Còn phần Thận âm thì chuyên lo lọc số nước và muối cùng các chất thừa từ máu đưa vào, để truyền xuống Bàng quang mà làm thành tác dụng hóa khí.

Hai bộ phần Thận dương và Thận âm phải được hoạt động cân xứng nhau thì cơ chế tạo sinh khí não tủy mới được vẹn toàn. Nguồn hoạt động cân xứng nầy phải nương nhờ vào khí hậu, thời tiết, sinh hoạt, ăn uống, tâm tư được cân xứng bình thường. Bởi vậy không khí miền

gió biển thì thường giúp cho tạng Thận săn lại; không khí miền bình nguyên ẩm thấp, hoặc cây cối âm u, bùn lầy ướt át thì thường làm cho tạng Thận dãn ra. Người hay nằm dưới đất ẩm ướt mà ngủ thì tạng Thận dễ mất sự gồng bóp. Ăn uống nhiều vị ngọt quá thì tạng Thận bủn ra; ăn uống nhiều vị mặn, đắng thì tạng Thận se thắt lại; ăn uống nhiều thức ăn lạnh quá, tạng Thận sẽ truyền khí lạnh ấy vào tủy xương sống, rồi lên óc phạm vào khu vực thị giác của con ngươi, thì làm ra bệnh cận thị. Nếu khí lạnh ấy không truyền vào tủy xương sống mà lại tụ tập ở vùng Ruột non và ảnh hưởng ra các bắp thịt, làm thành ra nhiều hình thức bệnh sa ruột (xem hình vẽ). Nếu ăn uống nhiều chất bổ dưỡng thuộc về loại khoáng, hoặc về khí lạnh, cộng thêm sinh hoạt thiên lệch một chiều làm cho thế lọc các chất thừa bị đình đốn, sẽ súc tích lại nhiều ngày nhiều tháng mà là thành bệnh sạn Thận. Nếu trí óc làm việc theo thế mâu thuẫn của cái Tôi, thì dòng điện năng lực trong thân sẽ bị vặn tréo nghịch chiều gây nên bệnh tim, bệnh óc và tất cả các bệnh nội thương khác. Thế mà còn có kẻ u mê cho là tại óc dư, nên nghĩ cách xẻo bỏ bớt cho quân bình như ở Âu Mỹ hiện đang trù tính, thì thật là một thứ lý trí điên khùng! Nếu hoạt động tay chân cũng như thắt lưng với một tư thế ảnh hưởng nặng nề vào toàn cả hệ thống xương cốt như làm việc quá nặng hoặc làm thêm ban đêm; hoặc những trường hợp tham dâm giao dục quá độ thì Thận càng ngày càng bại hoại, xương cốt càng ngày càng yếu đi, tủy xương càng ngày càng hao hụt, tinh khí càng ngày càng cạn kiệt, bộ óc càng ngày càng lưng. Nếu tinh thần gặp phải khủng hoảng kinh khủng buồn lo quá độ, thì cả cơ cấu Thận dương bị teo hẳn đi, chất tan trong nước cũng như chất tan trong dầu có thể chỉ trong một thời gian ngắn tiêu mất, làm cho con người có thể chết gấp. Ngược lại hoặc bởi thọ bẩm cha mẹ ăn uống nhiều khí lạnh, hoặc bởi chính mình ăn uống nhiều khí lạnh cũng có thể làm cho tinh thần trở nên cô đơn ủy mị, dễ buồn rầu, dễ than khóc, dễ yếu đuối, dễ tự tử. Một người mà Thận dương không đầy đủ, nhiệt lực trong Thận không được bình thường, nhất là thọ bẩm ngay trong bụng mẹ, nếu không biết sửa chữa thì không sao có được nghị lực tinh thần, chí khí tâm hồn cũng như tay chân khéo léo cho được.

Một người bị cắt bỏ bớt một bên Thận âm là một bộ phận lọc nước của Thận đã mất đi một phần hẳn rồi. Nhưng nếu một người bị cắt mất phần Thận dương thì người đó như kẻ đã chết. Nếu có theo dõi câu chuyện từ đầu thì đến đây ta cũng đã rõ.

Sâu vào một tầng nữa, nếu ta đừng quên nghĩa Phế Kim sanh Thận

Thủy của luật năm hành tương sanh trong tạng phủ, đồng thời ta nhìn suốt từ tạng Thận lên tạng Tim, cũng như cách nhìn bao la đi vào mặt trời và địa cầu như đã từng nói từ trước, thì ta sẽ thấy tạng Tim là một hiện tượng cụ thể để tiêu biểu cho **QUANG**, phần Thận dương là hiện tượng cụ thể để tiêu biểu cho **NĂNG**, phần Thận âm là hiện tượng cụ thể để tiêu biểu cho ĐỘNG trong con người. Nếu ba cơ cấu nầy về mặt tâm lý, vật lý cũng như sinh lý được bình thường một cách thuận với lẽ đồng nhất tương quan trật tự biến hóa lưu thông của thiên nhiên, thì con người sẽ minh mẫn tuyệt vời và kho tàng năng lực vô tận của bao la chính là của con người vậy. Trái lại nếu ba bộ phận nầy bị phá tán, tức là kho tàng năng lực của con người hoàn toàn bị sụp đổ. Do đó nên tông Tịnh Độ của nhà Phật mới có chỗ y cứ mà lập giáo, và thay vì người ta nói **QUANG**, **NĂNG** và ĐỘNG mà thay thế vào ba nhân vật tiêu biểu là **Phật A-Di-Đà**, **Bồ-Tát Đại Thế Chí** và **Quan Thế Âm**. Chuyện nầy chẳng có kinh sách nào nói cả nhưng nếu ai chứng thực được là biết ngay.

Do tất cả những điều kiện vừa nói trên, nên chánh văn mới nói đại lược rằng: "Tạng Thận là cơ quan để giữ cho có sức mạnh, tất cả những khéo léo phát ra từ đó".

Tam tiêu là phủ của Bọc tim, là chủ của phần tấu lý bên ngoài, là bộ phần liên lạc cho tất cả các tạng phủ, bên trên thông qua chẽn vừng dính liền với Bọc tim, bên dưới dính liền với Thận dương xuống tận đến Bàng quang và tử cung. Nó là hiện tượng mây mù ly tâm hướng tâm trong thân người, cũng như hiện tượng mây mù ly tâm hướng tâm của bầu khí quyện với quả đất. Hình thức của Tam tiêu là một thứ màng kết hợp bằng thành phần sớ dai với thành phần mỡ, làm nền tảng cho các thành phần khác như mạch máu đỏ, mạch máu trắng, dây thần kinh gá vào. Nó là đường giao thông liên lạc suốt từ trong ra ngoài; nếu nhìn bên ngoài ta thấy hình như không quan hệ mấy, nhưng nếu thiếu mất nó thì khí huyết không lưu hành được. Mỗi khi nó bị đình đốn là tức khắc sanh ra bụng đầy dẫy, nước không lưu thông. Bởi vậy nên nếu vì một lẽ gì nó sanh phát nóng hoặc nó làm việc thái quá, thì sẽ phát sanh hoặc bí tiểu hoặc không nước tiểu; nếu nó bị lạnh hay làm việc một cách bất cập đều có thể xảy ra đái són đái dầm v.v. Nên chánh văn đại lược nói: "Tam tiêu là cơ quan ống nước, tất cả đường nước đều xuất phát từ đó".

Bàng quang là một bộ phận nằm sát phía bụng dưới trong xương

mu trước bộ sinh dục và ruột cùng, bên dưới nối liền với ống tiểu tiện, phía sau lưng có hai ống dẫn nước từ tận trên Thận âm đi xuống, phía trên nó giáp với màng hạ tiêu và Ruột non, bên trong bộng rỗng có sức co dãn có thể chứa ít nhất là nửa lít nước, khi nó căng to trông tựa hồ như quả bưởi.

Đại phàm bất cứ một bộ phận nào trong cơ thể cũng phải theo đúng luật thiên nhiên mà kết hợp; cho nên hết thảy đều phải cấu kết bằng vô số thành phần nhỏ nhít. Nếu đã là tổ hợp, thế tất không có vật nào là vật đặc kẹo liền hơ. Thế mà hiện nay vẫn có nhiều người quan niệm bộ phận tử cung cũng như Bàng quang đều là những nơi không có vật gì thấm vào được; đó là một sự hết sức sai lầm. Người xưa đã từng nhận thấy rằng: toàn thân Bàng quang ngoài một cửa dưới, hai cửa trên ra, còn vô số những ống nhỏ li ti để mở ra cũng như mở vào.

Tất cả nước trong châu thân đều phải đi vào Bàng quang bằng hai nẻo: một là từ máu vào Thận âm lọc ra, rồi theo hai ống dẫn nước mà đi vào Bàng quang; hai là phải theo Tam tiêu xuống đến Thận dương rồi theo hệ thống Tam tiêu thấm vào vi ti quản mà vào Bàng quang.

Nước trong Bàng quang đi ra ngoài cũng bằng hai cách: một là nhờ bộ hô hấp làm việc đều đều; hai là nhờ bộ tuần hoàn đưa máu xuống Ruột non để nung nóng Bàng quang. Hơi thở của con người đúng phép là khi hít vào bụng dưới nở ra, khi thở ra bụng dưới tóp vào. Nhờ thế năng lực nầy làm cho Bàng quang hoạt động, mà nước trong Bàng quang được bốc thành hơi theo vi ti quản khắp Bàng quang ra ngoài, theo hệ thống Tam tiêu đi lên khỏi chẽn vừng rồi mới bài tiết ra khắp châu thân, làm thành mồ hôi và khí vệ để bảo vệ bên ngoài. Đến bao giờ nước ấy không còn có thể bốc lên được nữa, đến đó mới thật là nước tiểu thì lại theo ống tiểu mà bài tiết ra ngoài.

Nhắc lại phần nước được hóa hơi bốc lên nó cũng phải đi theo hai nẻo: một là qua khỏi chẽn vừng, rồi truyền bài tiết ra khắp mặt da, theo tiết tấu của hệ thống thần kinh mặt da; đó là phần dương, gọi là phần Thái dương. Còn phần đi bên trong tạng phủ lên tận đến vùng Phổi lại phải nhờ tác dụng của Phổi để ngưng đọng rơi xuống làm thành chất nước màu, theo hệ thống nội tạng mà kết thành tinh hoa đưa về cho tạng Thận.

Làm sao ta biết được như thế? Ta hãy để ý những người già yếu không mấy ai mà hơi thở còn đúng cách như đã nói trên, chỉ trừ những người còn trẻ tuổi hoặc các trẻ em. Sự hoạt động tay chân càng ngày càng kém sút, hơi thở càng ngày càng rút lên tất nhiên sức tác động của bàng quang càng ngày phải càng yếu kém, thì sự bài tiết bằng mồ hôi ở mặt da cũng theo đó mà mất dần, các chất nước màu trong nội tạng cũng theo đó mà sa sút, sự bài tiết về nước tiểu cũng theo đó mà càng ngày càng nhiều, ban đêm càng thêm đi tiểu, Thận dương cũng theo đó mà teo dần, phần tan trong dầu cũng như tan trong nước càng ngày càng hao hụt, các tủy xương cũng như óc càng ngày càng lưng dần, tinh khí càng ngày càng khô kiệt, con mắt càng ngày càng mờ, lỗ tai càng ngày càng ù, xương trán sụp xuống, bước đi lảo đảo khua động vì các bọc nước nhờn ở các khớp đều khô; đây là một bằng cớ cho ta thấy nước xuống đến Bàng quang chưa phải là nước tiểu.

Những người tập lực sĩ cũng như những người luyện nội công của Đông phương, họ có thể chứng minh cho ta thấy: khi rảnh rang, đến lúc mắc tiểu hoặc họ đi một đường quyền, hoặc họ ngồi một cơn điều khiển hơi thở là mồ hôi ra khắp châu thân, tức khắc thấy hết mắc đi tiểu, và mồ hôi của chúng ta luôn luôn có mùi nước tiểu; đây là điều thứ hai để cho ta thấy rõ nước xuống đến Bàng quang chưa hẳn là nước tiểu, mà Bàng quang không phải là vật bít chịt chỉ có ba cái lỗ, và sự khí hóa của Bàng quang quan trọng là dường nào. Thế mới biết: tất cả những việc làm như cắt ống dẫn nước từ Thận xuống Bàng quang để đưa ra trước hai bên bụng, đều xuất phát bởi một sự lầm lạc vụng về quan niệm rằng: nước xuống Bàng quang chỉ là nước tiểu. Bởi vậy nên người ta thần thánh hóa những thứ thuốc như Syncortine, Cortine Naturelle mới phát minh gần đây cũng là phải. Và người ta không thể nào nhận được chân giá trị công thức Thận khí hoàn của cổ nhân đã phát minh tự mấy ngàn năm là một việc không lấy chi làm lạ.

Thế mới biết câu nói: "Bàng quang là cơ quan tụ nước, hết thảy tân dịch đều chầu về, nhờ hóa khí mà có thể thấm bốc lên trên mà ra ngoài", là một câu nói vô cùng giản lược mà hàm chứa cả một tinh thần khoa học chứng nghiệm vậy.

Trong vòm bao la với Thái dương hệ nầy mặt trời là đầu dọc, tất cả tinh cầu trong hệ thống đều theo đó mà trật tự vận hành. Toàn thân con người cũng thế, tạng nào phủ nấy, trong âm ngoài dương, hết thảy

12 quan năng cũng đều phải chịu chung trong cái thế đồng nhất tương quan trật tự biến hóa lưu thông mà không thể nào khác hơn được. Cho nên mới nói: "hết thảy 12 quan năng ấy không được rối loạn trật tự lẫn nhau".

Như đã từng nói: Bản mạng của tất cả vạn pháp đều chỉ là một nguồn thể tánh viên quang linh diệu nhiệm mầu, mà tạng Tim trong con người lại là nơi trung tâm của cái linh quang hồi tụ ấy hiển hiện, cho nên mới nói: "là nơi để cho bổn tánh linh diệu hiển bày". Thế thì bổn tánh viên quang linh diệu là nguồn cội của vạn pháp, mà tạng Tim là nguồn cội của mạch sống toàn thân.

Tất cả cuộc sống trong xã hội loài người, hết thảy những khổ vui họa phúc, lành mạnh, đau thương, tự tâm của mỗi con người đều phải hoàn toàn chịu lấy trách nhiệm. Thọ bẩm lệch lạc cũng từ tâm; xâm phạm thời tiết cũng do tâm; ăn uống hồ đồ, sinh hoạt tạp loạn, tâm tư rối rắm cũng do tâm. Cho đến gia đình thạnh suy, xã hội thăng trầm, quốc gia an nguy, thế giới trị loạn nhứt nhứt không đâu mà không do tâm làm chủ. Thế nên nếu một con người mà tâm được sáng suốt, thì toàn thân được yên ổn, tinh thần được yên vui; nếu tâm mê muội thì không những tạng Tim sanh bệnh tật mà 12 quan năng cũng nguy; chẳng khác nào ông vua trong một nước, hay một vị lãnh đạo trong quốc gia mà cái tâm u mê ám độn thì vận nước sẽ nghiêng ngã. Bởi vậy nếu ai nhận rõ được tầm quan trọng của cái Tâm, mà căn cứ theo đây để dưỡng sanh thì thọ, căn cứ theo đây để giúp đời thì được yên vui, căn cứ theo đây mà kiến thiết thiên hạ thì cả thiên hạ đều được phúc lành. Nếu ngược lại không biết gì hết về tâm thì cuộc sống trở nên không có lối thoát, hình hài trở nên nguy to, càng dưỡng sanh bằng cách nầy thì càng tai vạ, căn cứ vào cách nầy mà lập thiên hạ thì giềng mối cuộc sống sẽ đổ vỡ tan tành. Thế thì 12 quan năng trong trật tự, tạng Tim là đầu đọc cho mạch sống toàn thân. Tâm tánh là năng lực nguồn cội cho cuộc sống toàn cả nhân loại, há lại không phải là điều đáng to tiếng kêu gào cho loài người cũng như các hàng chuyên môn thức tỉnh sao?!

Đoạn 2

PHIÊN ÂM:

Chí đạo tại vi, biến hóa vô cùng, thục tri kỳ nguyên. Quẩn hồ tai! Tiêu giả cù cù, thục tri kỳ yếu, mẫn chi đương, thục giả vi lương.

Hoảng hốt chi số sanh ư hào ly; hào ly chi số, khởi ư độ lượng; thiên chi vạn chi, khả dĩ ích đại, suy chi đại chi, kỳ hình nãi chế.

Huỳnh Đế viết: Thiện tai! Dư văn tinh quang chi đạo, đại thánh chi nghiệp, nhi tuyên minh đại đạo, phi trai giới trạch kiết nhựt, bất cảm thọ dã.

Đế nãi trạch kiết nhựt lương triệu, nhi tàng Linh Lan chi thất dĩ truyền bảo yên.

DỊCH:

Mênh mông đạo cả, biến hóa không cùng! Mà then máy nhiệm mầu đều nằm tròn trong mảy may chớp nhoáng, chẳng được mấy ai thấu suốt cội nguồn. Ôi! Nó sâu xa làm sao! Hết thảy kẻ có trí ai mà không sợ. Chỉ có cách hãy sốt sắng mà soi lại lòng mình, để giáp mặt với cơ vi mầu nhiệm, càng chín chắn càng hay.

Cái chớm thoáng khởi nhân của buổi đầu thật là vô cùng vi tế. Nếu ta thâm nhập mà khám phá được, để rồi từ đó mà nhân lên, dù đến muôn đến ngàn, càng to càng rộng, cứ thế mà phát triển dần, dù cho ở phương diện nào, trật tự ngăn nắp cũng sẽ đâu ra đấy.

Huỳnh Đế nói: Rất hay! Rất hay! Trẫm đã được nghe cái đạo tinh vi sáng suốt, sự nghiệp của bực đại thánh(1), để mà tuyên minh đạo cả; như thế nếu không phải trai giới thanh tịnh, chọn ngày lành tháng tốt thì không sao dám thọ lãnh vậy.

Thế rồi Huỳnh Đế bèn chọn ngày lành tháng tốt có điềm tường mà làm lễ thu thập để vào đền Linh-Lan, hầu truyền giữ lại cho đời sau.

CHÚ THÍCH:

(1) **Đại thánh:** là một danh từ để ám chỉ cho những bậc thông đạt đã thấu rõ cơ mầu.

GIẢI:

Đây là để nối tiếp với đoạn trên nói lên tất cả những cái mà người đời phân chia nào tâm, nào vật v.v. đều là những hiện tượng của năng lực linh quang hồi tụ toàn cả bao la, mà hết thảy đều có then máy khởi nhân của nó. Then máy ấy, bao la ấy, năng lực ấy, linh thiêng ấy, vốn sẵn đủ trong tâm mỗi chúng sanh. Chỉ có một cách duy nhất để khám phá là mỗi người phải tự giáp mặt thẳng tận đáy lòng của chính mình. Và thọ dụng được sức linh thiêng ấy hay không đều do ở con người, chớ không phải từ đâu xa lạ; cho đến chính hình hài nầy ra sao cũng định đoạt phát nguyên từ đó, để đặt hướng chú trọng đến tinh thần và đổi nhân hơn là đổi quả.

Hết thảy những cái gì có tướng đều có thể để cho ta nương theo đó mà chọn lựa tốt xấu dở hay. Hết thảy những gì có tướng dù to lớn đến đâu đều cũng phải bắt đầu từ nơi mảy mún. Đó là nghĩa "cơ mầu dấy động hoạ phúc liền sanh".

Quả mãng cầu vừa mới tượng chỉ to bằng đầu kim gút, thế mà cũng phải bị tùy theo cành mãng cầu trong cái thế chen chúc lệch lạc, mà càng ngày càng lớn phải hiện tướng méo mó lép hết một phần.

Một cây Nhân Sâm vì mọc trúng chỗ kẹt, khi trổ hoa ra, cành hoa không được đứng thẳng, đóa hoa không được hứng trọn ánh nắng mặt trời, có một tai hoa không được nở bét hết sức làm cho cái búa nhụy phía ấy không gõ trúng chánh phần nhụy vàng, nên khi kết trái cũng đồng là năm khía nhưng khía ấy không đủ năm hột cho nên hơi lép đi.

Có ai ngờ: tôi thử gieo một hột lúa cho lên cây mạ; được chăm cho đầy đủ. Mạ trưởng thành tôi bèn nhổ đem đi cấy vào một chỗ đất khoảng khoát phì nhiêu đúng thì đúng tiết; đến lúc bụi lúa bắt đầu có ống, tôi bèn bứng lên, xẻ làm ba phần, lại cấy vào một nơi khác, chăm sóc kỹ lưỡng;

nên lúc trổ bông kết trái, rồi lúa chín, mỗi bụi tính trung bình có đến 20 bông, mỗi bông trung bình 200 hột, tất cả độ trên dưới 60 bông, thế là tổng cộng tôi có trên dưới 12.0 hột lúa. Thật chẳng ai ngờ!

Có ai ngờ! Quả địa cầu ta đang ở đây, buổi đầu chỉ bằng hạt bụi, mà hiện giờ không thiếu một vật gì!

Có ai ngờ: một cặp vợ chồng của một gia đình nọ, chỉ vì kết hợp theo chiều hướng rung cảm của vật chất xác thịt tận tự buổi đầu; đến khi gia đình càng nảy nở, tinh thần vật chất xác thịt buổi đầu càng ngày càng bành trướng hiện to, làm cho không khí gia đình trở nên lục đục đổ vỡ, chừng đó đương sự mới thấy khổ sở đau thương!

Có ai ngờ: một đôi nam nữ kết hợp trong khung cảnh nghèo nàn, sống chung trong thế đại gia đình thiếu hụt bẩn chật. Phòng riêng của đôi uyên ương cách với tai mắt người chung quanh chỉ một bức màn, với một chiếc giường tân hôn không được cứng cáp. Tánh tình lang quân lại dễ theo rung động mà làm bừa. Trong cái thế tinh thần cô dâu thẹn thùng, e dè, thùy mị. Thế rồi tai mắt người chung quanh chưa kịp đến giờ thu hồi, mà cơn mưa gió đã ùn ùn nổi dậy, làm cho tâm hồn cô dâu khi ấy nửa ưng nửa thẹn, vừa sợ hãi vừa thuận theo. Rồi trong cuộc truy hoan biến sanh nhiều cử chỉ trái ngược, hậu quả là đẻ ra đứa con câm!

Có ai ngờ: chỉ vì vấn đề sinh lý, sự lên dốc xuống dốc của nam nữ âm dương không ăn khớp nhau trong khuê phòng, chất chứa từ ngày nầy sang tháng nọ, để rồi cuối cùng một người đàn bà còn trẻ đẹp bị thác loạn thần kinh, phải tuột quần tuột áo mà chạy trên xa lộ Biên Hòa!

Có ai ngờ: chỉ vì trong khi có thai chồng đi vắng, bỗng dưng nổi lên ý tưởng nghi ngờ và bơ vơ cô quạnh, mà người đàn bà phải sanh đứa con tinh thần đa nghi, tâm tư yếu đuối và vô cùng khó dạy!

Có ai ngờ: một ông chủ của một gánh xiếc thường diễn một trò banh miệng con sư tử ra đút đầu vào ba lượt như thế rồi hạ màn. Thế rồi một hôm chỉ vì động tâm sợ hãi để con sư tử ngậm miệng lại chết tươi!

Có ai ngờ: được cha mẹ cưng cho đủ cả phương tiện phòng riêng,

một hôm chỉ vì trong vắng vẻ ngắm bóng mình lõa thể trong gương, mà một thiếu nữ con một, có sắc, bị rơi vào con đường trụy lạc!

Có ai ngờ: chỉ vì ngắm cơ thể đứa con gái mình bằng chút lòng không được chánh, mà một người cha phải hiếp dâm con!

Có ai ngờ: chỉ vì chút móng lòng danh lợi, đem một người vợ trẻ đẹp vừa mới thọ thai dâng lên cho một ông vua, để được một lát nữa mình sẽ là cha của ông vua sau nầy, mà Lữ Bất Vi bị ông vua con giết chết!

Có ai ngờ: chỉ vì một chút nhìn sai, thay vì mạch sống ở Tim lại ôm chầm theo bộ óc lý trí, mà cả thế giới loài người ngày nay đều đua nhau đi vào con đường sụp đổ!

Có ai ngờ: chì vì quay mũi thuyền ra đi tìm sự thật, mà cả cơ cấu khoa học toàn cầu đều bị rơi hẳn vào cuộc sống mê tin, theo kiểu máy móc!

Có ai ngờ: chỉ vì chút lòng mê muội không để ý đến lòng mình, mà thế giới loài người trở nên một biển lửa!

Có ai ngờ: chỉ vì khám phá được cái thoáng khởi của lòng mình mà cuộc sống của tất cả thánh hiền đều cùng với bao la nhịp nhàng trong cái lẽ đồng nhất tương quan trật tự biến hóa lưu thông không bị ràng buộc! Hèn gì cổ nhân mới nói: "Tất cả thánh hiền tuy có khác nhau, nhưng vẫn đồng xuất phát từ pháp vô vi" vậy.

Người xưa nói: "Một đốm lửa thoáng không sớm dập tắt, biết đâu rồi sẽ không cháy ngập trời?! Một mội nước phái phái không sớm tắt đi, biết đâu rồi sẽ không thành sông sâu vực thẳm! Chỉ một sợi tơ nhện buổi đầu, nếu không sớm dứt, biết đâu rồi sẽ không là bịt bùng lưới rập?! Chỉ một mầm non cổ thụ mới đâm chồi, nếu không sớm nhổ đi, biết đâu rồi sẽ không dùng đến búa rìu?!" thật là chí lý!

Một hôm Khổng Tử buột miệng than rằng: "Tất cả những việc con giết cha, tôi thí vua, anh lấy em nào phải chuyện một sớm một tối thoát

ngoài vòng cơ vi!"

Lời tục nói: "Gieo gió gặt bão".

Thế thì câu chuyện "Bảo nhau hãy nên thận trọng cơ vi súc tích" của nhà Nho; chuyện "con sư tử dù mới nở cũng phải là con sư tử, chớ không phải mới nở là con mèo nuôi lâu thành con sư tử" của nhà Phật; cũng như chuyện "muôn vàn trong một hóa cơ, chớ đem nông nỗi mà ngờ cao sâu" đều là câu chuyện của hàng thông đạt.

Kinh Lăng Nghiêm chép: Sau khi ngài A-Nan bị rơi vào sắc, than thở cầu pháp với Phật. Động lòng từ Phật muốn diễn pháp to, bèn gạn hỏi ngài A-Nan rằng: Tôi hỏi thật, vậy vì lẽ gì mà ông xuất gia theo tôi tu hành? – Ngài A-Nan thưa: Chỉ vì thấy sắc tướng của Phật đẹp quá, nên tôi xuất gia theo tu. –Phật nói: Đúng thế! Đúng thế! Chính vì lòng đó nên mới vướng vào bẫy sắc của ma hôm nay vậy. Thế là chỉ vì cái nhân không chánh mà kết cái quả phải vạy vò.

Như thế không phải "mênh mông đạo cả, biến hóa không cùng, mà then máy nhiệm mầu đều nằm tròn trong mảy may chớp nhoáng, chẳng được mấy ai thấu suốt cội nguồn" đó sao?

Từ ngủ sang thức, từ thức sang ngủ; từ sống sang chết, từ chết sang sống; từ vô sự sang một trận lôi đình, tất cả chỉ cách nhau có một cái thoáng, mà người khám phá được cái thoáng ấy cũng chỉ đếm được trên đốt tay.

Trong cuộc sống giáp mặt với sự thật, tràn đầy tinh thần tự do, cùng với bao la cùng chung vĩnh cửu phải trải qua ba cái khó: dám thẳng thắn thành thật tột bậc với chính mình là một cái khó; khám phá vỡ toang cái thoáng khi lòng mình chớm phát để cuộc sống trở nên hoàn toàn tự do là hai cái khó; nhận ra được trọn cả mặt mũi bao la ngay tận đáy lòng mình để không bị vướng kẹt trong gọng kềm của nhị nguyên tương đối là ba điều khó. Vượt qua được ba cái khó nầy rồi, thì dù cho tất cả những muôn vàn khám phá khác đưa đến cũng trở nên nhẹ hẳn. Nhà Phật nói: "Bồ-Tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả". Quả thật là sâu xa bí hiểm; làm sao mà kẻ có trí lại không kinh sợ?!

Có người hỏi Lục Tổ: "Ngoài những chuyện Ngài đã kể cho tôi nghe chẳng hay Ngũ Tổ còn truyền pháp chi bí mật nữa không?" – Lục Tổ đáp: "Tôi đã thuật cho ông nghe rồi còn có gì là bí mật, nhưng nếu ông biết tự soi trở vào lòng ông, thì bí mật thuộc về phía bên ông chớ không phải ở tôi". Quả thật! Quả thật! Chỉ còn có cách sốt sắng mà soi lại lòng mình càng chín chắn càng hay.

Người đời thường gọi việc trước khi ta làm điều gì phải nên chín chắn để ý đến hậu quả của nó là "bài học ngàn vàng"; nhưng tiếc thay, mỗi khi xúc cảnh lâm tình hầu hết chúng ta đều chỉ là những kẻ rong ruổi theo mừng giận khổ vui của hậu quả, nên suốt đời chỉ là một trường lăn lộn đau thương trong cuộc "sóng vỗ ba đào", chẳng hề được chút tự do nào cả, đều chẳng qua là bởi thiếu hẳn cái học chánh tâm. Mạnh Tử than: "Người ta nhốt con gà, con chó nó sổng đi, người ta còn biết đi tìm bắt lại; đến như người ta bỏ sổng cái tâm, thì lại bỏ trôi luôn nhập vào hoang vu vô định mà không hay biết". Tuy rằng tâm với vật vốn không hai, nhưng một khi đã đam mê vào vật chất vọng tưởng điên cuồng thì cả thế gian nầy đều trở thành một bầu trời bế tắc, mà con người với cầm thú cũng chẳng có hơn nào. Người xưa nói: "Làm thú làm vật đều từ tâm, làm thánh làm hiền cũng không ai đâu khác". Hoặc nói: "Tấc lòng không mê muội thì tất cả bí mật của vạn pháp đều tỏ bày". Quả thật đúng với nghĩa tâm là đầu dọc của vạn pháp vậy! Và biết đâu tất cả thánh hiền của Đông Tây kim cổ đều không lấy đây làm nền tảng?! Thế mới biết: cái đạo Đại học, cái nghĩa tu tề cũng phải bắt nguồn từ đây. Khổng Tử nói: "Hết thảy vua chúa nhẫn đến bạch diện cùng đinh, cũng đều phải lấy việc chỉnh đốn lại chính con người của mình làm quan trọng. Nhưng nếu muốn chỉnh đốn lại con người của mình, thì trước phải biết chánh cái tâm. Muốn tâm được chánh thì trước phải tột bậc chân thành với chính mình. Muốn tột bậc chân thành với chính mình thì trước phải phải biết cho thật đến nơi đến chốn. Cái biết được thật đến nơi đến chốn, nằm tròn trong nghĩa phải có cái nhìn thấu suốt sự vật. Có cái nhìn thấu suốt được sự vật rồi thì mới có được cái biết đúng. Có được cái biết đúng thì ý mình mới càng thêm chân thành. Ý mình có tột bậc chân thành thì tâm mới được chánh. Tâm có chánh thì thân mới có chỉnh đốn. Mỗi người đều biết chỉnh đốn lại chính con người của mình trước, thì tự nhiên cả gia đình đều nhịp nhàng trật tự. Mỗi gia đình đều trở về với nhịp nhàng trật tự, thì lẽ đâu nước lại không trị?! Mỗi nước đã trị, thì lẽ đâu thiên hạ không bình?! Thế mới biết: toàn cả thế giới loài người đều phải nên lấy việc chỉnh đốn lại chính con người của mình làm gốc". – Thế thì trọn cả dòng suối tinh thần của Khổng Tử đều nằm tròn trong chữ "Tâm", và

quan hệ của chữ "Tâm" đều nằm tròn trong chữ "chánh". Và chánh hay tà cũng đều khởi từ cái tâm thoáng chớp buổi đầu; nếu ta chưa làm chủ được cái thoáng nầy, thì trọn cả cuộc đời ta chỉ là một sinh vật như bao nhiêu sinh vật khác.

Ta đặt bút chấm một chấm trước nhất, nếu chấm ấy vốn đã không tròn thì dù có mở to đến đâu cũng vẫn là một thứ méo xẹo. Thế là ta bắt con mèo con nuôi để mong cho lớn trở thành con sư tử, quyết định là không bao giờ được. Như thế cái móng tâm buổi đầu không phải là cái vô cùng quan trọng đó sao? Và tất cả những trật tự huy hoàng quyết định cũng không ngoài cái móng tâm ấy. Nếu đã vượt khỏi bức tường cái thoáng của buổi đầu, là tức khắc ta đã rơi tỏm vào cái bao la của linh quang viên diệu. Thế thì con người của ta cùng với bao la tuy không phải một nhưng không phải khác. Đến đó ta nhìn vào đâu mà lại không thấy, ta trông đến đâu mà lại không thật, chẳng khác nào một người được ngồi phi thuyền không gian vượt ra ngoài vòng bao la để trông rõ mặt thật của quả địa cầu. Thế là từ đây ta đã có cặp mắt để nhìn rõ màu sắc của sự vật rồi, chẳng khác nào một người đang mang kính râm được gỡ để xuống.

Thế mới biết: đây là cốt tủy của NỘI KINH, là bí mật của đền Linh Lan, là gan ruột của Châu Dịch, là cội nguồn của Tam giáo, là dòng suối của Thiền lưu, là nơi mà tất cả thánh hiền đều phải gặp gỡ.

Quả đất nầy đã có tự bao giờ, loài người có mặt được bao lâu, điều đó không quan hệ; chỉ có một điều chắc chắn phải là: nếu xã hội loài người thiếu hẳn cái học hướng tâm nầy thì cả loài người đều sẽ sụp đổ, loài người khinh thường cái học nầy thì loài người sẽ lãnh lấy tất cả tai ương. Thế mới biết: ngoài cái học nầy, tất cả những văn minh khác của loài người dù có cao đẹp đến đâu cũng chẳng qua là thứ yếu. Và như thế nghĩa là sao? Nghĩa là hiện tiền đây loài người đang xuống dốc, mà văn minh tuyệt đỉnh vốn đã có tự hồi nào. Huỳnh Đế biết được giá trị quan hệ đó, cho nên không dám cẩu thả coi thường, mà phải đánh dấu lòng mình bằng chí thành trai giới, chọn ngày lành tháng tốt, làm lễ truyền trao, để được thâu nhận súc tích vào đền Linh Lan hầu cho được thay mặt thánh hiền tuyên minh đạo cả, khai thông dòng suối cho hậu lai. Quả là cử chỉ của một Chuyển Luân thánh vương xứng đáng vậy.

Nếu một câu không phải bao hàm một đoạn, một đoạn không phải bao hàm một thiên, một thiên không phải bao hàm một quyển, một quyển không phải bao hàm một bộ, một bộ không phải bao hàm trọn cả cái bao la, trọn cả cái bao la không phải bao hàm trong một đoạn, thì không phải là sách thánh hiền mà Đời với Đạo vẫn là hai. Và đời với đạo chẳng qua chỉ là đời, chỉ là hai tướng điên đảo bế tắc. Nhà Phật nói: "Nếu ai muốn biết rõ tất cả thánh hiền trong muôn thuở, thì phải chứng nghiệm cho thấy được tánh của bao la cũng chính là bổn tánh của mình, tất cả vạn pháp đều từ đây mà biến hiện".

Suốt cả thiên nầy mở đầu bằng tâm và kết thúc cũng trở về tâm. Bao la cũng không ngoài tâm, trái tim xác thịt cũng không ngoài tâm, cho đến tất cả hiện tượng muôn trùng cũng không thể vượt khỏi tầm tay của tâm được. Cho nên nếu học Đạo mà lìa chữ Tâm là rơi vào nẻo ma, dưỡng sinh mà lìa chữ Tâm là rơi vào dưỡng tử, giúp đời mà lìa chữ Tâm là chỉ tổ chuốc lấy bại hoại đau thương đầu cơ lợi dụng, kiến thiết thiên hạ mà lìa chữ Tâm là chỉ tổ xua cho loài người đi vào vực thẳm. Mà cơ vi mầu nhiệm chớm thoáng tận tự đáy lòng lại là một bài học vô cùng quan trọng, mà tất cả chúng sanh phải được khuyên gắng.

BÌNH:

Nếu phàm với thánh vốn bình đẳng chung một linh quang viên diệu của bao la, mà khác nhau chỉ ở biết cách khám phá chính con người của mình trước hay không. Thì bí điển trong đền Linh Lan cũng chính là bí điển vốn sẵn trong tận đáy lòng của mỗi người, và đền Linh Lan cũng không đâu xa lạ hơn là xác thân của mỗi người. Huỳnh Đế, Kỳ Bá chẳng qua chỉ là người giúp ta biết cách mở cửa khai thác, còn chịu khai thác hay không là việc của mỗi người. Có hiểu như thế thì cả đền Linh Lan với NỘI KINH may ra mới khỏi là một thứ xa xí phẩm.

Mỗi chúng ta là một thứ mủ mít, hễ nói Trời là mắc kẹt chữ "Trời", nói Phật là mắc kẹt chữ "Phật", nói Tâm là mắc kẹt chữ "Tâm", nói Vật là mắc kẹt chữ "Vật". Mà không nói thì lại không biết. Bởi thế nên rốt rồi chỉ là lời nói khống vướng kẹt vào danh ngôn, mà cũng chẳng biết gì hết thế nào là trời, thế nào là Phật, thế nào là vật, thế nào là tâm.

Có một vị mục sư nói với tôi rằng: "Khổng Tử nói: mắc tội với

trời không thể cầu xin được. Thế sao mọi người lại đi sám hối với ông Phật?" Rõ thật chỉ là một thứ vướng kẹt vào trong danh ngôn. Thế nên tôi biết chắc chắn rằng: vị mục sư ấy vốn chẳng hiểu gì là Trời, gì là Phật, gì là vật, gì là tâm cả. Ta hãy thử buông lòng để nghe một nhà Nho định nghĩa:

"Trời – lóng nghe không thấy tiếng

Xanh xanh không biết đâu tìm

Không phải cao cũng không phải xa

Chính thiệt là ở lòng người

Lòng người sanh một niệm

Trời đất đều biết khắp

Nếu luật nhân quả không có

Thì càn khôn tất có chủ tể riêng".

Như thế há không phải là vừa định nghĩa chữ "Trời", mà cũng vừa định nghĩa cho chữ "Tâm" đó sao? Thế mới biết: khi vướng kẹt vào danh ngôn sắc tướng thì có mắt cũng như đui, có tai cũng như điếc, có trí cũng là một thứ ngu. Nay ta mang cả cái đui, cái điếc, cái ngu ấy mà đem đi xây dựng cho nền tảng y dược, cho Đạo học tu hành, cho dưỡng sinh khai phóng, cho tổ chức chánh trị nước nhà, cho kiến thiết yên vui thế giới mà đời không bị sụp đổ là việc chưa có bao giờ.

Một thiền sư muôn thuở có nói:
Tâm, tâm, tâm không thể tầm
Rộng bao la cùng khắp
Hẹp chẳng chứa đầu kim

x

Ta vốn cầu tâm chẳng cầu Phật
Biết rõ ba cõi rỗng không vật
Nếu muốn cầu Phật chỉ cầu tâm
Chỉ tâm nầy, tâm nầy mới là Phật.

Ta vốn cầu tâm, tâm tự trì
Cầu tâm chẳng được, tâm tự hay
Tánh Phật chẳng từ ngoài tâm được
Tâm sanh là lúc tội sanh rồi.

Như thế há không phải là định nghĩa chữ "tâm" mà cũng là định nghĩa cho chữ "Phật" đó sao?

Nếu tim có trước, bộ óc có sau; thế là tạng Tim là chánh yếu mà bộ óc là thứ yếu.

Thí nghiệm về phản ứng, khi người ta chọc vào bộ óc, hễ đụng vùng nào thì chỉ có phản ứng theo vùng nấy. Khi chọc vào tim bất cứ một nơi nào cũng đều phản ứng trọn vẹn; cũng như xẻo bớt một phần óc vẫn sống được, nhưng xẻo bớt một phần tim không thể sống được. Như thế quả: tim là chánh yếu, còn óc là thứ yếu; thế mà người ta ngang nhiên chấp nhận bộ óc là chánh yếu mà tim là thứ yếu. Cái biết như thế quả thật là con đẻ của cái Tôi, là một thứ chết ai nấy chịu. Thế thì nhìn tạng Tim chỉ là một dụng cụ bơm máu, để rồi có thể thay tim cừu, tim chó gì đó vào cũng được là việc chẳng có lạ gì. Có người phê bình như thế là đi cái đầu trở xuống cái chân trở lên, thật là chí lý!

Nếu phân tất cả động vật trên mặt đất nầy thành năm loại như NỘI KINH đã phân, thì loại có lông nhiều thuộc về mao trùng, thuộc về khí phong Mộc, thuộc về loại táy máy, thuộc về thành phần tác động bằng bộ óc, lấy bộ óc làm chính tạng Tim làm phụ mà tiêu biểu độc đáo là loài khỉ.

Hết thảy loài người thuộc về bán cầu phía Âu Tây đều là những dân tộc có nhiều lông, cuộc sống thiên lệch về bộ óc. Thế thì việc chấp nhận: tổ tiên của loài người là loài khỉ; cũng như chấp nhận: bộ óc là chánh yếu trái tim là thứ yếu vị tất đã không có lý do. Và như thế nghĩa là sao? Nghĩa là người ta đã hoàn toàn chấp nhận rằng: Tổ tiên của loài người vị tất đã là duy nhất, mà tổ tiên của Âu Tây với tổ tiên của Á Đông là hai tổ tiên vậy.

Có người hỏi: hai chữ "thần minh" mà dịch là "bổn tánh linh diệu" sợ e người đọc tiêu không nổi chăng? – Đáp: nếu là nương nơi lời để nhận lấy ý, và được ý phải quên lời thì tự khắc tiêu nổi; nếu nuốt trộng nguyên chữ không để ý đến nghĩa thì dù nói cách nào cũng không tiêu nổi. Giờ đây giá thử không dịch là "bổn tánh linh diệu" vậy phải dịch thế nào xin ngài chỉ bảo. Khách cười, làm ngơ.

Nếu Bồ-Tát Văn Thù (trí căn bản) đã từng làm thầy nhiều đời Phật, và cũng đã từng theo hầu nhiều đời Phật, mà bây giờ lại làm đệ tử Phật Thích Ca để dọn lớp khai diễn cho hội Pháp Hoa như kinh Diệu Pháp Liên Hoa đã chép.

Nếu Tôn Ngộ Không (trí) có đủ 72 phép huyền công, và đã từng tới lui xứ Phật dễ như đi chợ, thế mà phải theo làm đồ đệ cho Tam Tạng để lặn lội không biết bao nhiêu năm trường, rồi sau mới thành Phật như Tây Du Ký đã chép.

Nếu chìa khoá nước thiên đàng quyết định không giao cho kẻ trí thế gian như kinh Thánh đã chép.

Nếu tướng A-Di-Đà tóc xanh, áo của Phật A-Di-Đà màu đỏ ối, vai Phật A-Di-Đà bầu tròn, hào quang của Phật A-Di-Đà túa ra nhiều màu xen kẽ khác nhau nhưng xanh đỏ là rõ nhất và là từng hột như tượng đã vẽ.

Nếu nước Cực Lạc chỉ có Phật A-Di-Đà làm chủ như kinh A-Di-Đà đã chép. Thì việc mở cửa kho tàng bình an muôn thuở, quyết định không thể là việc của trí óc mà là việc của trái tim của cái tâm, mặc dù cái bình an ấy ở phương diện dưỡng sinh, tu thân hay tề gia, trị quốc bình thiên hạ cũng không thể khác. Và cái đạo Đại học quyết định phải là việc

của trái tim của cái tâm, mà tất cả loài người quyết định đều phải cần có. Thế thì nhiệm vụ của trí óc quyết định chẳng qua chỉ là mở màn cho một cuộc thao thức tìm kiếm buổi đầu và dọn lớp, tuyên truyền, thông báo cho một cuộc khai diễn từ khi có bình an trở về sau mà thôi.

Nếu tinh thần Âu Tây là tinh thần trí óc, thì cái mà người đời thường nghĩ rằng: sau nầy Âu Tây sẽ làm thầy cho Á Đông, nếu có chăng quyết định cũng chỉ là giáo sư trong lớp đồng ấu và dự bị mà thôi, mà nhiệm vụ chính thức của nó quyết định phải là làm đồ đệ trung thành cho tinh thần Đông phương trong công việc kỹ thuật kiến thiết và tuyên truyền. Nếu khác hơn tức là làm loạn.

Nếu bất cứ một phương diện nào lìa cái tâm, trái tim, quyết định không có sự bình an, cũng không có sự hoàn toàn chính xác thì dù cho y khoa cũng không thể khác hơn. Thế mới biết: toàn cả cuộc sống ngày nay kể cả y khoa và tôn giáo tín ngưỡng, tất cả đều chưa phải là việc của tâm của trái tim, mà hoàn toàn là việc bày đặt của trí óc. Thế mới biết: cái y khoa của loài người ngày nay chẳng qua chỉ là một thứ y khoa đã chết mất 65% , cho nên không thể là hoàn toàn chính xác.

Thế mới biết: toàn cả cuộc sống ngày nay đang là cuộc chết, là không có bình an.

Nếu chuyện trí óc là chuyện Tây phương, là chuyện vướng kẹt vào trong ngôn ngữ văn tự, tính toán đo lường, máy móc dụng cụ, là chuyện không thể đi vào sự thật một cách hoàn toàn chính xác, thì tất cả những sự diễn đạt của trí óc dù có rõ ràng đến đâu chăng nữa cũng chỉ là chuyện phía ngoài kho tàng. Thế mới biết: những ai đi tìm học về Á Đông theo kiểu Tây phương, kiểu trí óc, cũng chẳng qua là những kẻ đi học chuyện ngoài cửa, không phải chuyện trong kho tàng.

Nếu một ông tổng thống hay một ông vua mà ngu xuẩn không biết gì hết về tâm về trái tim, thì toàn thể dân chúng đều khổ sở đau thương; nếu một cuộc sống cá nhân không biết gì hết về tâm về trái tim, mà chỉ biết phụng thờ trí óc, thì toàn thân sẽ bị bại hoại, cuộc sống trở nên bế tắc không lưu thông. Thế mới biết: đời với Đạo quyết định không thể là hai, và toàn cả cuộc sống quyết định phải lấy tâm làm nền tảng.

Ở Sài Gòn có một tòa nhà lầu của một vị kỹ sư kiến trúc, chỉ vì sai con toán chút xíu tận dưới nền, mà sau khi xây cất xong, liền tiếp theo đó một tướng đổ vỡ khủng khiếp đang uy hiếp, làm cho cả một khu xung quanh đều phải náo động xôn xao, và phải mất công mất của mất thì giờ rất lớn để sửa chữa, cũng chỉ là vớt vát, và chủ nhà suýt phải tự tử. Thế mới biết: cái cơ vi buổi đầu quan hệ đến hậu quả là dường nào!

Nếu chỗ nào còn chấp nhận một cuộc sống xung chướng, mâu thuẫn, tranh đoạt là chỗ đó không có tình thương, không có Đạo, cũng không có Tâm. Thế mới biết: chủ trương chấp nhận mâu thuẫn xung chướng hoặc chủ trương duy vật duy tâm theo kiểu đối lập, đều là chuyện đổ vỡ của trí óc đã sai hẳn tận tự buổi đầu, mà việc tàn sát lẫn nhau của nhân loại ngày nay cũng là một cái hậu quả u mê tất nhiên phải đến.

Nếu một cái thoáng của cái Tôi quá khứ ngay ở lòng mình khi vừa chớm nổi, mà ta không giáp mặt với nó, không khám phá nó được, là tức khắc ta phải rong ruổi theo nó và bị nó điều khiển, và trọn cả cuộc sống của ta cũng chỉ là nó, nối tiếp cho nó sinh tồn mãi mãi lại chính là ta vậy.

Nếu xe đạp đang chạy mà trớn của sức đạp vừa qua, xe hết trớn ngừng đạp tức khắc ngã. Cũng như một đốm than lửa tách lên bay bổng, nếu không có một sự tiếp nối của bổi khi hết trớn tức khắc lửa tắt. Thế mới biết: một cái thoáng lòng của cái Tôi quá khứ vừa nổi lên, nếu ta không nối tiếp khi hết trớn tự nó cũng tắt phụt.

Nếu một cái thoáng của cái Tôi quá khứ ở lòng nổi lên, ta rong ruổi theo nó là cả một bầu trời đen tối luôn luôn nối tiếp. Thế mới biết: cái bất động của ta là sự sụp đổ của cái thoáng quá khứ. Và nếu ta lưu tâm, thì khi cái thoáng ấy vừa sụp đổ, là hồi đó toàn cả mặt mũi của bao la ngay ở lòng mình xuất hiện.

Thế mới biết: "Kiết hung hối lẫn quan hồ động - Bất động vi đại" là cốt tủy của thiên nầy vậy.

Có người trách: Lời lẽ toàn thiên sao mà ngặt nghèo quá thế! Có phải vì không biết được rõ ràng nên diễn tả một cách lờ mờ chăng? – Xin thưa: Nếu ngôn ngữ văn tự, trí óc tính toán, máy móc dụng cụ đo lường

đều là những dụng cụ bất toàn, chỉ tạm bợ trong một giai đoạn; và nếu đã rõ câu chuyện ông Trí đi hỏi đạo với ông Làm Thinh (xem lời bình lời giải toàn thiên 5), thì biết đâu nói như thế cũng là quá xa xỉ lắm rồi, hà tất phải đòi thêm.

Nếu có cái không đồng nhất, cái mâu thuẫn, cái có trong có ngoài là tại có cái Tôi. Thế mới biết: nói chuyện phải quay trở vào là nói với khi đã lỡ có cái Tôi; nếu đã không có cái Tôi thì một còn không có, làm gì có trong có ngoài và nhìn đâu lại không là sự thật!

Thuở xưa khi hãng thuốc Mélia mới thành lập, trong vô số cách quảng cáo có một cách là: trong mỗi gói thuốc đều có một bức ảnh chụp một cô đầm trẻ tuổi lõa thể, trình bày từng kiểu một khác nhau; Làm cho những người ghiền thuốc Mélia trong vô ý ghiền thêm cái thịt lõa thể, để rồi người nào người nấy tuổi độ 40 trở lên phía sau lưng nổi mụn bọc từng cục từng cục to tướng, và con cái của mỗi người đẻ ra đều trở nên là những bọn vô cùng háo sắc.

Một nhà vua Trung Hoa có một nhà bàn mộng siêu đẳng, mỗi khi có mộng là ông dự đoán đúng hết cả. Một hôm ra chầu, vua thử bịa, bèn phao lên rằng: đêm rồi Trẫm nằm mộng thấy hai mảnh ngói trước đền hóa làm cặp uyên ương bay về hướng nào ấy, chẳng hay điềm đó thế nào? để đánh lạc tinh thần thầy bàn mộng. Nhà bàn mộng liền đáp: Thế là ngay bây giờ trong cung cấm đã có thích khách. Nhà vua chưa kịp nói thêm, liền có tin cấp báo cung cấm có loạn thích khách. Nhà vua tức mình, vỗ án bảo: Đây là chuyện Trẫm bịa để thử nhà thầy, tại sao lại có như thế? Thầy bàn mộng liền đáp: Điều đó không lạ gì, tại tâm bệ hạ động nên hóa ra hữu sự, hễ có động là có họa phúc đèo theo.

Một ông cố đạo Âu châu, mỗi khi giảng đạo luôn luôn đề cao Đức Chúa trời là đấng toàn trí toàn năng, bằng cách vừa là thần thánh hóa cũng vừa là nhân cách hóa. Trong vô tình một hôm bất ngờ bị một con chiên hỏi: nếu Đức Chúa trời làm gì cũng được, vậy Ngài có thể làm ra một khối đá mà Ngài ôm không nổi không? (nếu làm được tức là ngài chưa phải là toàn năng, nếu ngài không làm được cũng vẫn chưa phải là toàn năng). Báo hại vị cố đạo không trả lời được, bèn nổi tam bành mà tống cổ con chiên bất nhân đi.

Ba câu chuyện vừa kể trên chẳng là tiêu biểu cho sự biến hóa của cơ mầu ngay trong tâm thức mà người đời không hay biết đó sao?

Có người hỏi: trong câu chuyện bàn mộng nói: "hễ có động là có họa phúc đèo theo", vậy ta làm cách nào để được đừng động? – Đáp: Cuộc sống không phải là cuộc chết, tâm không phải là vật phơi khô, không thể chế ra một thứ tâm không động. Chỉ có một cách duy nhất là phải giáp mặt với nguồn linh quang viên diệu và cơ vi mầu nhiệm chính tận đáy lòng mình, tức là ta đã vượt siêu ra ngoài vòng khổ vui lành dữ, thì dù có sống trong cảnh động vẫn an nhiên. Lục Tổ nói: "Đừng mong tìm cái không động, chính trong động có cái không động. Thấy tánh là không động". Đây là nghĩa Vô Trụ – Vô Niệm – Vô Vi – Vô Đắc của cả thánh hiền trong muôn thuở, mà cũng chính là nghĩa không động là to nhất của *Kinh Dịch* vậy.

Cái thùng phi hứng nước mưa ở góc hè, bên trên là ống máng xối quay qua quay lại được. Qua một cơn mưa tầm tã vừa dứt, nước còn nhễu từng giọt theo ống máng ngay giữa trung tâm cái thùng, làm cho lượn sóng rung rinh hồi tụ vừa tung ra cũng vừa thu lại giữa trung tâm. Thấy thế tôi thử quay ống máng cho giọt nước rơi lệch hẳn một bên, thì lượn sóng rung rinh hồi tụ cũng vừa tung ra vừa thu vào ngay chỗ nước nhểu, rồi lại tụ về chính giữa trung tâm của cái thùng. – Mỗi một con người là một trung tâm.

Một người đầy ác ý, rủa xả trù ếm một kẻ khác không vừa ý mình; Trong phạm vi của cái Tôi, người bị rủa xả bị tai hại trước, rồi đến người rủa xả. Hai pháp ấy đồng một nguyên lý.

Ông tin ở bói bài, thì sức nhịp động của tim ông đã chở tâm lý ông mà tác động vào cái thế rung rinh hồi tụ của bao la, để cuối cùng nó lại đáp ứng về với ông vừa đúng tầm tâm lý. Nếu ông tin ống xăm ở Lăng Ông Bà Chiểu, hoặc đồng tiền xin keo ở miễu Bà Cố, hoặc một quẻ Dịch với ông thầy mù, hoặc tác động bằng cách hỏi Cơ bút, hoặc mong cầu tin tưởng ở nơi bộ óc điện tử; phần tổ chức bên ngoài tuy có khác nhưng hết thảy đều chỉ là ông, đều từ ông tác động, để trở về với ông mà mặt nạ bên ngoài hoặc hình thức nầy hay hình thức khác, nhưng nguyên lý bên trong cũng chỉ thế thôi. Thế mới biết: *Kinh Diệu Pháp Liên Hoa* của nhà Phật phẩm Phổ Môn có nói: "Bùa chú thư ếm cùng thuốc độc của kẻ khác muốn làm hại mình, nếu chí thành niệm Quan Thế Âm thì sẽ trở lại

hại người bày đặt". Quyết định không phải vì niệm Quan Thế Âm mà Quan Thế Âm đi tàn hại kẻ khác. Thế mới biết tánh của bao la chính là tánh của mình, đều tự mình tác động. Hết thảy đều qui về tâm, và sự mầu nhiệm của cơ vi đều là những việc hiện thực ngay ở tâm tư của mỗi con người chớ không đâu xa lạ.

Giá nếu tôi là hạng ả đào chuyên nghề lấy lẽ để chiếm đoạt cơ đồ của kẻ khác, việc quấy tôi có thể nói ra phải, việc phải tôi có thể nói ra quấy, hầu bịt mắt đương sự, quyết thắng đối phương, tôi làm được hết, người đời đều hoan nghinh tôi là phải. Nhưng than ôi! Một dọc con thơ của tôi đẻ ra, tất cả tướng tá cũng như tâm tánh của chúng nó đều giống rặt tôi là thứ lươn lẹo, phải nói ra quấy, quấy nói ra phải, và cái đó cuối cùng nó trở hết về tôi; không có một thứ quốc gia, giáo dục nào có thể thay tôi mà gánh lấy được cả.

Nếu trường hợp của tôi là một nữ giáo viên tiểu học, hiền lành thùy mị, trong loạn lạc nầy không may chồng tôi phải đi lính. Tôi mới có hai con, chồng tôi lại sanh tâm bê tha nhậu nhẹt, tâm tính hung hãn, làm cho tôi đâm ra lo sợ đủ thứ. Tôi sợ nếu tôi có con đông, nếu chồng tôi có mệnh hệ nào v.v. cả đồng lương lính cộng thêm đồng lương nữ giáo chức tiểu học cũng không thể nào đủ để nuôi con tôi. Đến như ngay bây giờ tôi còn phải tìm thêm cách sinh nhai khác, nếu thêm miệng ăn nữa làm sao tôi bảo bọc nổi. Thế rồi tương kế tựu kế, tôi thảo luận với chồng tôi về vấn đề nhân khẩu. Rốt cuộc cả hai tôi vấn đề giao dục không thể nhịn, vấn đề nhân khẩu cũng không thể bỏ qua, cuối cùng đành phải cùng nhau biểu quyết áp dụng tất cả mọi biện pháp ngừa thai. Được một quãng thời gian khá lâu tôi khỏi phải mang bầu, nhưng trong lòng vẫn trống làm sao ấy, trong vô tình tôi uống nước đá để thế vào chỗ trống. Ngày một ngày hai vắng sanh đẻ, lòng tôi cảm thấy bơ vơ, tôi đâm ra lo sợ thêm nữa, mình vỏn vẹn chỉ có hai đứa con không biết thủy chung nó có vẹn toàn không, rủi một đứa mệnh hệ nào tôi làm sao chịu nổi. Thế là từ đó hai đứa con tôi được tất cả những sự nuông chiều, chúng nó có thể muốn gì được nấy, lần hồi đến chính tôi tôi cũng thấy sai lầm, thế nhưng sao tôi vẫn bênh vực chúng nó. Cuối cùng tôi bị đau gan, đau tim, đau tử cung, suýt bị ung thư, đi khắp thầy thuốc không ai biết nguồn bệnh từ đâu. Tình cờ may gặp người thông đạt giúp đỡ ý kiến cho, tôi mới không tiến thêm về con đường sụp đổ. Thế mới biết: chỉ có một chút xíu kẹt của lòng mình, mà toàn cả gia đình sắp có thể tan ra mây khói.

Nếu tôi là một nhân vật tuy chưa biết gì hết về chính con người của tôi, nhưng tôi được một thọ bẩm sung túc khí hào hùng. Tôi rất bực bội với cuộc đời loạn ly tàn sát mãi, và thấy ghét đám quyền thế lấn lướt dân nghèo. Tôi bèn nổi lên khởi nghĩa, để mong sắp đặt lại cuộc đời… may mắn thay, tôi được nhiều người hoan nghinh theo tôi. Cuối cùng kết quả tôi chiếm được trọn chủ quyền, chừng đó trọn cả quyền sanh sát đều ở trong tay tôi, trong địa vị chủ quyền tôi thấy tôi sung sướng quá. Chừng đó hết thảy những ai chỉ trích những chỗ sai lầm của tôi đều là những kẻ phản bội, tôi có thể ra lệnh giết ngay lập tức. Thế rồi toàn dân đều nhao nhao lên rằng: tôi bất nhân bất nghĩa; còn tôi, tôi hoàn toàn thấy tôi là bậc thay trời hành đạo, thế mà tại sao đám con dân ngu muội không biết nghe tôi, thật là đáng chán ghét!

Thế mới biết: ngay tận tự buổi đầu toàn cả dân chúng họ cũng chẳng hiểu gì hết về chính con người của họ, mà chính tôi đây tôi cũng không hiểu gì hết về chính con người của tôi. Nên lòng phải quấy phụ họa của họ, chẳng qua chỉ là một thứ biến tướng tham lam xu phụ quyền thế; cũng như tôi chẳng qua chỉ là biến tướng của dục vọng thèm khát, mong đập chết thằng Tần Thỉ Hoàng trước để thay thế mình vào đó còn hung hãn hơn mà không hay biết. Thế mới biết: khi chưa biết gì hết về chính con người của mình, mà móng lòng làm lợi ích cho ai cũng chẳng qua chỉ là một thứ lừa bịp gạt gẫm. Cũng như khi chưa biết gì hết về chính con người của mình, thì dù có tin theo ai cũng là một thứ bị lừa bịp gạt gẫm. Hầu hết sự đời toàn là như thế, dẫu nói đến cùng kiếp cũng không rồi. Ai có suy tư hãy đọc lịch sử Trung Hoa trong thời Tây Hớn thì sẽ thấy rõ.

Thuở xưa có một ông lão trồng được mấy công dưa, ngày ngày chỉ gánh từng thùng nước mà tưới. Một ông lão khác tình cờ dạo qua, thấy thế bèn dừng chân thăm hỏi và bảo: "Đàng kia, người ta mới chế một cái máy mỗi ngày có thể tưới hằng mấy mẫu rất là giản tiện. Tại sao ông không đến đấy để thuê mà tưới chẳng lợi hơn không?". Ông lão trồng dưa mỉm cười đáp: "Ta đã biết cái máy ấy lâu rồi. Nhưng đại phàm, máy tức là cơ sự, muốn có cơ sự phải có cơ tâm, đã có cơ tâm và cơ sự thì quyết định phải có cơ loạn. Ta vì nghĩ tội nghiệp cho cái loạn của đời mà không nỡ dùng, chớ phải đâu ta không biết". Ông lão đi đường nghe thế, bèn thở dài cúi mặt mà đi.

Có người hỏi: Nói "có cơ sự tất có cơ tâm, có cơ tâm cơ sự tất có

cơ loạn" là nghĩa thế nào? Xin giải thích thêm. – Đáp: Có gì đâu phải giải thích, chuyện đã diễn khắp ngay trước mắt sao mà không thấy. Khởi đầu tôi móng lòng tham nghĩ làm cách nào để của cải vật chất đều thu hút hết về tôi càng nhiều càng hay, và tôi rất sợ hao hớt chia chác. Thế rồi tôi đi tìm hỏi, dò dẫm nghiên cứu, tính toán làm cách nào để tôi được sản xuất cho nhiều, và phải bán ra cho hết, lợi tức tôi được thâu trọn khỏi bị chia chác. Như thế không phải là cơ tâm đó sao?

Rồi tôi tìm được cách áp dụng máy móc, sa thải bớt nhân công, sản xuất càng gia bội. Như thế không phải là cơ sự đó sao?

Rồi đến một lúc nào sức sản xuất của hãng tôi lên cao quá mức nhu cầu của quần chúng, lẽ tất nhiên hàng hóa bị ứ đọng. Tuy ứ đọng nhưng tôi không thể bán rẻ, nếu hạ giá thiên hạ quen tật vịn theo giá cũ mãi tôi sẽ hết lời. Tôi bèn nghĩ: từ đây về sau tôi phải chế hàng hóa hoặc sản xuất thay đổi thường thường, tướng vật chất bên ngoài cho đẹp, mà bên trong phải thật bở rất mau hư, để hàng hóa khỏi ứ đọng; nếu là loại thực phẩm hoặc trái cây thì tôi hãy mang tàu chở ra biển đổ bớt đi, để giữ lấy giá sinh hoạt.

Trong cái thế tất cả quần chúng lẫn tôi đều là những đứa không biết gì hết về chính mình, mà lòng tham của cái Tôi ai cũng như nấy. Vì việc làm của tôi, số đông lần hồi tôi bị rút rỉa hết tiền của làm cho nghèo giàu chênh lệch. Thằng nghèo nghèo quá nhưng khi thấy của đẹp của ngon cũng không thể nhịn được, thằng giàu giàu quá phung phí huy hoát trên đầu của số đông, tật nghiệp của lòng mê bên nào cũng sấn tới. Bỗng một hôm trong đám đông có kẻ khôn lanh thèm khát muốn chiếm đoạt địa vị của tôi, nó bèn cắt nghĩa bươi móc soi mói với đám đông để lòi mặt nạ đểu giả của tôi ra. Rồi từ đó tứ phương ùn ùn nổi dậy quyết tử chiến với tôi để đòi lại quyền lợi của họ. Đại lược như thế không phải là cơ loạn đó sao?

Nếu thế lực vật chất của tôi đã hùng hậu, thì tôi liền tổ chức một bộ tham mưu riêng của tôi, để áp dụng kinh tế chi phối hết quyền của chánh phủ. Tiếp theo đó một kế hoạch chế tạo vũ khí càng tối tân càng hay, tôi mua đứt hết tất cả những nhà bác học, tôi tổ chức tranh cử chủ quyền. Khi chủ quyền đã về tay tôi, khí giới tôi được hùng hậu là tôi thêm ánh sáng. Sản xuất cứ việc sản xuất, rồi mang vũ khí đi uy hiếp tất cả những kẻ yếu hơn mình để mở màn một cuộc chiếm đoạt thị trường,

đấu tranh kinh tế. Các nước nhược tiểu thấy tôi mạnh quá họ sanh oán hận mà bắt chước làm theo như tôi, lần hồi đến cả một thế giới loài người đều đi vào biển lửa như ngày nay chúng ta đã thấy. Như thế không phải loạn càng thêm loạn đó sao?

Tôi nhớ lại ở quận Cái Bè tỉnh Định Tường, có một vùng đất mới phù sa là vùng Cổ Cò. Khi tôi chưa về đó dân cư sở tại chẳng ai biết Đạo là gì; cảnh trí nghèo nàn xơ xác. Sau khi được nghe tôi nói về chính con người của mình, nhờ mỗi người đều nhận được chút ít nên cuộc sống có thay đổi phần nào. Thế rồi mỗi người đều có một ít vườn tược vừa đủ cả gia đình chăm sóc, mà ai nấy cũng vừa đủ lành mạnh yên vui, tánh tình đơn sơ chất phác, mộc mạc thật thà, khí tượng thanh bình lần lần được nảy nở. Nhưng vì sự hiểu biết mới vừa ngắn ngủi như đầu hôm sớm mai, sự khám phá chính con người của mình vẫn chưa đến đâu. Thế rồi phong trào máy bo bo, máy đuôi tôm, máy tưới và phân bón nổi lên. Rồi từ mỗi người nhiều nhất chỉ độ vài công vườn, biến sanh lòng tham nẩy nở đến một hai mẫu, áp dụng máy thuyền để chuyên chở được nhiều, áp dụng máy tưới để sản xuất được dồi dào, áp dụng thuốc trừ sâu để được hơn kẻ khác, áp dụng phân bón để trái cây được to đẹp.

Trong cuộc chạy đua sản xuất nầy, trông ra hình như mỗi người đều được sung túc dư dả, nhưng rồi kế tiếp theo đó trong lòng dạ của mỗi người chỉ là một bãi chiến trường kinh tế chánh trị, và rồi gia đình nào cũng vương lấy tật hút xách, nhậu nhẹt, ăn chơi, rồi tư tình đàng điếm, rồi mỗi nhà đều sắm mấy cái radio, rồi lúc nào cũng u ơ âm nhạc cổ điển giựt gân, rồi cả xóm con nít chỉ mới 15–16 tuổi cũng đã tư dâm, người lớn càng loạn luân thêm nữa, rồi mỗi người đều biến thành một tín đồ trung thành cho máy móc, cho hãng xăng, cho hãng phân bón, mà hiện giờ sự phì nhiêu của đất đai đã lần hồi trở về với bại hoại, cây trái không còn là thứ ngon ngọt hiền lành, rồi kế tiếp chiến tranh ùa tới, mỗi người đều bị lượn sóng đấu tranh cuốn trôi đi mất và nhà nào nhà nấy cũng đều nhan nhản những kẻ tật nguyền. Như thế không phải đều xuất phát từ cơ tâm đó sao?

Cơ cấu sanh dục là nơi mà trọn tất cả tinh hoa trong con người đều chầu về; đây là một định lý.

Hễ có cái Tôi thì tất cả những cái tôi thường quyết định không thể gần mãi, tất cả những cái tôi ghét quyết định không thể xa mãi; đây là

một định lý.

Tất cả loài người trên thế gian nầy quyết định không thể nhất thời mà ngừng trọn cả sự sinh sản; đây là một định lý.

Bất cứ là tôi đứng đâu, hoặc ở phe duy vật hoặc ở phe duy tâm, hoặc ở phía tư bản hoặc ở phía vô sản, hoặc tôi là nam hay tôi là nữ, tôi còn nguyên cái Tôi, tôi vẫn chưa lìa được sự sinh sản; nếu tôi chủ trương căm thù kẻ khác để tranh đoạt chiến thắng quyền lợi vật chất về phần tôi, thì khi tôi đẻ con tôi ra, quyết định nó cũng đứng trên lập trường căm thù đấu tranh vật chất để mà cùng tôi quyết chiến. Thế là kẻ thù của tôi đã rơi hẳn vào bụng tôi; đây là một định lý.

Thế mới biết: Tất cả những sự chiến thắng về vật chất, đều quyết định là một sự thất bại nằm ngay tận đáy lòng khi vừa xuất phát, mà kẻ đối địch với tôi chính là con tôi và tôi vậy.

Hễ còn cái Tôi thì quyết định còn trong vòng tác động của nhân quả, và mỗi một bài toán phải được giải quyết một cách riêng tư; đây là một định lý.

Thế mới biết: Những câu nói coi như là rất ngớ ngẩn của các ông Thiền sư là một thứ chày vồ, để đập tan cái bệnh lý trí cục bộ của cái Tôi, và bắt buộc một sự giải đáp tất cả các bài toán trong một lúc (nghĩa là một cơn bừng tỉnh).

Nếu thấu suốt Tâm và Cơ là thực hiện được một cuộc sống bình an muôn thuở, rong chơi ngoài vòng vô cực, thì cái nghĩa "tạo cái nhân không nhân sẽ được cái quả không quả", cũng chẳng qua là một tinh thần đệ nhất tài tử "Làm chim bay chơi, làm cá lội chơi" trong tự tại ngao du mà thôi vậy.

THIÊN THỨ TÁM

- HẾT -

Vũ trụ người - Người vũ trụ

Cắt khứa và quy định quả quyết là sản phẩm của cái Tôi, là con đẻ của trí óc. Thế mới biết: Tôi lấy ống mà nhìn trời, quyết định không những không thấy trời cũng không thấy ống, mà tôi cũng không thể thấy tôi, làm sao tôi đọc được NỘI KINH.

C.N.

Thiên thứ chín

LỤC TIẾT TẠNG TƯỢNG LUẬN

Luận giải chuyển tiếp

Muốn thâm nhập vào tinh thần của thiên nầy phải có những chiếc chìa khóa như sau:

1. Đồng nhất không hai:

Dựng đứng lên một cái Tôi phi lý, ôm chầm lấy cái tướng xác thân. Đứng trên mặt đất trông ra bầu trời; ta đem hết trí óc tính toán để mà liệu lượng, ta tin tưởng vào dụng cụ máy móc với giác quan. Ta thấy ta đang ở trong một cái bộng tròn vĩ đại, mà trong ấy chi chít vô số từng vật từng vật riêng biệt không dính dấp gì nhau. Thế rồi tâm ta nổi lên phập phồng phập phồng lo sợ không biết những ai là chủ tể.

Rồi một lúc nào đó nhờ trải qua không biết bao nhiêu cơn mệt mỏi của trí óc, ta mới chịu tạm dừng lại, tất cả những ý tưởng đều tạm ngưng bặt đi. Rồi trong giờ phút trầm ngâm nầy, ta quay lại để soi thẳng vào tận đáy lòng, bỗng dưng ta hốt hoảng mà tự thấy rằng: bộ mặt thật của bao la cũng chính là bộ mặt thật của lòng ta, không có cái ngoài cũng không có cái trong, và thân ta cùng với muôn trùng vạn hữu đều chỉ là những hiện tượng bất khả phân bất khả hợp mà không có một mảy may cách bức, nghĩa tâm nghĩa vật, nghĩa thánh nghĩa phàm cùng tất cả những cái cặp đến đây hết thành vấn đề. Ta nhìn ra cùng khắp không đâu là không một đồng nhất linh thiêng vượt ra ngoài tầm tay của ngôn ngữ văn

tự, trí óc tính toán, dụng cụ máy móc. Đến đây mọi bí mật mọi thắc mắc đều vỡ toang; rồi ta mới hay rằng: tất cả những Lưỡng nghi, Tam tài, Tứ tượng, Ngũ hành, Lục khí v.v. của Dịch học cũng chẳng qua là những danh từ ra dấu để ám chỉ cho những hiện tượng mà thôi; và tất cả trong ta đều có đủ, mọi người mọi vật vẫn tuyệt đối bình đẳng như nhau, chẳng có ai là chủ tể ai cả, mà quyền tự do vốn dành sẵn cho tất cả mỗi người tùy khả năng sử dụng. Đây là một điều phải được nhắc lại trước khi đọc thiên nầy.

2. Cái tôi là trung tâm xuất phát mọi vấn đề:

Khi chưa có tôi, bao la nầy có hay không, vạn vật ra sao không thành vấn đề; sau khi tôi chết, là chuyện chưa đến; ngay khi có mặt tôi đây, tôi thấy hình như ngoài tôi còn có biết bao muôn trùng khác biệt. Nhưng giá tôi thử có thể thủ tiêu hết tất cả những gì không phải tôi đi, thì một hiện tượng hốt hoảng khủng khiếp đưa đến cho tôi là cái Tôi cũng không thể vững vàng tồn tại. Thế mới biết: hễ có mặt tôi tức là hiện hữu tất cả, mà mọi vấn đề đưa đến cho tôi đều là những cái xuất phát từ cái Tôi vậy. Thế mới biết: tuy có mợ thì chợ cũng không đông, không có mợ thì chợ cũng không bữa nào. Cái Tôi đối với bao la nầy chẳng có nghĩa lý là bao; nhưng nghiệm cho thật kỹ, thì đối với tôi cái Tôi quả thật là vô cùng quan trọng, nó là trung tâm vấn đề, là đầu mối sự việc mà tôi đọc NỘI KINH tôi không thể không biết.

3. Viên và quang là nguyên động lực:

Khi chưa có tôi hẳn đã không thành vấn đề, nhưng khi đã có tôi lẽ tất nhiên phải có sự cảm biết. Khi tôi mê lầm, trí óc tôi chuyên phóng vọt ra ngoài để săn đuổi, tôi gặp không biết bao nhiêu là đau khổ thăng trầm! Tôi càng muốn biết bộ mặt thật của sự vật, nguyên động lực của vũ trụ là gì? Tôi càng rơi vào tình trạng mê tin không lối thoát. Nhưng may thay, đến khi tôi giáp mặt với tận đáy lòng tôi, tôi mới hay ra rằng: nguyên động lực của bao la chỉ là một thể, linh không không khuyết rỗng suốt, vượt vòng sáng tối trong ngoài. Đây quả là một thể tròn sáng kỳ diệu nhiệm màu không thể dùng lời lẽ diễn tả, chỉ có kẻ chứng nghiệm mới thấy được thôi. Rồi từ cái thể tròn sáng không hai ấy, nó vốn tự vắng lặng, vốn tự chiếu soi không bao giờ ngừng nghỉ, biến thành một kho tàng năng lực vô tận vô biên, dấy lên muôn vàn hiện tượng mà vật nào

vật ấy buổi ban sơ cũng chỉ là một mảy mún siêu vi trần (*siêu nguyên tử*).

Huyền Giác bảo là: "*Một bầu tròn sáng sắc không phải sắc, không có trong có ngoài*".

Tổ Huệ Năng sau khi bắt gặp, bèn hốt hoảng lên rằng:

"Không dè bổn tánh của mình vốn cùng khắp.

Không dè bổn tánh của mình vốn thanh tịnh.

Không dè bổn tánh của mình vốn không sanh diệt.

Không dè bổn tánh của mình vốn không lay động.

Không dè bổn tánh của mình vốn có khả năng sanh ra vạn pháp.

Không dè tất cả vạn pháp đều không lìa khỏi bổn tánh của mình".

Thế mới biết: viên và quang tức là kho tàng năng lực vô biên, là nguyên động lực cho vũ trụ, là bản mạng của vạn hữu, là mặt thật của chính tận đáy lòng mỗi chúng sanh mà người đọc NỘI KINH phải biết và phải chứng thực.

4. Đứng đâu cũng thấy là chính giữa:

Khi chưa có cái Tôi vốn đã không thành vấn đề; nhưng khi đã có cái Tôi, tôi đứng trên mặt đất nhìn ra cái không là gì không có gì hết, chỗ tôi đứng có phải là trung tâm của bao la hay không tôi cũng cứ thấy là trung tâm, có phải là chính giữa quả đất hay không tôi cũng cứ thấy là chính giữa. Thế mới biết: cái thấy là trung tâm là chính giữa của tôi, là một điều kiện xuất phát tận tự viên quang sắc không phải sắc, không có trong ngoài, phản chiếu quan hệ khắp trong vạn vật không lựa là hữu tình hay vô tình, mà ảnh hưởng mạnh nhất là đám "có biết". Đây cũng là một

điều kiện khi ta đọc NỘI KINH ta không thể bỏ quên.

5. Trời tròn đất vuông:

Đứng trên mặt đất nhìn ra bao la, trong cái thế tròn sáng sắc không phải sắc, không có trong ngoài, cộng thêm hiện tượng khí quyện của địa cầu, không lựa là tôi thuộc về hạng người nào tôi vẫn cứ thấy trên đầu tôi một hiện tượng khum khum hình như chảo úp, dưới chân tôi là một mặt phẳng quá rộng lớn mặc dù tôi vẫn biết quả đất tròn. Thế nên Hà Đồ muốn nói chuyện về sự ảnh hưởng của bao la vào quả đất đối với ta, thì Hà Đồ lại dùng tượng tròn mà tận cùng ở con số 10, nghĩa là hết số thêm con số 0; còn Lạc Thơ muốn diễn tả những sự biến động ở mặt đất, lại lấy tượng vuông và cuối cùng ở con số 9. Để rồi từ cái tròn đối với cảm quang của con người nảy sinh 4 tượng, 5 hành, 6 khí; mà cái vuông biến thành 9 vùng, 9 khu, 9 khiếu, 9 hậu trong Tam tài v.v. Thế mới biết: cổ nhân đưa ra vấn đề "trời tròn đất vuông" đối với ta vốn có một thâm ý: hiện tượng trời đất giao nhau ảnh hưởng cấu tạo thân người. Đây cũng là một điều kiện mà ta đọc NỘI KINH không thể bỏ quên.

6. Ban đêm tôi nhìn lên bầu trời:

Đứng trên mặt đất trông về bao la, tất cả tinh cầu trong vũ trụ nầy biết đâu mỗi mỗi không có một cách vận hành khác nhau?! Thế mà về đêm tôi vẫn cứ thấy tất cả đều đổ xô từ Đông sang Tây, còn phần Nam Bắc thì lại nổi lên chìm xuống. Thế mới biết: Biết đâu không phải tại quả đất chạy xung quanh mặt trời, mà bổn thân của quả đất lại quay từ Tây sang Đông, để tạo thành cái thế làm cho tôi thấy hình như tất cả vũ trụ đều chuyển từ Đông sang Tây?! Đây cũng là một điều kiện, mà khi tôi đọc thiên nầy không thể không để ý.

7. Sự vận hành của mặt trời, quả đất và mặt trăng:

Dựa vào con toán và trí óc, y cứ vào giác quan, tôi tin tưởng vào dụng cụ máy móc. Trên đài thiên văn, tôi quan sát, tôi chụp được ảnh xoáy ốc của khối ngân hà. Tôi ngồi phi thuyền vượt không gian để khám phá vũ trụ. Tôi bắt gặp hiện tượng đổi vị trí của tinh cầu theo thế đường gãy, và sự vận hành của tất cả những vệ tinh hình như đều theo thế vòng tròn và bầu dục, mà không nhất định theo mặt thủy bình. Rồi tôi y cứ vào

đó mà kết luận rằng: Mặt trời là định tinh, quả đất vận hành theo chu kỳ bầu dục và các hành tinh đều đổi vị trí theo đường gãy.

Rồi một hôm tôi bất chợt nhận ra bao la vốn đã là viên quang, năng lực vốn đã là rung rinh hồi tụ thì lẽ tất nhiên trong thế viên chiếu, nguyên động lực phải bắt trớn bằng thế xoáy ốc lò xo ly tâm hướng tâm vậy.

Trong bao la nầy vốn không biết bao nhiêu là hiện tượng xoáy ốc ngân hà, đại khái có nhiều hình thức khác biệt, mà hiện tượng ngân hà hằng đêm ta trông thấy đây mới chỉ là một khối xoáy ốc hình đĩa gần với ta hơn hết. Thế mới biết: Sự nhận định rằng mặt trời là định tinh, quả đất vận hành theo chu kỳ bầu dục và các hành tinh đều đổi vị trí theo đường gãy, đều chỉ là những sự ngộ nhận của trí óc tôi mà thôi.

Vận tốc của khối ngân hà mỗi giây đồng hồ là bao nhiêu chúng ta không thể biết rõ, chỉ biết rõ được Thái dương hệ nầy là một phần tử của vô số phần tử trong khối ngân hà ấy, mà mặt trời là đầu dọc.

Mặt trời đã là một khối lửa đang cháy, khối ngân hà đã là một hiện tượng xoáy ốc đang quay. Mặt trời đã phải đuổi theo sự vận chuyển của khối ngân hà, và trên hiển nhiên mặt trời là một tinh cầu có khí quyện, lẽ tất nhiên sự vận hành của mặt trời phải vừa chạy vừa quay theo thế lò xo quyện lò xo, tựa hồ viên đạn vừa thoát lòng súng không sao khác hơn được.

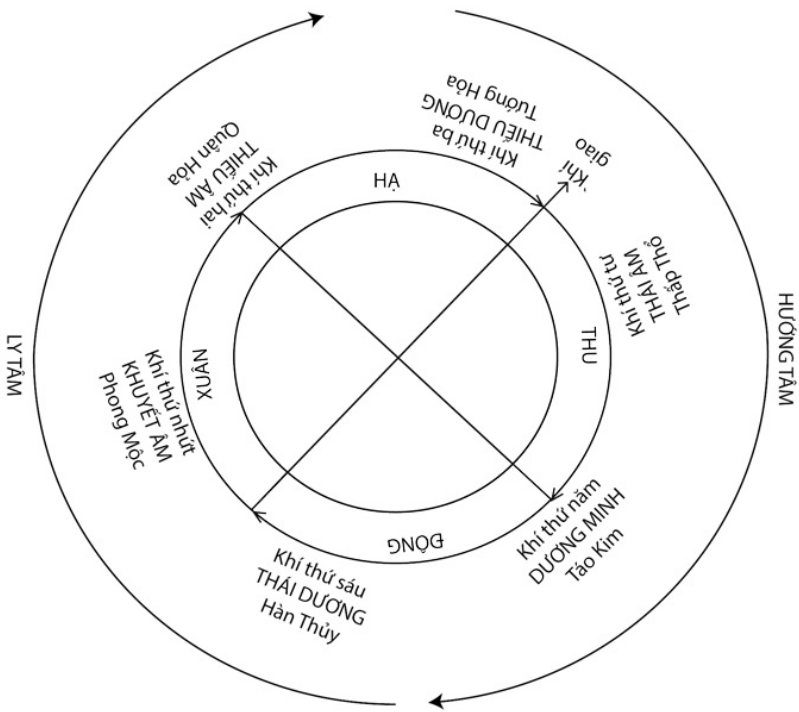
Mặt trời vốn đã là một viên lửa, địa cầu vốn đã là một hòn bi bằng đất. *Kinh Dịch* nói: "Mặt trời vận hành, quả đất thuận theo" (*Thiên kiện địa thuận*).

Đã là âm, mà là phải đuổi theo một sức dẫn đầu là dương, cả hai đều có khí quyện; trong cái thế vận tốc khí quyện không thể là hình tròn, lẽ tất nhiên vận tốc không thể chậm hơn. Quả đất vẫn có khí quyện, vẫn phải chịu sức hấp dẫn và phải xoay quanh mặt trời, cũng trong thế vừa chạy vừa quay theo điệu lò xo quyện lò xo, mà bên hông còn đèo theo mặt trăng chậm chạp lết bết, với cái tướng mất quân bình để tạo thành một bầu khí quyện ly tâm hướng tâm chia thành 3 âm 3 dương 6 khí khác nhau trong trật tự 4 mùa 5 hành của một năm (xem hình vẽ)

Mặt trăng vốn nó không có ánh sáng mà cũng không có bầu khí quyện như địa cầu. Thế mới biết: Mặt trăng không thể sinh sôi như mặt địa cầu và sự vận hành rất có khác.

Địa cầu đã là âm, mặt trăng cũng là âm. Mà mặt trăng lại phải chịu sức hấp dẫn và đuổi theo địa cầu. Mỗi một lần trăng tròn là ta trông thấy giống hệt nhau. Thế mới biết: sự vận hành của mặt trăng chậm hơn địa cầu nhiều lắm, và vòng chu kỳ với vòng bổn thân vẫn như nhau. Chỉ vì mặt trăng gần quả đất hơn, và nhờ sức phản chiếu ánh sáng mặt trời làm cho ta nhận ra được mỗi tháng một vòng. Mặc dù sự vận hành ấy cũng trong cái thế lò xo quyện lò xo, nhưng rất là lơi dãn. Do bao nhiêu điều kiện nói trên, mà trọng lượng ở quả địa cầu khác hơn trọng lượng ở cung trăng và ở mặt trời, điều nầy nếu ta làm toán sẽ thấy rõ. Đây là sự sai biệt trong thế vận hành của mặt trời, quả đất và mặt trăng trong Thái dương hệ nầy, mà khi đọc NỘI KINH ta không thể không lưu ý.

HÌNH 9.1: HÌNH VẼ SÁU KHÍ CHỦ MÙA TRONG MỘT NĂM



8. Vòng giáp tý trong can chi thống hợp:

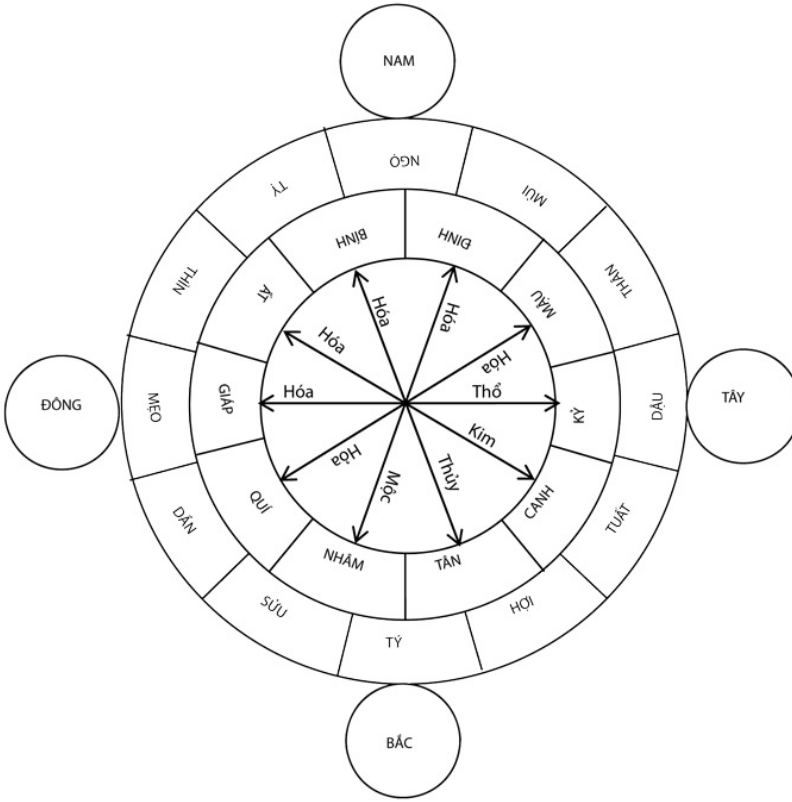
Thiên can là sự can hệ của bao la với mặt trời vào quả đất. Địa chi là sự chị phối của mặt trăng với quả đất ánh ra bầu trời. Can có 10, khởi đầu bằng chữ "Giáp"; Chi có 12, khởi đầu bằng chữ "Tý", hai hệ thống nối đuôi song phương, qua 6 lần 10 Thiên can thì gặp lại Giáp Tý khởi đầu.

Mặt trời là dương, mặt trời phải đuổi theo khối ngân hà; khối ngân hà cứ chuyển vần theo xoáy ốc ly tâm hướng tâm trong bao la vô tận; quả đất là âm, quả đất đuổi theo mặt trời vừa chạy vừa quay tạo thành cái thế ly tâm hướng tâm của bầu khí quyện; vầng trăng đuổi theo quả đất cũng vừa chạy vừa quay, làm cho ta đứng trên mặt địa cầu, ta thấy có giờ có ngày, có tháng có năm, có mùa có tiết, có khí có hậu, có Giáp có Kỷ v.v. Giờ giờ hình như không khác nhau mấy, ngày ngày, tháng tháng, năm năm, 60 năm 60 năm cũng hình như không khác nhau mấy. Cho đến giờ sánh với ngày, ngày sánh với tháng, tháng sánh với năm, năm sánh với 60 năm cũng hình như không khác nhau mấy mà cũng không hẳn giống nhau.

Con người đứng trên mặt đất nhìn ra bao la; cổ nhân đã nhận ra được lý do trật tự ấy, bèn dùng 10 Can lấp vào 5 hướng của bầu trời phân theo âm dương xen kẽ, mà Giáp và Kỷ là trục Đông-Tây; lại dùng 12 chữ Chi để lấp vào guồng ly tâm hướng tâm 6 khí của bầu khí quyện địa cầu, mà trục Tý-Ngọ là trục âm dương hai cực, để diễn tả sự phản chiếu trời đất giao nhau, tạo thành thời gian không gian thống hợp sanh ra hiện tượng thái quá, bất cập hoặc bình thường; mà con người ở giữa phải nhận lấy sức chi phối toàn cả tiên thiên lẫn hậu thiên.

Cuộc chuyển vần hóa sanh 6 khí nầy gọi là vận khí học. Trong thiên nầy chỉ là mới nêu lên đại cương, còn tất cả những lý do khởi thỉ đều vẫn chưa đề cập. Ta hãy cứ để yên rồi sau sẽ gặp lại. Đây là một điều kiện khi đọc thiên nầy không thể không biết (xem hình vẽ vận khí).

HÌNH 9.2: HÌNH VẼ VẬN KHÍ



9. Kẹt phải cái "Tôi" phải trở về cái "Tôi" mà gỡ:

Đã biết rằng: Cái Tôi là trung tâm xuất phát mọi vấn đề. Hễ tôi mê muội thì hết thảy đều tối tăm, tôi minh mẫn thì hết thảy đều sáng sủa. Lòng tôi nhảy chang cháng thì hình ảnh bên ngoài hết thảy đều rung rinh, lòng tôi yên tĩnh thì hình ảnh mọi vật đều được rõ ràng. Tôi giác ngộ thì tôi nhìn đâu cũng thấy sự thật, tôi mê mờ thì cuộc đời đều là đảo điên. Tôi không thấu suốt được cái Tôi, thì những điều tôi biết có hay ho dồi dào đến đâu cũng vẫn là vô dụng, chỉ tổ biến tôi thành một thứ kho tàng tài liệu hoặc một thứ vẹt người. Tôi đã không từng thấy sao: Tôi muốn làm nghề nhiếp ảnh, thì ít ra máy móc dụng cụ của tôi phải được kiểm nghiệm hoàn hảo, nghệ thuật của tôi phải được vững chãi, kết quả thu thập của tôi phải được chính xác. Nếu những điều kiện kể trên tôi hoàn toàn sơ hở, thì nghệ thuật của tôi hoàn toàn thất bại. Thế sao khi tôi muốn áp dụng cái máy Tôi, tôi lại khinh thường sự kiểm nghiệm chín

chắn đến thế?! Thế mới biết: mối gút tại cái Tôi, tôi phải về với Tôi mà gỡ, là một tinh thần khoa học độc đáo của Đông phương muôn thuở, mà khi tôi đọc NỘI KINH tôi phải để ý đến.

10. Cốt tủy của tinh thần thiên văn học Đông phương:

Sau khi nhận ra được cái Tôi là trung tâm xuất phát mọi vấn đề. Trong công cuộc khám phá tất cả muôn vàn bí mật mà cái Tôi đã trông thấy, không thể có một thứ máy móc nào chính xác hơn là cái máy Mình; và trước khi sử dụng cái máy Mình nầy, phải có cách nào để điều chỉnh nó cho được muôn vàn chính xác thì quyết định thành công. Do đó mà việc điều chỉnh cái máy Mình, khám phá cái Tôi, là một việc làm ưu tiên chính yếu.

Sau khi tháo banh được cơ cấu huyền bí của cái Tôi để mình tự giáp mặt với mình rồi, con người Đông phương bắt gặp được ngay một nguyên lý vô cùng vĩ đại là: trọn cả bao la với trọn nguồn linh tánh của mình cũng như vạn loại vốn không phải hai, và tất cả những gì bao la có trong mình đều có; điều nầy có thể chứng thực được. Rồi từ đó con người Đông phương mới có đủ cặp mắt sáng suốt để nhìn đâu ra đấy, mà kiến thiết nên bao nhiêu phương tiện, triển khai thấy biết hầu giúp ích cho người đi sau. Đây là nền tảng bước đầu của Dịch học. Thế mới biết: nguyên lý của Dịch học là đồng nhất tương quan trật tự biến hóa lưu thông, rộng hẹp như nhau, nhiều một không khác. Và then máy của Dịch học là "lành dữ khổ vui đều bởi động, chẳng động là to nhất".

Đã là thế gian thì quyết định không thể ai ai cũng đều là hàng thông đạt, đã không thông đạt thì dù vua chúa hay tổ chức nhà nước, hay dân dã cũng đều là thứ không thông đạt như nhau.

Thiên văn học Đông phương là một thứ dụng cụ lấy ra từ trong kho tàng Dịch học, là hóa thân của Dịch học ở một ngành trong bao nhiêu ngành của xã hội phương Đông. Nó không phải là thứ để đi tìm xem ranh giới của vũ trụ tới đâu, không biết có ai là chủ tể hay không, mỗi một tinh cầu đo được bao lớn, cấu tạo bằng những chất gì, cân nặng bao nhiêu, tinh cầu đó lành hay dữ; mà tác dụng của nó chỉ vỏn vẹn ở khi chưa phải là hàng thông đạt, thì ít nhất cũng không đến nỗi quá ư ngu muội, xâm phạm vào cái lẽ đồng nhất tương quan trật tự biến hóa lưu

thông, để cuộc sống của con người ít nhất cũng đỡ phần tai ương đau khổ, người với người, người với vật có cơ cảm thông, nhà nước với dân dã không đến nỗi trở nên là thù địch. Nó biết rõ tất cả hành tung của xã hội loài người, khi tung ra bủa khắp bao la rồi cuối cùng sẽ trở lại với con người; mà trước khi xảy đến thường có những hiện tượng dọn đường là những điềm gở, những điềm gở đó do sự vọng kiến của người trong cuộc, chớ không phải tướng ngoại cảnh đích thực là như thế. Nó nương nơi đó làm cho những kẻ chưa phải là thông đạt, không thể buông lung mà xem thường nhân quả. Bởi thế nên mỗi khi có điềm không lành thì cả vua, quan, dân dã đều trai giới trở về với sám hối ăn năn. Nhưng trong lời lẽ ta bèn nhận lầm là nó tin tưởng rằng: có những bậc ngồi trên để chủ trương phán xét thưởng phạt; đó là chỗ mê muội sai lầm của chúng ta bây giờ, chớ không phải cốt tủy tinh thần Thiên văn học Đông phương là thế.

Một điều nữa ta nên biết: nó biết chắc chắn là muôn vàn hiện tượng vốn vô cùng, mà dụng cụ máy móc trí óc loài người rất là hữu hạn, chẳng đi đến đâu. Nên đối với tất cả những hiện tượng vũ trụ, nó biết dừng lại ở lằn mức mà giác quan cũng như trí óc tính toán, máy móc dụng cụ hết khả năng, nên nó chỉ cần một số ít tương đối gần nhất quan trọng nhất để làm giềng mối trật tự phổ thông cho cuộc sống hằng ngày mà thôi; mà tinh thần hướng nội là điều kiện vô cùng thiết yếu. Không riêng gì thiên văn học là thế, mà đó là tinh thần chung cho tất cả các ngành của xã hội phương Đông. Cho nên tôi nói: Văn minh của phương Đông là văn minh siêu văn minh, triết học của phương Đông là siêu triết học, văn hóa của phương Đông là siêu văn hóa, giáo dục của phương Đông là siêu giáo dục, y khoa của phương Đông là siêu y khoa, thiên văn học của phương Đông là siêu thiên văn học, cho đến các ngành chính trị, địa lý v.v. đều cũng thế. Hướng nhắm của nó là làm sao cho mỗi một con người từ thọ bẩm, ăn uống, sinh hoạt, tâm lý, xã hội v.v. đều cùng với thiên nhiên thuận một vòng trật tự; và luôn luôn lưu ý đến sự chỉnh đốn lại chính con người của mình, để ai ai cũng có thể có dịp trở thành một bậc thông đạt.

Thế mới biết: những ai nghiên cứu tinh thần thiên văn học cổ Trung Hoa, mà ghép nó vào một thứ tôn giáo mê tin nào đều là việc làm tà vạy sai lầm, mà trước khi đọc thiên nầy ta cần phải biết.

11. Gieo gió gặt bão:

Đứng trên mặt đất trong bầu khí quyện thời gian, sáu khí chuyển vần mỗi nơi đều đủ tất cả. Một việc xảy ra từ bán cầu bên nầy vẫn có liên hệ đến bán cầu bên kia. Vạn vật đều sống bình đẳng như nhau, không lựa là hữu tình hay vô tình, thời gian trôi cứ trôi, hết thảy đều mới luôn luôn mới. Đã qua cứ qua, hiện tại không dừng cứ không dừng, vị lai chưa đến cứ chưa đến, không hề chứa giữ. Trời đất vẫn giao nhau, âm dương vẫn kết cấu, vạn vật vẫn sanh sôi, lý đáng không có gì khổ đau ân hận. Đây là nghĩa người xưa nói: "Không ai có thể tắm hai lần trên một dòng sông". Nhưng cùng trong đám lao nhao, tôi kẹt vào cái Tôi, tôi luôn luôn chứa giữ, tôi dùng con mắt cũ rích mà nhìn cái mới tinh khôi, tất cả những thấy biết của tôi đều bị chóa lòa xáo trộn, thế lưu thông phía trong tôi với khung cảnh bên ngoài nảy sanh vướng kẹt đóng cứng. Thế là thời gian của tôi là thời gian vướng kẹt.

Đành rằng sáng suốt không có trong ngoài là bản sắc của bao la, nhưng khi mê đứng trên mặt đất nhìn ra, tôi thấy là một cái bầu thủy tinh tráng thủy bên ngoài mà mỗi hướng luôn luôn đổi thay màu sắc lờ mờ đục đục, tôi đứng đâu cũng bị là ở giữa, và hình như cả cái bao la kia lúc nào cũng có vô số mắt xoay quanh dòm dõi vào tôi, dầu tôi có trốn vào một cái hóc nào thật tối đen, hình như nó cũng vẫn thấy. Trong vô tình một hành tung thật nhỏ của tôi vẫn tung ra bao la một tác động rung chuyển, rồi cái rung chuyển ấy chuyển vần ảnh hưởng khắp vào những ai đang trong thế vướng kẹt như tôi, cuối cùng nó đổ xô hết về tôi, với cái thế mọi mặt đều nhân lên theo số kỷ hà. Thế là tôi tự biến năm vận không gian trở thành một sức mạnh phá hoại cho tôi cũng như cho kẻ khác, làm cho tôi rất dễ dàng mà chấp nhận một sức mạnh huyền bí chủ tể riêng tư. Đây là chỗ mà người xưa gọi là "trời đất không riêng, thần minh thầm xét", "ngồi trong phòng kín như ở ngã ba đường cái, chế ngự tấc lòng như điều khiển xe sáu ngựa", và cũng là nghĩa mà nhà Phật gọi là "bổn tánh luôn luôn nhắc nhở, là sự thương tưởng của chư Phật".

Thế mới biết: Trong hiện tượng thống hợp thời gian không gian vận khí, nếu tôi là kẻ vướng kẹt lẽ tất nhiên tôi phải gieo gió gặt bão, và hơn nữa trong vô tình tôi gây không biết bao nhiêu tai hại cho kẻ xung quanh. Trái lại nếu con người của tôi được điều chỉnh, tôi trở nên biết sử dụng thời gian không gian, không những tôi vẫn ung dung ngao du ngoài vòng bao la vô cực, mà tôi còn biến cái thế gieo gió gặt bão của tôi ra thành một năng lực lợi ích cho cả bao la. Điều nầy tuy đã có nhiều lần đề cập, nhưng trước khi đọc thiên nầy không được bỏ quên.

Định nghĩa tên thiên

"Lục tiết" là sáu giai đoạn; "Tạng" là tạng phủ; "Tượng" là hiện tượng; "Lục tiết tạng tượng luận" là một thiên khái luận về sự thống hợp không gian thời gian của năm vận sáu khí, từ hiện tượng thiên nhiên âm dương trời đất ảnh hưởng vào hiện tượng tạng phủ trong con người, để kết thành ba bộ chín hậu của mạch lý hầu dọn đường cho những thiên sau. Nghĩa là thiên văn, địa lý với nhân sự cũng như vũ trụ với nhân sinh không phải là hai chuyện; và con người là một tác phẩm thống nhiếp cả hiện tượng trời đất bao la, mà mỗi con người phải tự biết lấy. Chính vì chỗ nầy mà tài nhân trở nên vô cùng quan trọng.

BÌNH:

Nhà Phật khuyên chúng sanh nên đừng chấp chặt cái Tôi và mắc kẹt đóng cứng vào trong hiện tượng thời gian không gian, để rồi cuộc đời sẽ trở nên vô cùng đau khổ; Nhưng nếu tôi không biết gì hết về chính con người của tôi, cũng như tôi không biết gì hết về thời gian không gian, thì làm sao tôi không mắc kẹt đóng cứng cho được?! Thế mới biết: Nếu tôi đọc "Lục Tiết Tạng Tượng Luận" mà chỉ để biết thêm về Lục tiết tạng tượng luận, thì dần dà không khỏi tôi sẽ trở thành một thứ khỉ thông thái; Đây là một điều ai đọc thiên nầy cũng phải để ý.

Kinh Phật nói: "Sức thần thông của Bồ-Tát có thể thâu cả vũ trụ vào lòng bàn tay, còn dễ hơn là thợ lò gốm chuyển bánh xe khuôn", nhưng không nói rõ thâu bằng cách nào. Ở đây có thể thâu bao la vào trong một điểm nhỏ xíu, và thâu bằng cách nào ai có đọc kỹ sẽ biết rõ.

Đoạn 1

PHIÊN ÂM:

Huỳnh đế vấn viết: Dư văn thiên dĩ lục lục chi tiết dĩ thành nhứt tuế, nhơn dĩ cửu cửu chế hội, kế nhơn diệc hữu tam bá lục thập ngũ tiết, dĩ vi thiên địa cửu hỷ, bất tri kỳ sở vị dã?

Kỳ Bá đối viết: Chiêu hồ tai vấn dã! Thỉnh toại ngôn chi: Phù! lục lục chi tiết, cửu cửu chế hội giả, sở dĩ chánh thiên chi độ, khí chi số dã.

Thiên độ giả, sở dĩ chế nhật nguyệt chi hành dã. Khí số giả, sở dĩ kỷ hóa sanh chi dụng dã. Thiên vi dương, địa vi âm, nhật vi dương, nguyệt vi âm. Hành hữu phân kỷ, châu hữu đạo lý, nhựt hành nhất độ, nguyệt hành thập tam độ nhi hữu cơ yên. Cố đại tiểu ngoạt, tam bá lục thập ngũ nhựt nhi thành tuế, tích khí dư nhi dinh nhuận hỷ. Lập đoan ư thỉ, biểu chánh ư trung, suy dư ư chung nhi thiên độ tất hỷ.

DỊCH:

Huỳnh đế hỏi: Trẫm nghe nói: Ở trời lấy 6 nhân 6 làm tiết(1) để thành một năm, ở người lấy 9 ráp với 9 làm chế hội(2). Tính ra con người cũng có 365 tiết(1) ăn khớp với thời gian của trời đất, chẳng hay như thế nghĩa là sao?

Kỳ bá thưa: Sáng suốt thay lời hỏi! Hạ thần xin tuần tự trình bày: Vả chăng! Vấn đề 6 nhân 6 thành tiết, 9 ráp với 9 làm chế hội, nghĩa là để định rõ độ trời để ghi nhận rõ số của khí.

Nói để định rõ độ của trời, nghĩa là để tìm hiểu sự vận hành của mặt trời, mặt trăng và quả địa cầu. Còn ghi nhận số của khí, nghĩa là để lập lại hệ thống tác dụng hóa sanh.

Bầu trời là dương, địa cầu là âm, mặt trời là dương, mặt trăng là âm. Sự vận hành của mặt trời, quả đất và mặt trăng có phân(3), có kỷ(3), chu kỳ(4) có đường có lối. Quả đất quyện theo mặt trời, bổn thân của nó độ một ngày một đêm đã giáp một vòng, mà dặm đường chu kỳ chỉ mới đã qua được một độ. Trong khi có vầng trăng vận hành theo xung quanh quả đất, vòng bổn thân của nó

cũng như vòng chu kỳ chỉ mới có 13 độ hơn. Cho nên hợp cả tháng đủ tháng thiếu lại mà cộng, thì mỗi năm có 365 ngày; vì số khí dư dồn lại, mà thành có năm nhuận.

Muốn biết rõ trước hết ta phải lập đài thiên văn để tìm lấy mối đầu, và phải được áp dụng biểu can(5) để tìm lấy địa điểm chính giữa và thời gian đứng bóng (để chỉnh trục Nam Bắc Đông Tây), rồi theo đó áp dụng toán số để tính dồn đến mỗi cuối năm, thì sự vận hành của mặt trời, quả đất và mặt trăng ta được rõ suốt.

CHÚ THÍCH:

(1) **Tiết**: ở hiện tượng thiên nhiên, chữ "*tiết*" có nghĩa là quãng hiện tượng thời gian mà sau nầy có dịp gọi lại bằng "*khí*" (trong chánh văn). Trong con người gọi là "*có 365 tiết*", tức là ám chỉ cho vòng chu kỳ kinh lạc có 365 khớp, mỗi khớp là một huyệt. Thế thì chữ "*tiết*" trong con người ở đoạn nầy có giá trị như chữ "*huyệt*".

(2) **Chế hội**: "*chế*" nghĩa là chế ra, mà cũng có nghĩa là chánh, là đặt rõ; "*hội*" là hội họp. "*Chế hội*" là một danh từ để chỉ cho một phương pháp vạch rõ sự phản chiếu của mặt trời mặt đất với bầu trời, và quãng giữa con người ở là nơi trời đất giao nhau gặp gỡ, mà trong con người đều gồm đủ cả phần tiên thiên lẫn hậu thiên.

(3) **Phân, kỷ**: "*Phân*" nghĩa là phân khu; "*Kỷ*" nghĩa là kỷ độ. Tức là muốn nói sự vận hành có phân khu, có độ số; nên gọi là "*phân*", "*kỷ*".

(4) **Chu kỳ**: cũng như chữ "*tuần hoàn*", nghĩa là ý nói một vệ tinh xoay quanh một tinh cầu khác giáp một vòng rồi lại bắt đầu, vòng ấy gọi là "*chu kỳ*".

(5) **Biểu can**: là danh từ chỉ cho một trụ cột ở đài thiên văn dựng ở giữa trống, dùng để đo bóng mặt trời. Trụ cột nầy tùy theo mỗi đời mà hình thức chế tạo khác nhau, thước tấc cũng khác nhau. Và có thể trong nhiều nơi, mỗi nơi người ta lập một đài biểu can riêng khác, để cùng nhận định về bóng mặt trời. Người xưa dùng phép tính nầy áp dụng cho rất nhiều trường hợp khám phá.

GIẢI:

Đại ý tầm quan trọng chiều sâu của thiên nầy: - Thời gian là gì? - Không gian là gì? - Con người là gì? - Tam tài không thể 3, vũ trụ nhân sinh không thể phân cách, thiên văn, địa lý với nhân sự vốn đồng nhất tương quan, cực lớn cực nhỏ bình đẳng mà mỗi người đều cần phải học để tự biết.

Đoạn nầy Huỳnh Đế chỉ mới nêu lên câu hỏi; lời đáp của Kỳ Bá chỉ mới mở đầu sơ lược về phương pháp thiên văn, và sự vận hành của ba bộ phận quan trọng đối với ta trong Thái dương hệ nầy là: mặt trời, quả đất và mặt trăng mà thôi.

Ý Huỳnh Đế hỏi: Nghe nói mỗi năm có 6 quãng thời gian khí hậu và mặt đất có 9 châu. Trời đất giao nhau ảnh hưởng vào con người vẫn đủ cả âm dương, nhưng xét ra con người có đủ 365 huyệt chỉ ăn khớp với số thời gian khí hậu trong một năm mà thôi, như thế là nghĩa thế nào? (*nghĩa là ý Huỳnh Đế thắc mắc vấn đề 6 x 6 của khí thì có thể thấy rõ, còn 9 ráp với 9 thì cái lý của nó ở đâu?).*

Vì chỗ thắc mắc đó Kỳ Bá mới nói: 6 x 6 và 9 ráp với 9 không phải là hai vấn đề, mà là một cách lập pháp để định rõ độ trời, để ghi nhận rõ số của khí hậu (*nghĩa là minh định cho rõ ràng lý do giá trị hiện tượng thời gian không gian, thiên văn với địa lý, khí với hình thống hợp ảnh hưởng vào con người).*

Tác dụng của độ trời là để tính biết sự vận hành của mặt trời, quả đất và mặt trăng trong không gian. Còn tác dụng số của khí, là để lập lại hệ thống tác dụng hóa sanh của khí hậu trong vòng thời gian không gian thống hợp.

Trong chánh văn câu "*Thiên vi dương*" dịch là "*bầu trời là dương*". Chữ "*bầu trời*" nầy có giá trị như chữ "*không gian*".

Trong không gian nầy, Thái dương hệ ta ở đây có 3 bộ phần quan hệ trực tiếp với tất cả vạn vật trên mặt đất nầy là: mặt trời, quả đất và mặt trăng. Mà mặt trời là hiện tượng một khối lửa đang cháy nóng sáng

rực, nên gọi là dương. Quả đất là một khối đất chúng ta đang ở, vạn vật đang sanh sôi, vốn nó không có ánh sáng, không nóng, không đang cháy, chỉ nhờ ánh sáng và khí nóng của mặt trời, nên gọi là âm. Mặt trăng vốn là một vệ tinh của quả đất, vốn nó không có khí quyện, cũng không có ánh sáng, không có khí nóng, không có khả năng sanh sôi. Nếu đem so sánh với quả đất; thì đối với mặt trời, mặt trăng chỉ là gián tiếp; thế là mặt trăng càng âm hơn quả đất, nên nói mặt trăng cũng là âm.

Ta đứng trên mặt đất nhìn ra bầu trời bị cái thế "*thuyền đi thấy bờ chạy, mây kéo thấy mặt trăng chun*" của giác quan, mà ta trông thấy hình như quả đất đứng yên một chỗ và to lắm, còn tất cả tinh cầu đều xoay chung quanh, hình như trung tâm vũ trụ chính là đây vậy; và ta còn thấy mặt trời mặt trăng vẫn bằng nhau. Nhưng thực sự là như thế nào? Ta phải tìm cách để biết rõ, đó là một việc khác.

Bao la vốn rỗng hoát lấy đâu để ta đánh dấu xa gần. Lại thêm ta ngồi trên thuyền, thuyền đi ta thấy bờ chạy. Thế nên muốn biết ta phải nhờ ở nghiệm xét, hoặc nương nhờ nơi chủ mà nghiệm khách, hoặc mượn khách để định chủ, nương nơi cái nầy để tính biết cái kia, nương nơi cái kia để so sánh tính biết cái nọ; hết thảy đều chỉ là con toán, là sự độ lượng, trong phạm vi tướng so sánh mà thôi.

Như ta đã biết mặt trời không thể là một khối lửa đứng yên giữa trống khơi khơi một mình, mà là phải đuổi theo khối ngân hà theo thế xoáy ốc lò xo, thế là mặt trời vẫn là một vật bị sức hấp dẫn của khối ngân hà lôi đi. Vậy sức lôi đi ấy phải là sức chủ động của toàn cả vô số mặt trời trong khối ngân hà. Hoặc có thể lắm, trung tâm khối ngân hà có một mặt trời vua?! Thế thì mỗi 60 năm của vòng Giáp Tý biết đâu không phải là một chu kỳ của mặt trời xoay quanh khối ngân hà, mà cổ nhân đã khám phá được?! Thế thì mặt trời tuy là dương, nhưng đối với sức mạnh khí dương của khối ngân hà thì mặt trời là thế yếu. Cho nên đối với khối ngân hà biết đâu mặt trời không phải là âm ở trong dương?! Tuy nhiên đối với ta, mặt trời là một khối lửa đỏ sáng rực đang cho nhiệt lực vào mặt đất nầy, cho nên tạm đồng ý đặt nó là dương. Thế mới biết: Hai chữ "âm dương" hình như có giá trị động từ hơn là danh từ.

Đúng theo nghĩa của câu "mặt trời xoay vần, quả đất thuận theo" của *Kinh Dịch*, ta thấy quả đất đang bị sức mạnh của mặt trời thâu hút

lôi đi cùng trong một điệu lò xo quyện lò xo đèo theo mặt trăng uể oải, cứ mỗi một ngày đêm là một vòng bổn thân, mà 365 ngày là một chu kỳ. Hai chữ "chu kỳ" bất quá chỉ là một khoanh lò xo, cho nên vòng xích đạo không thể không khi thì lệch về Nam khi thì lệch về Bắc, mà cũng không thể lệch theo chiều ngay mà là lệch theo chiều ngoảy ngoảy.

Nếu ta đem quả đất mà sánh với mặt trăng, ta thấy quả đất đối với mặt trời tuy là âm, nhưng quả đất còn chịu ảnh hưởng trực tiếp với mặt trời, còn sanh sôi; vả lại cũng còn sức mạnh vận chuyển nhanh chóng hơn mặt trăng. Cho nên đối với mặt trăng, quả đất há lại không thể là dương ở trong âm?!

Mặt trăng bị sức hút của quả đất mà phải uể oải chậm chạp lăn theo. Tất cả đều phải vận chuyển theo thế lò xo quyện lò xo dù phải uể oải mệt mỏi chăng nữa sự vận hành của mặt trăng cũng không thể khác hơn được. Bổn thân của quả địa cầu xoay một vòng là bước tiến trong chu kỳ được một độ, thì trong khi đó vòng bổn thân cũng như vòng chu kỳ của mặt trăng chỉ mới có 13 độ hơn. Do đó mà sự vận hành của mặt trăng phải đến một tháng mới giáp một vòng chu kỳ cũng như vòng bổn thân. Vì sức vận hành lết bết của mặt trăng như thế, nên sự gặp gỡ của mặt trời và mặt trăng phải có một cách thức, để mỗi tháng ta chỉ trông thấy có một đêm trăng tròn.

Dựa vào những điều kiện kể trên. Người ta có thể làm toán tính thấy được từ quả đất lên mặt trời xa hơn từ quả đất lên mặt trăng. Nghĩa là chu kỳ của quả đất với mặt trời rộng hơn chu kỳ của mặt trăng với quả đất nhiều lắm. Mà mặt trời to hơn quả đất, quả đất to hơn mặt trăng, và hoàng đạo, xích đạo đều có lúc dời về Nam dời về Bắc; còn trăng thì có trăng non trăng già (đầu tháng, cuối tháng), trăng sống trăng chết (*trăng tỏ, trăng tắt*), trăng tròn trăng khuyết, ngày thượng huyền, ngày hạ huyền (*cung trở lên hay cung trở xuống*) khác nhau; cho nên mới nói: Sự vận hành có phân có kỷ, chu kỳ có đường có lối.

Mặt trăng bị quả đất hút, lết bết đuổi theo bằng cái thế lò xo quyện lò xo thật là lơi dãn. Nếu đem sánh với quả đất mà định âm dương, thì mặt trăng thiệt là âm ở trong âm; cho nên gọi là Thái âm cũng phải lắm. Vì thế mà sự vận hành theo bốn mùa của mặt trăng; đầu tháng, giữa tháng và cuối tháng sức mau chậm không như nhau, làm cho mỗi tháng có

phân tháng đủ tháng thiếu, nếu tổng cộng suốt năm thành có 365 ngày. Vì sự vận hành của mặt trời, quả đất và mặt trăng có liên hệ xê dịch như thế, làm cho sự thống hợp thời gian không gian mỗi năm không khỏi có phần khí thừa để phải dồn lại biến thành năm nhuận vậy.

Cuộc sống không khám phá là cuộc sống tôi đòi, ý nghĩa của cuộc sống là khám phá và tự do, ý nghĩa của khám phá là khám phá chính con người của mình trước nhất. Thế mới biết: khi rõ được bộ mặt thật của chính con người của mình rồi, con người thông đạt không thể có lúc nào là lúc không tự do khám phá.

Tất cả những sơ lược về thiên văn đã trình bày như trên, chẳng qua chỉ là một hậu quả thâu hoạch được. Nên Kỳ Bá mới tiếp tục nói: sở dĩ biết được thế là nhờ sáng kiến của đài thiên văn, mà dụng cụ đơn sơ nhất là biểu can. Và khi đã tìm được đầu mối của năm, tìm được vùng kinh tuyến, vĩ tuyến giao nhau giữa quả địa cầu, cũng như thời gian mặt trời đứng bóng; định rõ được ngày Đông Chí, Hạ Chí, Xuân Phân, Thu Phân, rồi từ đó mà làm toán tính đến cuối năm thì độ trời trong mỗi năm rõ suốt.

Tất cả những bài toán trên, sau nầy sẽ có một thiên chuyên môn nói tỉ mỉ hơn.

BÌNH:

Bao la muôn thuở vẫn bao la nầy, hết thảy tinh cầu đều xen kẽ nhau thành trụ hoại không, không thành trụ hoại, điều đó ai ai cũng có thể biết. Nhưng tuổi tác của mỗi tinh cầu là bao nhiêu, quả đất nầy còn bao nhiêu tuổi nữa nhập diệt? Kiếp sống của con người đối với bao la vũ trụ, con người thấy vằng vặc cả trăm năm, nhưng thật ra chỉ là một cái thoáng; kẻ đi sau không thể giáp mặt kẻ đi trước, kẻ đi trước không thể giáp mặt kẻ đi trước nữa, cho đến kẻ hiện tại cũng không thể giáp mặt kẻ sau nầy.

Trước khi vật chất chưa năm châu họp chợ, người phương Đông tự biết phương Đông, người phương Tây tự biết phương Tây, việc của bán cầu bên nầy không phải là việc của bán cầu bên kia, việc của bán cầu bên kia không phải là việc của bán cầu bên nầy, thời gian cứ trôi đi vùn vụt, loài người sanh diệt chi chít lao nhao. Thế mà vẫn có những kẻ

đứng trong cái Tôi không biết tuổi tác được bao nhiêu, mà dám đại ngôn cả quyết rằng: loài người có mặt trên quả địa cầu nầy cao lắm chỉ độ mấy ngàn năm, và lịch sử thiên văn của loài người cao lắm cũng chỉ độ một ngàn mấy trăm năm gần đây là cùng; cơ hồ như muốn nói: chỉ có bắt đầu từ hồi Tây mới vào vậy. Người ta còn dám nói rằng: nhờ khoa học vật chất phát triển mà cái học về thiên văn càng ngày càng được vô cùng tinh tế. Nhưng trên thực tế trong làng thiên văn học của khoa học vật chất ngày nay, vẫn đang có những điều thắc mắc cãi cọ với nhau ỏm tỏi để tìm lấy một lối thoát, nhưng vẫn chưa có. Đến đổi có những nhà thiên văn than rằng: "Ráng bặm môi mà nuốt lấy liều thuốc đắng Thượng Đế thì nuốt sao trôi! Nếu không nuốt lấy liều thuốc đắng ấy thì không biết tìm đâu ra lối thoát". Quả thật là một điều vô cùng mâu thuẫn. Thế mới biết: kiến thức càng cao, lòng mê tin càng sâu rộng. Trong khi đó ở phương Đông đã có những người vẫn bình tĩnh sáng suốt, vững vàng nhìn thẳng vào sự thật, im lìm trôi qua suốt 50-60 thế kỷ mà giờ đây chúng ta chừng như không hay biết. Rõ thật cái bệnh đoàn mù rờ voi mà cũng truyền nhiễm gớm!

Tây Du Ký chép: Quan Thế Âm tìm đến Tam Tạng pháp sư (Đường Tăng) mà giao phó việc thỉnh kinh, Tam Tạng không biết đường đi mà vẫn tình nguyện thọ lãnh. Con người của Tam Tạng bẩm phú vốn nặng tình mà kém nghị lực, nhưng nhờ phúc hậu với lòng thành, nên ra đi ít lâu, Quan Thế Âm giúp đỡ thâu phục được một người đồ đệ lanh lợi giỏi dắn, mà lại có 72 phép huyền công là Tôn Ngộ Không.

Bẩm tính của Tôn Ngộ Không vốn khôn ngoan lanh lợi, nhậm lẹ mau mắn, thấy xa hiểu rộng, đi gió về mây, trông thấy suốt được tim gan của ma quái, trên thông thiên văn, dưới đạt địa lý, đường đi Tây phương đối với anh ta dễ dàng không khác nào đi chợ. Thiếu anh ta cuộc thỉnh kinh quyết định không thành. Nhưng tội một nỗi là anh ta không thể cõng xác phàm của Tam Tạng mà Cân đẩu vân cho mau được. Lại thêm Tam Tạng ra đi phải mang theo bao nhiêu là vật dụng lục cục lòn hòn, phải tốn người ít ra cũng như Ngộ Năng, Ngộ Tịnh mới gồng gánh được; mà xác phàm của Tam Tạng lại cũng không thể đi bộ đi xa, rốt cuộc phải thêm con ngựa. Lại một tật nữa là Tôn Ngộ Không thích tự do và không thể chịu nổi ai xâm phạm đến tự ái của mình, vì lỡ bị gạt, kẹt vòng Kim Cô, nên thôi cũng đành chấp thuận. Bởi vậy cuộc thỉnh kinh tuy kết quả thành công, nhưng dọc đường vẫn xảy ra không biết bao nhiêu là lủng củng chực muốn rã hùn…

Có tính toán là có trí óc, thiếu trí óc không thể tính toán sắp đặt. Tim có trước, óc có sau; mỗi một bộ phận đều có một giá trị đặc biệt, đều phải ở trong cái lẽ đồng nhất tương quan trật tự biến hóa lưu thông, thiếu đi mất một thì cuộc sống không thể thành tựu. Thế mới biết: trong công cuộc tìm kiếm an lành, sự có mặt của trí óc chưa phải là sai lầm, mà sai lầm ở chỗ hướng ngoại, tranh chấp, phá hùn mà thôi vậy.

Có một lúc gặp nhiều trở lực quá, tinh thần Tam Tạng bị phóng vọt ra ngoài đâm ra thối chí bải oải, bèn than với Ngộ Không rằng: "Ngộ Không ơi! Đường xá xa xôi thế nầy, lại thêm gặp không biết bao nhiêu là yêu quái, biết chừng nào tới nơi tới chốn! – Ngộ Không đáp: Không biết Thầy còn nhớ Tâm Kinh không? – Tam Tạng nói: Tại sao nhà ngươi nói thế, thầy chùa mà không thuộc Tâm Kinh sao? Ta đọc ngược cũng còn được. – Ngộ Không nói: Coi chừng Thầy đọc theo mặt chữ đó! – Ngộ Năng xen: Anh thuộc hay không mà anh làm tàng? – Đáp: Sao không thuộc. – Nói: Anh thuộc, đâu anh thử giảng nghe coi. – Ngộ Không lặng thinh. – Tam Tạng chợt tỉnh bảo: Làm thinh, tức là nó thuộc rồi đó. – Ngộ Không được thế bèn nói: nghĩa là cứ việc làm thinh, làm thinh thấu tới trong ruột, đi hoài chừng nào tới thì thôi.

Thế mới biết: nếu không hướng ngoại thì dù trí óc cũng vẫn diệu dụng vô cùng. Nhược bằng hướng ngoại thì dù tâm linh cũng trở thành sa đọa.

Đoạn 2

PHIÊN ÂM:

Đế viết: dư dĩ văn thiên độ hỉ, nguyện văn khí số hà dĩ hợp chi?

Kỳ Bá viết: Thiên dĩ lục lục vi tiết, địa dĩ cửu cửu chế hội; thiên hữu thập nhựt, nhựt lục cánh nhi châu giáp, giáp lục phục nhi chung tuế tam bá lục thập nhựt phát dã.

Phù! Tự cổ thông thiên giả, sanh chi bổn, bổn ư âm dương, kỳ khí

cửu châu cửu khiếu, giai thông hồ tam khí. Cố kỳ sanh ngũ, kỳ khí tam. Tam nhi thành thiên, tam nhi thành địa, tam nhi thành nhơn. Tam nhi tam chi, hợp tắc vi cửu, cửu phân vi cửu dã, cửu dã vi cửu tạng. Cố hình tàng tứ, thần tàng ngũ, hợp vị cửu tạng dĩ ứng chi dã.

DỊCH:

Huỳnh Đế nói: Trẫm đã được nghe về độ trời, giờ đây muốn nghe về số của khí lấy gì để hợp?

Kỳ Bá thưa: Ở trời lấy 6 nhân 6 làm tiết, ở đất lấy 9 ráp với 9 làm chế hội là: Trời có 10 ngày can(1), đất có 12 ngày chi(2), can chi hợp nhau đủ 6 lần 10 là giáp một vòng trở lại Giáp Tý, và 6 lần Giáp Tý như thế là suốt một năm, tổng cộng có 360 ngày mà thành ra pháp 6 nhân 6 vậy.

Vả chăng! Từ ngàn xưa cuộc sống đồng nhất với thiên nhiên thì đều bắt nguồn từ âm dương. Khí của 9 châu ở đất, 9 khiếu trong con người đều thông đồng với 3 khí(3). Cho nên sanh ra từ 5 mà khí có 3. Trời cũng đủ 3, đất cũng đủ 3, mà người cũng đủ 3; 3 nhân 3 thành 9, 9 chia làm 9 vùng, 9 vùng bên ngoài thông đồng với 9 bộ phận bên trong con người. Cho nên về phần vật chất chứa ở 4 chỗ, về phần tinh thần nương nơi 5 tạng hợp lại thành 9 để ứng số 9 bên ngoài.

CHÚ THÍCH:

(1) **10 ngày Can**: Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, Nhâm, Quý.

(2) **12 ngày Chi**: Tý, Sửu, Dần, Mẹo, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi.

(3) **3 khí**: là một cách nói khác về 6 khí. Vì sao thế? Vì Thái dương hệ chuyển vần, địa cầu lăn động, bao la hồi tụ viên quang; đủ điều kiện

để xảy ra cho địa cầu có bầu khí quyện ly tâm hướng tâm, mà phần từ mặt đất trở lên đến thượng tầng không khí có 3 lớp khác nhau, dưới mặt đất trở vào trung tâm địa cầu cũng có 3 lớp khác nhau. Vòng hướng tâm với vòng ly tâm có khác. Ta đứng trên mặt đất, ta nghiệm thấy 3 lớp không khí bên ngoài cùng với 3 tầng khí dưới lòng đất luôn luôn chuyển vần thay đổi nhau, thành một chuỗi thời gian 6 quãng trong một năm, mà phần dương chỉ có 3, phần âm cũng chỉ có 3. Cho nên hoặc gọi 6 khí, hoặc gọi 3 khí, hoặc gọi 3 âm 3 dương cũng đều cùng một nghĩa.

Một phương diện khác, con người đứng trên mặt đất, khí của 3 âm 3 dương ly tâm hướng tâm xoay chuyển, quãng giữa, chỗ con người đứng là quãng khí giao. Con người ảnh hưởng trọn vẹn làm cho trong cơ thể con người cũng phân ra có 3. Nên cũng có lúc gọi chung cả khí trời, khí đất với khí giao là 3 khí.

GIẢI:

Đoạn nầy Huỳnh Đế tiếp tục theo dõi vấn đề số của khí mà hỏi. Ý của Kỳ Bá trả lời đại lược có hai ý chính: một là lý do nào mà có 6 khớp thời gian khí hậu trong một năm; hai là sự thống hợp của không gian thời gian, thiên văn địa lý, âm dương hình khí xâm nhập vào cơ thể con người.

Ý Huỳnh Đế hỏi: Số của khí lấy lấy đâu để hợp mà gọi là Chế hội?

Hai chữ "*chế hội*" ở câu hỏi đầu tiên của Huỳnh Đế ráp vào con người, đến khi bắt đầu trả lời đoạn thứ nhất thì Kỳ Bá chỉ nhắc khống vấn đề mà thôi. Đến đây hai chữ "*chế hội*" lại được ráp vào với đất; thế là luận giả đang muốn trình bày hết sự thấy biết của mình về cái lẽ đồng nhất tương quan trật tự biến hóa lưu thông trong năng lực linh diệu nhiệm mầu của viên quang hồi tụ mà lớn nhỏ như nhau, bằng cớ là trong con người vẫn đầy đủ trọn vẹn. Cho nên mở đầu câu trả lời của Kỳ Bá ở đoạn nầy tuy có khác chữ "đất", nhưng thực ra cũng chỉ là lặp lại cái ý của đoạn đầu. Tức là muốn nói như thế nầy: vấn đề khí trời có 6 nhân 6 và chế hội của mặt đất có lấy 9 ráp với 9 là bởi lẽ như sau đây v.v. Bởi vậy theo tôi thì câu nầy trong chánh văn ít ra phải viết thêm một chữ "giả" là "kẻ" ở cuối câu, thì câu nầy mới được sáng tỏ (*tức là: Kỳ Bá*

viết: Thiên dĩ lục lục vi tiết, địa dĩ cửu cửu chế hội giả v.v…).

Người ta tìm thấy mỗi năm có 6 quãng khí hậu khác nhau, mỗi quãng chiếm trên dưới 60 ngày, giáp 6 quãng là hết một năm để bắt đầu lại năm sau, là một hệ thống thời gian do sức thống hợp của 5 khí tượng vận hành tự bao la ảnh hưởng vào với 6 khí xoay vần ly tâm hướng tâm của bầu khí quyện.

Cả 5 vận 6 khí đều có phân âm dương, rồi người ta dùng 10 chữ phù hiệu có ý nghĩa khác nhau để lấp vào hiện tượng 5 vận âm dương mà gọi là 10 Thiên can, và dùng 12 chữ phù hiệu khác để lấp vào vòng 6 khí phân âm dương mà gọi là 12 Địa chi, rồi người ta ghép can chi lại để sắp thành một hệ thống vận khí thống hợp, hầu thấy rõ được sức biến hóa của thời gian không gian trong trật tự thiên nhiên. Do phương pháp nầy mà ta có thể thấy được một hiện tượng cứ giáp một vòng 60 là gặp một mối đầu, và 6 nhân 6 lại gặp một mối đầu lớn hơn mà trong một năm đều có đủ. Vòng 60 người ta gọi là vòng Giáp Tý, cũng gọi là vòng vận khí, cũng có khi gọi là vòng can chi; còn vòng 360 thì người ta gọi là vòng châu thiên hoặc gọi là vòng chu kỳ, vì nó là vòng chu kỳ của sự vận hành của quả đất quyện theo mặt trời. Rồi từ con số 60 và 360 ấy, người ta có thể thu nhỏ dần hoặc mở to dần theo điệu toán số kỷ hà, để biết được trật tự thời gian theo hệ thống từng đợt từng đợt khác nhau trong không gian. Cho nên chánh văn gọi tắt là: *"Trời có 10 ngày can, đất có 12 ngày chi, can chi hợp nhau đủ 6 lần 10 là giáp một vòng trở lại Giáp Tý, và 6 lần Giáp Tý như thế là suốt một năm, tổng cộng có 360 ngày mà thành ra pháp 6 nhân 6 vậy"*. Hãy xem kỹ đồ biểu thì rõ.

ĐỒ BIỂU CAN CHI THỐNG HỢP

THIÊN CAN	Giáp	Ất	Bính	Đinh	Mậu	Kỷ	Canh	Tân	Nhâm	Quí
ĐỊA CHI	**Tý**	Sửu	Dần	Mẹo	Thìn	Tỵ	Ngọ	Mùi	Thân	Dậu
	Tuất	Hợi	**Tý**	Sửu	Dần	Mẹo	Thìn	Tỵ	Ngọ	Mùi
	Thân	Dậu	Tuất	Hợi	**Tý**	Sửu	Dần	Mẹo	Thìn	Tỵ
	Ngọ	Mùi	Thân	Dậu	Tuất	Hợi	**Tý**	Sửu	Dần	Mẹo
	Thìn	Tỵ	Ngọ	Mùi	Thân	Dậu	Tuất	Hợi	**Tý**	Sửu
	Dần	Mẹo	Thìn	Tỵ	Ngọ	Mùi	Thân	Dậu	Tuất	Hợi

Từ khi có mặt địa cầu, tất cả vạn loại tuy nương nhờ nơi mặt đất. Nhưng đối với bao la vẫn vốn cùng chung trong một thể đồng nhất tương quan trật tự biến hóa lưu thông, không hề có một mảy may cách bức, mà hiện tượng âm dương vẫn là nguồn cội của mạch sống.

Ta đứng trên mặt đất, địa cầu đang xoay vần trong một vòm bao la vô tận, thời gian vùn vụt trôi qua, tất cả mặt đất phản chiếu ra bầu trời toàn cả bao la đều hồi tụ soi vào quả đất, làm cho hình thế của 9 châu không gian mặt đất với tướng vũ trụ của không gian bao la, cùng 6 khí ly tâm hướng tâm của thời gian khí quyện đều thống hợp mà biến hiện trong muôn loài, mà loài người đầy đủ và rõ rệt nhất. Thế là thiên văn, địa lý, hình khí, không gian thời gian đã kết đúc thành một con người có 9 cửa. Do đó nên chánh văn mới nói: "*khí của 9 châu 9 khiếu đều thông với 3 khí*".

"Khí của 9 châu" là hình thế của mặt đất phản chiếu ra bầu trời. "*Khí của 3 khí*" là khí trời, khí đất giao nhau mà quãng giữa là âm dương gặp gỡ, cho nên gọi là 3 khí. "Khí của 9 khiếu" là cửa phát tiết tự trong con người do thọ hưởng sự giao nhau của trời đất. Cho nên chữ "*khí*" ở nơi đây rất quan hệ, phải được thông qua một cách minh bạch rõ ràng.

Cuộc sống có thời gian trôi chảy, địa cầu có bầu khí quyện âm dương 6 khí ly tâm hướng tâm, quãng khí giao của mặt đất trở nên quan hệ cho mạch sống là tại có động. Nguyên động lực của động là viên quang tịch chiếu, mà 5 vận là 5 thế hiện tượng từ nguyên động lực của

bao la ấy đi vào Thái dương hệ nầy, để kết thành 6 khí 3 âm 3 dương của thời gian mặt đất. Thế là không gian biến động hóa sanh thời gian, mà quan trọng là ở có con người. Thế thì con số 5 ở đây không những là 5 vận, mà còn sẽ là 5 hành, 5 tạng, 5 thần nữa. Cho nên chánh văn mới nói: "sanh ra từ 5 mà khí có 3" là nghĩa thế.

Trong thế viên quang tịch chiếu hồi tụ rung rinh, vạn tượng xoay vần, một là tất cả, tất cả là một, một tức tất cả, tất cả tức một, một không lìa tất cả, tất cả không lìa một vốn nó là một định lý. Thế thì toàn cõi bao la nầy có gì, dù trong một vật nhỏ xíu đến con mắt không thể thấy như siêu nguyên tử, siêu vi trùng chăng nữa cũng phải có đủ tất cả, chớ không lựa là chỉ ở con người. Cho nên đại lược về khí, hễ trời có 3, đất có 3 thì quyết định người cũng phải có 3. Thế nghĩa là sao? – Nghĩa là ngoài trời đất có âm dương giao nhau, thì trong con người cũng âm dương giao nhau; ngoài trời đất có khí trời, khí đất và khí giao, trong con người cũng phải có ba quãng trời đất giao nhau vậy. Thế thì trong cái thế thu nhiếp lẫn nhau mà con người thu nhiếp cả trời đất bao la. Cho nên mới nói: "trời cũng đủ 3, đất cũng đủ 3 và người cũng đủ 3". Thế là trời cũng có 6 khí, đất cũng có 6 khí, mà người cũng có 6 khí *(6 khí của trời là 6 khí của thời gian trong một năm bắt đầu từ sau Đông Chí; 6 khí của đất tức là 6 khí của không gian, của địa lý, là vị trí 6 ngôi của 6 khí chủ mùa trong một năm; 6 khí của người là 3 âm 3 dương trong thân. Những điều nầy sau còn có dịp đi sâu vào chi tiết tỉ mỉ hơn).*

Khi chưa có tôi, trời đất ra sao khỏi phải bàn; khi có mặt tôi, là hiện hữu tất cả; vì thế mà tài nhân trở nên vô cùng quan trọng. Cho nên y gia thường có câu đại lược rằng: "Thân người là bầu trời đất nhỏ, khí huyết phân âm dương v.v.". Thế thì khi có mặt tôi, là chuyện của trời đất đều có tôi; là thiên văn, địa lý với nhân sự không thể tách rời, vũ trụ với nhân sinh không thể là hai chuyện; vạn vật vốn viên thông, tam tài vốn đồng nhất. Trong thế viên thông đó, hễ nói cộng thì cả trời, đất với tôi đều có 3 nên trở thành 9. Và nếu đã là 9 thì trời cũng có 9, đất cũng có 9, mà người cũng có 9. Do đó mà cách nhìn của cổ nhân với cái thế "trời tròn đất vuông" của giác quan mà phân bầu trời làm 9 ô, mặt đất làm 9 vùng, mà nghiệm thấy trong con người cũng có 9 bộ phận. Cho nên chánh văn mới nói: "3 x 3 = 9; 9 chia làm 9 vùng; 9 vùng bên ngoài thông đồng với 9 bộ phận bên trong con người".

Trong thế viên thông thu nhiếp lẫn nhau của năng lực hồi tụ tận tự

bao la, con số 9 nói ở đây chỉ là một sự lập pháp đại lược để áp dụng vào cuộc sống xã hội hằng ngày, hầu con người có thể nương nơi đó hoặc thức tỉnh giấc mộng đêm dài, hay ít nhất cũng không đến nỗi xâm phạm vào guồng máy đồng nhất tương quan trật tự biến hóa lưu thông của thiên nhiên, mà phải vướng kẹt vào vòng đau thương khổ lụy. Và ngôn ngữ văn tự, trí óc tính toán hay máy móc dụng cụ cũng không thể vạch trần đến cùng cực của hóa cơ mầu nhiệm cho được, chớ không phải đến 9 là cùng cực. Điều nầy ta phải nên thận trọng.

Trong con người phân ra tuy có sáu tạng sáu phủ, nhưng Bọc tim phải lệ thuộc sát với Tim, Tam tiêu là phủ không chuyên nhất vào một tạng nào mà là thông đồng các tạng; cho nên chính vị quan trọng chỉ là năm tạng năm phủ. Chữ "phủ" nghĩa là phụ, là tạm chứa. Buồng Mật tuy là phủ của Gan thuộc dương, nhưng nước mật là một thứ tinh hoa từ máu ở Gan chế ra. Phương chi nhiệm vụ của mật đối với các phủ khác hoàn toàn khác biệt, không thể coi như là một nơi tạm chứa vật chất từ bên ngoài đưa vào cho được. Đối với vòng thời gian của sáu khí, buồng Mật lại còn là mối dẫn đầu (điều nầy những đoạn sau sẽ rõ).

Khí vị từ bên ngoài xâm nhập vào bên trong con người, trãi qua bao giai đoạn chế luyện biến hóa tinh vi mà thu liễm súc tích vào năm tạng, hầu nối tiếp cho cơ hiện tượng thần biến của bao la trong mỗi tạng. Do đó mà vật chất theo ăn uống vào cơ thể chỉ có bốn phủ tạm chứa là: Vị, Ruột non, Ruột già và Bàng quang.

Trong kho tàng năng lực viên quang rỗng suốt toàn cõi bao la vốn nó không đâu có thần với không thần, cũng không đâu có linh với không linh. Chính vì chỗ đó mà người xưa gọi là: "bao la vốn chứa đức không ngừng". Thể tính nầy hoặc gọi là huyền, hoặc gọi là thần minh, hoặc gọi là tánh linh, hoặc gọi là linh không vô cực, hoặc gọi là năng lực nguồn cội tinh thần, hoặc gọi là bổn tâm bổn tánh v.v. cũng chẳng qua là nhiều cách nói khác nhau trong một ý nghĩa. Cái năng lực thần minh ấy hồi tụ vào con người theo duyên mà cấu tạo thành một hệ thống tạng phủ khác nhau, mà tạng Tim là đầu dọc là chính yếu.

Vì cơ duyên cấu tạo của mỗi tạng và công năng tinh thần của mỗi khía cạnh khác nhau, nên ở Tim thì gọi là thần, ở Gan thì gọi là hồn, ở Phổi thì gọi là phách, ở Tỳ thì gọi là ý, ở Thận thì gọi là chí; nhưng thực

ra chỉ là một guồng máy tinh thần. Do đó mà chánh văn mới nói: "về phần tinh thần nương nơi năm tạng". Thế là chữ "*thần"* của tạng Tim với chữ "*thần"* là tinh thần trong câu chánh văn, cùng với chữ "*thần"* là thần minh là bổn tánh linh diệu có sự phân biệt khác nhau như thế, ta nên thận trọng.

Nhìn vào năm công năng tinh thần ta thấy:

1. Thần thuộc về huyết, thuộc Hỏa, thuộc về chu lưu. Cho nên Thần là công năng cảm biết.

2. Phách thuộc về khí, thuộc Kim, thuộc về co dãn. Cho nên Phách là công năng bảo vệ.

3. Hồn thuộc về gân, thuộc Mộc, thuộc về xung động. Cho nên Hồn là công năng ứng phó.

4. Ý thuộc về thịt, thuộc Thổ, thuộc về trương nở. Cho nên Ý là công năng khởi nghĩ (*duyên khởi*).

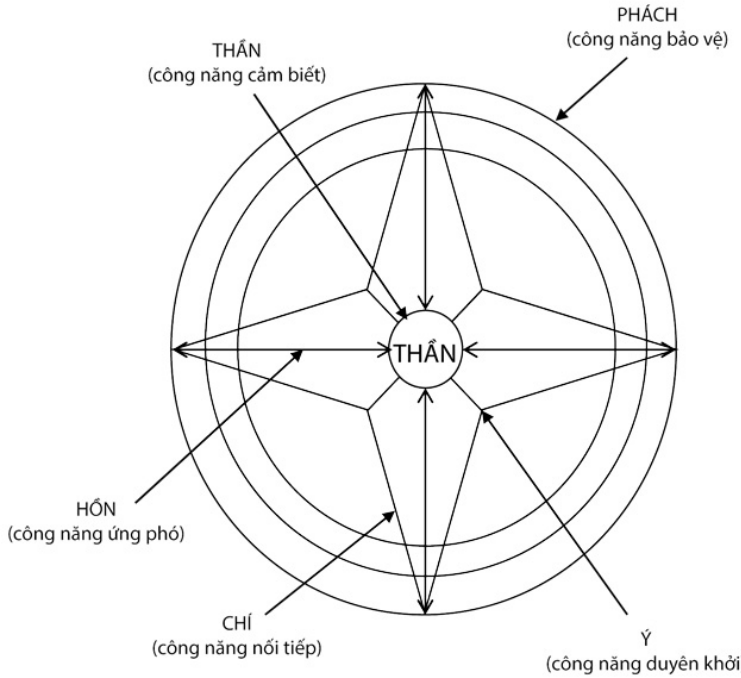
5. Chí thuộc về xương, thuộc Thủy, thuộc về thu liễm đóng cứng. Cho nên Chí là công năng nối tiếp liên tục (*nghị lực).*

Thế là guồng máy tinh thần trong nội tạng ta có thể tưởng tượng ra hình bên cạnh (xem hình vẽ Năm công năng tinh thần trong nội tạng)

Vì hiện tượng tinh thần chỉ ứng hiện theo năm tạng, và sự chứa đựng vật chất chỉ theo bốn phủ. Nên chánh văn mới nói: "*Hợp thành chín bộ phận để ứng với khung cảnh bên ngoài"*.

HÌNH VẼ 9.3: NĂM CÔNG NĂNG TINH THẦN TRONG NỘI TẠNG

(Vẽ theo tưởng tượng)



BÌNH:

Nàng đi đâu biền biệt

Chờ mong bặt bóng hình

Ngày tháng trôi qua mất

Trăng thu lạnh đầu ghềnh!

Hết thảy tướng đều tổ hợp, dù tướng nhỏ như siêu nguyên tử, siêu vi trùng. Hết thảy tướng tổ hợp đều là hiện tượng huyễn hóa vô thường, dù tướng đó có to bằng tướng vũ trụ cũng thế.

Tôi là đầu mối của sự việc, là hậu quả của cái tướng. Không có

tướng thì cũng không có tôi, không có tôi thì cũng không có vấn đề. Không có tướng thì không gian còn không có làm gì có thời gian, và làm gì có thời gian với không gian là hai?! Thế mới biết: thời gian với không gian chỉ là hiện tượng trong hiện tượng, là cái nương theo tướng mà sanh, là cái hiện tượng Tôi nhận định hiện tượng trong hiện tượng, là tướng biến hóa của Thái dương hệ nầy. Thế mới biết: "thời gian không gian của Thái dương hệ nầy, vị tất là thời gian không gian của Thái dương hệ khác.

Nếu tất cả tướng trong bao la nầy đều được giải tán hết đi, thì thời gian không gian lấy đâu mà tồn tại?! Thế là thời gian không gian còn không có, làm gì có cái không thời gian và không không gian?!

Nếu tôi đừng quên rằng: tất cả tướng đều là hiện tượng trong kho tàng năng lực viên quang rỗng suốt, thì tôi sẽ thấy hễ là tướng thì không có một khe hở nào là không tướng, hễ là không tướng thì cũng không thể có một tướng nào không phải là không. Thế mới biết: Không còn không có làm gì có tướng, tướng còn không có làm gì có không. Không với tướng bổn lai vốn vắng lặng, vốn không khác, vốn không kẹt trong tên chữ thì cái trời đất, cái âm dương, cái thời gian không gian, cái Tôi lấy đâu mà kẹt?!

Tôi sợ thời gian không gian quá, tôi xô nó ra, tôi khỏa lấp nó, tôi muốn quên phứt nó đi. Thế là tôi kẹt vào cái Tôi, mà tôi cũng kẹt vào thời gian không gian nữa. Vì sao thế? Vì như thế tôi thấy cái Tôi chắc thực quá, thời gian không gian cũng có thiệt quá!

Tôi không sợ thời gian không gian, tôi vẫn sống như bao nhiêu loài khác, tôi không biết gì hết về nó thì tôi cũng không biết gì hết về tôi. Thế là tôi kẹt vào cái Tôi mà tôi cũng kẹt vào thời gian không gian nữa. Thế là tôi cũng vẫn thấy tôi cùng thời gian không gian đều là vật đóng cứng. Thế mới biết: hiện tượng Tôi với hiện tượng thời gian không gian quả là hiện tượng trong hiện tượng. Thế mới biết: chấp nhận thời gian không gian hay phủ nhận thời gian không gian đều có thể là sản phẩm của cái Tôi, là hậu quả của vướng kẹt, chỉ có thông đạt là lưu thông thấu suốt.

Thời gian không gian và cái Tôi là cái vạc ba chân, hễ có mặt Tôi là có mặt thời gian không gian, có mặt thời gian không gian là có mặt tôi.

Nếu tôi không biết gì hết về tôi, thì tôi cũng không biết gì hết về thời gian không gian; tôi không biết gì hết về thời gian không gian, thì tôi cũng không biết gì hết về tôi. Tôi đã không biết gì hết về tôi, cũng như không biết gì hết về thời gian không gian, thì dù cho tôi là đại đức, thượng tọa, hòa thượng, linh mục, giám mục, hay giáo hoàng, hoặc tôi là lãnh tụ của một tôn giáo nào khác, hoặc tôi là vua chúa, hay một nhân vật tối cao của tổ chức nhà nước nào đó, hoặc tôi là một nhà khoa học vật chất; cũng không vì thế mà tôi không phải là phàm phu, và có thể lắm – Tôi còn phàm phu nặng nề hơn bao nhiêu thứ phàm phu khác không biết chừng! Ngược lại nếu tôi thông đạt về tôi, cũng như về thời gian không gian thì dù cho tôi là ăn mày, là đạp xích lô, là quét cầu tiêu mướn, là mặc bộ đồ rách rưới đi lang thang ngoài đường cũng không vì thế mà tôi trở nên là không thông đạt. Và khi tôi đã thông đạt cái Tôi cùng thời gian không gian rồi, thì có tướng nào là tướng không phải tôi, chỗ nào là chỗ không phải thời gian không gian, lúc nào là lúc không có mặt tôi, nơi nào là nơi không có mặt không gian, lúc nào là lúc không có mặt thời gian. Thế là tôi và thời gian không gian vốn không phải một cũng không phải khác. Thế mới biết: Chớp mắt với một triệu năm bổn lai bình đẳng, trọn cả bao la vô tận với một lỗ đầu kim bổn lai không có rộng hẹp trong ngoài. Thế là từ đây tôi sống, tôi mãi mãi sống. Và vấn đề thời gian không gian đối với tôi không còn có nơi nào lúc nào là nơi là lúc tốt với không tốt. Thế mới biết: thâu bao la vũ trụ vào trong một lỗ chân lông, là một việc chẳng khó khăn gì mấy. Huống chi là thâu trật tự vận hành của thời gian không gian trong Thái dương hệ nầy vào một con người, vào 6 bộ mạch cổ tay?! Và đã thu cái cực lớn vào cái cực nhỏ được, thì cũng có thể mở cái cực nhỏ ra thành cái cực lớn được. Thế mới biết: Chuyện đập vỡ một hột bụi lấy ra ba tạng kinh điển của nhà Phật vốn không ngoa vậy.

Nếu vấn đề thời gian, không gian và cái Tôi tôi chưa tiêu nổi, thì dù cho tôi có gặp Chúa, gặp Phật, gặp Thượng đế, gặp chân lý gì gì ấy, cũng chẳng qua là những món hàng giả tạo của cái Tôi. Và dù cho tôi không muốn gì cả cũng là một thứ dục vọng, không tin gì cả cũng là một thứ mê tin. Và tôi đối với trời đất bao la chỉ là một thứ để "bị" mà thôi vậy.

Đoạn 3

PHIÊN ÂM:

Đế viết: Dư dĩ văn lục lục cửu cửu chi vị dã. Phu tử ngôn tích khí dinh nhuận, nguyện văn hà vị khí ? Thỉnh phu tử phát mông giải hoặc yên.

Kỳ Bá viết: Thử Thượng đế sở bí, tiên sư truyền chi dã.

Đế viết: Thỉnh toại ngôn chi.

Kỳ Bá viết: Ngũ nhựt vị chi hậu, tam hậu vị chi khí, lục khí vị chi thời, tứ thời vị chi tuế, nhi các tùng kỳ chủ trị yên. Ngũ vận tương tập nhi giai trị chi, chung kỳ chi ngoạt châu nhi phục thỉ, thời lập khí bố, như hoàn vô đoan, hậu diệc đồng pháp.

Cố viết: bất tri niên chi sở gia, khí chi thạnh suy, hư thiệt chi sở khởi bất khả dĩ vi công dã.

DỊCH:

Huỳnh Đế nói: Trẫm đã được nghe vấn đề sáu sáu chín chín rồi, nhưng trong đó Phu tử có nói: Chứa khí dư mà thành năm nhuận. Vậy thế nào là khí dư? Xin phu tử giải rõ cho.

Kỳ Bá thưa: Đây là chỗ Tiên đế quý trọng và Tiên sư truyền lại.

Huỳnh Đế nói: Xin nói rõ cho nghe.

Kỳ Bá thưa: 5 ngày gọi là hậu(1), 3 hậu gọi là khí(2), 6 khí gọi là mùa, 4 mùa gọi là năm, trong trật tự phần nào chủ trị theo phần nấy.

Năm vận(3) gối đầu nhau, vận nào chủ trị theo vận nấy, suốt đến ngày chót tháng chót giáp vòng rồi lại bắt đầu, mùa lập khí bủa, như vòng không mối; cho đến nhỏ như hậu cũng phải như vậy. Nên nói: Nếu không biết gì hết về niên vận, và khí thạnh suy

trong mỗi năm, cũng như về cái lẽ khởi lên hư thiệt, thì không thể là lương y được.

CHÚ THÍCH:

(1) **Hậu**: nghĩa là chiêm nghiệm, tức là nhìn hiện tượng từng giai đoạn để biết sự biến hóa của khí. Thí dụ như: 5 ngày đầu của tháng Giêng thì có gió Đông làm cho tan giá; 5 ngày thứ hai thì loài trùng đóng kén bắt đầu hoạt động; 5 ngày thứ ba cá vọt lên mặt nước, thì ta biết được mỗi một chặng nói trên là một hiện tượng và một trình độ khí dương phát động.

(2) **Khí**: chữ "*khí*" ở đây có nghĩa là chữ "*tiết*" trong âm lịch. Như tháng Giêng là tiết Lập Xuân, tiết Vũ Thủy v.v…

(3) **Năm vận**: là 5 khí tượng vận hành. Là sức ảnh hưởng 5 khí tượng của 5 hướng hồi tụ vào quả địa cầu, với sức ảnh hưởng của 5 hành tinh gần với địa cầu trong Thái dương hệ nầy là: Kim tinh, Mộc tinh, Hỏa tinh, Thủy tinh và Thổ tinh, làm cho mỗi năm có một vận chủ động ở mặt đất, hợp với 6 khí tư thiên tại tuyền của bầu khí quyện ly tâm hướng tâm, và 6 khí chủ mùa suốt trong một năm. Nhưng vì còn vận âm, vận dương (*vận thái quá và vận bất cập*) để làm thành mỗi năm thời tiết, khí hậu mỗi khác.

GIẢI:

Đại ý đoạn nầy Huỳnh Đế hỏi về vấn đề khí dư dồn lại để thành năm nhuận và Kỳ Bá giải đáp cũng vẫn chưa rồi.

Ý Kỳ Bá nói, hiển nhiên trên thực tế ta thấy những vùng thuộc về giữa bụng quả địa cầu, trật tự thời gian khí hậu trong suốt một năm có: 5 ngày một khớp nhỏ, 15 ngày một khớp kế, 6 khớp 15 ngày thành một khớp to và 4 khớp to tức là 4 mùa kết lại thành một năm, đâu đó đều có trật tự; đại lược là như thế, mà nguyên nhân là bởi sự vận hành của Thái dương hệ như đã nói ở đoạn đầu. Chỉ có phần khí với hậu trong suốt một năm chưa được trình bản chỉ dẫn.

BẢNG CHỈ DẪN VỀ 12 THÁNG, 4 MÙA, 24 KHÍ, 72 HẬU.

Tháng Giêng:

Lập Xuân:

Hậu 1 – Gió Đông thổi giá tan (khí dương hòa vừa đến).

Hậu 2 – Trùng đóng kén bắt đầu động.

Hậu 3 – Cá vọt lên mặt giá.

Vũ Thủy:

Hậu 1 – Loài rái tế cá (lúc nầy cá mập và hiện ra nhiều, nên loài rái trước khi ăn tế cá).

Hậu 2 – Nhạn về Bắc.

Hậu 3 – Cây cỏ nẩy mầm (là lúc bắt đầu cày vỡ đất).

Tháng Hai:

Kinh Trập:

Hậu 1 – Đào bắt đầu trổ hoa (vì khí dương hòa đến đây lần thạnh).

Hậu 2 – Chim Thương Canh kêu (chim Oanh).

Hậu 3 –Chim Ưng hóa làm chim Cưu (để đến sang Thu lại hóa

làm chim Ưng).

Xuân Phân:

Hậu 1 – Én về.

Hậu 2– Sấm nổ (nghĩa là dương ở trong âm muốn vọt ra nên nẩy tiếng).

Hậu 3 – Bắt đầu điển xẹt (nghĩa là khí dương đã phát).

Tháng Ba:

Thanh Minh:

Hậu 1 – Ngô đồng bắt đầu trổ hoa.

Hậu 2 – Chuột đồng hóa làm chim Vỏ Vẻ và Mẫu Đơn trổ hoa (nghĩa là khí dương thạnh nên chuột hóa làm Vỏ Vẻ, đến khí âm thạnh thì Vỏ Vẻ lại hóa thành chuột).

Hậu 3 – Trùn hiện lên mặt đất (nghĩa là khí âm dương giao hội, mây mỏng mặt trời xuyên qua mưa làm cho trùn thấy bóng mặt trời, cho nên nổi).

Cốc Vũ:

Hậu 1 – Bèo bắt đầu sanh.

Hậu 2 – Con Cu kêu đập cánh (là hiện tượng mùa ruộng đến gấp).

Hậu 3 – Chim Đái Thắng đáp ruộng dâu.

Tháng Tư:

Lập Hạ:

Hậu 1 – Dế nhủi kêu.

Hậu 2 – Trùn nổi mặt đất.

Hậu 3 – Bí rợ nứt mộng.

Tiểu Mãn:

Hậu 1 – Rau đắng xanh (vì nóng dữ).

Hậu 2 – Đình Lịch chết.

Hậu 3 – Lúa mì chín.

Tháng Năm:

Mang Chủng:

Hậu 1 – Ngựa trời đẻ.

Hậu 2 – Chim Bá Lao kêu (con Cút?)

Hậu 3 – Chim Phản Thiệt không gáy.

Hạ Chí:

Hậu 1 – Hươu rụng sừng.

Hậu 2 – Ve bắt đầu kêu.

Hậu 3 – Bán Hạ mọc.

Tháng 6:

Tiểu Thử:

Hậu 1 – Gió ấm thổi.

Hậu 2 – Dế làm tổ dưới chân tường.

Hậu 3 – Chim Ưng bắt đầu cắn nhau (vì cảm khí âm bèn phát sanh tâm sát).

Đại Thử:

Hậu 1 – Cỏ mục sanh đom đóm.

Hậu 2 – Mặt đất lầy.

Hậu 3 – Mưa dầm.

Tháng Bảy:

Lập Thu:

Hậu 1 – Gió mát đến.

Hậu 2 – Bạch lộ sa.

Hậu 3 – Ve lạnh kêu.

Xử Thử:

Hậu 1 – Chim Ưng tế chim.

Hậu 2 – Khí trời bắt đầu se.

Hậu 3 – Lúa sớm chín.

Tháng Tám:

Bạch Lộ:

Hậu 1 – Chim Hồng Nhạn đến.

Hậu 2 – Én đi.

Hậu 3 – Các loài chim đều dự bị lương thực.

Thu Phân:

Hậu 1 – Sấm bắt đầu gom dần.

Hậu 2 – Loài trùn đóng kén bít cửa.

Hậu 3 – Nước bắt đầu khô.

Tháng Chín:

Hàn Lộ:

Hậu 1 – Chim Hồng Nhạn về muộn.

Hậu 2 – Chim Sẻ chui vào nước lớn hóa Sò huyết.

Hậu 3 – Cúc vàng trổ.

Sương Giáng:

Hậu 1 – Chó Sói tế thú.

Hậu 2 – Cỏ cây úa rụng.

Hậu 3 – Trùn đóng kén nằm yên.

Tháng Mười:

Lập Đông:

Hậu 1 – Nước khởi đóng giá.

Hậu 2 – Đất bắt đầu nẻ.

Hậu 3 – Chim Trĩ nhào xuống nước lớn biến làm Trai.

Tiểu Tuyết:

Hậu 1 – Trùn ẩn.

Hậu 2 – Khí trời bốc lên, khí đất rút xuống.

Hậu 3 – Bế tắc mà thành mùa Đông.

Tháng Mười Một:

Đại Tuyết:

Hậu 1 – Con Ngũ Linh không kêu.

Hậu 2 – Cọp chịu đực.

Hậu 3 – Cỏ Mã Lan đâm chồi.

Đông Chí:

Hậu 1 – Trùn đất thun lại.

Hậu 2 – Nai rụng sừng.

Hậu 3 – Nước suối đọng.

Tháng Mười Hai:

Tiểu Hàn:

Hậu 1 – Nhạn lớn về Bắc.

Hậu 2 – Quạ bắt đầu làm ổ.

Hậu 3 – Chim Trĩ kêu.

Đại Hàn:

Hậu 1 – Gà có trứng.

Hậu 2 – Chim Ưng hung ác.

Hậu 3 – Nước ao đóng cứng.

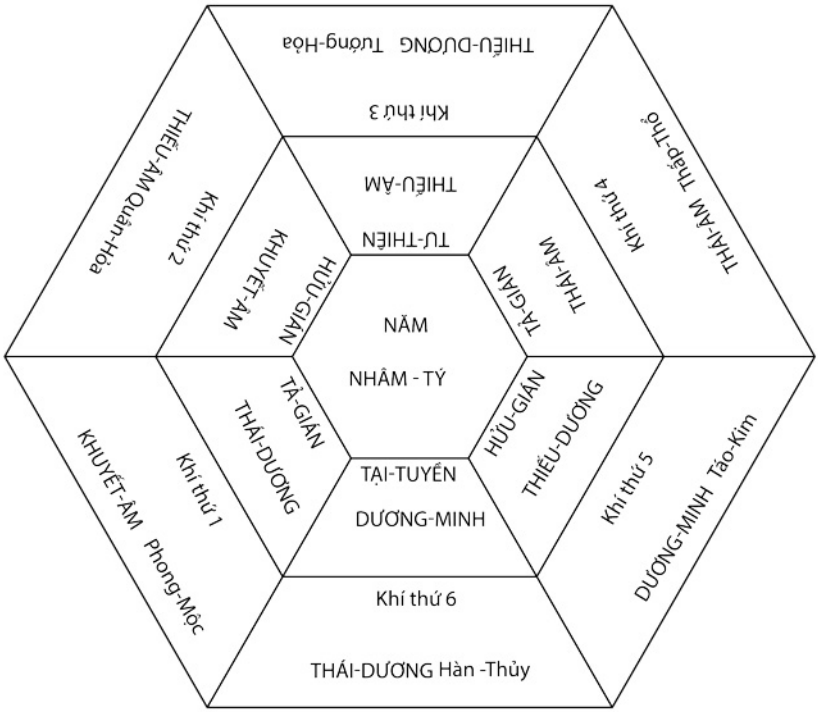
Bảy mươi hai hiện tượng của 72 hậu trên đây cũng từ trong lịch pháp mà các nhà chú thích trích ra để giải thích cho đoạn trên, không biết có hoàn toàn đúng không; nhưng thực ra vẫn có nhiều điều đúng, do đó nên trưng dẫn hết ra đây để tất cả cùng chung nghiệm xét, rồi sau nầy sẽ có dịp gặp lại trong những thiên khác. Nhưng thực ra phần ý nghĩa muốn nói trong 72 hậu chẳng qua cũng chỉ là diễn tả một định luật âm dương tiêu trưởng, nhích lên nhích xuống trong một năm. Nếu ta nắm vững ý nghĩa nầy, thì những hiện tượng nói trên đây đều chẳng qua là một cách phô diễn. Nếu biết được như thế, thì mới không bị kẹt vào vòng hiện tượng vậy.

Ta đứng trên mặt đất, ta chịu ảnh hưởng sức xoay vần của quả địa cầu tương quan với mặt trời mặt trăng theo vòng thời gian sáu khí của bầu khí quyện, làm cho mỗi năm vòng ly tâm hướng tâm ở phần thượng tầng bầu khí quyện có một khí chủ (tư thiên), trung tâm quả địa cầu có một khí chủ (tại tuyền), trên dưới nối nhau còn bốn khí nữa gọi là khí Gián, quãng mặt đất là nơi trên dưới giao nhau gọi là khí Giao; đây mới là chuyện gần nhất. Ngoài ra còn năm hành tinh xoay vần thay nhau ảnh hưởng vào mặt đất, cùng với sự phản chiếu của khí tượng bốn hướng bầu trời trong bao la, làm thành năm động lực quan trọng cho quả địa cầu, nên gọi là năm vận. Năm động lực nầy có khi lên khi xuống, chế hóa xen kẽ lẫn nhau, do đó mà lập ra 10 chữ phù hiệu của Thiên can.

Vì ảnh hưởng cái thế tròn sáng không có trong ngoài của bao la, làm cho sự thống hợp của thời gian không gian, vận khí, năm tháng, ngày giờ cũng đều chung một nguyên tắc lớn nhỏ như nhau. Và năm, mùa, khí,

hậu đều có bàn tay của 5 vận xen vào. Cho nên 5 năm, 5 mùa, 5 hành, 5 ngày, 5 tạng, 5 thần v.v… đều là hóa thân của 5 vận. Nhưng không vì thế mà trật tự của năm tháng ngày giờ trở nên không có ngăn nắp. Cho nên mỗi năm đều có một bộ khí vận: Tư thiên, tại tuyền, khí giao, khí chủ khác nhau mà trong một năm cũng vẫn có đủ, để ấn định cái lẽ biến hóa trong năm đó. Thí dụ như năm Nhâm Tý theo đồ biểu dưới đây (xem đồ biểuVận khí năm Nhâm Tý)

HÌNH 9.4: ĐỒ BIỂU VẬN KHÍ NĂM NHÂM TÝ



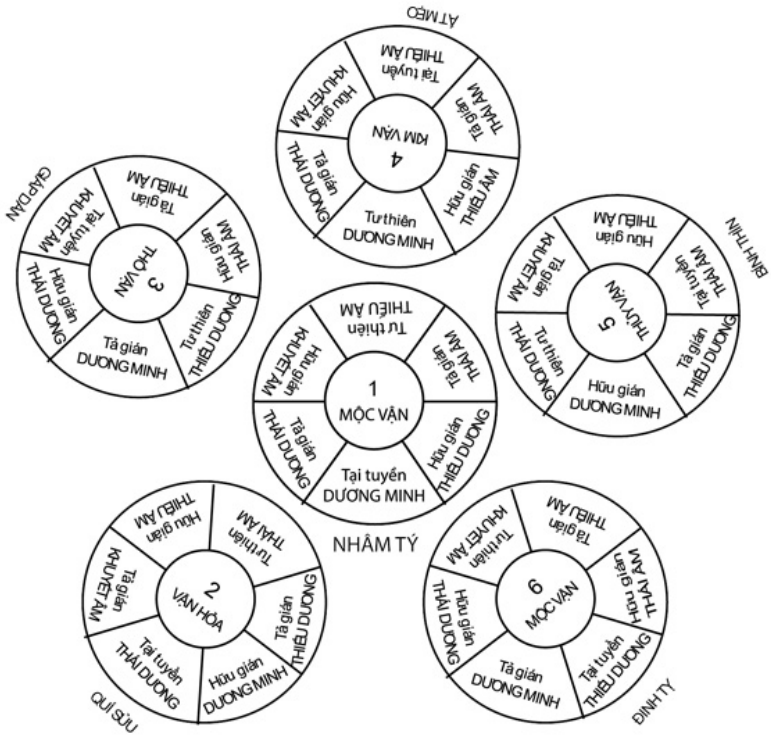
Và cứ 5 đợt là giáp một vòng, 5 năm cũng thế, 5 mùa cũng thế, 5 tháng cũng thế, 5 ngày cũng thế, 5 giờ cũng thế và cứ giáp một vòng rồi lại bắt đầu. Cho nên chánh văn mới nói: "Năm vận gối đầu nhau, vận nào chủ trị theo vận nấy, suốt đến ngày chót tháng chót giáp vòng rồi lại bắt đầu, mùa lập khí bủa, như vòng không mối, cho đến nhỏ như hậu cũng phải như vậy".

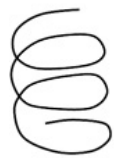
Tuy nhiên nói "như vòng không mối", nhưng thực ra không phải là vòng tròn mà là vòng theo điệu lò xo. Vì sao thế? Vì vòng trước với vòng sau tuy giống nhau nhưng âm dương thái quá bất cập có khác, hãy cứ nhìn kỹ đồ biểu thí dụ (xem đồ biểu vòng 5 vận lò xo).

Nếu ta giàu tưởng tượng ta sẽ thấy bánh xe 5 vận từ bao la nhích qua một răng, thì bánh xe chu kỳ của quả đất xoay chung quanh mặt trời một vòng, nghĩa là nó đã vượt qua 5 răng của 5 mùa rồi v.v., cứ như thế mà nhỏ giọt xuống đến hậu, hãy suy ngẫm cho kỹ sẽ thấy rõ. Vì những lẽ nói trên, mà vận khí mỗi năm luôn luôn đổi thay biến hóa. Và vấn đề khí thừa tạo thành năm nhuận cũng khởi từ đây. Cho đến khi đã có nhuận, rồi lần đến hết nhuận, rồi lại bắt đầu nhuận lại vốn có vòng chu kỳ. Cứ như thế mà luân lưu.

Con người đối với thiên nhiên như cá trong nước, cuộc sống phải thuận theo biện chứng biến hóa của trật tự thiên nhiên. Nhưng khốn thay, về phần con người đã chẳng được mấy ai lưu tâm đến cái lẽ đồng nhất tương quan trật tự biến hóa lưu thông của cõi thiên nhiên. Thế nên cuộc sống của xã hội loài người đã chỉ là một trường phá hoại, mà khung cảnh trật tự thiên nhiên lại cũng không thể không có những hồi trái biến bất thường, làm cho cuộc sống của con người không khỏi xảy ra muôn vàn đau thương khổ lụy. Cho nên nếu muốn cứu vãn tình thế đau khổ của con người, mà trên không trên thông thiên văn, dưới không đạt địa lý, không rõ sự thăng trầm thay biến của vận khí mùa màng, cũng như không thấu rõ nhân sự tình người, thì quyết định không thể nhúng tay vào. Cho nên chánh văn mới nói: "Nếu không biết gì hết về niên vận và khí thạnh suy trong mỗi năm, cũng như về cái lẽ khởi lên hư thiệt, thì không thể là lương y" là nghĩa thế.

HÌNH 9.5: ĐỒ BIỂU VÒNG NĂM VẬN THEO THẾ LÒ XO





Lò xo

BÌNH:

Có lúc người ta nói: "Người xưa bảo trời đất xoay vần giáp vòng rồi trở lại, thế là người xưa tìm thấy vũ trụ vận chuyển theo vòng tròn". Nghe qua không cần suy nghĩ, tôi vội tin liền. Rồi một lúc khác nghe người ta nói: "Quả đất đứng yên một chỗ và đây là trung tâm vũ trụ, tất cả đều xoay quanh", và cũng có những bằng cớ lý luận. Nghe qua khoái quá, tôi cũng vội tin mà cho rằng người xưa là lạc hậu. Rồi một lúc khác tôi nghe người ta nói: "Không phải thế, mặt trời vẫn đóng đanh ở một chỗ mà tất

cả đều xoay quanh và quả đất to lắm", rồi cũng có lý cứ lập luận, tôi cũng vội tin theo mà cho là tất cả từ trước đều sai lầm. Rồi một lúc khác, người ta đưa ra là "vũ trụ nầy đều chuyển vần theo thế hình đĩa xoáy ốc mà bao la nầy quyết định phải có chủ tể riêng tư", rồi cũng có lý luận, có bằng cớ, có hình chụp. Hấp dẫn quá! Tôi cũng lại tin, và cho rằng phải như thế mới là khoa học, ngoài ra tất cả đều là mê tin. Đến khi nghe nhà Phật nói: "Tất cả đều từ tâm" (chữ "tâm" của tôi hiểu đây lại không phải là chữ "tâm" của ông Phật muốn nói), làm tôi bật ngửa bật nghiêng không biết đâu mà rờ. Đến khi nghe người ta nói: "Tất cả đều không phải, vũ trụ nầy vận chuyển theo chiều trôn ốc lò xo và hết thảy chỉ là vật chất"; và thiên hạ ùn ùn ùa theo đông quá, tôi lại cũng quýnh mà gia nhập vào thành một phong trào gọi là duy vật, rồi tôi cũng ùa theo lượn sóng tranh chấp vật chất tàn hại lẫn nhau.

Đến nay suốt mấy mươi năm trời mệt mỏi với lòng mê tin, tê dại với bao nhiêu liều thuốc đắng, đêm trường canh vắng, lắng lòng quán xét suy tư, thâm nhập vào vấn đề vận khí, mới hay ra rằng: Tôi đã phải tốn hơn nửa đời ngu ngoan đui điếc, và tôi chẳng hiểu tí gì về người xưa, mà cũng chẳng hiểu tí gì về sự thật. Vậy mà có nhiều người cho tôi là thông minh, là hiểu biết. Trời ơi! Giá lỡ tôi thông minh thêm một chút nữa, và hiểu biết thêm một chút nữa thì cảnh tượng sẽ ra sao? Ôi! Té ra trong khi tôi ôm máy ảnh để chụp lấy những cảnh trí bên ngoài, mà tôi lại nhảy lung tung chang cháng, nên tất cả những cảnh tôi chụp được toàn là thứ quái gỡ dị kỳ. Thế mới biết: Mấy mươi năm ngu ngoan đui điếc của tôi chẳng qua bởi tôi quên điều chỉnh lại cái máy Tôi, nên tôi bị cái Tôi lung tung nhảy chang cháng nó gạt gẫm mà không hay biết. Và lạy trời cầu mong sao thế gian nầy càng ít người lâm vào tình trạng như tôi càng hay! Và giờ đây tôi quay về với cái Tôi, hầu đặt lại nền tảng tự do khám phá, âu cũng là một cách sám hối ăn năn vậy.

Tim có trước, óc có sau. Tim thuộc về tâm, thuộc về thần; óc thuộc về trí, thuộc về lý lẽ. Thế mới biết: Tim với tâm là gốc, trí với óc là ngọn.

Cuộc sống không có gốc là cuộc sống ngắc ngoải, hoi hóp hơi tàn; cuộc sống không có ngọn là cuộc sống cùi đài trơ trọi. Thế mới biết: có trí mà không tâm hoặc có tâm mà không trí đều chưa phải là cuộc sống sum suê, cuộc sống lấy trí óc làm gốc là cuộc sống chổng đầu.

Mắc kẹt vào cái rọ Tôi là mắc kẹt vào cái rọ thời gian không gian,

mà cũng là mắc kẹt vào cái rọ trí óc chổng đầu, mắc kẹt vào cái rọ nhảy chang cháng. Khi mắc kẹt vào cái rọ Tôi chổng đầu, nhảy chang cháng mà nói thông được thiên văn, đạt được địa lý, suốt được nhân sự, cũng như rõ thấu được vấn đề vận khí, thì cũng chẳng qua là một thứ thông đạt quán rõ của cái chổng đầu, nhảy chang cháng mà thôi. Thế mới biết: Chữ "thông", chữ "đạt" hay chữ "quán", chữ "biết" của trong thiên nầy quyết định đều là việc sau khi điều chỉnh cái máy Tôi vậy.

Một buổi ban mai lưng trời trong sáng, chỉ một mình trong cõi tịch mịch cô liêu, ngồi nhìn trời nhấp chung trà lạt, thuận theo đà thanh tịnh, hồi tưởng lại sự điên dại của trí óc mà bắt tủi hổ cho chính con người của mình:

Có một lúc nào người ta đem câu chuyện "con lươn hóa thành con chồn đèn". Nhân gặp hồi có nhiễm chút ít mồ hôi của khoa học vật chất tôi thẳng tay mạt sát thậm tệ về tinh thần chuyện ấy, và còn ghét cay ghét đắng những bọn tu hành. Tôi cho rằng: đời nào lại có chuyện không có con đực con cái mà lại có con con, giá nếu cả cõi đời nầy đều tu hành hết thì quả đất nầy sẽ biến thành cõi ma.

Rồi một lúc khác bỗng dưng báo chí rùm lên về vấn đề "người nam biến thành người nữ, người nữ biến thành người nam", rồi các ông bác sĩ, các nhà bác học đều đổ xô vào cắt nghĩa thêm cho thành lý lẽ. Nghe qua tự nhiên tôi lại chấp nhận khan và phục tinh thần khoa học vật chất quá! Đến khi có dịp tôi được đọc qua tài liệu khoa học, các nhà bác học bàn tán với nhau về vấn đề "trên tinh cầu nầy có sinh vật, tinh cầu kia không có sinh vật", thì bỗng dưng tôi lại nhớ ra chính mình đây cũng là một sinh vật của một tinh cầu ở giữa trống khơi khơi, rồi tôi bỗng giật mình. Có một năm nào ấy có người bạn đến chơi bảo tôi: Anh có thể tin được rằng chiếc đồng hồ tôi đang đeo đây bỗng dưng khi không mà có được không? Tôi đáp: Làm gì có chuyện thế. Người bạn bảo: Thế sao vũ trụ nầy lại không có ai làm ra? Tôi ngồi thừ ngơ ngẩn. Rồi từ đấy về sau trong óc tôi phảng phất một ông Đức Chúa trời hoặc Thượng đế hay gì gì ấy cũng được, và từ đó lòng tôi luôn luôn mong mỏi về một cõi hạnh phúc xa xăm; thế mà tôi nhìn ra tất cả những người thờ cúng đều là những kẻ si dại mê tin. Như thế nghĩa là sao? Nghĩa là trong óc tôi trong một lúc vừa quyết định rằng: không có vật gì hóa sanh, mà cũng vừa chấp nhận rằng: hiển nhiên là có việc hóa sanh; lại cũng vừa chấp nhận việc hóa sanh, mà cũng vừa chấp nhận có đấng sáng tạo như là một

người, lại cũng vừa chống việc mê tin. Thế là trong tôi thực ra chỉ là một khối xà nùi mâu thuẫn u mê ám độn, chẳng hiểu tí gì. Rồi một năm nào lên đỉnh Pháp Vân tôi bắt gặp loài mối khi đầu mùa mưa mọc cánh bay lên, con nào gãy cánh rơi xuống mặt đất thì lại tìm chỗ ẩn náu mà biến dần trở thành loài cuốn chiếu, rồi từ đó lại cuốn chiếu đẻ ra cuốn chiếu.

Trải bao va chạm thăng trầm tôi trở về với tôi, tôi mới hay rằng: Cái lẽ duyên khởi, duyên sanh, biến hóa, hóa sanh, sanh đẻ là chuyện hiển nhiên trong trời đất, mà quả địa cầu buổi đầu cũng chỉ là một hột bụi nước giữa hư không, cho đến mãi ngày nay đủ cả hùm beo lang sói, mà có vấn đề là bởi có tôi. Thế là giấc mơ muôn thuở một phút sực tỉnh bàng hoàng.

Giờ đây bắt gặp NỘI KINH đang bàn về tác dụng hóa sanh của vận khí, làm cho tôi tỉnh càng thêm tỉnh mà nhận ra trước đây 5-6 ngàn năm cổ nhân đã nhìn trọn cái bao la nầy chỉ là một nguồn năng lực viên quang tịch chiếu, hóa sanh biến hóa, duyên khởi khởi duyên; và họa phúc bổn lai không có ai gieo rắc, chỉ tại con người điên dại mà tự chuốc lấy vào thân; và những danh từ nào Hóa công, Tạo hóa, nào Thợ tạo đều chẳng qua là những danh từ để ám chỉ vào nguồn năng lực cấu tạo vạn loại bằng cách biến hóa nhân duyên, mà lại có những kẻ vì mê muội lồng thêm vào những chữ như "ông", như "đấng" để biến thành một thứ thần tượng thế gian, hầu đầu cơ tôn giáo tín ngưỡng một cách say sưa tàn nhẫn. Thế mới biết hai câu:

Phủ phàng chi bấy hóa công,

Ngày xanh mòn mỏi má hồng phôi pha.

Là để đặt vào cho những kẻ thơ ngây chưa hiểu gì hết về hệ thống tương quan nhân quả trên hiện tượng vậy.

Quả thật! Quả thật! Khi tôi chưa biết gì hết về chính con người của tôi, thì dù cho kiến thức của tôi có chồng chất như non chăng nữa, cũng chẳng qua là một thứ chực đổ chết người, đến khi đục nước cùng đường rồi mới hay chỉ là cả một chuỗi dài mê muội, khôn xiết ăn năn.

Có lúc tôi đọc *Kinh Hoa Nghiêm* mô tả những cảnh trí huyền bí và những danh từ như "lý vô ngại, sự vô ngại, lý sự vô ngại, sự sự vô ngại", nào pháp giới trùng trùng duyên khởi. Mùi danh từ làm cho tôi choáng váng mờ mịt mà cho rằng: chỉ có *Kinh Hoa Nghiêm* mới nói được sự thật, còn Kinh Dịch và NỘI KINH chẳng qua chỉ là một thứ còi cọc cùi đài. Đến nay tôi mới hay ra rằng: đây cũng là một thứ nhìn của chổng đầu, nhảy chang cháng mà thôi. Thật là cả một trường xấu hổ đáng tiếc.

Có người hỏi: Nói rằng: "Lương y là phải trên thông thiên văn, dưới đạt địa lý, giữa quán nhân sự", vậy hiện giờ lương y đầy dẫy khắp nơi đó thì sao? - Đáp: Tôi đâu dám bảo là không có, nhưng trong một xã hội chổng đầu, nhảy chang cháng thì ít ra những danh từ phải được đổi ngược lại mới là chính xác. Thế nên theo tôi thì chỉ có y lương, thuốc thầy và bệnh chữa, chớ không có lương y, thầy thuốc và chữa bệnh. Vì sao thế? Vì bệnh thịt dư mũi đến, chẳng cần biết nguyên do chỉ cần cắt bỏ là bệnh nhân vừa ý; cũng như bệnh cận thị, chỉ cần biên cho một cái toa mua mắt kính mang vào là xong; hoặc tôi làm một món thuốc viên, thuốc nước gì đó quảng cáo ỏm tỏi lên rằng: Uống vào sẽ được sanh 5 đẻ 7 vuông tròn, hoặc già xọm cũng còn có thể cưới vợ nhỏ, thì tôi sẽ ăn khách như tôm tươi, đã nhanh chóng dễ làm mà bệnh nhân cũng vừa ý, bệnh hết không hết mặc bây tiền thầy bỏ túi, ngoài ra cũng còn tránh khỏi những điều ăn chia xâu thuế nghĩa là khác. Như thế không phải là làm nghề thầy thuốc rất tốt đó sao? Do đó mà tôi gọi là y lương vậy. Và cốt sao mượn thuốc làm trung gian để lấy được nhiều tiền, được địa vị là hơn; như thế không phải là thuốc thầy sao? Phương chi nếu tôi nghèo, tôi áp dụng nghề thầy thuốc, ít lâu từ tay không, tôi cũng có thể trở thành giàu to; như thế không phải nhờ bệnh nhân mà tôi được sung túc đó sao? Cho nên tôi gọi là bệnh chữa vậy.

Trong khung cảnh tất cả đều đảo ngược bởi cái chổng đầu, nhảy chang cháng tại sao danh từ ngôn ngữ ta lại để nguyên mà không đảo ngược lại? Thế mới biết: đảo ngược lại là trung thực nhất.

Đoạn 4

PHIÊN ÂM:

Đế viết: ngũ vận chi thỉ, như hoàn vô đoan, kỳ thái quá bất cập hà như?

Kỳ Bá viết: ngũ khí cánh lập, các hữu sở thắng, thạnh hư chi biến, thử kỳ thường dã.

Đế viết: bình khí hà như?

Kỳ Bá viết: vô quá giả dã.

Đế viết: thái quá bất cập hà như?

Kỳ Bá viết: tại kinh hữu dã.

DỊCH:

Huỳnh Đế hỏi: 5 vận đã nối liền như vòng không mối, thế thì thái quá bất cập ra sao?

Kỳ Bá thưa: 5 vận đã lập tất có sự chế hóa(1) lẫn nhau, thì sự thạnh hư thay biến cũng là chuyện thường.

Huỳnh Đế hỏi: thế rồi khí bình thường ra sao?

Kỳ Bá thưa: tức là không thái quá bất cập.

Huỳnh Đế hỏi: thế thì thái quá bất cập thế nào?

Kỳ Bá thưa: vấn đề đó xin hãy gác lại để bàn sau.

CHÚ THÍCH:

(1) Chế hóa: là một cách nói khác của luật ngũ hành tương khắc.

GIẢI:

Đoạn nầy nương nơi đoạn trên, Kỳ Bá trả lời về lý do nào mà có năm nhuận.

Sở dĩ có nhuận là tại vận có thái quá bất cập, mà vận vốn là khí, và đã bảo là như vòng không mối; cho nên đến đây Huỳnh Đế thắc mắc: đã là khí không hình không tướng mà là như vòng không mối, vậy lý thái quá bất cập nằm đâu?

Ý Kỳ Bá đáp: nói như vòng không mối, chớ không phải nói như cái vòng tròn. Phương chi khi năm vận đã lập tất có sự chế hóa lẫn nhau, cho nên thạnh suy thay biến là lẽ thường trong trời đất. Thế là ý Kỳ Bá bảo 5 vận âm dương nối đuôi nhau mà vận chuyển theo thế lò xo, nên không thể nào không có sự thăng trầm tiêu trưởng (nên xem lại đồ biểu vòng tròn lò xo 5 vận)

Huỳnh Đế lại thắc mắc: thế rồi gặp những năm vận bình thường ra sao? Kỳ Bá lại đáp: vấn đề đó xin hãy gác lại để bàn sau. Vậy là vấn đề vận khí thái quá, bất cập, bình thường trong thiên nầy sau nầy ta sẽ có dịp gặp lại một cách tỉ mỉ.

BÌNH:

Trước đây 5-6 ngàn năm, mà cổ nhân đã hoàn toàn khám phá được cả vũ trụ đều vận hành theo chiều xoáy ốc lò xo, ly tâm hướng tâm bằng một cách vô cùng kín đáo (như ta đã thấy ở *Kinh Dịch* và NỘI KINH), để cho ai thiệt muốn biết rõ đều cũng phải đủ lòng chí thành, rồi cổ nhân im lìm nhắm mắt nằm đó; di tích cũng vẫn im lìm y nguyên còn đây. Trong khi đó tất cả những người đi sau bởi thiếu lòng thành, nên nam châm lạc hướng, rồi kẻ bàn thế nầy người bàn thế khác; mãi đến chúng ta bây giờ tự hào là văn minh khoa học cực thịnh. Thế mà vẫn chưa ra khỏi cái rọ xoáy ốc lò xo. Thế mới biết: hễ mê là mê, tỏ sáng là tỏ sáng, không vì lẽ xưa nay sớm muộn mà mê ngộ khác nhau. Ước mong sao từ đây về sau, loài người chúng ta hoặc có thể tìm thấy những gì cao cả hơn, hay ít nhất cũng không đến nỗi để cho cổ nhân xem thường khinh dễ thì thật là may mắn!

Đoạn 5

PHIÊN ÂM:

Đế viết: Hà vị sở thắng?

Kỳ Bá viết: Xuân thắng Trường hạ, Trường hạ thắng Đông, Đông thắng Hạ, Hạ thắng Thu, Thu thắng Xuân, sở vị đắc ngũ hành thời chi thắng, các dĩ khí mạng kỳ tạng.

Đế viết: Hà dĩ tri kỳ thắng?

Kỳ Bá viết: Cầu kỳ chí dã, giai qui thỉ Xuân. Vị chí nhi chí, thử vị thái quá, tắc bạt sở bất thắng nhi thừa sở thắng dã, mạng viết khí dâm. Chí nhi bất chí, thử vị bất cập, tắc sở thắng vọng hành, nhi sở sanh thọ bệnh, sở bất thắng bạt chi dã, mạng viết khí bách. Sở vị cầu kỳ chí giả, khí chí chi thời dã. Cẩn hậu kỳ thời, khí khả dử kỳ, thất thời phản hậu, ngũ trị bất phân, tà tịch nội sanh, công bất năng cấm dã.

DỊCH:

Huỳnh Đế hỏi: Sao gọi là khắc chế lẫn nhau?

Kỳ Bá thưa: Khí Xuân thắng khắc khí Trường hạ, khí Trường hạ thắng khắc khí Đông, khí Đông thắng khắc khí Hạ, khí Hạ thắng khắc khí Thu, khí Thu thắng khắc khí Xuân. Cái gọi là gặp mùa thắng khắc của năm hành, tức là tùy theo khí mà ráp vào tạng.

Huỳnh Đế hỏi: Làm sao biết được thắng khắc?

Kỳ Bá thưa: Hãy tìm khí đến, hết thảy đều quy về nơi bắt đầu mùa Xuân.

Đáng lẽ chưa đến lúc khí đến mà khí đã đến, thế gọi là thái quá. Thế thì khí thái quá nầy, nó sẽ lấn lại khí mà bình thường thắng khắc nó, và nó cũng lấn lại khí mà bình thường nó thắng khắc, trường hợp nầy gọi là khí dâm(1).

Đáng lẽ khí đến rồi mà khí vẫn chưa đến, thế gọi là bất cập, thì tạng thọ lãnh sự khắc chế lại vọng hành làm cho hệ thống tương sanh trên một bậc dưới một bậc đều thọ bệnh, và tạng khắc chế cũng lại tung hoành; cho nên gọi là khí bách(2)

Nói tìm khí đến, nghĩa là đón lúc khí đến vậy. Thế thì chỉ đón chờ khí đầu mùa đến, căn cứ vào đó ta có thể phân. Nếu ta không biết gì hết về vận khí, làm trái ngược với trật tự thiên nhiên, 5 vận không phân, bên trong phát sanh bệnh ngặt thì không sao chữa được.

CHÚ THÍCH:

(1) **Khí dâm**: một danh từ ám chỉ cho thời tiết mùa màng, vì gặp vận thái quá tạo thành cái thế buông lung trương nở, nghĩa là khí đến sớm và kéo dài; cũng như kẻ có thế lực mạnh rồi phát sanh ngang tàng với người trên, hung hiếp kẻ dưới; nên mới gọi là "khí dâm".

(2) **Khí bách**: để chỉ cho gặp năm khí hậu bất cập, đã đến trễ mà lại ngắn ngủi; cũng như kẻ yếu đuối trong xã hội vừa bị người trên hiếp đáp, lại bị kẻ dưới khinh lờn, cả hai đều dồn ép; cho nên gọi là "khí bách".

GIẢI:

Đoạn nầy đại ý nói: luật năm hành khắc chế của vận khí trong mỗi năm có một sức ảnh hưởng quan hệ mãnh liệt vào trong con người cũng như vạn vật, nếu thầy thuốc không rõ được, xen vào bằng một cách mù quáng, chỉ tổ gây thêm bệnh ngặt mà thôi.

Ý Huỳnh Đế nương nơi đoạn trên có nói về năm vận đã lập tất có

sự chế hóa lẫn nhau, nên Huỳnh Đế tiếp tục theo dõi ý đó.

Năm vận tức là năm hành. Vận khí trong mỗi năm có năm hành, tạng phủ trong con người cũng có năm hành. Năm hành của vận khí có khắc chế lẫn nhau, tất năm tạng trong con người cũng có sự khắc chế lẫn nhau.

Khắc chế là gì? – Tức là một thế nghịch thuận nương nhau để mà tồn tại. Thứ tự khí hậu của mỗi năm có Xuân, Hạ, Trường hạ, Thu, Đông, rồi Xuân, tức là vòng tương sanh Mộc, Hỏa, Thổ, Kim, Thủy của năm hành, mà trong tạng phủ con người là Gan, Tim, Tỳ, Phổi, Thận.

Vòng tương khắc là Thủy, Hỏa, Kim, Mộc, Thổ; ngoài khí hậu hay trong con người cũng y như vậy. Định luật nầy từ trước đã có nhiều lần đề cập. (xem hình vẽ Ngũ hành sanh khắc)

Con người cùng với trật tự thiên nhiên vốn đồng nhất tương quan cảm thông biến hóa. Bởi lý do nầy nên luận giả không nói Mộc khắc Thổ v.v. mà nói khí Xuân thắng khắc khí Trường hạ v.v. để ta đừng quên hệ thống trật tự tương quan, hầu áp dụng vào hệ thống tạng phủ. Cách nói nầy ta đã thấy ở thiên "Kim Quỷ Chơn Ngôn" rồi.

Huỳnh Đế lại tiếp tục: làm sao để biết được là thắng khắc hay không thắng khắc? – Kỳ Bá nói: phải căn cứ vào lịch pháp, đón ngay mối đầu của mùa Xuân để nghiệm thời gian khí đến, là có thể biết ngay. Nói: đón ngay mối đầu của mùa Xuân ở đây tức là ngày Lập Xuân, mà sau nầy ở thiên "Lục Nguyên Chánh Kỷ Đại Luận" nói rõ là "tháng Giêng, ngày mồng một, sáng sớm để ý ở ngôi chính của nó thì rõ". Như thế nghĩa là sao? – Nghĩa là vấn đề lịch pháp trật tự của vòng thời gian đã được khám phá ấn định rồi, và giờ đây ta chỉ cần y cứ vào đó để nghiệm xét khí hậu thời gian xem có đúng thế không, để phân được thuận nghịch chánh tà hầu tham gia chỉnh đốn.

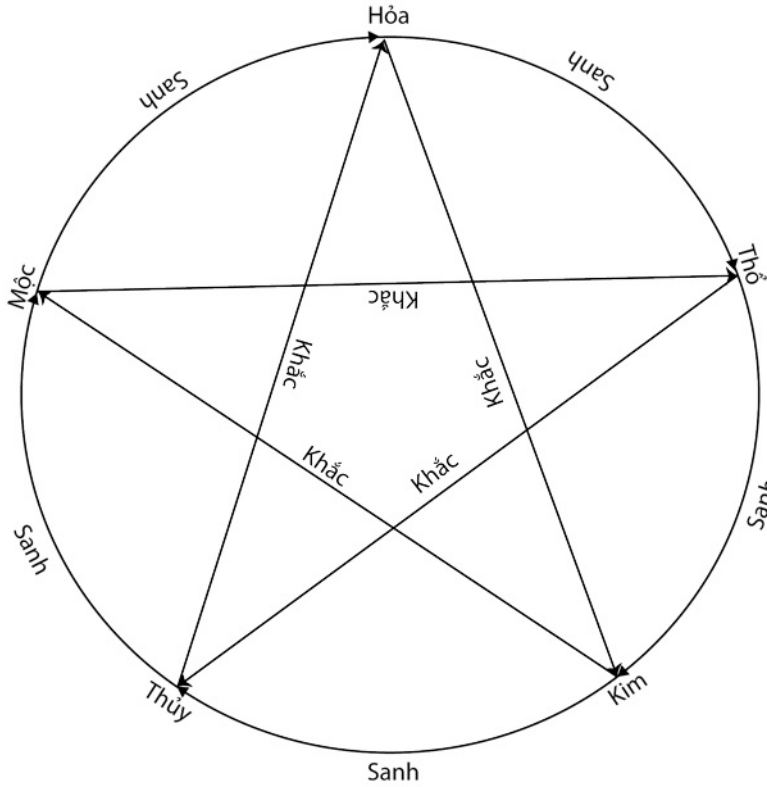
Ta đừng quên: tất cả từ đầu thiên nầy đến giờ, đều chỉ nhắm vào những vùng khí hậu ngày đêm tương đối cân xứng trong 24 tiếng đồng hồ của giờ bây giờ (nghĩa là ít nhất trong suốt năm cũng có hiện tượng bốn mùa) của mặt địa cầu.

Đã phân được Đông, Tây, Nam, Bắc, là đã phân được 5 hành. Khí đến tức là hiện tượng đến, đến sớm gọi là thái quá, đến muộn gọi là bất cập, đến đúng gọi là bình thường. Đến sớm tức là sức mạnh dồi dào, tức là hiện tượng đó sung túc hùng hậu. Đã có sức mạnh hùng hậu tất đối với kẻ chế ngự mình đã không ngại sợ, mà còn dùng oai quyền thế lực của mình để bắt nạt kẻ bị mình chế ngự. Vì ý tứ đó nên gọi là khí dâm (tức là hiện tượng khí phóng túng). Thí dụ như: năm vận Mộc thái quá, khí Xuân đến sớm ảnh hưởng vào tạng Gan sanh hoạt động thừa, tất đối với tạng Phổi là tạng chế ngự nó, và tạng Tỳ là tạng bị nó chế ngự cũng đều bị sức tung ra của nó, làm cho thế quân bình chung xảy ra chênh lệch, mà tâm lý vật lý và sinh lý nếu trong vô tình ơ hờ đều bị ảnh hưởng.

Đến muộn tức là sức mạnh kém sút yếu đuối. Đã là yếu đuối, tất kẻ chế ngự mình cũng như kẻ bị mình chế ngự đều có thái độ khinh dễ xem thường, cả hai đều có thái độ chèn ép. Vì ý tứ đó nên gọi là khí bách (tức là hiện tượng khí bị chèn ép). Với cái thế bất cập nầy ảnh hưởng vào con người, làm cho hệ thống vòng tương sanh tạng trên và tạng dưới của tạng đương mùa thế liên lạc bình thường lẫn nhau nảy sanh biến động mà sanh bệnh tật. Thí dụ như: năm vận Mộc bất cập, hiện tượng Mộc đến trễ, tạng Gan bị hoạt động thiếu, vì thế mà khí thế của tạng Phổi và tạng Tỳ đều trương nở dị thường, làm cho tạng Thận và tạng Tim sanh liên lụy. Thế là thế quân bình trong con người bị chênh lệch bằng cách do hoạt động thiếu, trong vô tình tất có sự ảnh hưởng vào tâm lý, sinh lý hay vật lý đều như nhau.

Khi đã nắm được mối đầu, rồi cứ theo đó mà phăng là trật tự thời gian ta đã nắm vững. Giá trị thời gian không gian đã định rồi, hệ thống khắc sanh chế hóa ta đã biết rõ, trong ngoài ảnh hưởng thông đồng đâu đó phân minh, thì cái chuôi đã thuộc về phần ta nắm rồi vậy. Nếu một người muốn nhúng tay vào chỉnh đốn lại cái thế trật tự tương quan biến hóa lưu thông mà là hàng thông đạt, tức là hạng tham gia vào công cán của trời đất để chuyển cho guồng máy đồng nhất tương quan trật tự được biến hóa lưu thông. Nếu không phải là hàng thông đạt mà lại mò vào bằng cách phàm phu tục tử, thì cũng chẳng qua là tăng gia thêm sức phá hoại mà thôi. Nên chánh văn mới nói: "nếu ta không biết gì hết về vận khí, làm trái ngược với trật tự thiên nhiên, năm vận không phân, bên trong phát sanh bệnh ngặt thì không sao chữa được" là nghĩa thế.

HÌNH 9.6: NGŨ HÀNH SANH KHẮC



BÌNH:

Cuộc sống không thông đạt là một cuộc phá hoại, đây là một định lý. Thế là ý nghĩa của cuộc sống phải là thông đạt, và như thế đủ biết trọn cả cuộc sống của loài người ngày nay là một cuộc bế tắc và phá hoại, và tất cả thảm tượng trước mắt ta đang thấy giờ đây là lẽ dĩ nhiên phải có. Có người nói: "Phải chăng nhân loại đến hồi cùng, tiến hóa vòng quanh về vực tối?!" Quả là chí lý! Cho nên về mặt y khoa chỉ y lương, thuốc thầy và bệnh chữa, chớ không hề có lương y, thầy thuốc và chữa bệnh là việc hiển nhiên.

Đoạn 6

PHIÊN ÂM:

Đế viết: hữu bất tập hồ?

Kỳ Bá viết: thương thiên chi khí, bất đắc vô thường dã. Khí chi bất tập, thị vị phi thường, phi thường tắc biến hỉ.

Đế viết: phi thường nhi biến nại hà?

Kỳ Bá viết: biến chí tắc bệnh, sở thắng tắc vi, sở bất thắng tắc thậm, nhân nhi trọng cảm ư tà tắc tử hỉ. Cố phi kỳ thời tắc vi, đương kỳ thời tắc thậm dã.

DỊCH:

Huỳnh Đế hỏi: có khi nào 5 vận không nối liền nhau không?

Kỳ Bá thưa: trong cõi thiên nhiên vận khí xoay vần không thể không thăng trầm tiêu trưởng. Nhưng không vì lẽ thăng trầm tiêu trưởng mà không thừa tiếp lẫn nhau. Khí hậu mà có đứt nối thế là việc bất thường, bất thường là tai biến đến vậy.

Huỳnh Đế hỏi: khi có bất thường, tai biến đến ra sao?

Kỳ Bá thưa: biến đến thì bệnh; hễ khí đến là thứ bị khắc thì nhẹ, nếu là khí khắc thì nặng, rủi gặp thêm cảm ngoại tà thì chết. Cho nên nói: khí đến nếu không phải khắc với mùa thì nhẹ, khí đến mà khắc trúng ngay mùa thì nặng vậy.

GIẢI:

Đây là một đoạn luận về khí tà chen vào trong hệ thống vận khí bình thường của Thái dương hệ, nên gọi là đứt đoạn; nghĩa là trong chỗ không lời luận giả muốn nói: Thái dương hệ nầy xoay vần vận chuyển trong bao la có những hồi gặp phải ảnh hưởng ngoại lai xen vào, làm cho

khí hậu của quả địa cầu nầy có biến to, và con người trong vô tình cũng theo đó mà quan hệ nặng nề đến tánh mạng. Nhưng dù cho ảnh hưởng ngoại lai ấy như thế nào chăng nữa cũng không ngoài định luật khắc chế của 5 hành. Do đó mà ta có thể dự đoán được sự tai biến của nó.

Ý Huỳnh Đế hỏi: Đã là như vòng không mối lại nằm trong định luật tiêu trưởng thăng trầm, như vậy có lúc nào đứt đoạn không?

Ý Kỳ Bá đáp: Thăng trầm tiêu trưởng là việc thường của sự vận hành trong trời đất, nghĩa là trong chỗ ngoài lời luận giả đã bộc bạch rằng: tất cả hiện tượng của cõi tướng không bao giờ có mặt bằng, và đây quyết định là một định luật. Thế thì dù cho có thăng trầm tiêu trưởng chăng nữa cũng không thể có đứt đoạn, phương chi đã là khí. Cho nên nếu có xảy ra đứt đoạn, cũng chẳng qua là một cách nói khác để ám chỉ cho một khí thế ngoại xâm vậy thôi.

Huỳnh Đế lại tiếp: Ví nếu có ảnh hưởng ngoại xâm như thế, có thể nào dự đoán trước được chăng?

Kỳ Bá tiếp: Hễ có như thế là con người phải bị ảnh hưởng sẽ dễ sanh bệnh tật, ta cứ dựa hẳn vào luật khắc chế của 5 hành là thấy được ngay. Nếu ảnh hưởng ngoại lai ấy mà là ở trong cái thế bị khí chủ mùa chế ngự thì tai biến nhẹ; trái lại nếu ở trong cái thế khắc chế lại khí chủ mùa, thì tai biến nặng nề; trong khi đó nếu thêm cảm nhiễm ngoại tà thì chết. Thí dụ như: năm Nhâm Tý là năm vận Mộc, khí chủ mùa của mùa Xuân là khí Khuyết âm thuộc Mộc, khí khách trong nội bộ Thái dương hệ là khí Thái dương thuộc Thủy. Bây giờ ngược lại nếu gặp khí Thái âm tức là khí Thổ, thì tuy là khí tà ngoại lai nhưng vẫn ảnh hưởng nhẹ. Nhược bằng gặp phải khí Dương minh thuộc Táo Kim, thì trúng ngay cái thế Kim khắc Mộc; nghĩa là tà thắng chủ cho nên nguy to. Nên mới nói: "Nếu không trúng ngay mùa thì nhẹ, trúng ngay mùa thì nặng" là vậy. Nhưng ta nên nhớ đây là nhắm vào cuộc sống của người thế gian mà nói, chớ không phải ai cũng như nấy.

BÌNH:

Nếu tôi phải vì nghe nhiều quá mà tai tôi hóa điếc, thấy nhiều quá mắt tôi hóa đui, nghĩ nhiều quá mà tâm thần tôi hóa ra ngây dại, thì tôi sẽ thấy

trọn cả ý đoạn nầy thầy trò ông Huỳnh Đế chỉ luận về khí tà biến, và dựa vào định luật khắc chế của 5 hành mà nghiệm ra nhẹ nặng sống chết của bệnh tật, và tác dụng của đoạn nầy chỉ để dành cho hạng thầy thuốc mà thôi. Nhưng may thay! Mắt tôi chưa bị sắc làm mờ, tai tôi chưa bị âm thanh làm điếc, tâm thần tôi chưa bị ngoại cảnh làm đảo điên, nên tôi thấy được chiều sâu hun hút của đoạn nầy, trong chỗ không lời tinh thần của luận giả vẫn nối tiếp với bao nhiêu thiên trước mà nói nhỏ với chúng ta 3 việc quan hệ như sau:

1. Ngôn ngữ văn tự vốn là một thứ dụng cụ bất toàn, chỉ có thể dùng đỡ được trong một trường hợp hoặc một giai đoạn. Phương chi cái gì dễ dàng mà được, hoặc ai cho mà được đều vị tất đã là của mình. Cổ nhân vì thương xót thế gian tối tăm mê muội, nên mới sử dụng ngôn ngữ một cách khéo léo bí mật để lưu lại cái biết cho đời sau bằng ý ngoài lời, lời ít ý nhiều, để cho những ai có đủ lòng chân thành thiết tha muốn biết, khi đọc đến sẽ có dịp bất chợt sực tỉnh bàng hoàng, thì cái biết ấy mới có thể là phần thưởng đích đáng; thế là tâm truyền tâm đắc. Vậy nên khi đọc sách cổ nhân ít ra tinh thần tôi cũng phải trang nghiêm tề chỉnh, tâm tôi không tán loạn phóng túng săn đuổi theo vật dục bên ngoài, thì tôi mới mong đọc được những nơi không chữ, những chỗ không lời. Cho nên người xưa mỗi khi đọc sách phải mặc lễ phục, ngồi đứng trang nghiêm, phải phòng không vắng lặng, phải thắp hương xông trầm, hết thảy đều không phải là vô cớ. Thế mới biết: đọc sách cổ nhân tuy không phải khó, nhưng cũng không phải là chuyện dễ. – Thế mới biết: trải qua 5-6 ngàn năm hầu hết những người đọc NỘI KINH (kể cả dân tộc Trung Hoa) biết đâu không chỉ là những người bằng lòng ở đợ để giữ tài liệu cho cổ nhân?! Và cả thế giới loài người ngày nay đi đến non nước nầy, cũng là chuyện tất nhiên phải có.

2. Trước đây 5-6 ngàn năm đã có những hồi mà cổ nhân cùng lý tận tánh, suốt hình cực tướng, thấy rõ được tất cả hiện tượng đều chỉ là tổ hợp vô thường, thăng trầm tiêu trưởng và định rõ được giới hạn chủ khách của Thái dương hệ nầy một cách phân minh xác đáng, bằng cớ là đã áp dụng được vào toàn diện cuộc sống hằng ngày, mà mãi đến ngày nay chúng ta vẫn còn đang hì hục bâng quơ sờ soạng. Thế mới biết: giá nếu cổ nhân có sống dậy mà nghe được những chuyện cãi nhau về vấn đề có đấng chủ tể hay không có đấng chủ tể, có khoa học hay không có khoa học của chúng ta ngày nay, thì các

ngài cũng đến bịt mũi phì cười mà thôi vậy.

3. Với con mắt của cổ nhân nhìn ra hiện tượng thiên nhiên cũng như nhìn vào xã hội loài người, hễ là có tướng lẽ tất nhiên phải có chủ khách mạnh yếu, được thua, và vận hội thăng trầm, lý số tốt xấu hiển nhiên phải có, chỉ trừ khi một tinh thần không vướng kẹt vào vòng hiện tượng âm dương. Có lẽ vì thế mà Lão Tử mới nói: "trời đất bất nhân xem vạn vật như là một thứ bù nhìn". Quả thật! Quả thật! Khi vướng kẹt vào trong cái Tôi là tôi bị kẹt vào vòng hiện tượng âm dương trời đất, nếu không vướng kẹt vào cái Tôi thì bao la cùng khắp có chỗ nào là chỗ không phải tôi; thế là hiện tượng trời đất chỉ là vật trong tôi vậy. Thế mới biết: trên hiện tượng trong cái Tôi thì mới có chuyện chủ khách, tốt xấu, ngày giờ; nhưng thực ra chẳng có họa phúc từ đâu đưa đến, mà chỉ có con người tỏ sáng hay si mê. Thế mới biết: "lành dữ khổ vui đều bởi động – chẳng động là to nhất" là tinh thần cốt tủy của NỘI KINH vậy.

Đoạn 7

PHIÊN ÂM:

Đế viết: thiện. Dư văn khí hợp nhi hữu hình, nhân biến dĩ chánh danh, thiên địa chi vận, âm dương chi hóa, kỳ ư vạn vật thục thiểu thục đa, khả đắc văn hồ?

Kỳ Bá viết: Tất tai vấn dã. Thiên chí quãng bất khả độ, địa chí đại bất khả lượng, đại thần linh vấn, thỉnh trần kỳ phương:

Thảo sanh ngũ sắc, ngũ sắc chi biến bất khả thắng; thị thảo sanh ngũ vị, ngũ vị chi mỹ bất khả thắng cực. Thị dục bất đồng, các hữu sở thông.

Thiên tự nhân dĩ ngũ khí, địa tự nhân dĩ ngũ vị. Ngũ khí nhập tỷ tàng ư Tâm Phế, thượng sử ngũ sắc tu minh, âm thinh năng chương. Ngũ vị nhập khẩu tàng ư trường vị, vị hữu sở tàng, dĩ

dưỡng ngũ khí, khí hòa nhi sanh, tân dịch tương thành, thần nãi tự sanh.

DỊCH

Huỳnh Đế khen hay, rồi lại hỏi: Trẫm có nghe do khí hợp mà có hình, nhân nơi biến để chánh danh, sự vận hành của trời đất, sự biến hóa của âm dương để cấu tạo thành vạn vật, chẳng hay phần nào nhiều phần nào ít có thể được nghe không?

Kỳ Bá thưa: Rốt ráo thay lời hỏi. Trời rất rộng không thể độ, đất rất lớn không thể lường. Tinh thần nhà vua bao la muốn hỏi, hạ thần xin đại lược trình bày:

Cỏ cây sanh ra 5 sắc, sự biến hóa của 5 sắc không thể tính xiết; cỏ cây sanh ra 5 vị, sự ngon ngọt của 5 vị cũng không thể biết đâu cho cùng. Tuy mỗi người đều có một sở thích khác nhau, nhưng mỗi vị đều có nẻo về của nó.

Trời nuôi người bằng 5 khí, đất nuôi người bằng 5 vị. Năm khí vào mũi thẳng vào Tim Phổi, bên trên làm cho 5 sắc được tỏ sáng, âm thanh được rõ ràng. Năm vị vào miệng chứa ở trường vị, mỗi vị đều có chỗ về để tiếp dưỡng 5 khí, khí vị hòa nhau mà sanh trưởng, tân dịch nương nơi đó mà kết thành, nhờ đó mà tinh thần được sự nối tiếp.

GIẢI:

Đại ý đoạn nầy Huỳnh Đế muốn hỏi về sự bẩm phú trong vạn vật ra sao, mà Kỳ Bá chỉ nhắm vào con người để giải đáp hầu tròn nghĩa trên thông thiên văn, dưới đạt địa lý, giữa suốt nhân sự. Và từ đoạn nầy mãi đến hết thiên thứ mười chỉ là việc của nhân sự, mà trong đó có bao gồm ý nghĩa trời đất âm dương. Nếu ta ngược dòng mà nhìn trở lại những thiên trước thì ta mới thấy đoạn nầy bắt nguồn tận tự thiên thứ năm, điều nầy người đọc phải nên lưu ý.

Ý Huỳnh Đế hỏi: Nhờ khí hóa hòa hợp mà vạn vật mới có sanh, nương nơi có tướng để chánh cái danh. Sự vận chuyển của trời đất, sự biến hóa của âm dương ảnh hưởng vào vạn vật bằng cách nào?

Ý Kỳ Bá nói: Chuyện trời đất rất bao la mà ngôn ngữ văn tự lý trí tính toán không thể nào đạt suốt hết được, nhà vua muốn biết thì tôi cũng chỉ xin trình bày đại lược mà thôi.

Trời đất bao la, vạn vật vô cùng, tướng không biết bao nhiêu tướng, chất không biết bao nhiêu chất, mùi không biết bao nhiêu mùi, vị không biết bao nhiêu vị, màu sắc không biết bao nhiêu màu sắc; nhưng nghiệm ra cho kỹ vẫn không thoát khỏi 5 hành. Và động thực phi tiềm muôn màu muôn sắc, nhưng rực rỡ chen đua không ngoài cỏ cây hoa quả.

Sắc tuy 5 sắc, nhưng khi biến hóa thì cũng đến vô cùng. Như ta đã thấy hằng ngày trong thảo mộc, giống nầy lai sang giống khác, màu nọ pha lẫn màu kia. Nếu cứ theo từng tướng từng màu mà đếm, thì cũng đến không đếm xiết; y hệt như một họa sĩ pha màu, buổi đầu chỉ vọn vẹn có 5 màu, rồi từ đó mà biến hóa ra trùng trùng điệp điệp. Đây là nghĩa "cỏ cây sanh ra 5 sắc, sự biến hóa của 5 sắc không thể tính xiết".

Có sắc tất có vị. Vị tuy qui về có 5, nhưng thực ra đến khi biến hóa thì cũng đến vô cùng. Thật chẳng khác nào một thợ nấu ăn tuyệt xảo, chỉ vỏn vẹn có 5 vị mà làm ra không biết bao nhiêu là vật ngọt thức ngon, và hương vị ngon ngọt phân minh không đâu hơn thảo mộc. Đây là nghĩa "cỏ cây sanh ra 5 vị, sự ngon ngọt của 5 vị cũng không thể biết đâu cho cùng".

Khi chưa có con người, vấn đề vẫn chưa có. Khi có con người, con người không thể chỉ là một giống, đã không thể là một giống mà lại còn là vô số người, và mỗi người lại còn vô số tâm, sự ưa thích lại cũng không thể ai giống ai. Tuy nhiên, không vì lẽ thị dục bất đồng, mà năm vị khi vào miệng lại không đâu thông vào đó. Nói như thế nghĩa là sao? – Nghĩa là trong chỗ không lời luận giả bảo: trong mỗi con người ai ai cũng có 5 hệ thống cơ cấu, 5 hệ thống cơ cấu ấy thông đồng với 5 vị, cũng như nóng phải thuộc về lửa, lạnh phải thuộc về nước vậy. Đây là nghĩa "mỗi vị đều có nẻo về của nó".

Mạch sống của con người không ngoài hô hấp và ăn uống. Hô hấp mắc liền với hư không, với không khí, với khí hậu; ăn uống mắc liền với vật chất, với 5 vị. Vật chất lấy ra từ mặt đất, không khí tiếp nhận tự bao la.

Tất cả vật tượng trong vũ trụ nầy không ngoài sự thống nhiếp của âm dương và 5 hành.

Đã có 5 sắc, 5 vị tất phải có 5 khí. Đây là nghĩa "trời nuôi người bằng 5 khí, đất nuôi người bằng 5 vị".

Hai chữ "năm khí" ở đây hết thảy các nhà chú thích Trung Hoa đều đưa ra nghĩa của 5 chữ "táo, tiêu, hương, tinh, hủ" (hôi, khét, thơm, tanh, thúi), đều chẳng qua là sự sai lầm của bệnh lý trí. Nhưng kỳ thực 5 khí ở đây tức là 5 thứ gió của 4 mùa 5 hành, mà các nhà chú thích Trung Hoa lầm vào 5 mùi của vị. Làm sao ta biết chắc? – Là vì xuống câu dưới chánh văn còn nói "5 khí vào mũi v.v.". Giá nếu cho một người luôn luôn hô hấp 5 mùi của 5 vị phát tiết ra như các nhà chú thích Trung Hoa đã nói, thì chắc chắn sẽ chết luôn! Thế mới biết: đây là một thứ bệnh bác học.

Tim, Phổi nằm trên chẽn vừng thuộc về pháp thiên. Tim thuộc về màu sắc, mũi thuộc về không khí. Thể khí luôn luôn là bốc lên, âm thanh thuộc về hệ thống của Phổi. Khi con người hô hấp, khí dương hòa của bốn mùa năm hành ngoài cõi thiên nhiên thẳng vào Tim Phổi, thấu suốt năm tạng làm cho khí huyết chu lưu, bên trên khí sắc tươi nhuận, nói năng linh hoạt, tiếng giọng phân minh. Cho nên mới nói "năm khí vào mũi thẳng vào Tim Phổi bên trên làm cho năm sắc được tỏ sáng, âm thanh được rõ ràng" là nghĩa thế.

Vị là khu chợ trời. Hết thảy năm vị đều cho vào miệng, đều chứa ở trường vị, trải qua nhiều phen đào thải, rồi vị nào cũng đều có tinh hoa, đều về một hệ thống ấy; bên trong vào tận đến năm tạng, bên ngoài ra đến mặt da đều cùng với năm khí hòa hợp để cùng nhau nương tựa, để cùng nhau tiếp dưỡng. Nếu năm khí của trời cùng năm vị của đất được ứng hợp dung hòa không sanh trái chướng, thì cơ thuận hóa sinh tồn được nối tiếp, tân dịch được liên tục kết thành, tinh thần con người được nhờ đó mà không đứt đoạn. Chính vì thế nên mới nói "năm vị vào miệng… nhờ đó mà tinh thần được sự tiếp nối". Bởi vậy nên có người

nói: "Nếu cơ năng thay cũ đổi mới được liên tục quân bình thì con người luôn luôn khỏe mạnh" là nghĩa thế.

Xin nhắc lại: câu hỏi của Huỳnh Đế có mấy chữ "nương nơi có tướng để chánh cái danh", nghĩa là tên tùy theo tướng mà có. Chữ "biến" trong chánh văn tức là chữ "biến" trong Dịch học, có ý nghĩa như chữ "đột biến" của Duy vật luận, người đọc chớ nên mắc kẹt ở chữ.

Thế là trọn cả đoạn nầy trong chỗ không lời, ý luận giả muốn nói: trời đất là một hiện tượng xuất hiện từ trong cái tròn sáng lặng soi của đồng nhất, mà con người là một hiện tượng cấu hợp bởi hai khí âm dương; và mạch sống của con người được nối tiếp bằng hai hệ thống khí và vị, khí vị kết hợp nuôi dưỡng thân người; thân người rẽ ra hai phần dinh vệ, khí huyết vận hành cùng cực rồi lại thống hợp vào nhau. Thế mới biết: lượn sóng của rung rinh viên quang hồi tụ hiện ra trong cõi hiện tượng lúc mở lúc khép khác nhau. Cho nên nếu nhìn theo hệ thống chiều dọc thì con người là một bầu trời đất nhỏ, theo hệ thống chiều ngang thì con người là hồi tụ tận tự bao la, để tài nhân trở nên quan trọng.

BÌNH:

Biết được tất cả những cái có đều từ cái không mà ra; biết được tất cả chất đều từ khí mà có; biết được tất cả hiện tượng đều chỉ là tổ hợp, một là tất cả, tất cả là một; nương nơi động mà có tướng, nương nơi tướng mà có tên. Thế là khí huyễn, chất huyễn, tướng huyễn, tên huyễn. Trước đây 5-6 ngàn năm con người đã biết thế, mãi đến bây giờ chúng ta cũng biết thế. Nhưng tại sao người xưa lại dung dị tiêu dao dường ấy, mà chúng ta bây giờ lại khổ sở trầm luân mê tin đui tối thế kia? Thế mới biết chúng ta ngày nay chỉ là một thứ u mê trí thức trong cái rọ Tôi mà nói vọng ra.

Nếu khí huyễn, chất huyễn, không huyễn, có huyễn, tướng huyễn, tên huyễn, trời đất huyễn, hết thảy hiện tượng đều huyễn; thế là tâm cũng huyễn, thân cũng huyễn. Vậy cái gì thiệt? Làm thinh! Làm thinh! Ngẫm nghĩ! Ngẫm nghĩ!

Có người hỏi: Hết thảy đã là huyễn, thế là hết thảy đều không phải

là bổn tánh linh diệu của tôi. Vậy cái gì là bổn tánh linh diệu của tôi? – Đáp: Mời ngài hãy trừ hết tất cả những cái huyễn không phải là ngài đi, rồi hãy nghiệm xem còn lại cái gì là cái không phải ngài với không phải không ngài! Ngẫm nghĩ! Ngẫm nghĩ! Làm thinh! Làm thinh.

Có người hỏi: Trong vị Phụ Tử có chất gì mà chữa được bệnh Thận? – Đáp: Giả tỷ như tôi nói: trong Phụ Tử có chất A trị được bệnh Thận, vậy trong chất A có chất gì chánh để trị được bệnh Thận thì sao? Và trong chất gì chánh trong chất A, chất nào là chất chánh trong chất gì chánh để chữa được bệnh Thận thì sao? Thế mới biết: ngôn ngữ văn tự, trí óc tính toán, máy móc dụng cụ đều là những dụng cụ tạm bợ mà thôi; và tôi mải miết lao đầu vào trong cái biển phân tích của danh ngôn, lý trí, dụng cụ để tìm sự thật trong cõi hiện tượng, là chuyện của thằng ngu. Thế mới biết: khi tôi muốn biết rõ chừng nào, tôi càng lâm vào tình trạng không biết chừng nấy. Thế thì Trang Sinh nói: "Dùng thứ dụng cụ hữu hạn để săn đuổi theo cõi vô cùng thì chết rồi!". Đâu phải là việc vô cớ; và đến đây đâu phải đối với ai cũng là đường cùng?! Như thế há không phải thầy trò ông Huỳnh Đế trong chỗ không lời đã thay ta mà vạch trần sự thật, hầu giúp cho tất cả chúng ta ngày nay thoát khỏi cái bệnh u mê trí thức đó sao?!

Nói không, nói có, nói trời, nói đất, nói khí, nói vị, nói tâm, nói vật chẳng qua chỉ là khác cách nói trong một tinh thần.

Nói khí, nói vị rồi nói khí vị hòa hợp mà tinh thần được nối tiếp; với nói trời, nói đất, rồi nói trời đất giao nhau mà sanh biến hóa chẳng qua cũng chỉ là khác cách nói trong một tinh thần. Cho đến ở đoạn thứ 11 thiên thứ năm nói: "ở trời là huyền, ở người là đạo, ở đất là biến hóa, hóa sanh 5 vị, đạo sanh trí, huyền sanh thần. – Thần ở trời là gió, ở đất là cây, ở cơ thể là gân v.v. và v.v." chẳng qua cũng chỉ là khác cách nói trong một tinh thần, mà hoặc mở ra đến đến tận cùng hay thu vào đến hết mức thế thôi. Như thế nghĩa là sao? Nghĩa là bộ mặt thật của sự vật trong chỗ không lời luận giả đã vạch trần, ai khôn hồn thì tỏ sáng, ai không khôn hồn thì rơi vào cõi triết học để làm con ma chân lý. Quả thật! Quả thật! Luận giả là rồng hiện trong mây vậy. Thế mới biết: nói thần với không thần, nói linh với không linh, tâm với không tâm, nói bổn tánh với không phải bổn tánh, đều là chuyện của thế gian nói với thế gian mà thôi vậy.

Đoạn 8

PHIÊN ÂM:

Đế viết: tạng tượng hà như?

Kỳ Bá viết: Tâm giả sanh chi bổn, thần chi biến dã. Kỳ hoa tại diện, kỳ sung tại huyết mạch, vi dương trung chi Thái dương, thông ư Hạ khí.

Phế giả, khí chi bổn, phách chi xứ dã, kỳ hoa tại mao, kỳ sung tại bì, vi dương trung chi Thái âm, thông ư Thu khí.

Thận giả chủ trập phong tàng chi bổn, tinh chi xứ dã. Kỳ hoa tại phát, kỳ sung tại cốt, vi âm trung chi Thiếu âm, thông ư Đông khí.

Can giả bãi cực chi bổn, hồn chi cư dã. Kỳ hoa tại trảo, kỳ sung tại cân, dĩ sanh huyết khí, kỳ vị toan, kỳ sắc thương, thử vi dương trung chi Thiếu dương, thông ư Xuân khí.

Tỳ, Vị, Đại trường, Tiểu trường, Tam tiêu, Bàng quang giả, thương lẫm chi bổn, dinh chi cư dã, danh viết khí, năng hóa tào phách, chuyển vị nhi nhập xuất giả dã. Kỳ hoa tại thần tứ bạch, kỳ sung tại cơ, kỳ vị cam, kỳ sắc huỳnh, thử Chí âm chi loại, thông ư Thổ khí.

Phàm thập nhứt tạng phủ quyết ư đởm dã.

DỊCH:

Huỳnh Đế hỏi: Còn tạng tượng[1] thế nào?

Kỳ Bá thưa: Tạng Tim là nguồn cội của sự sống, là tướng biến hóa của bổn tánh linh diệu, tinh hoa của nó hiện lên gương mặt,

sự sung túc của nó ở huyết mạch, là Thái dương ở trong dương, thông với khí mùa Hạ.

Tạng Phổi là nguồn cội của phần khí, là nơi nương gá của phách. Phần tinh hoa hiện ở lông, phần sung túc ở da, là Thái âm ở trong dương, thông với khí mùa Thu.

Tạng Thận là nguồn cội của sự chủ về thu liễm ẩn tàng, là nơi tinh hoa của toàn thân tụ về. Khí tinh hoa hiện ra ở tóc, sung túc hiện ra ở xương, là Thiếu âm ở trong âm, thông với khí mùa Đông.

Tạng Gan là nguồn cội của sự hoạt động, là nơi nương gá của hồn. Tinh hoa hiện ra ở móng, sự sung túc ở gân, để sanh huyết khí, nó thuộc về vị chua, thuộc về màu xanh da trời, nó là Thiếu dương ở trong dương, thông với khí mùa Xuân.

Tỳ, Vị, Đại trường, Tiểu trường, Tam tiêu, Bàng quang đều thuộc về nguồn cội của kho vựa, là chỗ ở của phần dinh, nên gọi là những dụng cụ có thể biến hóa các vật chất, chuyển tinh hoa của vị vào trong, đưa chất thừa ra ngoài. Tinh hoa của nó hiện ra ở vùng bắp thịt mét quanh môi, sự sung túc của nó ở bắp thịt âm (cơ), thuộc về vị ngọt, màu vàng, đây thuộc về loại Chí âm(2), thông với khí Thổ.

Tất cả 11 quan năng đều lấy quyết định ở buồng Mật vậy.

CHÚ THÍCH:

(1) **Tạng tượng**: hệ thống của hiện tượng đi vào tạng phủ, nên gọi là "tạng tượng", hay nói một cách khác hơn: tạng phủ cũng là một thứ hiện tượng như bao nhiêu hiện tượng bên ngoài và ta có thể phân loại được.

(2) **Chí âm**: cũng như chữ "*thuần âm*", vì chưa phải là cực âm, cho nên chưa có cơ sanh dương, nên gọi là "*Chí âm*". – Là để ám chỉ cho tác

dụng của tạng Tỳ.

GIẢI:

Đại ý đoạn nầy là đi sâu thêm một tầng vào nhân sự, và mở tạng phủ con người ra cho thấy sự thông đồng với bốn hiện tượng của cõi thiên nhiên, và cuối cùng vạch ra mối đầu của động trong tạng phủ của con người là thuộc về ở buồng Mật, để chuẩn bị thu cả vận khí vào trong hai bộ mạch cổ tay ở đoạn sau.

Ý Huỳnh Đế hỏi: Như đã nói, trời đất với con người vốn đồng nhất tương quan, vậy hệ thống tạng phủ của con người mắc liền với hiện tượng của cõi thiên nhiên ra sao?

Nếu tự thiên đầu đến giờ ta có theo dõi một cách chín chắn, thì ta mới thấy tinh thần đoạn nầy chẳng có gì mới lạ, chỉ là một đoạn thống hợp cả Lưỡng nghi, Tam tài, Tứ tượng, Ngũ hành của Dịch học. Và trong đồng nhất tương quan trật tự biến hóa lưu thông, thời gian không gian tất cả chỉ là hiện tượng, mà nơi thân thiết để chứng nghiệm là chính ở con người.

Xác thân con người với vòm không gian bên ngoài vốn đồng là một hệ thống hiện tượng.

Trong thân con người, tạng Tim vốn là giữa rún của năng lực viên quang hồi tụ, thiếu tạng Tim không có sự sống; nên mới nói: nó là nguồn cội của sự sống. Nguyên động lực của tạng Tim vốn bắt nguồn năng lực tận tự bao la với khí dương của mặt trời, nếu nhìn bên ngoài ta thấy hình như là đơn độc không nương gá vào đâu cả; cho nên mới nói: là tướng biến hiện của bổn tánh linh diệu, là nền tảng của tinh thần.

Khuôn mặt của con người là cửa của tinh thần, tất cả những sự thay biến của tinh thần đều hiện hết lên nét mặt; cho nên mới nói: tinh hoa hiện lên ở mặt.

Đã là thuộc Hỏa, thuộc huyết. Cho nên sự sung túc phải ở mạch, ở huyết.

Mặt trời là một khối lửa, tạng Tim cũng là tạng lửa. Mặt trời đối với ta là cực dương, và xích đạo thường lệch về Nam, mùa Hạ là mùa nóng nhất. Cho nên tạng Tim cũng là Thái dương ở trong dương, và thông với khí mùa Hạ. Vì sao mà biết được thế? – Vì khi chưa xảy ra hiện tượng thì chỉ là đồng nhất không hai, mà đã xảy ra hiện tượng là tất có đồng loại hấp dẫn tụ về, hễ là nóng thì phải hút về lửa, lạnh thì phải qui về nước, nơi nào thế lực mạnh nơi đó là chủ động.

Tạng Phổi là bầu khí quyện của nội tạng, tác dụng của nó là bảo vệ, công năng bảo vệ ấy gọi là phách. Vì nó là động cơ hô hấp cho cả trong ngoài. Cho nên nói: Phổi là nguồn cội của phần khí, là nơi nương gá của phách.

Bên trong là Phổi, bên ngoài là da lông; cho nên nói: tinh hoa hiện ở lông, sung túc ở da.

Đã là tạng cấu tạo bằng tế bào da, nằm trên nhất và tiếp xúc thẳng với dưỡng khí. Hễ Phổi hít dưỡng khí vào, thì da thở thán khí ra; da hút dưỡng khí vào, thì miệng thở thán khí ra. Dưỡng khí là khí thanh mát của cõi thiên nhiên, mà rõ rệt nhất là ở mùa Thu. Do đó mà gọi tạng Phổi là Thái âm ở trong dương và thông với khí mùa Thu.

Tạng Thận đã là gốc rễ của năm tạng, thì nhiệm vụ của nó phải là thu liễm, keo sắc, chứa giữ, cất dấu, và tất cả khí tinh hoa trong toàn thân đều phải gom về đó; cho nên nói: là nguồn cội của sự chủ về thu liễm ẩn tàng, là nơi khí tinh hoa của toàn thân tụ về.

Tạng Thận thu góp khí tinh hoa cả năm tạng đưa vào tủy xương sống, tập trung lên óc, sung túc nuôi dưỡng cho khớp xương. – Óc đựng trong xương sọ, đầu là nơi tiếp xúc với khí dương nhiều nhất, trong ý thức phản ứng óc phải tự bảo vệ bằng cách sanh ra tóc. Do đó mới nói: tinh hoa hiện ra ở tóc, sung túc hiện ra ở xương.

Nếu đem sánh với tạng Tỳ thì ta thấy tạng Thận tuy là tạng âm, nhưng là âm còn nhỏ; cho nên gọi là Thiếu âm ở trong âm. Tạng Thận thuộc Thủy, mùa Đông, hướng Bắc cũng thuộc Thủy; cho nên khí của Thận thông với khí mùa Đông.

Tạng Gan là tạng thuộc Mộc, thọ lãnh tất cả sự xung động; trong tạng là Gan, ngoài thân là gân, dây thần kinh thuộc về động tác. Thiếu tạng Gan nguồn hoạt động mất, cho nên gọi là nguồn cội của sự hoạt động. Tinh thần của nguồn cội hoạt động ấy, ban ngày theo khí dương của mặt trời mà ra bên ngoài, để làm chủ cho tất cả hoạt động của xác thân; trở về đêm, thu vào trong tạng Gan, để cho xác thân được yên nghỉ. Tác dụng đó, công năng đó gọi là hồn. Cho nên mới nói: Gan là nơi cư ngụ của hồn.

Móng đóng ở chót vót ngón, nối liền với khí hóa của gân. Gân chầu về với các khớp, để làm cơ quan hoạt động. Nên mới nói: tinh hoa hiện ra ở móng và sung túc ở gân. Nhờ thế mà quan sát ở móng, ở gân người ta biết được Gan.

Không ăn uống, không hô hấp thì mạch sống đứt, có ăn uống, có hô hấp mà thiếu hoạt động thì khí huyết không tăng trưởng. Cho nên mới nói: nhờ sự sung túc ở gân mà sanh huyết khí.

Vị chua, màu xanh thuộc về tạng Gan vốn đã rõ từ trước. Đã thuộc mộc, lại vượng ở mùa Xuân; cho nên mới nói: là Thiếu dương ở trong dương và thông đồng với khí mùa Xuân.

Vị, Đại trường, Tiểu trường, Tam tiêu, Bàng quang là năm cơ cấu phụ trợ đẩy đưa các vật chất ăn uống, không thể chứa giữ lại lâu. Tạng Tỳ là tạng thuộc Thổ, vốn vượng khắp bốn mùa, là khí giao hòa của bốn khí, là tạng quan trọng nhất trong cơ cấu tiêu hóa hầu viện trợ cho toàn thân. Đối với cổ nhân tạng Tim là sanh huyết, tạng Gan là chứa huyết, tạng Tỳ là thống huyết. Do đó mới nói: năm phủ vừa kể trên với tạng Tỳ là nguồn cội của kho vựa, là chỗ ở của phần dinh, mà cũng gọi là cơ cấu dụng cụ, vì nó có khả năng gạn lọc chất xác, để thâu hút tinh hoa năm vị vào trong, mà cũng là để bài tiết các chất xác ra ngoài.

Miệng là cửa trên của hậu thiên, là nơi không có xương nhiều thịt nhất, thuộc về khiếu của bộ tiêu hóa. Cho nên khí sắc tinh hoa của bộ tiêu hóa hiện rõ ở quanh môi.

Trong hệ thống thịt nạc có phân làm hai loại: loại thịt nạc đỏ thuộc về loại thịt dương, thông với khí của Tim; còn loại thịt nạc mét thuộc về

thịt âm, thông với khí của tạng Tỳ. Cho nên nói sự sung túc hiện ra ở bắp thịt âm.

Vị ngọt là vị của Tỳ, màu vàng là màu của Thổ, thuộc về khí thấp, loại âm, tức là hệ thống của Túc Thái âm. Do đó mới nói: bên ngoài thông với khí Thổ, mà không nói thông với khí của mùa nào.

Trong tất cả 5 tạng 6 phủ, buồng Mật là mối sơ dương, là mối đầu của Giáp Tý, là đầu mối chớm động. Do đó mà khí của buồng Mật bốc lên, thì tất cả khí của tạng phủ cũng theo đó mà bốc lên. Khi khí của buồng Mật chìm xuống, thì tất cả khí của tạng phủ cũng đều bị chìm xuống. Vì nó dẫn đầu cho 5 vận 6 khí như thế, cho nên mới nói: tất cả 11 quan năng đều lấy quyết đoán ở Mật. Đây chính là nghĩa ở đoạn 5 nói: "muốn tìm khí đến đều phải quy về ngày bắt đầu mùa Xuân".

Nhìn chung cả đoạn nầy tuy không thấy có gì mới lạ thêm, nhưng nếu ta thâm nhập sâu vào chỗ không lời ta thấy có những điểm đặc biệt như sau:

1. Tất cả năm tạng, tạng nào cũng có phần tinh thần, nhưng tại sao đây chỉ có tạng Tim, Gan và Phổi có nói đến mà thôi?

2. Tạng nào cũng có màu sắc, khí vị của nó nhưng tại sao đây chỉ nói đến tạng Gan và tạng Tỳ, còn ba tạng kia không có?

3. Tạng nào đều có phủ nấy, nhưng tại sao lại liệt cả năm phủ đều quy về cho tạng Tỳ?

4. Tạng có 5, phần tinh thần của tạng cũng có 5, phần sung túc cũng có 5, phần tinh hoa cũng có 5. Người ta đã có thể nương nơi phần tinh hoa mà biết được nội tạng; và người ta cũng biết được nội tạng và tinh thần là phần gốc, phần có trước; còn xác thân là phần sung túc là phần ngọn, phần có sau. Nếu nội tạng có nơi xảy ra chướng ngại, lẽ tất nhiên phần xác thân bên ngoài cũng có hiện sự chướng ngại, chướng ngại ấy dĩ nhiên là phải có quan hệ đến phần tinh thần không nhiều thì ít. Cũng như guồng máy tinh thần xảy ra chướng ngại tất nhiên nội tạng cũng như xác thân bên ngoài cũng phải có

xảy ra hiện tượng chướng ngại. Ngược lại giờ đây thử hỏi: khi thành phần bên ngoài xác thân có một vùng xảy ra chướng ngại, thì sự chướng ngại ấy có quan hệ gì trong nội tạng và tinh thần không? Thí dụ như: sung túc của Phổi ở ngoài là mặt da, giờ đây có một vùng mặt da bị chướng ngại như máu ở mặt da thiếu lưu thông chẳng hạn, thì sự thiếu lưu thông ấy có ảnh hưởng thế nào vào phần phách cũng như tạng Phổi?

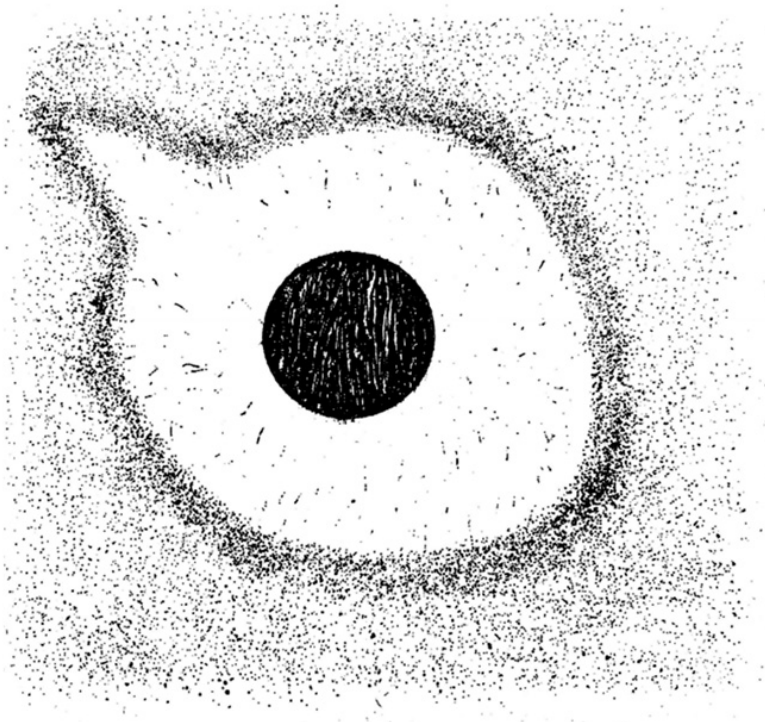
5. Bên trong Phổi, Tim, Gan, Tỳ, Thận có phách, thần, hồn, ý, chí; bên ngoài có da, mạch, gân, thịt, xương. Vậy thử hỏi tác dụng tinh thần 5 tạng bên trong đối với xác thân bên ngoài, tác dụng ấy cùng khắp hay không cùng khắp? Đây là 5 điểm đặc biệt nghi vấn trong đoạn nầy, để có dịp cho tất cả người đọc trầm ngâm suy nghiệm, nên chúng tôi nêu hết ra đây để cùng chung học hỏi.

BÌNH:

Người ta nói: sở dĩ mặt trời là khối lửa, là vì trên mặt trời rất giàu khinh khí. Người ta cũng nói: loài chim bay, sở dĩ bay được là tại trong xương nó rất giàu khinh khí. Và người ta cho rằng những cái biết ấy đều là những chuyện của thời kỳ văn minh cực thịnh, nghĩa là chuyện mới tinh khôi. Cho đến chuyện mới nhất gần đây mà các nhà thiên văn Âu Mỹ đang la lối, là tình cờ người ta bắt gặp bầu khí quyện của mặt trời giống hệt hình trái tim; nếu nhìn ở dưới nhìn lên ta thấy lệch về bên phải (xem hình hiện tượng hình ảnh quả tim trên mặt trời).

HÌNH 9.7: HIỆN TƯỢNG HÌNH ẢNH QUẢ TIM TRÊN MẶT TRỜI

mà thiên văn học ngày nay đã tình cờ bắt gặp



NỘI KINH đã từng nói: tạng Tim là tạng thuộc về tinh thần, là mặt trời ở trong thân, là Thái dương ở trong dương, thuộc hành Hỏa. Và cũng nói loài có cánh là loài thuộc Hỏa. Thế thì trước đây 5-6 ngàn năm có phải cổ nhân chưa biết gì hết về mặt trời và khinh khí hay không?! Hay là chúng ta bây giờ không biết cổ nhân đã biết vấn đề mặt trời và khinh khí?! Mỗi người chúng ta nên thử ngẫm nghĩ!

Người ta nói: nhờ khoa học vật chất tìm thấy khí khinh với khí dưỡng hợp nhau đúng một mật độ tương ưng, thì lập tức biến thành nước.

Trước đây 5-6 ngàn năm, NỘI KINH nói: "Tạng Tim nhờ tạng Phổi ở khí Kim thanh mát, tạng Phổi nhờ tạng Tim ở khí Hỏa ấm nóng". Và nói: "Phế Kim sanh Thận Thủy". – Thế là người xưa nhìn quả địa cầu nầy với một con người, tựa hồ như nhìn vào cái nồi tuần hoàn mà chúng tôi đã có dịp nhắc đến ở thiên thứ năm. Như thế tức là người xưa chưa biết gì hết về khinh khí hợp với dưỡng khí mà thành ra nước, hay là

người nay chưa biết rõ người xưa?! Đây cũng là một điều cần phải chiêm nghiệm.

Đoạn 9

PHIÊN ÂM:

Cố Nhơn nghinh nhứt thạnh bệnh tại Thiếu dương, nhị thạnh bệnh tại Thái dương, tam thạnh bệnh tại Dương minh, tứ thạnh dĩ thượng vi cách dương.

Thốn khẩu nhất thạnh bệnh tại Khuyết âm, nhị thạnh bệnh tại Thiếu âm, tam Thạnh bệnh tại Thái âm, tứ thạnh dĩ thượng vi Quan âm.

Nhơn nghinh dữ Thốn khẩu câu thạnh, tứ bội dĩ thượng vi Quan cách, Quan cách chi mạch, dinh bất năng cực ư thiên địa chi tinh khí, tắc tử hỉ.

DỊCH:

Cho nên mạch Nhơn nghinh(1) một thạnh là bệnh ở Thiếu dương, hai thạnh là bệnh ở Thái dương, ba thạnh là bệnh ở Dương minh, bốn thạnh trở lên là Cách dương(2).

Nếu mạch Thốn khẩu(3) một thạnh bệnh ở Khuyết âm, hai thạnh bệnh ở Thiếu âm, ba thạnh bệnh ở Thái âm, bốn thạnh trở lên là Quan âm(4).

Nếu Nhơn nghinh và Thốn khẩu đều thạnh bốn bội trở lên, là hiện tượng Quan cách(5). Nếu là mạch Quan cách, tức là vòng dinh dưỡng khí tinh hoa của trời đất bị đứt đoạn, thế là chết vậy.

CHÚ THÍCH:

(1) Nhơn nghinh: trong con mắt cổ nhân nhìn con người cũng như nhìn trọn quả địa cầu, vì thế mà con người được chia làm 3 tầng: từ chẽn vừng trở lên thuộc về pháp thiên, thuộc về dương; từ rún trở xuống dưới chân thuộc về pháp địa, thuộc về âm; quãng giữa từ rún lên chẽn vừng là quãng âm dương giao. Như thế cũng là nghĩa: nửa thân trở lên là dương, nửa thân trở xuống là âm, mà chính giữa là nơi âm dương giao nhau. Rồi một cách khác người ta phân: nửa thân bên trái là dương, nửa thân bên phải là âm.

Vì cách nhìn trên đây mà kỹ thuật khám phá bên trong con người của người xưa, về phần mạch cũng có ba chỗ quan hệ:

1- Trên đầu thì có động mạch ở hai bên cần cổ, ngang hạch trái cấm mỗi bên cách ra độ hai lóng tay. Trên kinh huyệt học thì đây là khu vực của huyệt Nhơn nghinh, cho nên mạch nầy cũng gọi là mạch Nhơn nghinh (ìnhhhxem hình động mạch hai bên cần cổ).

2- Động mạch xương lớn cổ tay thuộc về phía trong của hai bên cổ tay theo chiều đi thẳng ra ngón cái. Hai mạch nầy có khi gọi là Thốn khẩu, có khi gọi là Khí khẩu.

3- Ở dưới cổ chân có hai động mạch (xem hình động mạch hai bên cổ chân): một ở phía sau mắt cá trong độ một lóng rưỡi tay; hai ở phía trước cổ chân theo chiều quãng giữa ngón cái và ngón trỏ, chỗ lằn ngang giáp ranh của bàn chân và cổ chân. Phía sau thuộc vùng huyệt Thái khê, phía trước thuộc vùng huyệt Thái xung; cho nên người ta thường gọi chung là mạch Thái xung Thái khê. Vì thế mà mỗi khi khám bệnh, phần khám mạch người ta đều quan sát trọn cả ba phần mạch như đã nói ở trên, để sự nhận xét được mười phần chu tất.

Phân làm ba là phân theo thế Tam tài, nhưng ta nên nhớ tất cả đều nằm tròn trong hiện tượng âm dương và trong nguyên lý ***một là tất cả - tất cả là một***. Cho nên tuy chia làm ba phần,

nhưng mỗi phần đều có đủ tất cả. Do nguyên lý nầy mà dù động mạch ở cần cổ, hay động mạch ở cổ tay, ở cổ chân cũng đều phải đủ tất cả. Trên lý là như thế, nhưng trên sự thì nghĩa ***một là tất cả*** trong ba phần mạch như đã kể trên trong thực tế ta thấy chỉ có động mạch cổ tay là rõ rệt chính xác nhất, dù phân theo âm dương hay phân theo Tam tài cũng thế, vì là nó ở quãng giữa.

Bởi tất cả những lí do trên, nên danh từ "*Nhơn nghinh*" trong NỘI KINH phải bị hai nghĩa:

1- Để chỉ cho động mạch ở cần cổ.

2- Để chỉ cho động mạch ở cổ tay bên trái.

Vì sao thế? Vì động mạch ở cần cổ thuộc dương để khám ở phần dương, thì động mạch cổ tay bên trái cũng thuộc dương cũng để khám phần dương.

Hai chữ "*Nhơn nghinh*" trên theo nghĩa một của văn tự là người đón rước. Nhưng trong chiều sâu là để chỉ cho nghĩa ảnh hưởng ngoại lai thuộc về phần ngoài phần dương; vì thế mà bệnh ngoại cảm mạch tay trái hiện trước.

Danh từ "*Nhơn nghinh*" đặt vào trường hợp trong đoạn chánh văn trên đây thuộc về trường hợp so sánh. Cho nên nếu dùng nghĩa đem động mạch cần cổ so sánh với động mạch cổ tay, ta cảm thấy khó khăn hơn là đem động mạch cổ tay trái sánh với động mạch cổ tay phải. Vì sao thế? Vì đây là tìm thấy sự chênh lệch của âm dương. Điều nầy ta nên chín chắn thận trọng, đừng để bị kẹt vào bệnh nê trệ ở chữ lời, mà sai lạc mất nghĩa chánh.

Sở dĩ phải biện bạch dài dòng như trên, là bởi không biết bao nhiêu nhà bác học Trung Hoa kim cổ đều cãi nhau rùm lên về hai chữ "*Nhơn nghinh*" và "*Thốn khẩu*", mà vẫn chưa tìm thấy một ánh sáng quyết định đích thực của cốt tủy NỘI KINH. Điều nầy người đọc cứ bình tĩnh mà đi sâu trọn vẹn vào kho tàng, rồi tức khắc thấy được điều chúng tôi nói đây là chính xác.

(2) Cách dương: để chỉ cho phần dương bị ngăn cách cô lập không giao được với phần âm.

(3) Thốn khẩu: nếu không phân âm dương, thì nghĩa của hai chữ "*Thốn khẩu*" là để chỉ chung cho hai động mạch ở cổ tay. Vì hai động mạch nầy đều thuộc về kinh mạch của Thủ Thái Âm thuộc Phổi, là nơi mạch đại hội (đại hội là nghĩa thế nào sau nầy sẽ *rõ*). Nếu phân ra âm dương, thì bên trái là dương (*Nhơn nghinh*), bên phải là âm (*Thốn khẩu*). Do đó mà danh từ "*Thốn khẩu*" trong NỘI KINH cũng bị có hai nghĩa:

1- Để chỉ cho cả hai động mạch cổ tay.

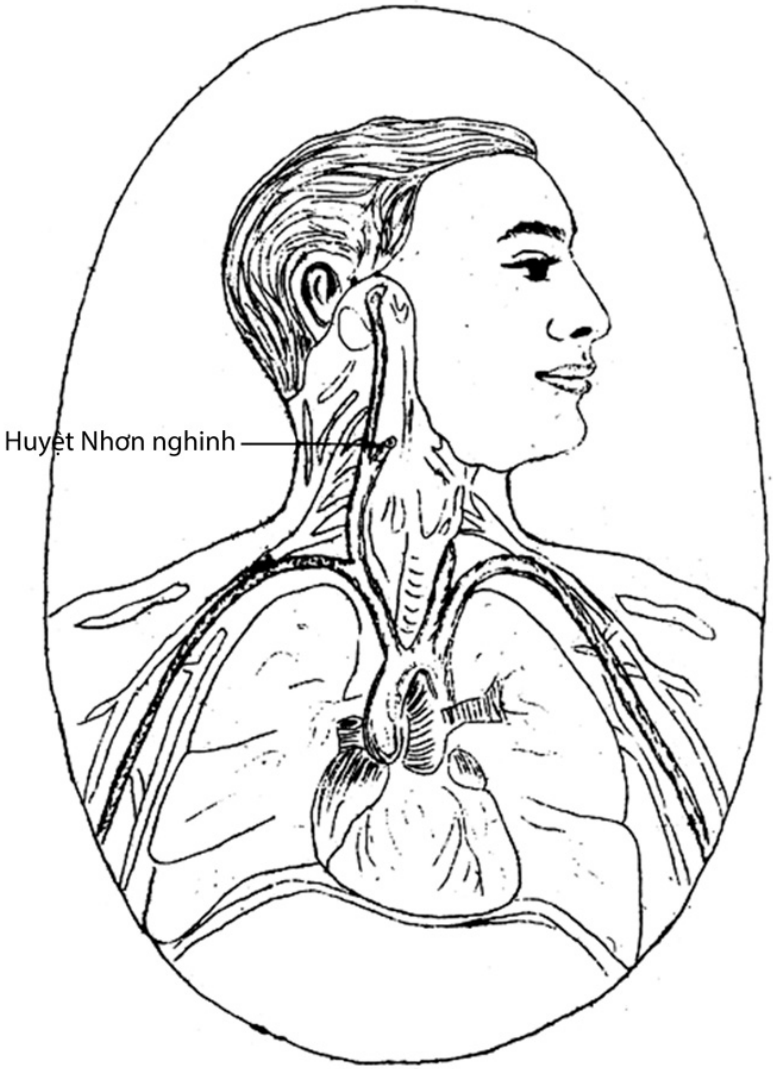
2- Để chỉ cho mạch ở tay phải.

Trong đoạn chánh văn trên đây thuộc về ý nghĩa so sánh âm dương, cho nên nghĩa của hai chữ "*Thốn khẩu*" ta cũng phải nên thận trọng mà hiểu theo nghĩa sống như hai chữ "*Nhơn nghinh*" đã nói trên, đừng để bị kẹt vào danh từ như các học giả xưa nay.

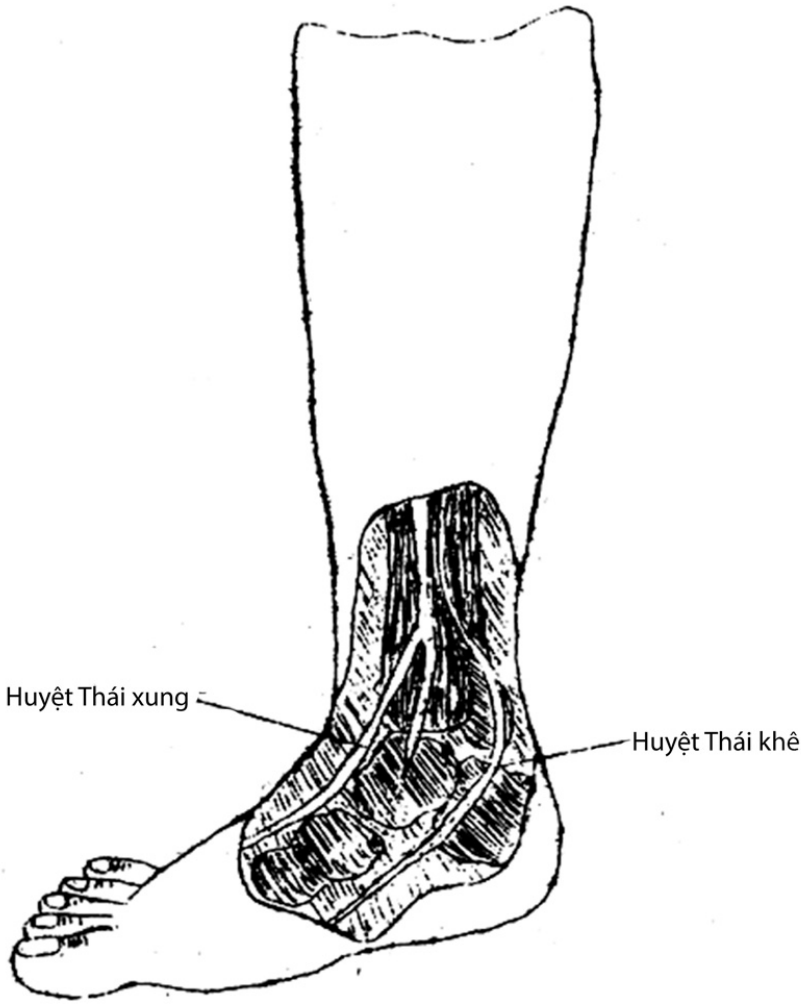
(4) Quan âm: "*Quan*" là đóng. "*Quan âm*" là phần âm đóng lại, tức là phần âm bị cô lập không giao được với phần dương, cũng như ở phần dương bị cách dương vậy.

(5) Quan cách: Âm dương cách biệt cắt đứt sự giao nhau.

HÌNH 9.8: ĐỘNG MẠCH HAI BÊN CẦN CỔ
và vị trí huyệt Nhơn nghinh



HÌNH 9.9: ĐỘNG MẠCH HAI BÊN CỔ CHÂN
và vị trí huyệt Thái xung, Thái khê



GIẢI:

Trọn cả đại ý đoạn chót nầy là để thu nhiếp cả 5 vận, 6 khí âm dương tận tự đầu thiên vào trong 6 hiện tượng mạch, và làm một cuộc so sánh để chứng minh cho ta thấy rằng: ngoài cõi thiên nhiên, hiện tượng âm dương thời gian không gian trong đồng nhất vẫn có trật tự biến hóa lưu thông, và chính con người cũng phải như vậy. Nếu trong con người xảy ra hiện tượng âm dương ly cách, vận khí không lưu thông, là sự sống

của con người phải đổ vỡ.

Nhìn trên mạch văn ta thấy đoạn nầy chỉ là những câu kết thúc của đoạn 8, mà luận giả đương một mạch diễn tiếp, nên khởi đầu bằng chữ "*cho nên*". Nhưng nếu ta có đọc kỹ trọn thiên, rồi mới thấy chữ "*cho nên*" nầy giá trị nặng bằng cả một bầu trời, mà cả vận khí âm dương đều được thu vào một điểm nhỏ xíu. Người đọc chớ nên xem thường.

Muốn thấu triệt đoạn nầy ta phải thấu triệt nghĩa chữ "*thạnh*" là gì? Tại sao mỗi phần chỉ có một thạnh, hai thạnh, ba thạnh mà thôi, và bốn thạnh trở lên là biến động? Và ngoài ra còn phải ôn lại cho rõ nghĩa của sáu danh từ Thiếu dương, Thái dương, Dương minh, Thái âm, Thiếu âm và Khuyết âm thì mới suốt được. Sáu danh từ nầy ta nên nhớ bên ngoài để đại biểu cho sáu khí của cõi thiên nhiên, bên trong cơ thể con người đại biểu cho sáu hệ thống từ tạng phủ kinh mạch và khí vệ trong con người mắc liền vào hệ thống của sáu khí bên ngoài. Cho nên sáu danh từ nầy, ngoài cõi thiên nhiên nếu áp dụng vào một ngày một đêm thì giá trị của nó cũng như nói: sáng, trưa, chiều; tối, khuya, sáng. Nếu áp dụng vào một năm tức là từ Xuân đến Hạ, rồi Thu rồi Đông.

Mỗi năm có 6 khí, 12 tháng; cho nên vào trong cơ thể cũng có 6 khí 12 kinh. Vì thế mà phải phân thành 6 khí, 3 âm 3 dương, 6 kinh thủ, 6 kinh túc để ứng hợp với 6 tháng dương, 6 tháng âm trong một năm. Điều nầy người đọc hãy xem kỹ đồ biểu "6 khí, 3 âm, 3 dương phân thủ túc thành 12 kinh mạch" ở thiên thứ sáu thì rõ.

Giá trị chữ "*thạnh*" ở đây chỉ có nghĩa là to hơn, nghĩa là đem hai tướng mà so sánh để thấy bên nào lớn bên nào nhỏ, bên nào lớn thì được dùng chữ "thạnh".

Đã căn cứ vào luật ly tâm hướng tâm của bầu khí quyện và sáu khí âm dương của trời đất, mà trong con người có 3 âm 3 dương. Thế là cả âm dương đều chỉ đến mức thứ ba là cùng cực. Dương đi ra đến mức cùng cực là phải trở vào âm, âm đi vào đến mực cùng cực là phải trở ra dương. Nếu không như thế, tức là sinh cơ đã bị gián đoạn.

Sinh lực trong con người thuận theo vòng vận chuyển của trời đất, khí dương bắt đầu từ bên dưới phía trái mà đi lên đến cùng cực, thì lại

phải chuyển sang bên phải đi xuống dưới mà vào trong.

Bên trái là dương, bên phải là âm. Thiếu dương là dương mới bắt đầu động, Thái dương là dương đến cùng cực, Dương minh là dương cùng cực rồi xuống dốc đang phản chiếu lại. Do đó nên khi quan sát mạch, nếu thấy mạch Nhơn nghinh, mạch cổ tay bên trái (mạch dương) to hơn mạch Thốn khẩu, mạch cổ tay bên phải (mạch âm) một bậc, tức là hiện tượng bệnh ở hệ thống Thiếu dương. Nếu to hơn hai bậc, là hiện tượng bệnh ở hệ thống Thái dương. Nếu to hơn ba bậc, là hiện tượng bệnh ở hệ thống Dương minh. Nếu to hơn nữa bốn bậc trở lên, tức là khí dương quá thạnh không liên lạc tương giao với khí âm, nên không có hiện tượng giao hòa, cho nên gọi là cách dương.

Khuyết âm là âm cực để sanh dương, là âm của Thiếu dương; Thiếu âm là âm còn nhỏ, là âm của Thái dương; Thái âm là âm rất to lớn, là âm của Dương minh. Như thế nghĩa là sao? Nghĩa là sáu tạng âm đối với sáu phủ dương. Cho nên ngược lại, nếu mạch Thốn khẩu to hơn Nhơn nghinh một bậc, tức là hiện tượng bệnh ở hệ thống Khuyết âm. Nếu to hơn hai bậc, tức là hiện tượng bệnh ở hệ thống Thiếu âm. Nếu to hơn ba bậc, tức là hiện tượng bệnh ở hệ thống Thái âm. Nếu to hơn nữa bốn bậc trở lên, tức là khí âm quá thạnh không liên lạc tương giao với khí dương, nên không có hiện tượng giao hòa, cho nên gọi là Quan âm.

Nếu cả hai hệ thống Nhơn nghinh và Thốn khẩu đều to hơn bình thường bốn bậc trở lên, tức là hiện tượng mạch âm dương ly cách; cho nên gọi là mạch Quan cách. Thế là vòng sinh lực khí tinh hoa trong con người đã bị đứt đoạn không ăn khớp với vòng tuần hoàn của trời đất nữa, thế là chết vậy.

Thế nào là mạch to hơn một bậc, hai bậc v.v.? Đây là một điểm nghi vấn rất quan hệ, mà tất cả chúng ta phải cùng nhau khám phá. Vì đây là đi sâu vào lãnh vực kỹ thuật. Trong bình thường hễ Xuân Hạ thì mạch phần dương bên trái hơi to hơn, thạnh hơn phần âm bên phải; Thu Đông thì ngược lại. Ngoài ra còn có những năm mà hoặc Xích hoặc Thốn bên trái bên phải tùy theo vận, mà có những bộ mạch không ứng rõ. Đó là một điều khác nữa, sau nầy sẽ rõ. Hơn nữa người nam thì mạch bên trái bình thường phải to hơn bên phải; còn người nữ thì ngược lại.

Chánh văn đã không nói to hơn một bậc là thế nào, chúng ta cũng không biết lấy đâu làm chuẩn. Nhưng trên thực tế trong kinh nghiệm, chúng tôi thường thấy sự chênh lệch ở hai mạch cổ tay trong trường hợp âm dương ly cách, chỉ thấy to hơn bình thường quá gấp đôi là cùng, chưa hề bắt gặp trường hợp nào to đến gấp ba. Ngược lại, nếu ta đem động mạch ở cần cổ mà so sánh với động mạch ở cổ tay, rất có nhiều trường hợp động mạch cần cổ to hơn động mạch cổ tay gấp bốn lần. Rồi cũng ngược lại, chúng tôi chưa hế thấy động mạch ở hai cổ tay to hơn động mạch ở cần cổ đến gấp ba bao giờ. Như thế nghĩa là sao? Nghĩa là chưa bao giờ thấy sự căng to tột bậc của động mạch ở cổ tay ăn nhịp với sự căng to tột bậc của động mạch cần cổ.

Để kết luận về ý nghĩa so sánh hiện tượng mạch âm dương to nhỏ chênh lệch, theo chúng tôi thì tinh thần của cổ nhân là tinh thần tâm học. Cho nên trong cuộc khám phá là phải nhập thần chớ không phải cái học đo lường của dụng cụ, tính toán của trí óc. Cho nên ta phải tùy theo triệu chứng bệnh tật cũng như hiện tượng mạch bình thường của từng cơ thể mỗi người, mà nhập thần rồi tự khắc thấy rõ, chớ không thể nào dùng một khuôn thước mà qui định một cách khẳng định cho được. Phương chi cái dễ thấy nhất trong thực tế hằng ngày, khi một người bị bệnh ngoại cảm là mạch bên trái phải to và thạnh hơn bên phải; ngược lại nếu bệnh nội thương mà là bệnh thiệt, thì bên phải to hơn bên trái. Thế là đã có dấu vết để cho ta theo dõi khám phá. Nay nếu chỉ nê trệ ở mạch khi bệnh biến, mà bỏ quên cách nhìn trọn vẹn một con người từ phần tinh thần, phần triệu chứng, cũng như phần hiện tượng mạch khi bình thường, thì cuộc khám phá của chúng ta không khỏi sẽ có nhiều sơ hở.

Chủ ý của đoạn nầy không phải cốt để dạy ta về phép khám bệnh, mà để nói lên cái nghĩa trong cũng như ngoài hễ thiếu lưu thông là không thể tồn tại. Cho nên trong đây chưa đề cập đến thế nào là hiện tượng mạch của bệnh ở kinh thủ hay kinh túc.

Một điều nữa cần phải lưu tâm: định vị trí mạch Nhơn nghinh và Thốn khẩu của ba nhà chú thích Trung Hoa là Trương Ẩn Am, Mã Nguyên Đài và Trương Cảnh Nhạc. Theo Trương và Mã thì quyết định là sự so sánh của mạch tay trái và tay phải; còn riêng Trương Cảnh Nhạc ở "NỘI KINH Loại Luận" thì lại quyết định cho rằng luận giả muốn nói: Mạch Nhơn nghinh là động mạch ở cần cổ thuộc dương để sánh với mạch Thốn khẩu là hai động mạch ở cổ tay thuộc âm. Nhưng ta hãy thử

nghĩ, chính trong NỘI KINH đã phân động mạch ở cổ là pháp thiên là dương, động mạch ở cổ chân là pháp địa là âm, còn động mạch ở cổ tay là pháp nhân là nơi âm dương giao nhau. Nay nếu nói: dùng động mạch ở cần cổ với động mạch ở cổ tay để so sánh âm dương, sao bằng ta hãy dùng động mạch ở cổ sánh với động mạch ở cổ chân có phải thiết thực hơn không? Té ra Trương Cảnh Nhạc mắc kẹt ở câu chữ "Nhơn nghinh là để khám phần dương, Thốn khẩu là để khám phần âm" trong thiên Tứ Thời Khí của phần Linh Khu. Đây cũng là một điều chúng ta cần nhận xét kỹ lại.

Về ý nghĩa của hai chữ "Quan cách" nói ở đây, chúng ta đừng lầm mang hai chữ "Quan cách" trong Thương Hàn Luận của Trương Trọng Cảnh mà xen vào. Vì sao thế? Vì Trương Trọng Cảnh căn cứ vào Bát Thập Nhất Nạn của Tần Việt Nhơn đã dùng hai bộ Thốn Xích mà so sánh âm dương, để cắt nghĩa hai triệu chứng bệnh tật là ói nghịch và bí đái. Không hiểu Trương Trọng Cảnh với Tần Việt Nhơn đều đã lầm nghĩa hai chữ "Quan cách" của NỘI KINH, hay là hai nhà ấy đã đồng ý tự lập ra một danh từ với một ý nghĩa riêng? Điều nầy sẽ còn diễn đàn chung nhận xét, mặc dù trong cuộc so sánh âm dương khi bệnh biến cũng có thể dùng hai bộ Xích Thốn mà so sánh được. Nhưng có một điều chúng ta có thể biết được chắc chắn là danh từ Quan cách của NỘI KINH nói đây, không phải để diễn tả một triệu chứng bệnh tật, mà là để chứng minh cho hệ thống 6 khí âm dương tương giao bị đứt nối ly khai không thừa tiếp nhau nữa. Nếu quả cả Trương Trọng Cảnh, lẫn Tần Việt Nhơn đều lầm ở điểm nầy, thì thật là đáng tội với NỘI KINH lắm lắm!

BÌNH:

Nếu cả hiện tượng âm dương không gian thời gian, 5 vận 6 khí ngoài cõi thiên nhiên, đều có thể thu nhiếp được hết vào hiện tượng của ba bộ mạch ở đầu ngón tay. Thế là khắp cõi bao la không thể tìm lấy một khe hở không ngơ không ngớt như là thế gian thường tưởng tượng. Thế mới biết: khi bị cái Tôi nó đóng chuồng lại làm cho vướng kẹt vào hiện tượng giác quan, thì dù cho tạng phủ của tôi đi nữa cũng chẳng qua là những khối từ cục từ cục riêng tư. Lẽ tất nhiên trong vô hình phải đẻ ra những bọn đầu cơ danh từ bác sĩ, để cắt nghĩa với tôi rằng: Tử cung với Bao tử không dính dấp gì nhau. Và trong một thân, tử cung với bao tử còn không dính dấp gì nhau, thì tôi với anh em tôi, với cha mẹ tôi, với tất cả những

người hàng xóm láng giềng, với hết thảy những hiện tượng ngoài tôi có dính dấp gì với tôi đâu! Thế là mầm mống tàn hại mê tin vốn đã tiềm phục sẵn trong lòng tôi. Hoặc có thể được, muốn ít cực nhọc hơn, tôi khai sinh ra một đấng chủ tể nào đó hầu bịt mắt một số đông loài người, để cuộc sống của tôi được thoả mãn một đời huy hoát cũng được. Đối với anh em ruột thịt của tôi cũng như đối với tất cả loài người lẫn nhau mà tôi còn như thế, thì đối với tất cả các loài động vật khác tôi cũng khỏi phải bàn, đừng nói chi đến cả cái bao la bên ngoài. Nhưng cũng rất mâu thuẫn thay: một mặt tôi vừa nhận ra được hình như cả cái bao la nầy vốn không có kẽ hở, nên tôi phát minh được nào là phi thuyền vượt không gian, nào là đài vô tuyến truyền hình v.v. ngược lại ở một mặt khác, lúc nào tôi cũng bâng khuâng sợ hãi, hình như là có một sức mạnh trong vô hình nào ấy đang điều động toàn cõi bao la, lúc nào cũng dòm dõi vào tôi để mà kiểm soát. Vì thế nên trong một lúc mà tinh thần tôi có cả hai mầm mống là vừa tàn hại mà cũng vừa mê tin. Cho nên cái khoa học của tôi chủ trương chỉ là một thứ khoa học mê tin và làm loạn, hiểu biết của tôi chỉ là một thứ u mê thông thái. Thế mới biết: khi bị cái Tôi nó đóng chuồng, giác quan đóng khung thì dù cho xưa nay anh hùng hào kiệt, vua chúa phụ mẫu chi dân, bần cùng hạ tiện, khố rách áo ôm, Nam Bắc Đông Tây khác nhau chăng nữa, cũng chẳng qua chỉ là những tay sát nhân bằng cách nầy hay bằng cách khác trên bãi chiến trường muôn ngàn tệ bạc hơn các động vật khác, chớ chưa hề có chút tình thương chân thật nào cả.

Lời giải toàn thiên

Tóm lại, nếu ta phóng vọt tầm mắt mà nhìn rộng ra các thiên khác, thì ta sẽ thấy chiều rộng của thiên nầy bắt nguồn tận tự thiên đầu và mở lối cho tất cả những vấn đề quan trọng trong những thiên sau, mà NỘI KINH là một kho tàng Dịch học thực chứng thực ngộ. Còn về phần chiều sâu kín đáo ngoài lời, thì sở trường của luận giả là mở ra thật rộng thật to, thu vào thật hẹp thật nhỏ đến mất tăm dạng nhưng đâu đó vẫn trật tự phân minh, và tất cả đều qui về con người để nối liền với cái chuôi tịch diệt ly ngôn tự chứng tự nhập vậy. Cho nên toàn ngôn ngữ của NỘI KINH chú trọng về phần không chữ ngoài lời hơn là ngôn ngữ văn tự. Vì thế mà mỗi câu mỗi chữ đều có một ý nghĩa sâu rộng lạ kỳ không thể dựa vào một thứ tự điển nào để đóng khung một cách khẳng định được cả. Điều nầy hết thảy chúng ta đều phải nên tâm lãnh thần hội, thì tinh

hoa của NỘI KINH mới mong có cơ khai thác hết được. Cho nên đối với tinh thần NỘI KINH: không thấu suốt được cái Tôi là không thể có trực nhập vào cái đạo Vô vi, mà đã trực nhập vào cái đạo Vô vi là phải thấu suốt cái Tôi. Thế là thấu suốt cái Tôi với trực nhập vào cái đạo Vô vi vốn không phải là hai việc, và dù nói tràng giang đại hải hay im lìm không có một chữ nào đối với NỘI KINH vốn là bình đẳng, chỉ có chúng ta nhận ra hay không nhận ra mà thôi.

Lời bình toàn thiên

"LỤC TIẾT TẠNG TƯỢNG" nghĩa là tất cả đều là hiện tượng:

– Tất cả đã là hiện tượng, cho đến chính mình cũng là hiện tượng, vậy cái gì không phải là hiện tượng?

– Hết thảy hiện tượng đều là tổ hợp, vậy cái gì là không phải tổ hợp?

– Hết thảy hiện tượng tổ hợp đều là vô thường, vậy cái gì thường?

– Hết thảy hiện tượng đều là hiện tượng, không phải là một thứ vật chất chết tê, vậy cái gì là vật chất ?

– Hết thảy hiện tượng đều không phải tâm, vậy cái gì là tâm?

– Hết thảy hiện tượng đều là huyễn hoá không thật, vậy cái gì là thật?

– Nhìn ra hết thảy đều có trong có ngoài, vậy làm sao để không có trong không có ngoài?

Cấm suy nghĩ tính toán! Cấm suy nghĩ tính toán!

Gióng trống khảy Tỳ bà,

Phàm thánh hội một nhà.

Trai gỗ biết gõ nhịp,

Gái đá biết pha trà.

Mây vẹt trăng vằng vặc,

Xuân về vạn cỏ hoa.

Trí óc tìm tòi khắp,

Manh mối dễ đâu mà!!!

Toàn bộ NỘI KINH có hai phần để tiêu biểu cho hiện tượng âm dương biểu lý. Mỗi phần có 9 quyển, tổng cộng có 81 thiên; thế là 9 nhân 9 vậy. Và thiên nầy là thiên thứ 9, hết quyển thứ nhất, mà chính trong thiên nầy cũng là thiên nói về 9–9; thế là trong 9 lần 9, đây là một cái 9 thứ nhất. Thế là, đây cũng là một cái thắt thứ nhất để thu nhiếp tất cả những vấn đề: Thái cực, Lưỡng nghi, Tam tài, Tứ tượng, Ngũ hành, Lục khí, vũ trụ, nhân sinh, tâm lý, vật lý, sinh lý, văn hóa, giáo dục, triết học, y khoa vào trong một cái túi thông đạt quán xuyến, mà cũng là chấm dứt một giai đoạn kiến trúc xong từng nền tảng thứ nhất của một đài cửu trùng kỳ quan cổ kính.

THIÊN THỨ CHÍN

- HẾT -